

佛說大乘無量壽 莊嚴清淨平等覺經

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ
Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh

菩薩戒弟子鄆城夏蓮居會集各譯敬分章次

Bồ-tát giới đệ tử Vận Thành Hạ Liên Cư hội tập và kính chia thành chương mục

Việt dịch: Tỳ-kheo Bồ-tát giới Thích Thiện Trang kính cẩn dịch

Đạo tràng Tịnh Độ tông Chúng Cư Sĩ Diêu Âm kính cẩn chú thích và biên tập

(Song ngữ chữ Hán & âm Hán Việt)



Người niệm danh hiệu “**A Mi Tuo Fo**” xưa nay đều được vãng sanh Cực Lạc

Người niệm danh hiệu “**A Mi Đà Phật**” xưa nay đều được vãng sanh Cực Lạc

Người niệm danh hiệu “**A Di Đà Phật**” xưa nay đều được vãng sanh Cực Lạc

Người niệm danh hiệu “**Amida Butsu**” xưa nay đều được vãng sanh Cực Lạc

Người niệm danh hiệu “**Amita Bul**” xưa nay đều được vãng sanh Cực Lạc

Người niệm danh hiệu “**Amitābha Buddha**” xưa nay đều được vãng sanh Cực Lạc

NHẤT TÂM THÀNH KÍNH NIỆM PHẬT

NGAY MỘT ĐỜI NÀY VÃNG SANH CỰC LẠC VIÊN MÃN THÀNH PHẬT

TÙNG LÂM PHÁP YẾU

(Đức Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam - Đại lão hòa thượng Thích Phổ Tuệ)

1. Tùng lâm (nơi chúng xuất gia tu hành): lấy thanh nhàn làm hưng thịnh
2. **Tu hành: lấy niệm Phật làm ổn đáng**
3. Tinh tiến (Tinh-tấn): lấy giữ Giới (giữ Giới-luật) là thứ nhất
4. Tật bệnh: lấy bớt ăn là thang thuốc
5. Trên phiên não: Nhãn-nhục là Bồ-đề (Bồ-đề là tâm giác ngộ)
6. Trái phải (đúng sai): không biện bạch là giải thoát
7. Giữ chúng: bậc lão thành là chân tình
8. Làm việc: lấy hết lòng là có công
9. Lời nói: cốt ngắn gọn và dứt khoát
10. Lớn nhỏ: lấy từ hòa để tiến đức
11. Học hỏi: lấy cần tập (cần cù siêng năng tu tập) là cửa vào
12. Nhân quả: lấy rõ ràng là không lỗi
13. Già chết: lấy vô thường để nhắc nhở
14. Việc Phật: lấy tinh nghiêm là thiết thật
15. Đãi khách: lấy chí thành là cúng dàng (cúng dường)
16. Sơn môn: bậc kỳ cựu là trang nghiêm
17. Công việc: lấy dự bị là không mệt
18. Cư xử với chúng: nhún nhường (khiêm hạ) là có lý
19. Qua hiểm nguy không rối loạn: là sức định
20. Cứu giúp: lấy từ bi là cội gốc./.

Chú thích: Đại lão hòa thượng Thích Phổ Tuệ thế danh là Bùi Văn Quý, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1917 tại thôn Phùng Thiện, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; 6 tuổi xuất gia tại chùa Quán, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; 8 tuổi thọ Sa-di giới; 20 tuổi thọ Đại giới Tỳ-kheo và Bồ-tát giới tại Đại giới đàn chùa Bút Tháp ở huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Hiện tại (2021), Ngài được 104 tuổi, thường trụ tại Viên Minh Tự (chùa Giáng) ở huyện Phú Xuyên, thủ đô Hà Nội. Ngài tu pháp môn Tịnh Độ, là một bậc Cao Tăng đức hạnh của Việt Nam.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Những ngôn giáo của Đại lão hòa thượng Thích Phổ Tuệ rất giống với những lời dạy trong bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ và bài giảng Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão hòa thượng Ân sư Thượng nhân Thích Tịnh Không; thân giáo của Ngài gần giống với Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền đã vãng sanh Cực Lạc năm 2013 lưu lại nhục thân Kim Cang bất hoại. Ngài lấy Giới-luật làm thầy, lấy khổ làm thầy, tinh tấn niệm Phật, làm ruộng nuôi thân, giữ tâm chân thành thanh tịnh bình đẳng chánh giác từ bi, có đại Trí-huệ, tùy duyên hóa độ vô lượng chúng sanh, hương thơm đức hạnh bay xa cảm hóa vô số người. Ngài vì Phật Pháp vì chúng sanh, không có một chút tâm tự tư tự lợi, hết lòng hiếu thuận với Phật, tôn kính và nhớ ơn thầy tổ.

* **“Suốt đời tôi chỉ mong được niệm Phật, cầu Kinh, không mong cầu danh lợi.** Tôi tự thấy mình chưa có công đức gì nhiều đối với Giáo hội, nhưng các vị trong Giáo hội nước ta lại ép đưa tôi lên ngôi Pháp chủ. Lẽ ra, ngôi vị Pháp chủ chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có đầy đủ phúc đức trí tuệ nắm giữ. Miễn cưỡng ngồi lên ngôi cao, đó không phải là phúc mà là cái họa cho chúng tôi. Xin các vị đừng gọi tôi là Pháp chủ mà hãy cứ nhìn tôi như một lão Tăng thanh bần sống trong ngôi chùa làng là tôi mãn nguyện.”

* **“Trong chùa không nên có tiền! Tôi không ở gần tiền được!”**

* **“Mình giảng dạy tín đồ mà không có Giới - Định - Tuệ thì giảng dạy ai?”**

* **“Tôi không có bí quyết gì. Tuổi thọ không phải là thước đo giá trị con người. Vấn đề là sống để thực hiện sứ mệnh gì, mang lại lợi ích gì cho đời cho Đạo. Ngài Trần Nhân Tông chỉ ở đời có 51 năm, Ngài Pháp Loa có 47 năm mà công nghiệp thì bất khả tư nghì. Tôi trụ thế đến nay đã 99 năm, ở chùa 94 năm, thụ Đại giới được 78 năm, nghiệp là tu hành, nuôi thân thể chủ yếu bằng nghề làm ruộng, chưa từng dám lạm dụng một bát gạo, một đồng tiền của tín thí thập phương. Khi nào chư Phật chư tổ cho gọi thì về thôi!”**

* **“Tôi ở đây là để giữ gìn nghiệp tổ để lại. Gần trăm năm xuất gia tu hành, tôi cũng chưa từng đến nơi phen hoa đô hội, chưa xuất ngoại lần nào, quen ở nơi vắng vẻ.”**

* **“Sự học (tu học Phật Pháp) đâu cần chùa to, cảnh lớn. Chùa to, giảng đường đẹp, phòng ốc sang dù sao cũng chỉ là phương tiện; còn linh hồn của nó là thầy và trò trong quan hệ tu tập và hành trì”.**

* **“Su (chúng xuất gia) là khuôn mẫu mô phạm của loài người, chí ít là trong một cộng đồng người. Nếu không có đạo hạnh, không có trí tuệ thì lấy gì mà dạy người? Lấy gì làm gương tốt để mọi người noi theo?”**

* **“Nay có ai đó (chúng xuất gia và chúng tại gia) xao nhãng tu học (Phật Pháp) mà chạy theo danh lợi phàm tình, xuống cấp đạo hạnh, bị thế gian chê cười,**

pháp luật và Phật luật can thiệp thì với bản thân mình tất phải chịu quả báo; đồng thời các cá nhân và tổ chức có liên quan cũng phải cộng nghiệp chịu trách nhiệm liên đới vì dạy không nghiêm, quản không chặt”.

* “Gần như cả cuộc đời tu hành của tôi là kinh qua (trải qua) các cuộc chiến tranh, pháp nạn (kiếp nạn của Phật Pháp). Những năm kháng chiến chống Pháp, toàn bộ sơn môn bị giặc Pháp đốt hết; cứ dăm bữa nửa tháng chúng lại đến càn quét, đốt phá. Làng mạc điêu tàn, chùa chiền sụp đổ. **Nhưng tôi xác định: nếu không bám trụ kiên trì ở lại, không duy trì thì tan nát hết! Cho dù biết rằng ở lại có thể chết, mà ra đi như một vài huynh đệ của tôi thì cũng không thể quay về. Mỗi lần chạy loạn đi đâu thì tôi cũng luôn mang theo bên mình những tài sản tinh thần lịch sử của chư tổ, thà chết chứ tôi cũng giữ!** Vì vẫn tin rằng rồi sẽ có cơ phục hồi.”

* “Hòa bình lập lại ở miền Bắc, mình tôi trở về nhìn cảnh tan nát mà lòng xót xa, nhưng phải xây dựng lại để nối dòng sơn môn Đa Bảo. Những năm đầu, người ta tổ chức cho dân đi các khu kinh tế mới. Dân ở lại cũng toàn người nghèo, ai cũng phải bươn chải để kiếm sống, làm gì có tiền hay lương thực đem đến cúng chùa. **Chúng tôi tự cày cấy làm ăn, đồng thời tham gia các công việc xã hội, việc làng nước. Tôi trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp bình dân học vụ, rồi hộ đê, cứu đê, chống lũ lụt. Việc gì tốt thì làm!**”

“**Tu (hành) là gì? Là sửa chữa những tai hại, sai lầm (của thân - khẩu - ý) cho mình và cho người.** Việc uống bia rượu, sống xa hoa với người tu hành (chúng xuất gia và chúng tại gia) là không nên. Người xuất gia nếu không dụng công tu tập thì chỉ là người thê tục ở chùa. Kính mong quý vị Tăng Ni nếu thấy mình không có đủ sự tinh tấn tu trì thì nên xả giới hoàn tục, kéo lê chung đọa vào ba nẻo ác!”

Chú thích: Thiền phái Trúc Lâm (竹林禪派) là một dòng thiền Việt Nam hình thành từ thời nhà Trần, dòng thiền này có 3 vị tổ sư: Sơ tổ Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308), Nhị tổ Pháp Loa (1284-1330), Tam tổ Huyền Quang (1254-1334). Trúc Lâm Sơ tổ lên ngôi vua năm 21 tuổi (1279), tuy ở ngôi vua nhưng Ngài vẫn giữ mình thanh tịnh học Phật. Thường ngày, Ngài đến chùa Tư Phước trong đại nội để tu hành; một hôm, trong lúc nghỉ trưa, Ngài thấy trong rốn mọc lên một hoa sen vàng to bằng bánh xe, trên hoa sen lại hiện ra đức Phật vàng; rồi có người đứng bên cạnh chỉ vào Ngài và nói: “Biết đức Phật này chăng? Chính là đức Biên Chiếu Phật!”. Trong “Thánh đăng lục” có ghi: “Tháng 10 năm Kỷ Hợi niên hiệu Hưng Long thứ bảy (1299), Ngài đi thẳng vào núi Yên Tử, siêng năng chuyên lo tu hành, sống theo mười hai hạnh đầu-đà, tự lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu-Đà”. Trúc Lâm Sơ tổ hoàng dương Phật Pháp, đi khắp nơi để giáo hóa dân chúng, khuyên dân chúng từ bỏ dâm dục, dạy dân chúng thực hành mười điều thiện (Thập thiện nghiệp trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo); vì dân chúng hành thập thiện nên cảm ứng được cuộc sống con người rất hạnh phúc. Mười hai hạnh đầu-đà là tu mười hai khổ hạnh mà Phật dạy.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

**Kinh Phạm Võng dạy hai trọng giới: “Không làm giặc quốc gia!
Không nói xấu tất cả người lãnh đạo hành chính của quốc gia!”**

Kinh Anh Lạc dạy hai trọng giới: “Không trốn thuế! Không vi phạm pháp luật quốc gia!”

Phật dạy bốn giới trọng này, dù là đệ tử Phật tu hành tại gia hay xuất gia đều phải tuân thủ!

- Trích lục ý nghĩa từ lời khai thị của Ân sư Thích Tịnh Không -

Có đồng tu hỏi tôi một vấn đề: “Hoạt động tập trung đông người đi vòng quanh thành phố niệm Phật có đúng pháp không?”. Tôi nói với mọi người: “Không đúng pháp!”. Vì sao không đúng pháp? Quý vị làm trái với pháp luật của quốc gia là không đúng pháp.

Trong Kinh Phạm Võng, Đức Thế Tôn có nói hai điều giới trọng: “不作國賊，不謗國主”。[Dịch âm Hán Việt: “Bất tác quốc tặc! Bất báng quốc chủ!"]. Dịch nghĩa: “Không làm giặc quốc gia! Không nói xấu quốc chủ!”] Quốc chủ tức là Chính phủ và quan chức các cấp của Chính phủ; trong một huyện thì trưởng huyện là quốc chủ; trong một xã thì trưởng xã là quốc chủ; trong một nước thì Chủ tịch nước là quốc chủ. Nên quốc chủ ở đây là bao gồm tất cả người lãnh đạo hành chính của đất nước; dù họ có lỗi cũng nhất định không được nói, không được phỉ báng họ. Vì sao vậy? Họ cần sự tôn nghiêm, họ cần có niềm tin của quần chúng. Nếu quý vị phỉ báng họ thì giống như quý vị phỉ báng niềm tin của quần chúng, đó là tội lỗi rất nặng!

Trong Kinh Anh Lạc cũng có hai câu nói: “不漏國稅，不犯國制”。[Dịch âm Hán Việt: “Bất lậu quốc thuế! Bất phạm quốc chế!"]. Dịch nghĩa: “Không trốn thuế! Không phạm quốc chế!”] Quốc chế tức là pháp luật của quốc gia.

Tập trung đông người đi vòng quanh thành phố niệm Phật, pháp luật quốc gia không cho phép điều này. Tập trung đông người đi vòng quanh thành phố, điều này pháp luật không cho phép mà quý vị thực hiện là phạm pháp rồi. Nên (tôi) hy vọng đồng học chúng ta (nếu) có hoạt động Phật sự thì nhất định phải tuân theo pháp luật của quốc gia. Một nhóm người làm nhiều loạn xã hội (mà) lại là đệ tử nhà Phật thì càng không thể chấp nhận.

Trong quá khứ, tôi không biết (nên) đã từng làm một hoạt động ở quê nhà, là (thực hiện) văn hóa truyền thống. Quan chức Chính phủ đã nói với tôi: “Trong pháp luật không có điều này, không cho phép làm như vậy!”; bảo chúng tôi đình chỉ (thì) chúng tôi liền đình chỉ; bảo chúng tôi giải tán thì chúng tôi liền giải tán. Quan chức

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chính phủ thấy chúng tôi vâng lời như vậy (thì) họ thấy lạ, liền hỏi tôi: “Tại sao các người rất vâng lời như vậy?”. Chúng tôi nói: “Chúng tôi là đệ tử Phật, mà điều quan trọng nhất của đệ tử Phật là phải nghe theo giáo huấn của lãnh đạo!”

Nếu quý vị muốn tiến hành những hoạt động ấy thì quý vị cần đến ban tôn giáo, tôn giáo có liên quan và an ninh của địa phương; phải được những nơi ấy đồng ý thì quý vị mới không phạm quốc chế. Nếu Chính phủ không đồng ý mà quý vị vẫn làm thì đó gọi là phạm quốc chế.

Hy vọng đồng học Tịnh Tông ghi nhớ: Nhất định không được vi phạm pháp luật của quốc gia, phải tuân theo (pháp luật của quốc gia), không nên tiến hành những hoạt động mà Chính phủ không cho phép. Như những cơ sở ngoài tôn giáo tiến hành những hoạt động tập thể thì Chính phủ cũng không muốn thấy như vậy.

Tại sao quý vị lại làm trái với Chính phủ? Làm trái với Chính phủ tức là đại bất kính! Bất kính với ai? Là bất kính với Phật! Bất kính với Kinh Phạm Võng! Phật đã dạy trong Kinh mà sao quý vị vẫn phạm!

Khi tôi còn trẻ, lần đầu đến Đài Trung học Phật, lão sư Lý (Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam – vị thầy thứ 3 của Ân sư Thích Tịnh Không) liền đem bốn câu đó nói với tôi. Kinh Phạm Võng nói: “Không làm giặc quốc gia! Không nói xấu quốc chủ!”; Kinh Anh Lạc nói: “Không trốn thuế! Không phạm pháp luật; là bốn giới trọng (mà) đệ tử Phật tại gia (và) xuất gia đều phải tuân thủ.

(Trích lục từ bài giảng “Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú” năm 2018 - Tập 09 do Đại lão hòa thượng Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng - Dịch giả: Thích Thiện Trang)

Chú thích:

* Trong bộ Kinh Phạm Võng, **Thích Ca Mâu Ni Phật giảng rằng Ngài đã tu thành quả Phật viên mãn (Diệu Giác) từ rất lâu và lần đến thế gian này thị hiện 8 tướng thành Đạo làm Phật vào 3000 năm trước là lần thứ 8000** (chưa tính ở các thế giới khác). Cho nên, Thích Ca Mâu Ni Phật không phải là vừa mới thành Phật qua.❄

* **Phật giáo Hòa Hảo** là một tông phái Phật giáo Đại-thừa ra đời tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang) do Đại cư sĩ Huỳnh Phú Sổ (1920 - 1947) thành lập vào năm 1939; tu hành tại gia và tông chỉ là “Học Phật - Tu Nhân”, đặc biệt chú trọng pháp môn Tịnh Độ. Từ lúc Phật giáo Hòa Hảo thành lập đến nay, có không ít đồng tu Tịnh Độ thuộc Phật giáo Hòa Hảo niệm Phật cầu sanh Cực Lạc đã biết trước ngày giờ vãng sanh Cực Lạc hiện tướng lành hy hữu.❄

* **Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội** là một tông phái Phật giáo Đại-thừa do Đại cư sĩ Nguyễn Văn Bông (1886 - 1957) thành lập; tu hành tại gia và tông chỉ là “Phước - Huệ song tu”, đặc biệt chú trọng pháp môn Tịnh Độ, thành lập các phòng thuốc nam từ thiện.❄

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

PHÁP LUÂN CÔNG CHẮC CHẴN KHÔNG PHẢI PHẬT GIÁO!

Tôi lần này tại Úc Châu (Australia), có mấy vị đồng tu ở Houston đến Úc Châu tham vấn, mấy ngày trước họ nói với tôi rằng Pháp Luân Công bên đó cũng đã mua một Đạo tràng ở lâu phía trên Tịnh Tông Học Hội của họ. Tịnh Tông Học Hội ở lâu một, Pháp Luân Công mua ở lâu hai nên các vị đồng tu này vô cùng sốt ruột đến hỏi tôi phải làm thế nào? Chúng ta có nên chuyển đi hay không? Có một số người đề nghị phải chuyển đi, không nên ở chung với họ; có một số người nói chúng ta ở đây đã nhiều năm rồi, họ vừa mới đến việc gì chúng ta phải chuyển đi? (Họ) bàn tán xôn xao và đến hỏi tôi. Tôi cũng đặc biệt bỏ ra hai giờ đồng hồ nói với họ một chuyên đề là “Thỉnh Chuyển Pháp Luân, Thỉnh Phật Trụ Thế”, nói rõ trong Phật giáo (thì) pháp luân rất cuộc có ý nghĩa là gì. Mọi người hiểu rõ ràng, sáng tỏ rồi thì tự nhiên sẽ vạch rõ giới tuyến với Pháp Luân Công thôi!

Pháp Luân Công chắc chắn không phải Phật giáo, cái đạo lý này nhất định phải hiểu. **Tông phái Phật giáo rất nhiều, vậy có thể dựng nên một tông phái mới không? Đương nhiên có thể! Nhưng tông phái Phật giáo chắc chắn phải tuân thủ một nguyên tắc là phải dựa vào kinh luận Phật giáo mà tu học, điều này bất kỳ tông phái nào cũng phải tuân theo.** Pháp Luân Công tu học theo bộ kinh nào của kinh luận Phật giáo vậy? Không có! Cho nên nó không thuộc vào Phật giáo, nếu thuộc Phật giáo thì nhất định dựa theo kinh luận Phật giáo, nhất định dựa theo tông cương lĩnh tu học của Phật giáo, điều này không thể vi phạm. **Tổng cương lĩnh Phật pháp là tam học Giới - Định - Huệ; nếu như không dựa theo cương lĩnh này thì đây không phải Phật giáo.**

Họ tự xưng Phật giáo, đó là phạm pháp, đó là điều không được phép.

Tịnh Độ tông đã thành lập ở Trung Quốc là dựa vào Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh Phật Thuyết A Mi Đà, ngoài ba bộ kinh này còn có một luận là Luận Vãng Sanh của Bồ-tát Thiên Thân; nên Tịnh Độ tông được thành lập có căn cứ. Chúng ta dựa theo cảnh giới, phương pháp, lý luận của mấy bộ kinh này mà tu học, đây là Phật giáo chính quy. Tổ sư đại đức đời sau lại bổ sung thêm hai bộ kinh, cho nên hiện nay Tịnh Độ tông có năm kinh một luận. Kinh bổ sung thứ nhất là Phẩm Hạnh Nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Cư sĩ Ngụy Mặc Thâm là người thời (triều đại vua) Hàm Phong đời Thanh đã đem Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thêm vào phần sau tam kinh, vào thời đó gọi là bốn kinh một luận. Cho nên chúng ta xem bản khắc gỗ Tịnh Độ Tứ Kinh của thời xưa, bạn mới hiểu được bốn kinh này vì sao mà có. Đến năm đầu Dân Quốc, Ấn Quang Đại Sư (vị Tổ sư thứ 13 của Tịnh Độ tông) đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông ở trong 25 viên thông của Kinh Lăng Nghiêm tiết lược ra phụ lục vào phần sau bốn kinh gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Đây là kinh điển chính quy, không phải do người nào bịa đặt ra, những kinh điển này trong Đại Tạng Kinh vẫn có. Chúng ta cần phải hiểu rõ, phải làm sáng tỏ.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Pháp luân thời Phật Thích Ca Mâu Ni là xây dựng nên xã hội giáo dục đa nguyên văn hóa, dùng cái này làm tiêu chí.



(Biểu tượng Pháp Luân trong Phật giáo kèm biểu tượng chữ Vạn và biểu tượng Hoa Sen)

Ý nghĩa của hình tròn (Luân) là để khi người ta nhìn thấy phù hiệu này, tiêu chí này liền có thể giác ngộ. Tiêu chí Phật pháp thường hay dùng có ba loại dùng phổ biến nhất: thứ nhất là Luân (Pháp Luân); thứ hai là Hoa Sen; thứ ba là chữ Vạn. Chữ Vạn thường tương đối ít dùng, chữ Vạn là đại biểu cho Kiết Tường, tu học Phật pháp thì kiết tường như ý, tự tại vô ngại, là có ý này. Nhưng ở trong đây ý nghĩa thật sự viên mãn nhất là Luân. Luân đại biểu cho điều gì vậy? Không và Có không hai, Không và Có như một. Bạn thấy Luân là hình tròn, tâm hình tròn là Không (Tĩnh), chu vi là Có, chu vi là Động. Ngoài ra, Luân còn đại biểu cho Động và Tĩnh không hai, tâm là tĩnh, tâm là không. Các bạn thử nghĩ ở trong cái gì có thể thấy được Động (và) Tĩnh là một, Không và Có là một? Chỉ có hình tròn! Cho nên Phật dùng cái này làm tiêu chí. Đại biểu cho điều gì vậy? Đại biểu cho việc giáo dục trong đời này của Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật dạy cho chúng ta điều gì vậy? Là dạy cho chúng ta phải hiểu **Không và Có là một, Động và Tĩnh là một.**

Ứng dụng đối với chúng ta, tu thân nhất định phải hiểu là tâm phải thanh tịnh, tâm không được động, trong tâm không thể có một vọng niệm; nhưng thân phải động, thân là chu vi (vòng tròn), thân phải vận động, cho nên chúng ta thường nói (thân phải) hoạt động. Bạn thấy động là sống, nếu như bất động thì sao? Bất động là chết, là không thể sống. Thân động mà tâm không động, đây là bí quyết tu thân dưỡng (tâm) tánh trong nhà Phật. Tôi thường hay ra nước ngoài, đi rất nhiều nơi, rất nhiều các bạn đạo đồng tu nhìn thấy tôi, câu đầu tiên họ hỏi tôi là: “Pháp sư à! Sức khỏe của thầy sao mà tốt như vậy? Thầy chăm sóc giữ gìn như thế nào?”. Tôi liền bảo với họ: “Tâm phải thanh tịnh, không có phiền não, không có buồn rầu, không có lo nghĩ, không có vọng tưởng, giống như cái tâm vòng tròn kia!”.

Tâm (Chân Tâm, Tự Tánh hay Phật Tánh) là khái niệm trừu tượng, tìm không thấy, tâm có thật nhưng tâm không có dấu vết.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Lục tổ (Huệ Năng) nói trong Đản Kinh là: “Xưa nay không một vật”, xưa nay không một vật là (Chân) Tâm. Chu vi (vòng tròn) là thân, thân phải động. Người học Phật chúng ta dùng cái gì để vận động vậy? Vận động của chúng ta là kinh hành. Hiện nay, người thông thường gọi là đi bộ, chúng ta đi bộ là niệm Phật, tôi thì niệm bốn chữ A Mi Đà Phật, mỗi chữ bước một bước. Tôi mỗi ngày sáng sớm ít nhất cũng đi (kinh hành niệm Phật) nửa giờ, khi không có việc gì, khi không có ai đến tìm tôi thì tôi đi khoảng một giờ, đây là vận động của tôi. Năm xưa khi tôi còn trẻ, tôi dùng lay Phật, lay Phật là vận động, trước khi tôi chưa xuất gia, cùng ở lều tranh với Pháp sư Sâm Vân, mỗi ngày tôi lay 800 lay, sáng sớm thức dậy lay 300 lay, buổi trưa sau khi ăn cơm trưa xong thì lay 200 lay, buổi tối lay 300 lay, ngày nào cũng vậy. Tôi ở lều tranh của ông năm tháng rười, đã lay mười mấy vạn lay. Sau này rời khỏi Pháp sư Sâm Vân, đến Đài Trung học giáo với lão cư sĩ Lý Bình Nam, lúc đó tôi đảm nhiệm chức vụ quản lý thư viện, ngoài ra còn phải học kinh giáo, cho nên tôi bèn giảm bớt việc lay Phật từ 800 lay xuống còn 300 lay, duy trì rất nhiều năm, mỗi ngày lay 300 lay. Hiện nay tuổi tác đã cao rồi, đi hoằng pháp khắp nơi cũng tương đối vất vả, quen biết cũng nhiều người, khách khứa nhiều rồi, cho nên hiện nay rất ít lay Phật nhưng (vẫn) kinh hành (niệm Phật).

Tâm là định, tâm là tĩnh, thân hoạt động thì khỏe mạnh trường thọ.

Muốn tâm thanh tịnh thì nhất định phải buông xả mọi duyên, dứt khoát không nên lưu lại thứ gì trên tâm, lưu lại thì bạn sẽ thiệt thòi lớn, mọi thứ không được lưu lại trên tâm: có cũng rất tốt, không có cũng rất tốt. Thường luôn nghĩ rằng: khi sinh ra và chết đi đều tay không, ta đến thế gian này cũng chẳng mang theo gì, tương lai khi ta ra đi cũng vậy, cho nên mọi thứ bày ra trước mắt (thì) ta chẳng động tâm. Có cũng rất tốt, không có cũng rất tốt thì bạn mới được tự tại. Tất cả mọi thứ của thế gian bạn đều so đo, mọi thứ bạn đều chấp trước thì bạn liền bị khổ thôi. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “Lo khiến người ta già”. Sao bạn bị già vậy? Là do lo lắng quá nhiều, phiền não quá nhiều. Tôi không có lo lắng, không có phiền não; vô ngã, không có ngã sở, danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần đều chẳng liên quan gì với tôi, tôi không lưu vào trong tâm. Ở tuổi về chiều, việc duy nhất của tôi là giảng kinh. Giảng kinh ở đâu vậy? Giảng trong phòng thu hình, hy vọng để lại những băng hình này cho người có duyên sau này làm tham khảo, vậy là tôi vui rồi, ngoài việc này ra tôi không còn chuyện gì cả. Hằng ngày (có) rất đông khách đến tìm tôi, rất nhiều Đạo tràng đến tìm tôi, tôi thường hay nói với họ: “Tôi là người bận rộn nhưng vô sự! Vô sự mà bận rộn!”. Thân tâm tu dưỡng, không bị bất kỳ điều gì quấy nhiễu, cũng chính là không nên lưu lại thứ gì trong tâm. Thường luôn nhớ điều trong Kinh Kim Cang đã nói: “Phàm sở hữu tướng đều là hư vọng”; “Nhất thiết (nhất thiết: tất cả) hữu vi pháp (hữu vi pháp: pháp có sanh có diệt), như mộng huyễn bào ảnh (bào ảnh: bọt bóng), như lộ (lộ: giọt sương) diệt (diệt: cũng) như điện (điện: ánh chớp), ứng tác như thị quán (nên quán chiếu như vậy)” là bạn liền tự tại thôi, bạn liền được giải thoát. Trí-huệ được sanh ra từ đây, phước báo cũng từ đây mà có.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Cho nên thỉnh chuyên pháp luân thì phải hiểu ý nghĩa của pháp luân, phải hiểu rõ ý nghĩa danh từ. Chuyên là chuyển động, nếu dùng cách nói hiện nay để giải thích thì chuyển động này chính là thúc đẩy, pháp luân là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, chúng ta phải thúc đẩy giáo dục đa nguyên văn hóa, đây chính là chuyên pháp luân, đây là đại biểu cho nền giáo dục Phật-đà. **Nội dung của nền giáo dục Phật-đà là chân tướng của vũ trụ nhân sanh, chân tướng của vũ trụ nhân sanh là: Không và Có không hai, Động và Tĩnh như một.** Đây là đạo lý lớn! Dùng cái này (Luân) để làm biểu pháp.

Hoa Sen đại biểu cho thanh tịnh vô nhiễm, cái này trong Phật giáo thường dùng, mọi người thường hay thấy.

Cho nên, tôi thường hay nghe người ta nói người luyện Pháp Luân Công thì phải luyện đến khi trong bụng hiện pháp luân, thật sự có cái luân chuyển động ở đó. Đây là (bị) bệnh! Cái này không tưởng tượng nổi! Cái này rất nguy hiểm! Thật quá đỗi sai lầm rồi! Có phải thực sự sẽ có cái luân trên người hay không vậy? Theo tôi nghĩ là có thể (có). Tại sao vậy? Về mặt lý luận có thể nói được thông suốt, chính là: **“Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”**. Bạn ngày nào cũng khởi vọng tưởng, trong tâm bạn ngày nào cũng nghĩ có cái luân (trong bụng) thì dần dần suy nghĩ của bạn sẽ thành tựu. Đó là gì vậy? Đó là bệnh (tật) của bạn. Phật dạy chúng ta quán tưởng là quán tưởng mọi thứ đều là không, đâu có bảo (chúng ta) nghĩ ra một cái gì (đó). Thật không tưởng tượng nổi! Cái đó là sai rồi! 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã là giáo trình dạy học chủ yếu nhất của Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giáo trình này ngài đã giảng 22 năm, chúng ta hiểu được Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, đã dùng hết 22 năm, gần như là chiếm một nửa thời gian (để giảng Kinh Bát Nhã), đây là đề tài trung tâm trong việc dạy học của ngài. Bộ kinh này là bộ kinh lớn nhất dịch ra tiếng Trung Quốc, đến 600 quyển. 600 quyển kinh (này) nếu chúng ta đem nó tổng kết lại (thì) thực tế mà nói chỉ có ba câu: **“Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”** (**“Tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian là không thể sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được**), đây chính là tổng kết của 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã. Sao bạn có thể có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chứ?

Hiện nay, người luyện Pháp Luân Công, đừng nói (đến vấn đề) gì khác (mà chỉ hỏi xem) họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay không? Có! **Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không phải Phật pháp! Phật pháp là lia vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.** Bạn không chấp trước với tất cả pháp thế xuất thế gian, chấp trước không còn nữa thì chứng quả A La Hán; phân biệt dứt hết rồi thì chứng quả Bích Chi Phật (ở Tiểu-thừa còn) người tu Đại-thừa chính là (quả vị) Bồ-tát quyền giáo; vọng tưởng dứt hết rồi thì chứng quả vị Pháp Thân Bồ-tát.

Tại sao (lại) có thể nói luyện thành một cái gì đó ở trên người! Đó là chuyện lạ đời rồi! Đó chắc chắn không phải khỏe mạnh, cơ thể khỏe mạnh nhất định phải thuận theo tự nhiên, thuận theo tự nhiên là khỏe mạnh nhất. Trên cơ thể tự nhiên này

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

của bạn đặt thêm một cái gì đó, vậy là không khỏe rồi, điều này nhất định phải hiểu. Cho nên nếu như đích thực họ luyện đến cuối cùng mà có cái pháp luân ở trong bụng thì đó là tà giáo rồi. Ngay (cả) chánh giáo đã (là) không khế hợp thì hoàn toàn không thể gọi là một tôn giáo, (đây) là tà thuật, tà pháp, là một loại pháp thuật, chúng ta phải nhận cho rõ ràng, cho sáng tỏ.

Cho nên tôi nói không cần chuyển đi, tại sao vậy? Tôi biết trong những người học Pháp Luân Công đó có nhiều người rất tốt, họ thiết tha cầu Đạo, (họ) lỡ vào đường tà, không gặp được chánh pháp. Ở Mỹ, tôi có rất nhiều bạn đồng tu từ Pháp Luân Công chuyển qua, (họ) rời khỏi Pháp Luân Công đến học Tịnh Độ, họ nghe được đĩa giảng kinh của tôi, nhìn thấy chúng tôi có những cuốn sách nhỏ như: “Nhận thức Phật giáo”, “Truyền thọ tam quy”,... họ xem được rồi thì bỗng nhiên đại ngộ, họ liền có năng lực biện biệt (chánh tà). Cho nên tôi nói đây là việc tốt, họ đến mua Đạo tràng phía trên lầu các bạn là việc tốt. (Họ) bước vào cửa (thì) các bạn độ họ, không cần dùng thứ gì khác (chỉ cần) bạn đem những kinh điển Phật giáo chân chính này như “Nhận thức Phật giáo”, “Kinh A Nan hỏi Phật việc kiết hung”, “Kinh thập thiện nghiệp đạo” bày ra bên ngoài tặng nhiều cho họ; sau khi họ đã xem xong rồi (thì) đều hiểu rõ hết, đều chuyển qua (chánh pháp) hết, (đều) rời khỏi Pháp Luân Công, đều đến niệm Phật cả. Tôi thấy chúng ta không nên di chuyển (vì) họ sẽ nhanh chóng dọn đi, đây là điều chắc chắn. Ngạn ngữ thường nói: “Đừng sợ người không biết, chỉ sợ hàng mình không tốt”, hàng thật hàng giả đem so sánh sẽ rõ thôi, khi không so sánh thì không biết, đem so sánh thì sẽ rõ. Chúng ta hoàn toàn không đi lôi kéo tín đồ của họ mà rất tự nhiên (tín đồ của họ sẽ qua tu học pháp môn Tịnh Độ của chúng ta). Ở Trung Quốc cũng có không ít người của Pháp Luân Công đã đọc những kinh sách này, đặc biệt là “Nhận thức Phật giáo”; tôi nghe nói rất nhiều người quay đầu nhờ những cuốn sách nhỏ này, nhiều lắm!

(Trích lục từ bài giảng “Mười Hạnh Nguyên của Bồ-tát Phổ Hiền” do Đại lão hòa thượng Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng, giảng tại Hiệp hội Giáo dục Phật-đà Hồng Kông năm 2002)

Chú thích:

* **Bốn giáo pháp Tạng - Thông - Biệt - Viên trong Phật pháp** là do đức Phật nói ra pháp phù hợp dễ thuận theo căn cơ của chúng sanh, việc này giống như tùy bệnh mà kê đơn thuốc khác nhau. **Tạng giáo** là giáo pháp dành cho căn tánh Tiểu-thừa. **Thông giáo** là giáo pháp Đại-thừa sơ môn, độn căn thì thông với Tạng giáo còn lợi căn thì thông với Biệt giáo và Viên giáo. **Biệt giáo** là giáo pháp dạy riêng cho Bồ-tát nhưng tất cả giáo, lý, trí, đoạn, hạnh, nhân quả mỗi mỗi đều khác biệt chưa thể viên dung bao gồm lẫn nhau như Viên giáo. **Viên giáo** là giáo pháp viên mãn, pháp nào cũng viên dung, pháp nào cũng trọn đủ. Viên giáo là giáo pháp tối thượng thừa mà đức Phật đã chứng ngộ viên mãn đem giảng dạy cho bậc căn tánh Đại Bồ-tát.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

* **Tánh - Tâm - Ý** theo Đại sư Ấn Quang (vị tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông) thì có thể phân biệt như sau: **Tâm** là ước lượng theo Thê để mà nói. (Bản Thê sanh ra tất cả mọi thứ chính là điều được nhắc đến trong triết học, tôn giáo và khoa học. Nhà bác học Albert Einstein cho rằng Bản Thê chính là Nhất Thê được nói đến trong Kinh Phật) **Ý** là niệm lự (ý niệm rõ ràng), chính là nói tác dụng của Tâm. **Tánh** là luận trên phương diện Bản Thê không biến động (không dao động) của Tâm. Nếu nói chung chung thì thuật ngữ Tâm và Tánh có thể dùng chung cho nhau nhưng Ý thì chỉ có thể chỉ cho niệm lự. Vậy, Tâm và Tánh là một nghĩa. Tâm thì có Chân Tâm và Vọng Tâm. Chân Tâm là Bản Thê hoàn toàn không dao động, khi bị biến động thì cái Bản Thê này hiện ra Vọng Tâm; cho nên Vọng Tâm không thể tách rời Chân Tâm; Vọng Tâm thuộc về niệm lự; Vọng Tâm còn gọi là Thức. Vậy, Vọng Tâm là cái tâm giả huyền được biến hiện ra từ Tự Tánh thanh tịnh bị biến động.**

* **Luận Đại-Thừa Bách Pháp Minh Môn** do Thiên Thân Bồ-tát soạn để giải thích cho một câu nói của Phật: **“Tất cả pháp vô ngã!”**. Ban đầu, đức Phật đem vô lượng vô biên pháp quy nạp thành 84.000 pháp, mỗi mỗi pháp môn này đều là con đường có thể đi đến chỗ thành Phật. Vì 84.000 pháp đối với chúng sanh căn tánh ngu muội đòi hỏi là quá nhiều và không thể học được nên Bồ-tát Di Lặc đại từ đại bi đem 84.000 pháp quy nạp thành 660 pháp tạo thành bộ **Luận Du Đà Sư Địa**. Bồ-tát Thiên Thân thấy căn tánh chúng sanh càng về sau càng yếu kém và thích ngắn gọn nên đem 660 pháp trong Du Đà Sư Địa Luận quy nạp lại thành 100 pháp. 100 pháp quy nạp từ tất cả pháp được chia ra như sau: **Một là Tâm pháp (Tâm vương)** gồm 8 thứ: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức (5 thức này gọi là **Tiền ngũ thức**); **Ý thức (thức thứ 6 tác dụng là phân biệt), Mạt-na thức (thức thứ 7 tác dụng là chấp trước), A-lại-da thức (thức thứ 8 tác dụng là cái kho lưu giữ tất cả mọi loại chủng tử nghiệp tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, khi những chủng tử này gặp đủ duyên sẽ khởi tác dụng hiện hành)**. Chúng sanh hữu tình luân hồi sanh tử thì lúc chết A-lại-da rời khỏi thân xác sau cùng và lúc nhập thai A-lại-da đến nhập thai trước tiên. Ba tướng của A-lại-da thức là: Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Cảnh giới tướng. **Hai là Tâm sở hữu pháp** gồm 51 thứ chia ra làm 6 vị là: 5 Biến hành: Tác ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư; 5 Biệt cảnh: Dục, Thắng giải, Niệm, Định, Huệ; **11 Thiện: Tín, Tinh tấn, Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Vô si, Khinh an, Bất phóng dật, Hành xả, Bất hại**; 6 phiền não: Tham, Sân, Vô minh, Mạn, Nghi, Bất chánh kiến; 20 Tùy phiền não: Phẫn, Hận, Não, Phú, Cuồng, Siểm, Kiêu, Hại, Tật, Xan, Vô tàm, Vô quý, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Hôn trầm, Trạo cử, Thất niệm, Bất chánh tri, Tán loạn; 4 Bất định: Thụy miên, Ác tác, Tầm, Tứ. **Ba là Sắc pháp** gồm 11 thứ: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp xứ sở nhiếp sắc (sắc thuộc pháp xứ). **Bốn là Tâm bất tương ưng hành pháp** gồm 24 thứ: Đắc, Mạng căn, Chủng đồng phận, Dị sanh tánh, Vô tướng định, Diệt tận định, Vô tướng báo, Danh thân, Cú thân, Văn thân, Sanh, Trụ, Lão, Vô thường, Lưu chuyển, Định dị, Tương ứng, Thế tốc, Thứ đệ, Thời, Phương, Số, Hòa hợp tánh, Bất hòa hợp tánh.**

* **Luận Vãng Sanh của Tịnh Độ tông** cũng do Thiên Thân Bồ-tát soạn, khuyên chúng sanh niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong bộ Luận Vãng Sanh, Bồ-tát Thiên Thân giảng ba thứ trang nghiêm của cõi Cực Lạc (Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm và thế giới trang nghiêm) nhập vào trong một câu pháp thanh tịnh “A Mi Đà Phật”. **Câu “A Mi Đà Phật” này chính là Pháp Thân Vô Vi (Bản Thể)**, từ Bản Thể này hiện ra Y báo, Chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc.✽✽

* **Bồ-tát Thiên Thân** ra đời ở Ấn Độ sau khi đức Thế Tôn nhập diệt 900 năm. Ban đầu, Thiên Thân Bồ-tát học pháp Tiểu-thừa và hủy báng Đại-thừa. Ngài đã tạo ra 500 bộ luận hủy báng Đại-thừa. Anh ruột của Ngài là Vô Trước Bồ-tát học pháp Đại-thừa. Vì Vô Trước Bồ-tát biết em trai mình vốn vô cùng thông minh Trí-huệ nhưng lại đang học Tiểu-thừa hủy báng Đại-thừa nên đã dùng pháp phương tiện chỉ điểm khiến Ngài đọc một lượt Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa. Đọc xong, Ngài liền kinh hoàng tỏ ngộ, vô cùng hối hận, định lấy dao cắt lưỡi của mình để sám hối. Vô Trước Bồ-tát thấy thế thì nói với Ngài: “Em không nên cắt lưỡi, cắt lưỡi rồi có ích gì? Xưa kia, em dùng lưỡi hủy báng Đại-thừa thì nay phải dùng lưỡi ấy tán thán và hoằng dương Đại-thừa!”. Nghe lời anh, Thiên Thân Bồ-tát soạn ra 500 bộ luận tán dương Đại-thừa và đốt sạch 500 bộ luận hủy báng Đại-thừa.✽✽

* **Phiền não chướng và Sở tri chướng.** Chướng nghĩa là chướng ngại, che mắt Tự Tánh khiến Trí-huệ - thần thông - đức năng - tướng hảo của Chân Tâm không hiển lộ ra được (Chân Tâm không có sanh cũng không có diệt, chỉ là bị hai loại chướng ngại này che mắt). **Phiền não chướng** là tất cả Tâm sở bất thiện, là những hiện tượng tâm lý xấu làm con người tạo ra vô lượng nghiệp ác của thân - khẩu - ý. **Sở tri chướng** là tất cả những thứ ý thức được, học được,...; nói theo ngôn ngữ thông dụng thì Sở tri chướng chính là tri thức; những tri thức này rất cần thiết cho người học Phật để làm phương tiện đạt đến Trí-huệ của Phật chứ bản thân chúng không phải là Trí-huệ. Trong bộ Kinh Kim Cang, Phật dạy nếu muốn Tự Tánh hiển lộ thì phải buông xả: **“Pháp còn phải xả huống hồ phi pháp!”**. Pháp ở đây là Phật pháp; Phật pháp cũng là pháp duyên sanh: duyên tụ thì sanh, duyên tán thì diệt. Phi pháp là pháp thế gian.✽✽

* **Phiền não chướng gồm kiến tư phiền não và trần sa phiền não.** Kiến tư phiền não gồm kiến phiền não và tư phiền não. Kiến phiền não (kiến hoặc) là những cái thấy (kiến) sai lầm gồm 5 thứ: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến và Giới cấm thủ kiến. Tư phiền não (tư hoặc) là những tư tưởng (tư) sai lầm gồm 5 thứ: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Duy Thức tông gọi tư hoặc là ngũ độn sử (5 thứ chậm lụt và khó trừ) vì hành tướng của chúng rất sâu và rất mạnh; gọi kiến hoặc là ngũ lợi sử vì hành tướng của chúng yếu hơn ngũ độn sử. Sử nghĩa là sai sử, sai khiến; chúng mê hoặc sai khiến chúng sanh hữu tình tạo tác những sai lầm rồi phải nhận chịu quả báo đau khổ. **Kiến tư phiền não gọi là chấp trước.** Trần sa phiền não (trần sa hoặc) là nhìn thấy phiền não của chúng sanh nhiều như cát bụi rồi phân biệt nên gọi là trần sa. **Trần sa phiền não gọi là phân biệt.**✽✽

* **Vô minh chính là Sở tri chương.** Trong bộ Kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na hỏi Phật: “Tất cả chúng sanh có vô minh, vô minh bắt giặc sanh ra tam tế (**tam tế tướng của A-lại-da**). Vậy vô minh này có từ lúc nào và do nguyên nhân gì sanh ra?”; Phật trả lời: “Vô minh chính là Sở tri chương”, “Tri kiến lập tri là gốc của vô minh”. Tri kiến là Trí-huệ thông suốt, trên cái Trí-huệ thông suốt này lập thêm một cái tri kiến nữa thì tạo ra vô minh. **Vô minh chính là vọng tưởng (khởi tâm động niệm).**✽

* **Gốc rễ của Phiền não chương là Thân kiến (Ngã chấp):** chấp trước cái thân này chính là ta. Vì có ta nên sau đó sanh ra chấp trước cái của ta. Vì có cái của ta nên sanh ra tư tưởng tham. Nếu tham được thì keo bần, nếu tham không được thì sanh ra sân hận. Vì sân hận và keo bần nên sanh ra ngu si, ngu si tức là không biết biện biệt đúng sai chánh tà, đem đúng cho là sai và đem sai cho là đúng, đem chánh cho là tà và đem tà cho là chánh. Ngạo mạn là một dạng của sân hận; nghi ngờ là một dạng của ngu si. Trong nửa đầu của bộ Kinh Kim Cang, Phật dạy: “Bồ-tát vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”; nửa sau của bộ Kinh Kim Cang, Phật dạy: “Bồ-tát vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến”. Vậy, muốn học Bồ-tát đạo thì đầu tiên phải phá Ngã chấp. Dùng ngôn ngữ thông dụng để nói, **Ngã chấp chính là tự tư tự lợi,** tâm tự tư tự lợi càng nặng thì đọa lạc càng sâu.✽

* **Chúng sanh** nghĩa là chúng duyên hòa hợp mà sanh ra. Chúng sanh có thể quy nạp thành ba loại lớn: hiện tượng vật chất, hiện tượng tự nhiên và hiện tượng tinh thần. **Chúng sanh hữu tình** là chuyên chỉ loại có hàm thức như động vật, v.v... **Chúng sanh vô tình** là chuyên chỉ loại không có hàm thức như thực vật, khoáng vật, v.v...✽

* **Chánh báo** là thuật ngữ chỉ chúng sanh hữu tình như con người, động vật, v.v... **Y báo** là thuật ngữ chỉ chúng sanh vô tình, chính là hoàn cảnh xung quanh của Chánh báo, là chỗ mà Chánh báo nương tựa vào. Phật dạy: “**Y báo phụ thuộc theo Chánh báo mà chuyển đổi!**”; nghĩa là Chánh báo thiện thì Y báo thiện, Chánh báo thanh tịnh thì Y báo thanh tịnh, Chánh báo ác thì Y báo ác, Chánh báo ô nhiễm thì Y báo ô nhiễm, Chánh báo trang nghiêm thì Y báo trang nghiêm, v.v...✽

* **Tiêu chuẩn của ác và thiện trong nhà Phật: Vì chính mình là ác. Vì chúng sanh là thiện. Thành tựu người khác là thành tựu chính mình. Vì người khác thì Pháp Thân mình thiện, vì chính mình thì nghiệp báo mình thiện.** Thiện là thuận theo đức năng của Tự Tánh gọi là Tánh Đức, ác là trái nghịch với Tánh Đức; càng thuận theo Tánh Đức thì càng thiện, càng trái nghịch Tánh Đức thì càng ác; thiện báo thiện quả và ác báo ác quả, quả lớn hay nhỏ là phụ thuộc mức độ thuận theo hay trái nghịch Tánh Đức lớn hay nhỏ. Những điều thiện trong nhà Phật, nhà Nho, nhà Đạo hay trong các tôn giáo như ngũ luân, ngũ thường, tứ đức, bát đức, hiếu đạo sư đạo (hiếu thân tôn sư), nhân quả báo ứng thiện ác, ngũ giới, thập thiện, từ bi,... đều là từ Tánh Đức lưu lộ ra chứ không phải do người nào đó suy nghĩ bịa đặt ra. Nho gia nói: “Nhân chi sơ Tánh bản thiện” thì Tánh chính là Tự Tánh và thiện ở đây không phải theo nghĩa thiện ác mà có ý nghĩa là hoàn thiện viên mãn không một chút khiếm khuyết.✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

* **Lục đạo luân hồi** do Chân Tâm thông qua vọng tưởng, phân biệt và chấp trước mà biến hiện ra. Lục đạo luân hồi kể tên từ dưới lên là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người và trời. **Tam giới** là cách phân chia khác của Lục đạo luân hồi gồm: Dục giới (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người và 6 loài trời cõi Dục); Sắc giới (18 loài trời cõi Sắc); Vô sắc giới (4 loài trời cõi Vô sắc). **Dục giới có 5 loại dục: tiền tài, sắc dục nam nữ, danh vọng lợi dưỡng, ăn uống, ngủ nghỉ.** Sắc giới không còn 5 dục nhưng còn thân thể. Vô sắc giới không còn thân thể mà chỉ còn tinh thần.✽✽

* **Dục giới** kể tên từ dưới lên là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người, trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi (Vì trời Tứ Thiên Vương ở 4 góc đông tây nam bắc của núi Tu Di, trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di nên 2 cõi trời này gọi là địa cư thiên), trời Tu Diệm Ma (Dạ-ma Thiên), trời Đâu Suất Đà (Đâu-suất thiên), trời Lạc Biến Hóa, trời Tha Hóa Tự Tại (Vì 4 cõi trời này ở trên không trung không nằm trên núi Tu Di nên gọi là không cư thiên). Vua trời Đao Lợi là Đế-thích (Thích-đề-hoàn-nhân) mà dân gian gọi là ngọc hoàng đại đế hoặc đức chúa trời trong một số tôn giáo.✽✽

* **Sắc giới** kể tên từ dưới lên là trời Phạm Chúng, trời Phạm Phu, trời Đại Phạm (Phạm nghĩa là thanh tịnh, không còn 5 dục của Dục giới; cõi trời này chứng **Sơ thiên - Ly sanh hỷ lạc địa**), trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm (cõi trời này chứng **Nhị thiên - Định sanh hỷ lạc địa**), trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh (cõi trời này chứng **Tam thiên - Ly hỷ diệu lạc địa**), trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tướng (tầng trời Vô Tướng này của ngoại đạo, họ tu Vô tướng định) và Ngũ Tịnh Cư thiên là chỗ cư trú của Thánh nhân từ bậc A-na-hàm trở lên gồm: trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh (cõi trời này chứng **Tứ thiên - Xả niệm thanh tịnh địa**). Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế thị hiện thành Phật dưới cây Bồ-đề thì loài người không hay biết, chính các bậc Thánh nhân ở cõi trời Ngũ Tịnh Cư biết được nên đã biến hóa thành con người đến gặp Phật để thay loài người thỉnh Phật chuyển pháp luân. Vì đức Thế Tôn thị hiện làm Phật ở nhân gian nếu không có người nào thỉnh Phật chuyển pháp luân thì Phật sẽ thị hiện nhập Niết Bàn.✽✽

* **Vô sắc giới** gồm 4 loài trời kể tên từ dưới lên là trời Không Vô Biên Xứ, trời Thức Vô Biên Xứ, trời Vô Sở Hữu Xứ, trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Những cõi trời này có tuổi thọ vô cùng dài nên còn gọi là trường thọ thiên. Họ ở trong định nên không gặp được Phật, đây là một trong Bát nạn. Khi hết tuổi thọ, những thiên nhân cõi trời này đa phần đọa **A-tỳ địa ngục** (vô lượng kiếp chịu sự hành hình đau khổ nhất trong địa ngục không có lúc nào gián đoạn). Họ đọa vào Vô gián địa ngục vì khi hết tuổi thọ thì họ phỉ báng Tam Bảo. Người tu được lên những cõi trời cao như thế này đa phần đều là tu Phật, họ đạt đến công phu **Tứ thiên Bát định**, định thứ 8 vẫn chỉ hàng phục được phiền não khiến chúng không khởi hiện hành chứ chưa đoạn dứt; chưa thoát khỏi luân hồi sanh tử nhưng họ đã cho rằng mình chứng Niết Bàn không sanh không diệt rồi. Vì vậy, khi họ sắp chết thì họ hủy báng Phật đã lừa gạt họ.✽✽

* **Bát nạn (Tám nạn) hay Tam đồ Bát nạn** là những nạn không được gặp Phật pháp và không có khả năng học Phật pháp: A-tỳ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh (3 cõi này gọi là Tam đồ), cõi trường thọ thiên (trời Vô Tướng và cõi Vô sắc giới), Bắc cầu lô châu (ở phía bắc núi Tu Di, còn gọi là Uất-đơn-việt nghĩa là xứ sở tối trắng, vì loài người ở châu này có hoàn cảnh đời sống sung sướng không kém gì cõi trời Dục giới, không có tâm học Phật), mù - điếc - câm, **thế trí biện thông** (tri thức thế gian), sinh trước Phật và sinh sau Phật (nghĩa là sinh vào lúc không có Phật pháp trên thế gian).**

* **Một đơn vị thế giới trong Kinh Hoa Nghiêm là lấy núi Tu Di (Sumeru) làm trung tâm.** Hệ mặt trời và các tinh cầu đều xoay quanh núi Tu Di. Núi Tu Di là ngọn núi vũ trụ hình thế giống cái đồng hồ cát (giữa eo hẹp lại còn phần trên và phần dưới phình rộng dần ra) giống với hình dạng và tính chất của lỗ đen vũ trụ (black hole) là trung tâm của thiên hà. Hệ mặt trời chúng ta đang sống nằm ở phía nam núi Tu Di nên gọi là Nam thiên bộ châu; chỉ một phương nam của thiên hà chúng ta đang cư ngụ đã có rất nhiều hệ mặt trời như vậy. Do đó, 01 đơn vị thế giới lớn hơn hệ mặt trời rất nhiều, có thể nói **một đơn vị thế giới chính là một thiên hà.****

* **Một Tam thiên Đại thiên thế giới:** 1000 đơn vị thế giới (1000 thiên hà) là 01 tiểu thiên thế giới, 1000 tiểu thiên thế giới là 01 trung thiên thế giới, 1000 trung thiên thế giới là 01 đại thiên thế giới hay còn gọi là 01 Tam thiên Đại thiên thế giới. Thông thường, **01 Tam thiên Đại thiên thế giới là phạm vi giáo hóa chúng sanh của một vị Phật**, gọi là một cõi nước Phật. Hiện tại, địa cầu chúng ta đang sống thuộc cõi Ta Bà do Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa.**

* **Mười pháp giới (Thập pháp giới)** là mười loại cảnh giới, mười bậc chúng sanh gồm Lục đạo luân hồi và Tứ thánh pháp giới. **Tứ thánh pháp giới** gồm các vị Thánh nhân A-la-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát và Phật. Phật trong Mười pháp giới vẫn chưa thấy Tự Tánh, là Phật của Tạng giáo và Thông giáo. Tứ thánh pháp giới là nơi hướng về của những hành giả tu pháp Tiểu-thừa. Tứ thánh pháp giới do Chân Tâm thông qua vọng tưởng, phân biệt mà biến hiện ra (đã không còn chấp trước).**

* **Phần đoạn sanh tử** là chết đi bỏ thân này lại thay một thân khác, một giai đoạn này rồi một giai đoạn khác nên gọi là phần đoạn. **Biến dịch sanh tử** là biến hóa không trải qua từng giai đoạn, biến hóa là dùng công phu rất vất vả mới đem cảnh giới của mình nâng lên cao. Lục đạo luân hồi có cả Phần đoạn sanh tử và Biến dịch sanh tử, Tứ thánh pháp giới chỉ có Biến dịch sanh tử. Vì có sanh tử đau khổ nên Lục đạo luân hồi gọi là nội phạm phu, Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phạm phu.**

* **Nhất chân pháp giới (cõi Thật báo trang nghiêm)** không còn sanh tử, đây là cảnh giới của những thế giới chư Phật như thế giới Hoa Tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na hay thế giới Cực Lạc của đức Phật A Mi Đà, v.v... Thật báo trang nghiêm là cảnh giới hướng về của hành giả Đại-thừa. Nếu tu phá được 01 phẩm vô minh chứng được 01 phần Pháp Thân hoặc tu Tịnh Độ sanh về Cực Lạc thì sẽ nhập cảnh giới này.**

* **A-la-hán** có 4 quả vị là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Tứ quả A-la-hán là chúng sanh hữu tình chứng được định thứ 9 (Diệt Tận định), định này khai Trí-huệ khởi tác dụng đoạn dứt được chấp trước (kiến tư phiền não), họ chứng địa vị Chánh Giác trong nhà Phật. Tu-đà-hoàn đã vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Họ là Thánh nhân chứ không còn là phàm phu nữa. Họ ở trong Lục đạo luân hồi không còn bị đọa lạc. Họ qua lại giữa cõi trời và cõi người 7 lần thì chứng tứ quả A-la-hán. Tu-đà-hoàn khôi phục được Thiên-nhân-thông và Thiên-nhĩ-thông; Tu-đà-hàm khôi phục được thêm Túc-mạng-thông và Tha-tâm-thông, A-na-hàm khôi phục được thêm Thần-cảnh-thông, A-la-hán khôi phục được thêm Lậu-tận-thông.✽

* **Thần thông** thì “thần” nghĩa là thần kỳ bí ẩn và “thông” nghĩa là thông suốt không ngăn ngại. Ấn Quang Đại sư dạy: “Phàm là chư Phật Bồ-tát hiện thân, nếu thị hiện thân giống như phàm phu thì chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người khác chứ không bao giờ hiển lộ phép thần thông, còn nếu hiển lộ phép thần thông thì sẽ chẳng thể ở trong thế gian này; chỉ khi nào thị hiện điên cuồng mới có thể hiển lộ phép thần thông mà không trở ngại gì giống như hòa thượng Tế Điền là một điển hình!”. Cõi trời, cõi quỷ thần và những người tu pháp thế gian cũng có thể có chút tiểu thần thông nhỏ nhưng không có thần thông thứ 6 là Lậu-tận-thông của A-la-hán, 5 loại thần thông kia của họ cũng không thể sánh bằng các vị Thánh nhân. **Thiên-nhân-thông** là năng lực thấy không bị chướng ngại. **Thiên-nhĩ-thông** là năng lực nghe không bị chướng ngại. **Túc-mạng-thông** là năng lực biết được việc quá khứ hiện tại vị lai. **Tha-tâm-thông** là năng lực biết được rõ ràng suy nghĩ trong tâm chúng sanh hữu tình. **Thần-cảnh-thông** là năng lực biến hóa phép thuật, bay đi các nơi, v.v... **Lậu-tận-thông** là tâm thanh tịnh không bị ô nhiễm; hòa thượng Thích Tuyên Hóa giảng rằng: “Chúng sanh hữu tình đó không còn tâm dâm dục nữa, dù một ý niệm dâm dục vi tế nhỏ nhiệm nhất cũng không có; tinh khí không bị thoát mất (rỉ ra) thì gọi là lậu tận; cõi trời, quỷ thần, thiên ma đều còn tâm dâm dục nên không thể chứng đắc Lậu-tận-thông”. Chứng đắc quả vị càng cao thì thần thông càng lớn, địa vị quả Phật viên mãn thì năng lực thần thông là vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.✽

* **Thiên ma Ba-tuần (ma vương)** dịch nghĩa Hán văn là kẻ ác chuyên giết hại Pháp Thân Huệ-mạng (mạng sống Trí-huệ) của người thiện, phá hoại người thực hành chánh pháp, chữ “ma” mang ý nghĩa là dầy vò. Thiên ma Ba-tuần cai quản Dục giới, cư ngụ trên đỉnh cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Hòa thượng Thích Tuyên Hóa giảng: “Tại sao thiên ma từ trên trời đến để quấy rầy ông? Vì ông là người tu hành đã tu đến chỗ có định lực. Ông có một chút định lực cũng không có gì quan trọng nhưng cung điện của ma vương bị chấn động giống như bị động đất vậy. Vì ma vương cũng có thần thông nên khi cung điện của nó bị chấn động thì nó liền quan sát xem tại sao cung điện của nó lại vô duyên vô cớ bị chấn động vỡ nát. Nó phát hiện trên thế gian có người sắp sửa thành tựu đạo nghiệp và định lực của người tu hành đó khiến cho cung điện của nó bị đổ vỡ. Thiên ma sẽ suy nghĩ: ‘Mày muốn phá diệt tao hả? Tao sẽ phá hủy định lực của mày trước!’; cho nên nó đến phá hoại định lực của người tu hành”.✽

* Trong bộ Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng rằng **loài người xuất hiện trên trái đất này có nguồn gốc từ thiên nhân cõi trời Nhị thiên Quang Âm thiên**. Trong bộ Kinh Tăng Nhất A Hàm của Tiểu-thừa, Phật cũng giảng về điều này.*

* **Bích-chi-Phật** là những vị A-la-hán đã đoạn dứt được tập khí của kiến tư phiền não (tập khí chấp trước), tuy A-la-hán đã đoạn dứt kiến tư phiền não nhưng tập khí của kiến tư phiền não vẫn còn. Tập khí thì “tập” nghĩa là nhóm họp và “khí” nghĩa là hơi hướm còn tồn đọng lại; tập khí là những khuynh hướng hay thói quen có xu hướng tự động vận hành đã huân tập rất nhiều từ vô lượng kiếp đến nay.*

* **Bồ-tát** là viết tắt của Bồ-đề-tát-đoà (Bồ-đề: giác ngộ, Tát-đoà: hữu tình) nghĩa là giác ngộ chúng sanh hữu tình. Bồ-tát là chúng sanh hữu tình đã giác ngộ và dùng đạo lý cùng phương pháp giác ngộ của mình để giúp cho những chúng sanh hữu tình mê hoặc điên đảo khác cũng được giác ngộ như mình. Trong giáo pháp Viên giáo thì phân chia Bồ-tát thành 51 địa vị từ Sơ Tín Vị Bồ-tát đến Đẳng Giác Bồ-tát: 10 địa vị Tín Bồ-tát, 10 địa vị Trụ Bồ-tát, 10 địa vị Hạnh Bồ-tát, 10 địa vị Hồi Hướng Bồ-tát, 10 địa vị Đẳng Địa Bồ-tát, 01 địa vị Đẳng Giác Bồ-tát (**11 địa vị này gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát trong Viên giáo, cũng thường chuyên chỉ cho địa vị Đẳng Giác**). 10 địa vị Tín Bồ-tát chưa thấy Tự Tánh, chưa chứng được Tự Tánh gọi là Tiểu Bồ-tát. 41 địa vị Bồ-tát còn lại đều thấy và chứng được từng phần của Tự Tánh gọi là Đại Bồ-tát, phân chia ra 41 thứ bậc là tùy theo mức độ tập khí vô minh dày hay mỏng khác nhau. **Bồ-tát trong Mười pháp giới** là những vị Bích-chi-Phật đã đoạn dứt trần sa phiền não (phân biệt). **Phật trong Mười pháp giới** là những vị Bồ-tát đã đoạn dứt tập khí của trần sa phiền não (tập khí phân biệt), nhưng họ vẫn còn khởi tâm động niệm (vọng tưởng, vô minh). Họ cũng vẫn chỉ chứng được địa vị Chánh Giác. **Pháp Thân Bồ-tát hay Pháp Thân Đại sĩ**: đoạn dứt được vọng tưởng thì thoát khỏi Mười pháp giới nhập vào cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật, chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác, có 41 địa vị. Pháp Thân Đại sĩ không còn vọng tưởng, phân biệt và chấp trước nhưng tập khí vô minh (tập khí khởi vọng tưởng) vẫn còn; tuy vậy, tập khí vô minh này không gây trở ngại gì và cũng không có phương pháp nào đoạn trừ nó ngoài việc đợi thời gian lâu rồi thì tự nhiên nó sẽ tiêu hết, gọi là “vô công dụng đạo”. Sự việc này giống như bình rượu đã đựng rượu nhiều năm; hiện tại đem rượu trong bình đổ đi hết, rửa sạch và lau khô bình, trong bình thật sự sạch sẽ không còn giọt rượu nào nhưng ngửi thì vẫn có mùi rượu; cứ mở nắp bình để yên ở đó vài năm sau thì mùi rượu sẽ không còn. Vì những vị Bồ-tát này chứng được: **Tất cả chúng sanh trong khắp hư không pháp giới với chính mình là Nhất Thể**, nên gọi là Pháp Thân Bồ-tát; phạm vi hoạt động của Pháp Thân Bồ-tát là khắp cả hư không pháp giới không có giới hạn. Sơ Trụ Bồ-tát trong Viên giáo phá được một phẩm vô minh đầu tiên và chứng được một phần Pháp Thân có năng lực thị hiện 8 tướng thành Đạo làm Phật trong 100 Tam thiên Đại thiên thế giới; Nhị Trụ Bồ-tát là 1000, Tam Trụ Bồ-tát là 10.000,... cứ gấp bội lên như vậy cho đến Thập Địa Bồ-tát (Pháp Vân Địa Bồ-tát) là vô lượng vô biên thế giới.*

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

* **Tiểu Bồ-tát hay Thập Tín Bồ-tát trong Viên giáo** tuy công phu đoạn phiền não của họ tương đương với địa vị A-la-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát và Phật trong pháp Tiểu-thừa nhưng Trí-huệ - thần thông - đạo lực của họ cao hơn rất nhiều. Ví dụ như Sơ Tín Vị Bồ-tát trong Viên giáo có công phu đoạn phiền não tương đương Tu-đà-hoàn của Tiểu-thừa nhưng Trí-huệ - thần thông - đạo lực vượt xa Tu-đà-hoàn.❄❄

* **Diệu Giác Phật:** Đẳng Giác Bồ-tát phá được 01 phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng thì chứng được Phật quả viên mãn, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.❄❄

* **Khổ trong Tam giới** chia 3 loại là Khổ Khổ, Hoại Khổ và Hành Khổ. **Khổ Khổ** chính là nói chúng ta cảm nhận được có khổ nào được giải thích qua 8 loại gọi là Bát khổ: Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, Oán tắng hội khổ, Ái biệt ly khổ, Cầu bất đắc khổ, Ngũ ấm xí thanh khổ (nghĩa là vọng tưởng tạp niệm quá nhiều khiến thân tâm bị dày vò). **Hoại Khổ** là sự biến hoại của lạc (cái vui bị hủy hoại). **Hành Khổ** là tính chất vô thường, niệm niệm lưu chuyển không thể giữ lại. Ân sư Tịnh Không giảng: “Hành Khổ thực tại mà nói là niệm niệm trôi qua, gọi nó là khổ. Người thông thường nói ‘tuổi xuân không ở lại’, đây là khổ!”. **Tam giới trong Lục đạo luân hồi được phân chia là căn cứ vào Khổ:** Dục giới có đủ 3 loại Khổ; Sắc giới chỉ có 2 loại Hoại khổ và Hành khổ, không có Khổ Khổ; Vô sắc giới chỉ có Hành Khổ. Vì Tam giới đều có khổ nên trong Kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn dạy: “Tam giới như nhà lửa!”. Ân sư Thích Tịnh Không dạy rằng **con người muốn giảm bớt Khổ Khổ thì phải giảm bớt 5 dục, đem đời sống vật chất giáng xuống mức thấp nhất có thể và nâng cao đời sống tinh thần giống như chư Phật Bồ-tát.**❄❄

* **Ngũ uẩn (Ngũ ấm)** là 5 yếu tố kết hợp lại tạo thành con người, gồm: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn; chữ “ấm” nghĩa là ngăn che và chữ “uẩn” nghĩa là nhóm hợp. **Sắc uẩn** là yếu tố vật chất gồm vật lý và sinh lý; yếu tố vật lý gồm 4 Đại là Địa (chất rắn), Thủy (chất lỏng), Hỏa (nhiệt lượng) và Phong (chất khí); yếu tố do 4 Đại tạo ra thuộc về sinh lý là các giác quan gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và đối tượng của các giác quan là hình sắc, âm thanh, mùi vị, vật xúc chạm. **Thọ uẩn** là sự cảm nhận do các giác quan tiếp xúc với các đối tượng của giác quan mà sinh ra cảm thọ. **Tưởng uẩn** là nhóm tri giác có khả năng nhận biết đối tượng là cái gì. **Hành uẩn** là chỉ cho mọi hiện tượng sanh diệt vô thường. **Thức uẩn** là khả năng biết rõ ràng, phản ánh đối tượng thế giới hiện thực. Thức thuộc Tâm vương và Thọ, Tưởng, Hành thuộc Tâm sở.❄❄

* **Vô duyên đại từ đồng thể đại bi:** chư Phật và chư Đại Bồ-tát thấy chúng sanh ở vô lượng thế giới vì mê hoặc tạo nghiệp nên nhận chịu khổ báo. Vì chúng sanh với chư Phật và chư Đại Bồ-tát là Nhất Thể nên chư Phật và chư Đại Bồ-tát sanh ra tâm đại từ đại bi không cần điều kiện đến phá mê khai ngộ giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Chư Phật Bồ-tát không độ chúng sanh hữu tình không có duyên, vì nếu không có duyên thì họ sẽ không tin và không nghe theo lời dạy bảo; đối với những chúng sanh vô duyên này thì chư Phật Bồ-tát sẽ đến kết duyên với họ.❄❄

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

* **Kiếp** nếu không nói rõ thì thường chỉ cho đại kiếp. Kiếp tiếng Phạn là Kalpa dịch âm là kiếp-ba là một đơn vị thời gian của Ấn Độ cổ đại dùng để chỉ khoảng thời gian rất dài. Trong cõi Ta Bà, Phật dạy **một tiểu kiếp** được tính như sau: Thọ mạng của loài người trên địa cầu này từ thọ mạng dài nhất là 84.000 tuổi cứ 100 năm lại giảm 1 tuổi, giảm cho đến khi loài người còn 10 tuổi; giai đoạn này gọi là **kiếp giảm**. Thọ mạng loài người từ 10 tuổi cứ 100 năm tăng 1 tuổi, tăng cho đến khi loài người được 84.000 tuổi; giai đoạn này gọi là **kiếp tăng**. Một lần kiếp giảm và một lần kiếp tăng như thế gọi là một tiểu kiếp. **Trung kiếp** là 20 tiểu kiếp. **Đại kiếp** là 04 trung kiếp. Kiếp giảm là thời kỳ đạo đức con người suy thoái, con người thích làm ác và không ưa điều thiện, người có đại phước càng dễ làm việc đại ác. Kiếp tăng là thời kỳ đạo đức con người tăng trưởng, con người thích làm thiện và không ưa điều ác, người có đại phước càng dễ làm việc đại thiện.❖❖

* **Sát-na (Ktana)** là một đơn vị thời gian của Ấn Độ cổ đại dùng để chỉ khoảng thời gian rất ngắn, một sát-na là khoảng thời gian một khảy móng tay.❖❖

* **Nam thiện bộ châu và tất cả các tinh hệ khác đều diễn biến qua 4 giai đoạn Thành kiếp - Trụ kiếp - Hoại kiếp - Không kiếp**, mỗi giai đoạn này dài 20 tiểu kiếp. Loài người chỉ sinh sống ở giai đoạn Trụ kiếp, giai đoạn Thành kiếp thì vật chất ở thể lỏng và thể khí chuyển dần thành thể rắn, giai đoạn Hoại kiếp trải qua 49 lần Hỏa tai, 7 lần Thủy tai và 01 lần Phong tai gọi là Đại tam tai. Hoại kiếp kết thúc thì đến giai đoạn Không kiếp là không có vật gì tồn tại. Vậy, **một lần Thành - Trụ - Hoại - Không của tinh hệ chính là một đại kiếp**.❖❖

* **Thọ mạng chúng sanh hữu tình trong Lục đạo luân hồi:** Thọ mạng ngắn nhất là vừa sanh ra liền chết ngay. Thọ mạng dài nhất cõi trời là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, thọ 84.000 đại kiếp. **Thọ mạng dài nhất là chúng sanh ở A-tỳ địa ngục (Vô gián địa ngục), thọ vô lượng đại kiếp chịu khổ báo không biết lúc nào ra**.❖❖

***1000 vị Phật trong Hiền Kiếp:** Kiếp hiện tại được gọi là Hiền Kiếp, sẽ có 1000 vị Phật xuất hiện. Quá khứ lần lượt có 4 vị Phật xuất hiện là Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. Tương lai sẽ có 996 vị Phật nữa xuất hiện. **Di Lặc Bồ-tát sẽ hạ sanh làm vị Phật thứ 5 sau 5 tỷ 670 triệu năm nhân gian** (trích từ bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Lưu Tố Vân). **Lâu Chí Phật (Hán dịch: Ai Nhạo Phật) chính là đức Vi Đà Bồ-tát sẽ hạ sanh làm vị Phật thứ 1000**, Ngài là vị hộ pháp đệ nhất trong nhà Phật. Bồ-tát Di Lặc hạ sanh thành Phật trên địa cầu này diễn ra trong giai đoạn tăng kiếp của tiểu kiếp thứ 10 lúc thọ mạng loài người đạt 80.000 tuổi.❖❖

* **Long Hoa Tam Hội:** lúc đức Bồ-tát Di Lặc thành Phật thì Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ-đề Long Hoa, cây Bồ-đề này có hình dáng giống con rồng phun ra đóa hoa nên gọi là Long Hoa Bồ-đề. Phật Di Lặc sẽ thuyết pháp trong 3 hội độ vô lượng chúng sanh nên gọi là Long Hoa Tam Hội.❖❖

* **Đại tam tai:** Hỏa tai là nạn lửa (lửa lớn từ các tinh cầu lửa như mặt trời) cháy hoại đến trời Sơ thiên; Thủy tai là nạn nước (ý nói vật chất lỏng chuyển động trong biển vũ trụ, không phải nước H₂O như nước ở địa cầu) ngập lụt làm hư hoại đến trời Nhị thiên; Phong tai là nạn gió (ý nói vật chất dạng khí trong vũ trụ di chuyển rất nhanh) thổi nát đến trời Tam thiên. Tứ thiên trở lên không bị Đại tam tai. Trong bộ Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy là tâm tham chiêu cảm nạn Thủy tai, tâm sân hận chiêu cảm nạn Hỏa tai, tâm ngu si chiêu cảm nạn Phong tai và “**Siêng năng tu Giới - Định - Huệ dứt diệt tham - sân - si**”. Đại tam tai phát sinh trong giai đoạn Hoại kiếp. Vì loài người có 7 loại tình cảm: vui, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn; 7 loại tình này theo tham sân si dần dần phát triển rộng ra và mỗi loại tình sẽ phát sanh một lần tai nạn nên hình thành 7 lần Hỏa tai; sau 7 lần Hỏa tai sẽ phát sanh 1 lần Thủy tai. Vì trong mỗi một loại tình này lại chia làm 7 nên chu kỳ 7 lần Hỏa tai và 1 lần Thủy tai sẽ lặp lại theo thứ tự 7 lần. Cuối cùng, Phong tai phát sinh hủy diệt toàn bộ, vì ngu si là tổng kết của 7 loại tình nên khi ngu si thì cái gì cũng quên sạch sẽ.✽

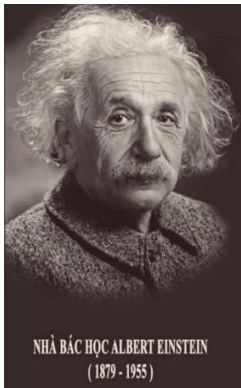
* **Tiểu tam tai** là kiếp đao binh, mất mùa và ôn dịch. Tiểu tam tai phát sinh vào cuối thời kỳ kiếp giảm của Trụ kiếp. Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng Tiểu tam tai chính là chiến tranh hạt nhân: **kiếp đao binh** diễn ra 7 ngày 7 đêm (thời gian chiến tranh rất ngắn); sau đó **ôn dịch** diễn ra 7 tháng 7 ngày; sau đó **mất mùa** diễn ra 7 năm 7 tháng. Hiroshima và Nagasaki bị ném bom nguyên tử, người dân ở Hiroshima nói với Ân sư Thích Tịnh Không rằng: “Sau khi bom hạt nhân nổ thì bụi phóng xạ chính là ôn dịch, tuy bị nhiễm bụi phóng xạ không chết ngay nhưng đại khái chỉ sống được khoảng nửa năm, sau đó cả vùng này cỏ cây không mọc được, sau 8 năm mới mọc được cỏ”; 8 năm trên đất cỏ cây không mọc được thì xảy ra nạn đói.✽

* **Tam tế tướng của A-lại-da thức là Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Cảnh giới tướng.** Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng: Hiện tại các nhà khoa học Vật lý lượng tử đã phát hiện ra duyên khởi của vũ trụ vạn vật. Các nhà khoa học đã chứng minh trong vũ trụ chỉ do 3 thứ tạo thành là Vật chất, Năng lượng và Thông tin; quy kết lại sau cùng đều là dạng sóng dao động, tùy theo loại sóng dao động theo tần số nhanh hay tần số chậm mà tạo ra mọi thứ hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Vật chất thô đem phân tách thành phân tử, phân tử tách thành nguyên tử, nguyên tử tách thành hạt cơ bản,... tách đến sau cùng thì thành hạt nhỏ nhất gọi là **hạt Quark** (Phật gọi là **cực vi chi vi hay lân hư trần**, đây là “hàng xóm” của hư không), tách hạt Quark ra thì không còn gì nữa mà chỉ còn hiện tượng sóng dao động. **Nghiệp tướng** chính là Thông tin; **Cảnh giới tướng** chính là Vật chất; **Chuyển tướng** chính là Năng lượng. “Vô minh bất giác sanh tam tế” trong Kinh Lăng Nghiêm đã dạy chính là: Chân Tâm (Bản Thể của vũ trụ vạn vật) vốn không dao động, khi Chân Tâm vừa động (khởi tâm động niệm là vô minh bất giác) thì liền hiện ra tướng (Nhất chân pháp giới), rồi tướng này tùy theo thức là vọng tâm mà biến đổi hiện ra vô lượng vô biên cảnh giới tướng của Mười pháp giới, hiện ra Lục đạo luân hồi gọi là “**Duy tâm (Chân Tâm) sở hiện, duy thức (A-lại-da: vọng tâm) sở biến**”.✽

* **Tam Hiền - Thập Thánh - Đại Thánh:** Tam Hiền là quả vị Đại Bồ-tát thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương. Thập Thánh là quả vị Đại Bồ-tát thuộc Thập Địa. Đại Thánh là quả vị Đẳng Giác Bồ-tát (Thập Nhất Địa), cũng có thể gọi Bồ-tát thuộc Địa thứ 10 của Thập Địa (Pháp Vân Địa Bồ-tát) là Đại Thánh.✽

* **A-duy-việt-trí Bồ-tát là Đại Bồ-tát chứng được viên mãn Tam bất thoái chuyển:** A-la-hán chứng được Vị bất thoái, Bồ-tát chứng được Hạnh bất thoái, Pháp Thân Bồ-tát chứng được Niệm bất thoái. Sơ Trụ Bồ-tát trong Viên giáo đã chứng được Tam bất thoái chuyển nhưng chưa viên mãn, không thể gọi là A-duy-việt-trí Bồ-tát. Bồ-tát từ Địa thứ 8 của Thập Địa trở lên là Bất Động Địa Bồ-tát (cũng có chỗ nói là Địa thứ 7 của Thập Địa) mới chứng viên mãn Tam bất thoái chuyển, mới chính là A-duy-việt-trí Bồ-tát. **Từ bậc Bất Động Địa Bồ-tát trở lên đến Diệu Giác Phật, 5 địa vị này đều thấy được duyên khởi của vũ trụ vạn vật, công phu định lực sâu đến mức thấy được tam tế tướng của A-lại-da thức; từ bậc Thất Địa Bồ-tát trở xuống đều không thấy được. Thất Địa Bồ-tát trở xuống vẫn còn bị thoái chuyển.✽**

* **Chư Phật đều có 4 độ: Phạm Thánh Đồng Cư Độ** như Lục đạo luân hồi của thế giới Ta Bà chúng ta đang sống có cả Thánh và phàm ở chung nhưng phàm phu không thấy được Thánh nhân. Ví dụ: Bồ-tát Di Lặc đang ở trời Đâu Suất nội viện còn thiên nhân trời Đâu Suất thì ở ngoại viện, thiên nhân chỉ nghe nói Bồ-tát Di Lặc ở nội viện trời Đâu Suất nhưng họ không thể thấy được. Thiên nhân trời Tứ thiên chỉ nghe nói đến Thánh nhân ở trời Ngũ Tịnh Cư chứ không thấy được. Đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca (ngài là A-la-hán đã cứu mạng Quốc sư Ngô Đạt trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sâm) ở tỉnh Tứ Xuyên nhưng người thông thường không thể thấy được, v.v... **Phương Tiện Hữu Dư Độ** như cõi Tứ thánh pháp giới của thế giới Ta Bà. **Thật Báo Trang Nghiêm Độ** như cõi Thật báo trang nghiêm của thế giới Ta Bà. **Thường Tịch Quang Tịnh Độ** là cõi an trụ của Pháp Thân chư Phật.✽



PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC

“Tôn giáo tương lai sẽ là tôn giáo toàn cầu, vượt lên mọi thần linh giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên đặt trên căn bản của ý thức đạo lý xuất phát từ kinh nghiệm trọng thể gồm mọi phương diện trên – trong cái **Nhất Thể** đầy ý nghĩa. Chỉ có Đạo Phật đáp ứng đủ điều kiện đó! Nếu có một tôn giáo nào đương đầu được với mọi nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để theo khoa học vì Phật giáo bao gồm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học. Tôi là một người không tôn giáo, nhưng nếu có tôn giáo thì tôi phải là một Phật tử! Vì những gì tôi hiểu biết bây giờ thì mấy ngàn năm qua Kinh Phật đã nói hết rồi!”

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

THẾ GIỚI TA BÀ - THẾ GIỚI HOA TẠNG - THẾ GIỚI CỰC LẠC

Hoa Nghiêm Tam Thánh



Phổ Hiền Vương Bồ-tát

Thích Ca Mâu Ni Phật

Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát

Thế giới này gọi là **thế giới Ta Bà** và có một vị Phật làm giáo chủ là đức Tỳ Lô Giá Na Phật (giáo chủ: vị Phật chủ việc giáo hóa phổ độ chúng sanh của một thế giới). Tỳ Lô Giá Na Phật là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật; Lô Xá Na Phật là Viên Mãn Báo Thân Phật; Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Hóa Thân Phật, có vô lượng vô biên ứng hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật khắp hư không pháp giới, trong đó có một ứng thân ở địa cầu này. Bất kỳ vị Phật nào cũng có đủ 3 thân là Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân giáo hóa phổ độ chúng sanh từ Đẳng Giác Bồ-tát đến A-tỳ địa ngục.

Chú thích: **Ta Bà** là tiếng Phạn, dịch là Kham Nhẫn, cõi này có Ngũ trược Ác thế nhưng chúng sanh có thể kham nhẫn chịu được và vui thích sống trong trược ác, rất là cang cường khó hóa độ. **Thích Ca Mâu Ni Phật** thì “Thích Ca” dịch là Năng Nhân (Năng là khả năng hóa độ chúng sanh, Nhân là tâm đại từ đại bi) và “Mâu Ni” dịch là Tịch Mặc (thanh tịnh tịch diệt). Danh hiệu của chư Phật chư Đại Bồ-tát không phải do các Ngài nghĩ ra rồi tự đặt cho mình mà vì để đối trị với tập khí nghiệp chướng ác của chúng sanh ở thế giới đó. Ví dụ: chúng sanh Ta Bà thế giới tâm địa chỉ biết tự tư tự lợi không nghĩ đến lợi ích của chúng sanh khác, không có tâm từ bi; tâm lúc nào cũng tán loạn nghĩ tưởng xằng bậy từ sáng đến tối như khỉ leo cây, như ngựa chạy không ngừng, không thể an định được nên Phật dùng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni.✽

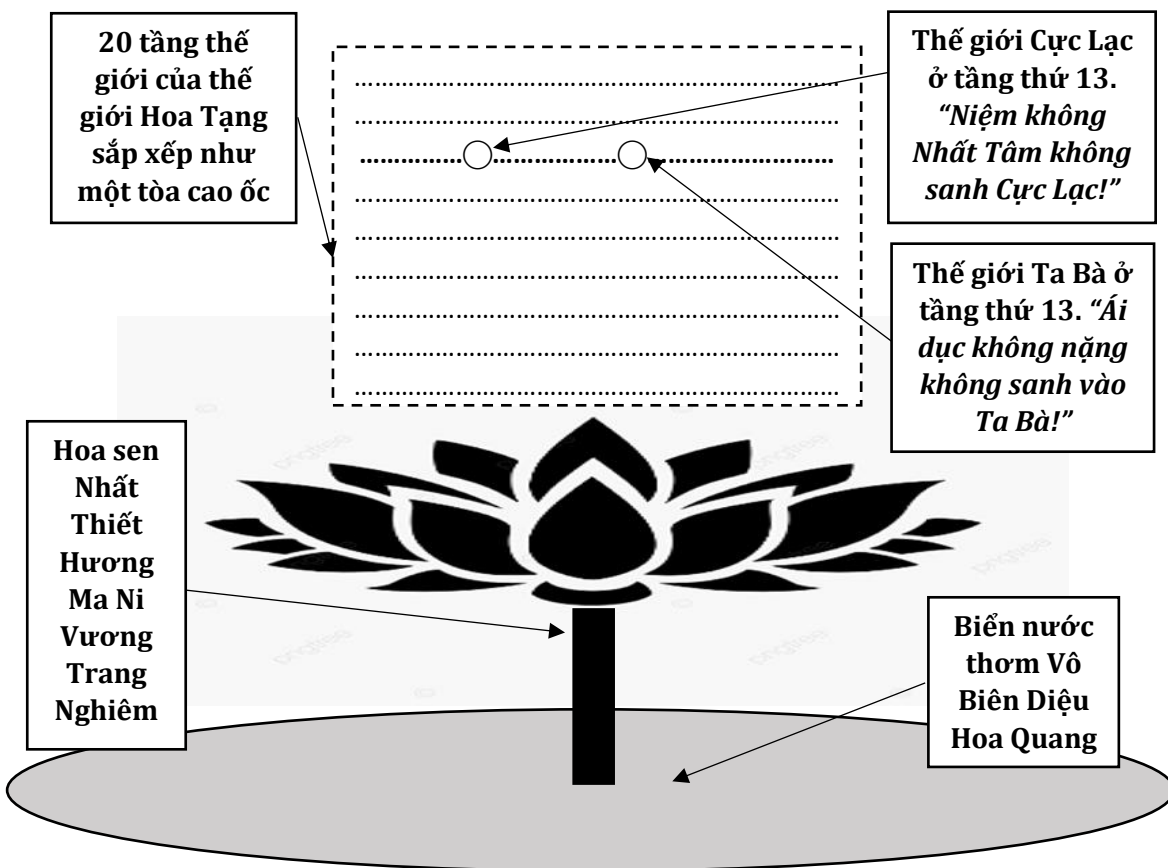
NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trong bộ Kinh Hoa Nghiêm, những thế giới khác gần thế giới Ta Bà nhất gồm 19 thế giới, trong đó có 7 thế giới nằm phía trên thế giới Ta Bà và 12 thế giới nằm phía dưới thế giới Ta Bà, mỗi thế giới đều có một đức Phật giáo hóa chúng sanh.

Tầng 20	Thế giới Diệu Bảo Diễm Phật Phước Đức Tướng Quang Minh
Tầng 19	Thế giới Thanh Tịnh Quang Phổ Chiếu Phật Phổ Chiếu Pháp Giới Hư Không Quang
Tầng 18	Thế giới Ly Trần Phật Vô Lượng Phương Tiện Tối Thắng Tràng
Tầng 17	Thế giới Bảo Trang Nghiêm Tạng Phật Vô Ngại Trí Quang Minh Biến Chiếu Thập Phương
Tầng 16	Thế giới Thanh Tịnh Quang Biến Chiếu Phật Thanh Tịnh Nhật Công Đức Nhân
Tầng 15	Thế giới Chúng Diệu Quang Đăng Phật Bất Khả Tội Phục Lục Phổ Chiếu Tràng
Tầng 14	Thế giới Tịch Tĩnh Ly Trần Quang Phật Biến Pháp Giới Thắng Âm
Tầng 13	Thế giới Ta Bà Phật Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na
Tầng 12	Thế giới Quang Minh Chiếu Diệu Phật Siêu Thích Phạm
Tầng 11	Thế giới Hằng Xuất Hiện Đệ Thanh Bảo Quang Minh Phật Vô Lượng Công Đức Pháp
Tầng 10	Thế giới Kim Cang Tràng Phật Nhất Thiết Pháp Hải Tối Thắng Vương
Tầng 9	Thế giới Xuất Diệu Âm Thanh Phật Thanh Tịnh Nguyệt Quang Minh Tướng Vô Năng Tội Phục
Tầng 8	Thế giới Xuất Sanh Oai Lực Địa Phật Quảng Đại Danh Xưng Trí Hải Tràng
Tầng 7	Thế giới Chúng Hoa Diễm Trang Nghiêm Phật Hoan Hỷ Hải Công Đức Danh Xưng Tự Tại Quang
Tầng 6	Thế giới Tịnh Diệu Quang Minh Phật Phổ Quang Tự Tại Tràng
Tầng 5	Thế giới Phổ Phóng Diệu Hoa Quang Phật Hương Quang Thiện Lực Hải
Tầng 4	Thế giới Chúng Chúng Quang Minh Hoa Trang Nghiêm Phật Kim Cang Quang Minh Vô Lượng Tinh Tấn Lực
Tầng 3	Thế giới Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Phổ Chiếu Quang Phật Tịnh Quang Trí Thắng Tràng
Tầng 2	Thế giới Chúng Chúng Hương Liên Hoa Diệu Trang Nghiêm Phật Sư Tử Quang Biến Chiếu
Tầng 1	Thế giới Tối Thắng Quang Biến Chiếu Phật Tịnh Nhân Ly Câu Đăng

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

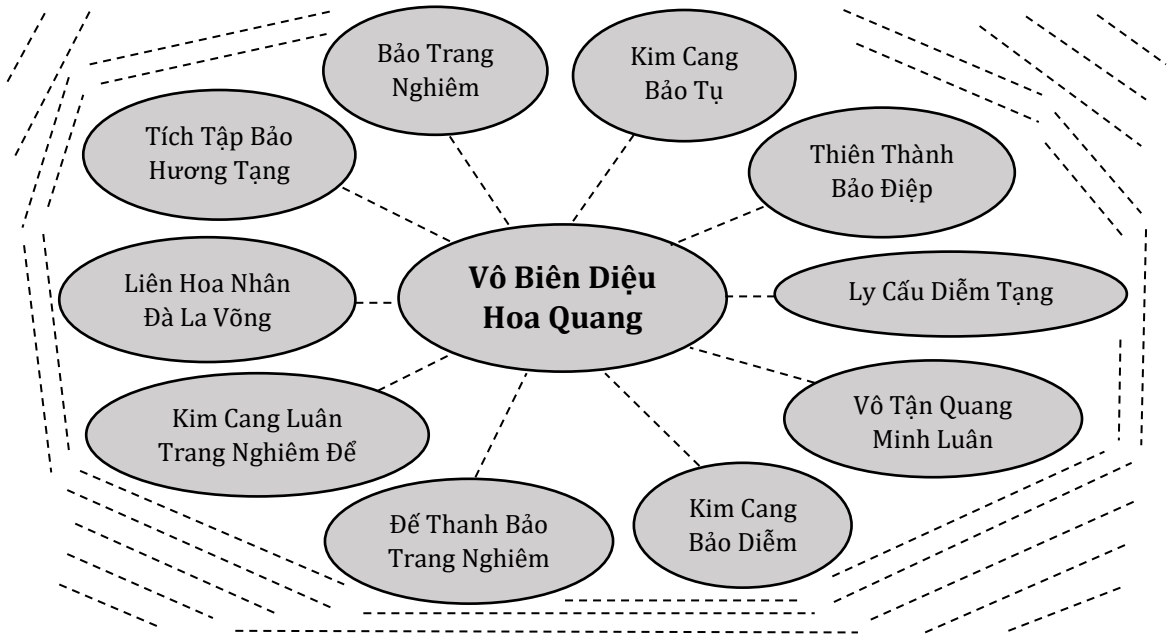
Mỗi một tầng thế giới có vô lượng vô biên thế giới chư Phật khác nhau, thế giới Ta Bà và 19 thế giới đã kể tên chỉ là trung tâm của mỗi tầng. 20 tầng thế giới này nằm trên một hoa sen (hoa sen vũ trụ) tên là Nhất Thiết Hương Ma Ni Vương Trang Nghiêm ở chính giữa biển nước thơm (biển vũ trụ) tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Vì các thế giới chư Phật nhiều đến vô lượng vô biên đều nằm trong hoa sen Nhất Thiết Hương Ma Ni Vương Trang Nghiêm nên gọi là **thế giới Hoa Tạng** (tạng nghĩa là tầng chứa, ẩn tàng). Một đại đơn vị thế giới như thế gọi là **Thế giới chủng**; trong hư không pháp giới vô cùng vô tận có vô lượng vô biên Thế giới chủng như vậy.



Thế giới Ta Bà nằm ở tầng thứ 13 của thế giới Hoa Tạng. **Thế giới Cực Lạc** và thế giới Ta Bà nằm cùng một tầng trong thế giới Hoa Tạng. Thế giới Cực Lạc nằm ở phương tây của thế giới Ta Bà và giáo chủ là **Pháp Giới Tạng Thân A Mi Đà Phật**. Thế giới Cực Lạc do A Mi Đà Phật dùng công đức nguyện lực tu hành trong vô lượng kiếp tạo thành; đây là nơi tinh hoa thù thắng nhất của thế giới Hoa Tạng, cũng là nơi tinh hoa thù thắng nhất của tất cả thế giới chư Phật.

Xung quanh biển nước thơm Vô Biên Diệu Hoa Quang lại có vô lượng vô biên biển nước thơm khác, như ở phía đông biển nước thơm Vô Biên Diệu Hoa Quang gần nhất có biển nước thơm Ly Cầu Diễm Tạng, v.v...

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



Nếu nói theo Sự pháp giới thì Sự Tướng là rộng lớn vô lượng vô biên như thế, gọi là **Hoa Tạng Thế Giới Hải**. Nếu nói theo Lý pháp giới (Lý là Tự Tánh Lý Thể) thì chỉ do Nhất Thể Tự Tánh biến hiện ra. Thế giới Cực Lạc rộng lớn vô lượng vô biên không nơi nào không hiển hiện, chúng sanh hữu tình chỉ cần có tâm tương ứng với công đức nguyện lực của A Mi Đà Phật thì cõi Cực Lạc liền hiện ra.

Thế giới Cực Lạc của A Mi Đà Phật tối thắng siêu vượt hơn tất cả thế giới chư Phật. Thế giới Cực Lạc có rất nhiều đặc điểm do nguyện lực của A Mi Đà Phật gia trì mà tất cả thế giới chư Phật khác đều không có được, như:

1. Tất cả thế giới chư Phật thì Phàm Thánh Đồng Cư Độ là uế độ; Thánh và phàm tuy ở chung nhưng chỉ là tạm thời ở chung (khi duyên độ chúng sanh của các vị Thánh nhân đã hết thì liền nhập diệt); Thánh và phàm rất khó gặp nhau (như Bồ-tát Văn Thù ở núi Ngũ Đài nhưng phàm phu không thể gặp được); số lượng thánh nhân rất ít; việc làm của Thánh và phàm khác nhau (Thánh nhân ở cảnh Thánh còn phàm phu trôi lăn trong luân hồi đau khổ). **Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Cực Lạc là tịnh độ; Thánh nhân và phàm phu đều ở chung một chỗ; phàm và Thánh giống như bạn bè học chung một lớp, A Mi Đà Phật và chư Phật là thầy; Đại Thánh như bậc Đẳng Giác Bồ-tát số lượng nhiều đến không thể tính đếm; phàm và Thánh việc làm đều giống như nhau là cùng đoạn sạch vô minh, cùng tiến lên địa vị Diệu Giác.**

2. Phàm phu ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ của tất cả thế giới chư Phật khác muốn tiến lên Phương Tiện Hữu Dư Độ thì phải đoạn sạch kiến tư phiền não, điều này vô cùng vô cùng khó, từ Phương Tiện Hữu Dư Độ muốn tiến lên Thật Bảo Trang Nghiêm Độ phải phá được ít nhất 01 phàm vô minh, từ Thật Bảo Trang Nghiêm Độ muốn tiến lên Thường Tịch Quang Tịnh Độ phải dứt sạch tập khí vô minh; đây là tiến lên theo chiều dọc, vô cùng vô cùng gian nan vất vả, tiến thì ít mà thoái thì nhiều nên trải qua

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

vô lượng kiếp tu hành cũng có thể vẫn chỉ là phàm phu trong Lục đạo luân hồi. Ở cõi **Cực Lạc thì Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ đều nhập chung thành một chỗ.** Cho nên, phàm phu dù chỉ được sanh về Phàm Thánh Đồng Cư Độ cũng là đã sanh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đây là vượt sanh tử theo chiều ngang.

3. Ở tất cả thế giới chư Phật, hành giả tu hành đa số bị thoái chuyển vì gặp duyên thoái chuyển quá nhiều cho nên dù trải qua vô lượng vô biên kiếp cũng không biết đến lúc nào mới chứng được sơ quả Tiểu-thừa là Tu-đà-hoàn. Ở thế giới **Cực Lạc chỉ có duyên tiến tu chứ không hề có một chút duyên thoái chuyển, cứ tiến tu mãi cho đến khi thành Diệu Giác, đảm bảo một đời thành Phật.** Tu-đà-hoàn đã chắc chắn thoát khỏi Lục đạo luân hồi, chứng Tu-đà-hoàn là tu hành xem như đã có thành tựu. Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng **một đời tu hành được tính là thành tựu hay không thành tựu thì xem ở chỗ có thoát được sanh tử hay không, nếu không thể thoát sanh tử thì dù tu hành như thế nào đi nữa cũng chỉ là uổng phí một đời tu;** vượt thoát Lục đạo luân hồi là tiểu thành tựu, thành Tiểu Thánh nhân; vượt thoát Mười pháp giới là đại thành tựu, thành Đại Thánh nhân. Ở cõi Cực Lạc, đức Phật A Mi Đà nguyện rằng **tất cả chúng sanh hữu tình sanh đến thế giới Cực Lạc đều làm bậc A-duy-việt-trí Bồ-tát** (Kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ nói chữ “làm” chứ không nói chữ “chứng”) nghĩa là dù phàm phu ở A-tỳ địa ngục tuy một phẩm phiền não cũng chưa đoạn nhưng nếu được vãng sanh về Cực Lạc thì sẽ có Trí-huệ - thần thông - đức năng - tướng hảo ngang bằng bậc Bát Địa Bồ-tát trong Viên giáo trở lên, ngay lập tức làm bạn đồng hành với các vị Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, v.v...; ngay lập tức vượt thoát Lục đạo luân hồi; ngay lập tức vượt thoát Mười pháp giới; ngay lập tức vượt qua những địa vị A-la-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát và Phật trong Mười pháp giới; v.v...

4. Ở các thế giới chư Phật khác, địa vị Sơ Trụ Bồ-tát trong Viên giáo phải tu hành trải qua 3 đại a-tăng-kỳ kiếp (3 đại a-tăng-kỳ kiếp là chỉ cho vô lượng vô biên kiếp) cứ tiến tiến thoái thoái mới thành Thập Địa Bồ-tát. A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tu từ Sơ Trụ đến Sơ Địa; a-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu từ Sơ Địa đến Thất Địa; a-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu 3 địa vị Bát Địa, Cửu Địa và Thập Địa. **Sơ Trụ Bồ-tát trong Viên giáo vãng sanh về Cực Lạc là Thượng phẩm Thượng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ, lập tức thành Thập Địa Bồ-tát, nhanh đến mức không thể nghĩ bàn, đem 3 đại a-tăng-kỳ kiếp gom lại thành một sát-na.** Vì lý do này nên Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện sau cùng trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát dùng Thập Đại Nguyện Vương dẫn toàn bộ Hải Hội Hoa Nghiêm gồm 41 bậc Pháp Thân Đại sĩ đồng cầu sanh về thế giới Cực Lạc thân cận đức Phật A Mi Đà để có thể nhanh chóng chứng được quả Phật viên mãn (số lượng Pháp Thân Bồ-tát này nhiều vô lượng vô biên).

5. Ở cõi Cực Lạc, dù địa vị thấp nhất là Hạ phẩm Hạ sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng có năng lực phổ độ chúng sanh gần giống như đức Phật A Mi Đà.

LỤC TỔ HUỆ NĂNG

Thiền sư Huệ Năng (638 - 713) là người mà Ân sư Thích Tịnh Không thường xuyên giảng đến trong rất nhiều bài giảng kinh, cho nên chúng ta không thể không biết về những điểm chính trong cuộc đời tu hành của Ngài.

Ngài họ Lu (Lô) tên Huệ Năng, là vị Tổ sư thứ 6 của Thiền tông Trung Hoa, cha tên Lu Hành Thao, mẹ là Lý thị, người gốc vùng Phạm Dương, huyện Uyển Bình, tỉnh Hà Bắc; vốn là một vị quan nổi tiếng thời Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) nhưng sau đó bị cách chức và đày đi làm thường dân ở vùng Tân Châu, miền Lĩnh Nam. Cha mẹ Ngài đã lấy nhau hơn 20 năm mà vẫn chưa có con. Một hôm, phu nhân Lý thị nằm mơ thấy hai bụi cây ở trước cửa nhà nở đầy hoa trắng, hoa trắng lại biến thành một đôi hạc trắng vỗ cánh bay vút lên trời cao, rồi lại có một mùi hương lạ tràn ngập gian phòng của bà lúc lâu sau mới từ từ tan đi. Phu nhân tỉnh giấc thì phát hiện mình đã có thai. Theo truyền thuyết, phu nhân mang thai 6 năm mới sinh ra Ngài (vào năm Trinh Quán thứ 12). Lúc Ngài vừa ra đời, từ trên không trung có một luồng hào quang rực rỡ chiếu đến, trong nhà lại có một mùi hương lạ thơm ngào ngạt. Sáng hôm sau có 2 vị thần Tăng tướng mạo phi phàm tìm đến nhà Ngài hỏi thăm, sau khi nói lời chúc mừng thì 2 vị Tăng nói rằng họ đến để đặt tên cho đứa bé là Huệ Năng: Huệ có nghĩa là người có đại Trí-huệ, Năng có nghĩa là có năng lực hoằng dương Phật pháp phổ độ chúng sanh. Vừa nói xong thì 2 vị Tăng liền biến mất khiến cho cụ Thao và phu nhân vô cùng kinh dị. Ngài ra đời vào lúc Pháp sư Huyền Trang vẫn đang đi thỉnh kinh ở Ấn Độ.

1. Người con chí hiếu. Cha qua đời khi Ngài lên 3 tuổi, hai mẹ con dời nhà đến vùng Nam Hải sống qua những chuỗi ngày gian khổ nhờ vào nghề may vá của phu nhân Lý thị. Ngài không được đi học nên **không biết chữ**. Ngài từ nhỏ đã lao động vất vả phụ giúp mẹ, khi trưởng thành thì Ngài vào rừng đốn củi gánh ra chợ bán lấy tiền nuôi dưỡng mẹ già. Năm 24 tuổi, trong một lần đem củi đến tiệm bán cho khách, sau khi bán xong, Ngài sắp sửa ra về thì nghe có tiếng tụng kinh, Ngài nghe đến câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (nghĩa là “vô trụ sanh ra Chân Tâm”) thì Ngài thấy chấn động lớn lao trong tâm giống như được khai ngộ (Kiến Tánh). Ngài hỏi vị khách làm thế nào mà có được bộ kinh đó. Người khách tên là An Đạo Thành nói với Huệ Năng đây là Kinh Kim Cang thỉnh từ nơi Ngũ tổ Hoằng Nhẫn ở chùa Đông Thiền trên núi Huỳnh Mai, đất Kỳ Châu. Huệ Năng nghe xong thì vô cùng háo hức. Về nhà, Ngài nói với mẹ tâm nguyện học Phật của mình, nhưng **Ngài nghĩ rằng nếu mình đến chùa Đông Thiền theo Ngũ tổ Hoằng Nhẫn tu học Phật pháp thì mẹ già sẽ không có người sớm hôm chăm sóc nên Ngài không đi nữa**. Mẹ nói với Ngài: “Lúc con sanh ra đã là con của Phật, ngay cả tên của con cũng là do 2 vị thần Tăng đặt cho, nay con nên theo Ngũ tổ học Phật, tiền bán củi còn dư con gửi ở các nơi cũng đủ cho mẹ sinh sống qua ngày”. Tuy nghe mẹ nói vậy nhưng Ngài vẫn quyết định ở nhà phụng dưỡng mẹ già. An Đạo Thành biết được chuyện này, ông thấy Huệ Năng nghèo

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

khô không được đi học mà lại có tâm tha thiết mong cầu Phật pháp nên phát tâm giúp đỡ Ngài chăm sóc mẹ già để Ngài yên tâm học Phật, lại lấy ra 10 lượng bạc giúp Ngài làm lộ phí. Huệ Năng rất cảm động trước tấm lòng của An Đạo Thành. Sau khi xếp đặt việc phụng dưỡng mẹ già xong, Ngài từ giã mẹ già lên đường cầu Đạo.

2. Hết lòng tôn kính phụng sự lão sư. Học Phật chỉ có một tâm nguyện muốn thành Phật. Nhẫn nhục chịu đựng được tất cả mọi khổ nhục dày vò khi học Phật. Ngài đi bộ gần 2 tháng mới đến núi Huỳnh Mai, tới lễ lạy Ngũ tổ, Ngũ tổ hỏi: “Ông là người phương nào? Đến đây muốn cầu việc chi?”. Ngài đáp: “Con là người Tân Châu, xứ Lãnh Nam, ở phương xa tới đây lạy tổ sư **chỉ mong cầu thành Phật, chẳng mong cầu chi khác!**”. Ngũ tổ khảo nghiệm Ngài: “Người ở xứ Lãnh Nam, là giống man di mọi rợ, thành Phật thế nào được?”. Ngài nói: “Con người tuy phân ra Bắc Nam, cái thân mọi rợ này đối với tổ sư tuy chẳng giống nhau nhưng cái Tánh Phật không có khác chi?”. Lúc ấy, Ngũ tổ thấy đại chúng đã vây quanh nên bảo Ngài: “Con hãy theo chúng xuống nhà bếp làm việc”. Ngài hỏi thêm: “Thưa Hòa thượng, thầy dạy con làm công việc gì? Vì **tự tâm con thường sanh Trí-huệ**, chẳng lia Tự Tánh tức là có phước điền rồi!”. Ngũ Tổ nói: “Căn tánh của con thật là sáng suốt! Con chớ nên nói nữa! Hãy mau đến nhà bếp làm công việc đi”. Ngài vâng lời thầy liền đi ra nhà sau làm việc. **Ngài nhận những công việc nặng nhọc nhất như chẻ củi, giã gạo; kiên nhẫn làm việc. Mỗi lần giã gạo nếu không có người phụ giúp thì Ngài phải đeo trên lưng nhiều gạch đá cho đủ sức nặng mới đập được đầu cối giã gạo lên. Hơn 8 tháng ở núi Huỳnh Mai, Ngài chỉ làm công việc chẻ củi giã gạo nặng nhọc ở nhà bếp, chưa một lần dám bước chân đến Thiền đường để tham thiền, chưa một lần dám bước chân đến Pháp đường để nghe Ngũ tổ giảng kinh, hết lòng vâng lời thầy không dám trái phạm, không có một lời than thở với ai.** Một hôm, Ngũ tổ ra sau chùa gặp Ngài nói: “Ta thấy con là người Trí-huệ, có kiến giải khác thường không giống mọi người. Trong tương lai, con có thể thành tựu nhưng ta e có kẻ sanh tâm đố kỵ ghen ghét tìm cách làm hại con. Vì thế ta đã không nói chuyện với con nhiều. Con có hiểu không?”. Huệ Năng nói: “Thưa thầy, con hiểu ý thầy, vì thế con cũng không dám tùy tiện ra trước Pháp đường để tránh người khác sanh tâm nghi ngờ, bàn chuyện thị phi”. Tổ nói: “Nếu vậy thì tốt. Sau này, con sẽ có nhiều cơ hội đến nghe ta thuyết pháp. Hiện giờ, con nên nhẫn nại, chỉ cần một đoạn thời gian ngắn nữa thì cơ duyên sẽ chín muồi”.

3. Khiêm hạ và cung kính đối với tất cả mọi người. Một hôm, Ngũ tổ tập hợp đại chúng lại dạy rằng: “Ta nói cho đại chúng biết: **Việc sanh tử của đời người là việc lớn, các người ở nơi đây suốt ngày chỉ cầu phước báo chứ chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử. Nếu như Tự Tánh mình đã mê muội thì phước nào cứu được?** Mỗi người hãy tự xem Trí-huệ của mình, lấy Tánh Bát Nhã của tâm mình mà làm một bài kệ trình cho ta xem. Nếu ai hiểu đại ý thì ta sẽ truyền y bát và tâm pháp làm tổ thứ 6 nối huệ mạng Phật. Vậy các người hãy đi làm kệ cho mau, chớ nên chậm trễ!”. Đại chúng cho rằng chỉ có Thượng tọa Thần Tú (là thầy giáo thọ thường thay mặt Ngũ tổ

thuyết pháp) là người xứng đáng có được y bát. Thần Tú tự biết chưa thấy Tánh nên rất sợ viết kệ trình lên, tuy làm được bài kệ và muốn trình lên Ngũ tổ nhưng mỗi lần đến trước phòng tổ thì trong lòng đâm ra hoảng hốt, lại quay về; trước sau 13 lần đi đi lại lại như thế trải qua 4 ngày tâm thần hoang mang bất ổn. Sau cùng, đêm khuya không người, ông cầm đèn lên vách tường phía nam nhà Nguyễn viết vội bài kệ như sau: *“Thân như cây Bồ-đề. Tâm như đài gương sáng. Thời thời thường lau chùi. Chớ để dính bụi dơ!”*. Sau khi viết xong bài kệ, về phòng, Thần Tú cứ lo nghĩ mãi, suốt đêm nằm ngòai chẳng yên. Sáng hôm sau, Ngũ tổ dẫn Lư Cung Phụng đến chỗ vách tường phía nam nhà Nguyễn để vẽ cảnh đức Phật thuyết pháp tại hội Lăng Già và bản đồ năm vị tổ sư tại Trung Hoa. Khi trông thấy bài kệ ấy trên vách tường, Ngài nói: “Này quan Lư, thôi không cần vẽ nữa, đề bài kệ ấy cho người trì tụng tu hành khỏi đọa đường ác, có lợi ích lớn, thật là nhọc công quan từ xa tới đây!”. Ngũ tổ gọi các đệ tử đến và dạy phải đốt hương kính lễ tụng niệm bài kệ này sẽ được nhiều lợi ích. Mọi người đều khen kệ hay. Buổi tối, Ngũ tổ cho gọi Thần Tú đến và hỏi: “Có phải bài kệ ấy do thầy làm không?”. Thần Tú đáp: “Vâng, bài kệ ấy do con viết, nhưng con chẳng dám cầu ngòai tổ, chỉ mong hòa thượng từ bi xem con có chút Trí-huệ nào không?”. Ngũ Tổ nói: “Bài kệ ấy chưa thấy Tánh, thầy chỉ mới tới ngoài cửa chứ chưa bước qua cửa vào trong nhà. Vậy, thầy hãy về suy nghĩ thêm một hai ngày nữa để làm một bài kệ khác đem lại cho ta xem, nếu bài kệ vào được cửa Đạo thì ta sẽ truyền tâm pháp, giao bình bát và áo Ca-Sa cho”. Sau hai ngày, có một người trong lúc đang đọc tụng bài kệ ấy đi ngang qua phòng già gạo; Huệ Năng đang già gạo nghe được liền hỏi người ấy: “**Nhân giả (Nhân giả là tiếng xưng gọi Bồ-tát) tụng bài kệ gì vậy?**”. Người ấy đáp: “Kẻ mọi rợ này không biết gì sao? Mấy bữa trước, Ngũ tổ họp đại chúng lại nói rằng: ‘Mỗi người hãy xem xét Trí-huệ của mình, lấy Tánh Bát Nhã của bản tâm mình mà làm một bài kệ trình cho Ngài xem, nếu ai hiểu được đại ý Ngài sẽ truyền tâm pháp, trao bình bát và áo Ca-Sa cho để làm tổ thứ 6. Có một bài kệ viết nơi vách tường phía nam nhà Nguyễn, Ngũ tổ dạy mọi người đều phải đốt hương kính lễ, trì tụng, y theo bài kệ này mà tu hành sẽ không bị đọa vào đường ác và được lợi ích lớn’. Huệ Năng nói: **“Tôi cũng muốn chiêm bái bài kệ ấy để kết duyên đời sau. Tôi ở đây già gạo chẻ củi đã gần 9 tháng mà chưa từng đến nhà Nguyễn, mong Nhân giả dẫn tôi đến chỗ có bài kệ để lễ bái!”**. Khi đến nơi, Ngài nói: “Tôi không biết chữ, xin vị nào đọc bài kệ giùm tôi”. Lúc ấy có vị quan Biệt giá tên Trương Nhật Dung cất tiếng đọc lớn bài kệ. Nghe xong, Ngài nói: **“Tôi cũng có một bài kệ vô tướng, mong ơn quan Thượng nhân (Thượng nhân cũng là cách xưng gọi Bồ-tát) viết giùm tôi!”**; quan Biệt Giá nói: “Người mà cũng biết làm kệ sao? Việc này hiếm có!”. Nghe quan nói lời khinh miệt, Ngài đáp: **“Tôi thường nghe muốn học Đạo Vô Thượng Bồ-Đề thì chẳng nên coi khinh hàng sơ học. Lại có người bậc dưới thấp mà thường phát Trí-huệ rất cao, có người bậc trên cao mà thường thường lại chôn vùi ý chí của mình; nếu khinh người ắt có tội vô lượng vô biên”**. Trương Nhật Dung xấu hổ liền nói: “Xin Ngài hãy đọc đi, tôi viết giùm cho. Nếu Ngài đắc Pháp xin nhớ độ tôi. Đừng quên!”. Huệ Năng liền đọc lớn: **“Bồ-đề vốn**

không cây. Gương sáng cũng không dài. Bốn Lai không một vật. Chỗ nào dính bụi do?”. Bài kệ vừa viết xong thì mọi người đều kinh ngạc: “Lạ thay, người đen đui què mùa như thế, lại không biết chữ mà sao làm kệ lại xuất thần như vậy? Chúng ta chẳng nên xét người bằng diện mạo bề ngoài, bấy lâu nay chúng ta không biết nên đã xem thường, khinh rẻ, sai bảo vị nhục thân Bồ-tát này làm việc nặng nhọc!”. Ngũ tổ thấy bài kệ ấy, biết là của Huệ Năng làm. Ngũ tổ biết có kẻ sẽ làm hại Huệ Năng nên lấy gót giày chà sát xóa bài kệ ấy đi trước mặt đại chúng và nói: “Bài kệ này chưa thấy Tánh!”. Mọi người đều cho là đúng như vậy nên quay về, không còn ai nghĩ tới bài kệ ấy nữa. Ngày hôm sau, Ngũ tổ đến nhà bếp, thấy Huệ Năng mang gạch đá nặng trên lưng mà giã gạo, tổ nói: “**Con vì cầu Đạo vì Phật Pháp mà quên thân mình. Phải đến mức như thế sao!**”. Tổ hỏi: “Gạo trắng chưa?”. Huệ Năng đáp: “Thưa Hòa thượng, gạo đã trắng từ lâu, chỉ còn thiếu giần sàng”. Ngũ tổ gõ gậy lên đầu cối giã gạo 3 lần rồi bỏ đi. Đến canh ba (12 giờ đêm), Ngài vào thất của Ngũ tổ, Ngũ tổ lấy áo Ca-Sa ra, biến hiện che kín thất lại rồi giảng đại ý Kinh Kim Cang cho Ngài nghe. Khi Ngũ tổ giảng tới câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì ngài Đại Triệt Đại Ngộ Minh Tâm Kiến Tánh, nói ra 5 câu (5 câu này Ân sư Thích Tịnh Không thường xuyên giảng giải) trình lên Ngũ tổ như sau:

“Đâu ngờ Tự Tánh vốn tự thanh tịnh!

Đâu ngờ Tự Tánh vốn chẳng sanh diệt!

Đâu ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ!

Đâu ngờ Tự Tánh vốn chẳng lay động!

Đâu ngờ Tự Tánh sanh ra vạn pháp!”

Ngũ tổ nói: “Nếu biết bốn tâm thấy Tự Tánh tức gọi là Trọng phu, là Phật, là thầy của cõi người và cõi trời”. Ngũ tổ trao y bát cho Ngài và nói: “Con làm tổ sư thứ 6 kể từ lúc này, **hãy gìn giữ và nhớ lấy Đạo tâm của mình**, quảng độ chúng sanh và lưu truyền chánh pháp cho đời sau đừng để đoạn tuyệt!”. Lúc này, Ngài 24 tuổi. Sau đó, Ngũ tổ nói kệ: “*Hữu tình được gieo giống. Nhân gieo quả ắt sanh! Vô tình không có giống. Vô tánh cũng không sanh!*”. Ngũ tổ dặn: “Xưa kia chư Phật chỉ truyền cái Bốn Lai là cội gốc của các pháp; y bát là cái mối để người đời tranh giành, truyền đến con thì đừng truyền nữa! Giờ con mau rời khỏi nơi này kẻo có kẻ làm hại con!”. Trong đêm tối lại không thuộc đường đi nên Ngài hỏi Ngũ tổ: “Con nên đi đến xứ nào? Đêm tối thế này con không thông thuộc đường đi quanh đây, làm sao con ra khỏi nơi này mà đi?”. Ngũ tổ nói: “Không lo, để ta dẫn con đi; khi gặp Hoài (huyện Hoài) nên ở lại, gặp Hội (huyện Tứ Hội) phải ản nương nơi đó”. Ngũ tổ dẫn Ngài đi đến chỗ neo thuyền và bảo Ngài lên thuyền, tổ đích thân chèo thuyền đưa Ngài đến trạm Cửu Giang. Thuyền đi một đoạn thì Ngài nói với tổ: “**Khi mê thầy độ, ngộ rồi**

con tự độ. Thầy để con chèo thuyền!”. Trước khi từ biệt, Ngũ tổ nói: “Từ nay về sau, Phật pháp do con hoàng dương quảng đại; con đi rồi, 3 năm sau ta sẽ thị tịch; con hãy gắng sức đi về phương nam nhưng chớ nên vội thuyết pháp vì Phật pháp khó mở bày, **phải tùy duyên, hãy nhớ lấy**”. Ngũ tổ trở về, mấy ngày sau không ra giảng đường, đại chúng thắc mắc bèn đến thăm và nói: “Hòa thượng có bệnh hay sao mà không thấy ra giảng đường?”. Ngũ tổ nói: “Ta chẳng có bệnh chi nhưng y bát đã truyền về phương nam. Ta đã truyền y bát và tâm pháp cho Huệ Năng rồi!”. Đại chúng hết sức kích động, liền cho rằng Huệ Năng dùng tà thuật cướp y bát của Ngũ tổ nên đuổi theo Ngài lấy lại, chỉ có một vị Tăng tên là Huệ Minh lúc chưa xuất gia làm chức Tứ phẩm tướng quân đuổi kịp. Vừa trông thấy có người đuổi tới gần, Huệ Năng để y bát trên một tảng đá rồi nói: “Y bát này là vật làm tin, có thể dùng sức mà tranh giành được sao?”. Nói rồi, Ngài ẩn mình trong đám cỏ tranh gần đấy, Huệ Minh vừa thoáng thấy bóng Ngài thì vội vàng chạy đến, thấy áo Ca-Sa và bình bát ở trên tảng đá mà chẳng thấy người đâu. Huệ Minh mừng rỡ tới lấy y bát nhưng cố sức cũng không có cách nào nhắc lên được. Huệ Minh biết rằng Huệ Năng đã đắc Đạo, có thần thông nên nói lớn rằng: “Hành giả! Hành giả! Tôi vì Pháp mà đến đây chớ chẳng phải vì tranh y bát đâu. Xin hành giả từ bi thương xót!”. Nghe vậy, Huệ Năng bước ra khỏi đám cỏ tranh, đến ngồi trên tảng đá; Huệ Minh liền làm lễ rồi nói: “Mong ơn hành giả nói pháp cho tôi nghe!”. Ngài nói: “Ông vì cầu pháp mà đến đây thì **phải dứt hết duyên trần, chớ khởi một niệm tưởng**, tôi sẽ nói rõ Phật pháp cho ông nghe”. Im lặng một lúc, Ngài đợi Huệ Minh thực hành điều vừa nói rồi mới bảo: “Ông không nghĩ điều thiện, không nghĩ điều ác, chính trong thời gian đó, cái ấy, tức là thấy rõ bản lai diện mục (mặt mũi xưa nay vốn có) của Thượng tọa Huệ Minh”. Huệ Minh vừa nghe xong liền khai ngộ, lại hỏi: “Ngoài các lời nói và ý chỉ mật nhiệm do tổ truyền xuống từ xưa tới nay thì còn có ý chỉ mật nhiệm nào nữa không?”. Ngài nói: “Chỗ tôi nói với ông đó chẳng phải là mật nhiệm; nếu ông trở vào trong quán chiếu tức hội quang phản chiếu thì thấy chỗ mật nhiệm ở nơi ông!”. Huệ Minh nói: “Tôi tuy ở tại Huỳnh Mai với Ngũ tổ đã lâu nhưng chưa hề biết được cái bản lai diện mục của mình. Nay nhờ sự chỉ dạy của hành giả nên đã sáng tỏ, như người uống nước nóng lạnh tự mình hay biết. Hành giả nay tức là thầy của Huệ Minh vậy!”. Ngài nói: “**Tôi cùng ông đồng thờ một thầy là đức Huỳnh Mai Ngũ tổ; ông hãy giữ gìn và nhớ lấy Đạo tâm của mình!**”. Huệ Minh nói: “Từ nay về sau Huệ Minh này phải đi xứ nào, xin hành giả chỉ bảo cho”. Ngài đáp: “Ông đến Viên Châu nên ngừng lại, gặp núi Mông Sơn phải ở đó”. Thầy Huệ Minh vui mừng phấn khởi, liền làm lễ rồi từ giả trở lui, xuống tới chân núi bảo đại chúng đang đuổi theo: “Tôi kiếm cùng khắp các đường trên núi mà chẳng có dấu vết gì cả, chúng ta đi đường khác mà kiếm!”. Mọi người đều kéo nhau theo đường khác tìm kiếm. Ngài đi đến thôn Tào Hầu thuộc tỉnh Thiệu Châu gặp được bà Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, bà chuyên thọ trì đọc tụng Kinh Niết Bàn mà nhiều chỗ không hiểu. Ngài nghe Bà đọc kinh qua một lần liền hiểu hết diệu nghĩa của kinh. Bà cầm kinh hỏi chữ, Ngài nói: “Hỏi nghĩa thì được chớ hỏi chữ thì chẳng biết”. Bà nói: “Chữ còn chẳng biết thì làm sao hiểu nghĩa được?”. Ngài đáp:

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

“**Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng tới văn tự!**”. Ngài giảng Kinh cho bà nghe thì bà liền khai ngộ. Bà nói với các bậc trưởng lão trong thôn rằng: “Đây là người có Đạo, rất nên cúng dường”. Mọi người bảo nhau sửa chữa lại ngôi chùa cổ đã hư nát và mời Ngài ở đó. Ngài ở đó được khoảng 9 tháng thì có bọn ác nhân tìm đến, Ngài phải trốn vào rừng núi; lại bị bọn ấy đốt cháy rừng núi; Ngài phải ẩn thân nơi kẽ đá để thoát nạn; nay còn dấu vết ngòi trên đá và dấu lằn áo trên đá, người đời gọi đá ấy là “đá tị nạn”.

4. **Tâm từ bi không sát sanh.** Ngài nhớ lời Ngũ tổ dặn nên đến ẩn nương nơi huyện Tứ Hội. Ở đây, Ngài gặp và ở chung với những người thợ săn. Họ thường bảo Ngài coi giữ lưới săn. **Khi Ngài thấy động vật lọt vào lưới thì đem thả ra hết.** Ăn cơm với thợ săn thì **Ngài chỉ ăn rau trong nồi nấu thịt, có người hỏi thì Ngài nói mình chỉ ăn rau.** Ngài ở trong phường thợ săn 15 năm, chịu đựng rất nhiều khổ nhục.

5. **Hộ trì chánh pháp.** 15 năm trôi qua, vì mọi người đã quên chuyện Ngũ tổ trao y bát cho Ngài nên Ngài muốn hoằng pháp lợi sanh. Ngài đi đến chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu. Hôm ấy, Pháp sư Ấn Tông đang giảng Kinh Niết Bàn thì một luồng gió mạnh thổi động lá phướn, mọi người đều thấy, một vị Tăng nói: “Gió động!”. Một vị Tăng khác nói: “Phướn động!”. Hai vị Tăng nói qua nói lại chẳng dứt, thấy thế Ngài bước đến nói rằng: “Không phải gió động, cũng chẳng phải phướn động, ấy là tâm của quý thầy động mà thôi!”. Mọi người nghe nói đều kinh ngạc, Pháp sư Ấn Tông thấy vậy liền mời Ngài ngồi lên giảng tòa và hỏi những nghĩa lý huyền ảo, đều được Ngài trả lời trôi chảy với ngôn ngữ giản dị, nghĩa lý thích hợp không lấy từ văn tự. Pháp sư Ấn Tông nói: “Hành giả chẳng phải là người thường, đã lâu tôi có nghe nói y bát của Ngũ tổ đã truyền cho Lục tổ về phương nam, có phải là về tay hành giả không?”. Ngài trả lời: “**Tôi không dám! (thái độ khiêm hạ)**”. Pháp sư Ấn Tông liền làm lễ trước Ngài và xin Ngài bày y bát ra để đại chúng được chiêm bái. Sau khi thấy y bát rồi, Ấn Tông lại hỏi: “Đức Huỳnh Mai sau khi phó chúc rồi, Ngài truyền thọ như thế nào?”. Ngài đáp: “Ngũ tổ không truyền thọ chi cả, chỉ có luận môn thầy Tánh thành Phật, Ngài chẳng luận pháp Thiên-định và pháp giải thoát”. Ấn Tông hỏi: “Sao chẳng luận pháp Thiên-định và pháp giải thoát?”. Ngài đáp: “Vì hai pháp ấy chẳng phải là Phật pháp, **Phật pháp là pháp không hai!**”. Ấn Tông nói: “Phật pháp là pháp chẳng hai nghĩa là sao?”. Ngài đáp: “Thầy giảng Kinh Niết Bàn đã hiểu rõ **Phật Tánh tức pháp chẳng hai của Phật pháp.** Ví dụ như Cao Quý Đức Vương Bồ-tát thừa với Phật rằng: ‘Người phạm bốn điều trọng cấm (dâm dục, trộm cướp, giết người và nói bốn điều vọng ngữ), làm năm điều đại nghịch (giết cha, giết mẹ, hại A-la-hán, phá hoại chúng Tăng hòa hợp, khởi ác ý mong làm hại Phật) thì thiện căn và Phật Tánh có bị đoạn diệt chăng?’. Phật đáp rằng: ‘**Thiện căn có hai thứ: một là thường, hai là vô thường; còn Phật Tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường cho nên Phật Tánh không đoạn diệt, ấy gọi là pháp chẳng hai**’. Ấn Tông nghe Ngài giảng thì vui mừng chấp tay thưa rằng: “Sự giảng kinh của tôi như gạch bẻ ngói vỡ, sự luận nghĩa của Ngài cũng như vàng ròng”.

Pháp sư Ấn Tông là người giảng kinh rất nổi tiếng trong vùng, ông có địa vị rất cao. Ấn sư Thích Tịnh Không giảng rằng sau khi Ấn Tông thế phát cho Huệ Năng xuất gia thì lại bái ngược Huệ Năng làm thầy, ngay lập tức địa vị của Huệ Năng liền vượt trội, rất có lợi cho việc hoằng dương Phật pháp phổ độ chúng sanh. Vì nếu dựa vào bản thân Ngài thì ít nhất phải mất mười năm đến hai mươi năm mới có được địa vị như vậy. Cho nên, **công đức của Lục tổ đã làm trong một đời thì Pháp sư Ấn Tông có một nửa. Pháp sư Ấn Tông hộ pháp cho Lục tổ.** Nếu là kẻ tâm địa nhỏ mọn đố kỵ thì khi thấy Lục tổ hơn mình sẽ tìm cách làm hại Ngài.

6. Thọ trì đọc tụng kinh điển Đại-thừa rất quan trọng, phương pháp thọ trì đọc tụng kinh là 10 năm chỉ học một bộ kinh không được thay đổi, “một môn thâm nhập huân tu lâu dài” (Chúng ta tu Tịnh Độ thì học Kinh Vô Lượng Thọ, đây là bộ Kinh Trung Chi Vương của toàn bộ Phật pháp; đọc tụng ít nhất 3000 bộ trong 10 năm, chuyên tâm nghe giảng Kinh Vô Lượng Thọ và thực hành giáo lý trong Kinh Vô Lượng Thọ vào đời sống hàng ngày không để gián đoạn). Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng được khai ngộ do bà có nền tảng công phu chuyên tâm thọ trì một bộ Kinh Niết Bàn rất nhiều năm, Lục tổ chỉ cần điem hóa trên nền tảng công phu ấy thì bà khai ngộ. Một ngày nọ, có một vị Thiền sư tên là Pháp Đạt đến thỉnh pháp với Lục tổ; ông thọ trì đọc tụng bộ Kinh Pháp Hoa 10 năm nhưng chưa khai ngộ, ông đến lạy Tam Bảo thì Lục tổ thấy rất rõ trán ông không chạm đất, liền hỏi: “Ông có điều gì đáng kiêu ngạo?”. Ông ấy nói: “Tôi đọc tụng 3000 bộ Kinh Pháp Hoa rồi nhưng chưa khai ngộ”. Kinh Pháp Hoa rất dài, nếu mỗi ngày tụng 1 bộ thì cũng mất 10 năm! Lục tổ nói: “Ông đọc kinh nhiều như thế chắc đã thuộc, ông thử đọc ta nghe xem!”. Thiền sư Pháp Đạt đọc xong phẩm đầu tiên là phẩm Phương Tiện thì Lục tổ nói: “Không cần đọc nữa! Ta hiểu toàn bộ kinh rồi!”, liền giảng cho Thiền sư Pháp Đạt nghe, nghe xong ông liền khai ngộ, khi lạy Tam Bảo thì trán chạm đất.

7. Một số lời dạy:

* **Tọa (ngồi) thiền** là đối với cảnh giới bên ngoài thì tâm niệm chẳng khởi lên gọi là tọa; đối với bên trong thì thấy Tự Tánh mình chẳng động gọi là thiền. **Thiền-định** là bên ngoài lìa tất cả các tướng (không dính hình tướng) gọi là thiền; bên trong tâm chẳng loạn (không động) gọi là định.

* **Giới - Định - Huệ:** **Giới** là ngăn ngừa không cho tạo các nghiệp ác; tức là tịnh thân, tịnh khẩu, tịnh ý. **Định** là ngoài không nhiễm trần cảnh, trong không tán loạn; trong ngoài vắng lặng. **Huệ** là tâm địa trống không, trong sạch, niệm niệm thấy Tự Tánh, tâm địa quang minh soi thấu muôn vật (vạn pháp). **Định - Huệ (Thiền-định và Trí-huệ) vốn là Nhất Thể** chẳng phải hai; định là thể của huệ, huệ là dụng của định; trong định có huệ, trong huệ có định.

* Ngài nói: “Những lời ta thuyết pháp từ lúc ở chùa Đại Phạm đến ngày nay phải biên chép lại mà lưu hành và phải để nhan đề là **Pháp Bảo Đàn Kinh!**”.

* “**Người cầu sanh về thế giới tây phương Cực Lạc cần phải tránh làm mười điều ác (10 điều trái với Thập thiện nghiệp: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói độc ác, tham lam, sân hận, si mê) và tránh phạm tám điều tà (8 điều trái với Bát chánh đạo: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định) thì tâm sẽ được tự tại thanh tịnh, khi đó cõi Cực Lạc sẽ hiện tiền tại tâm!**”.

Thập Thiện Nghiệp gồm:

- ✓ **Không sát sanh:** không giết hại thân mạng và Pháp Thân Huệ Mạng của tất cả chúng sanh, đến ý niệm làm tổn hại chúng sanh cũng không được có.
- ✓ **Không trộm cướp:** không được chiếm đoạt bất kỳ thứ gì thuộc sở hữu của chúng sanh, cho đến ý niệm muốn chiếm đoạt một chút lợi ích tiện nghi của chúng sanh cũng không được có.
- ✓ **Không tà dâm:** đối với chúng xuất gia thì không làm hạnh dâm dục; đối với chúng tại gia thì ngoài người phối ngẫu ra không được hành dâm với đối tượng khác (phải hiểu rằng việc này chỉ là để duy trì nòi giống tổ tiên, nếu tham dâm dục thì vẫn là tà dâm không khác), không hành dâm phi thời (vào ngày vía Phật Bô-tát, ngày trai, v.v....), phi địa (ngoài giường ngủ của vợ chồng), phi khí (ngoài cơ quan sinh dục của vợ chồng), hành dâm với động vật,...; xuất gia lẫn tại gia cho đến ý niệm háo sắc và ý niệm dâm cũng không được có.
- ✓ **Không nói dối:** không nói lời lừa gạt chúng sanh, cho đến ý niệm lừa gạt chúng sanh cũng không được có.
- ✓ **Không nói hai lưỡi:** không nói lời khuấy đảo thị phi để gây bất hòa thù oán giữa hai bên, cho đến ý niệm khuấy đảo thị phi gây bất hòa thù oán cũng không được có.
- ✓ **Không nói thêu dệt:** không nói lời hoa ngôn xảo ngữ mê hoặc chúng sanh, cho đến ý niệm muốn dụ dỗ mê hoặc chúng sanh cũng không được có.
- ✓ **Không nói lời độc ác:** không nói lời thô lỗ ác độc, phải nói lời ôn hòa từ ái.
- ✓ **Không có tâm tham lam**
- ✓ **Không có tâm sân hận**
- ✓ **Không có tâm si mê**

8 điều trái với Bát chánh đạo gồm:

- ✓ **Tà kiến:** chấp thượng đế tạo ra vạn vật và không tin lý nhân quả nghiệp báo; phủ nhận mọi sự vật hiện hữu và không nhận thức chúng từ nhân duyên sanh ra; chấp vào thành kiến và quan niệm không bình đẳng giữa người với muôn vật; cố chấp vào tri thức vọng tưởng và không tin vào những quả vị giải thoát.
- ✓ **Tà tư duy:** suy nghĩ đến 5 dục là tiền tài, sắc dục nam nữ, danh vọng lợi dưỡng, ăn uống, ngủ nghỉ rồi tìm trăm mưu nghìn kế để hại người nhằm đạt được dục vọng; suy nghĩ đến nhiều cách để hơn người, dùng mưu mô để trả thù, dùng tà thuật rồi dựa vào lòng tin của người mê hoặc người.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

- ✓ **Tà ngữ:** lời nói gây chia rẽ, không đúng sự thật; lời nói để làm hại người, xuyên tạc, thiên vị, nịnh bợ; lời nói nguyên rủa, mắng chửi, vu oan giá họa, thô tục; lời nói để bảo vệ Ngã và Ngã sở (Ngã là tự tư tự lợi).
- ✓ **Tà nghiệp:** hành vi không giữ gìn phép tắc, giới điều (Giới-luật, luật pháp,...); hành vi chỉ vì lợi mình mà hại người.
- ✓ **Tà mạng:** sống không chân chánh, làm tổn hại và nhiễu loạn tâm trí mọi người; sống luôn cúi, dùng miệng lưỡi và mồi lái để giao dịch thân thiện; sống chạy theo mê tín dị đoan; sống nương tựa ăn bám vào kẻ khác.
- ✓ **Tà tinh tấn:** say mê vào 5 dục và khoái lạc; say mê vào lạc thú mà làm tổn hại đến người khác, không biết tiết chế bản thân.
- ✓ **Tà niệm: Úc niệm tà:** nhớ lại những oán hận để phục thù; nhớ lại những hạnh phúc mong manh giả tạm không có lợi ích gì; nhớ lại những hành động oai hùng, dùng thủ đoạn xảo trá và tàn bạo trong quá khứ để hãnh diện tự đắc.
Quán niệm tà: nghĩ đến dục lạc, khoái cảm; nghĩ đến kẻ sách, âm mưu và phương tiện giết hại lẫn nhau; nghĩ đến văn tự xảo trá để lừa gạt người.
- ✓ **Tà định:** Thiên-định để cầu sau khi chết được sanh vào các cõi trời; Thiên-định để luyện bùa chú, luyện ngải, thần thông, phép lạ, trường sanh bất tử.

Lục tổ Huệ Năng cả đời độ được 43 người Minh Tâm Kiến Tánh, tức là 43 người chứng được địa vị Pháp Thân Bồ-tát. Từ xưa đến nay, Thiên tông chỉ là đơn truyền vì người tu Thiên thì rất nhiều rất nhiều nhưng người thật sự khai ngộ lại quá hiếm quá ít; từ Sơ tổ Đạt Ma truyền đến Nhị tổ Huệ Khả, Tam tổ Tăng Xán, Tứ tổ Đạo Tín, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, đến Lục tổ Huệ Năng mới phát dương quang đại độ được 43 người thành Phật. Thiên phái Trúc Lâm của Việt Nam chỉ có 3 vị Minh Tâm Kiến Tánh là Sơ tổ Phật hoàng Trần Nhân Tông, Nhị tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền Quang. Thiên tông là pháp môn chỉ dành cho bậc căn cơ tối thượng thừa, không phải hạng căn tánh thông thường có thể đạt được lợi ích chân thật từ pháp môn này.

Ân sư Thích Tịnh Không dạy rằng khi Ân sư học Phật thì cả 3 vị thầy đều cảnh báo Ngài nhất định không được học theo Lục tổ Huệ Năng, vì trước Lục tổ không có ai làm được như thế và sau Lục tổ cũng sẽ không có ai làm được như thế. Ân sư giảng rằng địa vị chứng đắc khi Minh Tâm Kiến Tánh trong Thiên tông đa số thuộc Thập Trụ, cao hơn thì thuộc Thập Hạnh, còn chưa đến được Thập Hồi Hướng. Cho nên, **Thiên tông khi Minh Tâm Kiến Tánh vẫn chưa chứng được địa vị A-duy-việt-trí Bồ-tát, vẫn còn cách rất xa rất xa địa vị này, vẫn còn có khả năng bị thoái chuyển.** Do đó, sau khi khai ngộ, thầy vẫn dặn học trò “hãy giữ gìn và nhớ lấy Đạo tâm của mình!”, câu nói này nhắc học trò giữ gìn công phu tu hành, đừng để bị thoái chuyển. Một số ông lão bà lão không biết chữ ở thôn quê có thiện căn sâu dày gặp được pháp môn Tịnh Độ, họ thành tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc 3 năm liền thành trụ, liền biết trước ngày giờ ra đi, đứng (ngồi) vãng sanh, họ đến thế giới Cực Lạc thì “làm A-duy-việt-trí Bồ-tát”; cái địa vị này cao hơn Minh Tâm Kiến Tánh trong Thiên tông không biết gấp bao nhiêu lần. Nếu người đã Minh Tâm Kiến Tánh trong Thiên

NẾU MUỐN PHÁP PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

tông chuyển sang niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, khi họ vừa đến thế giới Cực Lạc thì thấp nhất là chúng địa vị Pháp Vân Địa Bồ-tát, đây là Đại Thánh, tức là địa vị rất gần với quả Phật viên mãn. Cho nên, xưa nay có rất nhiều tổ sư đại đức trong Thiên tông sau khi khai ngộ thì chuyển hướng chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc nhằm nhanh chóng viên mãn thành Phật. Trong bộ Kinh Hoa Nghiêm, đến bậc Đăng Giác Bồ-tát như Bồ-tát Phổ Hiền và Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đều không ở lại thế giới Hoa Tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na mà đều phát nguyện niệm A Mi Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Hai vị Bồ-tát này còn dẫn tất cả Bồ-tát ở thế giới Hoa Tạng đi theo.

Nhờ uy thần bốn nguyện không thể nghĩ bàn của A Mi Đà Phật gia trì mà người căn tánh tối thượng thừa cho đến người căn tánh hạ liệt, từ Đăng Giác Bồ-tát đến chúng sanh A-tỳ địa ngục nếu biết Tín - Nguyện - Trì Danh (trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật) thì đều bình đẳng được vãng sanh về thế giới Cực Lạc đảm bảo chắc chắn một đời nhanh chóng thành Phật. Trong rất nhiều kinh điển, Phật A Mi Đà và chư Phật mười phương đều bảo chứng cho điều này!

Sơ tổ Tịnh Độ tông là Đại sư Huệ Viễn, Ngài kiến lập Đạo tràng niệm Phật đầu tiên - Đạo tràng Lô Sơn Đông Lâm, chính là dựa vào bộ Kinh Vô Lượng Thọ. 123 người trong Đạo tràng này niệm Phật đều vãng sanh Cực Lạc không sót một người! 123 vị Bồ-tát A-duy-việt-trí, chính là 123 vị Phật, thật rất phi thường! Khi đó bộ Kinh Phật Thuyết A Mi Đà và bộ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều chưa được phiên dịch ở Trung Hoa. Mỗi đời tổ sư của Tịnh Độ tông đều độ vô số chúng sanh hữu tình (không chỉ có con người mà còn có cả quỷ thần, súc sanh, cõi trời,...) vãng sanh Cực Lạc thành Phật. Tổ sư của Tịnh Độ tông có rất nhiều vị là chư Phật và chư Đại Bồ-tát tái sanh, những vị tổ sư tiết lộ ra thân phận của mình chỉ là số ít, ví dụ như: Nhị tổ Thiện Đạo và Lục tổ Diên Thọ đều là Phật A Mi Đà tái sanh, Thập tam tổ Ấn Quang là Bồ-tát Đại Thế Chí tái sanh, v.v... Chúng ta có hiểu được thông suốt như vậy thì mới biết pháp môn Tịnh Độ quý giá không gì sánh bằng!

Chú thích: Danh xưng Đại sư hay Đại Đạo sư chỉ dùng cho đức Phật. Các vị Bồ-tát Đăng Giác như Phổ Hiền Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát,... đều không dám xưng mình là Đại sư. Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát nhìn thấy Đại-sư phải đánh lễ 3 lạy, đi nhiễu bên phải 3 vòng (đây là thường thức Phật học); cho nên không được tự xưng hoặc gọi người khác là Đại sư. Tổ sư của tất cả các tông trừ Tịnh Độ tông ra đều có truyền thừa. Thiên tông thì xưng là Thiên sư, Luật tông thì xưng là Luật sư, v.v... đều không dám xưng là Đại sư. **Tổ sư của Tịnh Độ tông là ngoại lệ, được mọi người trong nhà Phật gọi là Đại sư vì Ngài dùng pháp môn Tịnh Độ độ được tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật viên mãn là không khác với chư Phật.** Tổ sư Tịnh Độ tông được suy tôn sau khi Ngài viên tịch, bốn chúng đệ tử trong nhà Phật đều công nhận Ngài có công lao to lớn với Tịnh Độ tông, với Phật Pháp và cảnh giới tu hành chứng ngộ của Ngài rất cao sâu nên tôn Ngài làm tổ sư một đời của Tịnh Độ tông.✽✽

THÍCH CA MÂU NI PHẬT KHÔNG PHẢI LÀ THẦN LINH! ĐỨC PHẬT LÀ MỘT NGƯỜI ĐÃ GIÁC NGỘ ĐẠT ĐẾN TRÌNH ĐỘ TRÍ HUỆ VIÊN MÃN, LÀ MỘT NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRONG XÃ HỘI ĐA NGUYÊN VĂN HÓA.

PHẬT GIÁO KHÔNG PHẢI LÀ TÔN GIÁO! PHẬT GIÁO LÀ NỀN GIÁO DỤC CHÍ THIỆN VIÊN MÃN CỦA CHUR PHẬT ĐỐI VỚI CHÚNG SANH NHẪM GIÚP CHÚNG SANH ĐANG MÊ QUAY TRỞ VỀ VỚI TỰ TÁNH VỐN CÓ CỦA MÌNH.

(Trích lục ý từ các bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ và các bài giảng Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão hòa thượng Ân sư Thượng nhân Thích Tịnh Không)

---o0o---

Phật pháp không gì khác,

chỉ là giúp người chứng nhập Thật Tướng của các pháp.

Nói đơn giản là,

chân thật giác ngộ chân tướng của vũ trụ nhân sanh!

- Ân sư Thích Tịnh Không khai thị (Pháp âm tuyên lưu) -

Phần mở đầu của tất cả các bộ kinh điển Phật giáo đều niệm “Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật” thì “Bổn Sư” nghĩa là vị thầy giáo căn bản và “Nam mô” nghĩa là quay về nương tựa. Do đó, đức Phật và người học Phật là mối quan hệ giữa thầy và trò, không phải là mối quan hệ giữa con người và thần linh.

VÌ SAO ĐỨC PHẬT XUẤT HIỆN Ở THẾ GIAN NÀY?

Trong bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đức Thế Tôn giảng rằng: “**諸佛世尊唯以一大事因緣故，出現於世。唯以佛之知見，示悟眾生。**”

Dịch âm Hán Việt: “**Chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế. Duy dĩ Phật chi tri kiến, thị ngộ chúng sanh.**”

Dịch nghĩa: “**Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên duy nhất mà xuất hiện ở thế gian. Đại sự nhân duyên ấy chính là chư Phật đem tri kiến (cái thấy biết) của Phật mở bày ra để chúng sanh thấy hiểu thông suốt, giúp cho chúng sanh giác ngộ tri kiến của Phật và nhập vào cảnh giới của chư Phật (trở về Tự Tánh của chính mình).**”

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Lục đạo luân hồi không phải do Phật giáo nói đến đầu tiên mà đây là một tri kiến phổ biến của rất nhiều tôn giáo cổ ở Ấn Độ. Tôn giáo đầu tiên đề cập đến Lục đạo luân hồi là Bà-la-môn giáo (tức là Ấn Độ giáo ngày nay), họ tu Tứ thiên Bát định (cho nên Tứ thiên Bát định cũng không phải Phật giáo nói đến đầu tiên). Bà-la-môn giáo được UNESCO công nhận có lịch sử khoảng 8.500 năm. Các trưởng lão trong Ấn Độ giáo nói lịch sử tôn giáo của họ đã có ít nhất hơn 10.000 năm vì thời xưa tu hành Bà-la-môn giáo chỉ có truyền miệng chứ không có văn tự ghi chép lại như hiện nay. Các hành giả của các tôn giáo cổ Ấn Độ này tu hành khi đạt đến trình độ công phu Tứ thiên Bát định thì họ xuất hiện 5 loại thần thông (không có Lưu-tận-thông và cũng không phải đã chứng được Thánh quả như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm vì Ngã chấp của họ vẫn còn), họ thấy rất rõ ràng Lục đạo luân hồi và có thể tiến nhập vào các cảnh giới ấy, họ miêu tả tỉ mỉ trong các bộ kinh điển của họ. Phật giáo gọi cảnh giới trong Thiên-định này là **cảnh giới hiện lượng**. Tất cả người tu hành bất kể là họ tu theo tôn giáo nào nếu đạt đến trình độ Tứ thiên Bát định thì đều miêu tả Lục đạo luân hồi giống như nhau, không hề có một chút sai khác.

Họ đã biết Lục đạo luân hồi là có thật và nhận thấy Lục đạo luân hồi quá đau khổ. Chúng sanh chìm nổi trong Lục đạo luân hồi thì thời gian ở ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) là chủ yếu, ba ác đạo chính là nhà của chúng sanh trong Lục đạo luân hồi; còn cõi trời, cõi người giống như việc đi du lịch mấy ngày rồi lại trở về nhà! Do đó, họ có ý niệm muốn thoát khỏi Lục đạo luân hồi. Họ không biết Lục đạo luân hồi từ đâu sinh ra, bên ngoài Lục đạo luân hồi là cảnh giới gì và phải dùng phương pháp nào mới thoát khỏi Lục đạo luân hồi. Họ đã đạt đến định thứ 8, công phu Thiên-định này không tệ, công phu này rất khá; với công phu Thiên-định khá như vậy nếu gặp được vị thầy cao minh chỉ điểm thêm thì họ sẽ đạt đến định thứ 9 là Diệt Tận định, chứng được quả A-la-hán và thoát khỏi Lục đạo luân hồi, nhập vào cõi Tứ thánh pháp giới. Chúng sanh với chư Phật là Nhất Thể, chúng sanh có cảm (có ý niệm muốn thoát khỏi sanh tử) thì chư Phật đại từ đại bi sẽ có ứng. Phật tuyệt đối không có ý niệm “ta phải đến thế gian này để độ chúng sanh”. Vì Phật đã đoạn sạch vọng tưởng phân biệt chấp trước nên Phật không có khởi tâm động niệm. Sự việc này là cảm ứng!

Rất nhiều chúng sanh có sự chiêu cảm như vậy thì Phật mới xuất hiện ở thế gian để giảng rõ về chân tướng của vũ trụ nhân sanh và dạy họ phương pháp thoát khỏi luân hồi sanh tử đau khổ.

Trên thế giới có rất nhiều sách dự ngôn nói về ngày tận thế, thảm họa,... đa phần những người viết các thể loại sách này đều suy đoán tính toán từ trong số học mà dự đoán ra (điển hình như môn Kinh Dịch). Một số người viết sách dự ngôn nổi tiếng thế giới như Lưu Bá Ôn của Trung Quốc, Nguyễn Bình Khiêm của Việt Nam, Nostradamus của Pháp, v.v... Phật giáo gọi đây là **cảnh giới tỉ lượng**. Những dự ngôn được viết trong cảnh giới tỉ lượng có độ chính xác không cao; nếu trong phép tính

toán số học chỉ cần bị sai sót một chút thì thông tin dự ngôn liền không chính xác. Ngược lại, những sách dự ngôn do những người trong cảnh giới hiện lượng viết ra thì có độ chính xác vô cùng cao.

Y học hiện đại có một bộ môn là Thôi miên trị liệu tâm lý học, chuyên chữa bệnh bằng cách thôi miên đưa bệnh nhân trở về quá khứ nhằm tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Trong lúc thôi miên, có người nhớ được vài đời quá khứ, có người nhớ đến vài chục đời quá khứ tùy theo cơ địa của từng bệnh nhân và tay nghề của bác sĩ. Rất nhiều bác sĩ Thôi miên trị liệu tâm lý học đã viết sách kể về những câu chuyện thôi miên bệnh nhân; trong đó, nổi tiếng nhất là Tiến sĩ Brian L. Weiss của Hoa Kỳ với quyển sách “Tiền kiếp và hiện tại”. Trong những câu chuyện thôi miên này, một số bệnh nhân miêu tả đời thứ nhất mình làm động vật như làm cá heo, làm chó,...; đời thứ hai thì làm người tên tuổi là gì, quê quán ở đâu, con cháu có những ai, sống bằng nghề gì,...; đời thứ ba thì mô tả cảnh ở thiên đường (cõi trời); đời thứ tư mô tả cảnh bị hành hình ở địa ngục; v.v... và còn có cảnh bệnh nhân trong trạng thái thôi miên giao tiếp được với chúng sanh ở các chiều không gian khác mà các bác sĩ Thôi miên gọi là những thực thể không xác định. Những sách viết về các câu chuyện thôi miên này rất nhiều, ngoài việc đã chứng thực được Lục đạo luân hồi là có thật thì còn chứng minh nhân quả báo ứng tuần hoàn không dứt.

Hiện tại, các nhà khoa học đã chứng minh được không gian có 11 chiều nhưng họ không biết làm cách nào để đi vào các chiều không gian đó. Thật ra, không gian trong Mười pháp giới có vô lượng chiều; nguyên nhân là do vọng tâm khởi lên vô lượng vô biên nên mỗi pháp giới trong Mười pháp giới do vọng tâm biến hiện ra cũng là vô lượng vô biên cảnh giới; chỉ có cảnh giới cõi Thật báo trang nghiêm là vĩnh hằng không biến đổi vì cảnh giới này hoàn toàn do Chân Tâm hiện ra, Chân Tâm vốn định (Tự Tánh bản định), Chân Tâm không có dao động. Vào năm 2008, tại trường Đại học khoa học và kỹ thuật Hồng Kông, phóng viên đã phỏng vấn Ấn sư Thích Tịnh Không về mấy chủ đề như “Phương pháp phòng tránh tai họa”, “Vạn ác dâm đứng đầu”, “Quan hệ giữa người và quỷ thần”, v.v... trong đó có một câu hỏi là: “Trong kinh Phật có nói Nhật thiên tử có cung điện mặt trời cư ngụ ở trên mặt trời, Nguyệt thiên tử có cung điện mặt trăng cư ngụ ở trên mặt trăng. Hiện tại, các nhà khoa học thám hiểm vũ trụ phát hiện những nơi này không có sự sống. Vậy, vấn đề này phải giải thích như thế nào thưa Pháp sư?”. Đại ý phần trả lời của Ấn sư như sau: “Trong không gian 3 chiều của cõi người thì không nhìn thấy Nhật thiên tử ở trên mặt trời và Nguyệt thiên tử ở trên mặt trăng, họ ở chiều không gian khác, kể cả những tinh cầu không có sự sống trong không gian 3 chiều nhưng vẫn có những dạng sống tồn tại ở các chiều không gian khác. Nếu có Thiên-nhãn-thông thì có thể nhìn thấy sự việc này. Khoa học kỹ thuật hiện tại đã phát hiện không gian có 11 chiều nhưng không có cách gì đột phá không - thời gian để tiến vào các chiều không gian đó. Không phải điều gì mắt thường chúng ta không nhìn thấy được thì nó không tồn tại!”.

Tiền sĩ Masaru Emoto (Hán dịch: Giang Bồn Thắng) thuộc viện nghiên cứu IHM của Nhật Bản cùng với những người đồng nghiệp đã bắt đầu dùng kỹ thuật nhiếp ảnh cao cấp để quan sát sự kết tinh của nước kể từ năm 1994. Họ đã xuất bản quyển sách “Thông điệp của nước” là những kết quả thí nghiệm chứng minh rằng những thông tin như thiện lành, tốt đẹp, cảm ơn, từ bi,... truyền đến nước có thể khiến cho nước kết tinh thành những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ và những thông tin như oán hận, đau khổ, nóng giận,... truyền đến nước có thể khiến cho nước kết tinh thành những hình ảnh vô cùng xấu xí. Hơn nữa, bất luận là văn tự, âm thanh, hình ảnh hay ý niệm đều có khả năng truyền đạt thông tin đến nước và nước có thể cảm nhận. Thí nghiệm này đã chứng minh điều trong kinh Phật nói là tất cả chúng sanh có Kiến, Văn, Giác, Tri (**Kiến là nhận biết thông tin từ hình ảnh**; Văn là nhận biết thông tin từ âm thanh; Giác là nhận biết thông tin từ mùi, vị và xúc chạm; Tri là có sự hiểu biết). Nước là khoáng vật cũng có đủ Kiến, Văn, Giác, Tri. Cho nên, điều này giải thích tại sao nước chú Đại Bi có khả năng chữa bệnh. Ân sư Thích Tịnh Không dạy rằng chúng ta muốn sử dụng nước chú Đại Bi cũng không cần phải niệm chú Đại Bi (chúng ta tu Tịnh Độ thì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật); chỉ cần in chú Đại Bi dán lên bình nước rồi đợi khoảng 1 giờ đồng hồ thì nước trong bình chính là nước chú Đại Bi!

Khi đức Phật còn tại thế, chúng thường tùy đi theo Phật là 1.255 người, mỗi lần Phật giảng kinh thì nhất định 1.255 vị này sẽ ngồi nghe. Ngoài ra, trong mỗi hội giảng kinh, số lượng người ở các quốc gia khu vực khác nhau của Ấn Độ cổ không có cùng ngôn ngữ giao tiếp đến nghe Phật giảng kinh rất nhiều. Cho nên, mỗi hội giảng kinh của Thế Tôn có đến vài chục ngàn người ngồi nghe là chuyện bình thường. Lại lạ lùng hơn, khi Thế Tôn giảng kinh thì động vật cũng đến nghe; chúng sanh cõi quý, cõi trời,... cũng đến nghe. Thời bấy giờ không có thiết bị khuếch đại âm thanh mà âm thanh của Phật giảng kinh phát ra đều đến được tai của mỗi một chúng sanh rất rõ ràng. Hơn nữa, âm thanh đến tai của chúng sanh nào thì biến thành ngôn ngữ của chính chúng sanh đó. Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ nói điều này là: “Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh. Hữu tình các các tùy loại giải!”.

Trong bộ Kinh Bồ-tát Xứ Thai, Ân sư Thích Tịnh Không giảng đoạn vấn đáp giữa đức Phật và Bồ-tát Di Lặc nói về vọng tâm A-lại-da thức giúp chúng ta hiểu rõ hơn về ý nghĩa mà Phật nói trong bộ Kinh Kim Cang: **“Phàm sở hữu tướng đều là hư vọng”**; **“Nhất thiết (nhất thiết: tất cả) hữu vi pháp (hữu vi pháp: pháp có sanh có diệt), như mộng huyễn bào ảnh (bào ảnh: bọt bóng), như lộ (lộ: giọt sương) diệt (diệt: cũng) như điện (điện: ánh chớp), ung tác như thị quán (nên quán chiếu như vậy)”**. Phật hỏi Bồ-tát Di Lặc: “Tâm (tâm của phàm phu, tức là vọng tâm) có mấy niệm? Có mấy tướng? Có mấy thức?”. Bồ-tát Di Lặc trả lời: **“Một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn (320.000.000.000.000) niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức”**. Một khảy móng tay có khoảng 320.000.000.000.000 lần sanh diệt. Một niệm là một vi trần, thời gian tồn tại của một vi trần tuy rất ngắn nhưng trong mỗi vi trần đều có thức. Vi trần là hiện tượng vật chất, ứng với Cảnh

giới tướng của A-lại-da. Thức là hiện tượng tinh thần, ứng với Nghiệp tướng và Chuyển tướng của A-lại-da. Từ bậc Bát Địa Bồ-tát trong Viên giáo (Bát Động Địa) trở lên mới có định lực sâu đến mức thấy được duyên khởi của vũ trụ, nghĩa là thấy được Tam tế tướng của A-lại-da thức: Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Cảnh giới tướng; từ bậc Thất Địa Bồ-tát trở xuống đều không thể thấy được. Tam tế tướng của A-lại-da thức sanh khởi giống như là đồng thời bởi vì nó diễn ra quá quá nhanh. Giả sử 1 giây đồng hồ khảy móng tay được 5 lần ($5 \times 320.000.000.000.000$); vậy thì Tam tế tướng của A-lại-da chỉ tồn tại trong thời gian $1/1.600.000.000.000.000$ của 1 giây đồng hồ! Phim ảnh ngày xưa là dùng phim nhựa; trong 1 giây đồng hồ thì ống kính máy chiếu phim sẽ đóng/mở 24 lần làm mắt người sanh ra ảo giác, khiến chúng ta thấy những hình ảnh chuyển động trên màn hình giống như là có thật; đây là 1 giây đồng hồ sanh diệt 24 lần thì mắt người đã bị lừa. Những tướng trạng giả huyễn này gọi là “tương tự tương tục tướng”, không phải Thật Tướng. Cho nên, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là giả huyễn. Hiện nay, các nhà khoa học đã phát hiện ra Tam tế tướng của A-lại-da thức, họ nói vạn vật tạo ra từ 3 thứ là năng lượng, vật chất và thông tin; bản chất của vạn vật là ý niệm (hiện tượng sóng dao động). Nghĩa là, 1 giây đồng hồ có khoảng $1.600.000.000.000.000$ hiện tượng sóng dao động tích lũy lại mới hiện ra một hiện tượng vật chất hay một hiện tượng tinh thần mà trong cảm quan của phàm phu chúng ta có thể nhận biết được. Phật nói với chúng ta chân tướng sự thật là chúng không tồn tại, chúng là giả tướng chứ không phải Thật Tướng.

Thánh nhân từ A-na-hàm trở lên có Thần-cảnh-thông, nghĩa là họ có khả năng biến hóa và hiện các phép thần thông như phân thân, hiện thân tướng to nhỏ, bay lên không trung, biến hóa ra một vật gì đó, v.v... Vấn đề này được giải thích theo nguyên lý “năng lượng có thể chuyển hóa thành vật chất và vật chất có thể chuyển hóa thành năng lượng”. Hiện tại, khoa học kỹ thuật đã biết cách biến vật chất thành năng lượng (đầu đạn hạt nhân, bom nguyên tử là một ví dụ điển hình về biến vật chất thành năng lượng), nhưng vẫn chưa có cách nào biến năng lượng thành vật chất.

Rất nhiều điều khúc mắc trong khoa học kỹ thuật hiện đại đều được Phật pháp lý giải và đưa ra phương pháp giải quyết triệt để. Khoa học kỹ thuật chỉ mới chứng minh được một số điều rất nhỏ trong Phật pháp.

Do đó, nhà bác học lừng danh Albert Einstein nói rằng Trí-huệ trong Phật pháp vượt xa những hiểu biết của khoa học kỹ thuật hiện đại là rất có căn cứ.

Phật nói cái nhân chiêu cảm lấy quả báo **cảnh giới địa ngục là tâm sân hận**; cái nhân chiêu cảm lấy quả báo **cảnh giới ngạ quỷ là tâm tham lam**; cái nhân chiêu cảm lấy quả báo **cảnh giới súc sanh là tâm ngu si**; cho nên dân gian có câu “người chết làm quỷ” là có đạo lý, vì đa số con người ai cũng tham. Địa ngục gọi là hỏa đồ (nó giống như một biển lửa), ngạ quỷ là đao đồ (vì ngạ quỷ luôn sợ hãi, đời sống trong cõi quỷ rất khủng khiếp), súc sanh gọi là huyết đồ (vì súc sanh đa phần chết đi do bị giết). Chúng sanh cõi địa ngục và cõi ngạ quỷ sống rất thọ, địa ngục đoan mạng

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

cũng thọ đến 10.000 tuổi, ngựa quý đoan mạng cũng thọ đến 1000 tuổi. Một ngày ở cõi địa ngục bằng 2700 năm của cõi người, nước Trung Hoa có hơn 5000 năm lịch sử nhưng ở trong địa ngục không quá 2 ngày! Súc sanh có những loài có tuổi thọ ngắn nhưng cũng có những loài tuổi thọ rất dài, tuy tuổi thọ ngắn nhưng vì ngu si nên súc sanh chấp trước rất nặng cái thân tướng súc sanh đó là chính mình, cho nên khi súc sanh chết đi thì lại đầu thai làm súc sanh. Một lần nọ, Phật chỉ vào một đàn kiến đang làm tổ ở gần nơi Phật thuyết pháp và nói với các đệ tử là đã 7 đức Phật xuất thế rồi mà những con kiến này vẫn chưa thoát khỏi thân kiến (7 đức Phật xuất thế là thời gian vô cùng dài). Vậy mới biết ba ác đạo rất đáng sợ, rất kinh khủng!

A-tu-la là chúng sanh có phước báo (phước này tu được từ đời trước, khi tu phước thì họ ngạo mạn, đố kỵ và háo thắng nên chiêu cảm sanh đến cõi a-tu-la). A-tu-la không muốn ai hơn mình, thích tranh giành, thích đấu tranh, thích chiến tranh nên tạo ra vô số ác nghiệp rất nặng. Vì vậy, a-tu-la cũng được xem là ác đạo. Do đó, a-tu-la sau khi hưởng hết phước báo thì gần như tất cả đều đọa ba ác đạo.

Loài người được xem là có phước hơn a-tu-la, nhưng chính bản thân chúng ta cảm nhận được cuộc sống làm người cũng rất khổ, trải qua những ngày tháng thật không dễ dàng: sanh già bệnh chết, oan gia đối đầu thì thường xuyên gặp mặt, cầu mà không được như ý, người thân yêu lại thường phải chia lìa, vì vọng tưởng tạp niệm trong tâm quá nhiều nên từ sáng đến tối thân tâm luôn trong trạng thái bất an. Con người sống ở thế gian này đều không quá 100 năm ngắn ngủi, trong đời sống ngắn ngủi của kiếp người lại vì lo cho cái thân xác mà khởi tham, sân, si đi tranh giành tiền tài, sắc dục, danh vọng lợi dưỡng, ăn uống, ngủ nghỉ tạo tác ra vô lượng vô biên ác nghiệp giết, trộm, dâm, dối dẫn đến quả báo sau cùng là ở ba ác đạo. Tỉ mỉ mà tính toán cho kỹ cái bài toán lợi hại được mất này: nếu làm những việc ác như vậy mong hưởng thụ sung sướng thì cho dù có đạt được một chút tiện nghi lợi ích nhỏ trước mắt nhưng liệu hưởng thụ được mấy ngày? Cái giá phải trả cho việc này là quá đắt! Nếu người đã nhìn thấu suốt thì biết rằng thật sự không đáng, phải trả giá quá đắt! Như lịch đại đế vương của Trung Hoa đa phần chết đi đều đọa địa ngục, trong sử sách đều có chứng cứ ghi chép lại những câu chuyện như Tào Tháo chết rồi làm heo, Viên Thế Khải chết rồi làm heo, Từ Hy Thái Hậu đọa A-tỳ địa ngục, v.v...

Chúng sanh cõi trời là sung sướng nhất trong Lục đạo luân hồi. Như một ngày của cõi trời Đâu Suất bằng 400 năm cõi người, thiên nhân trời Đâu Suất thọ 4000 tuổi trời, thân thể cao lớn 4 do-tuần (do-tuần là một đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ cổ, có thuyết nói là 40 lý, có thuyết nói là 19.5 km, v.v...), họ vui chơi hưởng thụ mọi thứ dục lạc mà không phải làm lưng vất vả và không bị các nỗi khổ như con người, họ nhìn thấy loài người cũng giống như con người nhìn thấy những con côn trùng nhỏ vừa mới sinh ra trải qua mấy giờ đồng hồ đã chết rồi, rất đáng thương. **Chúng sanh cõi trời đa phần bị dục lạc mê hoặc nên rất khó học Phật**, khi họ hưởng hết phước trời thì ác nghiệp trong quá khứ liền hiện tiền. Do đó, thiên nhân chết đi cũng có số

lượng rất lớn bị đọa vào ba ác đạo. Xưa kia, có một Đê-thích (vua cõi trời Đao Lợi) sắp hết tuổi thọ, 5 tướng suy hiện ra (5 tướng suy hao báo hiệu thiên nhân sắp hết phước trời là: vòng hoa trên đầu héo úa, quần áo bị bám bụi dơ bẩn, hai nách tiết ra mồ hôi, toàn bộ cơ thể tiết ra mồ hôi, tâm tán loạn vọng động), ông ta dùng thần thông biết mình sau khi chết sẽ đọa vào súc sanh làm con lừa nên rất sợ hãi, liền đến trước Phật lễ lạy cầu quy y, nhờ phước lễ lạy Phật cầu quy y mà kéo dài được tuổi thọ, thoát khỏi kiếp làm lừa. Phước báo lớn nhất Lục đạo luân hồi là chúng sanh cõi trời Phi Tướng Phi Tướng Xứ, thọ 84.000 kiếp, nhưng đem số tuổi thọ này so với chúng sanh A-tỳ địa ngục thọ vô lượng vô biên kiếp thì đúng là một trời một vực.

Do đó, nếu nói cõi người rất tốt, cõi trời rất tuyệt thì hưởng thụ phước báo này được bao lâu? Phước báo lớn bao nhiêu rồi cũng có lúc hưởng hết, một khi phước báo đã hưởng hết thì ác nghiệp trong quá khứ sẽ hiện tiền và trong thời gian hưởng phước lại rất dễ dàng mê hoặc tạo ra đủ thứ ác nghiệp; đến sau cùng thì ba ác đạo vẫn là quê nhà của chúng sanh Lục đạo luân hồi. Cho nên, **Phật gọi phước báo này là phước báo hữu lậu.**

“Ở trong Lục đạo luân hồi thì quyết định thời gian đọa lạc vào ba đường ác rất dài, thời gian ở ba đường thiện rất ngắn! Tam ác đạo chính là quê nhà của chúng sanh Lục đạo luân hồi. Cho nên, Phật nói Tam giới như nhà lửa, như tù ngục.”

- Ân sư Thích Tịnh Không khai thị -

Phật nói rằng đời sống của chúng sanh trong Lục đạo luân hồi đều là sống trong Khổ Khổ, Hoại Khổ và Hành Khổ; vì mê hoặc điên đảo nên cho rằng sự hưởng thụ phước báo hữu lậu đó là sung sướng nhưng thật ra hiện tượng này chỉ là cái khổ tạm dừng nghỉ, không phải là sự vui chân thật. Khổ là thật, còn vui là giả!

Phật dạy rằng trong Lục đạo luân hồi mà có được thân người là rất quý giá. Thân người quý là quý ở chỗ vì không quá khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la và cũng không quá sung sướng như cõi trời nên rất dễ giác ngộ, rất dễ học Phật, rất dễ giải thoát khỏi sanh tử. Nếu được thân người mà không giác ngộ học Phật cầu giải thoát thì thân người ấy chẳng có gì đáng quý!

Ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là để tiêu ác nghiệp của chúng sanh; ba đường thiện a-tu-la, người, trời là để tiêu thiện nghiệp của chúng sanh. Do đó, **bản chất của Lục đạo luân hồi chính là nơi tiêu nghiệp, chúng sanh tự tạo nghiệp rồi tự thọ nhận nghiệp báo, chân thật là tự làm tự chịu;** tạo thiện nghiệp thì đến ba đường thiện để nhận nghiệp báo thiện, tạo ác nghiệp thì đến ba đường ác để nhận nghiệp báo ác. Khi nào không còn tạo nghiệp thiện và nghiệp ác nữa, nghiệp đã tiêu sạch thì thoát khỏi Lục đạo luân hồi; nhà Phật thường nói là “nghiệp sạch tình không”.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trong bộ Kinh Tạp A-Hàm, Kinh 442. Trảo Giáp, Phật dùng móng tay cạy từ mặt đất lên một ít đất rồi nói với các Tỳ-kheo rằng: “Những chúng sanh từ địa ngục sau khi chết rồi được sanh làm người cũng giống như đất dính trên móng tay Ta, số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục hay ngạ quỷ hay súc sanh cũng giống như đất ở đại địa! Những chúng sanh từ địa ngục sau khi chết rồi được sanh lên cõi trời cũng giống như đất dính trên móng tay Ta, số chúng sanh từ địa ngục hay ngạ quỷ hay súc sanh sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục hay ngạ quỷ hay súc sanh cũng giống như đất ở đại địa! **Những chúng sanh ở cõi người sau khi chết rồi được tái sanh làm người cũng giống như đất dính trên móng tay Ta, số chúng sanh ở cõi người sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục hay ngạ quỷ hay súc sanh cũng giống như đất ở đại địa!** Những chúng sanh ở cõi trời sau khi chết rồi trở lại sanh làm trời cũng giống như đất dính trên móng tay Ta, số chúng sanh từ cõi trời sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục hay ngạ quỷ hay súc sanh cũng giống như đất ở đại địa!”.

Trong bộ Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: **“Tất cả chúng sanh vốn là Phật!”**.

Trong bộ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Phật nói: **“Tâm này là Phật! Tâm này làm Phật!”**.

Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ, Phật nói: **“Khai hóa hiển thị Chân thật chi tế!”** (“Chân thật chi tế” nghĩa là bên trong của chân thật, chính là Tự Tánh).

Phật nói rằng chúng ta vốn là Phật, vốn có đời sống hạnh phúc như Phật, chúng ta phải nên làm Phật. Chỉ cần chúng sanh có ý niệm muốn thoát khỏi Lục đạo luân hồi đau khổ, muốn thoát khỏi Mười pháp giới thì liền cảm ứng với chư Phật. Chúng sanh có cảm thì Phật liền có ứng. Chúng sanh không có cảm thì Phật sẽ không xuất hiện. Quyết định không phải là do một người nào đó trong thế gian này nghĩ đến Phật thì Phật sẽ xuất hiện ở thế gian, không phải vậy! Phải có không biết bao nhiêu chúng sanh có duyên với Phật, cộng nghiệp chúng sanh chiêu cảm đến Phật thì Phật mới xuất hiện ở thế gian, đây là đại sự nhân duyên, là không đơn giản! Thân nghiệp báo hiện tại của chúng ta là đang mang nghiệp, chúng ta đến thế gian này tìm được cha mẹ là có bao nhiêu nhân duyên? Cũng giống như Phật xuất hiện ở thế gian này vậy, cũng là do vô lượng vô số trăm ngàn a-tăng-kỳ nhân duyên thì chúng ta mới đến được thế gian. Trong duyên này có nhiễm có tịnh, có thiện có ác. Phật Bồ-tát xuất hiện thì duyên đó là thanh tịnh, là thiện; còn chúng ta đến thế gian này, ở trong sáu đường xả thân thọ thân làm chuyện luân hồi, đó là duyên nhiễm, đó là duyên bất thiện. **Nghĩ đến Phật thì nhất định phải nghĩ đến chính mình. Tại sao vậy? Vì chính mình và Phật là một chứ không phải là hai, là cùng một Tự Tánh. Tại sao Phật có thể được sạch hết nghiệp hoặc, phước đức và Trí-huệ viên mãn, an trụ tịch quang,**

thường hưởng pháp lạc? Tại sao tôi lại khổ tham, sân, si tạo giết, trộm, dâm, dối để rồi luân hồi chìm nổi đau khổ trong Lục đạo chẳng thoát ra được? Tự Tánh chỉ là một mà khổ vui lại cách xa một trời một vực!

Ngày nay, Phật vì chúng ta thị hiện biểu diễn một con đường trở về Tự Tánh, con đường thành Phật! Chúng ta cần phải mong muốn đi con đường thành Phật, nương theo tấm gương của Phật, y giáo phụng hành thì nhất định thành tựu ngay trong đời này, không phải đợi đến đời sau. Phật giúp đỡ đối với chúng ta chỉ là khai thị Phật tri Phật kiến, còn người nghe như chúng ta phải ngộ nhập. Khai thị là việc của thầy còn ngộ nhập là việc của học trò. Nếu thầy khai thị mà học trò không ngộ nhập được thì uổng toàn bộ công nghe giảng kinh. Nói một cách khác, **Phật hóa độ chúng sanh thì chúng sanh được độ sau khi tiếp nhận giáo huấn của Phật phải biến hóa. Hành giả tu học Phật pháp biến hóa theo 3 mức độ:**

- ✓ Một là, chuyển ác thành thiện (cõi trời, cõi người)
- ✓ Hai là, chuyển mê thành ngộ (cõi Tứ thánh pháp giới)
- ✓ Ba là, chuyển phàm thành Thánh (cõi Thật báo trang nghiêm)

Chúng ta làm cách nào để ngộ nhập Phật tri kiến? Tức là, chúng ta làm cách nào để trở về Tự Tánh của mình?

Tu hành là gì? Tu là tu sửa. Hành là hành vi. Hành vi có nhiều hơn cũng không ngoài ba loại lớn là thân - khẩu - ý. Hành vi sai lầm của thân - khẩu - ý đem tu sửa lại theo giáo huấn của Phật gọi là tu hành.

LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ TỰ TÁNH PHẬT VỐN CÓ CỦA MÌNH

Đại sư Thiện Đạo (vị tổ sư thứ 2 của Tịnh Độ tông, Ngài là một ứng thân tái sanh của đức Phật A Mi Đà) giảng rằng: **“Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Mi Đà bốn nguyện hải!”**

Dịch nghĩa: **“Chư Phật xuất hiện ở thế gian chỉ vì giảng nói biển đại nguyện của đức Phật A Mi Đà (nhằm giúp chúng sanh mau thoát khổ sanh tử, mau chứng thành Phật)!”**

Trong 49 năm, đức Thế Tôn đã thuyết pháp hơn 300 hội, số lượng kinh điển có trong Đại Tạng Kinh nhiều đến nỗi nếu một người muốn học qua một lượt Đại Tạng Kinh thì 100 năm cũng không thể học hết! Phật có bốn chúng đệ tử là hai chúng xuất gia và hai chúng tại gia, nếu nỗ lực tu hành thì đều chứng đắc như nhau chứ không hề có sự khác biệt; nhà Phật gọi là: **“Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc!”**. Phật pháp là pháp bình đẳng không hai.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trong bộ Kinh Kim Cang, Phật nói rằng: “Pháp môn bình đẳng không có cao thấp!”; nghĩa là vô lượng vô biên pháp môn đều là con đường có thể thành Phật. Tuy **pháp môn là bình đẳng nhưng căn cơ của chúng sanh thì không bình đẳng**. Cho nên, việc chọn pháp môn tu học khế hợp căn cơ rất là quan trọng. Căn tánh nào thì dùng phương pháp tu học đó, như vậy sẽ an toàn, ổn định và có kết quả thành tựu trên đường tu. Ân sư Thích Tịnh Không từng giảng về việc tẩu hỏa nhập ma (y học hiện đại gọi là Tâm thần phân liệt): Một số người trẻ tuổi lúc chưa học Phật thì tương lai sáng ngời, đến khi học Phật rồi thì bị thần kinh! Trong số này có cả những người đã lấy được học hàm rất cao ở đời như Tiến sĩ, Thạc sĩ,... Nguyên nhân là do họ chọn pháp môn tu học không khế hợp căn cơ của mình, đa số những người bị tình trạng này đều là tu Thiên và tu Mật. Giáo pháp của Thế Tôn như thuốc trị bệnh, chúng sanh có nhiều loại bệnh khác nhau, mỗi loại bệnh sẽ có một phương thuốc điều trị tương ứng. Thuốc của bệnh nhân này nhất định không thể tùy tiện đem cho bệnh nhân khác sử dụng. Nếu dùng thuốc tùy tiện thì bệnh đã không khỏi được mà còn mất mạng!

Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, biết chúng ta không có khả năng chọn pháp môn nên Phật đã chọn thay cho chúng ta. Phật nói: “Thời kỳ Chánh pháp thì Giới-luật thành tựu! Thời kỳ Tượng pháp thì Thiên-định thành tựu! **Thời kỳ Mật pháp thì Tịnh Độ thành tựu!**”.

Pháp vận của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là 12000 năm. Trong 12000 năm này được chia ra làm 3 thời kỳ:

- **Thời kỳ Chánh pháp:** Được tính từ ngày Phật diệt độ đến 1000 năm sau, dù Phật đã diệt độ nhưng có giáo pháp, có nhiều người nghiêm trì và có nhiều người chứng đắc quả vị. Thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ “Thiên-định kiên cố”.

- **Thời kỳ Tượng pháp:** Được tính từ ngày kết thúc 1000 năm Chánh pháp đến 1000 năm sau. Chữ “Tượng” ở đây có nghĩa là biểu tượng, tuy vẫn có giáo pháp, có sự hành trì nhưng số người chứng đắc quả vị rất ít. Thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ “Tự Miếu kiên cố”.

- **Thời kỳ Mật pháp:** Được tính từ ngày kết thúc 1000 năm Tượng pháp đến ngày cuối cùng Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là 10.000 năm. Chữ “Mật” có nghĩa là suy vi yếu kém, Phật pháp trở nên suy tàn, chỉ có giáo pháp nhưng không có sự hành trì, không có người chứng quả. Thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ “Đấu tranh kiên cố” vì con người trong xã hội đều tranh giành đấu đá lẫn nhau, khắp nơi đều có hiện tượng đấu tranh. Trong nhà Phật thì giữa các tông phái chỉ biết tranh đấu, phi báng nhau, chống phá nhau, chỉ biết bàn luận Phật pháp suông trên miệng, giảng Phật học rất nhiều nhưng không ai chịu thật thà học Phật.

- Sau thời kỳ Mật Pháp chính là **thời kỳ Diệt pháp**. Lúc này, các kinh điển dần dần diệt mất, nên không có giáo pháp, không có người giảng dạy giáo pháp, không có người hành trì, không có người chứng quả. Diệt pháp là thời kỳ đau khổ nhất, tâm tối

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

nhất của tất cả chúng sanh; ánh sáng Phật pháp đã hoàn toàn tắt lịm, con người sống hoàn toàn trong vô minh đen tối và không có cách gì vượt thoát sanh tử luân hồi.

Pháp môn Tịnh Độ rất đặc biệt, **pháp môn Tịnh Độ luôn hội đủ bốn điều kiện của thời kỳ Chánh pháp**: Kinh Vô Lượng Thọ đặc biệt lưu lại đến tận 100 năm sau cùng khi Phật pháp sắp diệt tận, có nơi giảng Kinh Vô Lượng Thọ, có người trì niệm danh hiệu Phật A Mi Đà, có người vãng sanh Cực Lạc thành Phật. Chúng ta đang sống vào thời kỳ Mạt pháp. Do đó, chúng ta phải nên nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật là tu học pháp môn Tịnh Độ thì mới đảm bảo an toàn, mới có khả năng thành tựu Phật quả ngay trong đời này.

Tu học pháp môn Tịnh Độ vô cùng an toàn, rất nhanh chóng thành Phật vì chủ yếu hành giả nương nhờ Phật lực của chư Phật gia trì. Trong bộ Kinh Phật Thuyết A Mi Đà, Phật giảng rằng: **“Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào được nghe kinh này mà thọ trì và nghe được danh hiệu của chư Phật thì những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm và đều được không thoái chuyển nơi Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác!”**.

Kinh Phật Thuyết A Mi Đà được xem là tiêu bản của Kinh Vô Lượng Thọ, hai bộ kinh này là một. Kinh Vô Lượng Thọ được xem là trung bản của Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Phật Thuyết A Mi Đà được xem là tiêu bản của Kinh Hoa Nghiêm; ba bộ kinh này cũng là một.

Danh hiệu của chư Phật chính là “A Mi Đà Phật”, đây là danh hiệu của Tự Tánh viên mãn tròn đầy không có một chút khiếm khuyết. Thế giới tây phương Cực Lạc có một vị Phật đã dùng danh hiệu của chư Phật làm danh hiệu của chính mình, đó là đức Phật Vô Lượng Thọ. Nếu người thật sự tu hành pháp môn Tịnh Độ thì được tất cả chư Phật hộ trì, không bao giờ gặp phải ma chướng. Điểm quan trọng ở đây là phải thật sự tu hành!

Nếu giả dối tu hành thì không nhận được sự bảo hộ của chư Phật.

Tất cả pháp môn trong Phật pháp đều phải dựa vào sức tu của chính bản thân mình, cho nên đôi khi hành giả không địch lại được với sức mạnh của ma chướng, cho dù hành giả niệm kinh điển hay niệm thần chú nào đi nữa cũng chỉ được một số lượng nhất định các đức Phật và Bồ-tát gia trì hành giả.

Nếu hành giả tu học pháp môn trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc thì sẽ được tất cả chư Phật hộ niệm (**Nếu niệm Phật vì mục đích cầu hưởng phước báo trời người, cầu khỏi bệnh, cầu thăng quan phát tài,... thì đều không có cảm ứng vì trái với nguyện của Phật**). Điều này khiến pháp môn Tịnh Độ trở thành pháp môn vô cùng đặc biệt, vô cùng thù thắng! Tất cả pháp môn khác trong Phật pháp đều không thể sánh bằng pháp môn Tịnh Độ vì hành giả tu Tịnh Độ được Phật lực của tất cả chư Phật gia trì, sức mạnh này là không thể nghĩ bàn!

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

HIỂU RÕ TỊNH ĐỘ TÔNG, NHẬN BIẾT GIÁ TRỊ BỘ KINH VÔ LƯỢNG THỌ VÀ CÂU PHẬT HIỆU “A MI ĐÀ PHẬT”

Mục lục của Đại Tạng Kinh có tổng cộng 12 nguyên bản dịch gốc của Kinh Vô Lượng Thọ, đáng tiếc là đã thất truyền mất 7 bản, chỉ còn lại 5 nguyên bản dịch thuộc thời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống. Các nguyên bản dịch này có sự sai khác rất lớn về nội dung kinh văn, nguyên nhân sai khác chắc chắn không phải do phiên dịch sai. Nếu các bản dịch được phiên dịch từ cùng một nguyên bản kinh gốc thì dù có nhiều dịch giả phiên dịch đi nữa cũng sẽ thành “đại đồng tiểu dị”. Do đó, chư tổ sư đại đức đã khẳng định: Thích Ca Mâu Ni Phật từng thuyết rất nhiều hội Kinh Vô Lượng Thọ. Trong 49 năm giảng kinh thuyết pháp, **Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh điển duy nhất mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã tuyên giảng rất nhiều lần. 100 năm cuối cùng khi Phật pháp sắp diệt tận sẽ chỉ còn lại duy nhất bộ Kinh Vô Lượng Thọ trụ ở thế gian để phổ độ chúng sanh thành Phật.** Tất cả các kinh điển khác đều chỉ được Thế Tôn giảng một lần duy nhất; đều sẽ bị mất hiệu lực và lần lượt bị biến mất dần dần trong thời kỳ Phật pháp diệt tận.

Trong Đại Tạng Kinh liệu rằng có bộ kinh điển nào có thể đại diện cho toàn bộ Phật pháp không? Chư tổ sư đại đức thời Tùy - Đường ở Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Cao Ly, Việt Nam, v.v... đã đem vấn đề này bàn luận. Các Ngài luận đến cùng thì đều công nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh có thể làm đại diện. Kinh Hoa Nghiêm giống như biển lớn, các kinh điển còn lại giống như vô số con sông lớn nhỏ đều đổ về biển lớn Hoa Nghiêm. Phẩm Phổ Hiền Hạnh nguyện sau cùng trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát dùng Thập Đại nguyện Vương dẫn Hải Hội Hoa Nghiêm gồm 41 bậc Pháp Thân Đại sĩ, số lượng Pháp Thân Bồ-tát này nhiều vô lượng vô biên, đồng cầu sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận đức Phật A Mi Đà mới có thể nhanh chóng chứng được quả Phật viên mãn; đến đây thì Kinh Hoa Nghiêm mới được xem là hoàn toàn viên mãn. Kinh Vô Lượng Thọ là bộ Kinh chủ chốt, đứng đầu tất cả kinh điển Tịnh Độ tông, trực tiếp dạy người trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Cho nên, chư tổ sư đại đức lại đem Kinh Hoa Nghiêm so sánh với Kinh Vô Lượng Thọ thì đều nhất trí khẳng định: **Kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất, là Bảo Vương Kinh, tức là vua trong tất cả kinh điển của Phật pháp, hết thảy kinh điển Tam Tạng Mười Hai Bộ đều được bao hàm trong Kinh Vô Lượng Thọ.** Hoa Nghiêm áo tàng, Pháp Hoa bí tủy cũng nằm gọn trong Kinh Vô Lượng Thọ; hai bộ kinh này đi lòng vòng rồi quy kết ở cõi Cực Lạc.

Chú thích: Tạng Tạng Mười Hai Bộ kinh điển

* **Tam Tạng** gồm: **Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.**

* **Mười Hai Bộ** là mười hai chủng loại:

1/ **Kinh (Khế kinh):** là những bài kinh chính mà Phật nói ở dạng văn xuôi ngắn gọn, súc tích, khế hợp với chân lý và căn cơ của chúng sanh.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

- 2/ **Trùng tụng (Ứng tụng):** là những bài kinh hay kệ được Phật nói lại nhiều lần nhằm giúp đệ tử thuộc lòng.
- 3/ **Thọ ký:** kinh Phật chứng nhận quả vị cho hàng đệ tử và những sự việc xảy ra trong tương lai.
- 4/ **Ký chú (Phúng tụng):** những bài kinh thuộc thể thơ ca.
- 5/ **Tự thuyết (Tán thán):** kinh Phật thuyết không cần sự thưa hỏi như Kinh Phật Thuyết A Mi Đà.
- 6/ **Nhân duyên (Quảng thuyết):** kinh nói về nhân duyên pháp hội, nhân duyên của vũ trụ nhân sanh.
- 7/ **Thí dụ (Diễn thuyết giải ngộ):** kinh Phật dùng những thí dụ để giảng thuyết những giáo lý cao sâu cho dễ hiểu.
- 8/ **Bổn sự kinh (Như thị pháp hiện):** kinh Phật nói “tu nhân - chứng quả” của hàng đệ tử trong quá khứ và tương lai.
- 9/ **Bổn sanh kinh:** kinh Phật nói về tiền thân của Phật và hàng Bồ-tát dẫn đến câu chuyện của đời hiện tại, sự liên hệ giữa kiếp trước và kiếp sau,...
- 10/ **Phương quảng (Phương đẳng):** là kinh điển Đại-thừa, nói về pháp tu viên mãn cứu cánh.
- 11/ **Hy pháp (Vị tăng hữu):** kinh Phật nói về thần lực của Phật và hàng Thánh đệ tử, nói về cảnh giới vi diệu của quả tu.
- 12/ **Nghị luận (Cận sự thỉnh vấn):** kinh vấn đáp biện luận giữa Phật và hàng đệ tử hoặc giữa các vị đệ tử với nhau để biện biệt chánh tà,...*✽

Từ trong rất nhiều kinh điển, chúng ta biết Phật luôn dạy rằng: **“Vãng sanh thế giới Cực Lạc là tương đương với viên mãn thành Phật!”**. Điều này khẳng định **Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh điển Nhất-thừa (Phật-thừa) một đời BÌNH ĐẲNG viên mãn thành Phật**, không có bộ kinh điển thứ hai nào có thể giúp tất cả chúng sanh một đời bình đẳng viên mãn thành Phật. Những kinh điển khác có thể giúp tất cả chúng sanh thành Phật được không? Được! Nhưng không thể khiến tất cả chúng sanh một đời bình đẳng viên mãn thành Phật; đây là khác biệt vô cùng lớn; từ tận dưới cùng là chúng sanh cõi địa ngục cho đến tận trên cùng là Đẳng Giác Bồ-tát đều một đời bình đẳng viên mãn thành Phật. Trong A Mi Đà Kinh Yếu Giải, Đại sư Ngẫu Ích (vị tổ sư thứ 9 của Tịnh Độ tông) đã nói: **“Một tiếng A Mi Đà Phật chính là pháp để đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay đem toàn thể Quả Giác này trao cho chúng sanh đời trược ác, đây chính là cảnh giới chư Phật đã hành, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu tốt cùng, chẳng phải là chín giới cạy vào tự lực mà**

hòng tin hiểu được!”. Chín giới là từ Đẳng Giác Bồ-tát xuống đến chúng sanh cõi địa ngục. **Đẳng Giác Bồ-tát nếu không được Phật lực gia trì sẽ không thể thấu hiểu tột cùng câu Phật hiệu A Mi Đà Phật**, giống như việc ngắm trăng qua một lớp vải the rất mỏng, vẫn không thể thấy rõ toàn bộ, vẫn còn bị một tầng chướng ngại. Lại viết: **“Đem Pháp Giới Thể làm thành thân và cõi của đức Phật A Mi Đà; cũng do chính toàn bộ cái Thể ấy làm thành danh hiệu A Mi Đà Phật. Vì vậy, danh hiệu A Mi Đà Phật chính là Bản Giác Lý Tánh của chúng sanh”**. Chư Phật luôn luôn trụ trong Tự Tánh viên mãn, nghĩa là chư Phật luôn luôn niệm A Mi Đà Phật, an trụ trong Niệm Phật Tam-muội. Phật nói: **“Niệm Phật Tam-muội là vua trong tất cả Tam-muội”**. Cho nên, Niệm Phật Tam-muội còn được gọi là Bảo Vương Tam-muội. Phật trụ trong Đại Tịch Định để thuyết Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Vô Lượng Thọ, Đại Tịch Định chính là cảnh giới Thiên-định của Niệm Phật Tam-muội, uy thần thể lực của Niệm Phật Tam-muội là không thể nghĩ bàn. Ngày nay, chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ, trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc thành Phật để phổ độ chúng sanh chính là tu cùng một pháp môn với chư Phật.

Chú thích:

* **Ngũ trược Ác thế bắt đầu xuất hiện khi tuổi thọ loài người giảm xuống còn 200 tuổi.** Ngũ trược Ác thế là năm sự ô nhiễm xấu ác thiêu đốt thế gian:

1/ **Kiếp trược:** là thời đại biến đổi hỗn loạn không ngừng. Vào thời kỳ Ngũ trược Ác thế thì nghiệp ác của chúng sanh chiêu cảm làm cho kiếp trở nên hỗn trược.

2/ **Kiến trược:** là cái thấy tà vạy sai lầm, là kết quả của năm loại tà kiến. Kiến trược lấy ngũ lợi sử làm thể.

- **Thân kiến:** chúng sanh chấp thân thể này chính là ta cho nên yêu quý nâng niu chiều chuộng nó bằng ngũ dục lục trần.

- **Biên kiến:** là thích bên này hoặc thích bên kia (Ví dụ: không nghiêng về Không thì sẽ nghiêng về Có); không phải Trung đạo.

- **Giới cấm thủ kiến:** Giới-luật sẽ trở thành tệ hại khi căn cứ vào một cái gì đó không phải là tu nhân mà cho đó là tu nhân, dẫn đến những sai lầm trong tu hành, dẫn đến lỗi tu khổ hạnh vô ích như ngủ trên giường đình, v.v...

- **Kiến thủ kiến:** là chấp vào quan niệm của mình là đúng, quan niệm sai lầm về một cái gì đó không phải chứng quả mà cho đó là chứng quả như họ cho rằng họ đã chứng thánh quả nhưng thật ra họ chưa chứng được điều gì.

- **Tà kiến:** chấp thượng đế tạo ra vạn vật và không tin lý nhân quả nghiệp báo; phủ nhận mọi sự vật hiện hữu và không nhận thức chúng từ nhân duyên sanh; chấp vào thành kiến và quan niệm không bình đẳng giữa người với muôn vật; cố chấp vào tri thức vọng tưởng và không tin vào những quả vị giải thoát.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

3/ **Phiền não trước:** là sự si mê tham đắm điên đảo do ngũ độn sử kết thành.

4/ **Chúng sanh trước:** là sự sanh tử hỗn loạn không ngừng. Thời kỳ này, thân và tâm chúng sanh đều quá đơ bản, quá cấu uế.

5/ **Mạng trước:** là kiếp sống của chúng sanh trên thế gian ngày càng ngắn ngủi, mạng sống mong manh và sống trong hoàn cảnh bất tịnh.*

* **Tam-muội hay Tam-ma-địa** dịch là chánh định tụ hay chánh thọ, ý nghĩa là sự hưởng thụ bình thường, chính là Thiên-định. Tam-ma-địa thật sự đạt được phải từ địa vị A-la-hán (Diệt Tận định) trở lên. Sự hưởng thụ của chúng sanh trong Lục đạo luân hồi đều không bình thường, sự hưởng thụ này không ngoài 3 loại: thân có sướng có khổ, tâm có vui có buồn và xả thọ nghĩa là thân không sướng không khổ và tâm không vui không buồn. Xả thọ cũng là trạng thái Thiên-định nhưng không tồn tại mãi mãi nên không phải Tam-muội.*

* **Niệm Phật Tam-muội** là tâm an định vào Phật A Mi Đà (danh hiệu A Mi Đà Phật), ngoài Phật A Mi Đà ra thì không còn ý nghĩ nào khác.*

* Niệm Phật có 4 phương pháp là Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật và Trì Danh Niệm Phật. Trong đó, **Trì Danh Niệm Phật là thù thắng nhất mà sự hành trì lại rất giản dị, chỉ xưng niệm một câu danh hiệu “Nam Mô A Mi Đà Phật”,** phù hợp với lời Phật dạy trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ và 48 nguyện của A Mi Đà Phật. Mật tông nói: **“Âm chữ đều là Thật Tướng”** nên niệm danh hiệu Phật chính là niệm Thật Tướng (niệm Tụ Tánh).*

* Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng **A Mi Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật từ kiếp lâu xa về trước đều đã thành Phật.** A Mi Đà Phật thị hiện thành Phật ở cõi Cực Lạc đến nay được 10 kiếp cũng giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật ở thế gian này vào 3000 năm trước.*

Kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, tất cả kinh điển trong Đại Tạng Kinh đều quy nạp về Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm lại quy nạp về Kinh Vô Lượng Thọ ở Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Phẩm này chính là tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm). Kinh Vô Lượng Thọ quy nạp đến sau cùng là 48 nguyện của đức Phật A Mi Đà. 48 nguyện quy nạp lại thành nguyện thứ 18: “Thập niệm tất sanh” (Mười niệm nhất định được vãng sanh Cực Lạc). Nguyện thứ 18 quy nạp lại thành một câu Phật hiệu A Mi Đà Phật. Cho nên, **toàn thể Phật Pháp quy nạp lại chính là một câu Phật hiệu A Mi Đà Phật.**

Ngẫu Ích Đại sư lại nói rằng: “Pháp môn (Tịnh Độ) thâm diệu, phá sạch hết thảy hí luận, chặt đứt tất cả ý kiến” (Hí luận là những lời nói không có ý nghĩa, không có sự thực, làm rối loạn Đạo tâm). Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng: “Tất cả các pháp mà đức Phật nói trong 49 năm đều thuộc về hí luận, **chỉ có một câu Phật hiệu**

A Mi Đà Phật là chân thật, một câu Phật hiệu này hàm chứa tất cả Phật pháp. Phật hiệu A Mi Đà Phật chính là tổng cương lĩnh, tổng đề mục của Phật Pháp”. A Mi Đà Phật đang làm biểu pháp biểu thị tất cả pháp giới hư không giới là Nhất Thể. Nhất Thể này chính là danh hiệu A Mi Đà Phật, chính là Tự Tánh viên mãn. A Mi Đà Phật là Pháp Tánh Thân, thế giới Cực Lạc là Pháp Tánh Độ. “Một tức là tất cả, tất cả tức là một”, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm Lý - Sự vô ngại, Sự - Sự vô ngại từ Chân Tâm lưu lộ ra. Công đức danh hiệu A Mi Đà Phật là không thể nghĩ bàn!

Đại sư Liên Trì (vị tổ sư thứ 8 trong Tịnh Độ tông) nói: “Tam Tạng Mười Hai Bộ dành cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành”. Ngài là bậc đã Đại Triệt Đại Ngộ Minh Tâm Kiến Tánh, Ngài làm biểu pháp biểu diễn cho chúng ta xem: Ngài buông xả toàn bộ, chỉ chuyên tâm nhất hướng niệm một câu Phật hiệu A Mi Đà Phật và thọ trì một bộ Kinh Phật Thuyết A Mi Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Con đường mà Ngài đi là con đường thẳng tắt cực viên cực đốn, viên đốn đều đến tối thẳng, rất nhanh chóng sẽ chứng được quả Phật viên mãn.

Tất cả chúng sanh từ mười phương thế giới sanh đến thế giới Cực Lạc đều làm A-duy-việt-trí Bồ-tát, đây là Bồ-tát viên mãn chúng Tam bất thoái chuyển, địa vị này vô cùng cao. Phàm phu một phẩm phiền não chưa đoạn được mà khi sanh đến thế giới Cực Lạc thì Trí-huệ, thần thông, đức năng, tướng hảo ngay lập tức bằng với Viên giáo Bát Địa Bồ Tát trở lên. Phàm phu như chúng ta thật sự không có năng lực này mà chính là do 48 nguyện của đức Phật A Mi Đà đã gia trì chúng ta. Đây chính là điều mà pháp môn Tịnh Độ được gọi là pháp khó tin bậc nhất trong tất cả pháp môn do chư Phật tuyên thuyết, là sự từ bi đến cùng cực của chư Phật giúp đỡ tất cả chúng sanh mau chóng thành Phật. Vì vậy, chư Phật đều xưng tán Phật A Mi Đà là “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ, Phẩm 44 - Thọ Bồ Đề Ký, Phật đã giải thích cho chúng ta biết: Phàm phu như chúng ta ngày nay có thể gặp được Quảng Đại Vi Diệu Pháp Môn (pháp môn Tịnh Độ), vừa gặp liền tin sâu không nghi, phát tâm tu học Kinh Vô Lượng Thọ, phát nguyện y giáo phụng hành như lời Phật dạy trong kinh, tinh tấn trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc sớm thành Phật phổ độ chúng sanh là nhờ uy thần Phật lực của vô lượng chư Phật mà chúng ta đã từng cúng dường trong quá khứ gia trì; đây gọi là thiện căn, phước đức sâu dày. Đời này, chúng ta gặp được Kinh Vô Lượng Thọ là nhân duyên đã đầy đủ, thiện căn - phước đức - nhân duyên đều đầy đủ rồi, chúng ta phải trân quý cái nhân duyên này!

Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ, Phật khen chúng ta là “đệ nhất đệ tử”, gọi chúng ta là bạn thiện của Phật, khuyên dụ rằng nếu chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc thì sẽ siêu vượt cả Phổ Hiền Bồ-tát. Thế Tôn nói rằng đức Phật A Mi Đà thị hiện thành Phật đến nay mới chỉ 10 kiếp, chúng ta có thể nghĩ rằng Phổ Hiền Bồ-tát khi còn tu hành ở địa vị phàm phu đã không thể gặp được nhân duyên hiếm có này, Ngài phải tu hành vô lượng kiếp tiến tiến thoái thoái vô cùng khó khăn mới đạt đến địa vị

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

A-duy-việt-trí Bồ-tát (vì tu hành trong tất cả cõi nước chư Phật trừ thế giới Cực Lạc ra thì ít nhiều đều có duyên thoái chuyển, đa số đều là duyên thăng tiến thì ít mà duyên thoái chuyển thì rất nhiều).

Thế Tôn dạy trong bộ Kinh Đại Tập: **“Trong đời Mạt pháp, ức ức người tu hành, khó có một người đắc Đạo, chỉ nương theo pháp môn niệm Phật mà thoát luân hồi”**. Hiện nay là đời Ngũ trược Ác thế, tất cả chúng sanh chỉ có một con đường duy nhất là niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc thành Phật. Ngoài ra, không còn con đường thành Phật thứ hai nào để đi nữa!

Pháp môn này toàn nhờ vào Phật lực, tuy toàn nhờ vào Phật lực gia trì gồm 48 nguyện của đức Phật A Mi Đà và Phật lực của tất cả chư Phật; nhưng nếu bản thân chúng ta không thật sự tin, không thật sự phát nguyện, không thật sự niệm Phật thì lực lượng của Phật A Mi Đà cùng chư Phật mười phương không thể giúp được. Nghĩa là, nếu niệm lực của bản thân chúng ta không đầy đủ thì không thể kết thành một thể với nguyện lực 48 nguyện của Phật A Mi Đà, Phật A Mi Đà và chư Phật mười phương cũng không có cách nào giúp cho chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc được. Chúng ta phải hiểu thật rõ điều này!

Tất cả các pháp môn (trừ pháp môn Tịnh Độ) đều phải đoạn dứt tận gốc nghiệp chướng thì mới có năng lực thoát khỏi Lục đạo luân hồi và Mười pháp giới (chữ “nghiệp” nghĩa là nghiệp chướng, bao gồm cả Phiền não chướng và Sở tri chướng). Nếu không thể đoạn dứt tận gốc kiến hoặc và tư hoặc thì dù trong hiện đời có biểu hiện ra việc tu hành tốt đẹp đến đâu đi nữa nhưng khi chết đi vẫn sẽ chìm nổi đau khổ ở trong Lục đạo luân hồi. Đoạn dứt tận gốc nghiệp chướng thực tế mà nói là điều vô cùng vô cùng khó khăn! Điểm đặc biệt của Tịnh Độ tông so với tất cả các pháp môn khác là ở chỗ **“đới nghiệp vãng sanh”**. Chữ “đới” nghĩa là đem theo, mang qua bên đó; mang nghiệp chướng đến thế giới Cực Lạc. Hành giả dù một chút xíu nghiệp chướng cũng chưa đoạn dứt tận gốc được nhưng một khi đã sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc thì đồng nghĩa với việc vĩnh viễn thoát khỏi Lục đạo luân hồi và Mười pháp giới, làm A-duy-việt-trí Bồ-tát, đảm bảo chắc chắn một đời chứng địa vị Diệu Giác. **Pháp môn Tịnh Độ tuy nói là “đới nghiệp vãng sanh” nhưng phải hiểu cho đúng là chỉ mang theo nghiệp chướng trong quá khứ chứ không mang được nghiệp chướng đang tạo tác ra trong hiện tại!**

Trong quá khứ vì chưa gặp được Phật pháp nên mê lầm tạo nghiệp, nay đã gặp được Phật pháp rồi, đã giác ngộ rồi thì phải sám hối nghiệp chướng (Sám hối nghĩa là có thể dũng cảm nói ra hành vi xấu ác của mình và sau này không bao giờ tái phạm nữa, nếu thường thường tái phạm thì đó không phải là sám hối), phải hoàn toàn sửa đổi lại những hành vi sai trái của mình trong quá khứ thành hành vi chuẩn mực theo lời Phật dạy, phải tùy thuận giáo huấn của Phật chứ không được tùy thuận theo phiền não tập khí của bản thân mình, phải rửa sạch tâm mình cho thanh tịnh thì mới có cảm ứng với Phật A Mi Đà và thế giới Cực Lạc.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Pháp môn Tịnh Độ tu học căn cứ vào năm kinh và một luận, đặc biệt căn cứ vào bộ kinh chủ chốt đứng đầu là Kinh Vô Lượng Thọ. **Hành giả tùy thuận giáo huấn mà Phật dạy trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ mới gọi là “thọ trì đọc tụng vì người diễn nói”.** Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ, những điều Phật dạy phải nên làm mà hành giả không chịu làm, còn những điều Phật dạy không được làm mà hành giả vẫn cố tình làm thì nghiệp chướng càng ngày càng thêm lớn; niệm Phật như vậy đến sau cùng đã không thể vãng sanh Cực Lạc mà còn đọa lạc vào ba ác đạo. Hành giả ngày ngày nghe giảng Kinh Vô Lượng Thọ, đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ và niệm danh hiệu A Mi Đà Phật mà còn làm ra những hành vi bất thiện, tạo nghiệp ác thì rất dễ dàng đọa vào địa ngục. Việc sai lầm trong quá khứ cũng không sao, từ ngày hôm nay nhất định phải tu sửa lại cho đúng như lời Phật dạy trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Câu nói **“không kể quá khứ, chỉ luận hành vi hiện tại”** là nguyên lý và nguyên tắc của đời nghiệp vãng sanh Cực Lạc.

Hành giả tu Tịnh Độ phải học đức hạnh của Phật A Mi Đà: tâm giống tâm Phật A Mi Đà, nguyện giống nguyện Phật A Mi Đà, hạnh giống hạnh Phật A Mi Đà thì niệm Phật mới cảm ứng với Phật A Mi Đà và thế giới Cực Lạc. A Mi Đà Phật ở đâu? A Mi Đà Phật chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ!

A Mi Đà Phật còn có một danh hiệu là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Pháp môn Tịnh Độ chú trọng tu tâm thanh tịnh, **“tâm tịnh thì cõi nước tịnh”**, muốn đạt được tâm thanh tịnh thì nhất định phải **“đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện”** rồi dùng tâm này trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc. Trong nhà Phật, **tiêu chuẩn thiện là vì tất cả chúng sanh để làm, tiêu chuẩn ác là vì chính bản thân mình để làm.** Vậy, 4 câu trong Tứ hoằng thệ nguyện “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,...” chính là đoạn tất cả ác tu tất cả thiện. **Mỗi niệm của hành giả phải vì chúng sanh khổ nạn khắp hư không pháp giới mà tu hành thì hành giả sẽ phát ra tâm Bồ-đề:** “nay ta niệm Phật chính vì chúng sanh khổ nạn”, “nay ta tụng kinh chính vì chúng sanh khổ nạn”, “ta ăn cơm, ta mặc áo vì bảo dưỡng cái thân thể này để tu hành thành Phật phổ độ chúng sanh khổ nạn”,... Mỗi niệm không được vì chính bản thân mình! Vì sao? Nguyên nhân là nếu hành giả vì chính bản thân mình thì tăng thêm Ngã chấp; mà Ngã chấp là gốc rễ của sanh tử, là đại căn đại bản của tất cả nghiệp chướng tạo ra Lục đạo luân hồi và Mười pháp giới. **Ngã chấp không trừ thì tâm địa không thể thanh tịnh.** Pháp môn Tịnh Độ tuy không cần đoạn dứt tận gốc nghiệp chướng nhưng **công phu niệm Phật thấp nhất là phải chế phục được nghiệp chướng, nghĩa là trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật phải đạt đến mức tối thiểu là nghiệp chướng không thể khởi tác dụng hiện hành, tâm thanh tịnh đã hiện tiền.** Trong tâm chỉ có A Mi Đà Phật, ngoài A Mi Đà Phật ra thì không còn ý niệm gì nữa, đây gọi là **Công phu thành phiền.** Công phu thành phiền đã đảm bảo chắc chắn vãng sanh Cực Lạc! Công phu niệm Phật cao hơn là **Sự nhất tâm bất loạn** tương đương cảnh giới cõi Tứ thánh pháp giới và **Lý nhất tâm bất loạn** (Đại Triệt Đại Ngộ Minh Tâm Kiến Tánh) tương đương cảnh giới cõi

Thật báo trang nghiêm. Hai tầng công phu này đều đã chứng được Thánh quả. Công phu thành phiến chỉ là đắc được Thiên-định, vẫn còn là phàm phu.

Nếu thường ngày rất chăm chỉ niệm Phật nhưng nghiệp chướng vẫn thường khởi tác dụng hiện hành thì công phu niệm Phật này không có lực, niệm Phật như thế rất khó vãng sanh Cực Lạc, khả năng được vãng sanh Cực Lạc là rất mong manh. Hành giả niệm Phật công phu không đắc lực thì phải xem lại đức hạnh của mình, xem xem những lời Phật dạy trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ mình có làm trái phạm lời dạy nào không, xem thân - khẩu - ý của mình còn tạo ác nghiệp không. Tóm lại, **hành giả dù rất nỗ lực niệm Phật nhưng công phu niệm Phật không có lực chính là do đức hạnh của mình còn kém khuyết, tâm Bồ-đề chưa phát khởi.**

Pháp sư Từ Văn Quán Đánh vào thời đầu nhà Thanh có viết bộ “Đại Thệ Chí Bồ-tát niệm Phật viên thông chương số sao”, Ngài nói người niệm Phật có 100 loại quả báo, quả báo đầu tiên là niệm Phật đi xuống A-tỳ địa ngục! Nguyên nhân niệm Phật đi xuống A-tỳ địa ngục là do Ngã chấp quá nặng, mỗi niệm đều là tự tư tự lợi, mỗi niệm đều là tổn hại người khác để lợi mình.

Đại sư Triệt Ngô (vị tổ sư thứ 12 của Tịnh Độ tông) dạy rằng: **“Thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng Tín - Nguyện sâu trì danh hiệu Phật!”.**

Trong bộ Kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy: “Vong thất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp!” (Dịch nghĩa: “Tu các pháp thiện mà đánh mất đi Bồ-đề tâm thì chính là nghiệp ma!”).

Ông lão bà lão ở dưới quê dù không biết chữ, họ cũng không hiểu cái gì gọi là tâm Bồ-đề nhưng họ chân thành cung kính niệm Phật 3 năm thì vãng sanh Cực Lạc biết trước ngày giờ hiện tướng lành hy hữu. Nếu quan sát tỉ mỉ những ông lão bà lão này thì thấy được họ đều là những người có tâm địa rất thanh tịnh; họ rất lương thiện, rất chân thành, rất cung kính; họ không có nghĩ tưởng lung tung xằng bậy cả ngày như chúng ta; bảo họ niệm Phật cầu sanh Cực Lạc để thành Phật thì họ thật sự tin tưởng không có một chút hoài nghi; đây cũng chính là tâm Bồ-đề. Phật gọi những người này là thiện căn phước đức sâu dày, thiện căn phước đức này là họ đã huân tu từ rất nhiều đời quá khứ, không phải ngẫu nhiên mà có được.

Chú thích: Tâm Bồ-đề là tâm giác ngộ. Thể của tâm Bồ-đề là tâm chân thành đến cực điểm (tiên sinh Tăng Quốc Phiên nói về ý nghĩa chữ “thành”: một niệm không sanh chính là thành). **Dụng của tâm Bồ-đề** có hai tác dụng, đối với bản thân Tự thọ dụng là **tâm thanh tịnh bình đẳng giác** và đối với chúng sanh Tha thọ dụng là **tâm đại từ đại bi**. Tâm Bồ-đề chính là Chân Tâm. Trong bộ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì Phật giảng tâm Bồ-đề là Chí thành tâm, Thâm tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm; tuy danh từ thuật ngữ khác nhau nhưng ý nghĩa là một.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Điểm mấu chốt của Tịnh Độ tông là “chẳng lìa Phật pháp mà hành thế pháp, chẳng bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp”. Bởi vì, chúng ta trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật thật rất tiện lợi, tu chỗ nào cũng được, không cần phải ẩn cư nơi rừng núi, lúc nào cũng niệm được, chẳng phiền bề quan (đóng cửa không giao tiếp với bên ngoài), chẳng cần ngồi yên, chỉ cần phát khởi cái tâm Bồ-đề rộng lớn, một lòng chuyên niệm danh hiệu A Mi Đà Phật thì mười niệm hay thậm chí một niệm cũng được vãng sanh Cực Lạc thành Phật; chẳng trở ngại công việc thế gian mà lại nhanh chóng thoát sanh tử, rộng độ chúng sanh đời vị lai.

Tín - Nguyện - Hạnh gọi là ba tư lương của hành giả cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ba tư lương này nếu thiếu một thứ cũng không được vãng sanh Cực Lạc, tuy ba nhưng chính là một: trong Tín có Nguyện có Hạnh, trong Nguyện có Tín có Hạnh, trong Hạnh có Tín có Nguyện. Đại sư Ngẫu Ích nói trong A Mi Đà Kinh Yếu Giải rằng: **“Tín sâu Nguyện thiết cũng chính là tâm Vô Thượng Bồ-đề”**; **“Được vãng sanh hay không là do có Tín - Nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp là xem công phu Trì Danh sâu hay cạn”**. Cho nên, niệm mỗi câu Phật hiệu đều phải đầy đủ Tín - Nguyện. Đại sư Ấn Quang (vị tổ sư thứ 13 của Tịnh Độ tông) giảng về Tín - Nguyện như sau: **“Tín Ta Bà khổ, khổ không nói nên lời; tin Cực Lạc vui, vui không gì sánh được! Nguyện rời khỏi Ta Bà, như tù nhân mong ra khỏi nhà ngục; nguyện sanh Cực Lạc, như kẻ đi lạc mong quay được về nhà!”**.

Kinh Vô Lượng Thọ giúp chúng ta tu Tín - Nguyện. Nếu Tín - Nguyện chưa có thì kinh giúp chúng ta phát khởi Tín - Nguyện. Nếu Tín - Nguyện đã phát khởi rồi nhưng không được đầy đủ thì kinh giúp vun bồi Tín - Nguyện đến đầy đủ kiên cố vững chắc. Trong bộ Kinh Phật Thuyết A Mi Đà, Phật dạy: **“Không phải ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi nước kia!”**. **Thiện căn chính là tin sâu không nghi và nguyện thiết tha cầu sanh Cực Lạc, phước đức chính là hạnh trì danh niệm Phật.** Nghĩa là: nếu chúng ta thiếu khuyết một chút thiện căn, phước đức thì bộ kinh này sẽ vun bồi thiện căn, phước đức của chúng ta đến mức đầy đủ; còn nhân duyên thì gặp được pháp môn Tịnh Độ và nhất là gặp được bộ Kinh Vô Lượng Thọ là nhân duyên đã đầy đủ rồi.

Kinh Vô Lượng Thọ có tất cả 5 loại nguyên bản dịch thuộc thời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống. Nếu chúng ta phải tu học tất cả 5 loại nguyên bản dịch này thì thật sự rất khó khăn, thật sự rất rắc rối, tâm phàm phu như chúng ta dễ sanh hoài nghi và tạp loạn. Vì vậy, việc hội tập 5 nguyên bản dịch Kinh Vô Lượng Thọ lại thành một hội bản hoàn thiện là điều tất yếu phải làm, chư tổ sư đại đức xưa nay đều rất quan tâm đến vấn đề này. Kinh Vô Lượng Thọ đặc biệt có nhân duyên với hàng cư sĩ tại gia, cả ba lần hội tập kinh đều do Bồ-tát tại gia thực hiện. Chúng tôi cho rằng không phải các vị xuất gia như Liên Trì, Ngẫu Ích, Ấn Quang, Tịnh Không, v.v... không làm được mà chính là vì thời khắc nhân duyên chư Phật Bồ-tát muốn phổ độ chúng sanh thì phải làm biểu pháp như vậy.

Cư sĩ Vương Nhật Hưu thời Tống và cư sĩ Ngụy Nguyên thời cuối Thanh làm hội tập, cư sĩ Bàn Thiệu Thăng thời đầu Thanh làm tiết bản. Những vị cư sĩ này đều là đại đức Phật môn thuở bấy giờ, họ chứng đắc ngang bằng với chư vị tổ sư, đều là những vị có tu có chứng quả, công phu và cảnh giới tu hành rất cao. Điều đáng tiếc là hai lần hội tập này đều có nhiều khuyết điểm, chưa phải là bản hội tập hoàn thiện của Kinh Vô Lượng Thọ. Trong nhiều khuyết điểm thì có một lỗi nghiêm trọng là tự thêm lời văn của mình sáng tác vào kinh. Ân sư Thích Tịnh Không nói rằng **những vị đại đức ấy thêm văn của mình vào kinh là thêm được rất hay, thêm rất chính xác; vì cảnh giới của họ tu chứng là hoàn toàn khế nhập vào cảnh giới của Kinh Vô Lượng Thọ**. Khi lâm chung, cư sĩ Vương Nhật Hưu biết trước ngày giờ đứng chấp tay mà vãng sanh Cực Lạc, đủ để thấy công phu và cảnh giới tu hành của những vị hội tập Kinh Vô Lượng Thọ không phải là hạng thông thường. Tuy nhiên, **cái tiền lệ thêm văn vào kinh này tuyệt đối không được mở ra!** Vì sao? Vì đời sau sẽ có những kẻ công phu và cảnh giới tu hành không đến nơi đến chốn cũng dám tự ý sửa đổi kinh văn và chắc chắn là họ sẽ đọa A-tỳ địa ngục. Nếu kinh văn cứ bị sửa đổi liên tục như thế thì truyền đến đời sau sẽ hoàn toàn bị sai. Vấn đề này rất nghiêm trọng! Đến thời Dân Quốc, cư sĩ Hạ Liên Cư phát tâm làm hội tập lần thứ ba. Ngài là bậc thông suốt Tông lẫn Giáo; viên dung cả Hiện, Mật, Thiền, Tịnh đều đến nhất tâm; chuyên hoằng dương trì danh niệm Phật nhiếp vạn đức. **Bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hạ Liên Cư được tất cả tổ sư đại đức trong nhà Phật đánh giá là bản hoàn thiện sau cùng của Kinh Vô Lượng Thọ, bản này có tên “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”**. Học trò của cư sĩ Hạ Liên Cư là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, đây cũng là bậc suốt thông Tông lẫn Giáo; viên dung cả Hiện, Mật, Thiền, Tịnh; chuyên hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. **Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ làm chú giải cho bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của thầy mình. Ngài làm theo phương pháp dùng gần 200 loại kinh luận chú sớ trong Đại Tạng Kinh để chú giải; cho nên bản chú giải kinh của Ngài cũng là bản hội tập, bản tập chú này có tên “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải”**. Kinh và chú giải kinh đều đã hội tập được tận thiện tận mỹ!

“Đọc kinh và niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn là duyên giúp cho một phàm phu như chúng ta có thể vãng sanh Thượng phẩm!”

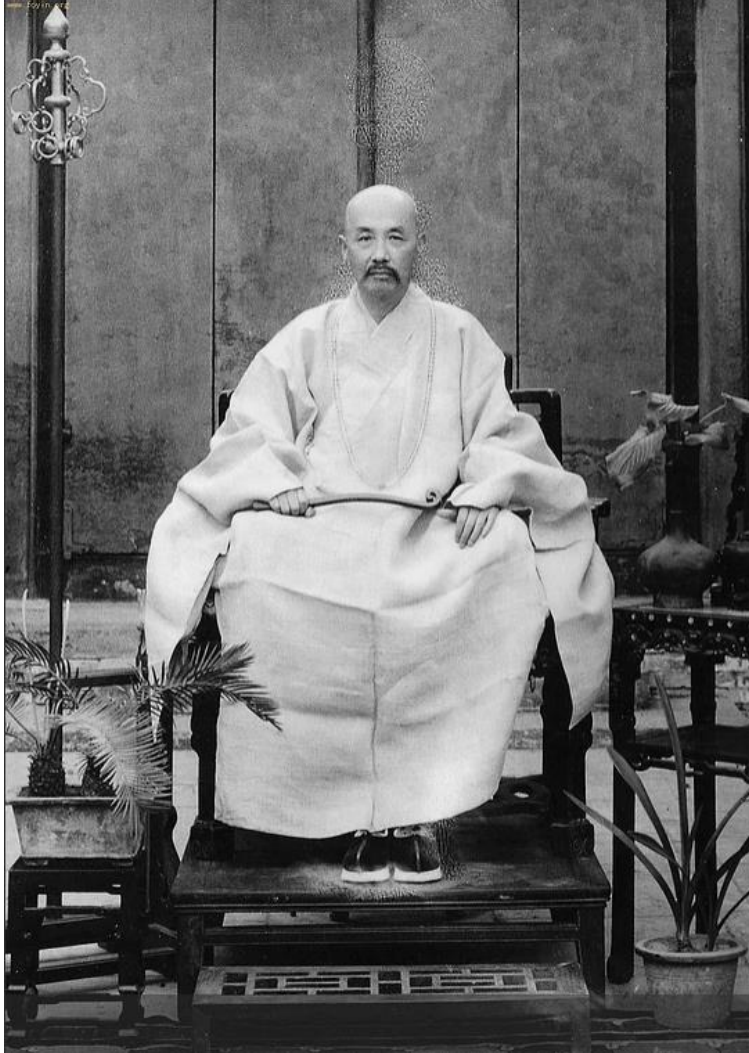
- Đại sư Thiệu Đạo khai thị -

Chú thích: Ân sư Thích Tịnh Không trong một số buổi giảng có nói rằng sau khi cư sĩ Hạ Liên Cư và cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thị hiện vãng sanh Cực Lạc rồi thì thân phận của hai Ngài mới được tiết lộ: **cư sĩ Hạ Liên Cư là Phổ Hiền Bồ-tát tái sanh và cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Quán Thế Âm Bồ-tát tái sanh.**✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư - Người hội tập viên mãn bộ Kinh Vô Lượng Thọ, đứng niệm Phật tại vãng sanh Cực Lạc

(Trích lục từ tài liệu Tịnh Tông Học Hội Lục Thập Chu Niên Kỷ Niệm ấn hành năm 1999)



(Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư)

Cư sĩ Hạ Liên Cư tên thật là Hạ Kế Tuyên, tự Phổ Trai, hiệu Cừ Viên; khi đi lánh nạn tại Nhật Bản thì lấy tên là Hạ Tuyên, khi về nước thì đổi thành Liên Cư, biệt hiệu là Nhất Ông. Hạ lão cư sĩ là người Vận Thành, tỉnh Sơn Đông, là con trưởng của cụ Hạ Tân Dậu (thụy hiệu Tráng Vũ Công) làm quan đề đốc hai tỉnh Vân Nam và Quý Châu thuộc triều Thanh. Hạ lão cư sĩ sinh ngày 20 tháng 3 năm 1884 (tức ngày 23 tháng 2 năm Giáp Thân) tại Vu Điền, Tân Cương. Về già, cụ sống tại Bắc Kinh; đến ngày 14 tháng 12 năm 1965 (tức ngày 22 tháng 11 năm Ất Ty), cụ an tường tự tại vãng sanh Cực Lạc, trụ thế 82 năm.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Cụ Hạ từng giữ các chức vụ như tri châu tỉnh Trực Lệ, tri huyện Tịnh Hải, tri phủ Giang Tô, đoàn luyện phó đại thần tỉnh Sơn Đông. Sau cách mạng Tân Hợi (1911), cụ Hạ được cử giữ chức hội trưởng Hội Liên Hiệp Các Giới tỉnh Sơn Đông để tuyên cáo tỉnh Sơn Đông độc lập. Khi chế độ Dân Quốc được thành lập, cụ được mời giữ chức cố vấn tối cao cho phủ Đê Độc tỉnh Sơn Đông, kiêm nhiệm các chức bí thư trưởng, tham mưu trưởng, v.v... Năm 1916, cụ được mời giữ chức bí thư trưởng phủ Tổng Thống. Năm 1918, cụ được bầu làm nghị viên Quốc Hội, đảm nhiệm chức giám đốc viện bảo tàng Tề Lễ Kim Thạch Họa Thư Quán, đồng thời làm Lâm trưởng của Sơn Đông Phật Giáo Cư Sĩ Lâm. Năm 1920, cụ giữ chức Giám Vận Sứ tỉnh Sơn Đông, tận lực bài trừ những tệ đoan lâu đời trong việc đánh thuế muối, được dân chúng khen ngợi vô cùng. Năm 1921, cụ từ chức để trừ bị kế hoạch lập đại học Điền Phụ và đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng trường Đông Lễ.

Năm Ất Sửu (1925), đề đốc Trương Tông Xương (lãnh tụ quân phiệt ở Sơn Đông) vu khống cụ Hạ tội tuyên truyền tư tưởng Cộng Sản rồi ra lệnh tập kích truy nã nên cụ phải lánh qua Nhật. Trong thời gian ở Nhật, cụ giao du thân thiết với các nhân sĩ thuộc giới nghệ thuật, văn hóa và tôn giáo như các ông Đằng Hồ (người tỉnh Hồ Nam), Thủ Dã Hỷ Trực, v.v... Lại còn có các ông Cát Xuyên Hạnh Thứ Lang, Thương Thạch Vũ Tứ Lang và ông Kim Cửu Kinh người Triều Tiên đến cầu học với cụ Hạ. Hai năm sau, cụ Hạ trở về nước, dưỡng bệnh ở vùng Thiên Tân - Đại Cô. Năm 1932, cụ chuyển đến sống ở Bắc Kinh, chuyên tâm nghiên cứu, hoằng dương Phật pháp. Trong thời gian này, ông Hà Tư Nguyên (cũng là người tỉnh Sơn Đông, được cử làm thị trưởng Bắc Bình) thường đến thảo luận, nghiên cứu Phật pháp với cụ Hạ. Các vị như Hoàng Niệm Tổ (chuyên viên thâm phát sóng thuộc cục phát thanh trung ương Bắc Bình - Thiên Tân, kiêm trưởng đài phát thanh Bắc Bình), Tề Xương Đỉnh (phó trưởng đài), v.v... đều đến học Phật với cụ.

Năm 1939, cụ cùng với Hiện Minh trưởng lão (phương trượng chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh) và cư sĩ Cận Dực Thanh (Vân Bằng) sáng lập Tịnh Tông Học Hội, lấy ngày khánh đản Đại Thế Chí Bồ-tát làm ngày kỷ niệm sáng lập hội; với tông chỉ: “Nghiên cứu kinh điển Đại Thừa, phát dương tinh thần Phật giáo, lấy Tín - Nguyện - Trì Danh để nhập biển nguyện của đức Phật A Mi Đà”. Tổ chức này không có một cơ cấu quản trị trung ương mà chỉ hoạt động dựa trên tinh thần tự giác cộng tu của các hội viên, lấy việc hoằng dương Tịnh Độ làm sự nghiệp chính. Hiện thời, cố vấn giáo đạo là Đại lão hòa thượng Ân sư Thượng nhân Thích Tịnh Không. Ban đầu, Tịnh Tông Học Hội chỉ tổ chức các khóa Phật thất mỗi năm vài lượt tại các chùa Quảng Tế, Hiền Lương, Niêm Hoa, Cục Lạc Am và trường tiểu học Từ Đức cũng như cung thỉnh các vị Cao Tăng đại đức, cư sĩ hữu danh luân phiên diễn giảng.

Năm 1945, cụ Hạ cùng các nhân sĩ thuộc Bắc Hải Đoàn tổ chức pháp hội tiêu tai cầu nguyện hòa bình vào đúng ngày thánh đản Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, kéo dài suốt 7 ngày, quy tụ cả vạn người tham dự.

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

Trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, các tự miếu bị kiểm soát và bị tàn phá nặng nề nhưng Tịnh Tông Học Hội vẫn kiên trì duy trì những pháp hội “bỏ túi” dù không còn có cơ hội tổ chức các Phật thất cộng tu như trước năm 1949 nữa. Chính nhờ sự hoằng pháp liên tục âm thầm của Tịnh Tông Học Hội tại Trung Hoa đại lục mà Phật giáo Trung Hoa vẫn bảo tồn được nguyên khí và có dịp phục hưng sau khi Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt.

Cụ Hạ là người rất ham học, tính tình nghiêm cẩn, thông tuệ hơn người, thường hay quên ăn bỏ ngủ để đọc sách; trong những lúc chính sự bề bộn, cụ vẫn không hề xao nhãng việc học. Lúc trẻ, cụ chú trọng từ chương, thông đạt các học thuyết Tông Nho, Lão Trang; nhưng càng lớn tuổi, cụ càng chuyên tâm nghiên cứu nội điển nhà Phật. Do vậy, sự hiểu biết của cụ về thế học lẫn Phật học rất quảng bác. Trước tác của cụ gồm đủ thể loại, các bài thơ của cụ được các văn đàn khen ngợi nồng nhiệt. Nhà xuất bản Nhân Dân từng dự định ấn hành di thảo Cừ Viên Ngoại Biên Thập Chung của cụ, nhưng Cách Mạng Văn Hóa nổ ra khiến cho dự án này bị bỏ phứt. Cụ Hạ cũng là một nhà nghiên cứu có tiếng về văn hóa, nhất là thư họa, cổ vật; khả năng giám định các cổ vật của cụ được giới nghiên cứu đánh giá rất cao.

Về mặt Phật học, cụ Hạ được đại chúng khâm ngưỡng sâu xa vì trình độ Phật học uyên thâm, đức hạnh nghiêm cẩn, điềm đạm, chuyên chí hoằng dương Phật pháp mạnh mẽ, sâu rộng. Phật giáo đồ Trung Hoa đại lục thường lưu truyền câu: “Nam Mai, Bắc Hạ”; nghĩa là: trong giới cư sĩ hoằng truyền Phật pháp nổi tiếng nhất thì ở miền Nam là cụ Mai Quang Hy (cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tô), miền Bắc là cụ Hạ Liên Cư. Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô nói rằng cụ Mai Quang Hy đến cuối đời thì bái cụ Hạ Liên Cư làm thầy, theo cụ Hạ học Phật.

Sau khi quy y thọ giới với Pháp sư Huệ Minh ở An Khánh thì cụ Hạ không những cầu học với Huệ Minh trưởng lão, tự học nội điển mà còn tham học rộng rãi với các bậc kỳ túc thạc đức trong các tông phái, kể cả những bậc thạc đức Phật giáo Nhật Bản. Cụ Hạ thông hiểu thông suốt ba tông Thiên, Tịnh, Mật; nhưng vẫn quy hướng Tịnh Độ, lấy việc hoằng dương Tịnh Độ tông làm lẽ sống. Dù từng nhiều lần thăng pháp tòa thuyết pháp cho cả Tăng lẫn tục, nhiều người nhờ Hạ lão cư sĩ khai thị mà bỏ tục xuất gia nhưng suốt đời cụ Hạ luôn khiêm cung, giữ lễ của đệ tử tục gia đối với các bậc tôn túc trong Phật môn. Những người theo học với cụ thường suốt đời kính mộ, coi cụ Hạ như một bậc Pháp Thân Đại sĩ, tại gia Bồ-tát. Đề tài diễn giảng của cụ rất rộng, phần lớn là những kinh luận trọng yếu của Phật giáo Đại Thừa, nhưng mỗi bài diễn giảng của cụ đều quy dẫn thính chúng hướng về Tịnh Độ. Rất tiếc, phần lớn những biên thuật, trước tác của Hạ lão cư sĩ đã bị hủy mất trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa tại Trung Hoa đại lục.

Cụ Hạ được Phật giáo đồ Trung Hoa ở hải ngoại biết đến nhiều nhất nhờ công trình hội tập bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Sau khi từ Nhật Bản trở về nước, cụ Hạ yểm quan tuyệt khách tại Thiên Tân, chuyên tâm hội tập 5 nguyên bản dịch Kinh Vô

Lượng Thọ thuộc thời Ngô, Ngụy, Hán, Đường, Tống. Cụ làm trong suốt 3 năm chẳng nghỉ, thiên châm vạn chúc, soạn thành bản hội tập hoàn chỉnh của Kinh Vô Lượng Thọ có tên “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”, được bốn chúng đệ tử nhà Phật cả hải nội và hải ngoại tán dương là bản hội tập công phu xuất sắc nhất. Hiện thời, đa phần các hành giả Tịnh Độ tông Trung Hoa dùng bản hội tập này làm khóa tụng. Tịnh Tông Học Hội do Ân sư Thích Tịnh Không làm huấn đạo chỉ dùng bản này để tụng niệm mỗi khi tụng Kinh Vô Lượng Thọ. Ngoài việc hội tập Kinh Vô Lượng Thọ thì cụ còn hội tập 2 bản Phật Thuyết A Mi Đà Kinh (bản Tần dịch của ngài Cưu Ma La Thập) và Kinh Phật Thuyết Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (bản Đường dịch của ngài Huyền Trang) với tựa đề A Mi Đà Kinh. Ngoài ra, những trước tác như Tịnh Tu Tiệp Yếu và Bảo Vương Tam-Muội Sám của cụ Hạ cũng được ấn hành lưu thông rất rộng rãi trong và ngoài nước, được bốn chúng hoan hỷ thọ trì, đánh giá rất cao.

Sau khi hội tập Đại Kinh xong, theo lời thỉnh của Hiện Minh trưởng lão (phương trượng chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh), cụ Hạ chuyên giảng Kinh A Mi Đà. Mỗi buổi giảng, Hiện Minh trưởng lão cùng phương trượng các chùa tại Bắc Kinh thường đến dự thính để làm ảnh hưởng chúng cho pháp tòa. Trong suốt mấy mươi năm ở Bắc Kinh, cụ Hạ tích cực hoằng dương Tịnh Độ tông, đào tạo được nhiều học trò lỗi lạc về hoằng pháp lẫn biên thuật. Người nổi tiếng nhất trong số này là cụ Hoàng Niệm Tổ. Các vị tôn túc Pháp sư đương đại như Đế Nhân, Huệ Minh, Tịnh Minh cũng đều hâm mộ, tán thán nồng nhiệt công hạnh hoằng dương Tịnh Độ, hoằng pháp độ sanh của Hạ Đại sĩ.

Công hạnh, kiến giải của cụ Hạ Liên Cư quảng bác, hoằng thâm đến nỗi Pháp Vương Công Cát Hoạt Phật của Hồng Bạch Giáo thuộc Mật tông Tây Tạng phải thốt lên: “Người xứng đáng làm Kim Cang A-xà-lê trong thế gian này chỉ có cụ Hạ mà thôi!”. Ngay đến bậc Thái Sơn Bắc Đẩu của Thiên tông là Đại lão hòa thượng Hư Vân cũng ngậm ngùi nói: “Chẳng biết bao giờ ta mới có dịp gặp được vị đại Thiện-tri-thức ở phương Bắc này!”.

Khi duyên hóa độ chúng sanh của Hạ Đại sĩ đã tận thì vào một ngày mùa Đông năm 1965, cụ Hạ thiết tiệc trà mời đồng tham đạo hữu đến nhà, nói cười vui vẻ, chào từ biệt mọi người rồi đứng chấp tay niệm Phật an nhiên tự tại vãng sanh Cực Lạc. **Lúc sinh thời, cụ có nuôi một con chuột nhất trắng trong nhà, khi cụ đi nhiều Phật niệm Phật thì nó cũng đi theo sau chân cụ. Lúc cụ Hạ vãng sanh Cực Lạc, con chuột nhất trắng này nằm trên giày của cụ mà vãng sanh Cực Lạc theo cụ.**

Sau khi Hạ lão cư sĩ vãng sanh, Tịnh Tông Học Hội do cụ Hạ đồng sáng lập được đệ tử tâm đắc là cụ Hoàng Niệm Tổ tích cực duy trì, củng cố, phát dương rộng rãi. Sau khi cụ Hoàng vãng sanh thì ảnh hưởng và hoạt động của hội tại Trung Hoa đại lục bị suy yếu, chỉ còn mạnh mẽ tại Đài Loan. Hiện nay, nhờ sự hỗ trợ của Tịnh Tông Học Hội Đài Loan mà Tịnh Tông Học Hội Trung Hoa đại lục đang có triển

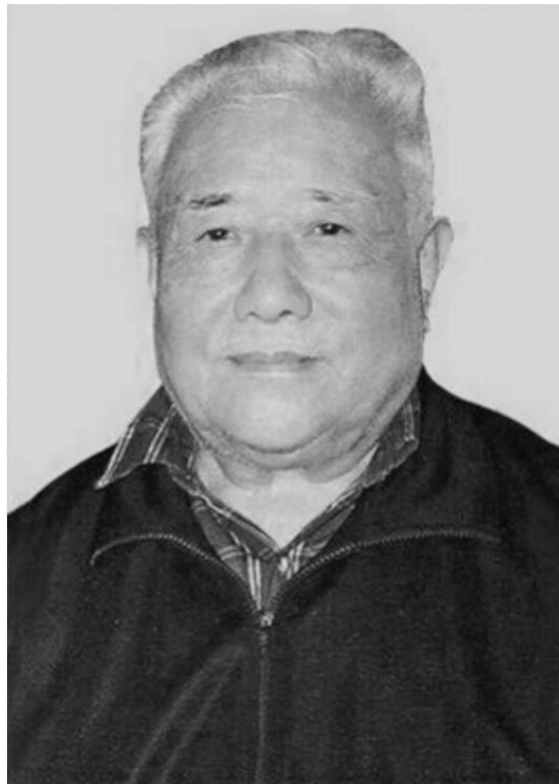
vọng phục hưng. Sau khi tổ Ân Quang viên tịch thì công cuộc duy trì, hoằng dương Tịnh Độ cũng như giữ cho pháp âm của Phật vẫn còn được vang vọng tại Trung Hoa đại lục luôn có sự đóng góp rất lớn của cụ Hạ Liên Cư.

Cụ Hạ đã góp phần đào tạo nên những bậc cư sĩ hữu danh hữu đức, có khả năng biên thuật, diễn giảng lưu loát, góp phần huấn dưỡng đại chúng sống theo chánh tín, tin tưởng sâu xa vào chánh pháp của Phật trong hoàn cảnh xã hội khắc nghiệt. Những thành viên Tịnh Tông Học Hội tại Đài Loan đã kế thừa chí hướng của cụ, nhân rộng mô thức tổ chức tu tập này trong khắp các cộng đồng người Hoa tại hải ngoại. Nhờ đó, những Phật tử Việt Nam tại hải ngoại cũng có cơ hội nghe được pháp âm của các bậc Cao Tăng đại đức trong Tịnh Tông Học Hội như Ân sư Thích Tịnh Không, Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ,...

Ngưỡng mong Hạ Đại sĩ trở lại Ta Bà, phân thân tiếp độ bốn chúng đệ tử cùng được viên mãn nhập vào biển nguyện của đức Phật A Mi Đà!

---o0o---

Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ - Tác giả của bộ Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải, đứng niệm Phật tự tại vãng sanh Cực Lạc



(Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trong các vị cư sĩ hữu danh, thực đức cận đại của Trung Hoa, ngoài những vị như Lý Bình Nam, Vương Bác Khiêm, Hạ Liên Cư, Mai Quang Hy,... thì cụ Hoàng Niệm Tổ thường được nhắc đến như là một vị đại đức cư sĩ có công rất lớn trong việc hoằng truyền Tịnh Độ tông đương đại.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, pháp hiệu Long Tôn, ngoại hiệu Tâm Thi, Lạc Sanh, biệt hiệu Lão Niệm, Bất Thoái Ông. Cụ Hoàng sanh ngày 6 tháng 3 năm Quý Sửu 1913. Cha mất sớm. Mẫu thân là cụ bà Mai thái phu nhân một lòng tin tưởng Phật pháp, lễ kính Tam Bảo, tịnh hạnh cao vời. Ông tánh tình thuần hiếu, ngay từ nhỏ đã khác với những đứa trẻ khác: không thích đùa nghịch, bỡn cợt, có ý thức trách nhiệm cao; cung cách cư xử, ứng đáp, tiến thoái không gì là không nghiêm cẩn, cung kính, không ai là không khen ngợi, ưa mến. Ông thường theo mẹ đi tụng kinh, nghe pháp. Ông được cậu ruột là lão cư sĩ Mai Quang Hy, một vị đại đức trong Tịnh Độ tông thời ấy răn dạy, hun đúc nên chí thú siêu quần, tỏ rõ tính cách của một con người túc căn phước đức thâm hậu.

Năm 20 tuổi, cụ theo học tại Đại học Công Nghiệp Bắc Kinh. Không những học vấn xuất sắc, cụ còn là một tay chơi bóng bàn có hạng, thường tham gia các hoạt động thể thao tại trường. Lần đầu đọc đến Kinh Kim Cang, cụ lập tức thâm nhập được diệu lý “vô trụ sanh tâm”, trong tâm chấn động lớn lao. Từ đấy trở đi, cụ nhiều lượt cảm thấy như được đề hồ quán đảnh (đề hồ là một loại thức uống ngon nhất ở Ấn Độ được làm từ sữa), thân tâm trong ngoài thanh lương nhuận trạch. Cụ cho rằng: “Muốn dùng tâm phàm phu mà thấu đạt, niệm đến được cảnh giới ấy (vô trụ sanh tâm) thì ngoài niệm Phật hay trì chú ra không còn cách nào khác nữa!”. Từ đấy về sau, cụ đối với Phật pháp sanh tâm kính ngưỡng sâu xa.

Năm 22 tuổi (1953), cụ làm việc trong ngành khai thác than đá. Có một lần, trong giấc mộng, cụ thấy cả nhà đều rỗng không, tâm chợt trở thành một phiến rỗng rang, đó là lần khai ngộ đầu tiên. Trong thời kỳ kháng Nhật, Trung Hoa chìm đắm trong cơn binh hỏa, cụ càng thêm tinh tấn thành tâm học Phật, từng quy y với bậc Cao Tăng đại đức của Thiên tông đương đại là Đại lão hòa thượng Hư Vân. Cụ cũng quy y với đệ tử truyền thừa của tổ sư Nặc Na phái Cổ Mật Hồng Giáo là Thượng Sư Liên Hoa Chánh Giác Vương và quy y với Thượng Sư Công Cát của phái Tây Tạng Bạch Giáo. Về sau, vào năm 1959, cụ được truyền thừa ngôi vị Kim Cang A-xà-lê của Liên Hoa Tinh xá, cụ kế thừa y bát và di chúc của Thượng Sư Liên Hoa Chánh Giác Vương.

Năm 32 tuổi (1954), kháng chiến thắng lợi, cụ được Đại lão cư sĩ Mai Quang Hy dẫn đến tham học với bậc Thiên Tịnh đại đức là Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Cụ thu hoạch lợi ích lớn lao, được cụ Hạ xem là đệ tử tâm đắc nhất. Hạ Đại sĩ thâm hiểu Nho, Phật cũng như dung hội, quán thông sâu xa tông chỉ của các tông Thiên, Tịnh, Mật. Cụ Hạ trước tác rất nhiều, hoằng dương yếu chỉ Tịnh Độ đến chỗ cùng thâm cực vi. Tác phẩm tâm huyết được đánh giá cao nhất của Hạ Đại sĩ là công trình hội tập 5

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

nguyên bản dịch Kinh Vô Lượng Thọ mang tựa đề Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, gọi tắt là Đại Kinh.

Cụ Hoàng đích thân nghe Hạ Đại sĩ giảng kinh này nhiều lượt, ghi chép tường tận và bản thân mình cũng thâm đắc pháp yếu của cả Thiên lẫn Tịnh.

Vào thập kỷ những năm 1960, cụ soạn một bản Đại Kinh Huyền Nghĩa Đề Cương trình lên tôn sư giám định, được cụ Hạ hoan hỷ ấn chứng, giao trọng trách làm chú giải đề hoàng dương yếu chỉ của Đại Kinh. Cụ Hạ cũng cho phép cụ Hoàng được tùy ý vận dụng kiến giải của mình để phát huy huyền nghĩa của kinh.

Năm 40 tuổi (1953), cụ Hoàng làm Giáo Sư tại Đại học Thiên Tân. Trong thời gian này, cụ càng ra sức tu hành, tham học kinh điển. Có một ngày nọ, bao nhiêu kiến giải chột đứt bật hết, cụ trình lên Hạ Đại sĩ giám định được **cụ Hạ ấn chứng là chân thật khai ngộ, khen ngợi đã đạt Nhất Tâm. Kế đó, Thượng Sư Liên Hoa Chánh Giác Vương cũng xác nhận cụ Hoàng đã khai ngộ** không còn nghi ngờ gì nữa.

Trong cơn biến loạn Cách Mạng Văn Hóa ở Trung Hoa đại lục, cụ Hoàng gặp phải nhiều phen kẻ ác bày mưu hãm hại hạ độc thủ dẫn đến thân xác cụ mang bệnh nặng trầm trọng, cụ đều nhẫn chịu vượt qua. Tuy gian nan thử thách nhiều nhưng cụ không hề biếng trễ việc tu tập. Càng gian nan, khôn khổ thì cụ càng thêm dũng mãnh tinh tấn, đạt được nhiều lợi ích to lớn trên đường đạo; đúng như cổ đức răn nhắc: “Phải nếm đủ gian nan khôn khổ mới thành tựu được!”. Những lúc rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm tưởng chừng phải mất mạng mà cụ Hoàng vẫn an nhiên trì tụng, gác chuyện sống chết sang một bên, hoàn toàn buông bỏ mọi việc, thân nhiên vượt qua; có một lần gặp phải cơn gió lốc, nhà cửa, đồ đạc xung quanh bị gió cuốn bay đi hết mà cụ Hoàng vẫn an nhiên vô sự, giữ vững chánh niệm.

Mang nặng chí nguyện truyền đăng, hoàng dương yếu chỉ Tịnh Độ nhằm cứu vớt quần sanh để báo ân Phật, ân thầy; cụ Hoàng xem khắp các kinh luận, khổ tâm tham học, nghiên cứu, trăn trở suy lường nghĩa lý và từ năm 1979 đến 1980, cụ đóng cửa tạ khách, chuyên tâm chú giải Đại Kinh.

Đến năm 1981, bản thảo quyển một của Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải được hoàn thành. Năm 1982, hoàn thành bản thảo quyển hai. Trong thời gian này, bệnh cũ của cụ tái phát nghiêm trọng nhưng tâm từ bi càng thêm mạnh mẽ; cụ gắng hết sức hoàn thành bản thảo quyển ba. Cho đến năm 1984, toàn bộ bản thảo được hoàn tất và được ấn hành lưu thông khắp trong ngoài nước kể từ 1987.

Bản Chú Giải này thể hiện minh bạch chí nguyện khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến để dẫn dắt quần sanh của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và chư Phật; rất khế lý, khế cơ, Lý - Sự viên dung, thâm nhập yếu chỉ của chư Phật, văn từ lưu loát, sáng rõ, nghĩa lý minh bạch khiến cho những ai đọc đến đều được hưởng dòng sữa pháp, đạt được lợi ích, pháp lạc sâu xa. Ân sư Thích Tịnh Không cũng đánh giá rất

cao tác phẩm này nên đã nhiều lượt đề xướng ấn tống bản Chú Giải ấy đề tất cả các Phật tử thuộc các tự viện ở Trung Hoa, Đài Loan và hải ngoại mỗi người đều có được một quyển.

Ngoài việc trước thuật, cụ Hoàng còn tích cực diễn giảng Phật pháp hoặc giảng dạy pháp môn Tịnh Độ tại các nơi như Trung Quốc Phật Học Viện, hệ thống các chùa thuộc Cư Sĩ Lâm và đặc biệt là chùa Quảng Hóa. Do biện tài vô ngại, cụ từng được Đài phát thanh trung ương Bắc Kinh cho phép diễn giảng Phật pháp hằng tuần trên làn sóng điện vô tuyến.

Cụ cũng từng được mời ra ngoại quốc để giảng pháp tại các Niệm Phật Đường do Ân sư Thích Tịnh Không làm huấn đạo cũng như các hệ thống Niệm Phật Đường và tự viện khác.

Đối với cụ Hoàng Niệm Tổ, Ân sư Thích Tịnh Không một mực kính trọng, khâm ngưỡng, xưng tụng cụ là bậc Đại sĩ hoàng dương Tịnh Độ tông đương đại và nhận mình là kẻ hậu học.

Ngoài tác phẩm Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, cụ còn soạn thuật những tác phẩm như Tịnh Độ Tư Lương, Cốc Hương Tập, Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam-Muội Luận Giảng Ký, chú giải cuốn Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam-Muội của cư sĩ Bành Thiệu Thăng, Tâm Thanh Lục. Ngoài ra, còn rất nhiều tác phẩm dang dở như Tịnh Tu Tiếp Yếu Báo Ân Đàm, luận giải tác phẩm Tịnh Tu Tiếp Yếu của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư, Thiên Tịnh Mật Tam Pháp Nhất Vị Luận và Tùy Bút, v.v...

Từ năm 1980 trở đi, nghĩa là trước khi bắt tay soạn thảo bộ Chú Giải Đại Kinh, Cụ Hoàng đã thị hiện nhiều trọng bệnh. Bác sĩ nhiều lần buộc cụ phải ngưng trước tác, giảng dạy để hưu dưỡng cho đến khi hoàn toàn bình phục. Mang nặng chí nguyện độ sanh, cụ không để tâm đến những lời khuyên cáo ấy, vẫn dốc trọn sức mình trong công cuộc hồng pháp.

Nhận thấy tứ chúng người Hoa, nhất là hàng tại gia cư sĩ ở hải ngoại, nhiều người thiếu căn bản Hán học nên chưa thể lãnh hội trọn vẹn ý chỉ Đại Kinh; do đó, cụ bắt đầu trước tác cuốn Đại Kinh Bạch Thoại Giải nhằm giải thích, diễn giải ý nghĩa từng câu kinh trong Đại Kinh bằng văn nói hiện đại, thường quên ăn bỏ ngủ để cố gắng hoàn tất tác phẩm ấy. Vì lòng từ bi quá mạnh nên cụ không ngừng tùy cơ thuyết giáo cho những người hữu duyên. Ngày 27 tháng 3 năm 1992, cụ Hoàng đứng trên bãi cỏ chấp tay niệm Phật an nhiên tự tại vãng sanh Cực Lạc. Trước lúc vãng sanh Cực Lạc 6 tháng, mỗi ngày cụ làm biểu pháp niệm danh hiệu A Mi Đà Phật 140.000 câu. **Trong nhà cụ có nuôi một con mèo, khi cụ Hoàng vãng sanh Cực Lạc thì con mèo này nằm trên bãi cỏ bên cạnh chân cụ vãng sanh Cực Lạc theo cụ.**

Ngày 7 tháng 4 năm 1992, đại chúng làm lễ trà tỳ (trà tỳ là hỏa táng), di cốt của Hoàng Đại sĩ trắng như tuyết. Lúc bốc tro, đại chúng tìm được hơn 100 viên Xá Lợi

ngũ sắc. Các chùa Quảng Hóa, Quán Âm Điện và Vãng Sanh Đường mỗi nơi xin cung thỉnh một viên Xá Lợi để tứ chúng chiêm ngưỡng, phụng thờ. Số Xá Lợi còn lại được các chùa trong và ngoài Trung Hoa chia nhau cung thỉnh về thờ.

Xét về công hạnh, Hoàng Đại sĩ xứng đáng được tôn xưng là bậc tôn sư của Tịnh Độ tông đương đại. Dù thâm hiểu Thiên tông, Mật tông, bác lãm các điển tịch Mật tạng thuộc cả Đông Mật lẫn Tạng Mật, lại còn được kế thừa pháp tọa và y bát của một bậc tôn túc hữu danh, thạc đức trong phái Cổ Mật; nhưng cụ Hoàng vẫn dốc chí nơi Tịnh Độ, trọn đời hoằng dương Tịnh Độ, dùng pháp môn Tịnh Độ tiếp dẫn chúng sanh.

Qua những tác phẩm và những bài thuyết giảng của cụ Hoàng, có vô số người tỏ ngộ huyền nghĩa viên diệu khế lý, khế cơ của pháp môn Trì Danh Niệm Phật trong thời Mật pháp. Rất nhiều thính chúng khi nghe cụ Hoàng giảng kinh đã chuyên tu tịnh nghiệp, thề trọn đời lấy hạnh Trì Danh Niệm Phật làm chánh hạnh, cũng như phát thệ trọn đời trì tụng Đại Kinh.

Rất nhiều băng giảng ghi âm cùng những tác phẩm của Hoàng Đại sĩ được lưu hành rộng rãi ở Trung Hoa đại lục. Với tâm từ bi và chí nguyện độ sanh sâu rộng, cụ Hoàng đã khéo vận dụng những sở trường của mình về thể học và đạo học khiến cho pháp âm được tuyên lưu khắp mọi nơi, Tăng lẫn tục đều được lợi ích.

---o0o---

Đại cư sĩ Hàn Anh - Hàn Quán Trưởng là đại hộ pháp đầu tiên và quan trọng nhất trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Đại lão hòa thượng Ân sư Thượng nhân Thích Tịnh Không. Nếu không có cư sĩ Hàn Anh thì Tịnh Độ tông không có ngày thành tựu huy hoàng thù thắng như hôm nay!

Trong bộ Kinh Phật Thuyết Pháp Diệt Tận, Phật dạy rằng: “Sau khi Ta nhập Niết Bàn, lúc pháp sắp diệt, đời ngũ nghịch ô trược, ma đạo rất hưng thịnh, ma làm Sa-môn để phá hoại làm loạn đạo của Ta, chúng mặc y phục thể tục, thích mặc Ca-Sa năm màu sắc đẹp, uống rượu ăn thịt sát sanh tham đắm mùi vị, chúng không có tâm từ bi, đố kỵ lẫn nhau”.

Y Ca-Sa mà đức Phật dạy là y phục nhuộm sắc gồm 5 màu chính: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen trộn lại thành màu cafe đậm. Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng biểu pháp này có ý nghĩa cơ bản là hòa hợp bình đẳng. Ca-Sa của người xuất gia còn đem chia ra thành từng ô từng ô kích thước bằng nhau để biểu đạt ý nghĩa này càng được rõ ràng hơn: Phật dạy người học Phật phải học chung sống hòa thuận và đối đãi bình đẳng với tất cả chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới ở cả quá khứ hiện

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

tại vị lai không phân thể giới, không phân tộc loài, không phân tôn giáo, không phân chúng sanh hữu tình chúng sanh vô tình, v.v... vì tất cả chúng sanh với chính mình là đồng một Thể Tánh.

Trong rất nhiều bộ kinh điển Đại-thừa, đặc biệt là Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Viên Giác, Phật dạy: **“Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật”**; **“Thập phương tam thể Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất Tâm, nhất Trí-huệ, lực Vô-úy diệc nhiên!”** (Dịch nghĩa: “Mười phương chư Phật trong quá khứ hiện tại vị lai đều cùng chung một Pháp Thân giống nhau, một Chân Tâm, một Trí-huệ, sức mạnh Vô-úy cũng như thế!”). Phật nhìn thấy tất cả chúng sanh đều bình đẳng là Phật, đây chính là Phật tri kiến. Phật đối đãi với tất cả chúng sanh đều chỉ dùng một tâm chân thành cung kính như đối với chư Phật.



(Đại cư sĩ Hàn Anh - Hàn Quán Trưởng)

Ân sư Thích Tịnh Không nói rằng Hàn Quán Trưởng là vị đại hộ pháp đầu tiên và quan trọng nhất. Bà đã hộ trì giúp Ân sư hoằng pháp lợi sanh suốt 30 năm (Quán Trưởng là danh xưng đồng sự trưởng, tức là chức vụ chủ tịch hội đồng quản trị trong một Đạo tràng chánh pháp như Thư Viện Đồ Thư Quán Cảnh Mỹ). Ân sư giảng rằng việc hộ trì chánh pháp không phải là chuyện đơn giản, người hộ pháp nhất định phải có Định-lực và Trí-huệ rất lớn mới có thể làm được tốt, mới có năng lực bảo vệ Đạo tràng chánh pháp, như Kinh Vô Lượng Thọ dạy: “Dĩ định huệ lực hàng phục ma oán!”

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

(Dịch nghĩa: “Dùng sức định huệ hàng phục ma oán”). Ân sư nói rằng Pháp sư ở trên bục giảng Kinh nếu giảng không tốt thì người ta sẽ chê cười, cái chướng ngại này rất nhỏ; nhưng nếu giảng được rất tốt khiến rất nhiều thánh chúng nghe giảng kinh sanh tâm hoan hỷ tán thán thì những người đố kỵ ghen ghét liền tìm đến gây chướng ngại và phá hoại Đạo tràng. Lúc này, nếu không có hộ pháp thì Đạo tràng sẽ bị những người đố kỵ ghen ghét này hủy hoại.

Nếu không có gia đình bà Hàn Quán Trưởng nhẫn nại chịu đựng đủ mọi khổ cực tận tâm tận lực làm hộ pháp suốt 30 năm cho Ân sư Thích Tịnh Không thì Tịnh Độ tông và Phật pháp trên thế giới sẽ không có thành tựu huy hoàng rực rỡ như ngày hôm nay. **Công đức giảng kinh thuyết pháp 60 năm của Ân sư thì hơn một nửa thuộc về Hàn Quán Trưởng.**

Khi bà Hàn Anh sắp vãng sanh Cực Lạc, bà hai lần được đức Phật A Mi Đà đến an ủi bà, bà còn nhìn thấy Liên Trì Hải Hội, đây là tương ứng với công đức hộ pháp to lớn của bà. Trong khoảng thời gian này, Ân sư Thích Tịnh Không đã nghĩ đến việc Ca-Sa màu đỏ tươi, màu vàng,... là không đúng như pháp mà Phật đã dạy nên đã bàn với bà dùng Ca-Sa màu nhiễm sắc (màu cafe đậm): “Cho nên tôi gọi điện cho Đồ Thư Quán, bảo thầy Ngô Đạo lập tức thông báo với cửa hàng Tăng Phục Bản Kiều và chúng Tăng (nam xuất gia) của Đồ Thư Quán chúng tôi, mỗi một người may một bộ y Ca-Sa 25 điều màu cafe; lập tức thông báo cho bà chủ cửa hàng với hy vọng bà có thể may cho chúng tôi nhanh một chút. Buổi tối, bà chủ cửa hàng Tăng Phục Bản Kiều đến Thư Viện Đồ Thư Quán Cảnh Mỹ để lấy số lượng, kích thước của chúng tôi. Chúng tôi nói với bà là mong bà có thể may cho chúng tôi nhanh một chút. Bà nói với chúng tôi là bà đã biết việc này rồi. Chúng tôi rất kinh ngạc, chúng tôi hỏi bà là làm sao mà bà có thể biết. Bà chủ tiệm nói rằng **buổi trưa hôm nay Phật A Mi Đà đến thông báo cho bà biết, nói Đồ Thư Quán có việc gấp, họ cần tìm thợ may gấp cho họ.** Chúng tôi nghe bà nói những điều này thì trong tâm vô cùng kinh ngạc, vô cùng an ủi; kinh ngạc vì **từ xưa đến nay chưa từng nghe qua chuyện Phật A Mi Đà đích thân thay thế người khác sắp xếp công việc, chưa từng nghe nói qua! Trong sách xưa cũng không thấy ghi chép về việc này.** Như vậy đúng trưa hôm ấy, trưa mùng 3, Hàn Quán Trưởng gặp Phật A Mi Đà cùng lúc (với bà chủ Tiệm Tăng Phục Bản Kiều); một người thì gặp ở bệnh viện, một người thì gặp ở cửa hàng, sự kiện này đem đến một niềm tin rất lớn cho chúng tôi. Quả nhiên trang phục mà chúng tôi yêu cầu, bà chủ cửa hàng đã đưa đến đúng hẹn. Vào lúc 4 giờ 20 phút chiều mùng 5, Hàn Quán Trưởng an nhiên tự tại vãng sanh Cực Lạc. Tăng phục đưa đến cho chúng tôi trước lúc bà vãng sanh nên tất cả chúng tôi đều đúng như Pháp, trong lòng an ổn, hoan hỷ không gì bằng. Chúng tôi ngẫm nghĩ Hàn Quán Trưởng đến thế gian này là để hộ trì Phật pháp, nên có thể nói Phật A Mi Đà phái bà đến, bà không phải là người phạm. Bà đến có nhiệm vụ của bà, khi bà đi thì công đức bà làm đã viên mãn rồi, Phật A Mi Đà đến tiếp dẫn bà đi. Trong khoảng thời gian này, bà đã hai lần gặp Phật A Mi Đà, một lần thấy được Liên Trì Hải Hội. Bà nói với chúng tôi là: ‘Liên Trì

rộng lớn lắm! Liên hoa đẹp lắm!”. Bà ra đi an lành như thế! Trước khi ra đi, bà còn nói chuyện với chúng tôi rất thoải mái, chẳng có chút gì là đau khổ. Bà ra đi rất là hoan hỷ!”.

Ân sư Thích Tịnh Không nói rằng sự việc này chính là A Mi Đà Phật gia trì, đây là Phật khẳng định với chúng ta; cho nên từ đó về sau, chúng xuất gia và chúng tại gia ở Tịnh Tông Học Hội khi đắp y Ca-Sa đều nhất loạt dùng màu cafe đậm.

Chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng khi đức Thế Tôn còn tại thế thì y Ca-Sa trong nhà Phật là màu nhuộm sắc (màu cafe đậm); vào khoảng thời gian nào sau khi Phật diệt độ thì màu y Ca-Sa từ màu cafe đậm đã chuyển sang màu đỏ tươi, màu vàng,... thì chúng ta không biết được. Trong bộ Kinh Phật Thuyết Pháp Diệt Tận (dịch theo bản Hán văn nằm trong Đại Tạng Kinh) có đoạn Kinh văn như sau: “*Sau khi Ta nhập Niết Bàn, lúc pháp sắp diệt, đời ngũ nghịch ô trược, ma đạo rất hưng thịnh, ma làm Sa-môn để phá hoại làm loạn đạo của Ta, chúng mặc y phục thế tục, thích mặc Ca-Sa năm màu sắc đẹp, uống rượu ăn thịt sát sanh tham đắm mùi vị, chúng không có tâm từ bi, đố kỵ lẫn nhau!*”. Y Ca-Sa màu đỏ tươi, màu vàng,... là thông lệ đã có từ rất lâu, hàng hậu bối như chúng ta có lẽ chỉ nên hiểu rằng chư tổ sư đại đức mặc y Ca-Sa màu đỏ tươi, màu vàng,... tuy chưa hoàn toàn đúng như pháp mà đức Thế Tôn đã giảng dạy trong kinh điển nhưng vào thời tiết nhân duyên trong thuở quá khứ là cần phải làm như thế vì để phổ độ chúng sanh, nguyên nhân chắc chắn chỉ có thể là vì hồng dương Phật pháp phổ độ chúng sanh.

Chú thích:

* **Y Ca-Sa của chúng cư sĩ tu hành tại gia** trong nhà Phật đắp còn gọi là man y hay y 0 điều (không điều) vì không có chia từng ô kích thước bằng nhau như các loại y Ca-Sa của chúng xuất gia. **Cơm Ca-Sa:** Phật và Tăng đoàn gồm 1255 vị đại Tỳ-kheo sau khi khát thực về sẽ đem tất cả cơm, thức ăn trộn chung với nhau, rồi chia đều cho các thành viên trong Tăng đoàn ăn. Người xuất gia xưa kia ăn cơm chỉ ăn 1 món.*

* “**A Mi Tuo Fo**” là âm niệm Phật của người Trung Hoa, “**Amida Butsu**” là âm niệm Phật của người Nhật Bản, “**Amita Bul**” là âm niệm Phật của người Cao Ly (Triều Tiên và Hàn Quốc ngày nay), “**Amitābha Buddha**” là âm niệm Phật tiếng Phạn của người Ấn Độ. Do đó, nếu niệm danh hiệu “A Di Đà Phật” là chưa hoàn toàn đúng như pháp mà Phật đã dạy thì việc đổi lại niệm danh hiệu “A Mi Đà Phật” là điều thật cần thiết phải làm. Hàng hậu bối như chúng ta có lẽ chỉ nên hiểu rằng chư tổ sư đại đức ở Việt Nam trong thuở quá khứ niệm “A Di Đà Phật” là vì thời tiết nhân duyên khi ấy cần phải làm vậy mới có thể hồng dương Phật pháp phổ độ chúng sanh. Điều này cũng có nhiều căn cứ, ví dụ: một vị đại đức trong Tịnh Tông Học Hội nói Phật pháp lúc mới truyền sang Việt Nam đều là niệm “A Mi Đà Phật”, nhưng chữ Mi này trùng tên với tên một cô công chúa, theo pháp luật lúc đó thì niệm như vậy là tội phạm thượng. Cho nên, muốn hồng pháp lợi sanh thì phải đổi chữ Mi thành chữ Di.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Hỏi: “Thưa Pháp sư! Có người niệm A Mi Đà Phật, có người niệm Ô Mi Đà Phật; rốt cuộc cái nào mới đúng?”

Đáp: “Chỉ cần trong tâm bạn nghĩ đúng thì đều đúng! Đây là Phật pháp thù thắng! Cho nên, **Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức!** Trong tâm chân thật có Phật thì A Mi Đà Phật hay Ô Mi Đà Phật đều như nhau, chỉ cần trong tâm bạn thật có Phật. Nhất là nếu như bạn sợ việc mình phát âm sai thì e rằng tương lai sẽ có sai lầm, vậy thì bạn hãy nghĩ đến Thanh Tịnh - Bình Đăng - Giác trên Kinh Vô Lượng Thọ nói: Tâm ta Thanh Tịnh - Bình Đăng - Giác thì ta niệm Ô Mi Đà Phật đúng rồi, niệm A Mi Đà Phật cũng đúng; ta niệm 4 chữ đúng, niệm 6 chữ cũng đúng! Không nên ở chỗ này mà so đo tính toán! Tổng nguyên tắc chính là **“Tâm tịnh thời cõi Phật tịnh!”**.”

(Trích lục từ bài giảng “Tu Hoa Nghiêm áo chỉ vọng tận hoàn nguyên quán” - Tập 48 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

---o0o---

Lời phụ

Người đầu tiên ở Việt Nam chuyển từ niệm danh hiệu A Di Đà Phật sang niệm danh hiệu A Mi Đà Phật là Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh

Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh là người đầu tiên chuyển từ niệm A Di Đà Phật sang niệm A Mi Đà Phật. Ngài có đạo lý của Ngài, đây cũng là “y Pháp bất y nhân” đúng như Phật đã dạy, giống như việc Đại lão hòa thượng Thích Tịnh Không chuyển y Ca-Sa trong nhà Phật từ màu đỏ tươi, màu vàng,... sang màu nhiễm sắc (màu cafe đậm). Chúng ta không nên cho rằng Ngài bắt buộc phải đổi sang niệm A Mi Đà Phật thì mới được vãng sanh Cực Lạc vì với công phu tu hành như của Ngài thì niệm A Di Đà Phật để vãng sanh Cực Lạc là không có bất kì một chút chướng ngại nào cả. Ngài sanh tử tự tại rồi.

Hơn nữa, nếu hàng hậu bối chúng ta xem qua công hạnh cả một đời của Ngài thì có thể đoán định chắc chắn Ngài là bậc Bồ-tát tái sanh chứ không phải phàm phu. Ngài làm việc rất cẩn trọng, đều suy xét kỹ lưỡng chứ không phải tùy tiện làm một cách hàm hồ ngớ ngẩn. Ngài không có tự tư tự lợi, cũng không màng danh vọng lợi dưỡng, cả đời Ngài vì Phật pháp vì chúng sanh mà phụng sự. Cho nên, chúng ta có thể nghĩ thông rằng Ngài làm việc này là làm vì người tu Tịnh Độ tông ở Việt Nam trong thời Mạt pháp niệm Phật có thể thuận lợi đạt Nhất Tâm Bất Loạn hơn, có thể thuận lợi được vãng sanh Cực Lạc hơn mà thôi; đây là đại từ đại bi của Ngài.

Không chỉ Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh niệm A Mi Đà Phật mà chúng tôi còn nghe nói Kim Xà Thánh Giả - Vô Nhất Đại sư Thích Thiên Tâm cũng có chủ trương niệm A Mi Đà Phật! Việc này lý giải theo cách mà Ân sư Thích Tịnh Không hay nói là “bậc anh hùng thường có cùng chung chí hướng!”.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Hai vị hòa thượng này đều có công rất lớn đối với Phật pháp và Tịnh Độ tông của Việt Nam. Hàng hậu bối như chúng ta đối với công phu tu hành và cảnh giới tu hành của hai Ngài thật sự là không thể suy lường được.

Tổ sư đại đức dạy rằng: “Nếu muốn Phật pháp hưng thì chỉ có Tăng khen Tăng”. Chúng ta giữ lấy nguyên tắc không tranh luận - không thảo luận - không bàn luận. Chúng ta biết được điều gì mang lại lợi ích cho Phật pháp và cho chúng sanh thì chúng ta nên đem ra chia sẻ học tập với nhau, không nên tranh luận.

Bồ-tát Đại Thế Chí dạy trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm: “**Nhiếp trọn 6 căn, tịnh niệm liên tục**”, đây là tổng cương lĩnh tổng nguyên tắc của Trì Danh Niệm Phật!

Trong nhà Phật không ai không biết tổ sư Ấn Quang là Bồ-tát Đại Thế Chí tái sanh. Ấn tổ dạy người niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số có nói: “**Niệm thầm tuy rằng miệng không động, nhưng sâu thăm trong ý thức suy nghĩ vẫn phải có tướng của miệng đang niệm!**”, đây là một trong những điềm then chốt để niệm Phật có thể hàng phục được phiền não khiến công phu niệm Phật đắc lực. **Tướng của miệng đang niệm Phật trong tâm** là thuộc về thiết căn trong 6 căn nhãn - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý (mắt - tai - mũi - miệng lưỡi - thân thể - ý thức). **Tướng của miệng đang niệm Phật trong tâm chính là nơi phát ra âm thanh Phật hiệu ở trong tâm**, vai trò vô cùng quan trọng. **Nếu tướng miệng niệm Phật khó cử động, động tác không thuận tiện thì âm thanh Phật hiệu phát ra trong tâm cũng rất dễ mơ hồ.**

Bảng tướng của miệng (động tác miệng) niệm Phật ở các quốc gia tu Tịnh Độ:

Phật hiệu	Ấn Độ (Amitābha Buddha)	Nhật Bản (Amida Butsu)	Triều Tiên và Hàn Quốc (Amita Bul)	Trung Hoa (A Mi Tuo Fo)	Việt Nam (A Mi Đà Phật) (A Di Đà Phật)
Chữ 1	Há miệng	Há miệng	Há miệng	Há miệng	Há miệng
Chữ 2	2 môi	2 môi	2 môi	2 môi	2 môi 2 hàm răng cửa
Chữ 3	Đầu lưỡi chạm răng cửa hàm trên	Đầu lưỡi chạm răng cửa hàm trên	Đầu lưỡi chạm răng cửa hàm trên	Đầu lưỡi chạm răng cửa hàm trên	Đầu lưỡi chạm răng cửa hàm trên
Chữ 4	2 môi	2 môi	2 môi	2 môi	2 môi

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy nếu chúng ta niệm A Mi Đà Phật thì chúng ta sẽ có chung một tướng miệng (động tác miệng) niệm Phật với các đồng tu Tịnh Độ của Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên và Trung Hoa.

Bất luận là âm thanh Phật hiệu A Mi Đà Phật phát ra ở mỗi một quốc gia có sự sai lệch như thế nào đi nữa nhưng tướng của miệng (động tác miệng) khi niệm A Mi Đà Phật ở tất cả các quốc gia tu Tịnh Độ là hoàn toàn giống như nhau.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TĂNG!

Do đó, chúng ta có thể đoán định một cách khá chắc chắn rằng tướng miệng (động tác) niệm chữ “Mi” trong danh hiệu A Mi Đà Phật mới chính là tướng miệng niệm mà đức Thế Tôn đã dạy cho 4 chúng đệ tử niệm Phật thời Thế Tôn còn tại thế. Vì vậy, niệm danh hiệu “A Mi Đà Phật” chính là chúng ta y theo pháp mà đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chứ không có y theo một người nào cả. Chúng tôi thấy và nghe qua có những đồng tu niệm A Di Đà Phật liên tục nhiều giờ đồng hồ hoặc liên tục nhiều ngày (tu Ban Chu Tam-muội) bị mời cho đến bị sai quai hàm và bị hụt hơi không thể niệm tiếp ra tiếng. Một số ít đồng tu thì bị ê buốt răng do 2 hàm răng cửa thỉnh thoảng va đập nhau. Vì sao cổ nhân niệm A Di Đà Phật không xảy ra vấn đề gì? Vì cổ nhân thể chất tinh lực khỏe mạnh, căn tánh lành lợi, nghiệp chướng không nặng nề như chúng ta bây giờ. Chúng ta niệm như họ thì vấn đề chướng ngại liền xuất hiện. Phàm phu thời Mật pháp do sức khỏe thể chất càng ngày càng yếu kém nên việc niệm A Di Đà Phật gây ra một số chướng ngại nhất định trên mặt Sự Tướng, còn trên mặt Lý Tánh thì không có vấn đề gì.

Ân sư Thích Tịnh Không cũng có nói về thể chất của con người hiện nay không thể sánh bằng cổ nhân: Thời Phật tại thế, Phật và chúng đệ tử ngày ăn 1 bữa Ngọ, tối ngủ dưới gốc cây, nắng đốt mưa tạt gió thổi cũng không có vấn đề gì. Hiện tại, cứ cho chúng ta ngày ăn no 3 bữa cũng được, chỉ yêu cầu chúng ta buổi tối ra dưới gốc cây ngủ, chịu gió thổi mưa tạt sương đêm; có lẽ là chỉ sau vài ngày thì chúng ta đã nhập viện cấp cứu. Chúng tôi chứng kiến một câu chuyện tại một Đạo tràng Tịnh Độ tông ở Đại Ninh - Đức Trọng - Lâm Đồng: có một chú nhỏ phát tâm tu hành rất dũng mãnh tinh tấn, chú này tuy cộng tu niệm Phật với đại chúng ban ngày nhưng xin phép trưởng Đạo tràng vào ban đêm cho mình ngủ ngòai dưới gốc cây giống Phật thời xưa để nhiếp tâm niệm Phật. Nghe xong, trưởng Đạo tràng liền không đồng ý vì ông ấy biết chắc chắc cơ thể của chú nhỏ này sẽ không chịu nổi, không muốn chú hủy hoại sức khỏe của mình trong khi công phu niệm Phật còn chưa đến nơi đến chốn. Ban đêm, chú nên ngủ trong màn để niệm Phật, lạnh thì quấn chăn mà niệm, mệt rồi thì có thể đi ngủ, ngủ dậy hết mệt rồi niệm Phật tiếp.

Đại sư Liên Trì nói rằng danh hiệu A Mi Đà Phật cũng giống như thần chú trong Mật tông, đây là Vô thượng thần chú. Đồng tu nào đã từng học Mật tông sẽ hiểu rất rõ khi trì chú nếu càng biết niệm thì lực niệm chú càng mạnh.

Không ít Đạo tràng Tịnh Độ tông chuyên dịch kinh sách niệm Phật là A Mi Đà Phật, nhưng khi họ dịch kinh sách và video cúng dường đại chúng là dịch ra A Di Đà Phật để hằng thuận tập khí và tùy hỷ công đức của đại chúng. Chúng tôi trong quá trình thực tế trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật đã thấy có nhiều điểm lợi ích hơn so với niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Xin mạn phép chia sẻ như sau:

* **Đễ niệm hơn:** Chúng tôi có hỏi qua các đồng tu trước đây niệm A Di Đà Phật và bây giờ đang niệm A Mi Đà Phật. Họ đều nói nếu niệm A Mi Đà Phật thì miệng dễ dàng cử động để phát ra âm thanh Phật hiệu hơn so với khi họ niệm A Di Đà Phật.

* **Không bị mỗi quai hàm:** do ít phải cử động quai hàm. Niệm chữ “Di” phải cử động quai hàm với biên độ lớn hơn niệm chữ “Mi”.

* **Không bị ê buốt răng cửa:** do 2 hàm răng cửa không bị va đập nhau. Người miền Nam niệm chữ “Di” thì ít gặp phải tình trạng này nhưng người miền Bắc niệm chữ “Di” hay gặp phải hơn.

* **Vì trì niệm A Mi Đà Phật đỡ bị tổn khí hơn nên sẽ cảm thấy khỏe hơn so với trì niệm A Di Đà Phật. Nếu khí lực và hơi giọng giữ được bền lâu thì có thể niệm Phật lớn tiếng duy trì trong thời gian dài.**

Phật dạy trong kinh là niệm Phật lớn tiếng Tam-muội dễ hiện tiền. **Người tu Tịnh Độ sắp lâm chung** mà công phu niệm Phật chưa tốt, phải cần đến trợ niệm thì thường thường khí lực của họ rất yếu, rất dễ rơi vào trạng thái tâm thần không tỉnh táo. Do đó, việc niệm Phật sao cho ít tổn khí lực nhất mà vẫn phát ra âm thanh Phật hiệu rõ ràng để nhiếp tâm được tốt sẽ có sự giúp đỡ rất lớn đối với họ.

Tất cả những điểm này đều **mang lại lợi ích cho người sơ học**. Vì lúc mới bắt đầu niệm Phật đều phải đi từ Sự Tướng, trước tiên đều phải dùng miệng để niệm Phật cho tốt và nghe rõ được câu Phật hiệu do miệng phát ra; sau một thời gian, khi miệng, tai và tâm cho đến 6 căn đã nhiếp tương đối thuần rồi thì mới đến chỗ dù miệng không cử động nhưng trong tâm vẫn niệm Phật hiệu liên tục được.

Chú thích:

* **Xá Lợi** là phần di cốt còn lại sau khi trà tỳ của Phật và những vị đệ tử Phật tu hành có chứng quả. Xá Lợi thường có 5 màu sắc đẹp, tính chất vô cùng kiên cố vững chắc (cứng như kim cương), nung trong lửa cũng không bị tiêu mất, dùng búa đập không vỡ. Xá Lợi của Phật còn phát hào quang, biến đổi tùy theo tâm người lễ lạy. Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng Xá Lợi là do công phu tu hành chứng quả kết thành, hiện tại Xá Lợi cũng có đồ giả, Xá Lợi giả thì dùng búa đập liền vỡ nát. Những hành giả tu Tịnh Độ chân thật được vãng sanh Cực Lạc khi làm lễ trà tỳ đều thu được Xá Lợi, vì vãng sanh Cực Lạc là chân thật chứng quả vị (làm A-duy-việt-trí Bồ-tát).**

* **Pháp sư Đàm Hư là vị tổ thứ 44 của Pháp Hoa tông.** Ngài sống cùng thời với Đại lão hòa thượng Hư Vân. Đối với Thiền tông, Ngài nói cả đời Ngài thấy qua người tham Thiền đắc được Thiền-định thì có nhưng tham Thiền mà Đại Triệt Đại Ngộ thì Ngài chưa hề thấy qua, cũng chưa bao giờ nghe nói qua. Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói rằng Đại lão hòa thượng Hư Vân tuy công phu Thiền-định rất cao nhưng vẫn chưa đạt đến trình độ khai ngộ. Đại lão hòa thượng Hư Vân đã cầu sanh về cõi trời Đâu Suất nội viện của Bồ-tát Di Lặc. Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng muốn sanh về trời Đâu Suất nội viện của Bồ-tát Di Lặc thì công phu Thiền-định phải ngang bằng với Đại lão hòa thượng Hư Vân, công phu này là Duy Tâm Thức Định, người tu hành căn tánh thông thường không phải ai cũng có thể đạt đến trình độ này. Thiền tông tu hành được công nhận có thành tựu là phải Đại Triệt Đại Ngộ, rất rất khó.**



(Hình 1)



(Hình 2)



(Hình 3)

- ✓ **Hình 1: Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh**
- ✓ **Hình 2: Đại lão hòa thượng Thích Phổ Tuệ (bên phải) và Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh (bên trái)**
- ✓ **Hình 3: Đại lão hòa thượng Thích Thiên Tâm**

Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh - một Cao Tăng được xưng tán là Đệ nhất phiên dịch kinh điển Đại-thừa Phật giáo của Việt Nam. Ngài thế danh là Nguyễn Văn Bình, sinh năm Đinh Tỵ (1917), tại làng Mỹ Luông, quận Cái Tàu Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp). Suốt cuộc đời, Ngài vì Phật pháp vì chúng sanh làm công tác phiên dịch kinh điển Đại-thừa và hoằng dương Phật pháp, đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ.

Đại lão hòa thượng Thích Thiên Tâm - Kim Xà Thánh Giả, Kim Cang A-xà-lê của Mật tông Việt Nam. Ngài thế danh là Nguyễn Nhựt Thăng, sinh năm Ất Sửu (1926), tại làng Bình Xuân, quận Hòa Đông, tỉnh Gò Công. Sở dĩ Ngài có danh hiệu Kim Xà Thánh Giả vì Thất Phương Liên nơi Ngài ở tu hành nằm bên cạnh con sông Đại Ninh tại thôn Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng là nằm trên một động rắn thần rất lớn, loài rắn này có thân màu vàng óng ánh. Một vị sư ở Mỏ Cà - Bên Tre khi lên thăm Ngài đã xuất hồn đi xuống động rắn này tham quan và nói rằng từ mặt đất của nền Thất Phương Liên đi thẳng xuống dưới lòng đất sâu khoảng 800 mét chính là kim xà động, trong đó có khoảng 200 kim xà thần đều sống từ hơn 100 năm cho đến gần 1000 năm. Động này có đường hầm thông qua 3, 4 động khác nữa. Chúa tể của tất cả các động rắn này là một đôi xà vương màu nửa đen nửa vàng và đều đã được trên 1000 tuổi. Cặp xà vương này cùng với con cháu của họ ở ngay dưới nền Thất Phương Liên của Ngài. Mỗi đêm, toàn bộ kim xà thần đều lắng nghe Ngài niệm Phật và tu hành theo Ngài. Kim xà thần biết biến hóa và đồng kính thờ Đại lão hòa thượng Thích Thiên Tâm làm thầy để nương theo Ngài tu tập Phật pháp. Tuy chuyên tu pháp môn Tịnh Độ song Ngài vẫn có thành tựu rất to lớn trong Mật tông nên được suy tôn là Kim Cang A-xà-lê của Mật tông Việt Nam. Ngài có lưu lại trên thế gian 1 viên **Kim Cang Nha Xỉ Xá Lợi Ngũ Sắc**, đây là một

cái răng cắm của Ngài được lấy ra lúc Ngài vẫn còn tại thế. Chiếc răng cắm này có 5 màu, cứng chắc như kim cương (từng bị máy cưa cắt nhưng không mẻ một chút nào).

Năm 1951 - 1956, Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh làm công tác giảng dạy và huấn đạo tại Phật Học Đường Nam Việt, dưới pháp tòa của Ngài đã có nhiều bậc Tăng tài được tôi luyện nên. **Đại lão hòa thượng Thích Thiên Tâm chính là vị Tăng sinh đứng đầu trong khoá học này.** Cho nên, Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh và Đại lão hòa thượng Thích Thiên Tâm có mối quan hệ thầy trò.

Năm 1955, Đại lão hoà thượng Thích Trí Tịnh đã cho sáng lập **Hội Cự Lạc Liên Hữu (Đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ đầu tiên của Việt Nam)** tại chùa Vạn Đức ở Sài Gòn, Ngài làm Hội trưởng.

Năm 1968, Đại lão hoà thượng Thích Thiên Tâm đã cho thành lập Đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ ở vùng Đại Ninh. Năm 1970, Ngài cho mở Hương Nghiêm Tịnh Viện. Năm 1974, Ngài cho mở khoá chuyên tu Tịnh Độ suốt 3 năm. Ngài phiên dịch nhiều kinh điển Phật giáo Đại-thừa cùng các trước tác của tổ sư Tịnh Độ tông bên Trung Hoa, đặc biệt là của tổ sư Ấn Quang và soạn thuật rất nhiều tác phẩm, trong đó nổi tiếng nhất là **bộ sách Niệm Phật Thập Yếu. Bộ sách này được Tịnh Tông Học Hội phiên dịch ra tiếng Trung và ấn hành lưu thông với số lượng rất lớn.**

Vào hồi 9 giờ 15 phút ngày 28 tháng 2 năm Giáp Ngọ (2014), duyên độ sanh đã viên mãn, Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh an nhiên tự tại vãng sanh Cự Lạc.

Vào hồi 4 giờ ngày 21 tháng 11 năm Nhâm Thân (1992), duyên độ sanh đã viên mãn, Đại lão hoà thượng Thích Thiên Tâm ngồi trên pháp tòa tập hợp bốn chúng đệ tử lại dặn dò phó chúc, khích lệ bốn chúng đệ tử chăm chỉ niệm Phật cầu sanh Cự Lạc rồi an nhiên tự tại thoát hóa ngay trên pháp tòa.

Ngày nay, dù chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ có được duyên phận rất thù thắng là được nghe rất nhiều bài giảng kinh của Đại lão hòa thượng Ân sư Thượng nhân Thích Tịnh Không nhưng chúng ta cũng nên biết một chút về cội nguồn của Tịnh Độ tông Việt Nam nhằm tri ân báo ân nhị vị Đại lão hòa thượng cùng các bậc Cao Tăng xuất gia lần đại đức cư sĩ tại gia trong nhà Phật vào khoảng hơn 50 năm trước đã vì hàng hậu bối chúng ta ngày nay mà nối dòng huệ mạng Phật.

Nếu không có nhị vị Đại lão hòa thượng và các bậc Cao Tăng xuất gia cùng đại đức cư sĩ tại gia đã xây dựng vững chắc nền móng pháp môn Tịnh Độ tại Việt Nam thì đến bây giờ chưa chắc chúng ta đã có duyên phận được nghe Ân sư Thích Tịnh Không giảng Kinh Vô Lượng Thọ, mà phải đợi thêm một thời gian rất lâu nữa thì duyên phận thù thắng này mới chín muồi.

TRI ÂN BÁO ÂN - HIẾU THÂN TÔN SƯ

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền là Phổ Hiền Bồ-tát tái sanh. Ngài nhận nhiệm vụ của đức Phật A Mi Đà giao phó: Ngài trụ ở thế gian này thời gian lâu dài, dùng thân giáo làm ra một tấm gương tu hành Tịnh Độ chuẩn mực nhất để người tu Tịnh Độ trong thế gian này chiếu theo đó học tập.

Thân giáo và ngôn giáo cả cuộc đời của Ngài là đem từng câu từng chữ trong toàn bộ bộ Kinh Vô Lượng Thọ biểu diễn vào đời sống hàng ngày.

(Trích lục ý từ sách Lai Phật Tam Thánh Vĩnh Tư Tập – Dịch giả: Diệu Âm)



(Nhục thân Kim Cang Xá Lợi của Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền)

Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền (1900 - 2013) thế danh là Văn Xuyên Hiền, tự Thanh Tuyền, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1900 (năm Quang Tự 26 cuối đời nhà Thanh) tại trấn Thiệu Bái Tự, huyện Đường Hà, thành phố Nam Dương, tây nam tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Ba mẹ và ông bà nội của Ngài đều là đệ tử Phật kiên thành, truyền thống gia đình vừa làm ruộng vừa dạy học, thích làm việc thiện, hay bố thí, được đồng hương gọi là “đại thiện nhân”. Ngài bản tánh thành thật chất phác, túc căn sâu dày, từ bé đã ăn chay theo mẹ.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Mùa xuân năm 2011, Pháp sư Khai Trung dẫn đầu một nhóm 5 người đến chùa Phật Lai bái kiến Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền. Ngài bình thường rất ít nói chuyện, nhưng lần này Ngài đã nói chuyện với họ suốt 12 tiếng đồng hồ. Ngài khuyên mọi người nhất định phải nghe Đại lão hòa thượng Thích Tịnh Không giảng kinh, đừng làm lỡ cơ hội thành Phật ngay trong đời này, đừng nên tham luyến tiền tài và mê tình của phàm trần, đi qua cái thôn này rồi thì không còn nhà trọ nữa, thế gian này là ảo ảnh, đừng tiếp tục chịu khổ trong thế giới Ta Bà nữa. Thế giới Cực Lạc tốt như vậy, chỉ cần chăm chỉ niệm Phật thì có thể đến, tại sao không chăm chỉ niệm Phật chứ? Đại lão hòa thượng Thích Tịnh Không giảng kinh chính là để tiếp dẫn chúng ta đó, có thể đi đâu tìm được việc tốt như vậy chứ? Trong tâm thành thật niệm Phật, sự việc nên làm thì vẫn phải đi làm, không thể không làm, chỉ cần tâm thanh tịnh, chỉ có A Mi Đà Phật, không để tâm đến việc khác thì sẽ không làm lỡ việc thành Phật.

- Trích lục ý nghĩa từ lời khai thị của Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền -

Ân sư Thích Tịnh Không nói: “Lão Hòa thượng Hải Hiền 20 tuổi xuất gia, sư phụ chỉ dạy Ngài duy nhất một câu Phật hiệu (Nam Mô A Mi Đà Phật), đến lúc Ngài 30 tuổi nhất định chứng được niệm Phật tam-muội. Nhiều nhất là thêm 10 năm, đến lúc 40 tuổi thì Ngài đã Đại Triệt Đại Ngộ!”.

Đối với cảnh giới của chính mình, kỳ thực Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền đã để lộ chút tin tức cho chúng ta. Ngài nói: “Cái gì tôi cũng biết!”. Cái gì Ngài cũng biết, chỉ là Ngài không nói. Cái gì cũng biết chính là Minh Tâm Kiến Tánh, không phải Minh Tâm Kiến Tánh mà nói câu này là đại vọng ngữ. Cái gì cũng biết: Phật pháp, thế gian pháp, quý vị đi hỏi Ngài, Ngài đều biết, không có gì không biết. Ngài giống như Lục tổ Huệ Năng, kinh điển chưa hề niệm qua lần nào, đều là không biết chữ. Lục tổ Huệ Năng còn được nghe Ngũ tổ giảng nửa bộ Kinh Kim Cang. Ngài ngay cả một lần nghe giảng kinh cũng không có, nhưng nếu như quý vị niệm kinh văn cho Ngài nghe thì Ngài sẽ giảng giải cho quý vị, những điều Ngài giảng hoàn toàn chính xác, giảng không hề sai. Ân sư Thích Tịnh Không tán thán rằng: “Trong thời đại của chúng ta còn xuất hiện người như vậy, rất hiếm thấy! Thiên tông đời Đường xuất hiện một vị Huệ Năng, Tịnh Độ tông ngày hôm nay xuất hiện một vị lão Hòa thượng Hải Hiền!”.

1. **Người con chí hiếu.** Khi còn bé, Ngài đã nổi tiếng trong thôn về hạnh hiếu. Mẹ của Ngài là phu nhân Hoàng Thị, sinh vào năm thứ 10 Đông Trĩ nhà Thanh (năm 1871) ở thôn Từ Viên, hương Chu Tập, huyện Xã Kỳ, thành phố Nam Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tổ tiên đều là người nông dân an phận thật thà. Bởi vì ba mẹ đều là đệ tử Phật giáo kiên thành, cho nên từ nhỏ bà đoạn mặn ăn chay, quy y cửa Phật. Lúc 17 tuổi, gả vào Văn gia của trấn Thiệu Bái Tự huyện Đường Hà, chồng tên gọi Văn Tu Cần, lớn hơn Hoàng Thị 8 tuổi. Tổ tiên của Văn gia nhiều đời có truyền thống kính phụng Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), có truyền thống học vấn, gia thế tài giỏi; đến đời của Tu Cần công đã sa sút, gia cảnh chỉ thuộc bậc trung. Hoàng Thị và Tu Cần công tuy là phu thê trẻ nhưng lại có thể chí đồng đạo hợp, tôn kính lẫn nhau. Ngài có 2 người anh, 1 người chị và 1 người em trai.

Thiên tai và cướp bóc nhiều năm làm cho gia đình vốn không giàu có này nhanh chóng rơi vào cảnh khốn khó. Lại thêm lúc đó chị của Ngài mắc bệnh phổi khó hồi phục, càng làm cho gia đình vốn đã khó duy trì lại rơi vào cảnh khó khăn. Vì trị bệnh cho con gái, Tu Cần công bán đi 7 mẫu đất khô cằn do ông cha để lại, cùng với anh hai của Ngài đi làm thuê cho một cửa tiệm gia công bông vải, cán bông, đánh bông cho người ta. Năm đó, Ngài chỉ mới 9 tuổi thì đi chăn trâu cho nhà giàu có để phụ cấp gia đình. Vào năm Ngài 12 tuổi, Hà Nam đại hạn, không thu hoạch được mùa, cửa tiệm thuê cha con Tu Cần công làm cũng bị buộc ngừng kinh doanh. Không còn cách nào khác, Tu Cần công chỉ có thể đến bên cạnh vùng Tùy Châu, tỉnh Hồ Bắc ăn xin để duy trì kế sinh nhai của cả nhà, không ngờ gặp phải ác phi, bỏ mạng nơi đất khách, năm đó Tu Cần công 48 tuổi. Lúc đó, Tu Cần công đang trên đường xin ăn, gặp phải thổ phi cướp bóc và phóng hỏa đốt dân cư. Tu Cần công bèn gánh nước đi chữa cháy nhưng bị thổ phi quay trở lại kiểm tra thấy được, thổ phi bắt ông ấy đánh đến chết. Sau nhiều ngày, khi dân trong thôn chạy nạn quay trở lại thôn trang, nhìn thấy cảnh kinh người: một xác chết đang đứng thẳng đờ ờ ôm chặt một cây to, một đám chó đói ngồi trên đất vòng trong vòng ngoài vây lấy ông ấy. Dân chúng trong thôn vốn cho rằng những con chó đói này muốn tranh ăn người chết, bèn cùng nhau đến đuổi chó đói, không ngờ những con chó đói này bị đánh đến chảy nước mắt cũng không chịu tản ra. Mọi người lúc này mới biết, hóa ra đám chó này đang giữ xác ân nhân đã bảo vệ quê hương của họ! Người nhìn thấy không ai không khóc nức nở. Dân chúng trong thôn đem thi thể gửi về quê hương và an táng Tu Cần công theo nghi thức trường bối. Cha qua đời không lâu, anh hai của Ngài bị bắt đi lính, hai anh em ly biệt 24 năm. Anh ba của Ngài sức khỏe yếu, nhiều bệnh, từ nhỏ đã phải gửi vào nhà thân thích làm con nuôi. Không may, gia đình thân thích nhận anh ba của Ngài làm con nuôi xảy ra biến cố, không thể không đem đứa trẻ đã nuôi lớn 15 tuổi lại gửi về Văn gia, việc anh ba trở về càng làm tăng thêm gánh nặng trong gia đình. Điều may mắn là bệnh tình của chị gái cuối cùng cũng trị lành và xuất giá vào năm sau.

Trong nhà không có ruộng đất nên bà Hoàng Thị đành phải dựa vào may vá, giặt và hồ quần áo, có được chút tiền công ít ỏi để chống đỡ gia đình bị thiệt hại

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

ngghiêm trọng này. Bà Hoàng Thị thường xuyên thức trắng đêm thêu khăn tay dùng lau mồ hôi, làm giấy thêu hoa, sau đó đem đi bán đổi lương thực ăn. Ngài nhìn thấy mẹ quá vất vả, thế là giấu mẹ len lén ra ngoài xin ăn, cho rằng dùng cách này để giảm nhẹ gánh nặng cho mẹ. Sau hơn 3 tháng, cuối cùng bị mẹ phát hiện, mẹ ôm chầm lấy con trai khóc một hồi, không cho Ngài ra ngoài xin ăn nữa. Một ông chủ tiệm cơm họ Thôi sau khi nghe nói hạnh hiếu của Ngài thì rất cảm động, thế là đích thân đến tận nhà thăm hỏi, mời Ngài vào tiệm làm công, lúc bấy giờ Ngài mới 13 tuổi. Từ đó, tình cảnh trong nhà dần thấy chuyển biến tốt đẹp.

2. **Nhân quả báo ứng.** Ngài có một bà thím tám tính tình không được tốt, rất bá đạo, thường xuyên đánh mắng người thân và hàng xóm. Có một lần lúc bà ta đánh mắng thím năm, đã xé rách lột sạch quần áo của thím năm. Về sau, ứng với câu tục ngữ “ác có ác báo”, thím tám sinh được 4 đứa con trai thì đều bị chết yểu; lưỡi của bà ta cứ bị răng của chính mình cắn thủng (tục ngữ gọi là “nhai cuống lưỡi”), cứ chảy máu tươi, cứ thế cho đến cả cái lưỡi cũng bị chính mình nhai mất, cơm cũng không ăn được. Về sau, thím tám khi ở cữ sanh con gái vào năm 32 tuổi, chết một cách đau đớn. Tình cảnh bi thảm vào lúc bà ta chết làm cho chị của Ngài sợ đến bị triệu chứng thần kinh. Mẹ của Ngài nhìn thấy thím tám ngày đêm sáng tối thị phi, sau cùng hình dạng chết đi rất khó coi thì nói với Ngài: **“Đối đãi với người phải hòa thiện khoan hậu, tuyệt đối đừng làm ác tạo tội!”**. Lời của mẹ đã khắc sâu vào trong tâm trí của Ngài.

3. **Sức mạnh của ý niệm.** Lúc còn nhỏ, có một việc nữa cũng ảnh hưởng rất lớn đối với Ngài. Một lần, Ngài trông được một trái bí đao lớn, bị em trai họ trộm mất. Ngài ba ngày liên tiếp không ngừng nhắc mãi: “Ai trộm mất bí đao của tôi thì cho người đó nổi mụn nhọt, bị bệnh!”. Sau 3 ngày, em trai họ của Ngài bị nổi mụn bệnh thật, nằm liệt giường, khổ nói không nên lời. Sau khi thím biết được, tìm đến Ngài nói: “Con đừng niệm nữa, em trai con chỉ là hái một trái bí đao mà con trừ nó đến nổi toàn thân mọc mụn nhọt, đau đến kêu cha kêu mẹ luôn!”. Ngài kinh ngạc vô cùng, lòng nghĩ: Ý nghĩ của con người thật có sức mạnh lớn đến như vậy sao?”, thế là lập tức chữa lại niệm rằng: “Mau làm cho em ấy khỏe lại đi! Mau làm cho em ấy khỏe lại đi!”. Bệnh của em trai họ thật sự được khỏe lại nhanh chóng. **Niệm cái gì thì sẽ hiện cái đó, nên không thể niệm ác được nữa. Bất kể có phải là trùng hợp hay không, từ đó về sau, Ngài cũng không dám trừ người nữa, không dám oán hận người nữa. Việc này làm cho Ngài hiểu rằng niệm lực có sức mạnh không thể nghĩ bàn.**

4. **Sức mạnh của trì niệm danh hiệu Phật.** Vào năm 18 tuổi, chân của Ngài mọc mụn độc lở loét mảng to, bị bệnh rất nghiêm trọng. Mẹ của Ngài cầu thầy tìm thuốc khắp nơi đều không có cách gì cứu được Ngài. Sau cùng, Ngài hiểu rằng đây là bệnh nghiệp chướng, Ngài hiểu được nhân quả báo ứng, nói rằng: “Điều được nan y oan nghiệp bệnh!”, thế là vứt bỏ thuốc men, chuyển lại cầu Quán Thế Âm Bồ-tát. Dân gian không ai không biết Quán Thế Âm Bồ-tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, có cầu ắt có ứng. Vì thế, Ngài một lòng rất chân thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm

Bồ-tát. Ngài niệm Quán Thế Âm Bồ-tát hơn một tháng thì mụn độc tự nhiên khỏi. Cho nên, Ngài đối với Quán Thế Âm Bồ-tát cứu khổ cứu nạn tin sâu không nghi, tin chắc Bồ Tát thật sự từ bi, tuyệt đối không có vọng ngữ; niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thật có thể giải quyết vấn đề. **Danh hiệu công đức không thể nghĩ bàn, niệm lực không thể nghĩ bàn.** Thế nhưng tại sao có người niệm thì không linh, Ngài niệm thì linh vậy? Đó là vì ý niệm của Ngài thuần, Ngài chuyên tâm, không có nhiều vọng tưởng và tạp niệm. Nếu là một lòng chuyên niệm, niệm niệm đều sẽ linh nghiệm.

Từ đó, Ngài biết rằng đường sanh tử hiểm, tử sanh là việc lớn, thế là Ngài sanh khởi tâm xuất gia. Năm Ngài 19 tuổi, anh ba 22 tuổi vì bệnh mất sớm, điều này khiến Ngài kiên định đến cùng quyết tâm xuất gia tu hành.

4. Xuất gia tu hành. Tôn sư trọng đạo. Năm 1920, Ngài 20 tuổi, tại Thiên tự Vân Đài trên đỉnh núi Thái Bạch thuộc dãy núi Đổng Bách, nằm ở nơi giao tiếp Hà Nam và Hồ Bắc, xuất gia với Đại lão hòa thượng Truyền Giới. Hòa thượng Truyền Giới xuống tóc cho Ngài, ban cho Pháp danh là Hải Hiền, tự Tánh Thành. Lúc 23 tuổi, đến chùa Vinh Bảo ở Hồ Bắc thọ cụ túc giới (Tỳ-kheo giới). Hòa thượng Truyền Giới là một vị đại đức của hệ phái Bạch Vân tông Lâm Tế nhưng lại không truyền thụ cho Ngài đả tọa tham thiền, cũng không có dạy Ngài giảng kinh thuyết pháp; chỉ truyền duy nhất sáu chữ hồng danh “**Nam Mô A Mi Đà Phật**” và dặn Ngài niệm liên tục không được ngừng nghỉ. Lời dạy của thầy, Ngài cả đời y giáo phụng hành không dám trái phạm.

5. Xuất gia rồi vẫn lao động vất vả để nuôi mẹ già. Từ bé, Ngài đã vang danh trong thôn quê về hiếu hạnh. Khi còn rất nhỏ, Ngài đã bắt đầu lao động vất vả phụ giúp chi phí gia đình. Lúc Ngài xuất gia ở núi Đổng Bách là vào những năm đầu Dân Quốc nắm quyền, quân phiệt hoành hành, thế cuộc rối ren. Mẹ của Ngài và em trai Ngài nương tựa lẫn nhau sống qua những ngày tháng gian nan vất vả. Ngài ở trên núi khai hoang làm ruộng, đào thảo dược đổi lương thực, sau đó đi bộ hơn 100 dặm (khoảng hơn 161 km) vác lương thực trên vai mang về quê nhà cúng dường cho mẹ, 9 năm như thế không gián đoạn!

6. Mẹ được vãng sanh Cực Lạc. Năm Dân Quốc 18 (năm 1929), em trai 22 tuổi của Ngài đã bắt hạnh qua đời. Lúc này, mẹ của Ngài tuổi tác đã cao lại không người bên cạnh phụng dưỡng, điều này khiến Ngài lo lắng. Ngài đón mẹ đến động Đào Hoa trên đỉnh Thái Bạch núi Đổng Bách phụng dưỡng, bà sống và niệm Phật trên núi được 27 năm. Năm 1956, mẹ của Ngài đã 86 tuổi đề xuất muốn về quê nhà, Ngài liền theo mẹ cùng về quê ở thôn Thảo Tự, huyện Đường Hà. Nhà đã không còn nữa. Về đến thôn, Ngài bố trí ổn thỏa cho mẹ sống nhờ nhà một cụ hàng xóm trước và đi tìm thôn trưởng giúp đỡ. Được sự đồng ý của thôn chi bộ, Ngài thu dọn lại nhà tranh ba gian trong vườn rau của đội sản xuất rồi dọn vào cùng ở với mẹ. Ngài kể cho chúng cư sĩ của Niệm Phật Đường Nghĩa Ô ở Nam Dương đến thăm Ngài nghe: “Trong vườn rau có

ba gian nhà, chúng tôi làm gì có nhà! Là của đội sản xuất. Tôi dọn qua, dọn xong ba gian, tôi sống ở đó, phải trồng rau đấy!”. Các cư sĩ nghe chưa hiểu, rất ngạc nhiên hỏi: “Cụ bà vẫn có thể trồng rau sao?”. Ngài trả lời to tiếng hơn một chút: “Việc đó chúng tôi vẫn làm tốt mà! Có thể làm đó! Chúng tôi trồng rau!”. Mẹ của Ngài ăn chay từ nhỏ cho nên lúc hai người xuống núi vẫn xách theo cái nồi riêng. Ngài nói: **“Chúng tôi có thể ăn cơm của người ta à? Không được ngả mận phá giới!”**.

Ngài và mẹ là ngày 20 tháng 8 âm lịch từ trên núi xuống; qua một năm, cũng chính là mừng 5 tháng 7 năm 1957 thì mẹ Ngài vãng sanh Cực Lạc. Một ngày trước khi bà vãng sanh Cực Lạc, bà còn tự mình gói sủi cảo và bảo Ngài báo tin cho chị gái và một em gái họ, bảo họ ngày hôm sau nhất định phải đến. Bà còn bảo Ngài giúp bà dời giường ra ngoài phòng, bà muốn ngủ ở ngoài. Bà nói với Ngài: “Thầy à, già ra bên ngoài ngủ nhé!”. Ngài hỏi: “Mẹ ngủ bên ngoài làm chi? Bên ngoài nhiều muỗi lắm!”. Bà nghiêng mặt, nói rằng: “Ngày mai thầy có thể để già chết trong phòng này không?”. Ngài nhanh chóng đồng ý: “Được! Được!”. Ngài đem giường đệm khiêng ra phòng, đặt ở ngay cửa lớn. Ngày hôm sau, chị của Ngài và em gái họ đều đến, bà nấu cơm cho mọi người ăn. Bà chỉ đường trắng và đồ hộp mà hai chị em mang đến, nói: “Đã đem đến rồi, có thể không cho già ăn sao?”. Bà ăn hết đồ hộp, ngay cả nước súp trong đồ hộp cũng uống hết, sau đó bảo mọi người: “Già uống hết nước rồi, buổi trưa hôm nay thì không ăn cơm nữa!”. Sau cơm trưa, bà vào nhà vệ sinh đại tiểu tiện. Sau khi trở lại, lại nằm một chút, sau đó bà nói với Ngài: “Thầy à, già thức dậy ngồi một chút được không?”. Ngài nói: “Cũng không bằng mẹ nằm ở đó đấy!”. Bà nói: “Đúng ha! Nằm ở đó một chút! Đúng ha!”, nói xong bèn lại nằm xuống. Bà quay mặt qua nằm nghiêng người về bên phải theo tường nằm kiết tường. Bà an tường nằm đó, thở ra một hơi dài thì vãng sanh Cực Lạc rồi. Ngài nói đến đây thì khua tay trái lên trên một cái: “Không có bị hành hạ gì!”.

Mẹ của Ngài là một vị cư sĩ tại gia, không có đi học giống như Ngài, không biết chữ, chỉ là một câu “A Mi Đà Phật” niệm cả một đời. Bà 87 tuổi vãng sanh Cực Lạc, biết trước ngày giờ, không có đau bệnh, tự hành hóa tha. Sau nhiều năm rời khỏi quê nhà, bà đột nhiên đề xuất muốn về quê thực tế là muốn về quê để biểu diễn vãng sanh Cực Lạc cho con gái và cháu gái ở quê xem thấy, để họ biết rằng một câu “A Mi Đà Phật” có thể giúp người ta ra đi thanh thản tự tại đến như vậy. Vì chị gái của Ngài tận mắt thấy mẹ mình vãng sanh Cực Lạc bất khả tư nghi nên không lâu sau khi mẹ vãng sanh Cực Lạc liền cùng con trai lên núi Đồng Bách xuất gia.

Vì điều kiện thời bấy giờ cực kỳ gian khổ nên sau khi Ngài niệm Phật cho mẹ 3 ngày thì đành phải dùng một áo quan tài mỏng mai táng mẹ sơ sài. Ngài là con hiếu, vì việc này mà luôn cảm thấy hổ thẹn, cho rằng có lỗi với mẹ. 8 năm sau, tình hình chuyển biến tốt rồi, Ngài dựng bia cải táng cho mẹ, không ngờ đào mộ huyệt lên, mở quan tài ra thì không thấy người, bên trong chỉ có mấy cây đinh lớn dùng đóng quan tài. Do đó, có người nói mẹ của Ngài là Bồ-tát tái sanh giống như tổ sư Đạt Ma để lại

chiếc giày cỏ trong quan tài. Trên lý nói như thế thì thông nhưng trên sự không có chứng cứ, chúng ta là phàm phu tục tử không có thần thông không dám đoán liều.



(Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền và chúng cư sĩ của Niệm Phật Đường Nghĩa Ô)

Người niệm Phật sống biết từ đâu đến, chết biết đi về đâu, không có chút lo âu nào, không có chút sợ hãi nào, hạnh phúc lắm. Nhiệm vụ hóa độ chúng sanh ở thế giới này đã xong một giai đoạn, tự mình công đức đã viên mãn, **biết trước ngày giờ, không cần người khác trợ niệm, nói đi liền đi ngay, tự tại đi đến thế giới Cực Lạc**. Bốn loại khổ sanh, lão, bệnh, tử người thông thường thật không dễ tránh khỏi. Tất cả mọi thứ trong thế gian đều không thể giải trừ khổ sanh, lão, bệnh, tử. Nếu muốn giải trừ bốn loại khổ này thì một câu “A Mi Đà Phật” hoàn toàn làm được.

Đại lão hòa thượng Hải Hiền, Hoàng lão phu nhân là mẹ của Ngài và Đại lão hòa thượng Hải Khánh là sư đệ của Ngài đều chỉ có khổ của sanh, không có khổ của lão, bệnh, tử. **Ba vị thánh nhân của chùa Phật Lai biểu diễn một câu Phật hiệu “Nam Mô A Mi Đà Phật” niệm đến cùng thì vĩnh viễn thoát khỏi Lục đạo luân hồi, vĩnh viễn thoát khỏi Mười pháp giới, họ đi làm Phật rồi!**

7. Mỗi năm đều đến mộ phần tổ tiên để tế tổ và đến tháp thờ linh cốt của thầy để cúng bái thầy, tận tâm hiếu kính. Ngài đã hơn 100 tuổi nhưng vào tiết Thanh

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Minh hoặc là mừng 1 tháng 10 âm lịch mỗi năm, dù đang ở tự viện nào hoặc Niệm Phật Đường nào thì Ngài cũng luôn tự nhắc mình: “Tôi phải nhanh chóng trở về, mừng 1 tháng 10 đến nơi rồi, tôi phải trở về lần nữa lên mộ phần tể tổ, còn phải đến tự viện núi Đổng Bách rồi đi cúng bái thầy tôi!”.

Phật pháp Đại-thừa xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. “Tịnh Nghiệp Tam Phước” trích từ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của người tu học Phật pháp. Phước thứ nhất trong “Tịnh Nghiệp Tam Phước”, Phật dạy: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Do đó có thể biết, hiếu thân tôn sư là căn bản của tất cả đức hạnh. Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền thật sự đi vào thực tiễn hai gốc rễ “Hiếu Kính”. Thành tựu đạo nghiệp cả một đời của Ngài chính là được xây dựng vững chắc ở trên nền tảng hai chữ “Hiếu Kính”!

Hòa thượng Truyền Giới biết Ngài tuy chưa từng đi học, là một đức trẻ rất nghèo khổ nhưng **căn tánh rất tốt: chân thành, thật thà, nghe lời, thật làm; phàm là người như vậy tu hành đều sẽ có thành tựu. Người có căn tánh như vậy chính là pháp khí trong nhà Phật, chỉ cần có con đường chỉ thị chính xác thì người này thật sự có thể tu thành công.**

Sư phụ của Ngài có thể quán cơ, Ngài ứng cơ thí giáo: Đối với người có sự giác ngộ, biết thế giới này khổ, hy vọng lìa khổ, cũng nghe nói thế giới Cực Lạc vui, nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc, đây là người Thượng căn! Người thượng căn thì niệm Phật nhập môn. Người trung căn chỉ - quán nhập môn. Người hạ căn lễ sám nhập môn. **Sư phụ của Ngài chỉ dạy Ngài một câu “Nam Mô A Mi Đà Phật”, dặn Ngài niệm liên tục. Ngài không hỏi thêm sư phụ bất kỳ điều gì mà thật sự vui vẻ tiếp nhận lời giáo huấn của sư phụ. Ngài không có trái lời thầy, không nghịch đạo, tuân thủ lời dạy của thầy: một câu “A Mi Đà Phật” từ sáng đến tối, một câu tiếp nối một câu không gián đoạn, cả đời không thay đổi. Sau khi Ngài đạt được Minh Tâm Kiến Tánh thì cái gì cũng biết, thế nhưng không nói. Nếu có người hỏi Ngài thì Ngài cười mà không đáp, không thừa nhận cũng không phủ nhận. Ân sư Thích Tịnh Không nói rằng Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền niệm Phật đạt đến trình độ Lý Nhất Tâm Bất Loạn, nghĩa là Minh Tâm Kiến Tánh mà Thiền tông hay nói ước chừng vào khoảng năm Ngài 40 tuổi.**

Thời kỳ Đại Cách Mạng Văn Hóa, hồng vệ binh phá hủy tháp của Hòa thượng Truyền Giới nhưng lại phát hiện huyết mộ trống rỗng, không nhìn thấy tro cốt. Hòa thượng Truyền Giới nhìn thấy trước việc này nên đã có sự sắp xếp. Tro cốt của Hòa thượng Truyền Giới được giấu dưới tháp. Về sau, Hòa thượng Hải Hiền tìm thấy tro cốt của sư phụ dưới một phiến đá xanh phía dưới huyết mộ, Ngài gặp vô vàn khó khăn gian khổ mới bảo tồn được tro cốt của thầy. Năm 1991, Ngài đích thân dẫn đồ đệ xây lại tháp thờ tro cốt cho sư phụ bên động Đào Hoa trên núi Đổng Bách.



(Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền cuốc cỏ ở ruộng bắp)

Đầu năm 1948, một đám du côn giả mạo quân đội đến chùa Vân Đài, chùa Phổ Hóa, chùa Bảo An, v.v... cướp bóc, đồng thời ép buộc Tăng Ni rời khỏi chùa. Tăng nhân trẻ tuổi ồ ạt chạy trốn, chỉ còn lại 5 vị Tăng nhân già yếu không có sức xuống núi. **Ngài đón 5 vị trưởng lão đến chùa Tháp Viện để chăm sóc. Trong suốt thời gian dài mấy chục năm, chùa không được sự cúng dường, một mình Ngài cả ngày lao động vất vả cần cù nuôi 5 vị trưởng lão cho đến khi từng vị một vãng sanh Cực Lạc. Trong thời gian này, Ngài còn phải chăm sóc mẹ già. Ngài ban ngày cày ruộng, đào thảo được đổi lấy lương thực; buổi tối lạy Phật, thường thường lạy đến đầu choáng mắt hoa! Ngài cứ như thế ngày rồi lại qua ngày vất vả cực nhọc.**

Phật dạy phải “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Hiếu lầy cha mẹ làm đại diện, kính lầy sư phụ làm đại diện. Thân mạng của chúng ta có được từ cha mẹ, huệ mạng của chúng ta có được từ sư phụ. Một người cả đời phải nhớ công ơn của hai ân nhân này không được quên.

8. Vừa lao động vừa niệm Phật, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Từ lúc xuất gia (năm 20 tuổi) đến 81 tuổi, Ngài đều sống trên núi Đòng Bách. Chùa trên núi cao xa xôi hẻo lánh ít người đến, người xuất gia sinh sống hoàn toàn dựa vào bản thân tự lao động cày cấy. Ngài làm công việc gì cũng vô cùng cần mẫn, không tiếc công sức: gánh nước, rửa rau, nấu cơm, rửa chén, chùi nồi,... việc nào cũng làm. Ngài hết sức cố gắng không để thầy và các huynh đệ phải làm việc, trong tâm luôn nghĩ rằng để họ có nhiều thời gian tu tập hơn. Trong chùa từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, bao gồm tất cả nhà vệ sinh, Ngài đều quét dọn thật sạch sẽ. Quần áo và đồ dùng hằng ngày của thầy và các huynh đệ luôn được Ngài giặt sạch. Các dụng cụ nhà Phật, pháp khí và phẩm vật trang trí luôn được Ngài kịp thời rửa sạch và sắp xếp đúng chỗ, không

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

để bám bụi bần. Với công việc đồng áng cày cấy, Ngài cũng là cố hết sức làm nhiều hơn mọi người. Ngài đặt mình vào trong công việc, cảm thấy thoải mái vui vẻ. Pháp sư Truyền Giới thường nói với các đệ tử: **“Hải Hiền là tu Phật ở trong đời sống thực tế đấy, điều này hiếm có bậc nhất!”**

Sau khi xuất gia, Ngài đã trải qua năm tháng hàng loạt động loạn bất an, quân phiệt hoành hành, 8 năm chiến tranh chống Nhật, 3 năm nội chiến và Cách Mạng Văn Hóa, v.v... Trong những ngày gian khổ như vậy, Ngài tổng cộng đã khai khẩn 14 ngọn núi hoang, đất đai trên trăm mẫu; trồng cây trên núi hoang; cúng dường Tăng chúng và cư sĩ hàng ngàn hàng vạn; tham gia xây dựng cầu đường, nhà ở địa phương không thể tính đếm hết; cùng với người dân địa phương đi tu bổ cầu đường, mỗi lần đi thường đi đến mấy tháng. Ngài trồng khoai lang, khoai sọ vào chỗ đất hoang đã khai khẩn được trên núi; đây chính là thức ăn chính của các Ngài. Nếu có người tu hành lên núi thì Ngài tặng cho người ta một số lương thực. Bản thân không đủ ăn thì đi đào thảo dược để đem bán đổi về ít lương thực. Đến mùa thu, Ngài hái hạt dẻ trên núi phơi khô để dự trữ. **“Một ngày không làm, một ngày không ăn”**, Ngài sống một ngày thì làm một ngày. Ngài nói với Pháp sư Diễm Cường rằng: **“Văn độ chúng sanh, võ tu hành đấy! Ông muốn thành Phật mà ông không ra sức, không lao động, không đổ mồ hôi thì ở đâu có việc dễ dàng như vậy chứ?”**



(Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền hơn 100 tuổi vẫn lao động ở ruộng bắp)

Ngài là Nông - Tịnh xem trọng như nhau. Ban ngày Ngài lao động, buổi tối niệm Phật. Pháp sư Diễm Cường nói: “Bấy giờ tôi là người rõ nhất. **(Ngài) ban ngày**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

làm việc mệt đến đầu choáng mắt hoa! Buổi tối còn niệm Phật, lay Phật cả đêm!”. Ngài đã thi hiện phương pháp tu hành tốt nhất trong thời đại ngày nay, Ngài vừa làm việc (công việc của Ngài là trồng trọt), vừa một câu Phật hiệu niệm đến cùng.

9. Lục hòa kính. Trong thời gian 2 năm từ 1940 đến 1942, Ngài cùng với Pháp sư Hải Mặc, Pháp sư Hải Viên và Pháp sư Thê Quang là 3 bậc Cao Tăng đại đức thuở bấy giờ kết nhà tranh cộng tu ở chùa Tháp Viện, núi Đồng Bách. Ngài nói: “Chùa Tháp Viện phân đất cho ba người: của Thê Quang, của Hải Mặc, của Hải Viên. Ba người họ để đất hoang phế; một mình tôi đi đào xới lên đấy!”. **Mỗi người căn tánh không giống nhau, sở truyền từ sư phụ cũng không giống nhau cho nên nội dung tu học của 4 người tự nhiên không giống nhau: có tu Thiền, có tu Tịnh Độ, có học Giáo. Họ không cùng một tông phái, không cùng một pháp môn thế nhưng có thể sống chung hòa mục, tôn trọng lẫn nhau, chỉ có ca ngợi nhau, không có hủy báng nhau, không có phê bình nhau, không tranh luận, không có quan điểm riêng của từng môn phái, là Tăng đoàn danh xưng với thực. Tăng đoàn là đoàn thể từ 4 người trở lên (bất luận xuất gia hay tại gia) tu Lục hòa kính. Ngài hết sức ca ngợi, hết sức khâm phục công phu tu hành của 3 vị Pháp sư này.**



(Một bữa cơm của Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền)

10. Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy; biểu diễn ra một hình mẫu chuẩn mực của người xuất gia cho thế gian xem thấy. Năm 1966, Cách Mạng Văn Hóa bắt đầu, hồng vệ binh đến các tự viện thiêu hủy kinh sách, đập phá tượng Phật, phê phán nghiêm khắc và đổ tội cho Tăng Ni, giải đi diễu hành trên phố, còn ép buộc Tăng Ni hoàn tục. Thời kỳ Văn Cách, Tăng Ni khắp nơi cả nước Trung Hoa đều bị yêu cầu

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

hoàn tục. Hồng vệ binh nói với mọi người: “Trên núi không cần có Hòa thượng nữa! Muốn về nhà thì về nhà!”. Ngài nói: “Tôi không có nhà! Tôi không về nhà!”. Ngài bị sắp đặt đến đội sản xuất Ngô Gia Loan dưới núi Đổng Bách làm trưởng đội sản xuất, tham gia lao động. Ngài tuy là rời khỏi chùa xuống núi tham gia lao động nhưng trước sau vẫn mặc Tăng phục, quyết không hoàn tục! Sau nhiều năm, lúc đệ tử hỏi Ngài bảy giờ tại sao kiên quyết không hoàn tục, vị lão nhân không có đi học này đáp: **“Học đạo phải biết tâm là Phật, tu hành cần lấy giới làm thầy. Xuất gia mà trở về nhà, không bằng hoa không nở!”**. Bảy giờ, không cho phép niệm Phật thì Ngài âm thầm niệm trong tâm; không cho phép lạy Phật thì Ngài âm thầm len lén lạy vào buổi tối. Công phu của Ngài không hề gián đoạn. Trong đội sản xuất là ăn cơm tập thể, trong nồi nếu như có thức ăn mặn thì Ngài ăn rau cải cạnh nồi: “Tôi cứ hầm một ít củ cải để ăn, tôi cai cái miệng của tôi, tôi không ăn (mặn)! Trai công tôi đây, bất luận thế nào cũng không được phép ngả mặn phá giới!”.

11. Ngài đối đãi bình đẳng từ bi với tất cả các động vật nhỏ. Ngài một đời tùy duyên tùy phận, xưa nay chưa bao giờ làm cho đại chúng khởi một chút phiền não nào. Ngài luôn đem tiền cúng dường dùng làm chi phí ấn tống kinh sách và phóng sanh. Lúc còn ở trên núi Đổng Bách, mỗi lần trước khi bắt đầu lao động, Ngài đều đi lòng vòng ở trên đất mấy lần để thông báo với côn trùng nhỏ dưới đất: **“Cuộc xẽng xuống đất, các côn trùng tránh ra!”**; sau đó lại niệm một hồi Phật hiệu mới bắt đầu trồng trọt. Thường ngày, ở trong hay ngoài tự viện, chỉ cần Ngài nhìn thấy có loại động vật nhỏ như chó, mèo, v.v... thì Ngài liền chia những trái cây hoặc thức ăn cúng trên bàn thờ Phật cho chúng nó ăn và dặn dò mọi người đừng đánh chúng nó, đừng làm tổn thương chúng nó. Ngài nói: “Đây đều là chúng sanh, giống như người chúng ta không khác, đều có tánh linh!”.

Lúc ở chùa Tháp Viện trên núi Đổng Bách, trong một lần đi bộ trên núi, Ngài nhìn thấy bên đường có một con rắn bị một hòn đá to do khối núi sạt lở lăn từ trên núi xuống đè chặt, con rắn nhỏ này dài khoảng 1 mét. Ngài nhắc hòn đá ra thì thấy con rắn đó đã bị đè đến gần chết, không nhúc nhích được. Ngài sợ nó lại bị người đi đường làm tổn thương nên kéo nó vào bên đường, niệm Phật và quy y cho nó rồi bỏ đi. Về sau, con rắn này mỗi năm đều biết định kỳ đến chùa Tháp Viện thăm Ngài mấy lần, còn biết ở lại một khoảng thời gian trong tự viện rồi mới rời khỏi. Con rắn này càng lớn càng to, thân nó to bằng cái miệng chén; xà nhà trong phòng dài khoảng 4 mét, nó bò lên trên xà nhà, từ một đầu của xà nhà bắc đến một đầu khác, cái đầu còn có thể phủ xuống. Nó cứ đi thăm Ngài thường xuyên, bởi vì nó từ nhỏ đã thường đi nên Ngài quen, biết đây là con rắn mà Ngài từng cứu. Người thường đi chùa Tháp Viện đều gặp qua con rắn này không chỉ một lần. Có một lần, có một phụ nữ mang thai vì trốn tránh sự kiểm tra của ban kế hoạch hóa gia đình nên đi đến chùa Tháp Viện ở mấy ngày. Một hôm, cô ta ra ngoài, lúc trở về vừa đẩy cửa vào thì nhìn thấy con rắn to đó, sợ hãi đến ngất xỉu tại chỗ, không biết qua bao lâu mới tỉnh lại được. Cô ấy không dám ở trong tự viện nữa, bèn vội vàng rời khỏi. Ngài nghiêm khắc phê

bình rắn một trận, nói với nó không được phép ra ngoài dọa người ta. Rắn rất biết nghe lời, về sau lại đến tự viện thì cuộn tròn trên xà nhà một cách hiền lành, không ra ngoài đi lung tung nữa. Con rắn đến thăm Ngài mãi cho đến khi Ngài đi chùa Phật Lai thì con rắn này mới không đến chùa Tháp Viện nữa.

Một ngày nọ, Ngài đi đến lều nắm hương thăm đệ tử Pháp sư Ân Sanh, tay xách một tảng mật ong núi. Pháp sư Ân Sanh hỏi rằng: “Mật ong ở đâu ra vậy?”. Sự việc này xảy ra lúc Ngài đi Giải Gia Hà làm việc, ngang qua Thái Đàm Câu, trên đường hẹp quanh co ở vách núi cao dựng đứng, một con sói lớn ngẩng mặt đang đứng, thật là oan gia ngõ hẹp. Ngài tin sâu nhân quả nên chẳng hề tránh né, đương nhiên cũng không có chỗ né tránh, tâm nghĩ: “Nếu là nợ mạng thì nên đền mạng, chỉ cần ăn tôi đi thì trả xong nợ rồi!”, trong miệng Ngài chỉ việc niệm Phật. Ai dè con sói này đi đến trước mặt Ngài, cắn chặt vào ống quần của Ngài, kéo Ngài đến bên trong ổ sói của sơn động. Ngài nhìn thấy một con sói mẹ khó sanh. Ngài hiểu ra là con sói đực này không phải muốn ăn Ngài mà là hy vọng được sự giúp đỡ của Ngài. Ngài nhắm mắt lại, định tâm lại, bắt đầu niệm Phật hồi hướng, khoảng hơn 10 phút thì sói mẹ sinh ra một ổ sói con. Sói đực cúi đầu cong mình trước Ngài, cúi lạy tỏ ý cảm ơn. Ngài khai thị cho con sói đực rằng: “Con phải giảm làm ác, làm nhiều việc thiện, sau này đừng đi vào đường súc sanh nữa, thành tựu Phật đạo tốt biết mấy!”. Ngài không có tâm phân biệt, Ngài đối với tất cả chúng sanh đều đối đãi giống như đối với Phật vậy. Ngài có thể buông bỏ vạn duyên, dùng một tâm thanh tịnh, bình đẳng hành đạo Bồ-tát, giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Ngày hôm sau, Ngài làm xong việc, từ Giải Gia Hà quay trở về đến Thái Đàm Câu thì thấy con sói đực kia đang đứng đợi Ngài ở trên đường nhỏ. Sói đực chặn Ngài lại, sau đó nó dùng miệng ngậm một tảng mật ong núi từ trong hang cỏ ra đặt trước mặt Ngài, rồi lại cúi đầu cong mình đối với Ngài bày tỏ cảm ân. Nói đến đây, Ngài bảo Pháp sư Ân Sanh rằng: “Ân Sanh à! Con xem đây, động vật hoang dã này cũng biết báo ân ha!”. Pháp sư Ân Sanh rất xúc động, Pháp sư nói đùa với Ngài rằng: “Su phụ à! Thầy là một đồng chí nam, không ngờ rằng lần này còn làm bà đỡ ư!”. Ngài cũng cười ha ha.

12. Chùa cổ Phật Lai. Chùa Phật Lai nằm ở thôn An Trang, trấn Nhiêu Lương, huyện Xã Kỳ, thành phố Nam Dương, tỉnh Hà Nam. Đất huyện thành Xã Kỳ có tên “Trung Nguyên Đệ Nhất Cổ Trấn”, chùa Phật Lai cũng là một ngôi chùa lịch sử văn hóa được tích lũy nhiều năm sâu dày. Kim Cang Quán của đại điện phía đông có tôn tượng thiếp vàng nhục thân Bồ-tát Pháp sư Hải Khánh là sư đệ của Ngài, đến nay đã cúng phụng hơn 10 năm. Tương truyền vào những năm Tùy Đường, có cư sĩ Vương buôn lương thực ở trấn Dương Sách đánh xe trâu đi trấn Nguyên Đàm bán lương thực. Trên đường đi, cư sĩ Vương gặp ba cụ già xin đi nhờ xe. Đi đến đêm khuya, cư sĩ Vương dừng xe bên đường nghỉ ngơi, sáng sớm hôm sau chỉ thấy ba cụ già đã hóa thành ba tôn tượng Phật bằng đá. Các tín đồ vì thế bèn ở ngay nơi đây khởi công xây dựng Đạo tràng lấy tên “Lai Phật Tự”, nghĩa là là Phật-đà hóa thân đến nơi này. Chùa cổ Phật Lai vốn là một tự viện rất nguy nga bề thế nhưng đã bị phá hủy hoàn toàn

trong Cách Mạng Văn Hóa. Sau khi Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt thì rất nhiều cư sĩ hộ pháp của Nam Dương và Xã Kỳ đến chùa Tháp Viện trên núi Đồng Bách thỉnh Ngài xuống trụ trì Đạo tràng chùa Phật Lai, dẫn đầu là cư sĩ Vương Xuân Sanh. Đối với việc xây cất Đạo tràng, Ngài thường nói: **“Không sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo!”**.



(Ngài kể chuyện và khai thị niệm Phật cho chúng cư sĩ của Niệm Phật Đường Nghĩa Ô)

Khoảng năm 1981, Ngài đến thường trụ ở chùa Phật Lai. Mùa thu năm ấy, mọi người đều bắt đầu cày cấy chuẩn bị trồng lúa mạch. Một hôm, cư sĩ Vương Xuân Sanh trên đường về nhà đi ngang qua tự viện, nhìn thấy Ngài 81 tuổi và Pháp sư Hải Khánh 72 tuổi đang làm việc trên đồng, một người cầm bừa sắt đang đào, một người cầm xẻng sắt đang khoét. Ông ấy nhìn thấy thì rất xót xa, bèn bảo các Ngài nhanh chóng dừng lại. Nhưng Ngài lại nói: “Nếu không nắm vững việc cày xới đất, thế thì sẽ làm lỡ mất việc trồng lúa mì rồi!”. Cư sĩ Vương nói: “Các thầy có công việc gì thì đi tìm con, con sao có thể để các thầy làm việc khó như vậy chứ!”. Ngài nói: “Các ông cũng là hộ cá nhân, không thể việc gì cũng làm phiền các ông!”. Cư sĩ Vương cảm động nói: “Sau này thầy không thể nói vậy nữa, có việc gì nhất định phải đi tìm con, cho dù công việc của chính mình thì con cũng để đó, cũng phải làm xong cho thầy trước hẵn tính. Nếu không thì người ta đều biết là con dẫn đầu mời thầy đến đây, kết quả để thầy đến đây chịu khổ rồi, con làm hộ pháp còn mặt mũi nữa hay không? Quý thầy ai cũng không được đào thêm nữa, bây giờ con về nhà dắt trâu ra đây cày!”.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ngài đi đến nơi nào cũng đều mang theo nông cụ, vừa làm việc vừa niệm Phật)

13. **Mất trộm gặp cướp.** Chùa Phật Lai ở thôn quê nghèo, vùng đất hoang, cuộc sống rất bần hàn. Khi nhục thân Bồ-tát Pháp sư Hải Khánh vãng sanh Cực Lạc thì trên thân còn không có một chiếc Tăng phục hợp chuẩn. Một mặt, chùa quanh năm không có cúng dường; mặt khác, liên tục có những người vì không hiểu nhân quả nên đến chùa trộm cắp. Mấy văn vật trân quý may mắn còn giữ lại được trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa cũng bị cướp, trâu cày bị người ta trộm mất, cái khóa thùng công đức không biết bị người ta nạy qua biết bao nhiêu lần.

Mùa thu năm 2012, Ngài từ Niệm Phật Đường Nghĩa Ô ở Nam Dương trở về, vừa về đến thì liền cầm cái cuốc đi ra ruộng làm việc. Ba người thanh niên chạy xe gắn máy tìm đến Ngài nói muốn đổi một ít tiền lẻ, Ngài nói không có, kết quả là hai người thanh niên trong nhóm giữ chặt Ngài, người còn lại cướp toàn bộ tiền do cư sĩ ở Nam Dương cúng dường mà Ngài đang để trong người. Còn có những người không hiểu nhân quả, mượn tiền của Ngài sau nhiều năm không chịu trả lại. Vì muốn tránh cho họ tạo ác nghiệp đọa vào ác đạo nên Ngài từ bi bảo đệ tử là Pháp sư Ấn Thuyên đi tới hỏi trả. Người mượn tiền không những không trả còn mắng Ngài: “Người sắp xuống lỗ rồi vẫn không quên đòi nợ! Tiền này chết rồi còn có thể dùng không!”

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ngài chẻ rế cây, cứ một nhát búa lại niệm một câu Phật hiệu)

14. **Canh giữ tự viện.** Mùa hè năm 2007, có mấy vị tín đồ cùng đến chùa Phật Lai thăm Ngài. Cửa chùa đang mở, trong sân không một bóng người, họ đợi rất lâu mới đợi được Ngài trở về; thì ra Ngài một mình làm việc trong ruộng! Ngài nói: “Hiện nay tôi sống ở chùa một mình, việc đồng áng đến, không làm cũng không được, việc đồng áng không đợi ai!”. Nghe câu chuyện của Ngài, trong lòng mọi người bỗng chốc nặng nề: Hơn 100 tuổi rồi, một mình ở đây kiên trì giữ chùa, còn trồng nhiều ruộng như vậy, bên cạnh ngay cả một người chăm sóc cũng không có, trời rất nóng, trưa rồi còn làm việc trong đồng, trở về còn phải tự nấu cơm, giặt quần áo, ngay cả một người trẻ tuổi cũng chịu không nổi!

Mấy người có ý tốt khuyên rằng: “Ngài hơn 100 tuổi rồi, còn mỗi ngày làm lụng vất vả như vậy, cuối cùng mưu cầu cái gì chứ? Với tư cách của Ngài, hoàn toàn có thể đến Đạo tràng điều kiện tốt, bình an sống qua tuổi già đi!”. Ngài nói: “Người xuất gia nếu giữ không được Đạo tràng, chùa của chính mình cũng vứt bỏ, thế còn tu hành cái gì chứ? Chư vị để người ta nói đến để nghe hay không?”.

Mùa thu năm 2008, Ngài thỉnh trọng đem chùa Phật Lai ủy thác cho đệ tử Pháp sư Ân Chí. Về việc quản lý tự viện, Ngài nói với Pháp sư Ân Chí: “Đừng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo!”. Ngài còn căn dặn Pháp sư Ân Chí: “Không điếc

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

không mù, không xứng đáng trụ trì”, nghĩa là bảo Pháp sư Ân Chí phải nhẫn, phải nhường. Ngôi chùa nhỏ này ở dưới quê rất dễ bị xem thường, không ai muốn ở, cũng không ai đến tranh giành, người chân chánh tu hành ở đây thì tâm sẽ an. Ngài ở đây bình bình an an đã sống mấy chục năm, không tranh với người, không cầu với đời. Vì Ngài hoàn toàn dựa vào cuộc sống nghề nông cho nên không cầu ai, không cần thiết ai cúng dường; lúc vãng sanh Cực Lạc thì thị hiện tướng tốt lành, lấy đây để độ hóa chúng sanh.

Chùa Phật Lai hiện nay, chúng lưu trú khoảng 20 người, kiên trì Phật thất quanh năm, tịnh khẩu niệm Phật. Đệ tử tại gia và đệ tử xuất gia đều phát nguyện lấy Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền làm tấm gương, tuân theo đạo phong của Ngài: **“Một câu Phật hiệu niệm đến cùng, lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy, lục hòa Đạo tràng, bách nhẫn gia phong, cần lao, tiết kiệm, mang Phật pháp thực hành đầy đủ trong cuộc sống, công việc và xử sự đối người tiếp vật”**.



(Ngài vừa làm việc vừa niệm Phật, tâm luôn sanh hoan hỷ)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

15. **Siêng năng cần cù lao động.** Hễ là tự viện mà Ngài thường trụ hoặc Niệm Phật Đường mà Ngài thường đi như chùa Thiên Phật, chùa Phật Lai, chùa Viên Minh, Cư Sĩ Lâm Xã Kỳ, Niệm Phật Đường Nghĩa Ô ở Nam Dương, Niệm Phật Đường Lục Phương,... đều có rất nhiều dụng cụ và nông cụ dùng trong công việc của Ngài như rìu, búa, cưa, kìm, cuốc, v.v... Ngài đi đến đâu làm đến đó, thường nghe một câu nói mà người khác mô tả Ngài, đó là: **“Ngài một ngày từ sáng đến tối đều không rảnh rỗi, mà còn công việc gì cũng làm! Ngài không làm việc này thì làm việc kia. Nếu như nhìn thấy Ngài có lúc rảnh, thế nhất định là ngồi ở đó nhỏ tiếng niệm A Mi Đà Phật!”**.

Có một cái tết, Ngài ăn tết tại chùa Tháp Viện. Sáng mùng 1 tết, trời đang tuyết lớn và mạnh, mọi người bỗng phát hiện Ngài mất tiêu rồi. Các vị Pháp sư trong chùa đều rất khẩn trương gọi điện thoại cho cư sĩ Vương chùa Thanh Tuyên núi Đồng Bách. Pháp sư Ân Sanh trụ trì chùa Thanh Tuyên và cư sĩ Vương hai người nghe tin lập tức từ chùa Thanh Tuyên chạy xe vội đến chùa Tháp Viện. Tuyết rơi thật lớn quá, dấu chân người vừa đi qua liền bị tuyết phủ trắng xóa không còn lưu lại bất kỳ vết tích nào. Mọi người hoàn toàn không có cách gì phán đoán được Ngài đi về hướng nào. Mọi người đã tìm kiếm rất lâu mà không có chút kết quả. Lúc này, trong lòng mọi người bất đầu bất an, chỉ lo Ngài sẽ có sơ suất gì, họ sốt ruột nhắm hướng đầu núi gọi to tên Ngài. Mọi người phát hiện trên đỉnh núi dường như có một bóng người đang đi chuyển xuống núi. Mọi người đều nói đây không thể nào là Ngài, bởi vì tuyết gió quá lớn, cho dù ngay cả người trẻ tuổi cũng không dám vào lúc này tùy tiện lên trên đỉnh núi, huống chi Ngài đã trên 100 tuổi! Mọi người vừa bàn bạc, vừa nhìn theo bóng người đó. Bóng người chậm chậm từ xa đến gần, cuối cùng nhìn rõ ràng rồi, chỉ thấy Ngài vác trên vai một cây khô to bằng miệng bát, đi đến từ từ mà lại vững vàng. Mọi người cùng chen lên trước, đỡ lấy cành cây khô trên vai Ngài. Ngài cười nhìn mọi người, khoan khoái nói: “Đi! Chúng ta đi suối ấm thôi!”. Vừa nói liền rời khỏi, để lại mọi người trở mắt nhìn nhau. Bất kể là gió thổi hay tuyết rơi, Ngài cứ rảnh thì muốn làm việc.

Ngài một ngày từ sáng đến tối không rảnh rỗi, Ngài luôn có thể tìm ra việc để làm. Một ngày mùa đông năm 2008, trời rất lạnh, một mình Ngài đang làm việc trước cổng lớn chùa Thiên Phật, xa xa nhìn thấy một cư sĩ đang chạy xe đến hướng chùa, thì cười và chào hỏi cô ta: “A Mi Đà Phật, trở về rồi! Trên đường lạnh, mau chóng vào nhà nhé!”. Cư sĩ dừng xe lại hỏi Ngài: “Trời lạnh như vậy, sao Ngài còn ở đây làm việc chứ?”. Ngài nói: “Cỏ mọc bên đường này, bây giờ phải làm rồi, nhìn lại khó coi, mấy đứa trẻ con học sinh đi lại cũng không tiện. Tôi nghĩ dùng cái xẻng san bằng cỏ này, sau đó lại phải quét, vừa dễ đi cũng dễ nhìn nữa!”. Ngài thật sự từ bi với người đến cùng cực, **niệm niệm đều nghĩ cho người khác, không hề nghĩ cho bản thân.** Một ngày không làm, một ngày không ăn. Ngài sống một ngày thì làm việc một ngày, siêng năng mà làm, một chút cũng không lười nhác, một chút cũng không trốn tránh khó nhọc. Trước cửa phòng nhỏ chùa Thiên Phật mà Ngài sống, trước đây cũng

là con đường mà học sinh đi học và tan học ngang qua, phía trên trải đầy gạch vụn và đá, rất cứng chắc. Ngài nói: “Bây giờ con đường này không ai đi nữa, đất trống để không thể thì tiếc lắm!”, rồi tự mình một cuộc một xẻng đào bới gạch đá mặt đường lên. Trải qua nhiều ngày lao động không mệt mỏi, con đường này thật sự đã bị Ngài sửa sang thành đất nông nghiệp toi xốp, bằng phẳng. Ngài lại tự tay bóc từng hạt giống đậu phộng, sau đó gieo đều vào trong đất. Từ khâu san bằng đất đến gieo hạt, Ngài đều tự mình làm, mùa thu năm ấy đã thu hoạch lớn. Phía sau đại điện của chùa còn có một mảnh đất trống rất hẹp, Ngài cũng làm đất thật kỹ, sau đó trồng xuống một số khoai lang, cũng thu hoạch lớn như vậy. **Một ngày trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, ban ngày vẫn làm việc giống như mọi ngày: cả ngày nhổ cỏ, tưới nước, san đất trong vườn rau.** Cái gọi là làm một ngày Hòa thượng gõ một ngày chuông, một ngày không làm một ngày không ăn, Ngài thật sự là nghiêm túc và có trách nhiệm với công việc, đây là tâm chân thành cung kính đối với công việc.



(Ngài tự mình xỏ chỉ lên lai áo dù đã 112 tuổi)

17. **Không làm phiền người khác.** Có một lần, một vị cư sĩ nhìn thấy Ngài đang chẻ củi trong chùa thì khuyên Ngài rằng: “Ngài tuổi tác lớn như vậy rồi, thì đừng làm những công việc này nữa, mệt quá rồi phải làm sao!”. Ngài cười nói: “**Làm người có nhiều công việc mà! Tự mình có thể làm thì tự mình làm, đừng trông chờ người**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

khác!". Ngài không thích gây phiền phức cho người khác, nếu tự mình có thể làm được thì nhất định không để người khác làm, trừ khi tự mình thực tế không thể làm được mới để người khác giúp đỡ. Quần áo của Ngài đều là chính Ngài tự giặt; quần áo rách rồi thì Ngài cài cái đê tự mình khâu vá, chưa từng mở miệng làm phiền người khác. Cưa, búa, kìm, cò-lê,... dùng trong khi làm việc đều là tự Ngài ra phố mua. Ngài nói: "Tôi còn có thể đi lại, mắt lại không hoa, **có thể làm thì tự làm, cái gì cũng bảo người hầu hạ, vậy thì thụt lùi rồi!**". Bấy giờ, xe hơi rất ít, lúc Ngài đang ở núi Đòng Bách, mỗi lần đi đến chùa Phật Lai đều là đi bộ hơn 120 dặm đến 130 dặm đường. Tuy nói lúc bấy giờ thân thể Ngài vẫn khỏe như trai trẻ nhưng rốt cuộc cũng là người ngoài 70 tuổi rồi. Cư sĩ Vương rất thành khẩn nói với Ngài: "Su phụ! Ngài đừng tự đi trở về nữa, khi nào con chạy xe đi gọi Ngài thì Ngài mới trở về!". Nhưng Ngài không chịu phiền ông ấy, vẫn là tự mình đi bộ. Ngay cả khi Ngài đã hơn 100 tuổi mà vẫn là như vậy, có thể đi bộ để không phiền người khác. Khi Ngài ở chùa Thiên Phật của đệ tử Pháp sư Ân Hàm một khoảng thời gian, có lúc Ngài phải ra ngoài làm việc. Trạm xe cách chùa Thiên Phật khoảng 5 dặm, Ngài thường xuyên xuống xe đi bộ về, không chịu tiêu tiền thuê xe, không phiền đệ tử đi đón Ngài. **Ngài cả đời tiết kiệm, chịu khó, mọi nơi đều đặt việc giúp đỡ người khác và thuận tiện cho người khác lên hàng đầu, tự mình cực khổ thêm cũng không quan trọng.**

Cư sĩ ở Nam Dương thường thường đón Ngài đi Niệm Phật Đường tại Nam Dương ở mấy ngày. Mỗi lần đi, một cư sĩ trẻ tuổi nhiệt tình phụ trách đón Ngài đều nói với Ngài: "Bất cứ lúc nào Ngài có việc gì thì cứ bảo họ gọi con, gọi con lúc nào con đến lúc đó. Muốn đến nơi nào chơi thì con lập tức chở Ngài đi!". Ngài cũng chưa từng một lần ra ngoài đi chơi, nhưng cũng có lúc Ngài đi đến huyện Tây Hiệp cách xa thành phố Nam Dương 100 km mua tràng hạt. Mỗi lần đến thời điểm đó, Ngài bao giờ cũng hỏi thăm cư sĩ Vương trước mấy ngày: "Đạo này có việc gì không?". Sau khi nghe cư sĩ Vương nói "không bận lắm" thì Ngài mới nói với ông ấy biết ý định và thời gian chuẩn bị đi huyện Tây Hiệp để cư sĩ Vương sắp xếp lái xe đưa Ngài đi. Ngài rất thích tự mình xâu tràng hạt, **trong túi mang bên người của Ngài luôn chứa rất nhiều đồ lưu niệm kiểu như tượng Phật, vật trang sức, tràng hạt,... chuẩn bị sẵn kết duyên với đại chúng khi có dịp.** Ngài đối xử với người cần thận chu đáo, mỗi lần sau khi cư sĩ Vương đưa Ngài về đến tự viện, Ngài đều sẽ tìm một số đặc sản địa phương như khoai lang, đậu phộng,... tặng cho ông ấy; cư sĩ Vương muốn Ngài vui nên mỗi lần Ngài tặng đều vui vẻ nhận lấy.

Dù đã là tuổi cao 112 tuổi, nếu có đi đến nơi nào thì Ngài vẫn sẽ mang theo bên mình dụng cụ nhỏ loại bao kim chỉ, búa, kéo,... Mắt của Ngài không bị hoa, vẫn có thể xỏ kim may quần áo. Tháng 3 năm 2012, Pháp sư Ân Vinh trụ trì chùa Viên Minh đón Ngài đến chùa Viên Minh ở ít hôm. Pháp sư cúng dường sư phụ một chiếc Tăng bào. Ngài nhận lấy, mặc thử, áo hơi dài, thế là lập tức bắt tay vào tự mình sửa biên áo. Ngài ngồi trên một chiếc ghế ở góc tường ngoài sân, mặc lên người chiếc Tăng bào mới, lấy kim chỉ mang bên mình ra, xắn lên một đường biên đáy của tấm

Tăng bào hơi dài, tay trái cầm kim, tay phải đưa từng đường chỉ, chỉ một lúc đã sửa xong biên áo. Ngài 112 tuổi nhưng mắt không hoa, ngay cả công việc may vá, cũng không cần đeo kính, xỏ chỉ lại có thể một lần là thành công. Ngài làm công việc may vá động tác thông thạo, làm được rất đẹp. Đáy biên mà Ngài may nhìn từ bên trong thì đường kim rất đều; nhìn từ mặt ngoài thì không thấy đường kim.



(Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền 112 tuổi leo cây hái hồng cúng dường chúng cư sĩ)

16. **Lên cây hái hồng.** Mấy năm trước khi vãng sanh Cực Lạc, Ngài cứ nói: “Tôi muốn tranh thủ thời gian niệm Phật, cầu Phật A Mi Đà đến đón tôi. Tuổi tác lớn rồi, lại không đi, sẽ thêm nhiều phiền phức cho người đây!”. Kỳ thực, Ngài 112 tuổi rồi vẫn là tự mình làm đủ loại công việc, không làm phiền người khác. Mừng 9 tháng 8 âm lịch năm 2012, mấy vị cư sĩ Nam Dương đến chùa Phật Lai thăm Ngài, Ngài rất vui mừng, tự mình dờn thang gỗ, trèo lên cây hồng của chùa hái hồng giống như người trẻ tuổi vậy. Thân thể của Ngài khỏe mạnh biết bao, không cần nói cũng biết. Chỉ một lúc, Ngài đã hái được một rổ hồng đầy ắp. Sau khi leo xuống, Ngài đem những trái hồng vẫn còn lá, từng trái từng trái phân cho từng vị cư sĩ. Nhìn thấy Ngài bận rộn vì mọi người, các cư sĩ đang có mặt ngoài kính phục và kinh ngạc tán thán ra, đều cảm động trước sự từ bi và chân thành của Ngài, lúc mọi người nhận lấy trái hồng từ trên tay Ngài đưa cho thì đều xúc động rơi lệ.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ngài chia từng quả hồng cho các vị cư sĩ Nam Dương đến thăm Ngài)

18. **Có thể chịu khổ mới có thể hết khổ!** Ngài không cần người chăm sóc, tự mình chăm sóc chính mình, Ngài cả đời chấp nhận chịu khổ, đặc biệt có thể chịu khổ, Ngài nói với các cư sĩ đến chùa niệm Phật: **“Chư vị đến đây phải có thể chịu khổ, có thể chịu khổ mới có thể hết khổ!”**. Ngài một đời chưa từng hưởng thụ qua. Khi các cư sĩ hỏi về cuộc đời của Ngài, Ngài nói với họ, năm xưa Ngài đã chẵn qua trâu, cày qua ruộng, làm việc chân tay, ... còn ở dãy núi Đổng Bách đã khai khẩn 14 ngọn núi hoang. Ngài cười vui nói: “Chư vị nghĩ tôi hưởng thụ à?”. Không đợi cư sĩ trả lời, Ngài lại nói tiếp: “Tôi không có hưởng thụ đâu!”. Ngày thường, Ngài có cơ hội thì sẽ nhắc nhở mọi người: **“Niệm Phật tu hành phải có thể chịu khổ, lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy, không thể mưu cầu cúng dường, hưởng thụ!”**. Ngài nói giọng Hà Nam một cách rất hình tượng: **“Chịu khổ nha! Mặc vá nha! Muốn làm Hòa thượng, phải làm bà nương!”**. Ngài nói “phải làm bà nương” nghĩa là phải biết hầu hạ phục vụ cho người khác.

Ngày 23 tháng 7 năm 2011, đang là tiết Trung Phục, thời tiết 3 giờ chiều ngày hôm đó rất nóng nực, người bình thường ngồi dưới bóng râm của cây đã phải cảm thấy khô nóng không chịu nổi, thế nhưng Ngài lại đội nắng gắt, chuyên chú cốc cỏ trong ruộng bắp hùng hực hơi nóng. Đồ đệ của Ngài, Pháp sư Ân Chí đã chuẩn bị xong một thùng nước lạnh, đến trước mặt Ngài, nói rằng: “ Sư phụ à, thầy rửa chút,

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

ngủ ngơi chút đi, trời nóng lắm, đừng làm nữa!”. Pháp sư kiên quyết kéo Ngài đến phía dưới cửa tháp của chùa, tháo thùng bao bì bằng giấy trải trên đất để Ngài nằm phía trên ngủ ngơi chút. Ngài thuận theo nằm xuống, tay phải gối đầu, tay trái vắt lên trên đùi, nằm nghiêng phải. Tư thế nằm ngủ kiểu này hoàn toàn tương ứng với nghi tắc và uy đức đi đứng nằm ngồi của người xuất gia mà trong Giới-luật quy định cần phải có. Pháp sư Ấn Chí sẵn sóc bên cạnh vừa dùng khăn tay ướt lau mồ hôi trên mặt của Ngài, vừa cầu khẩn vừa dặn dò: “Su phụ à, trời nóng lắm, thầy đừng làm nữa, đợi mát mẻ rồi chúng ta lại làm. Thầy cứ làm vậy nữa, các đệ tử biết phải làm sao!”. **Ngài không có trả lời Pháp sư, trong miệng chỉ niệm câu “A Mi Đà Phật”.**



(Pháp sư Ấn Chí trải thùng bao bì bằng giấy cho Ngài nằm nghỉ)

Trước một bữa cơm tối, Ngài đang chẻ rễ cây, mọi người quây quần đợi Ngài khai thị cho mọi người. Lúc này, một người nhìn thấy tay Ngài bị cọ xát thì ngồi xôm xuống nói với Ngài: “Ngài đừng chẻ thêm nữa, tay đã chảy máu rồi!”. Ngài giơ tay lên xem qua, nhìn người thanh niên nhẹ nhàng nói một câu: “Không phải chỉ một chút máu sao, anh sợ cái gì chứ!”, mọi người bỗng nhiên cười phá lên. Chỉ một câu nói của Ngài đã làm cho bầu không khí nhanh chóng trở nên nhẹ nhàng sinh động.

19. Thích làm việc thiện. Thời kỳ 3 năm khó khăn (từ 1959 đến 1961), là những năm mất mùa và lương thực của cả nước Trung Hoa thiếu hụt, sinh kế gian nan bội phần,

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ngài cố gắng hết sức của mình để bố thí giúp người. Lúc đó, Ngài nhờ vào sự cần lao và trí tuệ của bản thân nên cứu sống được rất nhiều mạng người. Mùa hè năm 1989, địa phương gặp thiên tai lũ lụt, lương thực thiếu thốn. Ngài tự giác tự nguyện mang 1200 cân tiểu mạch do Ngài cày cấy ở chùa, đích thân đưa đến quốc khố, còn không nhận tiền lương thực, cử chỉ này của Ngài đã phản ánh lòng yêu nước, yêu đạo, luôn luôn nghĩ đến chúng sanh khổ nạn.



(Ngài và đệ tử Pháp sư Ấn Chí đi tản bộ ở ruộng ngô)

Một lần, Ngài đã hơn 100 tuổi, giống như mọi ngày, sau giờ Ngọ không có nghỉ ngơi mà đi đến ruộng ngô ngoài chùa để tản bộ. Thu hoạch của mảnh ruộng ngô này là khoản trợ cấp sinh hoạt cho Tăng chúng trong chùa và các cư sĩ ngụ lại chùa. Lúc Ngài đi đến góc đông bắc của mảnh ruộng ngô này, bỗng nhiên nghe thấy “sột soạt sột soạt” và âm thanh “răng rắc răng rắc” trong ruộng ngô. Ngài thuận theo âm thanh nhìn vào trong ruộng thì thấy **một nông dân trung niên đang bẻ trộm bông ngô**. Anh ta đem bông ngô bẻ được đều bỏ vào một túi vải lớn đã được chuẩn bị trước đó. **Lúc này, người nông dân cũng nhìn thấy Ngài rồi, anh ta cảm thấy rất ngại, đứng ở đó. Ngài vội vàng ra dấu, nhẹ nhàng an ủi anh ta rằng: “Đừng vội, anh muốn bẻ thì chọn trái to mà bẻ!”**. Nói xong liền bỏ đi. Ngài tâm lượng lớn. Ngài không có đòi lại bông ngô mà người nông dân đã trộm, cũng không cho anh ta

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

một bài học, mà là tặng cho anh ta, còn bảo anh ta chọn thêm trái to mà hái. Ngài làm như vậy là để cho người nông dân kia mãi đầy lòng cảm ân đội đức, về sau không dám trộm thêm nữa. Sau này mỗi lúc người nông dân kia gặp lại Ngài, trong ánh mắt tràn đầy sự khâm phục và kính ngưỡng.

Ngài một đời thích làm việc thiện, thuận tiện cho mọi người, đời sống của bản thân lại vô cùng tiết kiệm. Ngài không có tâm tham, từng chút một đều là cúng dường cho đại chúng, cúng dường người khác, không hưởng một mình. Tiền người khác cúng dường Ngài, Ngài dùng vào việc in kinh, phóng sanh, dùng vào việc giúp người khác xây Đạo tràng, cả đời Ngài giúp người khác xây dựng được 11 Đạo tràng. Đệ tử bên ngoài mời Ngài đến chùa, lúc Ngài rời khỏi sẽ để lại chùa toàn bộ tiền cúng dường của cư sĩ, tự mình không lấy một xu tiền. Ngài tài trợ trường học và Đạo tràng địa phương mua giống cây cũng đặc biệt hào phóng. **Bản thân Ngài ngoài mấy chiếc áo ra, cái gì cũng không có!** Cho nên, Ngài ở trong ngôi chùa nhỏ này của chính mình, ăn là ăn cực, mặc là mặc vá. Trên thế gian, người học Phật rất nhiều, tu tập tích lũy một đời đều là phước đức, không phải công đức! Phước đức không thể thoát khỏi Lục đạo luân hồi. Họ để trong tâm toàn bộ những việc tốt mà họ đã làm, không những để trong tâm mà còn thường thường treo ở cửa miệng, chỉ sợ người khác không biết. **Thế nào mới có thể thu hoạch công đức vậy? Nếu như đối với việc tốt mà bản thân đã làm qua không để trong tâm, quên mất rồi thì phước đức liền biến thành công đức. Việc bố thí của Ngài là công đức, việc bố thí của Ngài không cầu đền ơn. Tâm địa Ngài thanh tịnh, một bụi trần không nhiễm, ngoài một câu Phật hiệu ra, trong tâm Ngài cái gì cũng không có.**

20. **Tiết kiệm.** Ngài thường xuyên nói với những người có duyên bên cạnh: “Chúng sanh một hạt gạo, nặng như núi Tu Di”, “Vật của thường trụ Tăng là phước điền của thí chủ, nhất định phải làm cho được việc giữ gìn vật thường trụ như giữ gìn tròng mắt!”. **Vật của thường trụ Tăng là chỉ vật tư chuẩn bị sẵn cúng cho Tăng đoàn thọ dụng. Nếu chiếm làm của riêng hoặc mua bán thì phạm đại tội đọa A-tỳ địa ngục.** Tăng vật bao gồm vật cúng dường như bếp, kho, tự xá, ruộng vườn, cơm gạo, quần áo, thuốc thang, v.v...; còn bao gồm Tăng vật hiện tiền và di phẩm của chư Tăng đã tịch. Ngài rất quý trọng vật thường trụ. Ngài kiệm nước kiệm điện, một chút cũng không lãng phí. Ngài ngủ rất sớm, buổi tối lúc không cần phải chiếu sáng thì không mở đèn điện. Những năm thập niên 80 của thế kỷ 20, chùa Phật Lai còn không có nước máy, Tăng chúng uống nước toàn bộ dựa vào một giếng nước cạn tự đào. Ngài dùng nước rất tiết kiệm, bình thường rửa tay rửa mặt đều là dùng một cái gáo nước nhỏ đựng nước. Chậu rửa mặt trong phòng Ngài thường xuyên chỉ có hơn một bát nước. Sau này, chùa đã lắp đặt nước máy nhưng Ngài vẫn không lãng phí nước. Một buổi trưa mùa hè năm 2010, Ngài đang cuốc đất trong tháp chùa, đột nhiên mưa một trận lớn, Pháp sư Ân Chí vội vàng mang dù đi đón Ngài trở về chùa. Pháp sư Ân Chí lấy cho Ngài đôi giày khô, Ngài vẩy nước đã rửa qua rau cải trong chậu to để rửa chân. Lúc này, một cư sĩ đã đặt một chậu nước sạch mời Ngài rửa, Ngài kiên quyết

không chịu, còn nói với bà ấy rằng: **“Chúng ta phải tiết kiệm nước dùng, phải tích phước đấy!”**. Từ những điểm nhỏ này có thể nhận ra Ngài quý trọng vật lực biết bao, phước đến từ tiết kiệm, không đến từ lãng phí. Ngài thường nói với mọi người: **“Nhặt rau không vứt phần còn non hơn hẳn tụng kinh tụng!”**. Nếu như trong cửa nhà bếp Ngài nhìn thấy một lá cải bị vứt bỏ, Ngài sẽ nhặt lên rửa sạch rồi đặt trở về nhà bếp. Ngài ăn cơm cũng không bao giờ kén chọn, không bao giờ dùng cơm được chiếu cố đặc biệt dành riêng cho Ngài, mỗi ngày dùng bữa giống như mọi người; sau mỗi bữa ăn, Ngài luôn dùng nước nấu chín súc đi súc lại thật sạch bát cơm rồi uống.

Một lần, Ngài trộn một ít rau cần, sau khi trộn xong, Ngài chỉ một hũ dầu mè to trên đất nói với Pháp sư Ấn Hàm: “Con dùng đôi đũa nhúng một ít, trộn sơ sỏ rau cần này nha!”. Pháp sư Ấn Hàm kể lại: “Đó là một hũ dầu mè 50 cân lận! Mà sư phụ lại bảo tôi dùng đôi đũa nhúng một chút trộn sơ rau. Chỉ dựa điểm này, tôi đã khâm phục sư phụ một đời! Những năm này, tôi hết sức mình để học tập sự cần kiệm của sư phụ; bây giờ, tôi về mặt cần cù này còn có thể còn ăn nói được, nhưng nói đến tiết kiệm, vẫn còn kém xa sư phụ nhiều lắm!”. Pháp sư Ấn Vinh cũng vô cùng khâm phục Ngài: “Lúc ban đầu tôi cũng có chút không vừa ý sư phụ quá bủn xỉn, muốn mua hai đồng đậu hũ sư phụ cũng không cho. Thế nhưng, về sau nhìn thấy sư phụ quỳn tiền mua cây giống cho mấy trường học và Đạo tràng, mà một cái giữ tay thì lấy ra mấy ngàn đồng tiền, điều này đã khiến tôi hoàn toàn khâm phục đến đâu rạp sát đất!”. **Ngài dùng thu hoạch do chính mình cực khổ cày cấy để làm cứu tế, làm bố thí, Ngài vui không biết chán; với bản thân Ngài thì một hạt gạo cũng không lãng phí.** Vợ của Ngài vá hết lần này sang lần khác. Có một lần, một cư sĩ hỏi lão nhân gia Ngài: “Ngài có công việc gì chúng con có thể giúp đỡ không?”. Ngài bèn tìm ra đôi vợ của mình để cho bà ấy vá lại giúp. Bà nhìn thấy hai chiếc vợ đã rách nát hơn nửa, cơ bản không biết nên làm thế nào bắt tay để vá lại! Thế là bà ấy len lén đem vợ rách giấu đi; khi Ngài hỏi đến đôi vợ thì mọi người đều nói tìm không thấy, Ngài không còn cách nào khác đành phải đổi đôi mới. Vợ cũ rách như vậy mà Ngài vẫn không nỡ vứt bỏ. Đồ vật mà mọi người cho rằng đã không còn dùng được thì Ngài vẫn luôn có thể tìm ra cách sử dụng. Một lần, Ngài nhìn thấy người khác vứt bỏ áo len không dùng, cảm thấy rất đáng tiếc, bèn nhặt về. Ngài đem áo len cũ giặt sạch trước, rồi bóc áo len ra thành len sợi, dùng số len sợi này bện thành cuộn dây thừng to; không những không cần đi mua thêm cuộn dây thừng, so với mua ở bên ngoài thì cuộn dây thừng của Ngài còn đẹp hơn, bền hơn. Ai nhìn thấy cũng đều khâm phục Ngài có thể nghĩ được chiêu này! Mọi người thấy rằng có thể dùng trở lại đồ bỏ đi như vậy, thật sự quá tốt rồi, thế là đều đi về học làm theo. Cây chổi mà Ngài dùng quét dọn cũng là Ngài tự bó lấy, cây tảo trừu miêu (địa phu tử) dùng để bó chổi là Ngài tự trồng lấy. Đồ vật mà Ngài dùng đều là hết sức bình thường, cây gậy mà Ngài thường xuyên chống chỉ là thân một loại rau dại mọc trên đất tên là “khôi khôi thái”. Mọi người đều nói chưa từng thấy Ngài chống qua cây gậy mới. Một lần, Ngài đến Niệm Phật Đường Nghĩa Ô ở Nam Dương, cư sĩ Trương ở Nam Dương cúng dường

cho Ngài một cây gậy, một chiếc nhẫn mã não đỏ và một chuỗi hạt đeo tay màu tía. Ngài nói: **“Người xuất gia làm gì đeo nhẫn trang sức chứ? Không như pháp! Ông cầm lấy đi! Gậy tôi cũng có rồi!”**. Cây gậy này là cư sĩ Trương đặc biệt mua đến tặng cho Ngài nên ông ấy rất kiên trì nói: “Không sao, có thể Ngài một đời cũng không đeo qua những cái này, Ngài đeo lên để con xem xem đẹp hay không đẹp. Còn cây gậy đó của Ngài đã quá cũ rồi, phía dưới đã nứt ra rồi, sau này thì Ngài dùng gậy mới này nha!”. Ngài vui vẻ tiếp nhận những vật cúng dường này. Sau một tuần lễ, cư sĩ Trương lại đi Niệm Phật Đường, có người nói ông ấy biết rằng: “Ngài có việc trở về chùa rồi. Trước khi đi đã để lại nhẫn và tràng hạt đeo tay của ông cúng dường, còn nói người xuất gia không nên đeo những vật này, màu sắc quá tươi đẹp, không như pháp!”. Cư sĩ Trương nghe xong liền nghĩ trong tâm: “Lão Hòa thượng này thật sự là người đại tu hành! Ngài nhìn thấy mình chấp trước như vậy, vì để mình sanh tâm hoan hỷ, thì hằng thuận chúng sanh, nhận lấy vật cúng dường. Đợi đến khi sắp rời khỏi mới để đồ lại, thật sự từ bi thiện xảo quá! Bồ-tát ở nơi nào thì làm cho tất cả chúng sanh khởi tâm hoan hỷ, thật sự là như vậy!”. Ông ấy không những không có không vui, trái lại còn sanh khởi tâm kính trọng đối với Ngài. Cách đi một thời gian, lúc Ngài lại đi Niệm Phật Đường Nghĩa Ô ở Nam Dương, cư sĩ Trương đến thăm Ngài, nhìn thấy tay Ngài cầm cây gậy không phải là cây gậy mà mình tặng Ngài lần trước thì hỏi: “Cây gậy mà con tặng cho Ngài đó, sao Ngài không dùng chứ?”. Ngài cười ha ha nói: “Tôi không có đại phước báu như ông vậy, tôi dùng cái này thì được rồi!”. Ngài đã đem tặng cây gậy mới đó cho người khác rồi. Đời sống của Ngài giản dị, tất cả chuyện vật trong sinh hoạt hằng ngày đều là tự mình lo liệu.



(Ngài nói chuyện và nhắc nhở các cư sĩ chăm chỉ niệm Phật)

Đất chùa nằm ở nông thôn, điều kiện tương đối kém, trong phòng không có lò sưởi, cho nên lúc mùa đông khá lạnh thì Ngài tự mình dùng chậu than nhóm lửa sưởi ấm. Do đó, mỗi năm sau khi mùa thu qua đi, Ngài sẽ đi đào gốc cây, sau đó chẻ ra phơi khô để chuẩn bị đến mùa đông dùng. Ngài tuy đã hơn 100 tuổi rồi nhưng vẫn giống như người trẻ tuổi vậy, chỉ đắp một tấm chăn bông, bên ngoài phủ thêm một tấm thì qua mùa đông rồi. Cuộc sống của Ngài rất đơn giản, một vị Pháp sư tiếp xúc với Ngài thời gian gần 2 năm, phát hiện Ngài trước nay chưa từng uống qua trà, bèn hỏi Ngài tại sao xưa nay chưa từng uống trà. Ngài nói: **“Uống nước sôi tốt, uống nước sôi đơn giản, cũng tránh được các cư sĩ tốn kém nhiều tiền để cúng dường chúng ta trà. Sở thích uống trà cũng là tập khí. Như việc uống nước sôi có thể giải khát, tại sao nhất định phải uống trà chứ?”**.

Ngày 20 tháng 8 âm lịch năm 2012, các cư sĩ Nam Dương vui mừng tổ chức cho Ngài một bàn tiệc chay, chúc mừng sinh nhật Ngài 112 tuổi. Nhưng những món ăn đó Ngài một miếng cũng không ăn, sau cùng chỉ ăn một bát mì sợi lá mè đen. Tại sao? Điều này là Ngài làm biểu pháp: **Tất cả tự nhiên, bình thường thì tốt; đặc biệt vì Ngài mà làm, điều này không tốt. Không bình thường, không tự nhiên đều không phải việc tốt.** Cho nên, Ngài một miếng cũng không ăn. Hình dạng cực kỳ không vui vẻ của Ngài trên tấm ảnh là Ngài trước nay chưa hề dùng gương mặt như vậy đối đãi người, thái độ này của Ngài là đang nói các cư sĩ biết: Các ông làm như vậy thực tế là quá lãng phí rồi! **Trong tâm của Ngài không có phân biệt, không có chấp trước. Nhất cử nhất động của Ngài đều là đang độ chúng sanh, đều là đang dạy người; cử động một ngày của Ngài không gì không phải là muốn nhắc nhở mọi người phải tiết kiệm, phải chịu khổ. Chịu khổ chính là không có lưu luyến cái thế gian này, một lòng một dạ muốn đi đến thế giới Cực Lạc; cái thế giới này vẫn còn món ngon, vẫn còn thú vị thì buông bỏ không được để đi rồi.**

21. **Nói chuyện đừng “ngôn xàm khẩu mãng”**. Ngài thường nhắc nhở mọi người khi nói chuyện đừng “ngôn xàm khẩu mãng”, đây là một câu tục ngữ trong phương ngôn của Nam Dương: “ngôn xàm” chỉ ngôn ngữ chua ngoa cay nghiệt; “khẩu mãng” chỉ nói chuyện cuồng vọng.

22. **Đường Thái Tông tích phước**. Một người thanh niên lúc ăn cơm với Ngài đã nhặt một cọng mì rơi trên bàn lên ăn, Ngài thấy thế liền khen ngợi anh ta; nói rằng thanh niên ngày nay biết quý trọng lương thực, không giẫm hư lương thực là ít thấy. Ngài kể câu chuyện vua Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) tích phước cho anh ta nghe: Đường Thái Tông được Viên Thiên Canh và Lý Thuần Phong là hai người tinh thông Kinh Dịch, thần cơ diệu toán, tự nói mình không gì không biết. Vua bảo họ đoán tuổi thọ cho vua. Họ bói quẻ dịch đều thấy vua sẽ băng hà vào đêm nay. Họ rất sợ nếu lỡ vua không băng hà thì họ sẽ bị chém đầu nên đã lên trốn đi, trên đường trốn chạy gặp một cụ già còn tinh thông Kinh Dịch hơn họ mà lại rất khiêm hạ. Cụ già bảo vua vẫn còn sống, chỉ điểm cho họ và bảo họ quay về nói với vua là đêm qua, vua phiền não

trong lòng muốn uống bát canh hạt kê, lúc uống không cẩn thận làm rơi một hạt kê xuống đôi ủng, vua dùng tay nhặt hạt kê này lên ăn, bởi vì duyên có hạt kê này cảm động được ông trời. Ngọc hoàng đại đế ca ngợi vua rằng người cao quý là thiên tử mà lại có thể yêu quý một hạt kê thì người đối với con dân sao có đạo lý không yêu quý chứ; thế là tặng 20 năm tuổi thọ cho vua. Ngài kể xong câu chuyện, cười nói với người thanh niên: “Đây là truyền thuyết, không chắc là việc thật, nhưng rất có ý nghĩa. Con nghe hiểu hay không? Nghe hiểu được chút ít là **dạy người tiếc phước, cũng dạy người phải khiêm tốn!**”. Ngài cầm đôi đũa lên khều mì trong bát, vẫn cười hi hi nói: “Tốt! Tốt! Tốt! Con xem con nhặt lên một cọng mì này có được bao nhiêu phước nhé! Tặng thêm 20 năm tuổi thọ, còn tặng thêm học vấn. **Nếu như con có thể cả đời kiên trì tiếc phước, khiêm tốn, thế thì chắc chắn sẽ có thành tựu lớn!**”. Ngài nói được rất diệu, câu chuyện chưa chắc là thật nhưng ý nghĩa của nó rất chính xác: **Người nhất định phải tiếc phước, làm gì đều không được quá đáng.**



(Ngài leo lên cây hái hồng khi đã 112 tuổi)

23. **Trì giới tinh nghiêm.** Năm 2009, lúc đó Ngài đang sống ở chùa Thiên Phật. Một lần, Pháp sư Diệu Liễu sau khi đưa cơm cho Ngài xong, tự mình thì ngồi xỏm bên cạnh Ngài, bê bát cơm cũng bắt đầu ăn. Ngài nhìn thấy Pháp sư Diệu Liễu ngồi xỏm trên đất ăn cơm, tỏ ra hết sức nghiêm khắc nói với Pháp sư: “**Đừng ngồi xỏm trên đất ăn! Người xuất gia nhất định phải giữ giới, phải chú ý uy nghi, làm kiểu mẫu tốt cho trời người, không giữ giới không ai thích!**”. Ngài còn dùng Giới-luật

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

khuyến khích đại chúng: **Giới-luật không chỉ vẹn vẹn có ngũ giới, thập giới, Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới,... càng quan trọng hơn là quy ước sống chung, chính là nói trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày mọi người đối với nhau đều phải có quy củ, phải tuân thủ quy củ này.** Trong ngôi chùa nhỏ của Ngài, phải có thể chịu khổ, còn phải có thể giữ giới, mới có thể sống chung với Ngài.

Một ngày Trung Thu năm 2012, mấy vị cư sĩ bên ngoài đến chùa Phật Lai. Họ đến tự viện, bèn đến đánh lễ Ngài rồi thỉnh cầu Ngài khai thị. Ngài ngồi ở đó, vừa tiếp tục chế cùi vừa nói rằng: **“Không có gì để khai thị, chớ chỉ niệm Phật! Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên!”**. Mọi người nghe xong rất hoan hỷ, đều vỗ tay. Ngài nhấn mạnh thêm giọng nói: **“Thật sự không có việc gì khó đâu!”**. Sau đó, Ngài hỏi thăm họ là từ đâu đến, sau khi nghe đại chúng trả lời từng câu một, Ngài cười mà nói rằng: **“Tôi đây là miếu nhỏ, ăn là ăn cực, mặc là mặc vá. Chư vị đến đây phải có thể chịu khổ, có thể chịu khổ mới có thể hết khổ. Chư vị không đến tôi không trách, đến rồi thì phải giữ giới của tôi. Đi đến đâu phải giữ quy củ nơi đó!”**. Ngài dạy người phải **chăm chỉ niệm Phật, trì giới niệm Phật, thân giáo của Ngài chính là trì giới niệm Phật.**

24. **Bí quyết dưỡng sinh.** Ngài nói đạo dưỡng sinh của Ngài là “trì giới niệm Phật”. Trì giới là dưỡng thân, niệm Phật là dưỡng tâm. Chúng ta làm tốt ngũ giới, thập thiện,... mà Phật pháp nói thì chính là dưỡng thân; trong tâm chỉ có A Mi Đà Phật thì tâm này chính là tốt trong tốt, chính là dưỡng tâm.

25. **Người nhấn tự an.** Lúc Ngài còn sống trên núi Đổng Bách, có một khoảng thời gian, Ngài thấy mấy sư huynh đệ luôn soi mói nói xấu Ngài, nhưng Ngài tuyệt không để tâm. Về sau, sư phụ gọi Ngài đến phòng Phương trượng, hỏi Ngài có vụng trộm với nữ cư sĩ hay không. Mãi đến lúc này, Ngài mới hiểu ra, thì ra có người mưu cáo hãm hại mình, các sư huynh đệ bàn tán xôn xao, câu chuyện bèn truyền đến chỗ của sư phụ. Có người nói: “Hải Hiền có đối tượng nhiều đến cả cánh rừng!”. Lời nói thật khó nghe. Việc này càng truyền càng ly kỳ, về sau thậm chí có cả thời gian và địa điểm. Ngài vì việc này bị bài xích, có số sư huynh đệ cũng không muốn tiếp cận với Ngài nữa, nhưng trong lòng của Ngài rất bình tĩnh, Ngài không lên tiếng, cũng không tranh biện. Mãi đến sau khi một sư huynh du học bên ngoài trở về, nghe nói sự việc này, lập tức đứng ra vì Ngài làm sáng tỏ sự thật: Mấy ngày đó, vị sư huynh này và Ngài cùng thu hoạch ngô trên sườn núi, có thôn dân dưới núi đến giúp đỡ làm việc, thời gian đó, hai người cùng ở với nhau suốt. Đến đây, lời ong tiếng ve cuối cùng đã chấm dứt. Trong bộ Kinh Kim Cang, Phật dạy: **“Tất cả pháp (thiện pháp của thế gian và thiện pháp của xuất thế gian) được thành tựu ở nhẫn nhục”**. Công phu nhẫn nhục của Ngài cao, người khác hủy báng Ngài, ức hiếp Ngài, chướng ngại Ngài, hãm hại Ngài, trong tâm Ngài hết thấy không việc gì, mỗi ngày làm việc, niệm Phật như thường, rất vui vẻ. Ngài không thời gian tính toán với người khác những việc

này, nhân của ai thì quả nấy nhận, dùng ác ý đối với người khác, ác ý này vẫn sẽ quay trở lại chính mình.

Nhiều năm trước, có một lần, một thợ điện theo thường lệ đi đến thu tiền điện của chùa. Ngài thấy rằng số tiền điện phí quá cao, bèn hỏi anh ta: “Tiền điện tháng này so với tháng trước sao lại cao quá vậy?”. Thợ điện không nói lời nào đã đánh Ngài hai bạt tai. Ngài không hé môi nói lời nào, móc tiền điện ra trả cho thợ điện. Sau khi thợ điện đi rồi, mấy vị cư sĩ ở đó hết sức tức giận, mọi người nhao nhao tỏ ra bất bình nói: “Vậy không được, chúng ta phải tìm anh ta nói phải trái mới được! Anh ta như vậy là không nói lý lẽ!”. Ngài ngăn mọi người lại nói: **“Bỏ đi! Bỏ đi! Anh ta đánh tôi, xem như anh ta gãi ngứa cho tôi mà; nhổ nước bọt vào mặt tôi, xem như rửa mặt cho tôi vậy mà! Với người không tranh cao luận thấp thì không phiền não. Chúng ta là người xuất gia nhất định phải độ lượng lớn, có thể khoan dung người khác, mãi mãi ghi nhớ: Người nhẫn tự an!”**. Tha thứ cho người khác, không tính toán với người là tu phước, từng chút từng chút này đều là tích công lũy đức. Chịu thiệt là phước, phải có thể chịu thiệt, tuyệt không làm cái việc chiếm lợi. Người nên hò đồ, không phải thật sự hò đồ, chỉ là giả hò đồ, đây là hò đồ khó có. **Không so đo với người, cam tâm tình nguyện mắc lừa chịu thiệt, tuyệt không để trong tâm, người như vậy về sau phước lớn!** Pháp sư Diễm Cường nói: : “Trong tâm người ta cũng không việc giả tạo, cũng không đi gây sự. Tôi muốn nói, Hiền công tuyệt đối là Phật Bồ-tát ứng hóa đến thế gian đây! Người ta một đời này, tôi không nghe nói qua Ngài vì giành vật gì mà tranh cãi qua với người nào. Điểm này của lão Hòa thượng đặc biệt đáng ca ngợi, hảo nhân nhục công phu! **Cả một đời không có ngăn cách với bất kỳ ai**, Ngài nói đây đều là cha mẹ, anh em, thầy giáo nhiều đời nhiều kiếp của chính mình đây! Bất luận chư vị có tu hành hay không tu hành, đến nơi này của Hiền công thì tất cả đều tốt, người ta cũng không bàn tốt, không nói xấu, đều để họ sanh tâm hoan hỷ. Hiền công ngày thường cũng không thích nói chuyện phiếm gì, đi đứng nằm ngồi niệm Mi Đà, người ta thật sự đạt đến trình độ đó rồi, quán nội không quán ngoại!”. Ngài trụ thế 112 năm, xuất gia 92 năm, một đời hành Bồ-tát đạo, **bất luận gặp phải khó khăn kiêu gì, uất ức ra làm sao, bị sỉ nhục như thế nào, cả thầy Ngài có thể nhẫn nhục hết, như không hề có việc đó, không để trong tâm, trong tâm của Ngài chỉ có một câu “A Mi Đà Phật”, đây là chánh tri chánh kiến. Nếu có phẩm hạnh giống như Ngài thì nhất định có thành tựu.**

26. **Ôn hòa hậu đạo.** Sau tết Trung Thu năm 2012, chùa Phật Lai có 10 vị cư sĩ đến từ Nam Dương, Lạc Dương, Trú Mã Điếm, Giang Tô và Thiểm Tây. Lúc đó, tự viện còn chưa nổi tiếng, cho nên ngày thường rất ít người đến viếng. Pháp sư Ấn Chí bèn nói với mọi người: “Mọi người từ nhiều nơi tập hợp ở chùa Phật Lai, cũng không biết là duyên phận bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp. Cho nên tôi đề nghị mọi người cùng nhau đả Phật thất, có được hay không?”. Mọi người nhất trí tán thành, trong đó có một cặp vợ chồng còn dắt theo đứa con trai 5 tuổi của họ đến, đứa trẻ này rất tinh nghịch. Lúc mấy vị cư sĩ niệm Phật thì Ngài ở trong liêu phòng vừa xâu chuỗi hạt bo

bo, vừa chăm nom đứa trẻ này. Bình thường, Ngài không dễ dàng gì xâu được một sợi chuỗi, nhưng lại bị đứa trẻ này một nắm vút xuống đất, làm hạt chuỗi lăn khắp sàn đất. Ngài cũng không một chút nổi giận, nhặt lên từng hạt một, xâu lại từ đầu. Ngài tính tình ôn hòa, một đời kính cẩn với người, không ai nhìn thấy Ngài nổi nóng qua, cũng chưa từng thấy Ngài hủy báng, xem thường qua bất kỳ ai. Ngài một đời chưa từng nói lời vọng ngữ, không những chưa từng nói, ngay cả ngữ khí như vậy cũng chưa từng xuất hiện. Cho nên bất luận nam nữ lão ấu, tại gia xuất gia, gần gũi Ngài không ai không sanh tâm hoan hỷ. Ngài từng nhiều lần khuyên bảo các đệ tử: **“Thà rằng ăn mặn mà niệm Phật, không được ăn chay mà mắng người!”**. **Nhu hòa là biểu hiện của từ bi**; đối người có lòng yêu thương, nhất định sẽ nghĩ cho người khác nhiều, ít phê bình người khác. Phê bình người rất dễ kết oán thù với người, người nói vô tâm, người nghe có ý, oán thù kết rồi rất khó hóa giải, cho nên không thể không cẩn thận dè dặt. Ngài một đời không có xem thường bất kỳ ai, không dùng thái độ không tốt đối đãi qua bất kỳ người nào, **Ngài nhìn thấy ai đều là hoan hoan hỷ hỷ, từ đáy lòng của Ngài lưu lộ ra là sự từ bi chân thành. Bất luận là đối với người tốt hay là đối với người xấu Ngài đều cười tít mắt, trong tâm Ngài không có người này tốt người kia xấu, cũng không có thích người này ghét người kia, vĩnh viễn cả thấy bình đẳng**, cho nên mỗi người đều thích gần gũi Ngài. Ngài vô cùng hiền hòa, đối với yêu cầu của người khác, Ngài cũng luôn phương tiện thiện xảo giúp đỡ, khiến người sanh tâm hoan hỷ. Ngài đối đãi hết thấy người, sự và vật không có chút ác ý gì. Bạn mạo phạm đến Ngài, Ngài coi như không, Ngài không để trong tâm; bạn nói sai, làm sai trước mặt Ngài, Ngài cũng không có quả trách, Ngài biết được bạn vì sao có thể làm việc không ổn thỏa, Ngài sẽ dạy bạn, sẽ không trách bạn.

Một cư sĩ nhiệt tình, ăn ngay nói thẳng, mô tả bản thân là loại người “đầu óc đơn giản, nói chuyện nghĩ thế nào thì nói thế đó”. Mùa xuân đầu năm 2012, tại Niệm Phật Đường Nghĩa Ô ở Nam Dương, anh ấy lần đầu tiên gặp Ngài. Anh ấy tuy biết mình có những tật xấu này, nhưng hôm đó lúc nói chuyện vẫn là nghĩ sao nói vậy. Ngài không thích nhất là chỉ trích, phê bình người khác; nhưng lần này Ngài vừa gặp mặt thì lại khuyên răn anh ấy: **“Quản tốt cái miệng của con, đừng ăn nói lung tung!”**. Nghe xong câu này, cư sĩ rất cảm động, rất cảm kích Ngài đã dạy bảo. Khi ở cùng Ngài, anh ấy cảm thấy chính mình thật sự giống một đứa trẻ, anh ấy luôn thích tình nghịch trước mặt Ngài, lúc nào cũng hỏi Ngài: “Ngài đã thấy Phật A Mi Đà chưa? Phật có nói qua với Ngài điều gì không?”. Ngài lần nào cũng đều trả lời giống như đùa với anh ấy vậy: “Lão Phật Gia không cho nói nha!”. Ngài thường xuyên thấy được thế giới Cực Lạc, thường xuyên gặp được Phật A Mi Đà vì trong tâm Ngài không có tạp niệm, Ngài sớm đã buông bỏ tất cả người, việc và vật của thế gian này rồi, được đại tự tại, tùy duyên diệu dụng. Bên trong tùy duyên lưu lộ ra là Trí-huệ, Ngài không có phiền não. Tất cả người, việc, vật mà Ngài từ sáng đến tối nhìn thấy, không có gì là Ngài chán ghét, không có gì là Ngài không thích, Ngài luôn hòa hợp êm thấm, nét mặt tươi cười đối với tất cả người, việc hay vật. Ngài hằng thuận chúng

sanh, trước nay chưa từng nói “Tôi muốn làm gì!”. Đối nhân xử thế của thế gian tùy thuận thì tốt, như vậy có thể làm cho mọi người sanh tâm hoan hỷ. Thế bản thân trong đó có được lợi ích hay không chứ? Có lúc có, có lúc tuyệt nhiên không có, bất kể có hay không có đều vui vẻ.

Mỗi lúc cư sĩ hộ pháp sắp xếp cho Ngài tham gia hoạt động gì, Ngài chưa từng khước từ, Ngài không nghĩ cho bản thân, chỉ nghĩ rằng để chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Nếu như là tham gia pháp hội phóng sanh quy mô lớn, Ngài bao giờ cũng chuẩn bị xong sớm Tăng phục và pháp khí, ăn mặc rất sạch sẽ gọn gàng đến hiện trường pháp hội sớm hơn. Bất luận thời gian phóng sanh kéo dài đến bao lâu, Ngài lúc nào cũng tươi vui, mà lại không mất đi vẻ trang trọng và uy nghi. Ở trong đoàn người, lúc có người cúi chào hoặc cúng dường Ngài, bao giờ Ngài cũng nét mặt ân cần, hòa nhã thân mật, làm cho mỗi cư sĩ đều cảm nhận sự ấm áp và hạnh phúc vô cùng.

Cúng dường tiền bạc cho Ngài, toàn bộ Ngài để lại chùa hoặc Niệm Phật Đường phía bên thỉnh mời, làm kinh phí phóng sanh hoặc ấn tống kinh sách. Lúc phóng sanh chim, Ngài sẽ tự tay mở lồng chim, dùng ánh mắt tràn đầy từ bi nhìn từng con chim nhỏ bay về rừng cây, bay lên trời xanh, trên gương mặt đầy những nếp nhăn của Ngài lúc này dạt dào nét ôn hòa và đôn hậu! Thần thái và từ bi của Ngài lúc nào cũng có thể rung động mọi người đang có mặt. Toàn bộ hoạt động phóng sanh thường thường phải từ sáng sớm liên tục kéo dài đến một hai giờ chiều, người trẻ cũng có thể cảm thấy hơi mệt, nhưng Ngài hơn 100 tuổi lại tinh thần sung mãn suốt, nhận không ra Ngài có một chút phiền chán và mệt mỏi gì. Một số người gặp được Ngài đều muốn chụp hình chung với Ngài, Ngài trước giờ chưa từng từ chối, ngược lại còn chủ động phối hợp, cố gắng hết sức thỏa mãn ý muốn của đại chúng. Ngài từ đầu đến cuối giữ nguyên nét tươi cười, không ngại phiền phức chụp hình chung lưu niệm với từng tốp cư sĩ, hoặc chụp riêng với một người, hoặc chụp với nhiều người, hoặc chụp bức ảnh gia đình, Ngài có lòng nhẫn nại, Ngài không sợ mệt, mọi người đều rất thích Ngài. Máy tiếng đồng hồ liên tiếp, không có nghỉ ngơi, đừng nói là người hơn 100 tuổi rồi, ngay cả người trẻ tuổi cũng sẽ chịu không nổi.

Một lần, hoạt động kết thúc rồi, vị cư sĩ Nam Dương ăn ngay nói thẳng kia lái xe đưa Ngài về Niệm Phật Đường. Lúc xuống xe, Ngài e ngại nói với anh ấy: “Đã làm ướt hết xe của con rồi!”. Cư sĩ hỏi Ngài: “Làm sao ạ?”. Ngài nói: “Tiểu ra quần rồi!”. Thì ra, hiện trường hoạt động không có nhà vệ sinh; sau hoạt động, mọi người dồn dập đến chụp ảnh chung với Ngài, để thỏa mãn ý muốn của đại chúng, Ngài nhịn tiểu suốt. Cư sĩ ngay tức khắc cảm thấy xấu hổ và áy náy vô cùng, nước mắt bắt chợt chảy ra. Chúng ta không thật sự dùng tâm thông cảm chút nào cho một người già trên 100 tuổi này rồi!

27. Bi nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm. Mùa thu năm 1938, Ngài trở về quê nhà xử lý công việc. Con rể của ông chủ họ Thôi ngày xưa giúp đỡ gia đình Ngài hiện tại đang học ở Nam Dương, cần người nhà gửi cho anh ấy một ít quần áo mùa đông và

đồ dùng sinh hoạt, thế nhưng trong nhà của ông chủ có việc, không rời khỏi được, thế là bèn nhờ Ngài giúp đỡ mang quần áo và đồ dùng hằng ngày đưa đến Nam Dương. Ngày Ngài đến được Nam Dương, đúng lúc gặp phải quân Nhật điều động 40 phi cơ oanh tạc thành phố Nam Dương. Ngài không sợ hãi, ngồi dưới một góc tường, chuyên tâm niệm “**Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát**”. Bấy giờ có 7 chiếc phi cơ lượn vòng trên đỉnh đầu của Ngài, thay phiên nhau ném bom xuống, tình hình rất là nguy hiểm, vậy mà Ngài không một mảy may bị tổn thương. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “**Thế gian thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu cấp nạn khủng bố, dẫn tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ-tát, vô bất đắc giải thoát giả!**”. Cả đời Ngài nhiều lần ân chứng cho bi nguyện của Bồ-tát thật sự không giả.

28. **Khiêm tốn cung kính, không thấy lỗi thế gian.** Ngài nhìn cái thế gian này cái gì cũng tốt: thuận cảnh tốt, nghịch cảnh tốt, ác duyên cũng tốt, thiện duyên cũng tốt, không có gì là không tốt, tất cả đều tốt. Ngài đã từng nói với các đệ tử: “**Trong mắt của ta, tất cả đều tốt, không có gì là không tốt. Thấy gì cũng nói tốt, thấy gì cũng vui vẻ, trong tâm mới thường có pháp hỷ sung mãn, trong tâm mới có thể thanh tịnh, mới không phiền não, mới không giận hờn hận người. Không phân biệt cái này tốt cái kia xấu, cũng không có cái này ăn ngon, cái kia không ngon, tất cả đều tùy duyên, thì có thể an tâm rồi!**”. Vì vậy, trong cuộc sống bồi dưỡng phẩm đức tính khiêm tốn của mình, không kiêu căng ngạo mạn, đối với mọi người đều tôn kính, đối với mọi người đều hoan hỷ, tâm thanh tịnh bình đẳng mới có thể hiện tiền. Ngài cả đời không hủy báng ai, không phê bình ai.

Nếu người chân học Phật. Chẳng thấy lỗi thế gian.

Nếu còn thấy lỗi người. Trái lại thành tự lỗi!

Người sai, ta đừng sai. Thấy sai thành tự lỗi.

Nếu bỏ tâm chấp lỗi. Phiền não đều tan rã!

- Lục tổ Huệ Năng khai thị trong bài Vô Tướng Tụng -

Một năm trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, nói đến chủ đề của trụ trì, Ngài nói với một vị cư sĩ: “Tôi không biết chữ, làm sao trụ trì! Bấy giờ tôi chỉ biết niệm Phật của tôi!”. Thời đại này của chúng ta, Phật pháp suy rồi, vẫn có người tranh làm trụ trì của ngôi chùa nhỏ, tranh làm người quản lý, Ngài khiêm tốn, không xem mình là lớn nhất. Khi giảng kinh, Ân sư Thích Tịnh Không nói sau khi Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền xuất gia lúc 20 tuổi, niệm Phật 3 năm thì có thể đạt được Công Phu Thành Phiến. Đạt được Công Phu Thành Phiến thì chắc chắn có thể vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, khẳng định thấy được Phật, đây là mục tiêu của người học Tịnh Độ tông. Nếu như lúc này vẫn còn thọ mạng, bản thân không cần nữa, cầu Phật đưa Ngài đến thế giới Cực Lạc không thành vấn đề. Nếu như niệm thêm 3 năm nữa,

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ngài nhất định được Sự Nhất Tâm Bất Loạn, thêm 3 năm hay 5 năm nữa thì Ngài có thể đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn, đây là cảnh giới cao nhất rồi. Vì vậy, Ân sư Thích Tịnh Không chắc chắn rằng tất cả những gì Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền chứng đắc được là Đại Triệt Đại Ngộ Minh Tâm Kiến Tánh mà Thiên tông thường nói. Chúng được địa vị này, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là địa vị Thượng phẩm Thượng sanh. Đây là thành tựu không thể nghĩ bàn!

4 tháng trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, nhiều cư sĩ ở Niệm Phật Đường Nghĩa Ô Nam Dương rất nghiêm túc chuẩn bị mấy câu hỏi để thỉnh giáo Ngài. Ngài nói với họ: **“Bây giờ tôi đã hơn 100 tuổi rồi, phải vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, Lão Phật Gia là cội nguồn của lão Hòa thượng tôi! Tôi đã cầu xin Lão Phật Gia mấy lần rồi, muốn đi theo Ngài, nhưng Lão Phật Gia không dạy tôi đi theo Ngài, nói tôi tu rất tốt, kêu tôi sống thêm 2 năm để làm tấm gương cho mọi người xem, dạy tôi ở thế gian biểu pháp!”**. “Lão Phật Gia” mà Ngài nói chính là A Mi Đà Phật. Trong suốt cuộc đời của Ngài, đã trải qua rất nhiều chuyện, nhưng trong bất cứ tình huống nào, Ngài cũng có thể không chịu sự quấy nhiễu, không bị ảnh hưởng, một câu Phật hiệu niệm đến cùng!

Lúc Ngài ở chùa Thiên Phật, một vị cư sĩ cũng ở một thời gian trong chùa Thiên Phật niệm Phật nói: **“Lão Hòa thượng mỗi ngày 3 giờ sáng nhất định thức dậy, khi mọi người nghe được bên ngoài cửa sổ lão Hòa thượng một bước chân một câu A Mi Đà Phật thì biết rằng Ngài đã thức dậy rồi, đang trên đường đi về sinh rồi, mọi người hồ thẹn nên cũng không tiếp tục ngủ nữa, cũng nhanh chóng thức dậy theo Ngài!”**. Ngài rất thành khẩn nói với mọi người: **“Niệm Phật, không phải niệm một chút thì có thể tu tốt được!”**. Ngài 92 năm chưa từng quên đi câu Phật hiệu, Phật hiệu của Ngài là niệm niệm tương tục, ăn cơm cũng niệm Phật, mặc áo cũng niệm Phật, sinh hoạt của Ngài không rời Phật hiệu. Khi làm ruộng, một cuộc một xẻng cũng không rời Phật hiệu. Khi đối người tiếp vật, vừa nói chuyện xong thì Phật hiệu lại tiếp tục khởi lên rồi. Đây là người niệm Phật! Ngài nói với Pháp sư Ân Vinh: **“Khi làm việc không làm lơ niệm Phật đâu!”**.

Trên cơ bản, Ngài là niệm thầm hoặc trì Kim Cang. Trong tâm niệm Phật, miệng không động gọi là niệm thầm; miệng động nhưng không có tiếng gọi là trì Kim Cang. Tiếp xúc với Ngài lâu rồi thì sẽ phát hiện bất luận đi đứng nằm ngồi, Ngài luôn nhẹ nhàng nhép môi. Có một lần, một vị Pháp sư trẻ tuổi và Ngài cùng nhau đào đậu phộng, Pháp sư trẻ nhìn thấy Ngài khi nhặt đậu phộng luôn nhép môi, không nhìn được nên hỏi: **“Su ông, Ngài luôn nhép môi, đang nói gì vậy?”**. Ngài trả lời: **“A Mi Đà Phật!”**.

Năm Ngài 112 tuổi, có một hôm ở chùa Viên Minh, Ngài nhìn thấy cành cây của cây ngô đồng rủ xuống thấp làm trở ngại những tín chúng vào ra. Ngài cầm cái rìu, cái cưa, leo lên thang, trèo lên cây để chặt bớt. Các đệ tử nhìn thấy nghĩ trong tâm: Su phụ đã hơn 100 tuổi rồi, mà còn tự mình leo lên cây làm việc, đây chính là

Tăng Bảo của nhà Phật! Nhưng mà chuyên hướng suy nghĩ lại: Đã là người già 112 tuổi rồi, nếu có gì sơ suất thì sao? Ngài nhìn thấu suy nghĩ của đệ tử, cười mà nói: **“Không sao, không sao, ta đang niệm Phật mà!”**. Một cư sĩ lại hỏi Ngài: “Cả ngày Ngài vẫn không ngừng làm việc, Ngài không mệt sao?”. Ngài nhẹ nhàng nói: “Khi làm việc mệt rồi, trong lòng niệm A Mi Đà Phật thì không mệt nữa!”. Nói xong Ngài cười rất hiền từ, cười rất vui vẻ, rất chân thật. Ngài tuổi tác lớn như vậy, mỗi ngày làm việc từ sáng đến tối, sao lại có thể không cảm thấy mệt mỏi? Khi Ngài đang làm việc, Ngài không nghĩ đến Ngài đang làm việc, không nghĩ đến mệt, trong tâm của Ngài chỉ có một câu Phật hiệu. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, không nghĩ mệt thì không mệt, không nghĩ cực khổ thì không cực khổ, niệm niệm đều là “A Mi Đà Phật” thì pháp hỷ sung mãn. Ngài vô ngã, có ngã thì mệt. Nếu như vô ngã, việc làm có nhiều hơn thì ai sẽ mệt? Cho nên bất luận là lượng công việc của Ngài nhiều bao nhiêu, thời gian làm việc lâu bao nhiêu, Ngài tuyệt đối không mệt mỏi.



(Ngài biểu hiện ra bên ngoài là một phúc tướng hoan hỷ)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Có người tán thán Ngài sức khỏe tốt nhưng mà không biết vì sao sức khỏe của Ngài tốt như vậy. Đó là bởi vì Ngài đã buông bỏ vạn duyên. Ngài vì chúng ta thị hiện thật là vi diệu, Ngài thật sự buông bỏ vạn duyên. Ngài cả đời đều vất vả cần cù mà lao động, không có một ngày nghỉ ngơi. Ngài không biết mệt, biểu hiện bên ngoài là một phúc tướng hoan hỷ, phúc tướng hỷ duyệt. **Ngài làm ruộng chính là đang tu hành, Phật hiệu của Ngài 24 tiếng không gián đoạn, trong tâm Ngài không có tạp niệm, không có phan duyên, không có không tùy hỷ công đức; tuy rằng tùy duyên, tùy hỷ, lại không để trong tâm mảy may nào, luôn luôn giữ gìn tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác.** Đây chính là Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền, đây gọi là tu Tịnh Độ, tâm tịnh tức cõi Phật tịnh. Ngài niệm như vậy suốt 92 năm, biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh đến Tịnh Độ của A Mi Đà Phật.

29. Pháp môn Tịnh Độ. Ngài nói cho chúng ta biết một sự thật: **Thế giới tây phương Cực Lạc trên kinh điển nói là thật sự có! Ngài đã gặp A Mi Đà Phật. Ngài đã cầu Phật đưa Ngài đến thế giới Cực Lạc nhưng A Mi Đà Phật chưa tiếp dẫn Ngài đi, Phật dạy Ngài phải tiếp tục ở thế gian làm biểu pháp.** Ý nghĩa của biểu pháp là làm một tấm gương xuất sắc để mọi người nhìn thấy sanh khởi tín tâm, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Đây là phương thức Ngài phổ độ chúng sanh.

Tại sao chúng ta có thể vãng sanh đến thế giới Cực Lạc làm Phật? Bởi vì chúng ta vốn dĩ là Phật, Tự Tánh của chúng sanh và Tự Tánh của Phật là một không hai, chỉ là chúng ta mê rồi, không biết được sự thật này, **chúng ta tùy thuận phiền não nên trở thành bộ dạng như hiện nay, làm một chúng sanh khổ não trong Lục đạo luân hồi.** Nếu chúng ta tùy thuận Viên giáo xứng Tánh của Như Lai thì đến **Thế giới Cực Lạc làm Phật rồi.** Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, chúng ta muốn làm Phật, làm Bồ-tát, hay là làm người, làm súc sanh, làm ngạ quỷ, làm địa ngục đều là chính mình quyết định. Nhân của Mười pháp giới, cũng chính là chủng tử trong A-lại-da thức, tất cả chúng ta đều có, không thiếu gì cả, đầy đủ viên mãn. Phật đã giới thiệu Mười pháp giới này cho chúng ta biết rõ về việc chọn con đường nào, hy vọng chủng tử nào mọc rễ, nảy mầm, sinh trưởng, ra hoa, kết trái; tất cả là do chính mình lựa chọn, chính mình kiên trì, không phải người khác làm chủ; quyền chủ động trên tay bản thân, **Phật Bồ-tát chỉ là làm tăng thượng duyên cho chúng ta mà thôi, cho nên nói Phật không độ chúng sanh. Chúng sanh thành Phật là tự độ mình.**

Ngài xác thật là tấm gương tốt nhất đối với người tu Tịnh Độ tông. Nếu như thật sự muốn vãng sanh Cực Lạc thì phải học tập theo Ngài; thật sự muốn vãng sanh Cực Lạc thì Phật hiệu không thể gián đoạn. Nên dùng tâm thế nào để niệm Phật? Phật dạy chúng ta dùng Chân Tâm làm người, không thể dùng vọng tâm làm người, vọng tâm là tâm sanh diệt, là tâm luân hồi, dùng vọng tâm nhất định không thể siêu việt luân hồi. Vì vậy, niệm Phật phải dùng Chân Tâm để niệm. Một chân thì tất cả chân, dùng Chân Tâm niệm Phật, dùng Chân Tâm để sống, dùng Chân Tâm đối người tiếp vật. Dùng tâm khác nhau thì kết quả có gì khác biệt? Nếu như khởi tâm động niệm

đều là tôn người lợi mình, tự tư tự lợi thì đây đều là nhân của Lục đạo luân hồi tam ác đạo, kiếp sau chắc chắn sanh ba đường ác. **Chân Tâm phải bắt đầu từ không vọng ngữ, cho đến không khởi lên một chút ý niệm nào lừa gạt chúng sanh, phải thật thà chân thành đối đãi với chúng sanh. Có người nói: “Nếu thật thà chân thành thì nơi nơi tôi sẽ bị người khác ức hiếp!”. Vậy, nếu họ dùng tâm ác đối đãi với quý vị mà quý vị không dùng Chân Tâm đối đãi với họ, quý vị cũng giống như họ, cũng là dùng ác tâm đối đãi với họ thì mãi mãi quý vị không thoát ra khỏi Lục đạo luân hồi và ba ác đạo! Nếu như lúc nào cũng nghĩ làm sao lợi cho người, làm sao giúp đỡ người khác, làm sao thành tựu người khác, đây là tâm thiện, dùng tâm thiện sanh ba đường thiện. Nếu như đoạn ác tu thiện mà lại không đem đoạn ác tu thiện để ở trong tâm (tu công đức), trong tâm chỉ có A Mi Đà Phật, trong miệng cũng chỉ niệm một câu A Mi Đà Phật, không có tạp ngôn, không có tạp niệm, dùng tâm của Phật A Mi Đà để đối đãi với người, sự, vật thì đây là Tịnh Nghiệp; không có đạo lý nào không được vãng sanh Cực Lạc!**

Đa số người niệm Phật là có miệng không có tâm, cho nên không tương ứng với Phật, câu Phật hiệu này không thể đắc lực. Niệm Phật luôn luôn phải tâm miệng tương ứng, phải dùng Chân Tâm, dùng thành ý. Đại sư Ấn Quang nói với chúng ta “**Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích**”, chân thành đến cực độ thì sẽ cảm ứng đạo giao với Phật. Niệm Phật kiêng kỵ nhất chính là dùng tâm tán loạn niệm, vọng niệm trong tâm quá nhiều, tạp niệm quá nhiều thì tâm lực sẽ không tập trung. Tâm tán loạn niệm Phật không có công đức, chỉ là trồng hạt giống trong A-lại-da thức, trong đời này không thể có thọ dụng. Đại sư Ấn Quang đại từ đại bi, nói cho chúng ta biết dùng Pháp Mười Niệm (Thập Niệm Ký Số Pháp), từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, niệm thật rõ ràng, nghe thật rõ ràng, nhớ thứ tự thật rõ ràng, phương pháp này có thể nhiếp tâm, không để tạp niệm xen vào! Tại sao lại có tạp niệm? Bởi vì không buông xả! Vẫn còn tham luyến cái này, mong cầu cái kia! Rất nhiều việc để lo lắng không yên. Thật sự buông xả thì tạp niệm không còn nữa, thật sự buông xả thì niệm Phật thấy Phật. Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, tâm từ bi đều là Chân Tâm. Buông xả chấp trước thì được tâm thanh tịnh, với thế gian xuất thế gian tất cả pháp không còn chấp trước nữa, có thể tùy duyên thì được tâm thanh tịnh, là cảnh giới của A-la-hán; lại buông xả phân biệt thì được tâm bình đẳng là cảnh giới của Bồ-tát; cuối cùng là khởi tâm động niệm đều buông xả, chính là Đại Triệt Đại Ngộ Minh Tâm Kiến Tánh, là thành Phật rồi.

Trong bộ Kinh Bát Đại Nhân Giác, vừa mở đầu kinh thì Phật dạy rằng: “Thế gian vô thường! Quốc độ mong manh!”.

Vì sao phàm phu không thể buông xả? Bởi vì không hiểu rõ chân tướng sự thật, cái gì cũng xem là thật, không biết được hiện tượng trong vũ trụ là giả,

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

là vô thường. Chúng ta có thể mất nó bất cứ lúc nào. Mạng người vô thường, ai có thể nắm chắc đảm bảo năm sau chúng ta còn sống? Không thể đảm bảo! Một hơi thở không còn thì qua đời này rồi.

30. **Cảnh giới niệm Phật.** Ở Nam Dương khi Ngài nói về niệm Phật với mọi người, từng nói: **“Không niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn thì không cho là niệm Phật!”**, có thể thấy được công phu niệm Phật của Ngài rất cao sâu! Ngài ở Nam Dương đa số đều ở nhà cư sĩ Lưu của Niệm Phật Đường Nghĩa Ô. Ngài luôn thức dậy lúc 2 giờ mấy sáng, sau đó thắp hương, niệm Phật, lạy Phật, nhiễu Phật. Một buổi sáng, cư sĩ Lưu nhìn thấy trong lư hương còn rất nhiều chân nhang, cư sĩ Lưu rất hiếu kỳ. Lúc ăn sáng, cư sĩ Lưu bèn hỏi Ngài: “Vì sao hôm nay thắp nhiều nhang như vậy?”. Ngài nói: “Thiên cơ không thể tiết lộ!”. Cư sĩ Lưu lại càng hiếu kỳ hơn, nên quán lầy Ngài khiến Ngài nhất định phải nói, cư sĩ Lưu bảo đảm với Ngài sẽ không nói ra ngoài. Dùng một chút, Ngài nói với cư sĩ Lưu: **“Tôi thấy cả bầu trời đều là A Mi Đà Phật!”**. Ngài cũng nói với Pháp sư Ấn Chí nhiều lần, hoặc là khi Ngài niệm Phật, hoặc là khi Ngài không niệm Phật, rất nhiều lần đều là trên trời đang niệm Phật, dưới đất cũng đang niệm Phật, niệm Phật của trời đất dung hòa thành Nhất Thể, trời đất đều đang niệm Phật; có lúc là Ngài niệm Phật dẫn phía trên, phía dưới cùng nhau niệm Phật; có lúc là phía trên, phía dưới niệm Phật dẫn Ngài niệm Phật. Ngài còn nói với Pháp sư Ấn Chí: **“Thiên nhân đang niệm Phật, thiên nhân đang đọc Kinh Vô Lượng Thọ, dưới đất đang niệm Phật, trời đất dung hòa thành Nhất Thể, kết thành một thể!”**. Công phu của Ngài có thể nhìn thấy tất cả pháp đều là A Mi Đà Phật. Người niệm Phật niệm đến Công Phu Thành Phiến thì cảm ứng đạo giao với A Mi Đà Phật rồi, **Công Phu Thành Phiến là cảm, A Mi Đà Phật sẽ có ứng**. Niệm đến công phu ngoài “A Mi Đà Phật ra không có niệm nào khác” thì lúc này Phật hiện tiền. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, **Phật không phải từ thế giới tây phương Cực Lạc đến đây, Phật không có đi lại, là “do nơi xuất sanh, tùy nơi diệt tận”**, đây là chân tướng của tất cả pháp.

Tháng 10 năm 2012, mấy tháng trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, trong một lần các cư sĩ Nam Dương thăm hỏi Ngài, mấy vị cư sĩ trẻ tuổi thỉnh giáo Ngài niệm Phật có cảm ứng gì, mọi người rất thích thú đối với việc này. Ngài nghe xong, nói với họ: **“Cái gì ‘cảm ứng’, ‘hiếm lạ’ thì đừng cầu, tất cả để tự nhiên mới tốt!”**. Tiếp đó, Ngài lại trầm ngâm suy nghĩ mà nói đạo: **“Niệm Phật à, mỗi buổi tối khi tôi niệm Phật, chỉ thấy trên giường dưới giường, trong phòng ngoài phòng toàn là người, đầy cả căn phòng đều là chúng sanh đang nghe tôi niệm A Mi Đà Phật. Đến khi trời sáng không thức dậy nổi thì nghe thấy có người nói bên tai: ‘Mau dậy đi, phải niệm Phật rồi!’. Thật sự rất kỳ diệu!”**. Những chuyện như “cảm ứng”, “hiếm lạ” thì tuyệt đối đừng có mong cầu, cho dù đó là thật hay là giả. Nếu như cầu những thứ này thì bản thân thụt lùi rồi, bởi vì chúng quấy nhiễu tâm thanh tịnh của chúng ta, ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta, chúng làm cho chúng ta mất đi tâm bình đẳng, đối với chúng ta là chướng ngại lớn.

Nhưng các vị cư sĩ đối với cảnh giới niệm Phật của Ngài thì rất muốn biết. Vì vậy, cư sĩ Lưu thay mọi người hỏi Ngài: “Họ muốn hỏi Ngài, xem Ngài niệm Phật có niệm được cảnh giới gì chưa?”. Ngài đáp: “Có cảnh giới gì có thể nói với quý vị sao?”. Ngài cười mà nói: “Chưa đến lúc! Nếu như quý vị xuất gia rồi, vào trong Giới Đàn sẽ có người nói với quý vị!”. Một vị nữ cư sĩ thanh niên rất kỳ vọng nhin không được xen vào nói: “Ngài nói cho chúng con nghe với!”. Ngài cười và nói với cô ấy: “Nói cho cô à? Điều đó không nói được, không thể nói!”. Nói xong, nét mặt của Ngài trở nên nghiêm nghị. “Nói chuyện khẩu mãng rồi, như vậy không tốt, sau này sẽ đoản thọ mạng của cô. Cô biết được thiên cơ thế nào? Nhìn thấy rồi không được nói!”. Vị nữ cư sĩ này không cam tâm, lại hỏi thêm một câu: “Vậy Ngài đã thấy thế giới tây phương Cực Lạc chưa?”. Ngài không trực tiếp trả lời cô ấy, quay đầu qua kia, nhìn vị cư sĩ kế bên tiếp tục nói: “Trời tôi rồi, thấy gì chứ! Lão Phật Gia đã nói gì với cô, đừng nói!”. Lão Hòa thượng vừa nói, vừa lắc tay. Một chàng trai hỏi: “Lão Phật Gia không cho nói à?”. Ngài nói: “Quý vị tiết lộ thiên cơ sẽ bị trời đánh đó!”. Ngài tiếp tục nói: “Nếu như quý vị gặp ai cũng nói, lần sau họ sẽ không nói cho quý vị biết. Nếu như quý vị xuất gia rồi, trong Giới Đàn, phải tu hành như thế nào họ đều nói ra cho quý vị biết. Thích xuất gia thì có thể xuất gia, nếu không thích xuất gia thì quý vị làm một ông lão trường chay chỉ niệm A Mi Đà Phật. Niệm cho đến khi được Nhất Tâm Bất Loạn thì Lão Phật Gia sẽ đến để dặn dò quý vị. Những người nhanh miệng thì sẽ không nói. Không được nói! Niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn, Lão Phật Gia đều biết! Nếu quý vị tu hành tốt rồi, trong tâm người ta đều biết rõ, đều nhìn quý vị, đều theo dõi quý vị đó! Phải thành thật niệm Phật!”.

Mọi người đã chẳng còn hứng thú muốn biết về những cảnh giới niệm Phật của Ngài. Vị cư sĩ lần đầu tiên gặp mặt thì bị Ngài nhắc nhở phải “quản tốt cái miệng của con”, muốn truy hỏi đến cùng Ngài “Nhất Tâm Bất Loạn” rốt cuộc là cảnh giới gì. Anh mới vừa mở đầu thì bị Ngài ngắt lời, cười nói với anh: “**Nhất Tâm Bất Loạn làm sao nói cho con biết? Không thể nào nói được!**”. Nghe xong, anh hơi xúc động, bỗng chốc đứng dậy, không nhin được nên muốn chia sẻ vài câu với mọi người, lời vẫn chưa nói ra thì hai tay của anh đã không làm chủ được, đã khua tay rồi. Ngài như thường ngày từ từ mà nói với anh: “Con không cần khua tay múa chân, dùng miệng nói, tay đừng nói!”. Vừa nói, Ngài lại vừa học theo anh ấy dùng tay khua vài cái!

Nếu như có người hỏi Ngài: “Ngài đã thấy A Mi Đà Phật chưa?”. Ngài sẽ **khẳng định mà nói cho quý vị biết: “Thấy rồi!”**. Nhưng là đã thấy bao nhiêu lần thì Ngài không nói. Ân sư Thích Tịnh Không giảng kinh đã nói nhiều lần là lão Hòa thượng Hải Hiền trong một đời này không chỉ thấy A Mi Đà Phật một lần, chỉ là Ngài không chịu nói, người có căn tánh như Ngài niệm Phật nhiều nhất là 3 năm thì có thể đắc Thiên-định, đây là Công Phu Thành Phiến. Trong “Tịnh Độ Vãng Sanh Truyện” và trong “Tịnh Độ Thánh Hiền Lục”, những tám gương niệm Phật 3 năm thì có thể thành tựu, có thể được Thiên-định rất nhiều, rất phổ biến. **Công Phu Thành Phiến**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

không phải là định rất sâu, nhưng chỉ cần có công phu này thì có thể tự tại vắng sanh thế giới tây phương Cực Lạc; có không ít người sau khi đạt được Công Phu Thành Phiến mà thọ mạng vẫn còn, nhưng họ không cần nữa, họ cầu A Mi Đà Phật tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc.

31. **Lạy Phật phải lạy ra Tự Tánh.** Mùa xuân năm 2012, người thanh niên đã nhặt một sợi mì khi ăn đi cùng với bạn đến chùa Phật Lai, nhìn thấy Ngài đang ngồi trong phòng vá đồ, liền bước thẳng vào đánh lễ Ngài. Ngài cản anh ta lại, hỏi rằng: “Đi lạy Phật chưa?”. Anh ta đáp: “Dạ chưa!”. Ngài chỉ bô đoàn dưới đất nói: “Con lạy Phật trước!”. Người thanh niên dúi bô đoàn dưới đất đến trước tượng Phật đánh lễ 3 lạy. Ngài nhìn anh ta đứng lên sau khi lạy xong, cười và nói: “Ta chỉ con lạy Phật như thế nào rồi, con vẫn chưa học được à? Lạy Phật phải giống như cạp mô, sống lưng phải để cho ngay!”. Người thanh niên vội vàng đánh lễ Ngài, cam đoan với Ngài rằng: “Con nhớ rồi, sau này lạy Phật nhất định đạt chuẩn!”. Ngài không ngớt lời nói: “Tốt, tốt!”. Sau đó có ý giải thích với anh ta: “Cạp mô chính là con cóc đó!”. Làm cho mọi người cười không dứt. **Mỗi khi có người đánh lễ Ngài, Ngài đều vui cười hớn hở mà nói : “Đừng lạy phàm Tăng như tôi, đi lạy Phật!”.** Mỗi khi Ngài nhìn thấy tư thế lạy Phật của các cư sĩ tạp loạn không có oai nghi thì sẽ lập tức giảng giải với mọi người: **“Lạy Phật tâm phải thành, sống lưng phải ngay, để chén nước cũng không rơi vãi, khi lạy xuống tư thế phải như con cóc!”.** Ngài vừa nói lại vừa làm mẫu mấy lần cho mọi người xem.

Cho dù ngày tháng khó khăn thế nào, công phu tu hành của Ngài chưa từng gián đoạn. Ngài hằng ngày thấp nhang lạy Phật, niệm Phật; đặc biệt là niệm Phật ngày đêm không gián đoạn. **Niệm Phật, lạy Phật mệt rồi thì lên giường nghỉ ngơi một chút; nghỉ ngơi xong rồi thì đứng dậy tiếp tục niệm Phật, tiếp tục lạy Phật. Vô cùng linh hoạt, vô cùng tự tại, không có chút gò bó nào, mệt rồi thì nghỉ, nghỉ xong rồi thì tiếp tục hành trì.**

Ngài bình thường lạy Phật không quỳ trên bô đoàn, lúc nào lạy Phật cũng quỳ dưới đất, Ngài đối với Phật cung kính chân thành đến cực độ. **Ngài nói: “Lạy Phật là phải lạy ra Tự Tánh, lạy ra tâm thanh tịnh!”.** Có một lần, Ngài ở Niệm Phật Đường Lục Phương Phật ở Nam Dương lạy Phật, cư sĩ muốn đặt một tượng Phật ở trong phòng của Ngài, Ngài nghe xong rồi nói: “Chủ yếu là tôi phải niệm ra Tự Tánh Phật thì thành công rồi!”. Phật là Chân Tâm của chúng ta, là Tự Tánh của chúng ta. **Chúng ta niệm Phật, lạy Phật mục đích chính là phải niệm ra Tự Tánh Phật, lạy ra Tự Tánh Phật. A Mi Đà Phật chính là Chân Tâm của chúng ta, cái tâm của chúng ta niệm niệm đều là A Mi Đà Phật chính là niệm niệm đang khai phát Tự Tánh của chúng ta. Niệm ra Tự Tánh Phật rồi, lạy ra Tự Tánh Phật rồi thì chính là Minh Tâm Kiến Tánh, vậy thì thành Phật rồi!**

32. **Chăm chỉ niệm Phật.** Ngài bình thường không thích nói chuyện, trừ khi nói đến niệm Phật. Ngài thường nhắc nhở những người bên cạnh: **“Chăm chỉ niệm Phật,**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

thành Phật là việc lớn, còn lại đều là giả!”. Đây là câu nói đầu môi của Ngài, là câu nói mà Ngài nói nhiều nhất, Ngài có cơ hội thì sẽ dùng câu này để khuyên nhắc người khác, thời thời khắc khắc nhắc nhở mọi người, là từ bi đến cùng cực. Ngài thường nói với người khác phải niệm A Mi Đà Phật, câu Phật hiệu này là thật, ngoài câu Phật hiệu ra toàn là giả. Ân sư Thích Tịnh Không nói: “Chỉ có người Minh Tâm Kiến Tánh mới có thể nói ra những lời như vậy, đây là chân tướng sự thật!”. Đã là giả rồi thì nên buông xả, không cần phải quan tâm nó; phải nắm chắc cái thật, thế giới Cực Lạc là thật, A Mi Đà Phật là thật. Niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc thì thành Phật rồi, đây là sự thật, còn lại đều là giả, không có gì là thật cả. **Nếu như người tu hành cái này cũng muốn, cái kia cũng muốn, cái này cũng nghĩ, cái kia cũng nhớ thì phiền phức rồi. Ngài cao minh, cái gì Ngài cũng không nghĩ, cái gì cũng không cần, tất cả tùy duyên. Việc có lợi ích cho chúng sanh nếu có duyên thì làm, không có duyên thì không làm, không phan duyên.** Ngài thường khuyên người phải chăm chỉ niệm Phật, phàm là những người từng thân cận với Ngài, bất luận là già trẻ lớn bé, Ngài gặp người khác đều là câu nói này: **“Chăm chỉ niệm Phật, chỉ cần chăm chỉ niệm Phật mới có thể lìa khổ, mới có thể được vui, mới có thể đi đến nơi tốt được!”**. Ngài còn nói rõ ràng với mọi người, **niệm Phật nhất định phải niệm đến Công Phu Thành Phiến mới có thể tự tại vãng sanh Cực Lạc.** Ngài không ngừng nói với người khác: **“Người có thể niệm Phật đều là người có phước đức lớn, thiện căn lớn, nhất định phải nắm bắt nhân duyên lớn và tốt này, lão thật (thật thà, chân thành) niệm Phật, đời này thành tựu!”**. Thiện căn là gì? Thiện căn là Trí-huệ, vừa tiếp xúc thì không hoài nghi, liền tin tưởng, đây là thiện căn; **“thành thật, nghe lời, thật làm” là thiên phú bẩm sinh, sanh ra là đã có, đây gọi là thiện căn.** Phước đức là gì? Phước đức là Thiên-định, là tâm thanh tịnh, trong tâm không bị ô nhiễm, chân thành với người, không dùng vọng tâm, cung kính tất cả. **Một người nếu có 3 điều chân thành, thanh tịnh, cung kính thì có phước.** Nhân duyên là gì? Nhân duyên là gặp được Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ và đặc biệt là gặp được bộ Kinh Vô Lượng Thọ thì nhân duyên đầy đủ rồi. Trong bộ Kinh Phật Thuyết A Mi Đà, Phật nói: **“Không phải ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi nước kia!”**.

Ngài nói: **“Chăm chỉ niệm Phật, chăm chỉ tu, đều có thể thành Phật.** Nếu như quý vị không tu, làm sao được chứ? Quý vị làm giống tôi mấy chục năm nay, mỗi ngày rạng sáng 3 giờ thức dậy, tôi thức dậy thấp nén nhang, tôi ngồi xuống niệm Phật, chuyên sang nhiều Phật, nhiều Phật mệt rồi thì dựa vào đó, dựa vào đó vẫn niệm Phật. Việc này không phải chỉ trong chốc lát là có thể tu tốt được đâu!”. Ngài dạy người khác niệm Phật, sẵn sàng nhắc nhở không sợ phiền hà. Ngài nhìn các cư sĩ, từ bi mà lại khẩn thiết tiếp tục dặn dò rằng: **“Phải chăm chỉ niệm Phật. Niệm Phật xong, sau đó vào trong Phật đường hồi hướng. Không được nói, tôi niệm câu A Mi Đà Phật là được rồi, không niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn thì không cho là niệm! Người không học cho tốt là không được!”**. Hồi

hướng là gì? Phật nói cho chúng ta biết, **đem công đức một đời tu học của chính mình, cái gì cũng không cầu, chỉ cầu vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, thân cận A Mi Đà Phật, như vậy gọi là hồi hướng.**

33. **Ngài giáo huấn đệ tử.** Pháp sư Ấn Hàm trụ trì của chùa Thiên Phật trước khi xuất gia từng là một người thân mang bệnh tật, mất hết lòng tin đối với cuộc sống. Năm 1982, Pháp sư lại bị xuất huyết não. Đến năm 1989, bệnh tình của Pháp sư không những không thuyên giảm, ngược lại còn nghiêm trọng hơn. Vào lúc này, có người tặng Pháp sư một quyển “A Mi Đà Kinh giải thích bạch thoại” và một quyển sách nhỏ “Thiện Tài Đồng Tử 53 tham”. Trước đó, Ngài chịu ảnh hưởng của thuyết vô thần, cái gì cũng không tin, cũng chưa từng đến mộ bái tế tổ tiên, càng không tới chùa thắp nhang lạy Phật. Khi đọc “A Mi Đà Kinh giải thích bạch thoại” đến trang thứ 17 thì Pháp sư bắt đầu tin thật sự có thế giới Cực Lạc, thế nên Pháp sư hạ quyết tâm phải học Phật cầu sanh Cực Lạc. Pháp sư có đưa em gái ruột vào năm 1985 đã đến chùa Phật Lai dưới tòa của lão Hòa thượng Hải Hiền thế độ làm Ni. Pháp sư Ấn Hàm xin vị Ni đó nói tình trạng của bản thân với lão Hòa thượng. Ngài rất dứt khoát đồng ý nhận Pháp sư làm đệ tử. Pháp sư thật thà mà nói với Ngài: “Con không có tiền, cũng không thể làm việc, chỉ có thể tự mang theo một ít lương thực”. Qua mùa xuân năm 1990, người nhà đưa Pháp sư đến chùa Phật Lai, trong xe đem theo 400 cân lúa mì và 100 cân ngô. Pháp sư quy y Tam Bảo, chẳng bao lâu thì thế độ xuất gia. Tuy rằng Pháp sư Ấn Hàm tự đem theo một ít lương thực, nhưng mà mỗi khi đến lúc ăn cơm, Pháp sư vẫn cảm thấy bất an. Pháp sư liền nói với Ngài: “Chén cơm này con không thể ăn, con muốn về nhà!”. Ngài an ủi rằng: “Đã đến đây rồi, thì đừng về nữa!”. Bèn nói với Pháp sư: **“Trong lúc nửa đêm không có người con có thể một mình đi ra chánh điện lạy Phật, cầu sám hối, phát đại nguyện. Nếu nguyện lực của con lớn hơn nghiệp lực thì tự nhiên có thể thay đổi vận mệnh!”**. Pháp sư Ấn Hàm nghe lời của sư phụ, mỗi đêm trước 12 giờ, Pháp sư một mình ra chánh điện lạy Phật sám hối. Pháp sư quỳ trước tượng Phật Bồ-tát nói hết tất cả những ác nghiệp mà bản thân đã tạo, sám hối từ tận đáy lòng, thường khóc rung rức, phát nguyện đời này tuyệt đối không hoàn tục, thời thời khắc khắc phải làm hình tượng tiêu chuẩn của người xuất gia, **cả đời vì Phật vinh quang, tuyệt đối không để nhà Phật mất mặt, nguyện vì chúng sanh cống hiến tất cả, “chỉ lo cày ruộng, không hỏi thu hoạch”**.

Sau khi Pháp sư Ấn Chí xuất gia ở chùa Phật Lai, lão Hòa thượng nói với Pháp sư: **“Ở đây chúng ta chuyên tu niệm Phật, không làm kinh sám Phật sự. Chẳng thà không có chùa, không thể không có đạo! Chẳng thà không có người, không thể không có pháp!”**. Khi mới bắt đầu ở Đạo tràng, Pháp sư Ấn Chí cảm thấy rất mới lạ, vì vậy tu học rất tinh tấn; nhưng thời gian lâu rồi thì cảm thấy đơn điệu nhàm chán nên Pháp sư muốn ra ngoài chuyển đổi, muốn tìm một con đường khác. Ngài nhìn ra suy nghĩ của Pháp sư, nói với Pháp sư: **“Tìm nam chạy bắc, không bằng giữ ngôi chùa nhỏ!”**. Nhưng Pháp sư Ấn Chí nghe không vào tai những lời của sư phụ, thế là Ngài rời khỏi sư phụ, đến các tự viện khác tham học. Trải qua khoảng 6

năm tham học, Pháp sư phát hiện nhiều năm tu hành của mình đều phí công vô ích, Pháp sư hoàn toàn thất vọng. Năm 2003, trong lúc thất vọng cực độ, Ngài nhớ đến lời giáo huấn của sư phụ, sau đó Ngài trở về bên cạnh sư phụ, sám hối với sư phụ.

Ngài không hề có một câu trách tội, Ngài nhìn Pháp sư Ấn Chí và Pháp sư Ấn Hàm, ôn tồn mà nói: “Nếu như các con không muốn ở chùa Phật Lai, có thể đến núi Đồng Bách, chùa Tháp Viện cũng là Đạo tràng của ta, bên đó hoàn cảnh tốt hơn bên này!”. Ngài lấy mấy ngàn đồng ra nhờ người giúp đỡ mua một cái máy cày cho hai vị dùng. Nhưng mà, khi hai vị đến chùa Tháp Viện ở không bao lâu, thì chê đất núi quá dốc, rủ nhau “bỏ trốn” rồi. Ngài vẫn không trách tội hai đệ tử. Năm 2004, Ngài đích thân đưa Pháp sư Ấn Hàm và Pháp sư Ấn Chí đến chùa Thiên Phật, dặn dò hai vị phải siêng năng tu hành để chấn hưng Đạo tràng cổ có 2000 năm lịch sử này: **“Ở đây rất gian khổ, giống như tay trắng dựng cơ đồ. Tự viện cổ xưa, nếu như không thật tu hành thì không thể ở lại được nữa; thần hộ pháp sẽ gây phiền phức. Ta hy vọng hai anh em con phải thật tu thật làm, nếu như tội con có phước báu, chùa Thiên Phật sẽ hưng thịnh lại đó!”**.

Ngày 18 tháng 8 năm 2007 là ngày đại thọ của Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền 107 tuổi, Pháp sư Ấn Chí về đến chùa Phật Lai chúc thọ sư phụ. Ngài gặp Pháp sư rồi chảy nước mắt nói: “Ấn Chí, con đừng đi nữa, ta đã qua trăm tuổi rồi, cũng không sống được mấy năm nữa, nhưng mà đến bây giờ tự viện vẫn chưa tìm được người tiếp nối thích hợp, con đừng đi nữa!”. Nhìn thấy nước mắt rơi đầy mặt sư phụ, Pháp sư Ấn Chí thật không nhẫn tâm cự tuyệt, bèn ở lại bên cạnh sư phụ tận hiếu. Năm 2008, Ngài giao phó lại chùa Phật Lai cho đệ tử Pháp sư Ấn Chí. Ngài nói: “Tuổi tác ta lớn rồi, đến lúc phải buông bỏ rồi, chùa Phật Lai giao lại cho con, ta yên tâm, sau này con phải làm thật tốt!”. Pháp sư Ấn Chí quỳ trước mặt sư phụ nói: “Sư phụ, xin thầy yên tâm, con nhất định không để thầy thất vọng, con sẽ khắc ghi lời dạy của thầy, một câu A Mi Đà Phật niệm đến cùng, tận phận trách nhiệm bản thân, tùy duyên độ chúng, tiếp tục truyền thừa truyền thống tốt đẹp của chùa Phật Lai!”. Về chuyện quản lý tự viện, Ngài thường khai thị: “Đừng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo! Chẳng thà không có người, không thể không có pháp!”; “Con không đến ta không trách, đến rồi thì phải thọ giới của ta!”; “Không điếc không mù, không xứng đáng trụ trì!”; ý nghĩa của câu nói này là để Pháp sư Ấn Chí có thể nhịn, còn phải nhường, không thể thị phi giống như người khác. Tự viện giao cho Pháp sư Ấn Chí rồi, công việc mỗi ngày của Ngài là lao động và niệm Phật.

Pháp sư Ấn Chí thật là một đại hiếu tử. Tháng 11 năm 2011, lão Hòa thượng Hải Hiền thị hiện sanh bệnh. Pháp sư Ấn Chí suy xét đến tuổi tác của sư phụ đã lớn, cân nhắc cẩn trọng, liền đưa Ngài đến Bệnh Viện Nhân Dân Số 2 của huyện Xã Kỳ trị liệu. Trong thời gian trị liệu, Pháp sư Ấn Chí luôn túc trực bên cạnh chăm sóc cho Ngài. Ngài chột bụng, đại tiện làm dơ hết quần áo, Pháp sư Ấn Chí như hầu hạ cho cha mẹ của mình mà lau chùi cho Ngài, lại đốt từng muống từng muống cho Ngài ăn,

còn không ngừng thăm hỏi ân cần. Ngài nằm trên giường bệnh miệng vẫn không ngừng niệm “A Mi Đà Phật”. Ngài ở bệnh viện vài ngày. Những ngày này, Pháp sư Ấn Chí không làm sao chớp mắt được. Đợi khi bệnh tình của mình chuyển biến tốt rồi, Ngài nói với Pháp sư Ấn Chí: “Ta không sao rồi, con cũng nghỉ ngơi đi!”. Pháp sư Ấn Chí cảm động mà nói: “ Sư phụ à, sức khỏe của thầy quan trọng, con không dám lơ là. Chỉ cần sức khỏe của thầy tốt rồi, thì chính là phước báu của con! Con mong mỗi thầy sớm hồi phục, chúng ta về tự viện!”.

Trong phòng thu âm mỗi ngày giảng kinh của Ân sư Thích Tịnh Không có treo một tấm hình của lão Hòa thượng Hải Hiền. Một ngày tháng 8 năm 2014, Pháp sư Ấn Chí đến Hồng Kông bái kiến Ân sư Thích Tịnh Không, khi Pháp sư nhìn thấy tấm đức tượng của lão Hòa thượng Hải Hiền trong phòng thu âm thì khóc nức nở.

Năm 2007, sau một lần Phật thất viên mãn, Pháp sư Ân Vinh lúc này đã học Phật nhưng chưa có xuất gia, Pháp sư đánh lễ tấm đức tượng của Ân sư Thích Tịnh Không, lạy đến lạy thứ hai thì trong tâm phát nguyện: “ Cầu sư phụ Thượng nhân gia trì con có thể tìm được một vị minh sư và một Đạo tràng Tịnh tông thuần chánh, con muốn chuyên tâm tu hành!”. Không lâu sau, có người giới thiệu Pháp sư đến chùa Phật Lai huyện Xã Kỳ lễ nhục thân Bồ-tát Pháp sư Hải Khánh. Đến chùa Phật Lai, Pháp sư đã gặp được Ngài. Pháp sư vừa nhìn thấy Ngài tức khắc sanh vô lượng hoan hỷ. Pháp sư bái cầu Ngài nhận làm đệ tử. Ngài không từ chối. 3 ngày sau, Ngài vui mừng mà nói với Pháp sư: “ Quán Âm Bồ-tát nói với thầy, vẫn còn một đệ tử đến đây, sau đó thì con đến rồi!”. Khi đó Pháp sư Ân Vinh nghe xong không để tâm lắm, còn tưởng Ngài đang nói hồ đồ mê sảng. Lúc này, người nông dân bên cạnh nói với Pháp sư: “Lão Hòa thượng này thật không đơn giản! Có lần trong thôn đang khoan giếng, khoan mấy ngày rồi vẫn không có nước, lão Hòa thượng đến nhìn, rồi dùng gậy chỉ một nơi khác nói ‘Quý vị khoan ở đây, ở đây có nước tốt!’. Mọi người làm theo lời của lão Hòa thượng mà khoan giếng, quả nhiên rất nhanh khoan được nước rồi!”. Từ đó về sau, Pháp sư Ân Vinh chứng kiến rất nhiều việc bất khả tư nghì của Ngài.

Lão Hòa thượng vẫn luôn kiên trì thúc dục rất sớm để lạy Phật niệm Phật, khi ở chùa Viên Minh cũng như vậy. Căn phòng nhỏ của Ngài mỗi ngày vào lúc người khác công phu buổi sáng thì đèn đã sáng, tiếp đó có thể nghe được tiếng của Ngài ở trong tự viện niệm “A Mi Đà Phật”. Ngài giống như trì Kim Cang, mỗi lần thời gian niệm Phật lên tiếng không lâu, nhưng mà mỗi sáng trong tự viện đều nghe được tiếng chân của Ngài đi kinh hành niệm Phật thời gian rất dài. Mỗi ngày sau bữa ăn sáng, Ngài bắt đầu tìm việc để làm, thường làm thì vài tiếng đồng hồ. Ngài và Pháp sư Ân Vinh ở tự viện khai phá đất hoang, khi Ngài nhìn thấy Pháp sư Ân Vinh muốn làm việc thì Ngài đều nói: “Con không cần làm nữa, đi niệm Phật đi!”. Pháp sư Ân Vinh nói: “Sư phụ à! Làm sao có thể kêu thầy hơn 100 tuổi đi làm việc, người thanh niên chúng con ngược lại đi trốn nhàn rồi thế?”. Ngài nói: **“Con niệm Phật không niệm ra công phu, vì vậy phải niệm nhiều. Niệm đến mức độ nhất định, cho dù lúc nào**

cũng đang niệm Phật. Khi làm việc ta không làm lơ việc niệm Phật!". Ngài thường nói với Pháp sư Ấn Vinh: **"Đừng nhìn ta đang làm việc, ta lúc nào cũng đang niệm Phật trong tâm đó!"**. Ngài lúc nào cũng vậy, để mọi người đi niệm Phật mà chính Ngài thì đi làm việc.

Vào một ngày mùa hè năm 2010, chùa Phật Lai đang làm pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, đột nhiên bị cúp điện. Một số cư sĩ chịu không được sự oi bức trong Niệm Phật Đường nên đã lui ra hóng gió thì nhìn thấy trên vai Ngài đeo cái túi dụng cụ, khiêng một cái thang dài từ tháp chùa đi đến. Ngài để cái thang tựa vào tường, leo lên trên, lấy dụng cụ ra bắt đầu làm việc, sau một lúc thì thật sự đã sửa điện xong rồi. Vào lúc Ngài khiêng cái thang chuẩn bị về tháp chùa, các cư sĩ tới muốn giúp đỡ, Ngài xua tay, cười tít mắt nói: "Quý vị tiếp tục niệm Phật đi! Tôi ở đó không nghe thấy tiếng niệm Phật thì biết dây điện lại hư rồi!"

Ngài đặc biệt quan tâm đến đệ tử, Ngài rất xem trọng công phu sáng tối, hầu như mỗi ngày Ngài đều có ý vô ý mà hỏi Pháp sư Ấn Vinh hai lần: **"Công phu chưa?"**. Câu nói bình thường này vẫn luôn khích lệ Pháp sư Ấn Vinh dũng mãnh tinh tấn. Sau này, mỗi khi Pháp sư muốn giải đãi thì hình như nghe được tiếng sư phụ đang hỏi: "Công phu chưa?"

Hôm đó là ngày lễ của Phật giáo, một vị nữ cư sĩ đến tự viện cứ quán lấy một vị Pháp sư không ngừng nói thị phi của nhà cô ấy, thời gian nói lâu rồi, Pháp sư có chút không kiên nhẫn rồi, giận dữ mà chống lại lời nói của cô ấy. Sau này, Ngài một mình đi đến phòng của Pháp sư, nói với Pháp sư: **"Nói chuyện với người khác không được nổi giận, thái độ phải ôn hòa. Lần này con nổi giận như vậy, lần sau người ta có chuyện cũng không dám nói với con nữa, thì con mất đi cơ hội độ chúng sanh rồi, thậm chí sẽ đoạn Pháp Thân Huệ Mạng của họ. Khi con lâm mạng chung thời cũng sẽ chứng ngại con, không thể không chú ý được!"**

Một buổi chập tối mùa hè năm 2009, thời tiết rất nóng nực, Ngài và mấy vị Pháp sư trong sân ngồi dưới đất hóng gió. Ngài nói rằng: **"Người xuất gia không xem trọng ăn, mặc, không được phan duyên, không nên hy vọng người khác cúng dường cho con. Người khác cúng dường cho con, con cũng không thể nói không cần, con nhận rồi thì bỏ vào thùng công đức hoặc là in ấn kinh sách đều được, cho dù thế nào cũng không được dùng để chính mình hưởng thụ. Quần áo của mùa hè có thể che thân thì được, mùa đông mặc không để lạnh là được. Ăn cơm, cho dù cơm gì ăn đỡ đói thì được rồi. Ăn được ngon, mặc được đẹp, thì con không muốn đi Tây Phương nữa rồi!"**. Ngài lại nói tiếp: **"Việc gì cũng không nên cầu người, việc gì cũng tự mình làm, con không nghe người khác thường nói 'người đến vô cầu phẩm tự cao' sao? Không thể kết oán thù với bất cứ người nào, kết oán thù chính là chúng ta có Ngã chấp. Tất cả mọi việc trên đời này không phải là thật, tranh đông giành tây, quay đầu lại chỉ là công dã tràng, tranh**

qua giành lại, khi chết chỉ cần một miếng đất, có gì đáng để tranh chử? Chỉ cần chăm chỉ niệm Phật, đến thế giới Cực Lạc thì cái gì cũng có!”.

Những câu nói dặn dò hậu bối này, bản thân Ngài đã làm được rồi. Cả đời này, Ngài chỉ làm một việc cầu sanh Tịnh Độ; những việc khác, Ngài đều không dính vào. Ở thế gian này, chỉ cần những ngày tháng bình thường, có thể sống qua ngày là được, quần áo chỉ cần được mặc ấm, cơm chỉ cần ăn được no, Ngài chưa từng đòi hỏi. Người khác cúng dường cho Ngài, Ngài lấy đi phóng sanh, in ấn kinh sách, bản thân không hề thọ dụng. Hành Bồ-tát đạo mà không chấp tướng, Ngài ở cái thế gian này thật sự đã làm được rồi, Ngài làm tấm gương cho chúng ta. Phật dạy chúng ta ở thế gian này không tranh với người, không cầu nơi đời; không tranh với tất cả người, tất cả sự vật, tất cả sự việc; không mong cầu ở tất cả vạn pháp. Vì sao vậy? Không phải là thật! Nếu như có tranh có cầu thì sai rồi, đã oan uổng tạo tác tội nghiệp rồi. Lục tổ Huệ Năng nói “Đâu ngờ Tự Tánh có thể sanh ra vạn pháp!”. Vạn pháp chính là Tự Tánh, Tự Tánh chính là vạn pháp. Tự Tánh thật có nhưng mà không thấy được. Vì sao không thấy được? Nó không có hiện tướng, nó là một mảng quang thường tịch, vì vậy Phật pháp gọi nó là “chân không”, nó vô sở hữu. Nhưng mà, chân không lại bất không, nó có thể hiện vạn pháp, tất cả vạn pháp nó hiện ra là giả tướng chứ không phải là thật, bởi vì thể của nó là không, giả tướng sanh diệt sát-na. Vì vậy, **tuyệt đối không được có ý niệm tự tư tự lợi, không được có ý niệm không chế, không được có ý niệm chiếm hữu!** Phật pháp thường nói “buông xả”; buông xả chính là “Không tranh với người, không cầu nơi đời!”. **Thật sự buông xả thì không có cầu, không có tranh; tất cả tùy duyên. Hình dạng của tùy duyên là hoan hỷ, là cái gì cũng tốt.** Vì vậy, cho dù Ngài nhìn thấy người như thế nào cũng tốt, nhìn thấy việc như thế nào cũng tốt. Trong mắt của Ngài không có gì là không tốt.

34. **Thần thông của Ngài.** Ngài có đại Trí-huệ, có người nói rằng Ngài có thần thông, nhưng Ngài một chút cũng không tiết lộ. Pháp sư Ấn Chí nói sự phụ của Ngài không cho rằng mình có thần thông. Người dân trong thôn trang quanh chùa Phật Lai, bất kỳ ai bị bệnh gì cũng sẽ tìm đến Ngài cầu xin Ngài trị bệnh, họ không đi tìm thầy thuốc, Ngài chỉ tùy tiện hái một ít cây cỏ dại (cũng không phải là cây thuốc), bảo họ đem về nấu uống thì bệnh liền khỏi. Điều lạ lùng là bệnh gì cũng khỏi! Thật kỳ lạ! Đây chính là thần thông của Ngài. **Phật cấm đệ tử sử dụng thần thông, nhưng tại sao Ngài đôi lúc vẫn thị hiện một chút thần thông? Vì Ngài dùng thần thông chính đáng, Ngài dùng để độ hóa chúng sanh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, giúp cho chúng sanh thành Phật, hoàn toàn không có mưu đồ trục lợi gì khác.**

35. Công đức danh hiệu A Mi Đà Phật là không thể nghĩ bàn. Mười phương ba đời chư Phật đều là A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật là tổng danh hiệu của chư Phật. Ý nghĩa của danh hiệu này dịch theo tiếng Trung là vô lượng Trí-huệ, vô lượng giác ngộ. Niệm câu danh hiệu này là đã niệm hết danh hiệu mười phương ba đời

tất cả chư Phật rồi; đồng thời, trong câu danh hiệu này bao gồm vô lượng vô biên kinh pháp của tất cả chư Phật thuyết. Vì vậy, sự phụ của Ngài dạy Ngài một câu Phật hiệu niệm đến cùng, ý nghĩa phía sau rất thâm sâu, dùng phương pháp này thì không cần đi đường vòng, đây là con đường thẳng để thành Phật! Ngài là một câu A Mi Đà Phật niệm một đời không chuyên hướng! Pháp sư Diên Cường xưng tán Ngài với lòng tôn kính tràn đầy, nói với Pháp sư Ấn Chí: “Thầy xem xem người ta lâm chung thân không bệnh khổ, biết trước ngày giờ, tiêu diêu tự tại biết bao nhiêu! Người ta là Bồ-tát ứng thân, người ta là độ chúng sanh. Đây là làm tấm gương cho hậu thế, để hậu thế đều có thể chiếu theo gương đó tu hành, đi chứng Phật quả đó!”.

Một hôm, một vị Pháp sư đi cùng Ngài đến huyện Xã Kỳ làm việc. Ngài ngồi trên xe lẩm bẩm một mình: “Nhẹ đến nhẹ đi, đừng đi tìm người tại gia làm việc. Cư sĩ tại gia có việc của cư sĩ tại gia, người xuất gia có việc của người xuất gia, việc ai nấy làm!”. Dừng một chút lại nói: “Người xuất gia, biết giảng kinh thì giảng kinh cho người khác, không biết giảng kinh thì cũng biểu pháp tốt cho đại chúng. Tôi cái gì cũng không biết, không biết giảng kinh, không biết tụng kinh, cũng không biết ca tụng, chỉ biết niệm Phật, khai hoang làm ruộng, vậy thì tôi biểu cái pháp này. Nếu như không biểu pháp thì tôi đã đi từ sớm rồi!”. Biểu pháp chính là làm một tấm gương, để cho mọi người xem. Học Phật là gì? Không giống Ngài thì không gọi là học Phật, giống như Ngài là chân học Phật! Ngài thật sự là người niệm Phật. Ngài buông bỏ vạn duyên, trong tâm chỉ có A Mi Đà Phật, ngoài A Mi Đà Phật ra thì không có vọng tưởng tạp niệm. Nếu quý vị hỏi Ngài thì cái gì Ngài cũng biết. Cái gì cũng biết chính là khai ngộ rồi, không phải Đại Triệt Đại Ngộ thì không làm được!

36. **Trợ niệm không đáng tin cậy.** Ngài đối với việc bản thân vãng sanh thế giới Cực Lạc rất chắc chắn, Ngài nói: “**Khi tôi vãng sanh, không cần trợ niệm, bản thân tự niệm Phật, để người khác trợ niệm, không chắc chắn, không đáng tin!**”. Lão cư sĩ Yên của Niệm Phật Đường Lục Phương ở Nam Dương nói với Ngài: “Khi nào Ngài vãng sanh, Ngài nói với con một tiếng, con tìm người đến trợ niệm cho Ngài!”. Ngài trả lời: “**Kêu người khác trợ niệm, vậy thì không tin rằng người đó đi được. Tôi đây không cần trợ niệm, tôi tự mình đi được rồi!**”. Những câu nói đó của Ngài vô cùng quan trọng: **Không nên nhờ vào trợ niệm, trợ niệm không đáng tin. Bản thân nhất định phải nắm chắc phần vãng sanh Cực Lạc.** Nhờ người trợ niệm thật sự không chắc chắn. Nếu như quý vị ở thời khắc then chốt vãng sanh Cực Lạc mà người đến trợ niệm cho quý vị muốn thăm dò một chút, xem quý vị đã vãng sanh Cực Lạc thật hay không, quý vị đi đến cõi nào rồi, thế là sờ chỗ này một cái, sờ chỗ kia một cái! Như vậy sẽ quấy nhiễu đến quý vị, thân thể quý vị sẽ đau đớn, quý vị sẽ khó chịu mà nổi sân hận. Quý vị có chắc rằng khi người khác quấy nhiễu quý vị như vậy, trong tâm quý vị vẫn không sao, không chịu ảnh hưởng của họ không? Phải có cái công phu đó mới được! Nếu

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

như không có công phu như vậy thì tốt nhất là đừng kêu người làm phiền, nếu không thì quý vị không đến được thế giới Cực Lạc rồi!

Không để người khác quấy nhiễu, vậy thì phải tự mình vãng sanh Cực Lạc, thời gian Phật giao hẹn đến rồi thì Phật hiện tiền đến tiếp dẫn quý vị, đây là thật sự chắc chắn, có thể an tâm nương tựa. Phật không đến tiếp dẫn, quý vị không biết thế giới Cực Lạc ở đâu, cho nên nhất định phải có Phật tiếp dẫn. Một niệm cuối cùng khi lâm chung là A Mi Đà Phật thì nhất định vãng sanh Cực Lạc. Làm sao chúng ta đảm bảo được một niệm cuối khi lâm chung là A Di Đà Phật, không có tạp niệm khác? Công phu nhất định phải nuôi dưỡng lúc bình thường. Lão Hòa thượng Hải Hiền dưỡng thành rồi, một câu Phật hiệu niệm được 92 năm, câu Phật hiệu này Ngài niệm một cách thấu triệt rồi. Trong sinh hoạt bình thường hằng ngày, Ngài không có tạp niệm; mặc áo, ăn cơm,... trong tâm đều niệm Phật; không nghĩ đến quần áo đã cũ, ăn cơm không để ý đến mùi vị, cũng không phân biệt cái này ngon, cái kia không ngon,... những việc này Ngài đều không để ở trong tâm. Sinh hoạt là như vậy; công việc, đối người tiếp vật tất cả cũng đều như vậy. Công phu thành thực rồi, Ngài có thể tự tại vãng sanh Cực Lạc mà không cần người khác giúp đỡ, công phu này vô cùng vô cùng quan trọng! **Một niệm cuối cùng quan trọng hơn tất cả, nó liên quan đến kiếp sau đi tái sanh vào cõi nào.**

37. Vãng sanh Cực Lạc và biểu pháp cuối cùng. Buổi chiều một ngày trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, vẫn còn ở vườn rau trước tự viện cùng các đệ tử gặt hái rau củ, không ngừng làm đến tối. Mọi người nói: “Lão Hòa thượng, làm cả ngày rồi, có thể dọn dẹp nghỉ ngơi rồi, đừng làm nữa!”. Ngài trả lời: “Công việc này ta làm xong rồi, sau này ta không làm nữa!”. Trong đêm, Ngài niệm Phật vãng sanh Cực Lạc rồi.

28 ngày trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, một vị cư sĩ Lý ở huyện Xã Kỳ đến chùa Phật Lai thăm Ngài. Về mặt của Ngài điềm nhiên, bình lặng mà nói với vị cư sĩ này: **“Nhớ lấy, chăm chỉ niệm Phật! Sống có tốt hơn chẳng qua bảy tám mươi tuổi. Tôi đã hơn trăm tuổi rồi, tôi ngẫm nghĩ mình sống không qua cái tuổi tác lớn như vậy, bằng lòng chết. Sau khi chết rồi, nếu như cậu tu được tốt thì linh hồn của cậu sẽ thành Phật, trên thế giới đều biết!”**.

Khoảng 20 ngày trước khi vãng sanh Cực Lạc, Ngài nói với mấy vị đệ tử trong chùa: “Ta không qua khỏi năm nay rồi!”. Mọi người đều không nghĩ vậy, bởi vì vẫn thấy sư phụ thân thể cực kỳ khỏe mạnh, không có chút gì khác thường. Khoảng thời gian này, Ngài đến thăm người bạn đồng tu nhiều năm là lão Pháp sư Diễn Cường. Lão hộ pháp của chùa Phật Lai là cư sĩ Hoàng cùng đi với Ngài. Trên đường đi, Ngài nắm lấy tay của lão cư sĩ Hoàng nói: “Tôi đến lần này thôi, sau này sẽ không đến nữa!”. Cư sĩ đáp: “Sao thầy không đến vậy, sư phụ?”. Ngài chắc chắn mà nói với cư sĩ Hoàng: “Sắp tới tôi phải đi rồi! Tôi đến để chào hai vị, để hai vị biết!”. Lão cư sĩ nói: “Không thể! Lần trước thầy nói với con, thầy nói Lão Phật Gia không cho thầy đi, để thầy ở lại thêm 2 năm nữa, sao bây giờ thầy lại nói phải đi chứ?”. Ngài nói:

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

“Quý vị không biết. 2 ngày nay, Lão Phật Gia lại dặn dò tôi, kêu tôi phải đi ngay lập tức. Không quá một tháng thì tôi đi rồi!”. Lão cư sĩ không bằng lòng nghe những lời này của sư phụ, liền chặn lại câu chuyện, không để Ngài tiếp tục nói nữa. Pháp sư Diễm Cường nói bản thân mình có một chút cảnh giới, 3 ngày trước thì nhìn thấy Ngài đến, Ngài nói Ngài muốn một cái bò đoàn màu nâu. 3 ngày sau, quả nhiên Ngài đến rồi. Sau khi ăn cơm trưa, Pháp sư Diễm Cường muốn Ngài nghỉ ngơi một chút, Ngài không đồng ý mà ngồi xe đi rồi. Trong lòng Pháp sư Diễm Cường vẫn còn nhớ làm bò đoàn màu nâu cho Ngài nhưng không ngờ rằng sau vài ngày thì có người đến truyền tin cho Pháp sư nói: “Lão Hòa thượng Hải Hiền viên tịch rồi!”. Pháp sư Diễm Cường nghe rồi xúc động trong lòng, hiểu rằng thì ra Ngài muốn bò đoàn chính là nói “bản thân muốn tọa hóa viên tịch”.

Rời khỏi chùa Cô Phong, Ngài lại đến các tự viện mà Ngài xuất gia thế độ và đã từng thường trụ tu hành nhìn lại từng chút một, bèn nói với các đệ tử ở đó: “Sau này ta không tới nữa!”. Mọi người nhìn sư phụ thân thể sức khỏe cường tráng, đều không để ý lời của Ngài. Ngài cũng đến chùa Viên Minh của Pháp sư Ân Vinh. Khi chuẩn bị rời khỏi, Ngài để lại cây gậy và một bộ quần áo, sau khi Pháp sư Ân Vinh phát hiện, lập tức đi lấy, Ngài lắc tay nói với Pháp sư Ân Vinh: “Không cần nữa, ta không muốn dùng nữa!”. Mọi người đều không nghĩ nhiều đến hành động khác thường của Ngài. Ở chùa Phật Lai cũng vậy, khoảng một tuần trước khi vãng sanh, Ngài một mình âm thầm dời thân cây ngô trên đường đi vào góc tường của tháp chùa. Pháp sư Ân Chí nhìn thấy thì nói với Ngài: “Nó không chướng ngại, thầy đừng dời nữa!”. Nhưng Ngài không nghe. Pháp sư Ân Chí thấy không khuyên được Ngài nên đành gọi mọi người đến giúp, mọi người bận rộn làm việc 2 ngày mới dời xong toàn bộ. Sau khi dời xong, Ngài lại quét sạch con đường đó. Mọi người đối với việc làm của Ngài đặc biệt không lý giải được, cho rằng Ngài làm những việc không có ích. Sau khi Ngài viên tịch, mọi người khiêng pháp thể của Ngài đi về phía tự viện mới bỗng nhiên hiểu được, thì ra Ngài làm vậy là đang dọn đường cho chính mình!

Khoảng 5 ngày trước khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, một vị cư sĩ đến chùa mời Ngài ăn trưa, nhìn thấy Ngài đang dời từng miếng gạch đỏ nát ở bên tường của tháp chùa đến bên cạnh tháp mộ của mình, lại xếp ngay ngắn gọn gàng. Ngài nhìn thấy vị cư sĩ đi đến thì nói với cư sĩ rằng: “Mau, giúp tôi dời gạch đến chắt lên kia!”. Cư sĩ vâng theo và cùng làm với Ngài. Trong khoảng thời gian hai người đang dời chắt gạch, Pháp sư Ân Chí nhiều lần phái người đến mời Ngài dùng cơm, Ngài đều không đồng ý, vẫn tiếp tục làm việc như vậy. Vị cư sĩ này đã ở chùa hơn 3 tháng, anh cảm thấy bình thường Ngài không phải ngang bướng như vậy, sao mấy ngày nay lại trở thành cố chấp như vậy chứ? Sau khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, Pháp sư Ân chí chuẩn bị mua gạch để xây tháp cho Ngài thì mọi người mới hiểu được dụng tâm của Ngài, thì ra Ngài không muốn lãng phí, Ngài dời những viên gạch đỏ nát là dùng để xây tháp mộ cho chính mình. Ngài trước giờ không muốn làm phiền người khác, những

việc bản thân có thể làm thì tự mình làm, ngay cả việc lo liệu hậu sự Ngài cũng tận khả năng để tự mình an bài thỏa đáng.

Ngày 13 tháng 1 năm 2013, cư sĩ Vinh và cư sĩ Lưu của Niệm Phật Đường Nghĩa Ô dẫn một nhóm 5 người từ Nam Dương đến chùa Phật Lai thăm hỏi Ngài, lúc này Ngài 112 tuổi. Chính vào ngày này, Ngài nhìn thấy **quyển sách “Nếu muốn Phật pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng!”**. Cư sĩ Lưu và cư sĩ Vinh hai người đến phòng của Ngài, nhìn thấy Ngài đang cầm một quyển sổ nhỏ đã ó vàng. Mọi người đến gần mở ra xem, thì ra đây là giới điệp của Ngài (chứng minh thọ giới). Ngài nhìn thấy mọi người, biểu hiện vô cùng hoan hỷ. Ngài lại lấy vài tấm hình tháng trước chụp tặng cho hai người mỗi người một tấm. Cư sĩ Vinh vô cùng quý trọng tất cả những gì có liên quan đến Ngài! Bà nhìn ông cụ từ bi, bà cẩn thận lấy tấm hình cất vào một cái bao đặc biệt mà chính bà mang theo. Mọi người còn đem theo một cuốn sách tặng cho tự viện, đây chính là **“Nếu muốn Phật pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng”**. Khi họ cầm cuốn sách này từ trên xe đi xuống, cư sĩ Lưu lấy một quyển ra tặng cho Ngài, Ngài không biết chữ, hỏi bà: “Đây là cái gì?”. Cư sĩ Lưu đọc tựa cuốn sách cho Ngài nghe. Ngài vừa nghe thấy những chữ “Nếu muốn Phật pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng” thì vô cùng hoan hỷ, giống như bảo bối mà hằng ngày nghĩ đến rơi vào tay vậy. Ngài lập tức lấy chiếc áo Ca-Sa mới mà Ngài trân quý, vẽ mặt trang nghiêm mà khoác áo vào, lại rất tỉ mỉ kiểm tra thân trước sau từng chi tiết nhỏ rồi lại chỉnh trang lần nữa, sau đó nói với các cư sĩ rằng: “Tôi cầm quyển sách này, quý vị hãy chụp hình giúp tôi!”. Cư sĩ Lưu nói: **“Đây là lần duy nhất trong đời Ngài chủ động yêu cầu chụp hình cho Ngài. Hành động này của Ngài đã biểu hiện nguyện vọng thiết tha sâu sắc ở trong tâm Ngài mong muốn nhà Phật đoàn kết, Phật pháp hưng vượng!”**. Sau khi chụp hình xong, mọi người liền thỉnh giáo Ngài. Bỗng nhiên, gương mặt của Ngài từ vui sướng bắt đầu trở nên vô cùng trang nghiêm. Nét mặt vừa trang nghiêm lại vừa từ bi của Ngài thật sự làm cho cư sĩ Vinh cảm động rồi, bà không cầm lòng được mà quỳ xuống trước mặt Ngài, buột miệng nói rằng: “Lão Hòa thượng! Ngài vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc đừng quên đến rước chúng con đó!”. Ngài không ngớt lời đáp trả, ngữ khí của Ngài đặc biệt kiên định có lực: “Rước! Rước!”. Nói xong câu nói này, nụ cười của Ngài giống như một đóa hoa sen đẹp đẽ nở rộ! **Hai tay Ngài nâng cuốn sách “Nếu muốn Phật pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng”, đã chụp tấm hình cuối cùng trong cuộc đời của Ngài, đây là biểu pháp cuối cùng của Ngài.**

Khi mọi người sắp rời khỏi, Ngài và mọi người lưu luyến chia tay, họ đi đến trước xe, Ngài cũng tiến đến trước xe, các cư sĩ lại lần nữa đánh lễ cáo biệt Ngài. Ngài lớn tiếng nói với họ: **“Phải niệm Phật đó, còn lại đều là giả!”**. Sau đó, Ngài lại một lần nữa không ngại phiền mà nói chi tiết bản thân niệm Phật như thế nào: **“3 giờ sáng hằng ngày tôi thức dậy lạy Phật, có lúc thì 1 giờ đã thức dậy niệm Phật, niệm 20 phút trước tượng Phật, sau đó nhiều Phật, tiếp theo lại ngồi xuống niệm, có khi niệm lên tiếng, có khi không lên tiếng, thời gian nhiều hơn là niệm thầm,**

Phật lúc nào cũng ở trong tâm!”. Ngài tiếp tục dặn dò họ: **“Bất cứ lúc nào cũng không được thêm phiền phức cho người khác! Bình thường họ bới cơm cho tôi, nhiều cũng được, ít cũng được, tôi không hề nói gì, có bao nhiêu ăn bấy nhiêu, nếu không thì người khác phải chạy tới chạy lui, tôi không muốn làm phiền người khác!”**.

Chiều tối, Pháp sư Ân Chí và vài vị cư sĩ đang ở giảng đường nghe đĩa Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa do Ân sư Thích Tịnh Không giảng thì nghe thấy Ngài trong thất của mình dẫn khánh niệm Phật. Thường ngày vào giờ này, Ngài cũng sẽ ở thất thấp nhang, lạy Phật, dẫn khánh niệm Phật, nhưng mà thời gian đánh khánh rất ngắn; nhưng hôm đó, thời gian đánh khánh dài hơn nhiều so với ngày thường. Một vị cư sĩ đang nghe giảng kinh cảm thấy có chút hiếu kỳ, liền hỏi một vị đồng tu bên cạnh: “Sao hôm nay lão Hòa thượng không ngừng đánh khánh niệm Phật vậy?”. Tuy hỏi như vậy, nhưng vẫn không để sự kỳ lạ này ở trong tâm. Sau khi ăn xong cơm tối, Ngài vẫn như thường ngày nghỉ ngơi rất sớm. Nửa đêm, hơn 1 giờ sáng, có vị cư sĩ thường trụ ở tự viện thức dậy đi vệ sinh nhìn thấy đèn trong thất của Ngài đã sáng. Sáng sớm ngày hôm sau, sau thời công phu sáng, Pháp sư Ân Thuyên dâng cơm cho Ngài, ở bên ngoài gọi Ngài nhưng không thấy trả lời, mở cửa vào thì nhìn thấy Ngài đang nằm trên giường, y phục xếp lại rất chỉnh tề để ở trên giường. Bình thường, Ngài tuyệt đối không ngủ nướng, y phục cũng không gọn gàng đến như vậy. Pháp sư Ân Thuyên gọi mấy lần cũng không thấy Ngài có phản ứng. Pháp sư đến gần một chút thì phát hiện Ngài đã an tường vãng sanh Cực Lạc rồi. Pháp sư Ân Chí nói: **“Gương mặt tươi cười, mặt cũng rất hồng hào!”**. Bởi vì bộ tiêu của Ngài đã để trong nhà vệ sinh nên có thể nhận định là sau khi Ngài công phu thời khóa sáng thì Ngài lại nằm lên giường. **Ngày 17 tháng 1 năm 2013 (mùng 6 tháng chạp năm Nhâm Thìn), Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền 112 tuổi thân không đau bệnh, an tường thị tịch.** Ngày thứ ba sau khi Ngài viên tịch, có đệ tử về đến mở chiếc chăn vãng sanh để chiêm ngưỡng dung nhan của Ngài, kinh ngạc phát hiện rằng: **gương mặt của Ngài mỉm cười, làn môi hồng tươi, lông mày, râu và tóc lại chuyển từ trắng sang đen, lông mày của Ngài toàn bộ chuyển sang màu đen, trước khi vãng sanh Cực Lạc thì râu của Ngài trắng hoàn toàn, bây giờ 1/3 râu chuyển sang màu đen, tóc cũng đen một nửa. Một tuần sau khi Ngài viên tịch, thân thể của Ngài vẫn mềm mại, thoai tướng hy hữu.** A Mi Đà Phật dạy Ngài ở thế gian biểu pháp, Ngài đã làm viên mãn rồi thì đón Ngài đi.

Biểu pháp cuối cùng của Ngài chính là **“Nếu muốn Phật Pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng!”**. 4 ngày sau khi biểu pháp xong thì Ngài đi đến thế giới Cực Lạc rồi. A Mi Đà Phật dạy Ngài ở lại thế gian này làm một tấm gương người tu hành trong nhà Phật cho mọi người xem, đây gọi là biểu pháp; làm tấm gương cho người học Phật, làm tấm gương cho người tu Tịnh Độ, phải làm đến khi nào? Phật dạy Ngài đợi đến khi Ngài gặp được cuốn sách **“Nếu muốn Phật Pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng”** thì lúc này Ngài biểu pháp viên mãn rồi, Phật sẽ đến tiếp dẫn.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TĂNG!

Quyển sách “Nếu muốn Phật Pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng” là Pháp sư Hoàng Lâm dùng thời gian mười mấy năm thu thập rất nhiều tư liệu để biên tập thành, trong đó trả lời những nghi vấn của những người chất vấn đối với bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Hiện tại, trong và ngoài nước Trung Hoa, có không ít người phản đối bản hội tập này của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư, họ cho rằng kinh Phật không thể hội tập. Tư liệu của Pháp sư Hoàng Lâm thu thập chứng tỏ việc hội tập kinh Phật này lúc xưa đã có, lúc đó gọi là hợp kinh. Vì vậy bản hội tập này như lý như pháp, **sự xuất hiện của bản hội tập này là cần thiết cho thời Mạt pháp.** Ngài còn trụ lại thế gian chính là vì biểu pháp cuối cùng này. Cả đời Ngài đều đang biểu pháp, trong đó quan trọng nhất chính là lần biểu pháp cuối cùng. Biểu pháp này có những ý nghĩa sau:

Thứ nhất, chứng minh bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh. Bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ đã có từ sớm nhưng đều có sai sót; bản hội tập này không có sai sót, từng câu từng chữ đều là nguyên văn lấy ra từ 5 loại nguyên bản dịch Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống.

Thứ hai, xác minh chú giải của Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ làm cho bản hội tập kinh này là thật sự đáng tin, là chú giải hoàn hảo nhất trong các bản chú giải Kinh Vô Lượng Thọ. Chú giải này là dạng tập chú, chính là hội tập kinh luận và chú giải của cổ đức để tạo thành, thật sự là chánh tri chánh kiến.

Thứ ba, Ân sư Thích Tịnh Không đã chứng minh mười mấy năm Ân sư y theo bộ kinh và bộ chú giải này để tu hành, tu hành không sai, tu hành đạt được thành tựu không thể nghĩ bàn.

Đây là sứ mạng mà A Mi Đà Phật giao cho Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền. Cái nhiệm vụ này rất lớn, công đức bất khả tư nghì, nó liên quan đến pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật 9000 năm Mạt pháp. Mạt pháp 9000 năm, tất cả chúng sanh học Phật có thể một đời thành Phật chính là nhờ vào pháp môn Tịnh Độ. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế!”. Lúc vào thời gian chung cuộc sau cùng trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, tất cả kinh điển trên thế gian đều biến mất, nhưng Thế Tôn đại từ đại bi, đặc biệt lưu lại bộ kinh Kinh Vô Lượng Thọ thêm 100 năm. Lưu lại bản kinh nào vậy? Chư tổ sư đại đức trong nhà Phật khẳng định chính là bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư và bản chú giải kinh của Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tăng khen Tăng là việc lớn trong nhà Phật, hưng suy của Phật pháp chính là ở thế hệ này! “Gia hòa vạn sự hưng”, người một nhà hòa thuận thì nhà này nhất định sẽ hưng vượng; đoàn thể Tăng đoàn cũng vậy. Nếu như đồng tu hòa thuận với nhau thì Phật pháp sẽ hưng vượng. Nếu như đồng tu bài xích lẫn nhau, khen mình chê người thì Phật pháp sẽ tiêu vong. Vì vậy, nếu muốn Phật Pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng! **Sau khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, nhục thân của Ngài được đặt trong một chiếc cang (chum thọ), đem táng vào giường tháp**

của chùa Phật Lai. Ngài ngồi trong cang 6 năm 100 ngày. Khi mở cang ra thì mùi hương thơm toả khắp; đầu tóc, mạch máu, lỗ chân lông,... đều nguyên vẹn rõ ràng; quần áo mặc trên người cũng nguyên vẹn. Nhục thân Bồ-tát Hải Hiền Đại sĩ, một người niệm Phật đại viên mãn thành tựu, một câu A Mi Đà Phật niệm được 92 năm, lưu lại toàn thân Kim Cang Xá Lợi bất hoại!



(Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền hai tay nâng quyển sách “Nếu muốn Phật pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng” lên, chụp tấm hình làm biểu pháp cuối cùng)

Chú thích: Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng sau khi Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền vãng sanh Cực Lạc thì thân phận của Ngài mới được tiết lộ: **Ngài chính là Phổ Hiền Bồ-tát tái sanh, Ngài và Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư đều là ứng hóa thân của đức Phổ Hiền Bồ-tát, một người hội tập kinh, một người làm biểu pháp.**✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TĂNG!

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG ÂN SƯ THƯỢNG NHÂN THÍCH TỊNH KHÔNG



(Ân sư Thích Tịnh Không 60 năm giảng kinh, phổ độ vô lượng chúng sanh thành Phật)

Đại lão hòa thượng Ân sư Thượng nhân Thích Thượng Tịnh Hạ Không thế danh là Từ Nghiệp Hồng, sanh vào tháng 2 năm 1927 tại huyện Lư Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Quê hương của Ân sư là cái nôi của Đồng Thành Học Phái, là nơi có truyền thống văn hóa được xây dựng và phát triển mạnh mẽ liên tục từ xưa đến nay, rất nhiều nhân sĩ nổi danh đóng góp lớn cho đất nước được sinh ra ở nơi này.

Ân sư từ thuở nhỏ đã được tiếp nhận nền giáo dục **Văn hóa truyền thống “Hiếu thân - Tôn sư”** ở trường tư thực của quê hương. Ngày đầu tiên ở trường tư thực, tại từ đường, đầu tiên là lão sư và cha của Ân sư cùng các học trò nhỏ hành lễ trước bài vị của đức Khổng Tử - Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư 3 lần quỳ 9 lần lạy đầu chạm xuống đất. Sau đó, cha của Ân sư mời vị lão sư sẽ dạy học cho các học trò nhỏ ngồi lên ghế, rồi ông thay mặt tất cả học trò nhỏ hành lễ 3 lần quỳ 9 lần lạy đầu chạm xuống đất đối với lão sư, tặng lễ vật cho lão sư và mong lão sư dạy các học trò nhỏ nên người. Ân sư và các bạn nhìn thấy cha mình quỳ lạy trước mặt lão sư thì tự động sanh tâm tôn kính vô hạn đối với thầy, không dám trái nghịch lời dạy của thầy.

Năm 1944, Ân sư học tại trường Trung học Quốc Lập Số 3, hiệu trưởng của trường là thủ khoa kỳ thi công chức đầu tiên của thời Dân Quốc - **tiên sinh Chu Bang Đạo**. Vợ chồng hiệu trưởng Chu yêu thương học trò như con cái của chính mình, con ruột của vợ chồng hiệu trưởng Chu cũng học trong trường Trung học Quốc Lập Số 3. Thời kỳ này là những năm chạy loạn chiến tranh, cuộc sống hết sức vất vả khó khăn, luôn phải di tản chỗ ở để tránh bom đạn. Khi nhà nước cung cấp nhu yếu phẩm cho trường thì tiên sinh Chu sẽ phân phát đều đến tất cả các học trò trước, chính con ruột của tiên sinh Chu sẽ nhận phần nhu yếu phẩm còn sót lại sau cùng. Hành động này

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

của vợ chồng hiệu trưởng Chu đã khiến Ân sư và các bạn học của Ân sư vô cùng cảm động, cả đời cũng không quên được ân đức của vợ chồng thầy hiệu trưởng Chu.



(Tiên sinh Chu Bang Đạo)

Năm 1949, Ân sư đến Đài Loan sinh sống và làm việc ở Thất Tiễn Học Xã. Ân sư thích nghiên cứu học tập kinh sử triết học khi có thời gian rảnh rỗi, không hề có hứng thú với các loại giải trí, ca múa nhạc, xem phim,... như những người thanh niên cùng lứa tuổi lúc bấy giờ. Cuộc sống vật chất thời còn trẻ của Ân sư vô cùng vất vả, ăn bữa nay phải lo bữa mai, tương lai thật là mờ mịt không có tia sáng hy vọng. Mẹ của Ân sư và rất nhiều người xem tử vi tướng số cho Ân sư đều nói số mạng của Ân sư rất khổ, có số ăn mày. Số mạng không có tiền tài vì kho tài khó trống trơn. Số mạng chỉ làm được trợ lý chứ không thể làm lãnh đạo một tổ chức vì không có quan ấn. Tuổi thọ lại ngắn, năm 45 tuổi sẽ chết. Ân sư thật sự tin vào những điều này, đặc biệt là tin mình sẽ chết vào năm 45 tuổi vì cha, bác và ông nội của Ân sư cũng đều qua đời vào năm 45 tuổi, việc này giống như có tính di truyền. Trong một số bài giảng kinh, Ân sư có nói rằng đời quá khứ Ân sư chỉ tu pháp bố thí nên kiếp này rất thông minh Trí-huệ, còn tài bố thí và vô-úy bố thí đều không tu nên đời này không có tiền tài, không có địa vị, lại chết yểu. Số mạng cả đời Ân sư thay đổi chuyển biến được là nhờ vào Trí-huệ cao độ; tiền tài, địa vị và tuổi thọ trong hiện tại là Ân sư tu được trong đời này. Cho nên, Trí-huệ rất quan trọng, Trí-huệ có thể giải quyết mọi vấn đề.

Năm 1953, Ân sư biết được có vị Giáo sư Triết học nổi tiếng thế giới đang giảng dạy tại đại học Đài Loan, cùng quê tỉnh An Huy, đó là **Giáo sư Phương Đông Mỹ**. Ân sư viết một bức thư với nét chữ thảo rất đẹp gửi cho Giáo sư Phương mong được tham gia dự thính môn Triết học của thầy ở trường đại học Đài Loan. Tâm chân thành cung kính và lòng ham học mãnh liệt của Ân sư đã khiến Giáo sư Phương cảm động, Giáo sư Phương gửi một lá thư hồi đáp để mời Ân sư đến nhà gặp mặt rồi nói: “Con không nên đến trường học! Ở trường học hiện tại, thầy giáo không ra thầy giáo, học trò không ra học trò. Nếu con đến trường học thì con sẽ thất vọng đấy!”. Nghe xong lời này, Ân sư cảm thấy không còn hy vọng được học. Giáo sư Phương nhìn ra

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

suy nghĩ của Ân sư, Giáo sư ngẫm nghĩ một lúc rồi nói: “Thế này đi, mỗi tuần, con hãy đến nhà thầy, thầy sẽ dạy môn Triết học riêng cho con 2 giờ!”. Vậy là mong mỗi được học Triết học với vị Giáo sư nổi tiếng thế giới của Ân sư đã thành hiện thực. Giáo sư Phương vô cùng thương yêu quan tâm chăm sóc Ân sư. Giáo sư dạy Ân sư ngay trong phòng khách nhỏ nhà thầy, khóa trình là một bộ “Triết học khái luận”; giảng từ Triết học phương tây giảng đến Triết học phương đông, sau cùng giảng đến Triết học trong kinh Phật. Ân sư vô cùng bất ngờ, nói với thầy: “Thưa thầy, Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, là đa thần giáo, là phiếm thần giáo, là tôn giáo cấp thấp; thì sao Phật giáo lại là Triết học?”. Tôn giáo cấp cao họ chỉ thờ một vị chân thần, từ trước đến nay Ân sư vẫn luôn cho rằng Phật giáo là tôn giáo cấp thấp. Thầy nói với Ân sư: “Con vẫn còn trẻ. Con vẫn chưa hiểu chuyện. Thích Ca Mâu Ni Phật là nhà Triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của Triết học trên thế giới và **học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người!**”. Những câu nói của thầy làm Ân sư chấn động. Ân sư tiếp nhận lời nói của thầy vì biết thầy rất thương mình, thầy nhất định không có lừa gạt mình. Thông qua quá trình học tập với Giáo sư Phương, Ân sư đã dần nhận biết rõ ràng sự vĩ đại của Phật pháp. Giáo sư Phương lại đặc biệt đem bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm giới thiệu với Ngài.



(Giáo sư Triết học Phương Đông Mỹ dẫn dắt Ân sư đi vào Phật pháp)

Sau khi học Triết học với Giáo sư Phương Đông Mỹ, Ân sư được Kinh Mẫn thân vương là một vị hoàng thân thuộc triều đại cuối cùng của nhà Thanh đã sụp đổ giới thiệu đến câu học Phật pháp với **Đại sư Chương Gia**. Đại sư Chương Gia là Chương Gia Hồ Đồ Khắc Đồ đời thứ 7, còn gọi là Phật Sống Chương Gia, một vị lãnh tụ Phật giáo của Mật tông Tây Tạng. Đại sư Chương Gia là Quốc sư của các đời vua nhà Thanh cuối cùng, tên thật là La Tang Ban Đệ Đạt Đan Tất Dung Mai, sinh

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

năm 1890 niên hiệu Quang Tự thứ 16 trong một gia đình dân tộc Tạng ở Thanh Hải. Đại sư Tông-Khách-Ba (Tsongkhapa) là Văn Thủ Sư Lợi Bồ-tát tái sanh để hộ trì chánh pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, uốn nắn tà ma ngoại đạo, lập ra phái Mật tông Hoàng Giáo, nghiêm trì Giới-luật của cả Tiểu-thừa, Đại-thừa và Mật-thừa. Đại sư có 4 vị đệ tử truyền thừa Mật pháp là Chương Gia, Đạt Lai, Ban Thiền và Triết Bồ Tôn Đan Ba; trong đó Chương Gia làm thượng thủ. 04/3/1957, Đại sư Chương Gia thị hiện viên tịch tại bệnh viện Đài Đại - Đài Loan. Khi hỏa táng nhục thân Đại sư ở Đài Bắc, thời tiết hôm đó mưa lất phất, trời đầy mây đen âm u không có ánh nắng mặt trời; khói lửa hỏa táng nhục thân Đại sư bốc lên tận tầng mây hiện hình hoa sen chiếu hào quang rực rỡ và có hương thơm kỳ lạ bay xa 10 dặm. Xá Lợi thu được hơn 6000 viên có thoai tướng “Kim Cang Bảo” và “Lục Tự Luân”. Tháp Xá Lợi Phật Sống Chương Gia nhiều đời đặt ở chùa Trấn Hải núi Ngũ Đài. Đại sư Chương Gia được xưng tán rằng: “Chỉ có thể so sánh với Pháp sư Huyền Trang ở đời Đường!”.



(Đại sư Chương Gia xây dựng nền móng Phật pháp vững chắc cho Ấn sư)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ngày đầu tiên cầu học với Đại sư Chương Gia, Ân sư hỏi thầy rằng: “Con nghe Giáo sư Phương Đông Mỹ giảng về Phật pháp, con biết Phật pháp thù thắng vĩ đại không gì sánh bằng. Con tin tưởng và rất muốn học Phật pháp. **Trong Phật pháp liệu rằng có phương pháp nào có thể khiến cho con rất nhanh chóng chứng nhập được cảnh giới thù thắng này hay không?**”. Đại sư nghe xong thì nhìn vào mắt của Ân sư, Ân sư cũng nhìn vào mắt Đại sư, hai người đã nhìn nhau như vậy nửa giờ đồng hồ. Ân sư nói rằng nửa giờ đồng hồ này giống như nhập vào Thiên-định, không có bất kỳ một vọng niệm nào. Sau nửa giờ đồng hồ, Đại sư nói ra 1 chữ: “**CÓ!**”, Ân sư liền chú ý lắng nghe nhưng Đại sư lại không nói nữa. Hai người tiếp tục nhìn nhau khoảng 15 phút thì Đại sư nói ra 6 chữ: “**Nhìn cho thấu, buông cho được!**”. Câu nói này đã xây dựng nền tảng học Phật cả một đời của Ân sư; thành tựu tu hành không thể nghĩ bàn trong Phật pháp mà Ân sư đã đạt được là giống như các vị tổ sư Liên Trì, Ngẫu Ích, Ấn Quang,... không khác, thành tựu ấy đi lên từ 6 chữ này.

Trước khi đức Thế Tôn thị hiện nhập diệt, Tôn giả A Nan hỏi Phật: “Khi Phật tại thế, chúng con đều tôn Phật làm thầy. Phật khuất bóng rồi, chúng con phải nương cậy ai làm thầy?”. Thích Ca Mâu Ni Phật đã trả lời Tôn giả rằng: “Lấy giới làm thầy! Lấy khổ làm thầy!”.

Truyền thừa Tông môn (Thiền tông) là Tôn giả Ma-ha Ca Diếp, truyền thừa Giáo hạ (ngoài Thiền tông, Tịnh tông và Mật tông ra thì đều gọi là Giáo hạ) là Tôn giả A Nan; Phật không bảo nương theo Tôn giả Ma-ha Ca Diếp hay Tôn giả A Nan làm thầy mà Phật dạy lấy Giới-luật làm thầy, lấy khổ làm thầy. Chúng ta có thể trì Giới sẽ chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật đang tại thế; có thể chịu khổ mới có thể trì giới; nếu chẳng thể chịu khổ thì không thể trì giới, chắc chắn quý vị sẽ phá giới, phạm giới. Giới-luật còn thì Phật pháp còn, Giới-luật mất thì Phật pháp diệt!

Chúng ta dù tu học bất kì pháp môn nào đều phải lấy Giới-luật làm nền tảng tu hành. Nếu không trì Giới-luật thì chính là đang làm nghiên cứu Phật học; nếu trì Giới-luật thì chính là có nền tảng để bắt đầu học Phật. Phật học không thể thoát khỏi biển khổ sanh tử cho đến không thể thành Phật, đáng phải sanh tử luân hồi đau khổ như thế nào thì vẫn phải sanh tử luân hồi đau khổ như thế đó. Chúng ta phải học Phật mới có thể thoát khỏi biển khổ sanh tử, mới có thể thành Phật!

- Trích lục từ bài giảng kinh Vô Lượng Thọ của Ân sư Thích Tịnh Không -

Ân sư theo học với Đại sư Chương Gia 3 năm, cũng là một thầy dạy một trò 2 giờ mỗi tuần trong phòng riêng. Tuần nào Ân sư không đến học thì Đại sư Chương Gia sẽ gọi điện hỏi thăm hoặc phái đệ tử đến hỏi thăm xem Ân sư có gặp khó khăn gì

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

không, có đau bệnh gì không, v.v... vì sao hôm nay lại không đến học với thầy. Đại sư vô cùng yêu thương quan tâm chăm sóc Ân sư. Khi học Phật, Ân sư cho rằng Giới-luật là những điều mà Thích Ca Mâu Ni Phật và Tăng đoàn dùng vào 3000 năm trước, Phật là người Ấn Độ cổ, Ân sư là người Trung Hoa hiện đại, đại khái Giới-luật là Phật chế định cho người Ấn Độ cổ nên đối với người hiện tại sẽ không thích hợp. Đại sư Chương Gia biết được suy nghĩ này của Ân sư. Mỗi lần tan học, Đại sư tiễn Ân sư ra về, đi đến cửa đều nói nhỏ với Ân sư một câu: **“Giới-luật rất quan trọng!”**. Đại sư đã nói câu nói này với Ân sư liên tục 3 năm không gián đoạn cho đến lúc Đại sư thị hiện viên tịch. Ân sư nói rằng Đại sư thị hiện viên tịch chính là vì Ân sư. Trong ngày hỏa táng nhục thân của Đại sư, Ân sư cùng với các đệ tử của Đại sư ngồi trong túp lều dựng lên bên cạnh nơi hỏa táng, Ân sư suy nghĩ lại trong 3 năm qua Đại sư dạy điều gì là quan trọng nhất? Chính là câu nói **“Giới-luật rất quan trọng!”**. Ân sư bỗng nhiên đại ngộ! Ân sư hiểu rằng Giới-luật của Phật không giống như luật pháp và hiến pháp của thế gian có thể thay đổi để phù hợp theo từng thời đại từng chế độ, mà Giới-luật nhà Phật là quy củ bất di bất dịch của pháp xuất thế gian, là nền tảng cơ bản của con đường siêu phàm nhập Thánh thành Phật, nếu thay đổi Giới-luật thì sẽ không bao giờ thành Phật được vì nền tảng của con đường thành Phật đã bị phá hủy!

**“Trì giới - niệm Phật vốn là một môn,
Tịnh giới là Nhân, Tịnh Độ là Quả!”**

Trong thời gian theo học với Đại sư Chương Gia, thầy khuyên Ân sư học theo tấm gương của Thích Ca Mâu Ni Phật, cả một đời giảng kinh thuyết pháp phổ độ chúng sanh, không có một chút nào nghĩ cho bản thân mình. Đại sư nói với Ân sư rằng nếu Ân sư toàn tâm toàn lực vì chúng sanh vì Phật pháp mà công hiến mà phục vụ thì cuộc đời của Ân sư sẽ được Phật Bồ-tát an bài, Phật Bồ-tát sẽ chăm sóc cho Ân sư, cả đời Ân sư sẽ tự tại, sẽ không phải tự mình lo nghĩ điều gì nữa. Ân sư tin thầy và tiếp nhận lời giáo huấn này của thầy, cả đời vì Phật pháp vì chúng sanh mà phục vụ, thật sự là Phật Bồ-tát đã gia trì và chăm sóc chu đáo cho Ân sư, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Ân sư từng dạy rằng **trong nhà Phật có cầu ắt có ứng, hễ như lý như pháp mà cầu Phật Bồ-tát gia trì, Phật Bồ-tát đáng tin, người không đáng tin, cầu người rất khó, nhìn mặt của người rất khó coi, như lý như pháp mà cầu chính là vì Phật pháp vì chúng sanh mà cầu thành Phật đạo.**

Năm 1958, Ân sư được hai vị đại đức trong nhà Phật là cư sĩ Chu Kính Trụ và Pháp sư Sám Vân giới thiệu đến Đài Trung cầu học với Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam. **Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam là đệ tử truyền pháp của Đại sư Ấn Quang - vị tổ sư thứ 13 của Tịnh Độ tông, một đời chuyên tu chuyên hoằng pháp môn Tịnh Độ.** Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam sống vào thời Dân Quốc, hiệu Tuyết Lư; sinh ra tại thành phố Tế Nam, tỉnh Sơn Đông. Ngài từ nhỏ đã có ngộ tánh hơn người, rất hiếu học. Đối

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

với thế học, Ngài chuyên học về pháp luật, chính trị và Trung y, là một thầy thuốc Trung y rất giỏi. Đối với học Phật, Ngài quy y với Ấn Quang Đại sư và được ban hiệu là Đức Minh. Ngài thông suốt Tông môn, Giáo hạ, Hiền giáo, Mật giáo, Tịnh Độ nhưng chuyên tu chuyên hoằng pháp môn Tịnh Độ. Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam rất nhiều lần tu hành viên mãn pháp Ban Chu Tam-muội. **Ban Chu Tam-muội chính là Niệm Phật Tam-muội, là lấy 90 ngày làm thời hạn, liên tục đi kinh hành nhiều Phật niệm A Mi Đà Phật, chỉ được đứng hoặc đi chứ không được nằm hay ngồi.** Người thành tựu pháp Ban Chu Tam-muội đều là bậc siêu phàm xuất chúng, không phải người có căn tánh thông thường có thể tu nổi. Cho nên, Ngài là người có tu có chứng quả vị, cảnh giới tu chứng của Ngài chắc chắn là vô cùng cao. Ngài từng nhiều lần nói với Ấn sư và các học trò là: “Ta sanh tử rất tự tại! Ta đi lúc nào cũng được, muốn ở lại thêm mấy năm cũng không có chướng ngại gì!”.



(Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam truyền pháp môn Tịnh Độ và dạy Ấn sư giảng kinh 10 năm, đem bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư trao cho Ấn sư)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ngài giữ rất nhiều chức vụ, kiêm nhiệm rất nhiều công việc khác nhau, lượng công việc của Ngài bằng lượng công việc của 5 người bình thường, muốn gặp Ngài phải đặt hẹn trước 1 tuần để sắp xếp, nếu như bất ngờ đến gặp Ngài thì không bao giờ gặp được. **Tuy tiền thu nhập mỗi tháng của Ngài rất nhiều nhưng bản thân Ngài chưa bao giờ hưởng thụ. Mỗi ngày, Ngài chỉ ăn 1 bữa Ngọ (giờ Ngọ là từ 11h đến 13h, Phật thọ thực vào giờ này), mỗi bữa ăn là 2 cái bánh bao bằng bột mì to bằng quả trứng gà, 1 cái bánh bao bột mì này giá 1 đồng Đài Loan. Phí dụng sinh hoạt của Ngài là 60 đồng Đài Loan/tháng, đổi theo tỉ giá hối đoái lúc bấy giờ còn chưa đến 2 USD.** Sau khi Ngài vãng sanh Cực Lạc, Ân sư và các đồng học về thủ tang thầy, lúc thay áo cho nhục thân của thầy mới phát hiện ra áo lót bên trong mà thầy mặc đã rách nát, vá đi vá lại không biết bao nhiêu lần, thầy tự mình khâu vá không nhờ đến ai. Ngài ở trong một căn nhà rất nhỏ.

Tất cả tiền thu nhập Ngài đều dùng vào việc hoằng dương Phật pháp phổ độ chúng sanh. Ngài lập các bệnh viện Trung y như Bồ-đề y hội, Thí y viện,... để khám và điều trị bệnh từ thiện, từ đó tạo duyên để tiếp dẫn chúng sanh tu Tịnh Độ. Ngài xây dựng Liên Xã Đài Trung và Thư Viện Từ Quang để hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. **Dưới pháp tòa của Ngài đã đào tạo nên nhiều vị Cao Tăng đại đức cư sĩ như Ân sư Thích Tịnh Không, Pháp sư Thích Quả Thanh (tổ sư thứ 46 của Pháp Hoa tông. Ngài hành trì viên mãn pháp Ban Chu Tam-muội được 4 lần, được truyền thừa từ tổ sư thứ 45 của Pháp Hoa tông là Pháp sư Thích Liễu Nhất), v.v...**

Khi Ân sư mới theo học với Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam thì danh sách liên hữu của Liên Xã Phật giáo Đài Trung là 50.000 người, khi Đại lão cư sĩ vãng sanh Cực Lạc thì danh sách là hơn 200.000 người!

Chú thích: **Pháp sư Thích Đế Nhân là tổ sư thứ 43 của Pháp Hoa tông, còn được gọi là Thiên Thai Giáo Quán tông.** Sơ tổ của tông này là Pháp sư Trí Giả ở núi Thiên Thai - Trung Hoa. **Pháp sư Trí Giả chính là Thích Ca Mâu Ni Phật tái sanh ở Trung Hoa.** Pháp Hoa tông bái Bồ-tát Long Thọ ở Ấn Độ làm Sơ tổ, lấy Diệu Pháp Liên Hoa Kinh làm kinh điển chính để tu học. Tất cả tổ sư của Pháp Hoa tông đều niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc, gọi là **truyền thống Thai - Tịnh.** **Ở Việt Nam, Pháp Hoa tông được truyền đến là do Pháp sư Thích Hiển Kỳ quê ở Long An sang Trung Hoa bái Pháp sư Đế Nhân chùa Quán Tông làm thầy.** Trước đây, ông tu tiên theo đạo Minh Sư đã đạt thành tựu rất lớn trong đạo này, trở thành vị lão sư đứng đầu của đạo này; sau đó, ông bỏ tu tiên để học Phật nên đã khiến rất nhiều lão sư của đạo Minh Sư học Phật theo ông. Pháp sư Hiển Kỳ là một Cao Tăng lỗi lạc của Pháp Hoa tông nhưng ông không về Việt Nam mà ở lại Trung Hoa hoằng pháp lợi sanh; chỉ có 7 vị đệ tử người Việt của ông trở về Việt Nam hoằng truyền Pháp Hoa tông. Thiên Thai Giáo Quán tông chính là Pháp Hoa tông, khác hoàn toàn với Thiên Thai Thiên Giáo tông được lập ra ở Việt Nam, Thiên Thai Thiên Giáo tông là một hội Phật giáo trong thời kỳ đầu thành lập.*



(Pháp sư Thích Quả Thanh - tổ sư thứ 46 của Pháp Hoa tông đánh lễ Ân sư)

Ngày đầu tiên gặp mặt, Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam đã đưa ra 3 yêu cầu rất nghiêm khắc đối với Ân sư và nói rằng: “Nếu con có thể tiếp nhận 3 yêu cầu này của ta thì mới có thể ở lại Đài Trung theo học với ta. Nếu con không thể tiếp nhận 3 yêu cầu này thì con hãy đi tìm Cao Tăng đại đức cư sĩ khác để học!”. 3 yêu cầu là:

Một, những gì con đã học, dù là học với Giáo sư Phương Đông Mỹ hay là học với Đại sư Chương Gia, ta đều không công nhận, nhất loạt phế bỏ, kể từ hôm nay bắt đầu học lại từ đầu.

Hai, Đài Trung là nơi có rất nhiều Pháp sư và đại đức cư sĩ tại gia đến giảng kinh, con đều không được phép nghe, chỉ được nghe một mình ta giảng kinh.

Ba, tất cả kinh sách dù là kinh Phật hay là sách vở thông thường của thế gian nếu như không được sự đồng ý của ta thì con không được xem. Phim ảnh, tivi, báo chí, truyền thanh,... càng không được phép xem!

Ân sư nghe xong liền đồng ý 3 yêu cầu của thầy. Ngài thấy vậy liền vui vẻ nói với Ân sư: “3 yêu cầu này chỉ có thời hạn 5 năm!”.

Ân sư thực hiện 3 yêu cầu của thầy được khoảng 3 tháng thì cảm thấy rất có thọ dụng, cảm thấy phương pháp này rất tốt, phương pháp này khiến tâm địa dần đi đến chỗ thanh tịnh và Trí-huệ phát sinh. Ân sư liền nói với thầy: “Con muốn giữ 3 yêu cầu của thầy thêm 5 năm nữa!”, thầy liền mỉm cười nhìn Ân sư. Ngài vô cùng

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

thương yêu quan tâm chăm sóc Ân sư. Sau này, Ân sư mới biết được chỉ riêng đôi với Ân sư thì thầy mới đưa ra 3 điều kiện khắt khe đó, còn lại tất cả các học trò khác đều không có 3 điều kiện này. Nhiều năm sau, Ân sư có dịp nói chuyện với Pháp sư Diễn Bồi mới biết được lão Hòa thượng Đệ Nhân (vị tổ sư thứ 43 của Pháp Hoa tông) cũng có yêu cầu như vậy đối với Pháp sư Diễn Bồi. Nhưng lúc đó, Pháp sư Diễn Bồi còn nhỏ, không hiểu chuyện, đã không chịu nổi 3 yêu cầu này, mới học được 1 năm thì lén bỏ lão Hòa thượng Đệ Nhân trốn đi rồi. Ân sư vô cùng đáng tiếc cho Pháp sư Diễn Bồi! Ân sư nói rằng nếu Pháp sư Diễn Bồi có thể kiên trì theo lão Hòa thượng Đệ Nhân tu học thì ông đã có thành tựu lớn hơn bây giờ rất nhiều lần, đã trở thành tổ sư thứ 44 của Pháp Hoa tông rồi. Cho nên, **Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam đưa ra 3 yêu cầu này chính là phương pháp giáo học mà tổ sư các tông phải đời đời truyền thừa cho nhau chứ không phải do một ai đó bịa đặt ra.** Tổ sư quán xét căn cơ thấy căn tánh người học trò này chính là pháp khí trong nhà Phật, nếu được dạy tốt thì người ấy tu hành chắc chắn sẽ đạt được thành tựu vô cùng to lớn mới đem 3 yêu cầu khắt khe này áp đặt cho họ, đây chính là **Sư Thừa**.

Ân sư thấy thầy mình ăn uống như vậy thì cũng học theo, nhưng phải ăn 3 cái bánh bao mới đủ, ăn nhiều hơn thầy 1 cái. Ân sư ăn như vậy mấy năm vẫn cảm thấy thể lực sức khỏe rất tốt, không hề bị giảm sút gì, liền đến nói với thầy, thầy hoan hỷ vỗ tay xuống mặt bàn một cái khen ngợi Ân sư: “Tốt! Con cả đời cứ tiếp tục như vậy, đừng thay đổi, cuộc sống không cần phải cầu cạnh ai cả!”. Những lúc người khác cúng dường quần áo mới cho Đại lão cư sĩ thì Ngài đem tặng hết cho người khác mặc. Ngài cũng thường tặng áo cho Ân sư: “Con không có áo mặc, ta cho con này!”. Cho đến hiện tại, Ân sư vẫn còn giữ 2 chiếc áo mới mà thầy tặng năm xưa để kỷ niệm thầy chứ không nỡ mặc. Sự cần kiệm của Ngài thật không khác gì Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền.

Ân sư theo học với Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam được mấy năm thì nhận thấy đã đến lúc phải hiện tướng xuất gia. Tất cả chùa lúc bấy giờ đều làm kinh sám Phật sự, Ân sư chỉ muốn chuyên tâm giảng kinh thuyết pháp như Thích Ca Mâu Ni Phật chứ không muốn làm việc cúng bái mê tín dị đoan. Chưa biết làm thế nào, Ân sư bèn cầu Phật gia trì như lời Đại sư Chương Gia dạy. Không bao lâu, khoảng năm 1959, Ân sư 9 lần được trụ trì chùa Lâm Tế, Viên Sơn, Đài Bắc đến tận nơi tha thiết thỉnh cầu Ân sư xuất gia, chỉ cần Ân sư xuất gia thì yêu cầu gì ông ấy cũng đáp ứng cho Ân sư. Nhận thấy duyên đã chín muồi, trong năm 1959, Ân sư xuống tóc xuất gia tại chùa Lâm Tế, Viên Sơn, Đài Bắc, pháp danh Giác Tịnh, tự Tịnh Không.

Sau khi thọ giới, Ân sư trở về Đài Trung lạy thầy mình là Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam và tiếp tục theo thầy để tu học. Vừa nhìn thấy mặt Ân sư, thầy liền chỉ vào Ân sư mà nói: **“Con phải tin Phật! Con phải tin Phật!”**. Ân sư ngẩn người ra không hiểu chuyện gì! Ân sư nghĩ: “Nếu mình không tin Phật thì sao mình lại muốn xuất gia chứ?”. Sau khi Ân sư ngồi xuống thì thầy giải thích: **“Có rất nhiều người tuổi**

trẻ đi xuất gia đến 80 tuổi vẫn chưa tin Phật. Họ cũng biết giảng kinh, giảng hay đến hoa trời rơi rụng. Vì sao không tin Phật? Vì những gì Phật nói trên kinh một chữ họ cũng không làm được, đó không phải là tin Phật!”.



(Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam ở giữa và Ân sư Thích Tịnh Không ở bên phải)

Trong 10 năm theo thầy học ở Đài Trung, Ân sư học tổng cộng 5 bộ kinh, bộ đầu tiên là Kinh A Nan Hỏi Phật Việc Kiết - Hung thuộc kinh điển Tiểu-thừa. **Phật dạy: “Trước không học Tiểu-thừa mà đã học Đại-thừa thì không phải đệ tử Phật!”**. Ân sư dạy rằng **Kinh A Nan Hỏi Phật Việc Kiết - Hung và Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo (kinh này thông cả Tiểu-thừa lẫn Đại-thừa) là nền tảng cơ bản để tu học tất cả pháp môn trong Phật pháp, giống như cây phải có gốc rễ mới sanh ra cành nhánh hoa quả, Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là gốc rễ của Phật pháp**. Bộ kinh sau cùng cũng là bộ kinh mà Ân sư dồn tất cả công lực vào là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, cho nên Ân sư nói: “Tôi tu pháp môn Tịnh Độ, chủ tu là Lăng Nghiêm!”. Người ta nghi hoặc hỏi rằng Kinh Lăng Nghiêm thì có liên quan gì với Tịnh Độ đâu? Ân sư nói rằng phẩm kinh quan trọng nhất của Kinh Lăng Nghiêm là 25 pháp viên thông, trong đó có 2 pháp viên thông quan trọng nhất và đặc biệt nhất là Nhĩ Căn Viên Thông của Bồ-tát Quán Thế Âm và Niệm Phật Viên Thông của Bồ-tát Đại Thế Chí. Thứ tự sắp xếp đúng phải là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức. Nhĩ Căn Viên Thông của Bồ-tát Quán Thế Âm từ vị trí thứ 2 trong sáu căn xếp ra cuối cùng. Niệm Phật Viên Thông của Bồ-tát Đại Thế Chí từ vị trí thứ 6 trong bảy đại là kiến đại cũng xếp ra sau cùng; trước đó, vị trí cuối cùng này là thức đại của Bồ-tát Di Lặc. Cho nên, trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm có đến 2 pháp viên thông đặc biệt chứ không phải một pháp như nhiều người lầm tưởng. Vì sao Nhĩ Căn Viên Thông xếp sau cùng, Niệm Phật Viên Thông xếp vị

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

trí 24? Vì **nhĩ căn của chúng sanh cõi Ta Bà đặc biệt nhạy bén**, nên Nhĩ Căn Viên Thông đặc biệt khế hợp căn cơ của chúng sanh cõi Ta Bà. Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đã thay chúng sanh cõi này tuyển chọn pháp môn qua câu kệ **“Thử phương (cõi Ta Bà) chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn!”**. **Niệm Phật Viên Thông khế hợp căn cơ tất cả chúng sanh khắp pháp giới hư không giới! Ân sư lại nói rằng Trì Danh Niệm Phật nếu niệm thâm, niệm trong tâm, nghe âm thanh Phật hiệu trong tâm thì Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí Bồ-tát cũng chính là Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ-tát, hai pháp viên thông này trở thành một.** Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát là hai vị trợ thủ đứng hầu bên cạnh A Mi Đà Phật, vậy thì Kinh Lăng Nghiêm chính là chỉ quy về Tịnh Độ!

Sau khi xuất gia, Ân sư chuyên tâm vào giảng kinh, hoằng pháp phổ độ chúng sanh không gián đoạn. Năm 1960, Ân sư nhận lời mời của Pháp sư Bạch Thánh đến Phật Học Viện Tam Tạng tại chùa Thập Phổ - Đài Bắc giảng dạy. Tiếp theo đó, Ân sư nhận lời mời đến Đài Đông giảng Kinh A Nan Hỏi Phật Việc Kiết - Hung. Càng về sau, phong khí học Phật càng được mở rộng, Ân sư giảng dạy tại giảng tòa Đại Chuyên Phật Học, thúc đẩy sự giáo hóa của Nho và Phật, độ vô lượng chúng sanh.

Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam đã đem bộ Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh do Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập trao cho Ân sư, đích thân Ngài làm mi chú ở bên lề quyển kinh. Nhận được kinh, đọc xong một lượt, Ân sư sanh tâm hoan hỷ vô lượng, liền nói với thầy: “Con muốn giảng bộ kinh này!”. Thầy liền ngăn cản, nói rằng: “Duyên hiện tại chưa chín muồi! Tuổi của con còn quá trẻ, uy tín chưa lớn. Hiện tại, rất nhiều Pháp sư và đại đức cư sĩ phản đối bản hội tập này, nếu bây giờ con giảng bộ kinh này mà họ kéo đến gây phiền phức thì con sẽ chống đỡ không nổi!”. Nghe thầy dạy như vậy thì Ân sư cất bộ kinh này đi và giảng Kinh Lăng Nghiêm. Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam từng nói trước với Ân sư rằng: **“Tương lai, con giảng kinh được tốt thì con sẽ lâm vào bước đường cùng!”**. Trong khoảng năm 1966, tất cả các chùa đều không tiếp nhận Ân sư vì Ân sư giảng kinh thuyết pháp còn người trong chùa chỉ thích làm kinh sám Phật sự cúng bái mê tín dị đoan để kiếm thu nhập. Đúng như Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam đã tiên đoán trước, Ân sư lâm vào bước đường cùng, chỉ có hai con đường để đi: một là hoàn tục, hai là làm kinh sám Phật sự. Trong một lần giảng kinh, Ân sư đã quen biết với vợ chồng Đại cư sĩ Hàn Anh, bà đã trở thành đại hộ pháp của Ân sư. Không còn cách nào khác, Ân sư buộc phải chuyển đến sống ở một căn phòng nhỏ trong nhà vợ chồng Đại cư sĩ Hàn Anh, ném trải qua vô vàn sự sỉ nhục và thị phi đến từ bên ngoài. Bà Hàn Anh mỗi tuần đều thuê mướn chỗ cho Ân sư giảng kinh, rồi thông báo địa điểm và lịch giảng kinh đến thỉnh chúng, mời thỉnh chúng đến nghe Ân sư giảng kinh. Vì phòng giảng kinh là thuê mướn nên địa điểm và thời gian giảng kinh thay đổi liên tục giống như “đánh du kích”; tuy vậy, suốt 30 năm không có tuần nào việc giảng kinh bị gián đoạn. Công đức của bà Hàn Anh thật vô cùng to lớn.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trong nhiều năm liền Ân sư cùng Đại cư sĩ Hàn Anh ở Mỹ hoằng pháp, nhận thấy thính chúng ở Mỹ chỉ thích tu Thiền tông và Mật tông, chưa thể tiếp nhận Tịnh Độ nên Ân sư đã giảng các kinh điển của Thiền tông và Mật tông nhằm khéo léo hăng thuận chúng sanh. Sau một thời gian, nhận thấy duyên đã chín muồi, Ân sư khai giảng Kinh Phật Thuyết A Mi Đà, mỗi ngày giảng 2 giờ, giảng 1 năm mới kết thúc; số lượng đĩa CD thu âm là 1 bao lớn. Ân sư đem đặt bao đĩa CD này lên bàn giảng kinh khiến mọi người tò mò hỏi đây là kinh gì mà Pháp sư giảng phân lượng lại nhiều đến như vậy? Ân sư nói với họ đây là bài giảng Kinh A Mi Đà, họ nghe xong đều toát mồ hôi, Kinh A Mi Đà là một quyển rất mỏng, chỉ có mấy trang giấy mà lại giảng ra nhiều ý nghĩa như vậy khiến họ vô cùng bội phục. Pháp duyên hoằng dương Tịnh Độ tông ở Mỹ bắt đầu từ đây.

Ngày 12 tháng 4 năm Dân Quốc 75 (1986), Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam tập hợp đệ tử dặn dò phó chúc rồi an tường tự tại vãng sanh Cực Lạc, thọ 97 tuổi. Vì khắp nơi mến mộ công đức của Ngài nên mỗi ngày có khoảng 600 người tự động tự giác đến viếng rồi đi xung quanh nhục thân của Ngài niệm Phật, tiếng niệm Phật vang lên không gián đoạn suốt 49 ngày. Sau khi làm lễ trà tỳ nhục thân của Ngài thì thu được hơn 1000 viên Xá Lợi Ngũ Sắc. Để kỷ niệm ngày thầy vãng sanh Cực Lạc, Ân sư lấy bộ Kinh Vô Lượng Thọ mà thầy đã trao cho Ân sư đem đi ấn tống với số lượng rất lớn rồi tặng cho các đồng tu ở khắp mọi nơi. (Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư từng huyền ký rằng bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ do Ngài hội tập sẽ truyền đi khắp thế giới và truyền từ hải ngoại vào Trung Hoa đại lục.) Khi các đồng tu Tịnh Độ ở hải ngoại đọc được bản kinh này thì hoan hỷ vô lượng, liền thỉnh Ân sư giảng bộ kinh này. Ân sư ở Mỹ giảng bộ kinh này thì ở Trung Hoa đại lục có Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng giảng bộ kinh này, hai người gặp nhau vô cùng hoan hỷ. Về sau, mỗi năm, Ân sư đều đến Bắc Kinh thăm Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ mấy tháng. Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ xem Ân sư như bạn đồng tu nhưng Ân sư luôn xem Ngài như thầy mình. Năm 1987, Ngài đã đem bộ Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải do Ngài làm chú giải trao cho Ân sư.

Suốt cuộc đời, Ân sư giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ được khoảng 11 lần, giảng Chú Giải Kinh được khoảng 5 lần; độ vô lượng vô biên chúng sanh. Không chỉ có rất nhiều chúng sanh ở cõi người khi được nghe Ân sư giảng kinh đã phát tâm niệm Phật và biết trước ngày giờ vãng sanh Cực Lạc có tướng lành hy hữu mà còn có rất nhiều chúng sanh ở cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh cho đến thiên nhân cõi trời cũng nhờ vào việc nghe Ân sư giảng kinh mà phát tâm niệm Phật cũng đã sanh về Cực Lạc. Trước khi vãng sanh, họ đến báo tin cho các đồng tu biết là Phật A Mi Đà sắp tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc và họ muốn cảm tạ ân đức của Ân sư.

Ân sư là người đi đầu trong việc dùng khoa học kỹ thuật hiện đại hoằng dương Phật pháp, dùng truyền hình vệ tinh và mạng internet để pháp âm được tuyên lưu đến khắp mọi nơi trên thế giới. Cho đến nay, Ân sư có phạm vi ảnh hưởng toàn thế giới.



(Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ và Ân sư Thích Tịnh Không)

Năm 1988, Ân sư cùng gia đình bà Hàn Anh về thăm Trung Quốc. Tại Bắc Kinh, Ân sư viếng thăm lão cư sĩ Triệu Phác Sơ - Hội trưởng Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, hai người có cùng quê hương An Huy. Ân sư kiên nghị với lão cư sĩ Triệu xây dựng đại học Phật giáo chuyên biệt từng tông phái để bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Ân sư còn viếng thăm và khai thị tại Phật học viện Trung Quốc.

Trong thập niên 90, Ân sư bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp tại Singapore, tại đây, Ân sư thực hiện công tác đoàn kết tôn giáo, “tôn giáo thế giới là một nhà”. Năm 1995, Ân sư chỉ đạo Đạo tràng Cư Sĩ Lâm của Singapore cùng Học hội Tịnh Tông thành lập lớp bồi huấn nhân tài hoằng pháp khóa đầu tiên. 9 vị Pháp sư đến từ Trung Quốc đại lục là nhóm học viên khóa I, sau đó liên tục tổ chức được 6 khóa học.

Tháng 5 năm 2000, nhận lời mời của cục tôn giáo quốc gia Trung Quốc, ban trị sự hữu nghị tôn giáo Singapore tổ chức đoàn viếng thăm 5 tôn giáo lớn ở Trung Quốc. Ân sư làm cố vấn của đoàn và đề xướng việc tăng cường giao lưu hợp tác giữa các tôn giáo với nhau, tổ chức đoàn du lịch là phương pháp tốt nhất.

Từ năm 2000 trở đi, Ân sư đến nhiều quốc gia trên thế giới như Thái Lan, Nhật Bản, Indonesia, Malaysia, Ai Cập, Mỹ, châu Phi, v.v... để hoằng truyền chánh pháp. 60 năm qua, dấu chân hoằng dương Phật pháp phổ độ chúng sanh của Ân sư đã lưu lại ở khắp các quốc gia trên thế giới. Năm 2005, Ân sư nhận lời mời viếng thăm Thủ đô Washington của Mỹ, gặp Tổng thống Bush. Tháng 9 năm đó, Ân sư nhận huy chương danh dự AM của Nữ hoàng Anh do Thống đốc Queensland thay mặt Nữ hoàng trao tặng cho Ân sư.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ân sư và Thủ tướng Malaysia Mahathir)



(Ân sư và trưởng lão Habi Hassan của Hồi giáo ở Singapore)

Năm 2003, Ân sư viếng thăm Thái Lan và tham gia hội nghị hòa bình thế giới. Khi biết được Phó tổng thống Thái Lan muốn xây dựng bệnh viện cho Tăng Ni nhưng thiếu kinh phí thì Ân sư đã giúp đỡ tài chính để xây dựng nên bệnh viện đó.

Năm 2010, Ân sư theo phái đoàn tôn giáo đến thăm Ý và Vatican. Năm 2011, Ân sư tham gia đại hội cầu phước đón mừng năm mới của 10 tôn giáo lớn ở Singapore. Tháng 11 năm 2012, Ân sư nhận lời mời của Tổng thống Srilanka đến thăm đất nước Srilanka lần đầu tiên cùng phái đoàn. Tại dinh tổng thống, Ân sư đọc bài diễn văn trong buổi hội báo hòa bình của UNESCO về đề tài hài hòa đa nguyên tôn giáo.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ân sư quyên góp số tiền rất lớn để xây dựng bệnh viện cho Tăng Ni ở Thái Lan)



(Thủ tướng Australia Kevin Rudd tiếp nhận quan điểm và đề nghị của Ân sư trên các phương diện như đoàn kết tôn giáo đa nguyên, thực hiện hài hòa xã hội, v.v...)

Năm 2014, Ân sư tham dự lễ động thổ xây dựng Thư Viện Tứ Khố và buổi lễ trao bằng tiến sĩ danh dự thuộc khoa Hán học tại Đại học Hồi giáo Quốc tế Indonesia cùng với Thủ tướng Mahathir. Thủ tướng Mahathir xem thấy bộ bảo điển trị quốc “Quần Thư Trị Yếu” thời nhà Đường của Trung Quốc do Ân sư trao tặng đã hoan hỷ tán thán, quý mến chẳng rời tay.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ân sư hội kiến với Giáo hoàng thứ 16 Benedict)



(Ân sư và vợ chồng nguyên Thủ tướng Nhật Bản - ông Hatoyama Yukio)

Trong bài phát biểu tại đại học Cambridge, Ân sư nhấn mạnh rằng **cái gốc của việc hóa giải tai nạn, thúc đẩy an định hòa bình thế giới là ở tâm người, cần dùng 4 loại giáo dục phổ thế: luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo mà đoạn chánh thể đạo nhân tâm** thì tai nạn sẽ không còn, thế giới sẽ hòa bình. Tất cả các giáo chủ thành lập tôn giáo đều giảng kinh dạy học, tuy nghi lễ tôn giáo quan trọng nhưng nếu chỉ có nghi lễ hình thức bề ngoài mà không có giáo học thật sự bên trong thì cũng chỉ là mê tín dị đoan. Thông qua việc khôi phục sự giáo dục trong mỗi một tôn giáo sẽ có thể thực sự mang lại sự an định và hòa bình vĩnh cửu cho thế giới.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ấn sư xem kết quả thí nghiệm kết tinh nước của phòng thí nghiệm Hoa Nghiêm)

Từ năm 2006 đến năm 2018, Ấn sư lãnh chúng tham dự hội nghị quốc tế được cử hành tại trụ sở chính của UNESCO tại Paris, Pháp. Năm 2013, Ấn sư phát biểu tại đại lễ Vesak của Phật giáo và luận đàm đa nguyên tôn giáo. Năm 2015, nhận lời mời của chính phủ Srilanka, Ấn sư tham dự đại lễ Vesak của Phật giáo và luận đàm đa nguyên văn hóa, đa nguyên tôn giáo.



(Ấn sư phát biểu tại tổ chức UNESCO của Liên Hiệp Quốc)

Văn hóa truyền thống nằm trong Tứ Khố Toàn Thư và Tứ Khố Hội Yếu viết bằng văn ngôn văn. Cho nên, để hồng dương Văn hóa truyền thống và bồi dưỡng nhân tài, nhiều năm qua, Ấn sư đề xướng và hướng dẫn thành lập Hán học viện tại nhiều nơi. Việc xây dựng Hán học viện tại Malaysia nhận được sự ủng hộ của chính phủ Malaysia. Năm 2011, Malaysia cử hành lễ động thổ xây dựng Hán học viện.

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

Tháng 6 năm 2016, nước Anh lần đầu tiên tổ chức đại lễ Tế Tổ và pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm của Phật giáo, dùng cỗ lễ của Trung Quốc tế tự tổ tiên vạn họ của các dân tộc trên toàn thế giới. Kể từ đó, mỗi năm tại Luân Đôn và Lampeter đều cử hành đại lễ Tế Tổ để bày tỏ tâm hiếu tâm kính với tổ tiên.



(Hiệu trưởng đại học xứ Wales - ông Hughes đại diện nước Anh làm chủ lễ)

Tháng 3 năm 2017, 9 vị đại sứ của tổ chức UNESCO cùng với phó hiệu trưởng đại học Oxford và khách mời của các quốc gia đã đến Australia tham quan khảo sát mô hình thành phố Toowoomba hài hòa đa nguyên văn hóa. Các vị đại sứ đích thân cảm nhận được lý niệm đoàn kết tôn giáo mà Ân sư đã thực hiện 17 năm qua tại Toowoomba xác thực có thể mang lại hòa bình và hài hòa cho xã hội. Vào tháng 7, Ân sư nhận lời mời tham gia hoạt động giao lưu nghiên cứu đề tài “Hài hòa thực vật, hài hòa nông canh ở Wales”, thái tử Charles cảm tạ sự tài trợ của Ân sư cho đề tài chuyên môn “Tiến sĩ hài hòa” của đại học xứ Wales. Ngày 7 tháng 9, nhận lời mời của thái tử Charles, Ân sư đến thăm trang viên của thái tử tại East Ayrshire - Scotland.



(Thái tử Charles cảm động trước sự viếng thăm của Ân sư)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Các vị đại sứ của UNESCO đã đồng lòng ký vào đơn đề xuất UNESCO lập đề án thành lập một văn phòng làm việc lâu dài cho Ấn sư. Ngày 25 tháng 9, Hội Hữu Nghị Tĩnh Không thuộc tổ chức UNESCO chính thức khai trương thành lập tại Paris nước Pháp. Ấn sư đảm nhiệm chức chủ tịch danh dự lâu dài.



(Pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm đã cử hành tại hội trường số 1 của tổ chức UNESCO ở trụ sở Paris nước Pháp cầu nguyện thế giới vĩnh viễn không còn chiến tranh, xã hội vĩnh viễn hài hòa)



(Ấn sư phát biểu tại tổ chức UNESCO của Liên Hiệp Quốc)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Tháng 9 năm 2018, trụ sở chính của UNESCO tổ chức đại hội hòa bình quốc tế 2018 trong 3 ngày, đây là lần đầu tiên Hội Hữu Nghị Tịnh Không phối hợp tổ chức hội nghị hòa bình thế giới với chủ đề “Thần ái thế nhân” với hơn 30 bài báo cáo phát biểu quan trọng trong các buổi thảo luận, thiết lập 2 buổi triển lãm lớn về hòa bình và cử hành đại lễ Tế Tổ mang tính toàn cầu.



(Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long đến thăm Ân sư)

Vào năm 45 tuổi, Ân sư bị một trận bệnh rất nặng, cả đời Ân sư chưa bao giờ bị bệnh. Vào lần trọng bệnh này, Ân sư hiểu rằng tuổi thọ của mình đã tận đúng theo số mạng đã định. Ân sư từ chối bác sĩ điều trị và nói rằng: “Bác sĩ chỉ có thể chữa được bệnh chứ không thể chữa được mạng!”. Tiếp đó, Ân sư mỗi ngày chỉ ăn một ít cháo trắng và trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc. Ân sư niệm Phật được 1 tháng thì bệnh khỏi hoàn toàn. Sau khi khỏi bệnh, Ân sư gặp lại Phật Sống Cam Châu cũng là một vị đệ tử của Đại sư Chương Gia, Ngài nói với Ân sư: “Thầy đã vượt qua cửa ải năm 45 tuổi! Công đức giảng kinh 12 năm qua của thầy rất lớn. Hiện tại, số mạng của thầy đã thay đổi, phước báu của thầy vô cùng lớn, tuổi thọ của thầy cũng rất dài!”. Sau khi nói với Ân sư điều này thì qua năm sau, Phật Sống Cam Châu vẫn sanh Cực Lạc.

Chú thích: Hòa thượng Bồ Đại sống vào triều Nam Tống (cùng thời đại với tướng quân Nhạc Phi), không ai biết Ngài họ tên là gì, sanh ra ở đâu, chỉ biết Ngài xuất hiện tại chùa Tuyết Đậu thuộc huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Ngài thị hiện một thân tướng rất mập, cái bụng rất lớn, khuôn mặt luôn hoan hỷ từ bi, trên vai vác theo một cái túi vải lớn, ai cúng dường cho Ngài thứ gì Ngài cũng đều cho hết vào cái túi vải; cho nên, mọi người gọi Ngài là Hòa thượng Bồ Đại. Khi viên tịch, Ngài làm một bài kệ nói Ngài là Bồ-tát Di Lạc, nói xong liền thoát hóa. Trong nhà Phật thờ Bồ-tát Di Lạc là thờ hình tượng Hòa thượng Bồ Đại, mang ý nghĩa biểu pháp rất lớn, người học Phật phải dùng về mặt hoan hỷ và tâm từ bi để tiếp đãi chúng sanh, cái bụng lớn nghĩa là không có gì không thể bao dung.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ấn sư Thích Tịnh Không 95 tuổi; thường trụ tại chùa Cực Lạc, Đài Nam, Đài Loan)

Tôi thể hội được tất cả thất bại của người tu hành đều là do THỜI GIAN HUÂN TẬP KHÔNG ĐỦ! Phải “MỘT MÔN THÂM NHẬP, HUÂN TU LÂU DÀI” thì cái chủng tử Phật (trong A-lại-da thức) này mới thành tựu. Niệm Phật chính là chủng tử Phật thành tựu!

- Trích lục từ bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ do Ấn sư giảng năm 1998 -

Một môn thâm nhập là gì? Một pháp môn Tịnh Độ. Một câu Phật hiệu A Mi Đà Phật. Một bộ Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Một bộ Chú Giải Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Một vị minh sư có tu có chứng quả vị chuyên giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ.

Huân tu lâu dài là gì? Mỗi ngày đọc tụng bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày nghe giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ 8 giờ đồng hồ. Mỗi ngày niệm Phật 8 giờ đồng hồ. Kinh Vô Lượng Thọ phải đọc tụng được ít nhất 3000 lần và đem nghĩa lý từng câu từng chữ được giảng giải trong bộ kinh này thực hành vào đời sống hàng ngày. Hành trì cả đời như thế không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Người căn tánh tốt thì 3 năm có thể thành tựu, thông thường thì 10 năm đều có thành tựu, nếu 10 năm chưa thành tựu thì 20 năm, 30 năm,... chắc chắn sẽ có thành tựu!

- Trích lục ý từ bài giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa do Ấn sư chủ giảng -

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Người học Phật thật sự có thành tựu đều không ở bên cạnh tôi! Họ đều là cư sĩ tại gia!

(Trích lục từ bài giảng “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa” - Tập 94 - Chủ giảng: Ân sư Thích Tịnh Không)



(Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm)



(Cư sĩ Lưu Tố Vân)

Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, cư sĩ Lưu Tố Vân thật sự làm! 10 năm thì thành tựu. Chúng ta thử nghĩ xem, chẳng phải là chúng ta không thể thành tựu (giống như bà) mà vì (chúng ta) đã lãng phí thời gian (của mình). Người ta 10 năm dốc sức (tu học) nơi 01 bộ kinh (Vô Lượng Thọ), còn chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tưởng loạn xạ xằng bậy trong 10 năm. Uống phí 10 năm!

Những người theo bên cạnh tôi, đặc biệt là những Pháp sư xuất gia có tên chữ Ngộ. Những người này phải chẳng là tu hành chân chánh, có đạo đức? Tôi không dám nói! Các vị học Phật phải học Trí-huệ, người có Trí-huệ nhìn người khác phải giống như Khổng Lão Phu Tử vậy, nghe họ nói nhưng phải quan sát hành vi của họ. Không nên cho rằng những người đó ở bên cạnh tôi (thì họ tu hành chân chánh, có đạo đức). Như vậy là quý vị mê tín, (quý vị) làm theo (họ) một cách mù quáng. Quý vị bị mắc lừa (họ) thì không thể trách tôi. Lời của tôi nói rất rõ ràng, không chỉ nói một lần này mà đã nói rất nhiều lần. Nghe họ nói nhưng phải quan sát hành vi của họ!

Nhiều năm như vậy, chúng ta cùng nhau tu học, có người thật sự thành tựu chẳng? Có! Tôi nói với chư vị, người thật sự thành tựu chưa từng gặp tôi. Hiện nay, đã gặp mặt tôi chỉ có hai người, tôi nói cho chư vị biết: một người là Hồ Tiểu Lâm, còn một người là Lưu Tố Vân. Hai người này thật sự thành tựu, nhưng họ không ở bên cạnh tôi, đều là cư sĩ tại gia. Còn những người chưa gặp mặt tôi, chưa liên lạc được thì tôi biết là có, vẫn còn vài người. Những người xung quanh tôi, bất luận tại gia hay xuất gia, tôi không thấy người nào (thành tựu) cả. Cho nên, đối với Đạo tràng, tôi không có chút hào hứng gì.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



(Ân sư Thích Tịnh Không và cư sĩ Lưu Tố Vân)

Những năm tuổi già, tôi ở Australia thành lập Tịnh Tông Học Hội, đã 10 năm trôi qua rồi, tháng 10 năm nay cử hành lễ kỷ niệm 10 năm thành lập. Tôi cũng đã nghĩ xem là kỷ niệm cái gì đây? Một người thành tựu cũng không có! Vậy thì có gì tốt đẹp đâu mà kỷ niệm! Lần này tôi đến Australia gặp một sự việc thật hiếm có: Trước cửa học viện của chúng ta có 2 cây Tỳ Bà, thần cây niệm Phật được vãng sanh (Cực Lạc)! Người không thành tựu nhưng thần cây đã thành tựu. Hai vị thần cây này, 10 năm họ ở trước cửa Đạo tràng nghe (tôi giảng) kinh và niệm Phật, họ đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc rồi. Họ báo mộng cho người xuất gia trong Đạo tràng biết, họ báo mộng để những người này đến nói lại với tôi. Cho nên, ngày hôm sau, tôi chính thức làm lễ quy y (Tam Bảo) cho hai vị thần cây, họ đã chân thật đến thế giới Cực Lạc rồi. Quý thần đã thành tựu, người còn chưa thành tựu, người không bằng quý thần! Điều này nhất định không phải là mê tín. Mỗi ngày tôi giảng kinh vẫn còn giảng rất hào hứng, giảng rất an vui. Vì lý do gì? Vì (tôi biết) thật sự có chúng sanh nghe hiểu và họ thật sự đạt được lợi ích. Nhưng không phải là những người ở bên cạnh tôi. Những người ở bên cạnh tôi không có một người nào thành tựu cả! Vì sao vậy? Vì tâm tình họ nông nổi, họ vẫn tham đắm tự tư tự lợi, danh vọng lợi dưỡng, họ chưa buông bỏ được.

Nghe (giảng kinh) nhiều rất tốt, tích lũy được thiện căn. Hiện nay, (tôi) giảng kinh càng giảng càng rõ ràng, càng giảng càng minh bạch; (quý vị) đã nghe hiểu thật

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

sự rồi thì phải y giáo phụng hành. Bí quyết của những người (học Phật) thành công là 6 chữ mà Lưu Tố Vân đã nói. Thật ra, 6 chữ mà Lưu Tố Vân nói chính là **quy củ từ xưa đến nay, tất cả những người thành công dù ở trong nước hay ở ngoài nước đều (tuân theo) quy củ này, không hề có ngoại lệ: Thứ nhất là thật thà. Thứ hai là nghe lời. Nghe lời ai? Nghe lời Phật. Từng chữ từng câu trong kinh điển đều phải tin tưởng, phải y giáo phụng hành, phải rất nghe lời; không phải nghe lời tôi mà là nghe lời chư Phật Bồ-tát. Thứ ba là (thật sự) hành trì.** Sau khi họ nghe hiểu thì rất chân thành, rất thật thà mà làm nên họ có được thành tựu.

Hiện nay, tôi có thể vãng sanh đến thế giới Cực Lạc rồi. Vì sao vậy? Vì đã có người kế thừa, khi chưa có người kế thừa thì tôi không thể đi. Hiện tại, tôi đã có người kế thừa nên bất cứ lúc nào tôi cũng có thể đi (đến thế giới Cực Lạc). Tôi rất an lạc, không có chút lo lắng nào. Không có người kế thừa mới đáng lo. Hiện tại, tôi đã có người kế thừa. Đặc biệt là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, pháp môn (Tịnh Độ) này, hy vọng người thừa truyền càng nhiều càng tốt. Vì sao? Vì đây là pháp môn đệ nhất mà chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo. Người thật sự có nhân duyên gặp được (pháp môn Tịnh Độ), đầy đủ 3 điều kiện: thật thà, hiếu học, hành trì; thật sự nghe lời mà hành trì thì không có ai không thành tựu, không có ai không thành Phật.

Then chốt quan trọng nhất vẫn là phải buông bỏ. Không buông bỏ không được! Không buông bỏ sẽ không có cách nào thành tựu! Thật sự buông bỏ thì nhất định sẽ thành tựu!

Tôi thường dạy mọi người phải buông bỏ 16 chữ: *Tự tư tự lợi, Danh vọng lợi dưỡng, Ngũ dục lục trần, Tham sân si mạn.* Buông bỏ được 16 chữ này và không có ý niệm khống chế hay ý niệm chiếm hữu người, sự việc, sự vật thì mới chỉ đến trước cửa Phật thôi, phải tiến thêm một bước công phu nữa thì mới vào được nhà Phật. Tự tư tự lợi phải buông bỏ đầu tiên! Nếu không thể đột phá được cửa ải chướng ngại đầu tiên này thì học Phật mãi mãi không có thành tựu. Ngã chấp chính là Tự tư tự lợi! Cái thứ này hại chết người! Cái thứ này đã hại chúng ta vô lượng vô biên kiếp rồi, khiến chúng ta tu học Phật pháp thì không thể chứng được quả vị, niệm Phật thì không thể vãng sanh Cực Lạc. Cho nên, Tự tư tự lợi nhất định phải xả bỏ! Phương pháp của Đại Thừa xảo diệu hơn Tiểu Thừa. Đại Thừa đem ý niệm Tự tư tự lợi chuyển đổi lại thì thành công. Nếu trước đây niệm niệm luôn nghĩ cho lợi ích của bản thân thì bây giờ niệm niệm phải vì lợi ích của chúng sanh, niệm niệm phải vì Phật pháp cứu trụ thế gian; tự nhiên Tự tư tự lợi sẽ không còn nữa.

(Trích lược ý nghĩa từ bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ 1998 do Ân sư chủ giảng)

HAI TẤM GƯƠNG TU HỌC TỊNH ĐỘ THÀNH TỰU TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

I/ Cư sĩ Lưu Tố Vân: Bà dành toàn bộ thời gian để tu học Phật Pháp. Vì nhiều năm trước bà mắc bệnh Lupus ban đỏ (đây là một bệnh tự miễn của hệ thống mô liên kết, hiện tại y học vẫn chưa xác định được nguyên nhân gây bệnh và cũng chưa có phương pháp điều trị khỏi bệnh) nên bà phải về hưu sớm. Bà vốn làm giáo viên, lương giáo viên cũng không cao, quá trình điều trị bệnh đã khiến tài chính của gia đình bà nhanh chóng cạn kiệt. Vì gia đình bà không đủ điều kiện kinh tế để điều trị bệnh và bà cũng biết bệnh này chưa có phương pháp chữa khỏi nên bà xin bệnh viện cho bà về nhà chờ chết. Nhân duyên chín muồi, một người bạn của bà đang tu Tịnh Độ đến thăm bà và tặng cho bà một bộ đĩa CD giảng Kinh Vô Lượng Thọ do Ân sư giảng vào năm 1994 tại Đài Loan, đây là lần thứ 3 Ân sư giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Lần giảng đó có tổng cộng 70 đĩa, mỗi đĩa CD là 1 giờ. **Tuân thủ theo lời giáo huấn của Ân sư dạy trong bài giảng kinh: mỗi ngày chỉ được nghe 1 đĩa CD, phải nghe giảng kinh 8 giờ và phải niệm Phật 8 giờ; cư sĩ Lưu Tố Vân mỗi ngày chỉ nghe 1 đĩa CD lặp đi lặp lại 8 lần, tổng cộng nghe hết 8 giờ đồng hồ, ngày hôm sau mới chuyển sang nghe đĩa CD kế tiếp. Bà niệm Phật 8 giờ đồng hồ mỗi ngày. Bà nghe hết một lượt 70 đĩa CD thì nghe lặp lại từ đầu, cứ nghe hết thì lại nghe lặp lại từ đầu. Bà nghe giảng kinh và niệm Phật liên tục như vậy 10 năm thì khai ngộ, đã chuyển phàm thành Thánh!** Kể từ lúc nghe giảng kinh và niệm Phật, những cơn đau do bệnh Lupus ban đỏ gây ra không thấy xuất hiện nữa. Sau một thời gian dài học Phật, bà không chết mà cơ thể càng ngày càng khỏe mạnh hơn, ngay đến vết sẹo trên da cũng không còn. Bà đi tái khám thì tất cả bệnh viện đều chẩn đoán là bà không hề bị bệnh Lupus ban đỏ. Bác sĩ kinh ngạc vô cùng, vì tất cả xét nghiệm và chẩn đoán trước kia đều đúng là bệnh Lupus ban đỏ nhưng tại sao bây giờ lại không còn một chút dấu vết của bệnh này! Đài truyền hình đã đến phỏng vấn bà bí quyết khỏi bệnh, bà cười và nói: “Niệm danh hiệu A Mi Đà Phật và nghe giảng Kinh Vô Lượng Thọ”. Sau khi khai ngộ, kinh gì bà cũng biết giảng, tất cả những kinh điển dù bà chưa đọc qua bao giờ nhưng chỉ cần người ta đọc cho bà nghe thì bà sẽ giảng cho họ hiểu, giảng rất chính xác. Bà còn có cả thần thông nhưng bà không bao giờ hiển lộ ra mà chỉ dùng việc giảng kinh thuyết pháp để phổ độ chúng sanh. Vì nhiều Đạo tràng mời bà đến giảng kinh nên Ân sư Thích Tịnh Không mới biết có một người đệ tử tự tu hành ở nhà như vậy đã khai ngộ. Lúc này, bà và Ân sư mới có duyên liên lạc để gặp mặt nhau. Bà kế thừa mạch pháp từ Ân sư Thích Tịnh Không. Bà giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ lần 1 vào năm 2018 và lần 2 vào năm 2020. Kinh nghiệm tu Tịnh Độ của bà là:

1. **Xem một quyển sách: “Nhận thức Phật giáo”** của Ân sư Thích Tịnh Không.
2. **Chọn một Pháp môn tu học trong Phật pháp: Pháp môn Tịnh Độ.**
3. **Chọn một bộ kinh điển tu học: Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh** do Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. **Mỗi ngày đọc kinh và nghe Ân sư giảng kinh.**

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

4. **Y theo một vị minh sư duy nhất: Ân sư Thích Tịnh Không.** Ân sư là một vị Cao Tăng đương thời mà cư sĩ Lưu Tố Vân khẳng định rằng: “Sư phụ là vị minh sư ‘trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu!’”.
5. **Xác định rõ ràng một phương hướng: Cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc.**
6. **Giữ vững một mục tiêu: Đến thế giới Cực Lạc để thân cận A Mi Đà Phật.**
7. **Nắm giữ một câu Phật hiệu “A Mi Đà Phật”.**

“10 NĂM CHỈ TU HỌC 01 BỘ KINH,

SAU CÙNG TẤT CẢ CÁC KINH ĐỀU THÔNG!

10 NĂM TU HỌC 10 BỘ KINH,

SAU CÙNG 01 BỘ KINH CŨNG KHÔNG THÔNG!”

Cư sĩ Lưu Tố Vân được khai ngộ do công phu 10 năm tinh tấn dồn sức tu học nơi 01 bộ Kinh Vô Lượng Thọ không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn!

II/ Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm: Ông có rất ít thời gian để tu học Phật pháp. Ông cực kỳ giàu có và bận rộn. Ông là Chủ tịch một công ty rất lớn do chính ông làm chủ: Công ty hữu hạn khai thác kỹ thuật Hối Thông Hối Lợi Bắc Kinh. Ân sư Thích Tịnh Không rất khen ngợi công phu tu hành của ông: “**Người bình thường ở trong Đạo tràng này tu hành 20 năm cũng không bằng công phu con tu hành 2 năm. Những điều ta dạy con, con đều thật thà - nghe lời - thật làm được!**”. Ân sư đã giao lại bản Kinh Vô Lượng Thọ mà Đại lão cư sĩ Lý Bình Nam năm xưa trao truyền cho Ân sư để cư sĩ Hồ Tiểu Lâm bảo quản nhằm khích lệ ông tiếp tục tinh tấn tu hành. Kinh nghiệm tu Tịnh Độ của ông là:

1. **Chọn một bộ kinh điển tu học: Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh do Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. Bộ kinh này đem đọc 3000 lần, đọc 10 năm. Mỗi ngày dành ra thời gian để nghe Ân sư giảng kinh.**
2. **Niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số của Đại sư Ấn Quang. Tất cả thời gian rảnh và lúc không dùng não suy nghĩ vấn đề, không dùng miệng nói chuyện thì một câu Phật hiệu niệm đến cùng.**
3. **Đệ Tử Quy: Trong cuộc sống và công việc phải thực hành sách Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là quyển sách nhỏ của nhà Nho gồm 113 điều dạy về Hiếu thân - Tôn sư.**
4. **Then chốt trong việc thực hành Đệ Tử Quy nằm ở việc sửa chữa lỗi lầm, chính là “Sám hối tội nghiệp chướng” trong Phổ Hiền Bồ-tát Thập Đại Nguyên Vương.**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

5. Phải làm ra một tấm gương tốt cho người đời noi theo.

6. Tu hành không xen tạp: Chuyên nhất niệm 01 câu danh hiệu A Mi Đà Phật và học 01 bộ Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh; chỉ y theo một vị minh sư duy nhất là Ân sư Thích Tịnh Không; không xen tạp bất kì thứ gì vào quá trình tu học như chú Đại Bi, Kinh Pháp Hoa, tham Thiền, chú Vãng Sanh, v.v... (Ông cũng nghe Ân sư giảng bộ Kinh Hoa Nghiêm. Vì bộ Kinh Hoa Nghiêm, bộ Kinh Vô Lượng Thọ và bộ Kinh A Mi Đà là cùng một loại; chỉ là bản đại, bản trung và bản tiểu mà thôi).

Công phu tu hành của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm được thành tựu chính yếu là nhờ niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số của tổ sư Ân Quang. Nghe giảng kinh vô cùng quan trọng nhưng vì ông quá bận rộn nên không có nhiều thời gian để nghe Ân sư giảng kinh giống như cư sĩ Lưu Tố Vân. Ông niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số chỉ vắn vẹn khoảng 4 tháng đã đạt được Công Phu Thành Phiến!

Trong nhà Phật, không có ai không biết Đại sư Ân Quang là Bồ-tát Đại Thế Chí của thế giới tây phương Cực Lạc tái sanh. Ngài nói: “Nếu có thể nắm chắc Pháp Thập Niệm Ký Số này thì đảm bảo có phần ở thế giới Cực Lạc!”. Đại sư Ân Quang cả đời niệm Phật và dạy người khác niệm Phật là dùng Pháp Thập Niệm Ký Số. Trong bộ Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát dạy tổng nguyên tắc của niệm Phật là: “Nhiếp cả 6 căn, tịnh niệm liên tục, đặc Tam-ma-địa, đây là đệ nhất!”. Đoạn cuối lá thư thứ 4 trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm, Ân tổ nói mình có được Pháp Thập Niệm Ký Số này là từ Phật dạy, không phải do tổ tự nghĩ ra, cho nên tổ dạy phải ngưỡng tin lời Phật, không được nghi ngờ. Tổ lại căn dặn: “Không gieo trồng thiện căn thì không gặp được Pháp Thập Niệm Ký Số!”, nhiều kiếp tích lũy thiện căn rất lớn mới có thể gặp được pháp niệm Phật này; không nên vì tri kiến phạm phu ngu muội của mình không hiểu được Phật trí mà sanh tâm nghi ngờ pháp niệm Phật này khiến thiện căn nhiều kiếp tích lũy do đây bị đánh mất. Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm giảng: “Nếu muốn ‘thu nhiếp cả 6 căn, tịnh niệm liên tục’ thì dùng Pháp Thập Niệm Ký Số là đệ nhất, là vi diệu nhất, là tốt nhất trong tất cả các phương pháp niệm Phật!”.

“Đấng Đại Thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu, bởi vì pháp xưng danh rất dễ. Nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạnh thì mười người tu, mười người vãng sanh; trăm người tu, trăm người vãng sanh,... Tại sao thế? Vì không có duyên tạp nên được chánh niệm, vì cùng với bốn nguyện của Phật hợp nhau, vì không trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật. Nếu bỏ chuyên niệm mà tu xen tạp thì trong trăm người may ra được một hai người, trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi!”

- Thiện Đạo Đại sư (Nhị tổ của Tịnh Độ tông) khai thị -

Mười ba vị tổ sư của Tịnh Độ tông



Tịnh Độ tông Sơ tổ: Lô Sơn Đông Lâm - Huệ Viễn Đại sư



Tịnh Độ tông Nhị tổ: Trương An Quang Minh - Thiện Đạo Đại sư



Tịnh Độ tông Tam tổ: Nam Nhạc Mi Đà - Thừa Viễn Đại sư



Tịnh Độ tông Tứ tổ: Ngũ Đài Trúc Lâm - Pháp Chiêu Đại sư



Tịnh Độ tông Ngũ tổ: Tân Định Ô Long - Thiếu Khang Đại sư



Tịnh Độ tông Lục tổ: Hàng Châu Vĩnh Minh - Diên Thọ Đại sư

Chú thích: Mật tông được truyền thừa sau khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện diệt độ 600 năm, Long Thọ Bồ-tát mở tháp sắt gập được Kim Cang Tát Đỏa Bồ-tát, Ngài truyền Mật pháp cho Long Thọ Bồ-tát rồi Long Thọ Bồ Tát truyền Mật pháp đến nhân gian. Kim Cang Tát Đỏa Bồ-tát chính là đức Phổ Hiền Bồ-tát.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



Tịnh Độ tông Thất tổ:
Hàng Châu Chiêu Khánh
- Tỉnh Thường Đại sư



Tịnh Độ tông Bát tổ: Hàng
Châu Vân Thê - Liên Trì
Châu Hoằng Đại sư



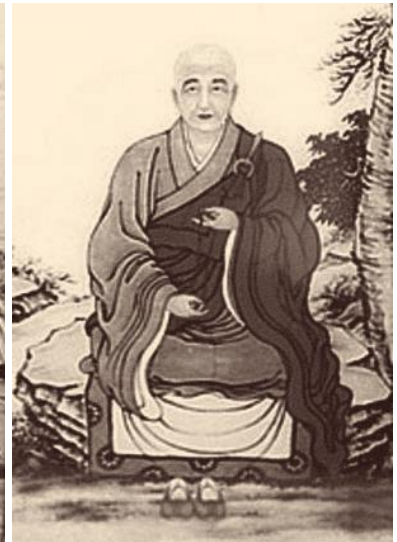
Tịnh Độ tông Cửu tổ:
Bắc Thiên Mục - Linh
Phong Ngẫu Ích Đại sư



Tịnh Độ tông Thập tổ:
Ngu Sơn Phổ Nhơn - Tiệt
Lưu Hành Sách Đại sư



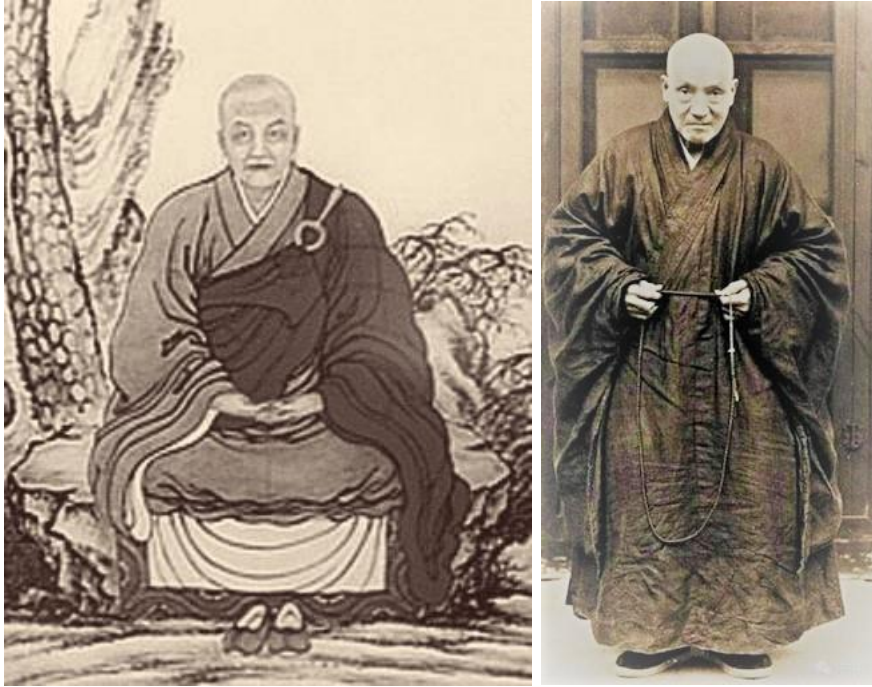
**Tịnh Độ tông Thập nhất
tổ:** Hàng Châu Phạm
Thiên - Tỉnh Am Đại sư



**Tịnh Độ tông Thập nhị
tổ:** Hồng Loa Tư Phước -
Triệt Ngộ Tế Tỉnh Đại sư

Chú thích: “**Một Phật xuất thế, ngàn Phật ủng hộ**”: Những vị đệ tử của Phật như Tôn giả Kiều Trần Như, Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả A Nan, v.v... đều là bậc Đại Thánh thị hiện làm thân phật A-la-hán để phụ giúp Thích Ca Mâu Ni Phật hóa độ chúng sanh; thật ra, trong số các vị này, có rất nhiều vị là cô Phật tái lai. Trong các vị tổ sư cũng có rất nhiều vị là chư Phật Bồ-tát tái sanh.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



Tịnh Độ tông Thập tam tổ: Tô Châu Linh Nham - Ấn Quang Đại sư

Ngài là Đại Thế Chí Bồ-tát ứng thân đến thế gian này, các vị đại đức như Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư, Đại lão hòa thượng Tuyên Hóa, v.v... đều khẳng định điều này. Trong quyển “Thủy Tư Tập” có ghi lại một câu chuyện: Trước khi Đại sư Ấn Quang vãng sanh Cực Lạc 4 năm, Ngài được mời đến Thượng Hải giảng kinh. Vào lúc Ngài giảng kinh tại Thượng Hải, có một nữ sinh đang học ở bậc Sơ trung chưa từng tiếp xúc qua Phật giáo, gia đình nữ sinh này cũng không tin Phật pháp; buổi tối, cô nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ-tát nói với cô là hiện tại Đại Thế Chí Bồ-tát đang giảng kinh tại Thượng Hải, bảo cô phải mau đến nơi đó gặp Ngài. Cô nói mình không biết Đại Thế Chí Bồ-tát là ai? Quán Thế Âm Bồ-tát nói với cô: Đại Thế Chí Bồ-tát chính là Ấn Quang Đại sư. Sáng hôm sau, cô tìm đọc nhật báo thấy đăng thông báo Pháp sư Ấn Quang đang giảng kinh ở Thượng Hải. Cô liền đi gặp Ngài và kể cho Ngài nghe về giấc mộng. Nghe xong, Đại sư Ấn Quang mỉm cười một trận, rồi Ngài lại mỉm cười và dặn cô không được làm động chúng. Ngài nói với cô là nếu cô còn ăn nói lung tung như vậy thì cấm không cho cô được gặp Ngài. Từ đó trở đi, cô không bao giờ kể về chuyện này nữa và cả gia đình cô đều xin được quy y với tổ Ấn Quang. Cô đợi đến khi tổ Ấn Quang vãng sanh Cực Lạc thì mới đem sự việc này công bố cho mọi người biết. Mọi người trách cô sao không nói sớm một chút để thỉnh tổ Ấn Quang trụ thế lâu dài.

Đại Thế Chí Bồ-tát đại diện cho Trí-huệ và Uy-thế đệ nhất trong chư Bồ-tát

Trong bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có nói về Bồ-tát: “Dĩ Trí-huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đắc vô lượng lực”. Bồ-tát còn được gọi là Vô Biên Quang Bồ-tát, danh hiệu này tương đồng với danh hiệu Vô Biên Quang Phật của A Mi Đà Phật.

Trong bộ Thủ Lăng Nghiêm Kinh có nói đầy đủ mọi phương diện về Bồ-tát: “Năng niệm Đại Thế Phật, năng nhiếp lục căn vọng, năng tiếp niệm Phật nhân, cụ thủ tam đại đức, oai thế chi chí, cố danh Đại Thế Chí”. Đại Thế Phật chính là A Mi Đà Phật, Bồ-tát do niệm danh hiệu A Mi Đà Phật mà thành Phật. Bồ-tát thu nhiếp trọn vẹn 6 căn vọng bằng tịnh niệm liên tục danh hiệu A Mi Đà Phật. Bồ-tát phát nguyện tiếp dẫn tất cả chúng sanh khắp mười phương thế giới niệm A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc; khi những chúng sanh này lâm chung, Bồ-tát sẽ cùng với A Mi Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát đến tiếp dẫn họ, đây là đầy đủ “tam đại đức”. Uy đức và thế lực của Ngài ở trong chúng Bồ-tát đã đạt đến đỉnh điểm, không có gì cao hơn nên xưng là “chí”. Vì vậy, Ngài có danh hiệu Đại Thế Chí.

Trong Mật Tông, Đại Thế Chí Bồ-tát chính là Kim Cang Quyền Thủ Bồ-tát (Vajrapani), Ngài đại diện cho sức mạnh của tất cả đức Phật.

Trí-huệ của Bồ-tát và Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát đều là đệ nhất, nhưng phương tiện tu học khác nhau. Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát đại diện cho Trí-huệ của sự học rộng nghe nhiều, chỉ có bậc Thượng thượng căn mới có thể thành tựu. **Đại Thế Chí Bồ-tát đại diện cho Trí-huệ của sự thâm nhập một pháp môn huân tu lâu dài, pháp môn mà Ngài chọn là trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc, pháp môn này là đỉnh của Phật pháp, cả 3 căn Thượng - Trung - Hạ đều có thể thành tựu.** Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát và Phổ Hiền Bồ-tát sau cùng trên hội Hoa Nghiêm đều niệm A Mi Đà Phật phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

(Trích lược ý từ bài giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm của Ấn sư Thích Tịnh Không)

Chú thích: Các tấm hình chụp Đại sư Ấn Quang đều cầm tràng hạt trên tay nhưng thật ra Ngài không bao giờ lằn chuỗi niệm Phật! Tổ sư Ấn Quang cả đời niệm Phật là dùng Pháp Thập Niệm Ký Số. Ấn sư Thích Tịnh Không giảng rằng tràng hạt niệm Phật có hai tác dụng biểu pháp: **Một là tác dụng đối với người sơ học.** Người sơ học luôn luôn không thể tránh khỏi quên mất niệm Phật, nên việc đeo tràng hạt trên cổ hay cầm tràng hạt trên tay là nhắc nhở chính mình không được quên niệm Phật, vừa nhìn thấy tràng hạt thì lập tức nhớ Phật niệm Phật, đây là tác dụng lớn nhất. **Hai là tác dụng lên hoàn cảnh xung quanh.** Khi mọi người nhìn thấy tràng hạt thì họ cũng khởi lên ý nghĩ niệm Phật, không nhất định là họ sẽ niệm Phật nhưng ý nghĩ niệm Phật là ý nghĩ tốt. Ngoài ra, rất nhiều quý thần nhìn thấy tràng hạt này cũng nhắc nhở họ niệm Phật. Âm dương đều được lợi ích.✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

NGÀY VÍA ĐỨC PHẬT A MI ĐÀ LÀ NGÀY 17/11 ÂM LỊCH

Diên Thọ Đại sư là vị tổ sư thứ 6 của Tịnh Độ tông, cũng là tổ sư thứ 3 của Thiên tông dòng Pháp Nhãn, sống vào triều Ngô Việt Vương. Ngài nổi pháp của Thiều Quốc sư thuộc tông Thiên Thai, viên tịch vào năm Khai Bảo thứ 8 (975).

Khi chưa xuất gia, Đại sư làm một chức quan nhỏ trông coi tiền thuế, thường xuyên lấy tiền thuế mua cá phóng sanh. Ngài bị cấp trên phát giác tâu lên vua. Vua cho điều tra. Đại sư thừa nhận hành vi trộm tiền thuế và kê khai chi tiết toàn bộ số tiền thuế đã ăn trộm. Viên quan điều tra hỏi Ngài tiền ăn trộm đã dùng hết chưa? Dùng vào việc gì rồi? Ngài nói đã dùng hết rồi, toàn bộ đem đi mua cá phóng sanh! Viên quan điều tra cảm thấy hết sức kỳ lạ: “Sao trên đời lại có người ăn trộm tiền thuế không phải để tiêu xài cho bản thân mình mà lại đi mua cá phóng sanh?”. Viên quan điều tra bẩm báo với vua, vua cũng cảm thấy hết sức kỳ lạ. Tuy nhiên, phải chiếu theo pháp luật quốc gia để xử tội, nếu trộm thiên thuế quốc gia thì phán tội chém đầu, vua ra lệnh lập tức dẫn Đại sư đi hành hình. Vua dặn riêng quan giám trảm: “Nếu khi hành hình mà ông ấy không hề sợ hãi thì hãy dẫn ông ấy về đây gặp ta. Nếu ông ấy sợ hãi thì chém đầu đi cho xong!”. Đến pháp trường, gương mặt Đại sư không hề biến sắc, họ hỏi Ngài vì sao Ngài không sợ chết, Ngài đáp: “Một cái mạng của ta đổi được ngàn ngàn vạn mạng sống cho chúng sanh, đáng lắm chứ!”. Giám trảm quan liền đem lời này bẩm báo lại với vua rồi dẫn Đại sư về gặp vua. Vua hỏi: “Bây giờ ông muốn làm chuyện gì?”. Ngài đáp: “Tôi muốn xuất gia!”. Vua nghe xong rất hoan hỷ, liền đáp ứng nguyện vọng của Đại sư và làm hộ pháp cho Ngài.

Một lần, vua cúng trai Tăng cho 1000 vị sư, đều bình đẳng mà cúng, không có tâm phân biệt. Trong trai đường bày một ghế chủ tọa, mọi người đều khiêm nhường không ai đến ngồi, một vị Tăng có đôi tai dài chấm đến vai, mặc quần áo xộc xệch đến ngồi vào ghế chủ tọa. Trai Tăng xong, mọi người đã về hết, vua hỏi Đại sư Diên Thọ: “Thưa Đại sư, buổi trai Tăng hôm nay có bậc Thánh Hiền nào đến thọ cúng hay không?”. Đại sư đáp: “Có đức cổ Phật Định Quang đến thọ cúng!”. Vua hỏi: “Thưa là vị nào?”. Ngài đáp: “Hoà thượng Hành Tu có đôi tai dài ngồi ở ghế chủ tọa!”. Vua vừa nghe xong lập tức sai người đi kiểm, thấy Ngài ngồi trong một hang núi. Sứ giả thỉnh Ngài vào cung để cúng dường, Ngài chỉ nói một câu: “Phật A Mi Đà lắm lời!”, nói xong liền thoát hoá. Sứ giả vội vàng về báo vua là Hoà thượng Hành Tu đã viên tịch, lâm chung nói một câu “Phật A Mi Đà lắm lời!”. Vua nghĩ ngay Diên Thọ Đại sư là hoá thân của đức Phật A Mi Đà, hoá thân đức cổ Phật Định Quang tuy đã viên tịch nhưng hoá thân của đức Phật A Mi Đà vẫn còn. Vua tức tốc phái người thỉnh Đại sư Diên Thọ nhập cung để lễ bái cúng dường. Sứ giả đến chỗ Đại sư rồi vội chạy về báo vua: “Đại sư Diên Thọ vừa viên tịch rồi!”. Ngày đó là ngày 17/11 Âm lịch.

Chú thích: Chư Phật Bồ-tát hoá thân đến thế gian độ chúng sanh tuyệt đối chẳng để lộ thân phận, hễ thân phận bị lộ sẽ lập tức ra đi. Nếu thân phận bị lộ mà lại không nhập diệt ngay lập tức thì đó Phật Bồ-tát giả, phao tin đồn để lừa gạt chúng sanh.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

TÀ THUYẾT “BỔN NGUYỆN NIỆM PHẬT” VÀ “TIÊU NGHIỆP MỚI ĐƯỢC VĨNG SANH”

Hiện nay, chúng tôi nghe nói có nhiều người đề xướng Bốn Nguyện niệm Phật (truyền đến từ Nhật Bản). Họ nói rằng niệm Phật vãng sanh Cực Lạc rất là đơn giản: kinh điển không cần phải học, không cần thọ trì đọc tụng vì người điển nói, ngay cả Giới-luật cũng không cần giữ luôn! Căn bản là không cần quan tâm đến những thứ khác, tạo nghiệp gì cũng được, chỉ cần dựa vào nguyện thứ 18 để đời nghiệp vãng sanh. Tôi nghe nói có không ít người đã tin theo lời nói mê hoặc điên đảo này.

Lời nói này là ma nói chứ không phải Phật nói! Lời nói này đã đem tất cả những con đường đi đến thế giới Cực Lạc của chúng sanh chặn lại rồi!

Tổ sư đại đức dạy chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ không có nói không cần phải giữ Giới-luật, không có nói không cần phải học kinh giáo.

Bốn Nguyện tức là 48 lời nguyện của đức Phật A Mi Đà. Từ khi thành lập Tịnh Độ tông, chúng ta niệm Phật là y theo “Bốn Nguyện niệm Phật”! Hằng ngày, chúng ta tụng khóa tụng của Tịnh tông: khóa sáng niệm 48 lời nguyện (Phẩm 6 trong Kinh Vô Lượng Thọ), khóa tối sám trừ nghiệp chướng (Phẩm 32 đến Phẩm 37 trong Kinh Vô Lượng Thọ). **Nếu chẳng sám hối nghiệp chướng thì nhất định không thể vãng sanh Cực Lạc!** Pháp môn này tuy nói “đời nghiệp vãng sanh” nhưng quý vị phải hiểu là **“chỉ mang theo nghiệp cũ chứ không mang theo nghiệp mới”**; chư vị tổ sư đại đức xưa nay cũng đã nói rất nhiều là “chỉ mang theo nghiệp cũ chứ không mang theo nghiệp mới”. Những nghiệp mà quý vị đang tạo hiện nay không thể mang theo. Chữ “đời” nghĩa là “đem theo, mang qua bên đó”; việc sai lầm trong quá khứ cũng không sao, hôm nay phải tu sửa lại cho đúng. **Câu nói “không kể quá khứ, chỉ luận hành vi hiện tại” là nguyên lý và nguyên tắc của đời nghiệp vãng sanh Cực Lạc.** Bây giờ, quý vị vẫn còn tiếp tục tạo nghiệp thì chẳng thể vãng sanh Cực Lạc, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Nguyện thứ 18 hàm nhiếp tất cả 47 nguyện kia một cách trọn vẹn viên mãn, thiếu một nguyện trong 47 nguyện kia thì nguyện thứ 18 sẽ không viên mãn! Những người đề xướng “Bốn Nguyện niệm Phật” là nguyện thứ 18 lại không hiểu rõ nghĩa: **Bất cứ một nguyện nào trong 48 nguyện đều hàm nhiếp 47 nguyện còn lại một cách trọn vẹn viên mãn, nguyện nào cũng đều như vậy cả!** Những người rao truyền “Bốn Nguyện niệm Phật” có hiểu đạo lý này hay không? Chúng tôi tuy chưa giảng xong Kinh Hoa Nghiêm nhưng mọi người cũng đã nghe giảng bộ kinh này không ít. Kinh Hoa Nghiêm nói “Một tức là nhiều, nhiều tức là một” thì một và nhiều là không hai; “Một tức là tất cả, tất cả tức là một” thì một và tất cả là không hai. Những người đó có hiểu hay không vậy? Bốn Nguyện chính là “một tức là tất cả”, cho nên công đức của Bốn Nguyện rất thù thắng; tuyệt đối chẳng thể nói “chỉ dựa vào nguyện thứ 18 là được, 47 nguyện kia không cần nữa”. Nếu 47 nguyện kia đều không thực hiện

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

được thì nguyện thứ 18 cũng không làm được. Nguyện thứ 18 là gì? **Nguyện thứ 18 chính là tống cương lãnh của 47 nguyện kia!**

Vì vậy, lời rao truyền này là của ma thuyết! Lời rao truyền này đã làm hại rất nhiều người!

Tôi khuyên tất cả các vị đồng tu ở khắp mọi nơi phải học theo Kinh Vô Lượng Thọ và làm đệ tử của A Mi Đà Phật; đây là cách nhanh gọn, ôn hòa và xác đáng nhất. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nếu không phải là A Mi Đà Phật tái lai thì phải là Quán Thế Âm Bồ-tát tái lai; nếu không thì chẳng có cách gì hội tập bộ Kinh Vô Lượng Thọ được hoàn hảo đến như vậy. Chúng ta biết các vị đại đức trong nhà Phật đã hội tập bộ kinh này là cư sĩ Vương Long Thư hội tập lần đầu tiên vào triều nhà Tống, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai vào triều nhà Thanh, cả hai lần đều không hoàn hảo. Vì thời Mạt pháp đích thực có nhu cầu phải hội tập bộ kinh này nên đã cảm ứng được chư Phật Bồ-tát đến thị hiện. Quý vị không tin nhưng tôi tin! Ai tin thì người đó có được lợi ích! **Những người y chiếu theo lời dạy trong bản Kinh Vô Lượng Thọ do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập để tu hành được vãng sanh Cực Lạc có tướng lành hy hữu thị hiện ra trong những năm gần đây là rất nhiều rất nhiều, chúng ta đều đã được thấy tận mắt; còn những người chúng ta chỉ nghe nói đến mà không nhìn thấy lại càng nhiều hơn.** Nếu quý vị không tin theo Kinh Vô Lượng Thọ mà cứ đi nghe theo những lời rao truyền mê hoặc điên đảo thì không còn cách nào cả! Không còn gì để nói nữa!

.....

Khi tôi đến Los Angeles, lão cư sĩ Chu Tuyên Đức ra phi trường đón tôi, vừa gặp mặt liền hỏi: “Pháp sư! Hiện nay có người nói đơi nghiệp không thể vãng sanh, phải tiêu nghiệp mới có thể vãng sanh. Vậy thì phải làm sao?”. Tôi bèn nói với ông: “Không vãng sanh thì thôi!”. Nghe xong lời này, ông vô cùng hoang mang. Tôi thấy ông đờ cả người ra, đứng đó nói chẳng nên lời. Tôi nói tiếp: “Nếu không đơi nghiệp vãng sanh thì tây phương Cực Lạc thế giới chỉ có đức Phật A Mi Đà cô độc một mình ở trên đó thôi, ông còn đến đó làm gì nữa!”. Ông vẫn còn chưa hiểu, tôi mới nói thêm: “Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát đều là Đẳng Giác Bồ-tát, vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng chưa phá trừ được; như vậy có phải là đơi nghiệp hay không?”. Nghe xong lời này ông mới tỉnh ngộ: **“Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát đều là đơi nghiệp vãng sanh, thế giới Cực Lạc chỉ có một mình A Mi Đà Phật là chẳng đơi nghiệp mà thôi!”**.

(Trích lục ý từ bài khai thị của Ấn sư Thích Tịnh Không)

Chú thích: **Nhị tổ Thiện Đạo** là đức Phật A Mi Đà tái sanh, người Nhật Bản vô cùng tôn sùng kính trọng Ngài, trên khắp đất nước Nhật Bản đều có thể nhìn thấy tượng của Nhị tổ, hễ ngôi chùa nào ở Nhật Bản có tên là Thiện Đạo Tự thì chắc chắn ngôi chùa đó tu hành pháp môn Tịnh Độ.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Thật sự muốn thành tựu thì có cần nghe giảng đầy đủ bộ Kinh (Vô Lượng Thọ) này từ đầu đến cuối không? Có đủ duyên đương nhiên là tốt. Nếu không có đủ duyên thì thật ra mà nói cũng không cần thiết! Chỉ cần bạn hiểu một đoạn nào đó ở trong bộ kinh này cho thật rõ ràng, cho thật minh bạch, một đời thọ trì vĩnh viễn không gián đoạn, đảm bảo bạn vĩnh sanh Thượng phẩm Thượng sanh! Đâu có cần nhiều như vậy, đâu phải phiền phức đến như vậy. Lời của tôi nói là thật, không phải giả!

Mỗi ngày nghe một đĩa CD, mỗi ngày nghe 8 giờ đồng hồ, cả đời không gián đoạn, người này chắc chắn là khai ngộ, chắc chắn chứng quả. Quý vị muốn hỏi nguyên nhân tại sao? Điều này là Phật nói! Người này được Thiên-định rồi! Cả cuộc đời của người ấy chỉ nghe giảng 01 đoạn kinh 01 giờ đồng hồ này thì tâm của người ấy đắc được Thiên-định, người ấy không bị tán loạn. Trong bộ Kinh A Mi Đà nói “Nhất Tâm Bất Loạn”, người ấy đã đạt được điều này. “Nhất Tâm” là định, là Niệm Phật Tam-muội; “Bất Loạn” là huệ. Người đạt Nhất Tâm Bất Loạn thì đối với tất cả kinh điển mà đức Phật đã thuyết đều thông đạt hết.

Lời nói này của tôi, quý vị có tin không? Quả nhiên đã thật sự tin tưởng rồi thì quý vị có còn cần phải đến Phật học viện để học hay không? Không cần thiết! Quý vị xem thử tổ sư đại đức từ xưa đến nay có vị nào tốt nghiệp ở Phật học viện không? Đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn của Tịnh Độ tông rất nổi tiếng trong lịch sử, có tốt nghiệp ở Phật học viện nào không? Thiệu Đạo Đại sư có được bồi dưỡng ở lớp đào tạo nào không? Liên Trì, Ngẫu Ích có học qua Phật học viện không? Các Ngài làm sao mà có thể trở thành tổ sư đại đức vậy? Quang minh của các Ngài biến chiếu mười phương ảnh hưởng đến tận ngày nay. Không có điều gì khác ngoài “**nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu**” và “**ngày đêm xưng thuyết, chí tâm bất đoạn**”, là ở hai câu này.

(Trích lục từ bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ năm 1998 tại Singapore - Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng - Dịch giả: Cư sĩ Vọng Tây)

Chú thích:

* **Ân Độ cổ chia thời gian làm 6 thời:** Ban ngày có 3 thời là sơ nhật phân, trung nhật phân, hậu nhật phân. Ban đêm có 3 thời là sơ dạ phân, trung dạ phân, hậu dạ phân. Mỗi thời dài 4 giờ đồng hồ.*

* **Hoa Nghiêm tông còn được gọi là Hiền Thủ tông. Quốc sư Hiền Thủ** có công rất lớn trong việc hoàn chỉnh phần giáo lý của tông Hoa Nghiêm, Ngài là tổ sư thứ 3 của tông này. Hoa Nghiêm tông cũng bái Long Thọ Bồ-tát làm Sơ tổ, lấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh làm kinh điển chính để tu học.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

GIẢI MÔN VÀ HÀNH MÔN PHẢI TƯƠNG ƯNG

Trong bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ năm 1998 tại Singapore, Ân sư Thích Tịnh Không đã nhắc nhở các đồng tu Tịnh Độ nhiều lần là tu học Phật pháp phải Giải cùng Hành tương ứng, không được thiên lệch: Vừa trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật vừa tu học bộ Kinh Vô Lượng Thọ thì Giải môn và Hành môn sẽ tương ứng, quyết định tu hành sẽ có thành tựu, nắm chắc phần vãng sanh Cực Lạc. Từng lâm vào thời xưa là Giải môn và Hành môn tương ứng. Đạo tràng Tịnh Độ tông mỗi ngày đều giảng kinh 8 giờ đồng hồ và niệm Phật 8 giờ đồng hồ. Cho nên, người tu hành trong những Đạo tràng ấy thành tựu rất nhiều. Đạo tràng kiểu như vậy là lò luyện Phật; dù là phế liệu, đồng nát, sắt vụn, v.v.... bỏ vào lò luyện này luyện một thời gian cũng biến thành Kim Cang. Thế Tôn khi còn tại thế mỗi ngày đều giảng kinh 2 thời (8 giờ đồng hồ), các học trò của Phật tự mình tu hành 2 thời, còn lại 2 thời dùng để ăn uống, ngủ nghỉ, vệ sinh, v.v....

Xưa kia, người học Phật muốn tìm ra cơ hội nghe giảng kinh 8 giờ đồng hồ mỗi ngày là việc không hề đơn giản. Hiện tại, vì có những thiết bị khoa học kỹ thuật hiện đại như đầu đĩa CD, tivi, mạng internet,... nên cơ hội nghe giảng kinh 8 giờ đồng hồ là rất dễ dàng. **Nguyên tắc nghe giảng kinh từ những thiết bị khoa học kỹ thuật này là: Mỗi ngày chỉ được nghe duy nhất một bài giảng kinh, nghe 8 giờ đồng hồ!** Nếu mỗi bài giảng kinh dài 1 giờ đồng hồ thì nghe bài giảng ấy lặp đi lặp lại 8 lần. Nếu mỗi bài giảng kinh dài 2 giờ đồng hồ thì nghe bài giảng ấy lặp đi lặp lại 4 lần. Nếu 8 giờ đồng hồ mà quý vị nghe liên tiếp nhiều bài giảng kinh (từ 2 bài giảng kinh trở lên) thì khi quý vị nghe nội dung bài giảng sau sẽ quên mất nội dung bài giảng trước, tâm không an định, tâm bị tán loạn. Nghe giảng kinh mà không nhớ được nội dung thì không thể hành trì, không đạt được lợi ích gì.

Pháp sư Thanh Lương dạy trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao rằng: **“Giải mà không Hành, lạc vào tà kiến! Hành mà không Giải, lạc vào vô minh!”**.

Chú thích: Quốc sư Thanh Lương là vị tổ thứ 4 của Hoa Nghiêm tông, sống qua hai đời Tùy và Đường với 9 triều đại, làm thầy của 7 vị hoàng đế, thọ 102 tuổi. Ngài là Bồ-tát Hoa Nghiêm tái sanh, cả đời Ngài chỉ chuyên giảng Kinh Hoa Nghiêm, không giảng những kinh điển khác. Sau khi Ngài viên tịch, một vị Tăng người Ấn Độ đến Trung Hoa, trên đường đi gặp được 2 đồng tử mặc áo xanh đang phi hành trên hư không. Vị Tăng này là người đã chứng quả A-la-hán, Ngài chặn 2 đồng tử trên không trung lại hỏi: “Hai vị đi đâu vậy?”. Hai đồng tử đáp: “Chúng tôi đến Trung Hoa thỉnh rằng cấm của Bồ-tát Hoa Nghiêm về điện Văn Thù ở Ấn Độ cúng dường!”. Vị A-la-hán này sau khi đến Trung Hoa đã kể cho vua nghe về chuyện hai đồng tử đến thỉnh rằng cấm của Bồ-tát Hoa Nghiêm, Vua cho mở tháp thờ Quốc sư Thanh Lương ra để kiểm tra thì phát hiện Ngài đã bị mất một chiếc răng cấm.✽✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Đọc tụng kinh điển hay nghe giảng kinh phải tuân thủ theo 3 nguyên tắc mà Mã Minh Bồ-tát dạy trong Đại Thừa Khởi Tín Luận:

☸ **Thứ nhất là không chấp trước tướng ngôn thuyết:** Nghe giảng kinh không được chấp vào lời nói vì lời nói chỉ là phương tiện để truyền đạt nghĩa lý, phải nghe được nghĩa lý chứa bên trong lời nói. Đọc kinh điển không được chấp vào văn tự vì văn tự chỉ là ký hiệu của lời nói.

☸ **Thứ hai là không chấp trước tướng danh từ thuật ngữ:** Ở trong kinh Phật có rất nhiều danh từ thuật ngữ, ví dụ như: Vô Sanh Pháp Nhẫn, Tam Bảo, Phật, Pháp, Tăng,... đều không được chấp trước. Phật đặt ra danh từ thuật ngữ là để truyền đạt ý nghĩa được dễ dàng thuận lợi; không nên cho là thật.

☸ **Thứ ba là không chấp trước tướng tâm duyên:** Tâm duyên là vọng văn sinh nghĩa (vọng tưởng kinh văn để sinh ra ý nghĩa: Tôi thấy điều này. Tôi nghĩ phải giải thích như thế này. v.v...); đây là đã rơi vào ý thức thứ 6; khi đó, những gì học được chỉ là một chút tri thức nhỏ chứ không phải là Trí-huệ. Phật dạy học trò tu hành để khai mở Trí-huệ chứ không dạy học trò học tri thức. Người học Phật không được nghĩ xem kinh văn có ý nghĩa gì, đây là tâm phan duyên. Kinh văn không có ý nghĩa thì mới có chỗ ngộ. Nếu người học Phật đi nghĩ tưởng ra ý nghĩa của kinh văn thì đây không phải là ý của Phật nói trong kinh mà là ý của chính người đó. Chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán đều không có ý.

(Trích lục từ bài giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa - Ân sư chủ giảng)

ĐỌC TỤNG KINH VÔ LƯỢNG THỌ CHÍNH LÀ TU GIỚI - ĐỊNH - HUỆ, NHẤT ĐỊNH KHÔNG ĐƯỢC CẦU GIẢI NGHĨA

Mỗi lần chúng ta đọc kinh chính là một lần tu Tam vô lậu học Giới - Định - Huệ. Nếu chúng ta đọc kinh theo kiểu vừa đọc vừa suy nghĩ ý nghĩa của kinh văn thì Tam vô lậu học Giới - Định - Huệ đều không có. Vì sao? Vì chúng ta vừa đọc kinh vừa suy nghĩ chính là đang khởi vọng tưởng; kết quả là không có Giới, không có Định, cũng không có Huệ. Cho nên chúng ta đọc kinh thì cần phải thật thà, chân thành, cung kính mà đọc. Nhất định không được suy nghĩ “đoạn này có nghĩa là gì vậy?”, không được khởi vọng tưởng như thế.

Nếu trong lúc chúng ta đọc kinh mà ý nghĩa đột nhiên xuất hiện thì đây không phải là do chúng ta nghĩ ra, không phải do chúng ta suy tư ra, không hề liên quan đến việc này, đó là có chỗ tương ưng, chúng ta đã có chỗ ngộ. Việc ngộ này giống như chúng ta có rất nhiều bóng đèn nhỏ, khi một bóng đèn nhỏ đột nhiên

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

sáng lên thì soi sáng chỗ tối tăm, đây chính là Tiểu Ngộ, tích Tiểu Ngộ thành Đại Ngộ, tích Đại Ngộ thành Đại Triệt Đại Ngộ. **Dù chúng ta có chỗ ngộ nhưng cũng đừng để ý đến, trong tâm không được dính mắc đến; cứ tiếp tục thật thà, chân thành, cung kính mà đọc. Nhất định không được cho rằng ý nghĩa này rất hay, đó cũng là vọng tưởng, lại sai rồi!** Căn bản là không được để ý đến những điều này; cứ tiếp tục thật thà, chân thành, cung kính đọc thì đúng rồi. **Phương pháp đọc kinh chính xác là niệm từng chữ từng câu thật rõ ràng.** Vì sao? Vì chúng ta đọc kinh chính là tự lợi và lợi tha; ngoài việc tu Giới - Định - Huệ cho bản thân thì còn giúp rất nhiều chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình cũng được nghe kinh. Chư thiên đi ngang qua thấy chúng ta đang đọc kinh cũng dừng lại chấp tay cung kính nghe. Chúng ta không nhìn thấy rất nhiều chúng sanh vô hình đang nghe chúng ta đọc kinh. Nếu chúng ta đọc kinh không rõ ràng, lại gõ mõ và đọc rất nhanh thì những chúng sanh này sẽ không nghe rõ chúng ta đang đọc điều gì, nghe không rõ thì dễ khiến chúng sanh phiền não.

Hiện nay, rất nhiều người học Phật đã học rất nhiều năm nhưng Trí-huệ không tăng trưởng mà tăng trưởng tà tri tà kiến. Nguyên nhân là do chưa điều phục được thân và tâm. Chúng ta xả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhằm khôi phục lại tâm thanh tịnh thì chính là điều phục thân tâm. Sau đó chúng ta mới có năng lực tiếp nhận Phật pháp và học Phật sẽ sanh Trí-huệ. Tịnh Độ tông điều phục thân tâm bằng cách đọc Kinh Vô Lượng Thọ,... và trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật; đây là những phương pháp tu học vô cùng tốt. Sư phụ Thích Tịnh Không từng nêu ra ví dụ: Ban đầu, giả sử chúng ta thân cận một vị thầy chưa tỏ ngộ, vị thầy đó không dạy chúng ta hạ thủ công phu tu hành từ đức hạnh, chính là điều phục thân tâm, mà mỗi ngày lại giảng kinh cho chúng ta nghe thì chúng ta sẽ tăng trưởng tà tri tà kiến, không sanh Trí-huệ. Điều này cũng giống như một chén trà rất dở bản, chúng ta cầm chén trà này xin thầy nước trà để uống, thầy cũng rót nước trà cho chúng ta uống, chúng ta uống xong thì bị bệnh. Vị minh sư sẽ dạy chúng ta trước tiên phải rửa sạch chén trà dở bản, sau đó mới rót nước trà cho chúng ta uống.

Đồng tu học giảng kinh cần chú ý: Phải lấy đọc kinh làm chánh tu, còn nghe giảng kinh làm trợ tu. Nếu nghe giảng kinh 2 giờ đồng hồ thì phải đọc kinh 6 giờ đồng hồ, thời gian đọc kinh không được ít hơn. **Niệm Phật chính là chánh tu, thời gian niệm Phật nhất định phải nhiều hơn thời gian đọc kinh và nghe giảng kinh.**

(Trích lược ý nghĩa từ bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ do cư sĩ Lưu Tố Vân chủ giảng vào năm 2018 - Dịch giả: Ban Biên Dịch Hoa Tạng Huyền Môn)

Chú thích: Tứ hoàng thệ nguyện có 4 câu: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ! Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn! Pháp môn vô lượng thệ nguyện học! Phật Đạo Vô Thượng thệ nguyện thành!”. 4 câu này là 4 giai đoạn học Phật: đầu tiên phải phát nguyện phổ độ tất cả chúng sanh, sau đó phải đoạn phiền não, đoạn được phiền não rồi mới có năng lực học pháp môn, học đến viên mãn thì thành Phật.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

TRÌ DANH NIỆM PHẬT THEO PHÁP THẬP NIỆM KÝ SỐ

(Trích lục từ Pháp sư Ấn Quang Văn Sao chánh biên - Quyển thượng - Lá thư thứ 4 trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân)

“Nhu việc niệm Phật, tâm khó quy nhất, cần phải **thu nhiếp tâm lại, thành khẩn thiết tha** để niệm, tâm sẽ tự có thể quy nhất. Đối với pháp nhiếp tâm, (không có gì quan trọng hơn) không có gì đứng trước **chí thành khẩn thiết**. Tâm không chí thành mà muốn thu nhiếp tâm thì không có cách nào cả!

Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất (tâm vẫn chưa quy nhất) thì cần phải thu nhiếp cái lỗ tai lại (khống chế cái lỗ tai) rồi nghiêm túc, cẩn thận, tập trung lắng nghe (mỗi một chữ, mỗi một câu của âm thanh Phật hiệu) cho thật rõ ràng rành mạch (không được nghe qua loa hời hợt). Bất luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm (trong tâm) thì đều cần phải (đều nhất định phải làm được) ý niệm khởi lên từ trong tâm, âm thanh từ miệng phát ra, âm thanh đi vào lỗ tai. [Niệm thầm tuy rằng miệng không động, nhưng sâu thẳm trong ý thức suy nghĩ vẫn phải có tướng của miệng đang niệm.] (vẫn phải có động tác của miệng đang niệm) Tâm và miệng niệm cho rõ ràng rành mạch, tai nghe cho rõ ràng rành mạch. Nếu nhiếp tâm được như vậy thì vọng niệm tự nhiên dừng lại.

Nếu làn sóng vọng niệm vẫn không ngừng nổi lên thì dùng Pháp Thập Niệm Ký Số. Nghĩa là đem sức mạnh của toàn tâm tác dụng lên một tiếng Phật hiệu. Dù có muốn khởi vọng tưởng cũng không còn cơ hội để khởi lên nữa (không cho vọng niệm có thời gian để khởi lên nữa). Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật tối thượng này (phương pháp niệm Phật không thể nghĩ bàn này), các vị tổ sư đại đức hoàng truyền Tịnh Độ thời xưa chưa từng nhắc đến bởi vì con người thời đó căn tánh còn tốt, còn lanh lợi, không cần phải niệm như vậy cũng tự có thể quy nhất được tâm! Vì tâm của [Ấn Quang] tôi khó chế phục (không chế phục được vọng niệm) nên tôi mới biết được chỗ tốt tuyệt diệu của pháp này. Tôi luôn lặp lại phương pháp này để thử nghiệm. Mỗi một lần thử nghiệm đều đạt được kết quả tốt. Không phải do tôi chủ quan nhận định suy đoán rồi tưởng tượng ra điều này để nói một cách khinh suất tùy tiện. Tôi mong muốn cùng với người độn căn đời sau cùng dùng phương pháp niệm Phật này khiến cho vạn người tu thì vạn người chắc chắn được vãng sanh Cực Lạc. Pháp Thập Niệm Ký Số vừa đề cập là **trong lúc đang niệm Phật, niệm từ câu 1 đến câu 10 nhất định phải niệm cho phân minh (rõ ràng rành mạch) nhưng cũng nhất định phải ghi nhớ cho phân**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

minh (rõ ràng rành mạch là đang niệm câu Phật hiệu thứ mấy). Chỉ được niệm đến câu thứ 10. Sau khi niệm xong 10 câu thì ngừng lại, quay trở lại niệm từ câu 1 đến câu 10, chẳng được niệm 20, 30,... Vừa niệm vừa ghi nhớ, không được lần chuỗi hạt, chỉ được dựa vào tâm để ghi nhớ. Nếu niệm liên tục một mạch 10 câu cảm thấy khó ghi nhớ thì phân thành hai đoạn, tức là từ câu 1 đến câu 5 và từ câu 6 đến câu 10. Nếu vẫn không đủ sức để ghi nhớ (vẫn không thể ghi nhớ nổi) thì cần phải từ câu 1 đến câu 3, từ câu 4 đến câu 6, từ câu 7 đến câu 10, chia làm ba đoạn để niệm. (Tâm và miệng) niệm cho thật rõ ràng rành mạch! (Tâm ghi) nhớ (thứ tự Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10) cho thật rõ ràng rành mạch! (Tai) nghe (âm thanh Phật hiệu) cho thật rõ ràng rành mạch! Thì vọng niệm không còn chỗ nào để xen vào (vọng niệm không còn cơ hội và thời gian để khởi lên), thời gian lâu dài sẽ chắc chắn tự đạt được Nhất Tâm Bất Loạn.

Phải biết 10 niệm của Pháp Thập Niệm Ký Số này thu nhiếp vọng niệm hiệu quả giống như Pháp Thần Triều Thập Niệm hành trì vào mỗi buổi sáng thức dậy, nhưng cách thức dụng công lại khác xa nhau. Pháp Thần Triều Thập Niệm niệm hết một hơi thở tính là một niệm, không luận trong một hơi thở này có bao nhiêu Phật hiệu. **Pháp Thập Niệm Ký Số lấy một câu Phật hiệu làm một niệm.** Thần Triều Thập Niệm chỉ có thể niệm 10 niệm vào buổi sáng sớm thì được; nếu niệm 20, 30,... hơi thì (lâu ngày sẽ) tổn thương nguyên khí mà tạo thành bệnh. **Pháp Thập Niệm Ký Số này niệm 1 câu Phật hiệu thì tâm biết là 1 câu, niệm 10 câu Phật hiệu thì tâm biết là 10 câu; từ 1 đến 10, từ 1 đến 10; cho dù cả ngày niệm đến mấy vạn câu Phật hiệu đều phải ghi nhớ như vậy; không những có thể trừ khử được vọng niệm mà còn có thể dưỡng thần được tốt nhất. Niệm nhanh hay niệm chậm hoàn toàn không gây trở ngại. Từ buổi sáng cho đến buổi tối, không có lúc nào không phải là thời điểm thích hợp để niệm.** So với phương pháp lần chuỗi hạt để nhớ số thì lợi ích nhận được khác nhau một trời một vực. Phương pháp lần chuỗi hạt để nhớ số khiến thân mệt mỏi vì phải lần theo hạt chuỗi mãi không ngừng và tinh thần bị xao động. **Pháp Thập Niệm Ký Số khiến thân an nhàn và tâm an định, yên tĩnh. Chỉ có những lúc làm việc, có thể sẽ rất khó để ghi nhớ số (khi làm việc có thể sẽ rất khó để ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10) thì (đừng ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10 nữa) cứ thành khẩn thiết tha (nghiêm túc, thật tâm tin tưởng) niệm liên tục thẳng một mạch. Nếu sự việc làm hoàn tất rồi thì lại trở về thu nhiếp tâm để ghi nhớ số (ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu**

từ câu 1 đến câu 10). Dù tình cảnh vọng niệm có sôi nổi qua lại không ngừng (bất kể là vọng niệm phát sinh từ người, từ sự việc hay từ sự vật) cũng đều sẽ phục tùng theo (đều sẽ thuận theo) sự chuyên chú trong một cảnh Phật hiệu này!

Đại Thế Chí Bồ-tát nói: ‘Thu nhiếp trọn vẹn 6 căn, tịnh niệm tiếp nối liên tục, chứng được Tam-ma-địa, đây là đệ nhất!’. Người lợi căn thì tôi không nói đến. Nếu hạng độn căn như [Ấn Quang] tôi mà từ bỏ Pháp Thập Niệm Ký Số này lại muốn ‘thu nhiếp trọn vẹn 6 căn, tịnh niệm tiếp nối liên tục’ thì vô cùng khó khăn! Vô cùng khó khăn! (không thể nào làm được!)

Lại nhất định phải biết phương pháp nhiếp tâm niệm Phật này là pháp không thể nghĩ bàn: là cạn, cũng là sâu; là tiểu, cũng là đại.

Cần phải ngưỡng tin lời Phật dạy!

Đừng vì kiến giải của chính mình không đạt được đến cảnh giới (trình độ) đó liền nảy sinh nghi ngờ (Pháp Thập Niệm Ký Số) dẫn đến thiện căn nhiều đời nhiều kiếp do đây bị mất đi. Cuối cùng không thể đạt được lợi ích chân thật. Hiện tượng này thật đáng thương xót!

Lần chuỗi hạt niệm Phật chỉ thích hợp vào hai thời điểm là đi và đứng. Nếu ngồi yên tĩnh niệm Phật để dưỡng thần, mà tay lại hoạt động (tay lần theo hạt chuỗi) thì tinh thần không an định, lâu ngày sẽ tạo thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này dù đi - đứng - nằm - ngồi không lúc nào không thích hợp. Khi nằm chỉ được niệm thầm, không được niệm ra tiếng; nếu niệm ra tiếng thì một là bất kính, hai là tổn thương nguyên khí (tạo thành bệnh).

Nhất định phải ghi nhớ kỹ! Nhất định phải ghi nhớ kỹ!” ./.

❖ ĐỌC TỤNG BÀI PHÁP THẬP NIỆM KÝ SỐ TRƯỚC KHI NIỆM PHẬT ❖

Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm tự dịch bài Pháp Thập Niệm Ký Số từ Văn Ngôn ra Bạch Thoại rồi in lên miếng nhựa, tặng cho các bạn đồng tu và khuyên họ nên niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số. **Mỗi ngày, trước khi bước vào thời khóa niệm Phật, ông đều đọc tụng một lần bài Pháp Thập Niệm Ký Số.** Ông nói bài Pháp Thập Niệm Ký Số chính là thể giới Cực Lạc, chính là đức Phật A Mi Đà, chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ! **Pháp Thập Niệm Ký Số là phương pháp niệm Phật tối cực kỳ diệu đã giúp ông niệm Phật thành tựu dù cuộc sống công việc của ông rất bận rộn, thời gian nghe giảng kinh không có nhiều.**

NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG CẦN PHẢI CHÚ Ý KHI NIỆM PHẬT THEO PHÁP THẬP NIỆM KÝ SỐ

(Trích lục ý nghĩa từ bài giảng Pháp Thập Niệm Ký Số của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm và bài giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa của Ấn sư Thích Tịnh Không)

Đại sư Ấn Quang dạy trong Văn Sao: **“Khi niệm Phật, tâm không được nghĩ tưởng ra hình ảnh chữ ‘A Mi Đà Phật’, đây là đang khởi vọng tưởng!”**. Nhưng, âm thanh Phật hiệu A Mi Đà Phật lại không phải là vọng tưởng, âm thanh này là Tự Tánh viên mãn. Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ, âm thanh A Mi Đà Phật được gọi là **“Diệu Âm”**, nghĩa là âm thanh kỳ diệu không thể nghĩ bàn, kỳ diệu đến mức có thể giúp cho tất cả chúng sanh chứng được quả vị Phật viên mãn. Mật tông nói: **“Âm chữ đều là Thật Tướng”, Tri Danh Niệm Phật chính là Thật Tướng Niệm Phật**. Trong bộ Luận Vãng Sanh, Bồ-tát Thiên Thân giảng 3 thứ trang nghiêm của cõi Cực Lạc (Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm và thế giới trang nghiêm) nhập vào trong một câu pháp thanh tịnh **“A Mi Đà Phật”**. Âm thanh **“A Mi Đà Phật”** này chính là **Pháp Thân Vô Vi** (Bản Thể), từ Bản Thể này hiện ra Y báo và Chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc.

Mục đích của việc niệm Phật là phải niệm Phật cho ra được tâm thanh tịnh, pháp môn Tịnh Độ chính là tu tâm thanh tịnh, **“tâm tịnh thì cõi nước tịnh”, tâm thuần tịnh thuần thiện mới có thể vãng sanh đến thế giới Cực Lạc**.

Ấn sư Thích Tịnh Không và cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đều dạy **“ký số” không phải là trong tâm nghĩ tưởng ra âm thanh chữ số “một, hai, ba,..., mười” hay trong tâm nghĩ tưởng ra chữ số hiện lên “1, 2, 3,..., 10”**; nghĩ tưởng như vậy là đã rơi vào vọng tưởng, tâm đã bị ô nhiễm, tâm không thanh tịnh. Chữ **“ký số”** dịch theo mặt chữ thì **“ký”** là ghi nhớ và **“số”** là chữ số; nhưng **“y theo văn tự để giải nghĩa, ba đời chư Phật đều bị hàm oan”**. Đại sư Ấn Quang nói rất cụ thể **“ký số” là “tâm biết”**: **“niệm 1 câu Phật hiệu thì tâm biết là 1 câu”, “niệm 10 câu Phật hiệu thì tâm biết là 10 câu”, “từ 1 đến 10, từ 1 đến 10”**. Do đó, **năng lực nhận biết và sức ghi nhớ rõ ràng của tâm** trong từng câu Phật hiệu gọi là **“ký”**; thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10 gọi là **“số”**. **“Ký số”** nghĩa là tự tâm người niệm Phật nhận biết và ghi nhớ rõ ràng thứ tự từng câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10. Cho nên, **“ký số” không phải là khởi lên vọng tưởng về hình ảnh chữ số “1, 2,..., 10” hay âm thanh chữ số “một, hai,..., mười”**; nhất định không được vừa niệm Phật vừa khởi lên vọng tưởng về chữ số.

Pháp Thập Niệm Ký Số là phương pháp niệm Phật mà Bồ-tát Đại Thế Chí dạy trong **“Chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông”** của Kinh

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Thủ Lăng Nghiêm, thuộc vào kinh điển của Tịnh Độ tông (5 bộ kinh và 1 bộ luận). Trong chương kinh này, Đại Thế Chí Bồ-tát dạy tổng nguyên tắc của việc niệm Phật là: “Thu nhiếp trọn vẹn 6 căn - Tịnh niệm tiếp nối liên tục”. Trong bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, pháp môn Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí Bồ-tát thuộc về Kiến đại trong 7 đại: Địa đại (chất rắn), Thủy đại (chất lỏng), Hỏa đại (nhiệt độ), Phong đại (chuyển động), Không đại (không có tướng), Kiến đại (tâm thấy được, tâm nhận biết được), Thức đại (tâm phân biệt); pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ-tát thuộc về Nhĩ căn trong 6 căn: Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, Ý căn. Do đó, muốn lãnh hội được phương pháp niệm Phật của Pháp Thập Niệm Ký Số thì phải hiểu được ý chỉ của Kinh Lăng Nghiêm.

6 Tánh ở nơi căn chính là Chân Tâm (không sanh không diệt), 6 thức được sanh ra do 6 căn tiếp xúc với 6 trần chính là vọng tâm (có sanh có diệt). Khi 6 căn là Nhãn căn (Tánh thấy), Nhĩ căn (Tánh nghe), Tỷ căn (Tánh ngửi), Thiệt căn (Tánh nếm), Thân căn (Tánh xúc chạm), Ý căn (Tánh biết) tiếp xúc với 6 trần là Sắc trần (Cảnh vật), Thanh trần (Âm thanh), Hương trần (Mùi hương), Vị trần (Vị), Xúc trần (Xúc chạm) và Pháp trần (Cảnh ở trong tâm) sẽ sanh ra 6 thức là: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức (Thức thứ 6).

Các chú giải Kinh Lăng Nghiêm trước thời Pháp sư Giao Quang đều dùng ý chỉ Tam chỉ - Tam quán của Pháp sư Trí Giả thuộc tông Thiên Thai để làm chú giải. Tam chỉ - Tam quán là dùng thức, dùng thức là dùng vọng tâm; mà ý chỉ của Kinh Lăng Nghiêm là bỏ thức dùng căn, dùng căn là dùng Chân Tâm. Pháp sư Giao Quang phát tâm chú giải lại bộ kinh này nhưng thọ mạng của Ngài đã hết. Ngài tu pháp môn Tịnh Độ, khi Phật A Mi Đà đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh Cực Lạc thì Ngài xin Phật gia trì cho Ngài trụ lại thế gian thêm một khoảng thời gian để hoàn thành bộ chú giải Kinh Lăng Nghiêm. Phật A Mi Đà đồng ý và gia trì cho Ngài thêm tuổi thọ, khi nào Ngài hoàn thành công việc sẽ tiếp dẫn Ngài đến thế giới Cực Lạc. Bộ chú giải của Ngài có tên Lăng Nghiêm Chánh Mạch, phần mở đầu của bộ chú giải có tường thuật câu chuyện này. **Lăng Nghiêm Chánh Mạch nói rõ ý chỉ của Kinh Lăng Nghiêm là bỏ thức dùng căn, dùng căn là dùng Chân Tâm. Khi 6 căn tiếp xúc với cảnh giới 6 trần thì niệm thứ nhất chính là dùng căn, là dùng Chân Tâm. Nếu sau niệm thứ nhất này mà xuất hiện thêm niệm thứ hai, niệm thứ ba,... thì đã rơi vào thức, đã rơi vào vọng tâm. Nếu có thể giữ được mãi mãi niệm thứ nhất thì giống với chư Phật Như Lai. Tánh ở nơi 6 căn giống như một tấm gương sáng, chỉ phản chiếu hình bóng vạn sự vạn vật chứ không lưu lại bất kỳ dấu vết gì. Phật dạy chúng ta dùng Chân Tâm (tâm thanh tịnh) để niệm Phật, nếu dùng vọng tâm (tâm vọng tưởng tạp loạn) để niệm Phật thì vẫn là tạo nghiệp luân hồi, không thể ra khỏi Lục đạo luân hồi. Tâm thành kính đạt đến mức cùng cực chính là Chân Tâm,**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

tiên sinh Tăng Quốc Phiên nói: “Một niệm không sanh gọi là thành!”, tâm không sanh khởi một ý niệm nào thì tâm thanh tịnh.

Pháp Thập Niệm Ký Số là kỹ thuật niệm Phật thu gom toàn bộ 6 căn đang chạy tán loạn theo 6 trần ở bên ngoài lại, nếu 6 căn không còn chạy theo cảnh giới của 6 trần thì không sanh ra vọng tâm là 6 thức, kéo toàn bộ 6 căn hướng vào âm thanh danh hiệu A Mi Đà Phật ở trong tâm. Khi 6 căn đã bị cột chặt vào âm thanh A Mi Đà Phật ở trong tâm thì tâm liền được thanh tịnh, Chân Tâm hiện tiền. Kỹ thuật thu nhiếp 6 căn vào âm thanh A Mi Đà Phật (dù niệm ra tiếng hay niệm thầm trong tâm) của Pháp Thập Niệm Ký Số thực hiện như sau:

- “Ý niệm khởi lên từ trong tâm” rõ ràng rành mạch: Ý căn (Tánh biết) phải nhận biết, phải thấy rõ ràng bản thân đang niệm danh hiệu A Mi Đà Phật. Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm giảng là: “Bạn đang làm gì vậy?”. “Tôi đang gọi A Mi Đà Phật! Tôi đang liên lạc với A Mi Đà Phật! Trong tâm tôi thật sự có A Mi Đà Phật!”, đây là danh hiệu A Mi Đà Phật đã được phát khởi lên từ trong tâm, đây là thu nhiếp là Ý căn.
- “Âm thanh Phật hiệu từ miệng phát ra” rõ ràng rành mạch:

❖ Khi niệm Phật ra tiếng: Nhãn căn (Tánh thấy) phải nhận biết, phải thấy rõ ràng động tác của miệng đang niệm Phật; 6 chữ “Nam mô A Mi Đà Phật” mỗi một chữ có một khẩu hình khác nhau.

❖ Khi niệm Phật thầm trong tâm: Tuy rằng miệng không động, nhưng sâu thẳm trong ý thức suy nghĩ vẫn phải có tướng của miệng đang niệm Phật. Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm giảng là: “Miệng không cử động nhưng trong tâm vẫn phải có cảm giác cái miệng đang cử động để niệm Phật!”. Khi niệm thầm, Nhãn căn (Tánh thấy) vẫn phải nhận biết, phải thấy rõ ràng động tác của cái miệng bên trong tâm đang niệm Phật dù cho cái miệng bên ngoài không có cử động. Người bình thường nếu ngậm miệng lại không nói chuyện thì vẫn có thể tự phát ra tiếng nói ở trong tâm rất rõ ràng. Nếu để ý kỹ thì thấy những tiếng nói ở trong tâm này được phát ra từ cử động của cái miệng ở trong tâm, cái miệng ở trong tâm này chính là “cảm giác cái miệng đang cử động niệm Phật” mà cư sĩ Hồ Tiểu Lâm nói, chính là Thiệt căn đang cử động để phát ra âm thanh trong tâm.

Dù niệm ra tiếng hay niệm thầm trong tâm thì từng động tác cử động của miệng để phát ra âm thanh Phật hiệu phải rõ ràng rành mạch; cư sĩ Hồ Tiểu Lâm nói là: “Không được nuốt chữ! Không được ọm ờ ở trong miệng!”. Từng động tác cử động niệm Phật của miệng (miệng bên ngoài và cảm giác miệng đang cử động niệm Phật bên trong tâm) nếu không rõ ràng rành mạch ở từng cử động thì tai

(Nhĩ căn) cũng không nghe thấy hoặc không nghe rõ âm thanh Phật hiệu. **Dù niệm thầm hay niệm ra tiếng đều nên niệm với tốc độ chậm, vì niệm chậm thì dễ dàng niệm rõ ràng chắc chắn từng câu từng chữ Phật hiệu.** Đại sư Ấn Quang niệm Phật rất chậm, Ngài niệm rõ ràng chắc chắn từng chữ từng chữ, niệm cẩn thận kỹ lưỡng từng chữ trong Phật hiệu.

Một số đồng tu nói với cư sĩ Hồ Tiêu Lâm là khi niệm Phật mà chú ý đến động tác của miệng niệm Phật (tương của miệng đang niệm Phật trong tâm) thì mệt lắm. Cư sĩ Hồ Tiêu Lâm khẳng định: “Rất là mệt! Vô cùng mệt!”. Vì sao mệt? Vì phạm phu vọng tưởng quen rồi nên không thấy mệt, còn niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số là đang thoát ra khỏi tập khí thói quen khởi vọng tưởng đã huân tập từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, bắt 6 căn phải quy nhất, làm sao không mệt cho được. Một số đồng tu hỏi là Nhãn căn (Tánh thấy) chú ý đến động tác của miệng (tương miệng đang niệm Phật trong tâm) thì có phải là đang khởi vọng tưởng không? Việc này không phải là khởi vọng tưởng, giống như tai đang nghe âm thanh Phật hiệu vậy, động tác niệm Phật của miệng (tương miệng đang niệm Phật trong tâm) không phải do nghĩ tưởng tạo ra, mà thực tế là Thiệt căn của người niệm Phật đang cử động.

Vậy, đây là Nhãn căn và Thiệt căn được thu nhiếp lại.

- **“Tai nghe âm thanh Phật hiệu” rõ ràng rành mạch: Thu nhiếp cái lỗ tai lại, không chế cái lỗ tai rồi nghiêm túc, cẩn thận, tập trung lắng nghe mỗi một chữ, mỗi một câu của âm thanh Phật hiệu cho thật rõ ràng rành mạch, không được nghe qua loa hời hợt.**

❖ **Khi niệm Phật ra tiếng: Nhĩ căn (Tánh nghe) phải lắng nghe cho rõ âm thanh từ miệng phát ra.**

❖ **Khi niệm Phật thầm trong tâm: Nhĩ căn (Tánh nghe) phải lắng nghe cho rõ âm thanh từ cái miệng trong tâm phát ra.**

Vậy, đây là Nhĩ căn được thu nhiếp lại.

- **“Ý căn (Tánh biết) ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10” rõ ràng rành mạch:** Đây là năng lực nhận biết và ghi nhớ của Ý căn. Nếu tâm không có vọng niệm thì tự nhiên có thể nhận biết và ghi nhớ được câu Phật hiệu đang niệm là câu thứ mấy trong 10 câu. Đại sư Ấn Quang nói “ký số” chính là “tâm biết”. Chỉ cần có vọng niệm khởi lên thì tâm liền mê mờ chạy theo vọng niệm, sẽ quên mất câu Phật hiệu hiện tại là câu thứ mấy trong 10 câu; thậm chí còn không biết mình đang niệm Phật, mơ mơ hồ hồ (ý niệm niệm Phật không khởi lên từ trong tâm).

Một số đồng tu sơ học có tập khí khởi vọng tưởng quá nặng, **ngay trong 4 chữ “A Mi Đà Phật” cũng khởi vọng tưởng; vừa mới niệm chữ “A” đã khởi vọng tưởng.** Lúc này, **cần phải niệm thật chậm lại, hành trì cẩn thận từng chút một thì ngay trong câu Phật hiệu đó mới không có vọng tưởng khởi lên.** Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm có một cách đối trị là **ngân dài chữ “A” lên, nhấn mạnh chữ “A”, niệm lặp lại chữ “A” nhiều lần cho đến khi niệm chữ “A” không còn có vọng tưởng nữa mới niệm đến chữ tiếp theo. [Chữ nào có vọng tưởng xen vào thì ngân dài, nhấn mạnh âm điệu và niệm lặp lại chữ đó] Câu Phật hiệu nào có vọng tưởng xen vào thì niệm lại câu đó, niệm đến khi nào không còn vọng tưởng xen vào nữa mới ghi nhớ đến thứ tự câu Phật hiệu tiếp theo.** Vì Ý căn khó thu nhiếp nên có hai lần (đầu tiên và cuối cùng) đều là thu nhiếp Ý căn.

Tại sao tổ Ấn Quang không đề cập đến Thân căn và Tỷ căn? Vì **khi 4 căn: Ý căn, Nhãn căn, Thiệt căn, Nhĩ căn niệm tốt rồi, niệm rõ ràng rành mạch rồi thì tự nhiên Thân căn và Tỷ căn cũng tự quy nhất.** Ấn sư Thích Tịnh Không giảng rằng trong 6 căn chỉ có Nhĩ căn và Nhãn căn là **lanh lợi nhất, đặc biệt là Nhĩ căn, 4 căn còn lại tương đối ám độn.** Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đã tuyền chọn pháp viên thông trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm cho chúng sanh cõi Ta Bà: **“Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”.**

- ✓ **Thân căn:** Thân thể đi kinh hành niệm Phật hoặc lạy Phật niệm Phật hoặc tĩnh tọa niệm Phật hoặc **động tác thân thể đang chuyên chú thao tác vào công việc** thì Thân căn tự được thu nhiếp. Cho nên, cư sĩ Hồ Tiểu Lâm nói rằng không được phối hợp nhíp bước chân vào Pháp Thập Niệm Ký Số, tổ Ấn Quang không dạy làm như vậy.
- ✓ **Tỷ căn:** Mũi tự nhiên hít vào - thở ra đáp ứng nhu cầu khí thở của cơ thể trong lúc niệm Phật. Ví dụ: lạy Phật niệm Phật thì nhu cầu khí thở nhiều, tĩnh tọa niệm Phật thì nhu cầu khí thở ít, v.v... Tỷ căn tự được thu nhiếp. Cho nên, cư sĩ Hồ Tiểu Lâm nói rằng không được phối hợp nhíp hơi thở vào Pháp Thập Niệm Ký Số, tổ Ấn Quang cũng không dạy làm như vậy.

Nếu có ý phối hợp nhíp bước chân và nhíp hơi thở vào Pháp Thập Niệm Ký Số thì không thể nhớ được thứ tự câu Phật hiệu. Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm nói rằng: **“4 động tác niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số đã đủ rồi lắm rồi, đừng trộn lẫn hơi thở và nhíp bước chân vào pháp niệm Phật này nữa!”.** Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm giảng: “Ngày đêm canh phòng 6 giấc!”, nghĩa là khi xuất hiện vọng tưởng thì phải mau chóng dùng Pháp Thập Niệm Ký Số để khởi âm thanh Phật hiệu lên, thu nhiếp 6 căn vào âm thanh Phật hiệu để quét trừ vọng niệm. Khi làm việc, vì thân thể đang phải chuyên chú thao tác công việc, các căn bị phân tán sức tập trung một phần nên

không thể ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu được. Vậy, khi làm việc, nếu không thể ghi nhớ được thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10 thì nên tạm bỏ ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu đi; nếu công việc đã làm xong rồi thì lại ghi nhớ thứ tự câu Phật hiệu.

Niệm Phật không phải cứ cố niệm cho nhanh, niệm cho nhiều là tốt; mà phải niệm cho rõ ràng rành mạch mới tốt. Vì khi niệm Phật tốc độ nhanh thì tâm ý dễ qua loa hời hợt, 6 căn đều không dễ dàng thu nhiếp lại, sẽ nghe âm thanh Phật hiệu không rõ. Nếu 6 căn chạy tán loạn theo 6 trần thì vọng niệm (6 thức) cứ theo đó khởi lên liên tục, vừa niệm Phật vừa khởi vọng tưởng là tạo nghiệp luân hồi, không thể vãng sanh Cực Lạc. Cho nên, niệm Phật tốt nhất là niệm một cách chậm rãi rõ ràng rành mạch từng chữ một, niệm một chữ thì chắc một chữ, niệm một câu thì chắc một câu. Đặc biệt, nếu ăn ngon, ngủ ngon (hai loại dục trong ngũ dục: tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ) thì tinh lực dồi dào rất dễ dàng trạo cử (tâm sanh nhiều vọng niệm tán loạn). Khi niệm Phật với tốc độ nhanh sẽ rất khó ghi nhớ liên tục một mạch 10 câu Phật hiệu, nhưng nếu niệm Phật với tốc độ chậm thì có thể ghi nhớ được liên tục một mạch 10 câu Phật hiệu. Niệm nhanh một chút chỉ nên áp dụng vào những lúc bị hôn trầm (tâm bị mê mờ chìm đắm gây buồn ngủ, uể oải, ngủ gật,...), cơ thể mệt mỏi, có nhiều công việc, xảy ra chút rắc rối trong cuộc sống, có việc không được như ý, người không hài lòng xuất hiện,... Khi niệm Phật, nếu bị hôn trầm thì đi kinh hành nhiều Phật niệm Phật hoặc lạy Phật niệm Phật và nên niệm Phật to tiếng sẽ đánh tan được hôn trầm (lạy Phật chỉ được niệm Phật thầm trong tâm hoặc dùng Kim Cang trì, không được niệm Phật to tiếng vì sẽ hao tổn nguyên khí tạo thành bệnh giống như đang nằm mà niệm Phật to tiếng); nếu bị trạo cử thì nên tĩnh tọa niệm Phật.

Đại sư Ấn Quang có dạy trong Văn Sao là **khi niệm Phật tuyệt đối không được nhắm mắt**, nhắm mắt niệm Phật lâu ngày ắt chiêu cảm ma. Mắt phải mở ra và hơi nhìn hướng xuống phía dưới một chút giống như ánh mắt của Phật, chú tâm đến cái miệng đang cử động niệm Phật (tướng miệng niệm Phật trong tâm khi niệm thầm).

Một số ông lão bà lão ở nông thôn không biết chữ, không hiểu kinh giáo, chỉ niệm duy nhất một câu A Mi Đà Phật mà lại biết trước ngày giờ vãng sanh Cực Lạc hiện ra tướng lành hiếm có; nguyên nhân là do họ vốn dĩ đã có tâm thanh tịnh. Ấn sư Thích Tịnh Không nói rằng thật ra số lượng những ông lão bà lão có tâm chân thành cung kính như vậy là không nhiều, họ đều là người có tâm địa vô cùng lương thiện, tâm địa vô cùng thanh tịnh, đây là tâm Bồ-đề. Trong quá khứ nhiều kiếp, họ đã từng tu học pháp môn Tịnh Độ, tu rất giỏi, công phu niệm Phật khá cao; nhưng lúc lâm chung bị ác duyên chướng ngại làm họ bất giác mê mờ quên mất niệm Phật cho nên không được vãng sanh Cực Lạc. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà những người này có được thiện căn phước đức rất sâu dày, đều là do tu hành trong

nhieu đòi quá khứ tích lũy lại, đây là những người Thượng căn. Người căn tánh bậc Thượng vừa thu nhiếp tâm lại để niệm Phật thì lập tức đạt được tâm quy nhất! Đa số người niệm Phật đều thuộc hàng Trung căn và Hạ căn, tâm địa đều ô nhiễm và bất thiện. Người thuộc hàng Trung căn không cần nhớ Phật hiệu từ 1 đến 10, chỉ cần tâm niệm - miệng niệm - tai nghe là tâm đã quy nhất. Đại sư Ấn Quang nói Ngài thuộc hàng Hạ căn ngu độn (lời nói này của Ngài không phải là lời nói thật, tổ sư đại đức đều hết sức khiêm hạ), Ngài nói **người niệm Phật đòi Mạt pháp đều phải dùng Pháp Thập Niệm Ký Số niệm Phật thì mới đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn**.

Người niệm Phật phải có tâm thành kính! Tâm thành kính là thể của Bồ-đề tâm, tâm thanh tịnh bình đẳng giác là tự thọ dụng của Bồ-đề tâm, tâm đại từ đại bi là tha thọ dụng của Bồ-đề tâm. Người niệm Phật nếu không có tâm Bồ-đề thì sẽ như tổ sư đã nói: “miệng niệm Mi Đà tâm tán loạn, đau mồm rát họng cũng chỉ uống công!”. Nếu tâm cực kỳ thành kính thì chắc chắn công phu niệm Phật sẽ rất tốt. Nhưng nếu tâm thành kính bị khiếm khuyết thì làm cách nào để có được tâm chí thành cung kính? Lúc đầu, cư sĩ Hồ Tiểu Lâm niệm Phật cũng không có tâm thành kính, công phu niệm Phật của ông không có lực. Sau đó, ông đọc Ấn Quang Pháp sư Văn Sao thì phát hiện ra diệu pháp niệm Phật là Pháp Thập Niệm Ký Số: **Pháp Thập Niệm Ký Số có thể khiến tâm người niệm Phật từ trạng thái rất ô nhiễm, rất tạp loạn nhanh chóng đạt đến trạng thái tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh thì thành kính. Ông rất nỗ lực niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số, niệm Phật chỉ khoảng 4 tháng thì thành tựu rồi, tâm thanh tịnh và tâm chí thành cung kính đều xuất hiện. Ông rút ra nguyên tắc là: Dù tâm thành kính không đầy đủ, bị khiếm khuyết nhưng nếu biết niệm Phật theo kỹ thuật niệm Phật của Pháp Thập Niệm Ký Số khiến vọng tưởng không có cách gì khởi lên được thì tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền, tự nhiên sẽ có tâm chí thành cung kính! Do đó, trước tiên phải bắt đầu hạ thủ công phu từ kỹ thuật niệm Phật. Pháp Thập Niệm Ký Số là pháp diệu nhất trong tất cả các phương pháp niệm Phật, là phương pháp tốt nhất để “thu nhiếp trọn vẹn 6 căn, tịnh niệm tiếp nối liên tục” đạt được tâm thanh tịnh và tâm chí thành cung kính!**

Đại sư Ấn Quang nói rằng **nếu niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số thì sau cùng sẽ đạt được lợi ích lớn nhất là đảm bảo vãng sanh đến thế giới Cực Lạc**. Còn đối với lợi ích đạt được trong hiện tại, Ngài nói 8 chữ: “**Nghiệp tiêu, trí lãng, chướng tận, phước sùng!**”.

Nghiệp tiêu: Nghiệp là kết quả của những hành vi do thân - khẩu - ý tạo ra, có 4 loại là thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp (không thiện, không ác; đây là vô minh, ngu si) và **tịnh nghiệp (đoạn ác không chấp tướng đoạn ác, tu thiện không chấp tướng tu thiện; đoạn ác tu thiện rất nỗ lực tinh tấn nhưng tâm địa thanh tịnh)**. Quả báo của thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp đều ở Mười pháp giới. Mười pháp giới không có quả báo của tịnh nghiệp (tâm thanh tịnh). Tịnh nghiệp nhận quả báo ở cõi

Nhất chân pháp giới như thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng,... **Chượng tân:** Chượng là tác dụng làm chượng ngại Tự Tánh hiển lộ ra của những nghiệp không thanh tịnh. Chượng có hai loại là Phiền não chượng và Sở tri chượng. **Ấn sư Thích Tịnh Không giảng rằng niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số sẽ nhanh tiêu trừ nghiệp chượng hơn các phương pháp niệm Phật khác và tâm địa cũng nhanh được thanh tịnh hơn các phương pháp niệm Phật khác. Nếu dùng phương pháp niệm Phật thâm trong tâm của Pháp Thập Niệm Ký Số, Nhĩ căn lắng nghe âm thanh Phật hiệu phát ra trong tâm thì đây chính là pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ-tát đã hiệp với pháp môn Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí Bồ-tát thành một pháp môn.** **Trí lãng:** Nghiệp chượng đã tiêu trừ thì Trí-huệ trong Tự Tánh xuất hiện. Trí-huệ càng tăng trưởng thì tự nhiên càng nhìn thấu được chân tướng vũ trụ nhân sanh. Khi đã nhìn thấu suốt chân tướng vũ trụ nhân sanh của thế giới Ta Bà, nhìn thấu Pháp Tánh Độ vĩnh hằng bất biến của cõi Cực Lạc thì sẽ bằng lòng buông bỏ vạn duyên ở thế giới Ta Bà để đi đến thế giới Cực Lạc. **Phước sùng:** Trong bộ Kinh Hoa Nghiêm, **Phật dạy phước lớn nhất chính là tâm thanh tịnh (Thiền-định).** Pháp Thập Niệm Ký Số là pháp niệm Phật giúp hành giả nhanh chóng đắc được thâm diệu Thiền-định.

Pháp Thập Niệm Ký Số là cạn, là sâu, là tiểu, là đại: **Cạn** là dưỡng thần, tốt cho sức khỏe. Nếu bị bệnh mất ngủ, bị stress, bệnh hồi hộp tim, v.v... thì chỉ cần niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số một thời gian khiến tâm thanh tịnh thì những chứng bệnh này đều khỏi, không còn cần phải uống thuốc ngủ, vitamin C, v.v... Về lâu dài, thân thể và tinh thần đều khỏe mạnh. **Sâu** là chứng được Niệm Phật Tam-muội. **Tiểu** là 4 chữ A Mi Đà Phật. **Đại** là chứng được quả vị Phật cứu cánh viên mãn.

Đời sống vật chất (ngũ dục) phải giảm xuống mức thấp nhất có thể thì niệm Phật mới dễ đắc Thiền-định: Trước khi học Phật thì cư sĩ Hồ Tiểu Lâm dùng siêu xe Mercedes; kể từ khi học Phật, ông đổi sang đi chiếc xe Jetta công cộng của công ty ông vừa cũ vừa hôi. Trước khi học Phật, ông ăn uống toàn đồ ăn thức uống quý giá, ví dụ như loại trà mà ông uống phải là loại trà trồng trên nham thạch núi lửa, v.v...; từ khi học Phật, ông ăn cơm chỉ ăn 1 món duy nhất, người giúp việc mua thức ăn gì thì ông ăn thứ đó, đều là những loại thức ăn rất bình thường. Ông dặn người giúp việc bỏ tất cả nguyên liệu nấu ăn vào một nồi rồi nấu lên, không được chia ra từng món và chỉ được cho một chút muối hay nước tương vào, không phân biệt mùi vị ngon dở, cũng có thể gọi là cơm Ca-Sa. Cư sĩ Lưu Tố Vân cũng ăn cơm giống cư sĩ Hồ Tiểu Lâm, bà ăn cơm cũng chỉ ăn 1 món duy nhất, ăn giống người xuất gia thời xưa. **Thức khuya niệm Phật:** Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm làm Chủ tịch công ty lớn nên ban ngày ông phải giải quyết rất nhiều công việc, thời gian rảnh để niệm Phật vào ban ngày của ông là rất ít, thời gian nghe giảng kinh và đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ cũng ít. Mỗi ngày, ông đều nhất định phải đọc xong 1 bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Lúc mới học Phật, chưa sắp xếp được thời gian, buổi tối, dù đi làm về muộn đến mấy ông cũng nhất định phải đọc cho xong 1 biên Kinh Vô Lượng Thọ rồi mới đi ngủ. Sau này, khi ông học được

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Pháp Thập Niệm Ký Số thì ông thức khuya để niệm Phật. Ban đêm, lúc mọi người trong nhà đã đi ngủ hết thì ông một mình niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số. **Tâm cảnh giác với sự vô thường rất cao:** Ông xem tin tức thấy động đất và sóng thần ở thành phố Sendai của Nhật Bản, bánh bao ở Thượng Hải có chất nhuộm màu độc hại,... thì ông đều quay trở lại phản tỉnh chính mình, nhắc nhở chính bản thân mình phải niệm Phật tốt hơn để sớm ngày vãng sanh Cực Lạc.

Đối với Pháp Thập Niệm Ký Số, động tác của miệng và cảm giác động tác của miệng đang cử động trong tâm phải rõ ràng rành mạch để có thể phát ra âm thanh Phật hiệu được rõ ràng rành mạch là vô cùng quan trọng. Do đó, việc niệm A Mi Đà Phật sẽ thuận lợi hơn rất nhiều so với niệm A Di Đà Phật. Đại lão hòa thượng Thích Trí Tịnh đã nói chữ “Di” là chữ gây chướng ngại trong tâm, người niệm Phật thuần thực theo Pháp Thập Niệm Ký Số sẽ thấy chính xác là như vậy, đúng như lời Ngài đã dạy.

Một vài kinh nghiệm niệm Phật thực tế theo Pháp Thập Niệm Ký Số (tham khảo):

Niệm Phật thâm thì người sơ học đa phần cái miệng trong tâm thường bị cứng, không thể điều khiển được cái miệng này cử động phát ra âm thanh Phật hiệu. Do đó, cần phải có sự rèn luyện, nên niệm theo cách Kim Cang trì: miệng bên ngoài có động tác cử động nhưng không phát ra tiếng, chỉ có âm thanh Phật hiệu vang lên trong tâm. Niệm theo cách Kim Cang trì lâu ngày thì tự nhiên cái miệng trong tâm sẽ có cảm giác cử động niệm được, niệm Phật càng chăm chỉ, rèn luyện qua thời gian càng lâu dài thì cảm giác cái miệng cử động niệm Phật trong tâm càng rõ ràng dần dần.

Có trường hợp miệng thì vẫn đang niệm ra tiếng A Mi Đà Phật rất to, rất rõ ràng nhưng Nhĩ căn (Tánh nghe) không nghe thấy hoặc nghe không rõ âm thanh A Mi Đà Phật. Nếu để ý kỹ sẽ phát hiện ra âm thanh Phật hiệu đang bị trộn lẫn lộn, đang bị lẫn át bởi các loại âm thanh tạp loạn khác nhau phát ra từ trong tâm. Nơi phát ra âm thanh tạp loạn chính là từ cái miệng bên trong tâm đang cử động loạn xạ để phát ra âm thanh tạp loạn. Miệng bên ngoài đang cử động để phát ra âm thanh Phật hiệu nhưng Thiệt căn ở trong tâm lại không cử động để phát ra âm thanh Phật hiệu. Lúc này, cần phải niệm chậm lại, chú ý đến động tác niệm Phật của miệng, dùng Nhãn căn (Tánh thấy) quan sát rõ ràng Thiệt căn, điều khiển Thiệt căn, bắt cái miệng ở trong tâm phải cử động theo đúng động tác phát ra âm thanh Phật hiệu thì Nhĩ căn mới có thể nghe thấy âm thanh Phật hiệu. Nếu Nhãn căn (Tánh thấy) không chú ý quan sát rõ ràng Thiệt căn, để cho Thiệt căn tự do cử động lung tung không tuân theo động tác niệm Phật thì Nhĩ căn chắc chắn không nghe được âm thanh Phật hiệu.

Cơ bản, khi Ý căn biết rõ mình đang niệm A Mi Đà Phật (đang liên lạc với A Mi Đà Phật) - Nhãn căn chú ý kỹ động tác của Thiệt căn, giúp cho Thiệt căn cử động

từng động tác để phát ra âm thanh Phật hiệu thật rõ ràng rành mạch - Nhĩ căn lắng nghe âm thanh Phật hiệu thật rõ ràng rành mạch thì vọng tưởng tự nhiên không thể sanh khởi được; **tâm thanh tịnh thì tự nhiên nhận biết được thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10.** Nghĩa là, tâm thanh tịnh giống như một hồ nước trong lặng, sẽ có khả năng quán chiếu rõ ràng từng câu Phật hiệu; cho nên, có thể nói “**tâm biết**” chính là **Định - Huệ đẳng trì. Định - Huệ đẳng trì chính là Thiên-định, nếu chỉ có Định mà không có Huệ thì không có năng lực quán chiếu.** Mặt nước bị xao động thì mất đi năng lực quán chiếu; nghĩa là, nếu tâm không còn thanh tịnh thì không có cách gì nhận biết thứ tự câu Phật hiệu từ câu 1 đến câu 10. Tuy nhiên, **khởi vọng tưởng là một loại tập khí rất nặng đã huân tập từ vô lượng vô biên kiếp đến nay, không dễ gì trong một thời gian ngắn mà có thể hàng phục loại tập khí này khiến vọng tưởng không khởi lên nữa.** Cho nên, một số người niệm đến câu Phật hiệu thứ 6 thì vọng tưởng khởi lên, tâm ô nhiễm liền quên mất thứ tự câu Phật hiệu đang niệm là câu thứ mấy; đối với những người này thì chia 10 câu Phật hiệu thành 2 đoạn để ghi nhớ. Một số người chỉ niệm đến câu Phật hiệu thứ 4 đã khởi vọng tưởng; những người này cần chia làm 3 đoạn để ghi nhớ.

Chú thích:

* Trong bản dịch bài Pháp Thập Niệm Ký Số, phần trong dấu “[...]” là nguyên văn lá thư có mở ngoặc và đóng ngoặc, phần trong dấu “(...)” là phần diễn nghĩa thêm. Lá thư thứ 4 mà Đại sư Ấn Quang gửi cư sĩ Cao Thiệu Lâm viết bằng Văn Ngôn, là cổ văn Trung Hoa. Văn Ngôn là văn viết, thường chỉ có ý mà không có lời, khác hoàn toàn với văn nói Bạch Thoại. Một bài văn viết bằng Văn Ngôn nếu đem cho 10 người dịch ra Bạch Thoại thì nhận được 10 bản dịch đều không giống nhau. Cho nên, nếu muốn dịch nội dung Pháp Thập Niệm Ký Số được viết trong lá thư này ra tiếng Việt hoàn toàn chính xác, không bị sai sót nghĩa lý thì phải hiểu thông suốt pháp niệm Phật này. Điều may mắn là cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đã giảng giải lá thư ấy (giảng giải Pháp Thập Niệm Ký Số) rất tường tận vào tháng 4 năm 2011 tại Hiệp Hội Giáo Dục Phật-đà Hồng Kông. Chúng tôi đã căn cứ vào nội dung bài giảng của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm để dịch theo cách diễn dịch vì hàm nghĩa trong lá thư này quá sâu quá rộng (tổ Ấn Quang còn vận dụng cả văn trong Chu Dịch). Nếu dịch bó buộc theo câu chữ như cách dịch thông thường thì không thể nào làm sáng tỏ hết ý nghĩa.✽

* **Pháp Thần Triều Thập Niệm** do Pháp sư Từ Vân Quán Đánh đời Tống vì vương công đại thần quá bận chính sự không có thời gian niệm Phật mà lập ra. Pháp này hành trì vào sáng sớm, hít một hơi sâu rồi niệm Phật hiệu ra tiếng liên tục cho đến khi hết hơi sẽ tính là 1 niệm. Niệm 10 hơi như vậy thì ngừng lại. **Vì dùng hơi thở để nhiếp tâm nên vọng niệm không có cơ hội xen vào tâm, tâm được thanh tịnh khi niệm Phật. Do đó, dù chỉ niệm Phật được 10 niệm thôi nhưng công đức niệm Phật rất lớn. Nhược điểm: niệm hơn 10 niệm (lâu ngày) sẽ tổn khí sanh bệnh.**✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

* **Pháp Thập Niệm Ký Số thù thắng hơn Pháp Thần Triều Thập Niệm gấp bội phần:** Tác dụng thu nhiếp vọng tâm khiến tâm được thanh tịnh của hai pháp niệm Phật này là tương đương nhau. Công đức niệm Phật trong mỗi niệm của hai pháp niệm Phật này cũng tương đương nhau. Hai pháp này khác nhau ở chỗ: niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số nếu càng niệm nhiều thì tinh thần càng phấn chấn và sức khỏe càng tốt lên, không sợ bị tổn thương nguyên khí tạo thành bệnh.✽

* **Cư sĩ Hồ Tiểu Lâm là một người con đại hiếu nên ông tu hành có đại thành tựu, thành tựu rất nhanh (có thể nói ông thành tựu còn nhanh hơn cả cư sĩ Lưu Tố Vân). Ân sư Thích Tịnh Không đã khen ngợi ông là người con đại hiếu, vì ông là đại hiếu tử nên mới độ được cha ông vãng sanh Cực Lạc, công đức này vô cùng to lớn.** Trước kia, ông cũng rất ngỗ nghịch bất hiếu. Kể từ khi học Phật, ông chân thành sám hối không tái phạm lại lỗi xưa, dốc lòng hiếu kính với cha mẹ. Cha ông bị bọn phản động đánh gãy cột sống và làm mù đôi mắt trong thời kỳ chiến tranh; do đó, cha ông bị liệt nửa người dưới, mỗi ngày đều cần có người chăm sóc sinh hoạt ăn uống. Ông buổi sáng đi làm, buổi chiều giao toàn bộ công việc công ty cho Phó tổng giám đốc quản lý để về nhà chăm sóc cha: Ông xoa bóp cho cha ông, đút cho cha ông ăn cơm, cơm thừa mà cha ông không ăn hết thì ông ăn, tắm cho cha ông, đưa cha ông vào phòng vệ sinh đại tiểu tiện, thậm chí ông còn nếm phân và uống nước tiểu của cha để trừ bỏ đi cái tâm chấp trước và tâm phân biệt dơ sạch thớm thối. Cha ông bị liệt nửa cơ thể bên dưới nên đường ruột không tốt, thường xuyên trung tiện mùi rất khó ngửi, ông xoa bóp cho cha ông và hít hơi trung tiện mà không một tiếng phàn nàn. Vì lòng chân thành của ông nên cha ông vào 4 năm cuối đời đã bị ông làm cảm động. Cả nhà ông đều cảm động, đều phát tâm học Phật theo ông. Kết quả là cha ông đã vãng sanh Cực Lạc thành Phật, ông chân thật là đại hiếu tử.✽

Ngày nay tại sao Phật pháp lại suy thoái đến như vậy? Tại sao người tu hành (ngày nay) chẳng có thành tựu như người đời xưa? Vì mọi người đều quên mất cội gốc (Hiếu - Kính), bất Hiếu, bất Kính! Vì tư cách làm người của quý vị mất rồi nên những phước (mà quý vị) đã tu được không thể hưởng ở hai cõi trời - người. Chúng ta phải hiểu rõ ràng: Làm người thì nhất định phải biết "HIẾU THÂN, TÔN SU". Phước thứ nhất nói trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là "HIẾU DƯỠNG PHỤ MẪU, PHỤNG SỰ SƯ TRƯỞNG, TỪ TÂM BẤT SÁT, TU THẬP THIỆN NGHIỆP", làm được điều này thì (đời sau) quý vị mới có được thân trời - người. Nếu chẳng làm nổi 4 điều này thì phước mà quý vị tu được nhất định sẽ hưởng ở nơi ác đạo (ngạ quỷ và súc sanh vẫn có hưởng phước; địa ngục tuy không hưởng phước nhưng hành hình sẽ giảm nhẹ).

- Ân sư Thích Tịnh Không khai thị -

TỨ CHỨNG THANH TỊNH MINH HỐI

(Trích lục ý từ bài giảng bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm của Đại lão hòa thượng Thích Tuyên Hóa - Dịch giả: Ban Phiên Dịch Việt Ngữ Vạn Phật Thánh Thành)

Ngài A Nan sửa y phục cho chỉnh tề, rồi từ chỗ đại chúng chấp tay đánh lễ. Tâm địa sáng suốt, vừa buồn vừa vui, và vì muốn lợi ích cho chúng sanh đời sau nên ngài cúi lạy và thưa với Phật: “Bạch đức Thế Tôn đại từ bi! Con nay đã tỏ ngộ pháp môn thành Phật, trong sự tu hành được không còn nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai dạy như vậy: ‘Chính mình chưa được độ mà độ cho người khác trước, ấy là Bồ-tát phát tâm. Phần tự giác đã viên mãn lại có thể thức tỉnh kẻ khác, đó là Như Lai ứng thể. Con tuy chưa tự độ được, nhưng con nguyện sẽ độ tất cả chúng sanh trong thời Mạt kiếp. Bạch đức Thế Tôn! **Các chúng sanh ấy cách Phật xa dần, mà tà sư thuyết pháp thì nhiều như cát sông Hằng. Con muốn cho các chúng sanh ấy biết nhiếp tâm và nhập Tam-ma-địa. Vậy, làm thế nào để khiến họ được an lập nơi Đạo tràng, lánh xa mọi ma sự và tâm Bồ-đề được không thoái khuất?’”**

Bây giờ, đức Thế Tôn khen ngợi ngài A-Nan ngay giữa đại chúng: “Lành thay! Lành thay! Như ông vừa hỏi về sự an lập Đạo tràng và cứu giúp những chúng sanh bị chìm đắm trong thời Mạt kiếp; nay ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Ngài A Nan và đại chúng đồng vâng theo lời dạy.

Đức Phật bảo ngài A Nan: “**Ông thường nghe Ta tuyên thuyết ba nghĩa quyết định của sự tu hành trong Tỳ-nại-da (Vinaya là Luật tạng của Đại-thừa và Tiểu-thừa, trong đó chuyên giảng về Giới-luật của Đại-thừa và Giới-luật của Tiểu-thừa); đó là: Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ; đó gọi là Tam Vô Lậu Học. A Nan! Vì sao Ta gọi nhiếp tâm là Giới?’”**

“**Nếu chúng sanh trong Lục đạo ở các thế giới mà tâm không dâm dục thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục. Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm dâm dục thì chẳng thể ra khỏi trần lao! Dù có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ dâm dục tất sẽ lạc vào ma-đạo: thượng phẩm thì làm ma-vương, trung phẩm thì làm ma-dân, hạ phẩm thì làm ma-nữ. Những loại ma ấy cũng có đồ chúng, tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt pháp sẽ có nhiều loại ma dân ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, mở rộng sự tham dâm, lại tự xưng là Thiên-tri-thức, khiến cho chúng sanh bị sa vào hầm ái kiến, lạc mất con đường Bồ-đề. Vậy, ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, trước hết phải dứt trừ tâm dâm dục. Đó là lời minh huấn quyết định thứ nhất về Tánh thanh tịnh của Như Lai và chư Phật Thế Tôn thưở trước! Cho nên, A Nan, nếu kẻ tu Thiên-định mà không dứt trừ dâm tâm thì cũng như nấu cát sạn mà muốn thành cơm, dù có trải qua trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là sạn nóng. Vì sao? Vì đó không phải là gốc của cơm, mà chỉ là cát sạn!**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ông lấy dâm thân mà cầu diệu quả của Phật, cho dù có đắc diệu ngộ thì cũng đều là dâm căn. Căn bản đã thành dâm, tất phải luân chuyển trong Tam đồ, không thoát ra được. Thế thì Niết Bàn của Như Lai do đường nào mà tu chứng? Phải làm cho dâm cơ (một niệm dâm dục nhỏ nhất, vi tế nhất) của thân và tâm đều dứt, và tánh ‘dứt’ ấy cũng không còn, thì mới mong đạt được quả Bồ-đề của Phật. Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của ma Ba-tuần!”.

“A Nan! Lại nữa, nếu chúng sanh trong Lục đạo ở các thế giới mà tâm không sát sanh thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục. Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm sát sanh thì chẳng thể ra khỏi trần lao! Dù có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ sát sanh, tất sẽ lạc vào thần-đạo (cõi quỷ thần): thượng phẩm thì làm Đại-lực-quỷ, trung phẩm thì làm phi hành Dạ-xoa hoặc làm Quỷ-soái, hạ phẩm thì làm địa hành La-sát. Các quỷ thần ấy cũng có đồ chúng, tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt pháp, sẽ có nhiều loại quỷ thần ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, tự nói rằng ăn thịt thì đắc được con đường Bồ-đề. A Nan! Ta cho phép chúng Tỳ-kheo ăn Ngũ-tịnh-nhục [1/ Thịt của thú vật mà mình không thấy bị giết (bất kiến sát nhục), 2/ Thịt của thú vật mà mình không nghe bị giết (bất văn sát nhục), 3/ Thịt của thú vật mà mình không nghi ngờ là vì mình mà bị giết (bất nghi vi kỷ sát nhục), 4/ Thịt của thú vật tự nhiên bị chết (tự tử nhục), 5/ Thịt của thú vật mà chim ăn còn dư (điều tàn nhục)]; thịt ấy đều do thần lực của Ta hóa sanh chớ vốn không có mạng căn. Bà-la-môn các ông ở nơi nóng ẩm, lại thêm có đá sạn nên rau cỏ không sống được; vì thế, Ta dùng thần lực đại bi gia hộ, do đại từ bi mà giả gọi là thịt cho các ông có được cái vị. Làm sao sau khi Như Lai diệt độ, những kẻ ăn thịt chúng sanh lại gọi là Thích-tử (con của Thích Ca Mâu Ni Phật) được? Các ông phải biết: Những kẻ ăn thịt dù được tâm khai tương tự như Tam-ma-địa, cũng chỉ là loài đại La-sát, đến khi báo chung phải chịu trầm luân trong biển khổ sanh tử, chớ không phải là đệ tử của Phật. Những người như vậy là hạng giết hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau, hổ tương ăn nuốt không dứt, thì làm sao ra khỏi Tam giới được? **Vậy, ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, kể đến phải dứt trừ sát sanh. Đó là lời minh huấn quyết định thứ hai về Tánh thanh tịnh của Như Lai và chư Phật Thế Tôn thuở trước! Cho nên, A Nan, nếu kẻ tu Thiên-định mà không dứt trừ sát sanh thì cũng như người tự bịt tai rồi cất tiếng kêu to mà lại cầu cho người khác đừng nghe thấy; đó gọi là ‘muốn giấu mà lại thành lộ rõ’. **Chư Bồ-tát và các Tỳ-kheo thanh tịnh khi đi trên lối rẽ còn không đạp lên cỏ sống hướng hồ là lấy tay nhỏ, thì sao kẻ có tâm đại bi lại lấy máu thịt của chúng sanh làm thức ăn?** Những vị Tỳ-kheo nào không phục dụng các thứ tơ bông, hàng lụa đông phương, cùng các ủng da, giày dép da, áo da, áo lông, sữa, pho-mát, sữa đặc tinh của miền đó, thì những vị Tỳ-kheo ấy thật sự được giải thoát ở đời; trả xong nợ trước, họ sẽ không trở lại Tam giới nữa. Vì sao? Vì phục dụng phần thân của chúng là tạo duyên với chúng, cũng như người ăn bá cốc từ đất**

thì chân không rời khỏi mặt đất vậy. **Người nào có thể khiến thân tâm xa lánh thân và phần thân của mọi loài chúng sanh, cả thân lẫn tâm đều không mặc, không ăn chúng, thì Ta nói rằng người ấy là bậc giải thoát chân chánh.** Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy tức là lời của ma Ba-tuần!”.

“A Nan! Lại nữa, nếu chúng sanh trong Lục đạo ở các thế giới mà tâm không trộm cắp thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục. Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm trộm cắp thì chẳng thể ra khỏi trần lao. Dù có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ trộm cắp, tất sẽ lạc vào tà-đạo (con đường tà vạy bất chánh): thượng phẩm thì làm tinh-linh (yêu tinh rất thông minh nhưng giả dối), trung phẩm thì làm yêu-mị (yêu quái có thần thông ám hại người), hạ phẩm thì làm tà-nhân bị chúng mị ám nhập (loài quỷ mị Cru-bàn-trà nhập vào thân người, mượn thân xác người để làm những điều chúng muốn). Những bọn tà ấy cũng có đồ chúng, tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt pháp sẽ có nhiều thứ yêu tà ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, âm thầm lừa dối mọi người, xưng là bậc Thiện-tri-thức, và kẻ nào cũng tự nói là đã đắc pháp Thượng-nhân (Bồ-tát). Chúng mê hoặc, lường gạt những kẻ không hiểu biết, khiến cho họ khủng hoảng đến thất tâm (mất phần Trí-huệ mình đã có). Chúng đi đến nơi nào thì nơi ấy đều bị hao tổn. Ta dạy các Tỳ-kheo khát thực tuân tự theo phương hướng nhằm khiến họ xả bỏ lòng tham để thành Đạo Bồ-đề. Các thầy Tỳ-kheo khỏi tự lo sự nấu ăn, chỉ gởi tạm cái thân sống thừa nơi Tam giới. Đó biểu thị họ là những bậc ‘nhất vãng hoàn’, đi rồi thì không trở lại nữa. Có sao bọn trộm cắp kia giả mạo y phục của Ta, mua bán Như Lai, tạo ra vô số nghiệp mà lại nói đó đều là Phật pháp? Chúng phỉ báng người xuất gia và xem các thầy Tỳ-kheo đã thọ Cụ-túc Giới là hàng Tiểu-thừa. Do sự nghi ngờ và ngộ nhận mà vô lượng chúng sanh phải đọa địa ngục Vô-gián. Sau khi Ta diệt độ, nếu có những thầy Tỳ-kheo nào phát tâm quyết định tu pháp Tam-ma-địa, và có thể đối trước tượng Như Lai mà thấp một ngọn đèn nơi thân, hoặc đốt một lóng ngón tay, hoặc nhen cháy một viên hương trên thân thể, thì Ta nói những người ấy, bao nhiêu nợ nần từ vô thủy đến nay đều trả xong trong một lúc, xa lìa hẳn cõi thế gian và vĩnh viễn thoát khỏi các lậu, tuy tức thời chưa hiểu rõ con đường Vô Thượng Giác, mà cái tâm của họ đối với pháp đã quyết định rồi. **Nếu không tạo cái nhân xả thân như vậy, thì dù có tu thành vô vi cũng phải trở lại sanh làm người mà đền trả nợ cũ, giống như Ta phải ăn lúa ngựa vậy. Vậy, ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, tiếp đến là phải dứt trừ trộm cắp. Đó là lời minh huấn quyết định thứ ba về Tánh thanh tịnh của Như Lai và chư Phật Thế Tôn thuở trước.** Cho nên, A Nan, kẻ tu Thiên-định mà nếu chẳng dứt trừ trộm cắp, thì cũng như người rót nước vào cái chén lũng lại muốn cho đầy, dù có trải đến trần kiếp cũng không thể nào đầy được! Nếu các thầy Tỳ-kheo, ngoài y bát ra không còn cất giấu phân tác gì cả; phần khát thực có dư thì bố thí cho các chúng sanh đói khát; khi ở giữa đại hội thì chấp tay lễ chúng; nếu bị người chửi mắng thì xem như sự khen ngợi; có thể

khiến cho thân và tâm, cả hai đều xả bỏ, thân thịt xương máu chung cùng với chúng sanh; chẳng đem cái thuyết ‘bất liễu nghĩa’ (pháp Tiểu-thừa) của Như Lai trở lại làm cái giải thích riêng của mình khiến cho kẻ sơ học hiểu lầm; thì Phật ẩn chứng những người ấy sẽ đắc chân chánh Tam-muội. Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy tức là lời của ma Ba-tuần!”.

“A Nan! Chúng sanh trong Lục đạo ở các thế giới tuy thân và tâm không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục; ba hạnh ấy đã viên mãn nhưng nếu còn đại vọng ngữ thì phần Tam-ma-địa chẳng được thanh tịnh, trở thành ma ái kiến, làm mất chủng tử Như Lai. Họ chưa đắc mà nói đắc, chưa chứng mà nói chứng, hoặc cầu mong được làm bậc tôn thắng đệ nhất ở thế gian; họ đối trước mặt người khác mà nói rằng: ‘Tôi nay đã đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-Phật-thừa, hoặc các quả vị của chư Bồ-tát Thập-địa và Địa-tiền (Tam hiền Bồ-tát)’; để tham cầu sự lễ sấm và đồ vật cúng dường của kẻ khác. Hạng nhất-điên-ca (nhất-xiển-đề, đoạn dứt thiện căn) này làm tiêu diệt Phật chủng thì cũng như người lấy dao chặt cây Đa-la vậy. Phật nói những người ấy đã vĩnh viễn chặt đứt thiện căn, không còn tri kiến nữa, phải trầm luân trong biển Tam khổ, không thành tựu Tam-muội được. Ta có sắc lệnh cho các Bồ-tát và A-la-hán rằng sau khi Ta diệt độ, hãy ứng thân sanh vào thời Mạt pháp, thị hiện vô số hình tướng để độ những kẻ còn trong vòng luân chuyển. Hoặc làm thầy Sa-môn, người bạch y cư sĩ, nhân vương, tể quan, đồng nam, đồng nữ, như vậy cho đến làm dâm nữ, quả phụ, kẻ gian, kẻ cắp, đồ tể, kẻ buôn hàng lậu, rồi đồng sự với những hạng người đó để xung tán Phật-thừa, khiến cho thân tâm họ đều nhập Tam-ma-địa. Nhưng không khi nào tự xưng: ‘Tôi thật là bậc Bồ-tát, thật là bậc A-la-hán’, tiết lộ mật nhân của Phật, khinh ngôn với kẻ vị học, chỉ trừ lúc mạng chung có di chúc âm thầm cho biết mà thôi. Thế sao hạng người kia lại mê hoặc chúng sanh mà tạo thành đại vọng ngữ như vậy? Vậy ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, sau nữa là phải đoạn trừ các thứ đại vọng ngữ. Đó là lời mình huấn quyết định thứ tư về Tánh thanh tịnh của Như Lai và chư Phật Thế Tôn thuở trước. Vậy nên A Nan, nếu chẳng dứt trừ đại vọng ngữ thì cũng như điều khắc phân người làm hình Chiên-đàn (cây Chiên-đàn-hương), cầu cho có hương thơm, đó là điều không thể có được! Ta dạy chúng Tỳ-kheo lấy tâm ngay thẳng làm Đạo tràng, đối với bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) và tất cả các hạnh còn không được giả dối, thì sao lại tự xưng là đã đắc pháp Thượng-nhân? Ví như kẻ cùng đinh (nghèo cùng nông cuồng) mạo xưng đế vương mà tự chuốc lấy tội tru diệt; hống hồ là danh vị Pháp-vương, sao dám trộm lấy? Nhân địa đã chẳng chân thật tất phải chiêu cảm cái quả báo công vậy, dù muốn cầu Đạo Bồ-đề của Phật thì cũng như người tự cắn rốn, há có ai thành tựu? Nếu tâm của các Tỳ-kheo thẳng như dây đàn, tất cả đều chân thật, có thể nhập Tam-ma-địa, vĩnh viễn không gặp các ma sự, thì Ta ẩn chứng những người ấy sẽ thành tựu được Bồ-tát Vô Thượng Tri Giác. Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của ma Ba-tuần!”.

<p>NHÌN THẤU</p> <p>BUÔNG XẢ</p> <p>TỰ TẠI</p> <p>TÙY DUYÊN</p> <p>NIỆM PHẬT</p>		<p>CHÂN THÀNH</p> <p>THANH TỊNH</p> <p>BÌNH ĐẲNG</p> <p>CHÁNH GIÁC</p> <p>TỪ BI</p>
--	---	---

20 CHỮ NÀY CHÍNH LÀ THỰC TIỄN

TÂM BỒ-ĐỀ THUẦN THIỆN - THUẦN TỊNH

Trong bộ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn dạy: “Bồ-tát có một pháp có thể đoạn dứt tất cả khổ thế gian (bao gồm cả Lục đạo luân hồi và Tứ thánh pháp giới); đó là ngày đêm thường niệm thiện pháp (tâm thiện), tư duy thiện pháp (ý niệm thiện), quán sát thiện pháp (hành vi thiện); không để cho một chút ác pháp nào xen vào!”. Thiện pháp này chính là Thập Thiện Nghiệp:

Thân có 3 nghiệp: Không sát sanh, Không trộm cắp, Không tà dâm.

Khẩu có 4 nghiệp: Không nói dối, Không nói hai chiều, Không nói thêu dệt, Không nói ác khẩu.

Ý có 3 nghiệp: Không tham, Không sân, Không si.

Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh là đại căn đại bản của Phật pháp! Nếu không làm được Thập Thiện Nghiệp thì “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát” của Tịnh Nghiệp Tam Phước nói trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh cũng đều là giả!

- Ân sư Thích Tịnh Không khai thị -

TÔNG CHỈ VÀ THỨ HƯỚNG CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Tông chỉ: Phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A Mi Đà Phật.

Thứ hướng: Vượt thoát Tam giới theo chiều ngang (cũng là vượt thoát Mười pháp giới), sanh vào trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ của thế giới Cực Lạc, viên mãn thành Phật.



Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát

Nam mô Đại Lực Đại Thế Chí Bồ-tát

Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát

Chú ý: Mỗi ngày đọc tụng 1 bộ Kinh Vô Lượng Thọ, niệm Phật 8 giờ và nghe giảng kinh 8 giờ là tốt nhất. Nghe giảng kinh 8 giờ và niệm Phật 8 giờ có thể áp dụng cách hành trì đan xen nhau: cứ 2 giờ nghe giảng kinh thì đến 2 giờ niệm Phật. Nghe giảng kinh vẫn là mỗi ngày chỉ nghe 1 bài giảng, nhưng luân phiên thay đổi sẽ giúp hành giả dễ nhiếp tâm hành trì. Tuy nhiên, đối với những đồng tu không có thời gian thì buổi sáng đọc tụng Phẩm 6 (phát 48 nguyện) và buổi tối đọc tụng từ Phẩm 32 đến Phẩm 37 (sám hối tội nghiệp chướng); toàn bộ thời gian còn lại dùng để niệm Phật.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi gồm dịch giả Thích Thiện Trang và các liên hữu trong Đạo tràng Tịnh Độ tông Chúng Cư Sĩ Diệt Âm.

Chúng tôi biên soạn quyển sách “hội tập” này với nguyện vọng có thể cung cấp tất cả những kiến thức mang tính chất trọng yếu nhất của pháp môn Tịnh Độ trích lục từ nhiều bài giảng kinh của Ân sư Thích Tịnh Không và các vị tổ sư đại đức đến với tất cả đồng tu Tịnh Độ; đặc biệt là những đồng tu sơ học và những đồng tu quá bận rộn với cuộc sống công việc, không có nhiều thời gian nghe Ân sư giảng kinh (hoặc nghe giảng kinh nhiều nhưng không hiểu gì). Tuy phân lượng sách không lớn nhưng nếu hành giả Tịnh Độ chịu y giáo phụng hành thì vẫn sẽ đạt được thành tựu trong pháp môn Tịnh Độ, nắm chắc phần vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hy vọng rằng, với sự giúp sức của quyển sách này, Tịnh Độ tông Việt Nam sẽ giảm thiểu được hiện tượng tu hành bị thoái chuyển. Vì pháp môn Tịnh Độ chân thật là pháp môn “trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được” nên việc bị thoái chuyển là điều hết sức đáng tiếc!

Bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư (Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh) có sứ mệnh và tầm quan trọng hết sức đặc biệt đối với Phật pháp trong thời Mạt kiếp. Bộ kinh này có rất nhiều chỗ dùng Văn Ngôn, tức là dùng cổ văn Trung Hoa, Văn Ngôn thường chỉ có ý mà không có lời, không giống như văn nói Bạch Thoại. Theo tiên sinh Trần Văn Chánh, có thể phân biệt Bạch Thoại và Văn Ngôn một cách đơn giản như sau: “*Hễ dùng tai nghe và hiểu được thì là Bạch Thoại. Hễ không dùng mắt để xem sẽ không hiểu được thì đó là Văn Ngôn*”. Ngay cả các đồng tu người Trung Hoa, nhất là hàng tại gia cư sĩ ở hải ngoại, nhiều người thiếu căn bản Hán học, khi họ đọc Đại Kinh vẫn chưa thể lãnh hội trọn vẹn ý chỉ của kinh. Do đó, Đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ mới trước tác cuốn Đại Kinh Bạch Thoại Giải nhằm giải thích, diễn giải ý nghĩa từng câu kinh trong Đại Kinh bằng văn nói hiện đại. Ân sư Thích Tịnh Không khi giảng kinh đã nói rằng Kinh Vô Lượng Thọ có vô lượng nghĩa, dù chư Phật mười phương có diễn nói đến vô lượng kiếp cũng không thể hết được. Phạm phu như chúng ta chỉ có cách dựa vào quá trình nỗ lực tu học hàng ngày mà dần dần cảm ngộ được. Các bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ, các bài giảng Chú Giải Đại Kinh của Ân sư Thích Tịnh Không được dịch ra tiếng Việt hiện tại đều dùng hoàn toàn là âm Hán Việt đối với phần kinh văn trong bài giảng.

Vì những lý do như vậy, nên dịch giả Thích Thiện Trang đã cẩn trọng dịch bản hội tập kinh này thành âm Hán Việt đi kèm với nguyên văn chữ Hán.

Sau nhiều năm tu học, chúng tôi quan sát các đồng tu Tịnh Độ đang thọ trì bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư, đặc biệt là các đồng tu sơ học và những người chưa từng học Phật bao giờ nhưng có duyên với bản hội tập này (họ nhìn thấy quyển kinh sẽ cảm thấy yêu thích và tin tưởng); chúng tôi thấy họ gặp

chương ngại rất lớn trên đường tu: Vì quyển kinh chỉ có kinh văn mà không có thêm nội dung gì khác nên các đồng tu ấy không hiểu được giá trị của quyển kinh. Vì cuộc sống hiện đại như một guồng máy, ai ai cũng bận rộn với công việc và gia đình của mình, muốn dành ra thời gian để nghe giảng kinh cũng là rất khó, khi có thời gian nghe giảng kinh thì lại dễ ngủ gật hoặc không có sức để tập trung nghe (nguyên nhân là cơ thể mệt mỏi do phải làm việc cả ngày) nên những đồng tu ấy không hiểu được những nghĩa lý quan trọng được dạy trong bộ kinh, không biết hành trì như thế nào. Một số đồng tu vì đã nghe giảng kinh nhiều năm nhưng vẫn không biết chỗ nào là điểm trọng yếu, hành trì công phu niệm Phật không có lực nên rất chán nản, rất mệt mỏi. Do đó, cho đến nay, số lượng đồng tu Tịnh Độ bị thoái chuyển là rất nhiều.

Vì những lý do như vậy, nên Đạo tràng Tịnh Độ tông Chúng Cư Sĩ Diệt Âm chúng tôi đã tiến hành biên soạn quyển sách này hy vọng giải quyết tất cả những vấn đề khó khăn mà các đồng tu Tịnh Độ đang gặp phải; đặc biệt là các đồng tu sơ học và người chưa từng học Phật bao giờ. Chúng tôi hy vọng quyển sách này có thể giúp cho các bạn không bị thoái chuyển trên đường tu, nắm chắc lấy cơ hội vãng sanh Cực Lạc thành Phật ngay trong đời này, không còn phải chịu cảnh luân chuyển trong Lục đạo luân hồi đau khổ nữa. Những vị đồng tu nào đang bỏ cuộc, đang bị thoái chuyển, nếu như có duyên gặp được quyển sách này thì mong rằng các bạn có thể nhìn thấy một tia hy vọng, có thể phát tâm tu học pháp môn Tịnh Độ lại từ đầu theo quyển sách này, vì phân lượng quyển sách không lớn lắm nên các bạn có thể học tốt được.

Tất nhiên, có thời gian để nghe giảng kinh mỗi ngày 8 giờ (tối thiểu 4 giờ) là điều tốt nhất! Nếu không có điều kiện nghe giảng kinh nhiều thì quyển sách này sẽ rất tiện lợi: chư vị đồng tu có thể mang đến nơi làm việc, mang theo trong những chuyến đi công tác, mang đến trường học, mang lên núi cao là những nơi không có internet hay sóng điện thoại không thể nghe giảng kinh được, mang đến công trường, v.v... Chỉ cần chư vị đồng tu có thời gian rảnh thì hãy lấy quyển sách này ra để học và hành trì theo những lời giáo huấn của Ân sư Thích Tịnh Không cùng các vị tổ sư đại đức được viết trong sách thì công phu của chư vị đồng tu sẽ ngày một tiến bộ.

Trước phần kinh văn, chúng tôi chú thích tương đối đầy đủ những kiến thức Phật học cơ bản và những điểm khai thị trọng yếu nhất khi tu hành pháp môn Tịnh Độ. Sau phần kinh văn, chúng tôi chú thích từng đoạn kinh văn bằng bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ của Ân sư Thích Tịnh Không và cư sĩ Lưu Tố Vân. Khi đọc tụng kinh, chư vị đồng tu cứ chân thành - cung kính - thật thà mà đọc, chỗ nào hiểu được thì hiểu, chỗ nào không hiểu được thì cứ bỏ qua mà tiếp tục đọc, không nên ngừng lại giữa chừng rồi khởi suy nghĩ “đoạn kinh văn này có ý nghĩa gì?”. Sau khi đọc kinh xong, chỗ nào chưa hiểu thì chư vị đồng tu lật phần chú thích phía sau kinh văn hoặc phần chú thích phía trước kinh văn ra sẽ tìm thấy chỗ giải thích điều mà chư vị đồng tu chưa hiểu rõ. Nếu chúng ta chịu huân tập bộ Kinh Vô Lượng Thọ trong thời gian dài, tuy rằng chưa thể chứng ngộ nhưng chắc chắn có được giải ngộ. Giải ngộ là đã

rõ ràng phương hướng và mục tiêu tu hành, không còn tu hành một cách mù quáng, không còn tình trạng tu mù luyện đui nữa. Khi công phu giải ngộ của chư vị đồng tu đã thông suốt thì công phu niệm Phật sẽ rất dễ đắc lực, cũng sẽ dễ dàng “nhìn thấu - buông xả”: “nhìn thấu” là chân Trí-huệ, “buông xả” là chân Công-phu.

Chúng tôi xin lễ kính cúng dường đến chư vị đồng tu tôn kính!

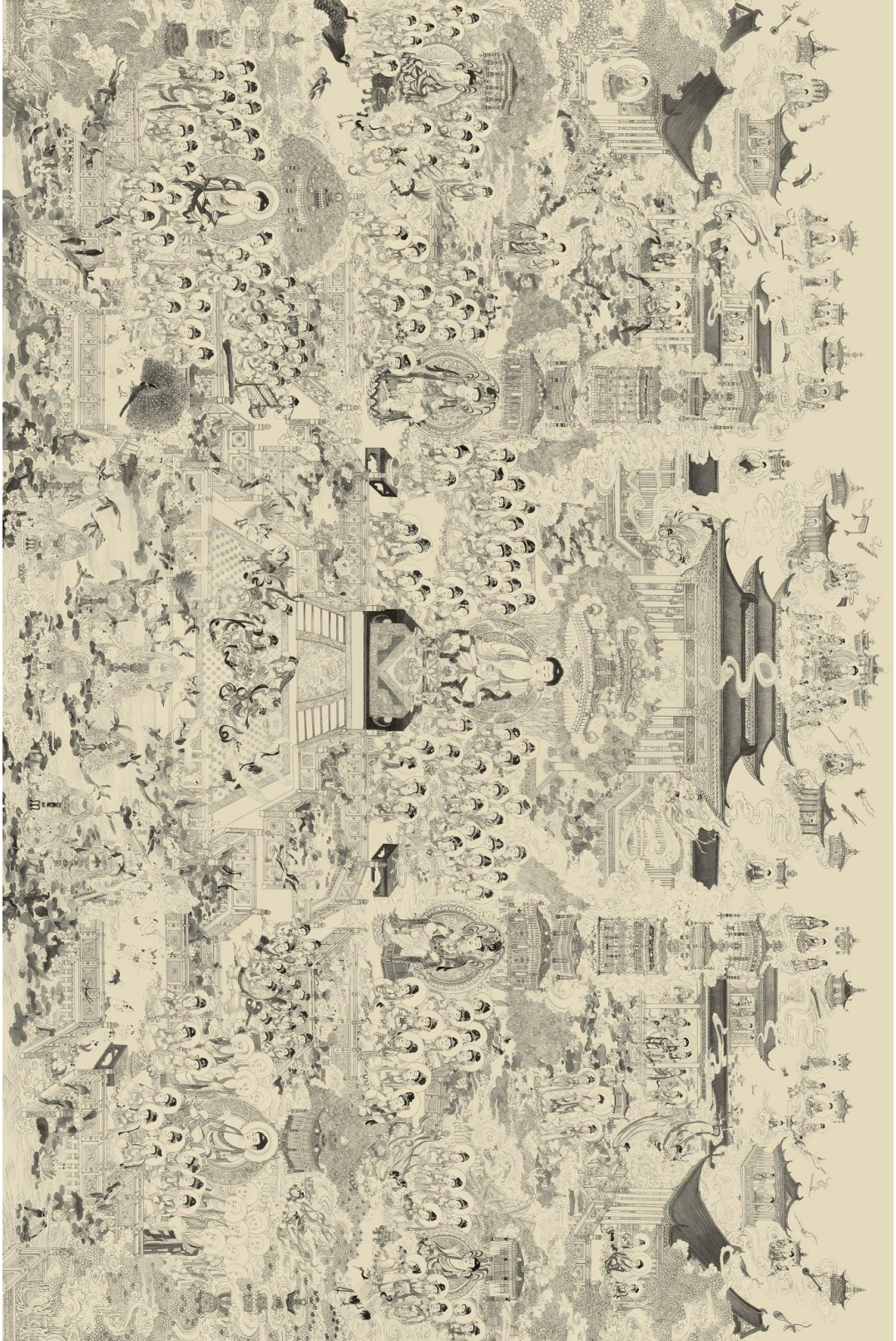
**“NGUYỆN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY
BÁO ĐỀN BỐN ÂN NẶNG
PHỔ ĐỘ CHÚNG SANH KHỔ,
CÓ DUYÊN THẤY NGHE ĐƯỢC
ĐỀU PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ
NIỆM A MI ĐÀ PHẬT
XẢ BỎ BÁO THÂN RỒI
SANH SANG CỐI CỰC LẠC!”**

Sài Gòn, ngày 17 tháng 11 Âm lịch năm Tân Sửu 2021

(ngày vía đức đại từ bi phụ A Mi Đà Phật)

Thích Thiện Trang và Chúng Cư Sĩ Diệu Âm xin kính bút!





NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

(Đốt hương, cầm hương ngay ngắn, quỳ xuống dâng hương, cung kính niệm)

願 香

NGUYỆN HƯƠNG

願 此 妙 香 雲 徧 滿 十 方 界

Nguyện thử diệu hương vân biến mãn thập phương giới

供 養 一 切 佛 尊 法 諸 菩 薩

Cúng dường nhất thiết Phật Tôn-pháp chư Bồ-tát

無 邊 聲 聞 眾 及 一 切 聖 賢

Vô biên Thanh-văn chúng cập nhất thiết Thánh Hiền

緣 起 光 明 臺 稱 性 作 佛 事

Duyên khởi quang minh đài xưng tánh tác Phật sự

普 熏 諸 眾 生 皆 發 菩 提 心

Phổ huân chư chúng sanh giai phát Bồ-đề tâm

遠 離 諸 忘 業 圓 成 無 上 道。

Viễn ly chư vọng nghiệp viên thành Vô thượng đạo.

南 無 香 供 養 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱)

Nam mô Hương Cúng Dưỡng Bồ-tát Ma-ha-tát (3 lần)

(Đứng dậy cắm hương lên lư rồi đứng chắp tay cung kính niệm)

爐 香 讚

LƯ HƯƠNG TÁN

爐 香 乍 熱

Lư hương sạ nhiệt

法 界 蒙 熏

Pháp giới môn熏

諸 佛 海 會 悉 遙 聞

Chư Phật hải hội tất diêu văn

隨 處 結 祥 雲

Tùy xứ kết tường vân

誠 意 方 殷

Thành ý phương ân

諸佛現全身。

Chư Phật hiện toàn thân.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩 (三稱)

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát (3 lần)

皈依三寶

QUY Y TAM BẢO

阿闍黎存念，

A - xà - lê tồn niệm,

我弟子妙音，

Ngã đệ tử Diệu Âm,

始從今日，

Thỉ tùng kim nhật,

乃至命存，

Nãi chí mạng tồn,

皈依佛陀，

Quy y Phật-đà,

兩足中尊，

Lưỡng túc trung tôn,

皈依達摩，

Quy y Đạt-ma,

離欲中尊，

Ly dục trung tôn,

皈依僧伽，

Quy y Tăng-già,

諸眾中尊。

Chư chúng trung tôn.

(念皈依三寶三稱)

(Niệm quy y Tam Bảo 3 lần)

禮三寶

LỄ TAM BẢO

至心頂禮：南無盡虛空遍法

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô Tận hư không biến pháp

界, 過現未來十方諸佛尊法

giới, quá - hiện - vị lai thập phương chư Phật, Tôn-pháp,

賢聖僧常住三寶。

Hiền Thánh Tăng, thường trụ Tam Bảo.

(1 lạy)

至心頂禮：南無娑婆教主調禦

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô Ta Bà Giáo Chủ Điều Ngự

本師釋迦牟尼佛, 當來下生彌

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đương lai hạ sanh Di

勒尊佛, 大智文殊師利菩薩, 大

Lạc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại

行 普 賢 菩 薩, 護 法 諸 尊 菩 薩,

Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát,

靈 山 會 上 佛 菩 薩 。

Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát.

(1 lạy)

至 心 頂 禮: 南 無 西 方 極 樂 世

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế

界 大 慈 大 悲 阿 彌 陀 佛, 大 悲 觀 世

Giới Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật, Đại Bi Quán Thế

音 菩 薩, 大 勢 至 菩 薩, 大 願 地 藏

Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng

王 菩 薩, 清 淨 大 海 眾 菩 薩 。

Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát.

(1 lạy)

(Ngồi xuống, cung kính niệm)

發 願 文

PHÁT NGUYỆN VĂN

南無十方常住三寶。(三稱)

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo. (3 lần)

稽首三界尊

Khể thủ Tam giới Tôn

歸命十方佛

Quy mạng thập phương Phật

我今發弘願

Ngã kim phát hồng nguyện

持無量壽經

Trì Vô Lượng Thọ Kinh

上報四重恩

Thượng báo tứ trọng ân

下濟三途苦

Hạ tế tam đồ khổ

若有見聞者

Nhược hữu kiến văn giả

悉發菩提心

Tất phát Bồ-đề tâm

盡此一報身

Tận thử nhất báo thân

同生極樂國。

Đồng sanh Cực Lạc quốc.

南無本師釋迦牟尼佛 (三稱)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)



開 經 偈

KHAI KINH KỆ

無 上 甚 深 微 妙 法

Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp

百 千 萬 劫 難 遭 遇

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

我 今 見 聞 得 受 持

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

願 解 如 來 真 實 義。

Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

南 無 大 乘 無 量 壽

Nam mô Đại Thừa Vô Lượng Thọ

會 上 佛 菩 薩。 (三稱)

Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)



Nếu có chúng sanh ở mười phương thế giới ***phát được tâm Bồ-đề***, một lòng chuyên niệm A Mi Đà Phật, nguyện cầu vãng sanh sang thế giới tây phương Cực Lạc thì trong ao thất bảo của cõi Cực Lạc sẽ mọc lên một hoa sen báu. Nếu chúng sanh đó nỗ lực tinh tấn liên tục, không bị thoái chuyển, suốt cuộc đời chỉ chuyên nhất tu hành pháp môn Tịnh Độ, không bị mê lầm chuyển hướng sang các pháp khác thì hoa sen báu này sẽ lớn dần lên, cuối cùng hoa sẽ nở. Sen báu nở là công đức tu hành của họ đã thành tựu. A Mi Đà Phật sẽ hiện ra để an ủi và khích lệ họ. Trước khi họ lâm chung, A Mi Đà Phật sẽ hiện ra một lần nữa để thông báo ngày giờ Phật cùng chư Thánh đến tiếp dẫn họ (công phu niệm Phật cao sẽ biết trước nhiều năm, công phu niệm Phật thấp sẽ biết trước khoảng vài ngày). Đúng ngày giờ đã hẹn, A Mi Đà Phật bùng đài sen công đức mà họ đã tu hành thành tựu từ trong ao thất bảo lên và cùng với chư Thánh bay đến tiếp dẫn họ. Phật đưa họ vào trong hoa sen báu, hoa sen khép lại. Họ ngồi trong hoa sen báu theo Phật bay về thế giới Cực Lạc. Chỉ một sát-na đã đến cõi Cực Lạc, Phật đặt hoa sen báu này xuống ao thất bảo, hoa sen nở ra thì họ liền hóa sanh làm bậc A-duy-việt-trí Bồ-tát có Trí huệ - Đức năng - Tướng hảo gần giống như A Mi Đà Phật. Nếu những chúng sanh tu Tịnh Độ này giữa chừng bị thoái chuyển hoặc chuyển sang pháp môn khác hoặc theo tà ma ngoại đạo thì hoa sen báu sẽ khô héo và biến mất. Chừng nào họ phát lại được tâm Bồ-đề, lại một lòng chuyên niệm A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc thì trong ao thất bảo mới xuất hiện một hoa sen báu khác.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Phật	佛
Thuyết	說
Đại	大
Thừa	乘
Vô	無
Lượng	量
Thọ	壽
Trang	莊
Nghiêm	嚴
Thanh	清
Tịnh	淨
Bình	平
Đẳng	等
Giác	覺
Kinh	經

法會聖眾第一

Pháp Hội Thánh Chúng, Đệ Nhất

如是我聞。一時佛在王舍

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá

城耆闍崛山中，與大比丘眾

thành Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại Tỳ-kheo chúng

萬二千人俱。一切大聖，神

vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết Đại Thánh, thần

通已達。其名曰：尊者憍陳如，

thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiền Trần Như,

尊者舍利弗，尊者大目犍連，尊

Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn

者迦葉，尊者阿難等，而為上首。

giả Ca Diếp, Tôn giả A Nan đẳng, nhi vi thượng thủ.

又有普賢菩薩，文殊師利

Hựu hữu Phổ Hiền Bồ-tát, Văn Thù Sư Lợi

菩薩，彌勒菩薩，及賢劫中一切

Bồ-tát, Di Lặc Bồ-tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết

菩薩，皆來集會。

Bồ-tát, giai lai tập hội.

德遵普賢第二

Đức Tuân Phổ Hiền, Đệ Nhị

又賢護等十六正士，所謂

Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh - sĩ, sở vị:

善思惟菩薩，慧辯才菩薩，觀

Thiện Tư Duy Bồ-tát, Huệ Biện Tài Bồ-tát, Quán

無住菩薩，神通華菩薩，光英

Vô Trụ Bồ-tát, Thần Thông Hoa Bồ-tát, Quang Anh

菩薩，寶幢菩薩，智上菩薩，寂

Bồ-tát, Bảo Tràng Bồ-tát, Trí Thượng Bồ-tát, Tịch

根菩薩，信慧菩薩，願慧菩薩，香

Căn Bồ-tát, Tín Huệ Bồ-tát, Nguyên Huệ Bồ-tát, Hương

象菩薩，寶英菩薩，中住菩薩，制

Tượng Bồ-tát, Bảo Anh Bồ-tát, Trung Trụ Bồ-tát, Chế

行菩薩，解脫菩薩，而為上首。

Hành Bồ-tát, Giải Thoát Bồ-tát, nhi vi thượng thủ.

咸共遵修普賢大士之德，具

Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức, cụ

足無量行願，安住一切功德

túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức

法 中。遊步十 方，行 權 方

pháp trung. Du bộ thập phương, hành quyền phương

便。入 佛 法 藏，究 竟 彼 岸。

Tiện. Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.

願 於 無 量 世 界 成 等 正

Nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh

覺。捨 兜 率，降 王 宮，棄 位 出

Giác. Xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất

家，苦 行 學 道，作 斯 示 現，順 世 間

gia, khổ hạnh học đạo, tác tư thị hiện, thuận thế gian

故。以 定 慧 力，降 伏 魔 怨。得 微 妙

cố. Dĩ định huệ lực, hàng phục ma oán. Đắc vi diệu

法，成 最 正 覺。

pháp, thành tối Chánh-giác.

天人歸仰，請轉法輪。

Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển Pháp luân.

常以法音，覺諸世間。破煩惱

Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian. Phá phiền não

城，壞諸欲塹。洗濯垢污，顯明

thành, hoại chư dục tiệm. Tẩy trạc cấu ô, hiển minh

清白。調眾生，宣妙理，貯功

thanh bạch. Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trữ công

德，示福田。以諸法藥，救療

đức, thị phước điền. Dĩ chư pháp dược, cứu liệu

三苦。

tam khổ.

昇灌頂階，授菩提記。為教

Thăng quán đỉnh giai, thọ Bồ-đề ký. Vị giáo

菩薩，作阿闍黎，常習相應無邊

Bồ-tát, tác A-xà-lê, thường tập tương ưng vô biên

諸行，成熟菩薩無邊善根。無

chư hạnh, thành thực Bồ-tát vô biên thiện căn. Vô

量諸佛咸共護念。諸佛剎中

lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm. Chư Phật sát trung

皆能示現。譬善幻師，現眾異

giai năng thị hiện. Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị

相，於彼相中，實無可得。此諸

tướng, ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc. Thử chư

菩薩，亦復如是。

Bồ-tát, diệc phục như thị.

通諸法性，達眾生相。供

Thông chư Pháp tánh, đạt chúng sanh tướng. Cúng

養 諸 佛，開 導 群 生。化 現 其

dường chư Phật, khai đạo quần sanh. Hóa hiện kỳ

身，猶如 電 光。裂 魔 見 網，解 諸

thân, do như điện quang. Liệt ma kiến võng, giải chư

纏 縛。遠 超 聲 聞 辟 支 佛 地，

triền phược. Viễn siêu Thanh-văn Bích-chi-Phật địa,

入 空，無 相，無 願 法 門。善

nhập Không, Vô tướng, Vô nguyện pháp môn. Thiện

立 方 便，顯 示 三 乘。

lập phương tiện, hiển thị tam thừa.

於 此 中 下，而 現 滅 度。得 無 生

Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ. Đắc vô sanh

無 滅 諸 三 摩 地，及 得 一 切 陀 羅 尼

vô diệt chư tam-ma-địa, cập đắc nhất thiết Đà-la-ni

門。隨時悟入華嚴三昧，具

môn. Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, cụ

足總持百千三昧。住深禪定，

túc tổng trì bách thiên tam-muội. Trụ thâm Thiền-định,

悉觀無量諸佛。於一念頃，徧

tát đở vô lượng chư Phật. Ư nhất niệm khoảnh, bién

遊一切佛土。

du nhất thiết Phật độ.

得佛辯才，住普賢行。善能

Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh. Thiện năng

分別眾生語言，開化顯示真

phân biệt chúng sanh ngữ ngôn, khai hóa hiển thị chân

實之際。超過世間諸所有法，心

thật chi tế. Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp, tâm

常 諦住度世之道。於一 切萬物

thường đế trụ độ thế chi đạo. Ư nhất thiết vạn vật

隨意自在。為諸 庶類作不 請 之友。

tùy ý tự tại. Vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu.

受持如來甚 深法 藏，護佛 種

Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng, hộ Phật chủng

性 常 使不 絕。

tánh thường sử bất tuyệt.

興 大悲，愍 有情，演慈辯，授

Hưng đại bi, mẫn hữu tình, diễn từ biện, thọ

法 眼，杜惡趣，開 善 門。於諸 眾

pháp nhãn, đở ác thú, khai thiện môn. Ư chư chúng

生，視 若 自己，拯濟負荷，皆度彼

sinh, thị nhược tự kỷ, chấn tế phụ hạ, giai độ bỉ

岸。悉獲諸佛無量功德，慧

ngạn. Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí

智聖明，不可思議。如是等諸

huệ Thánh minh, bất khả tư nghì. Như thị đẳng chư

大菩薩，無量無邊，一時來集。

đại Bồ-tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.

又有比丘尼五百人，清信士

Hựu hữu Tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân, Thanh-tín-sĩ

七千人，清信女五百人，欲界

thất thiên nhân, Thanh-tín-nữ ngũ bách nhân, Dục-giới

天，色界天，諸天梵眾，悉

thiên, Sắc-giới thiên, chư thiên Phạm chúng, tất

共大會。

cộng đại hội.

大教緣起第三

Đại Giáo Duyên Khởi, Đệ Tam

爾時世尊威光赫奕，如融

Nhĩ thời Thế Tôn uy quang hách diệc, như dung

金聚，又如明鏡，影暢表裏，

kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý,

現大光明數千百變。

hiện đại quang minh số thiên bá biến.

尊者阿難即自思惟，今日世

Tôn giả A Nan tức tự tư duy: kim nhật Thế

尊色身諸根悅豫清淨，光顏

Tôn sắc thân chư căn duyệt dự thanh tịnh, quang nhan

巍巍，寶剎莊嚴，從昔以來所

nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, tùng tích dĩ lai sở

未曾見。喜得瞻仰，生希有

vị tăng kiến. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu

心。即從座起，偏袒右肩，長

tâm. Tức từng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường

跪合掌，而白佛言：世尊今

quỳ hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim

日入大寂定，住奇特法，住諸

nhật nhập Đại Tịch Định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư

佛所住導師之行，最勝之道。去

Phật sở trụ đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo. Khứ

來現在佛佛相念，為念過去

lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vì niệm quá khứ

未來諸佛耶?為念現在他方諸

vị lai chư Phật da? Vì niệm hiện tại tha phương chư

佛耶?何故威神顯耀，光瑞殊妙

Phật da? Hà cố uy thần hiển diệu, quang thụy thù diệu

乃爾，願為宣說。

nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết.

於是世尊，告阿難言：善哉！善

Ư thị Thế Tôn, cáo A Nan ngôn: “Thiện tai! Thiện

哉！汝為哀愍利樂諸眾生故，能

tai! Nhữ vị ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng

問如是微妙之義。汝今斯問，勝

vấn như thị vi diệu chi nghĩa. Nhữ kim tư vấn, thắng

於供養一天下阿羅漢，辟支佛，

ư cúng dường nhất thiên hạ A-la-hán, Bích-chi-Phật;

布施累劫諸天人民，蜎飛蠕

bồ thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi nhuyễn

動之類，功德百千萬倍。何以故？

động chi loại, công đức bá thiên vạn bội. Hà dĩ cố?

當來諸天人民，一切含靈，

Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh,

皆因汝問而得度脫故。

giai nhân như vấn nhi đắc độ thoát cố.

阿難，如來以無盡大悲，矜哀三

A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, cāng ai tam

界，所以出興於世。光闡道教，

giới, sở dĩ xuất hưng ư thế. Quang xiển đạo giáo,

欲拯羣萌，惠以真實之利，難

dục chấn quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi, nan

值難見，如優曇花，希有出現。

trị nan kiến, như Ưu Đàm hoa, hy hữu xuất hiện.

汝今所問，多所饒益。

Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiều ích.

阿難 當 知，如 來 正 覺，其 智

A Nan đương tri, Như Lai Chánh-giác, kỳ trí

難 量，無 有 障 礙。能 於 念 頃，

nan lượng, vô hữu chướng ngại. Năng ư niệm khoảnh,

住 無 量 億 劫。身 及 諸 根，無 有

trụ vô lượng ức kiếp. Thân cập chư căn, vô hữu

增 減。所 以 者 何？如 來 定 慧，究

tăng giảm. Sở dĩ giả hà? Như Lai định huệ, cứu

暢 無 極。於 一 切 法，而 得 最 勝

sướng vô cực. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng

自 在 故。阿 難 諦 聽，善 思 念 之，吾

tự tại cố. A Nan đế thính, thiện tư niệm chi, Ngô

當為汝，分別解說。

đương vị như, phân biệt giải thuyết”.

法藏因地第四

Pháp Tạng Nhân Địa, Đệ Tứ

佛告阿難：過去無量不可思

Phật cáo A Nan: “Quá khứ vô lượng bất khả tư

議無央數劫，有佛出世，名世

ngì vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế

間自在王如來，應供，等正

Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh

覺，明行足，善逝，世間解，無

Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô

上 士，調 御 丈 夫，天 人 師，

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,

佛，世 尊。在 世 教 授 四 十 二 劫，時

Phật, Thế Tôn. Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp, thời

為 諸 天 及 世 人 民 說 經 講 道。

vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo.

有 大 國 主 名 世 饒 王，聞 佛

Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật

說 法，歡 喜 開 解，尋 發 無 上

thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tầm phát Vô thượng

真 正 道 意。棄 國 捐 王，行 作

chân chánh đạo ý. Khí quốc quyên vương, hành tác

沙 門，號 曰 法 藏。修 菩 薩 道。

Sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng. Tu Bồ-tát đạo.

高才勇哲，與世超異。信解明

Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị. Tín giải minh

記，悉皆第一。又有殊勝行願，

ký, tất giai đệ nhất. Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện,

及念慧力，增上其心，堅固不

cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất

動。修行精進，無能踰者。

động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả.

往詣佛所，頂禮長跪，向

Vãng nghê Phật sở, đảnh lễ trường quy, hướng

佛合掌，即以伽他讚佛，發廣

Phật hiệp chưởng, tức dĩ già-tha tán Phật, phát quảng

大願。頌曰：

đại nguyện. Tụng viết:

如來微妙色端嚴

Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm

一切世間無有等

Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng

光明無量照十方

Quang minh vô lượng chiếu thập phương

日月火珠皆匿曜。

Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu.

世尊能演一音聲

Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh

有情各各隨類解

Hữu tình các các tùy loại giải.

又能現一妙色身

Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân

普使眾生隨類見。

Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.

願我得佛清淨聲

Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh

法音普及無邊界

Pháp âm phổ cập vô biên giới

宣揚戒定精進門

Tuyên dương Giới, Định, Tinh-tấn môn

通達甚深微妙法。

Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.

智慧廣大深如海

Trí huệ quảng đại thâm như hải

內心清淨絕塵勞

Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao

超過無邊惡趣門

Siêu quá vô biên ác thú môn

速到菩提究竟岸。

Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh ngạn.

無明貪瞋皆永無

Vô-minh, tham, sân, giai vĩnh vô

惑盡過亡三昧力

Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực

亦如過去無量佛

Diệc như quá khứ vô lượng Phật

為彼羣生大導師。

Vi bỉ quần sanh đại đạo sư.

能救一切諸世間

Năng cứu nhất thiết chư thế gian

生老病死眾苦惱

Sanh lão bệnh tử chúng khổ nảo

常行布施及戒忍

Thường hành Bố-thí cập Giới, Nhẫn

精進定慧六波羅。

Tinh-tấn, Định, Huệ, lục Ba-la.

未度有情令得度

Vị độ hữu tình linh đắc độ

已度之者使成佛

Dĩ độ chi giả sử thành Phật

假令供養恆沙聖

Giả linh cúng dường Hằng sa Thánh

不如堅勇求正覺。

Bất như kiên dũng cầu Chánh-giác.

願 當 安 住 三 摩 地

Nguyện đương an trụ tam-ma-địa

恆 放 光 明 照 一 切

Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết

感 得 廣 大 清 淨 居

Cảm đắc quảng đại thanh tịnh cư

殊 勝 莊 嚴 無 等 倫。

Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân.

輪 迴 諸 趣 眾 生 類

Luân hồi chư thú chúng sanh loại

速 生 我 剎 受 安 樂

Tốc sanh ngã sát thọ an lạc

常 運 慈 心 拔 有 情

Thường vận từ tâm bạt hữu tình

度盡無邊苦眾生。

Độ tận vô biên khổ chúng sanh.

我行決定堅固力

Ngã hạnh quyết định kiên cố lực

唯佛聖智能證知

Duy Phật Thánh-trí năng chứng tri

縱使身止諸苦中

Túng sử thân chỉ chư khổ trung

如是願心永不退。

Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái.

至心精進第五

Chí Tâm Tinh Tấn, Đệ Ngũ

法 藏 比 丘 說 此 偈 已 ， 而 白

Pháp Tạng Tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch

佛 言 ː 我 今 為 菩 薩 道 ， 已 發 無 上

Phật ngôn: “Ngã kim vị Bồ-tát đạo, dĩ phát Vô-thượng

正 覺 之 心 ， 取 願 作 佛 ， 悉 令 如

Chánh-giác chi tâm, thủ nguyện tác Phật, tất linh như

佛 。 願 佛 為 我 廣 宣 經 法 ， 我

Phật. Nguyện Phật vị ngã quảng tuyên kinh pháp, ngã

當 奉 持 ， 如 法 修 行 ， 拔 諸 勤 苦

đương phụng trì, như pháp tu hành, bạt chư cần khổ

生 死 根 本 ， 速 成 無 上 正 等

sinh tử căn bản, tốc thành Vô-thượng Chánh-đẳng

正 覺 。

Chánh-giác.

欲令我作佛時，智慧光明，

Dục linh ngã tác Phật thời, trí huệ quang minh,

所居國土，教授名字，皆聞十

sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập

方。諸天人民及蜎蠕類，

phương. Chư thiên nhân dân cập quyên nhuyễn loại,

來生我國，悉作菩薩。我立是願，

lai sanh ngã quốc, tất tác Bồ-tát. Ngã lập thị nguyện,

都勝無數諸佛國者，寧可得否？

đô thắng vô số chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phủ?"

世間自在王佛，即為法藏

Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng

而說經言：譬如大海一人斗

nhi thuyết kinh ngôn: "Thí như đại hải nhất nhân đấu

量，經歷劫數尚可窮底。人

lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng đẽ. Nhân

有至心求道，精進不止，會當

hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương

尅果，何願不得。汝自思惟，

khắc quả, hà nguyện bất đắc. Nhữ tự tư duy,

修何方便，而能成就佛剎

tu hà phương tiện, nhi năng thành tựu Phật sát

莊嚴。如所修行，汝自當知。

trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri.

清淨佛國，汝應自攝。

Thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp”.

法藏白言：斯義宏深，非

Pháp Tạng bạch ngôn: “Tư nghĩa hoằng thâm, phi

我境界。惟願如來應正徧

ngã cảnh giới. Duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biền

知，廣演諸佛無量妙剎。若我

Tri, quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát. Nhược ngã

得聞如是等法，思惟修習，誓滿

đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn

所願。

sở nguyện”.

世間自在王佛知其高明，

Thế Gian Tự Tại Vương Phật tri kỳ cao minh,

志願深廣，即為宣說二百一

chí nguyện thâm quảng, tức vị tuyên thuyết nhị bách nhất

十億諸佛剎土功德嚴淨，廣

thập ức chư Phật sát độ công đức nghiêm tịnh, quảng

大圓滿之相，應其心願，悉現

đại viên mãn chi tướng, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện

與之。說是法時，經千億歲。

dữ chi. Thuyết thị pháp thời, kinh thiên ức tuế.

爾時法藏聞佛所說，皆悉觀

Nhĩ thời Pháp Tạng văn Phật sở thuyết, giai tất đồ

見，起發無上殊勝之願。於彼

kiến, khởi phát vô thượng thù thắng chi nguyện. Ư bỉ

天人善惡，國土麤妙，思惟究

thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu, tư duy cứu

竟。便一其心，選擇所欲，結得

cánh. Tiện nhất kỳ tâm, tuyển trạch sở dục, kết đắc

大願。精勤求索，恭慎保持。

đại nguyện. Tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì.

修習功德，滿足五劫。於彼二十

Tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp. Ư bỉ nhị thập

一俱胝佛土功德莊嚴之事，

nhất câu-chi Phật độ công đức trang nghiêm chi sự,

明了通達，如一佛剎。所攝

minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát. Sở nhiếp

佛國，超過於彼。

Phật quốc, siêu quá ư bỉ.

既攝受已，復詣世自在王

Ký nhiếp thọ dĩ, phục nghê Thế Tự Tại Vương

如來所，稽首禮足，繞佛三匝，

Như Lai sở, khể thủ lễ túc, nhiễu Phật tam táp,

合掌而住，白言世尊。我已

hiệp chưởng nhi trụ, bạch ngôn: “Thế Tôn! Ngã dĩ

成就莊嚴佛土，清淨之行。

thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh”.

佛言：善哉！今正是時，汝

Phật ngôn: “Thiện tai! Kim chánh thị thời, nhữ

應具說，令眾歡喜。亦令大

ưng cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ. Diệc linh đại

眾，聞是法已，得大善利。能於

chúng, văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi. Năng ư

佛刹，修習攝受，滿足無量大

Phật sát, tu tập nhiếp thọ, mãn túc vô lượng đại

願。

nguyện”.

發大誓願第六

Phát Đại Thệ Nguyện, Đệ Lục

法 藏 白 言：唯 願 世 尊，大

Pháp Tạng bạch ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, đại

慈 聽 察。

từ thính sát.

我 若 證 得 無 上 菩 提，成

Ngã nhược chứng đắc Vô-thượng Bồ-đề, thành

正 覺 已，所 居 佛 剎，具 足 無 量 不

Chánh-giác dĩ, sở cư Phật sát, cụ túc vô lượng bất

可 思 議 功 德 莊 嚴。無 有 地 獄，

khả tư nghị công đức trang nghiêm. Vô hữu địa ngục,

餓 鬼，禽 獸，蝸 飛 蠕 動 之 類。

ngạ quỷ, cầm thú, quyên phi nhuyển động chi loại.

所 有 一 切 眾 生，以 及 焰 摩 羅

Sở hữu nhất thiết chúng sanh, dĩ cập Diêm Ma La

界，三惡道 中，來生我剎，受我

giới, tam ác đạo trung, lai sanh ngã sát, thọ ngã

法化，悉 成 阿耨多羅三 藐

pháp hóa, tất thành A- nậu-đa- la Tam-miệu

三菩提，不 復 更 墮惡趣。得 是

Tam-bồ-đề, bất phục cánh đọa ác thú. Đắc thị

願，乃作 佛，不得是 願，不 取

nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, bất thủ

無 上 正 覺。

Vô Thượng Chánh Giác.

(一，國 無惡道 願；

(Nhất: Quốc vô ác đạo nguyện;

二，不 墮惡趣 願)

Nhị: Bất đọa ác thú nguyện)

我作佛時，十方世界，所有

Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu

眾生，令生我剎，皆具紫磨真金

chúng sanh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim

色身，三十二種。大丈夫相。

sắc thân, tam thập nhị chủng, đại trượng phu tướng.

端正淨潔，悉同一類。若形

Đoan chánh tịnh khiết, tất đồng nhất loại. Nhược hình

貌差別，有好醜者，不取正覺。

mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác.

(三，身悉金色願；

(Tam: Thân tất kim sắc nguyện;

四，三十二相願；

Tứ: Tam thập nhị tướng nguyện;

五，身無差別願)

Ngũ: Thân vô sai biệt nguyện)

我作佛時，所有眾生，生我

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã

國者，自知無量劫時宿命，所

quốc giả, tự tri vô lượng kiếp thời túc mạng, sở

作善惡。皆能洞視徹聽，知十

tác thiện ác, giai năng đồng thị triệt thính, tri thập

方去來現在之事。不得是願，

phương khứ lai hiện tại chi sự. Bất đắc thị nguyện,

不取正覺。

bất thủ Chánh Giác.

(六，宿命通願；

(Lục: Túc-mạng-thông nguyện;

七，天眼通願；

Thất: Thiên-nhãn-thông nguyện;

八，天耳通願)

Bát: Thiên-nhĩ-thông nguyện)

我作佛時，所有眾生，生我

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã

國者，皆得他心智通。若不悉

quốc giả, giai đắc Tha-tâm-trí-thông. Nhược bất tất

知億那由他百千佛剎，眾生心

tri ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chúng sanh tâm

念者，不取正覺。

niệm giả, bất thủ Chánh Giác.

(九，他心通願)

(Cửu: Tha-tâm-thông nguyện)

我作佛時，所有眾生，生我國

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc

者，皆得神通自在，波羅密多。

giả, giai đắc thần thông tự tại, Ba-la-mật-đa.

於一念頃，不能超過億那由他

Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha

百千佛剎，周徧巡歷供養諸

bá thiên Phật sát, chu biến tuần lịch cúng dường chư

佛者，不取正覺。

Phật giả, bất thủ Chánh Giác.

(十，神足通願；

(Thập: Thần-túc-thông nguyện;

十一，徧供諸佛願)

Thập nhất: Biến cúng chư Phật nguyện)

我作佛時，所有眾生，生我

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã

國者，遠離分別，諸根寂靜。若

quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược

不決定成等正覺，證大涅槃

bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết

槃者，不取正覺。

Bàn giả, bất thủ Chánh Giác.

(十二，定成正覺願)

(Thập nhị: Định thành Chánh Giác nguyện)

我作佛時，光明無量，普照

Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu

十方，絕勝諸佛，勝于日月

thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng ư nhật nguyệt

之明，千萬億倍。若有眾生，

chi minh, thiên vạn ức bội. Nhược hữu chúng sanh,

見我光明，照觸其身，莫不安

kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an

樂，慈心作善，來生我國。若

lạc, từ tâm tác thiện, lai sanh ngã quốc. Nhược

不爾者，不取正覺。

bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(十三，光明無量願；

(Thập tam: Quang minh vô lượng nguyện;

十四，觸光安樂願)

Thập tứ: Xúc quang an lạc nguyện)

我作佛時，壽命無量，國中

Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng, quốc trung

聲聞天人無數，壽命亦皆

Thanh-văn thiên nhân vô số, thọ mạng diệc giai

無量。假令三千大千世界眾

vô lượng. Giả linh Tam thiên Đại thiên thế giới chúng

生，悉成緣覺，於百千劫，悉

sinh, tất thành Duyên-giác, ư bá thiên kiếp, tất

共計校，若能知其量數者，不

cộng kê giáo, nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất

取正覺。

thủ Chánh Giác.

(十五，壽命無量願；

(Thập ngũ: Thọ mạng vô lượng nguyện;

十六，聲聞無數願)

Thập lục: Thanh-văn vô số nguyện)

我作佛時，十方世界，無

Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, vô

量剎中，無數諸佛，若不共稱

lượng sát trung, vô số chư Phật, nhược bất cộng xưng

嘆我名，說我功德國土之善

thán ngã danh, thuyết ngã công đức quốc độ chi thiện

者，不取正覺。

giả, bất thủ Chánh Giác.

(十七, 諸佛稱嘆願)

(Thập thất: Chư Phật xưng thán nguyện)

我作佛時，十方眾生，聞

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn

我名號，至心信樂，所有善根，

ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn,

心 心 回 向， 願 生 我 國， 乃 至

tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nãi chí

十 念， 若 不 生 者， 不 取 正

thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh

覺。 唯 除 五 逆， 誹 謗 正 法。

Giác. Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng Chánh Pháp.

(十八， 十 念 必 生 願)

(Thập bát: Thập niệm tất sanh nguyện)

我 作 佛 時， 十 方 眾 生， 聞

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn

我 名 號， 發 菩 提 心， 修 諸 功 德，

ngã danh hiệu, phát Bồ-đề tâm, tu chư công đức,

奉 行 六 波 羅 密， 堅 固 不 退。 復 以

phụng hành lục Ba-la-mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ

善根迴向，願生我國，一心

thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm

念我，晝夜不斷。臨壽終時，我

niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã

與諸菩薩眾，迎現其前，經須臾

dữ chư Bồ-tát chúng, nghinh hiện kỳ tiền, kinh tu-du

間，即生我刹，作阿惟越致菩薩。

gian, tức sanh ngã sát, tác A-duy-việt-trí Bồ-tát.

不得是願，不取正覺。

Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác.

(十九，聞名發心願；

(Thập cửu: Văn danh phát tâm nguyện;

二十，臨終接引願)

Nhị thập: Lâm chung tiếp dẫn nguyện)

我作佛時，十方眾生，聞

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn

我名號，繫念我國，發菩提心，

ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ-đề tâm,

堅固不退。植眾德本，至心迴

kiên cố bất thoái. Thực chúng đức bản, chí tâm hồi

向，欲生極樂，無不遂者。若有

hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả. Nhược hữu

宿惡，聞我名字，即自悔過，為道

túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hồi quá, vi đạo

作善，便持經戒，願生我刹，命

tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát, mạng

終不復更三惡道，即生我國。

chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc.

若不爾者，不取正覺。

Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(二十一, 悔過得生願)

(*Nhị thập nhất: Hồi quá đắc sanh nguyện*)

我作佛時，國無婦女。若有女

Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ. Nhược hữu nữ

人，聞我名字，得清淨信，發

nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát

菩提心，厭患女身，願生我國。

Bồ-đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc.

命終即化男子，來我剎土。十

Mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ. Thập

方世界諸眾生類，生我國

phương thế giới chư chúng sanh loại, sanh ngã quốc

者，皆於七寶池蓮華中化生。

giả, giai u thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh.

若不爾者，不取正覺。

Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(二十二，國無女人願；

(Nhị thập nhị: Quốc vô nữ nhân nguyện;

二十三，厭女轉男願；

Nhị thập tam: Yếm nữ chuyển nam nguyện;

二十四，蓮華化生願)

Nhị thập tứ : Liên hoa hóa sanh nguyện)

我作佛時，十方眾生，聞我

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã

名字，歡喜信樂，禮拜歸命。以清

danh tự, hoan hỷ tín nhạo, lễ bái quy mạng. Dĩ thanh

淨心，修菩薩行，諸天世人，莫不
tịnh tâm, tu Bồ-tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất
致敬。若聞我名，壽終之後，生
trí kính. Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sanh
尊貴家，諸根無缺，常修殊勝
tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng
梵行。若不爾者，不取正覺。
phạm hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.
(二十五，天人禮敬願；
<i>(Nhị thập ngũ: Thiên nhân lễ kính nguyện;</i>
二十六，聞名得福願；
<i>Nhị thập lục: Văn danh đắc phước nguyện;</i>
二十七，修殊勝行願)
<i>Nhị thập thất: Tu thù thắng hạnh nguyện)</i>

我作佛時，國中無不善名。

Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh.

所有眾生，生我國者，皆同一

Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đồng nhất

心，住於定聚。永離熱惱，心得清

tâm, trụ ư định-tụ, vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh

涼，所受快樂，猶如漏盡比丘。

lương, sở thọ khoái lạc, do như lậu-tận Tỳ-kheo.

若起想念，貪計身者，不取

Nhược khởi tưởng niệm, tham kế thân giả, bất thủ

正覺。

Chánh Giác.

(二十八，國無不善願；

(Nhị thập bát: Quốc vô bất thiện nguyện;

二十九，住正定聚願；

Nhị thập cửu: Trụ chánh-định-tụ nguyện;

三十，樂如漏盡願；

Tam thập: Lạc như lậu-tận nguyện;

三十一，不貪計身願)

Tam thập nhất: Bất tham kế thân nguyện)

我作佛時，生我國者，善根無

Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, thiện căn vô

lượng, 皆得金剛那羅延身, 堅固之

lượng, giai đắc Kim Cang Na La Diên thân, kiên cố chi

力。身頂皆有光明照耀。成

lực. Thân đảnh giai hữu quang minh chiếu diệu. Thành

就一切智慧, 獲得無邊辯才。善

tự nhất thiết trí huệ, hoạch đắc vô biên biện tài. Thiện

談 諸 法 秘 要 ， 說 經 行 道 ， 語 如

đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, ngữ như

鐘 聲 。 若 不 爾 者 ， 不 取 正 覺 。

chung thanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(三 十 二 ， 那 羅 延 身 願 ；

(Tam thập nhị: Na-la-diên thân nguyện;

三 十 三 ， 光 明 慧 辯 願 ；

Tam thập tam: Quang minh huệ biện nguyện;

三 十 四 ， 善 談 法 要 願)

Tam thập tứ: Thiện đàm pháp yếu nguyện)

我 作 佛 時 ， 所 有 眾 生 ， 生 我

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã

國 者 ， 究 竟 必 至 一 生 補 處 。 除 其

quốc giả, cứu cánh tất chí nhất sanh Bồ-xứ, trừ kỳ

本願為眾生故，被弘誓鎧，教

bổn nguyện vì chúng sanh cố, phi hoàng thệ khải, giáo

化一切有情，皆發信心，修菩提

hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ-đề

行，行普賢道。雖生他方世

hành, hành Phổ Hiền đạo. Tuy sanh tha phương thế

界，永離惡趣。或樂說法，或樂

giới, vĩnh ly ác thú. Hoặc nhạo thuyết pháp, hoặc nhạo

聽法，或現神足，隨意修習，無

thính pháp, hoặc hiện Thần-túc, tùy ý tu tập, vô

不圓滿。若不爾者，不取正覺。

bất viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(三十五，一生補處願；

(Tam thập ngũ: Nhất sanh Bồ-xứ nguyện;

三十六，教化隨意願)

Tam thập lục: Giáo hóa tùy ý nguyện)

我作佛時，生我國者，所須飲

Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, sở tu ẩm

食，衣服，種種供具，隨意即

thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức

至，無不滿願。十方諸佛，應

chí, vô bất mãn nguyện. Thập phương chư Phật, ứng

念受其供養。若不爾者，不取

niệm thọ kỳ cúng dường. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ

正覺。

Chánh Giác.

(三十七，衣食自至願；

(Tam thập thất: Y thực tự chí nguyện;

三十八，應念受供願)

Tam thập bát: Ứng niệm thọ cúng nguyện)

我作佛時，國中萬物，嚴淨，

Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh,

光麗，形色殊特，窮微極妙，無能

quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng

稱量。其諸眾生，雖具天眼，

xưng lượng. Kỳ chư chúng sanh, tuy cụ thiên-nhãn,

有能辨其形色，光相，名數，

hữu năng biện kỳ hình sắc, quang tướng, danh số,

及總宣說者，不取正覺。

cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác.

(三十九，莊嚴無盡願)

(Tam thập cửu: Trang nghiêm vô tận nguyện)

我作佛時，國中無量色樹，

Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ,

高或百千由旬。道場樹高，四百

cao hoặc bá thiên do-tuần. Đạo tràng thụ cao: tứ bá

萬里。諸菩薩中，雖有善根劣者，

vạn lý. Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả,

亦能了知。欲見諸佛淨國莊

diệp năng liễu tri. Dục kiến chư Phật tịnh quốc trang

嚴，悉於寶樹間見，猶如明鏡，

nghiêm, tất ư bảo thụ gian kiến, do như minh kính,

睹其面像。若不爾者，不取正

đồ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh

覺。

Giác.

(四十，無量色樹願；

(Tứ thập: Vô lượng sắc thụ nguyện;

四十一，樹現佛刹願)

Tứ thập nhất: Thụ hiện Phật sát nguyện)

我作佛時，所居佛刹，廣博

Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác

嚴淨，光瑩如鏡，徹照十

nghiêm tịnh, quang oánh như kính, triệt chiếu thập

方無量無數不可思議諸佛世

phương vô lượng vô số bất khả tư nghì chư Phật thế

界。眾生覩者，生希有心。若不

giới. Chúng sanh đở giả, sanh hy hữu tâm. Nhược bất

爾者，不取正覺。

nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(四十二，徼照十方願)

(Tứ thập nhị: Triệt chiếu thập phương nguyện)

我作佛時，下從地際，上至虛

Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư

空，宮殿，樓觀，池流，華樹，國

không, cung điện, lâu quán, trì lưu, hoa thụ, quốc

土所有一切萬物，皆以無量寶

độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo

香合成。其香普熏十方

hương hiệp thành. Kỳ hương phổ huân thập phương

世界。眾生聞者，皆修佛行。

thế giới. Chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh.

若不爾者，不取正覺。

Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(四 十 三 ， 寶 香 普 熏 願)

(Tứ thập tam: Bảo hương phổ huân nguyện)

我 作 佛 時 ， 十 方 佛 剎 諸

Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát chư

菩 薩 眾 ， 聞 我 名 已 ， 皆 悉 逮 得 清

Bồ-tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đãi đắc thanh

淨 ， 解 脫 ， 普 等 三 昧 ， 諸 深 總

tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, chư thâm tổng

持 。 住 三 摩 地 ， 至 於 成 佛 。 定 中

trì, trụ tam-ma-địa, chí ư thành Phật. Định trung

常 供 無 量 無 邊 一 切 諸 佛 ， 不

thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất

失 定 意 。 若 不 爾 者 ， 不 取 正 覺 。

thất định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(四十四，普等三昧願；

(Tứ thập tứ: Phổ đẳng tam-muội nguyện;

四十五，定中供佛願)

Tứ thập ngũ: Định trung cúng Phật nguyện)

我作佛時，他方世界諸菩薩

Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới chư Bồ-tát

眾，聞我名者，證離生法，獲

chúng, văn ngã danh giả, chứng ly sanh pháp, hoạch

陀羅尼。清淨歡喜，得平等住。

Đà-la-ni, thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ,

修菩薩行，具足德本。應時不獲

tu Bồ-tát hạnh, cụ túc đức bản. Ứng thời bất hoạch

一 二 三 忍，於諸佛法，不能現

nhất nhị tam nhẫn, ư chư Phật pháp, bất năng hiện

證不退轉者，不取正覺。

chứng bất thoái chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.

(四十六，獲陀羅尼願；

(Tứ thập lục: Hoạch Đà-la-ni nguyện;

四十七，聞名得忍願；

Tứ thập thất: Văn danh đắc nhẫn nguyện;

四十八，現證不退願)

Tứ thập bát: Hiện chứng bất thoái nguyện)

必成正覺第七

Tất Thành Chánh Giác, Đệ Thất

佛告阿難：爾時法藏比丘

Phật cáo A Nan: Nhĩ thời Pháp Tạng Tỳ-kheo

說此願已，以偈頌曰：

thuyết thử nguyện dĩ, dĩ kệ tụng viêt:

我 建 超 世 志

Ngã kiến siêu thế chí

必 至 無 上 道

Tất chí Vô thượng đạo

斯 願 不 滿 足

Tư nguyện bất mãn túc

誓 不 成 等 覺

Thệ bất thành Đẳng Giác.

復 為 大 施 主

Phục vi đại thí chủ

普 濟 諸 窮 苦

Phổ tế chư cùng khổ

令 彼 諸 羣 生

Linh bỉ chư quần sanh

長 夜 無 憂 惱

Trường dạ vô ưu não

出 生 眾 善 根

Xuất sanh chúng thiện căn

成 就 菩 提 果

Thành tựu Bồ-đề quả.

我 若 成 正 覺

Ngã nhược thành Chánh Giác

立 名 無 量 壽

Lập danh Vô Lượng Thọ

眾 生 聞 此 號

Chúng sanh văn thử hiệu

俱來我剎中

Câu lai ngã sát trung

如佛金色身

Như Phật kim sắc thân

妙相悉圓滿

Diệu tướng tất viên mãn.

亦以大悲心

Diệc dĩ đại bi tâm

利益諸羣品

Lợi ích chư quần phẩm

離欲深正念

Ly dục thâm chánh niệm

淨慧修梵行

Tịnh huệ tu phạm hạnh.

願 我 智 慧 光

Nguyện ngã trí huệ quang

普 照 十 方 刹

Phổ chiếu thập phương sát

消 除 三 垢 冥

Tiêu trừ tam cấu minh

明 濟 眾 厄 難

Minh tế chúng ách nạn

悉 捨 三 途 苦

Tất xả tam đồ khổ

滅 諸 煩 惱 暗

Diệt chư phiền não ám

開 彼 智 慧 眼

Khai bỉ trí huệ nhãn

獲得光明身

Hoạch đắc quang minh thân

閉塞諸惡道

Bế tắc chư ác đạo

通達善趣門

Thông đạt thiện thú môn

為眾開法藏

Vì chúng khai Pháp-tạng

廣施功德寶

Quảng thí công đức bảo.

如佛無礙智

Như Phật vô ngại trí

所行慈愍行

Sở hành từ mẫn hạnh

常 作 天 人 師

Thường tác thiên nhân sư

得 為 三 界 雄

Đắc vi tam giới hùng

說 法 獅 子 吼

Thuyết pháp sư tử hồng

廣 度 諸 有 情

Quảng độ chư hữu tình

圓 滿 昔 所 願

Viên mãn tích sở nguyện

一 切 皆 成 佛

Nhất thiết giai thành Phật.

斯 願 若 尅 果

Tư nguyện nhược khắc quả

大千應感動

Đại thiên ứng cảm động

虛空諸天神

Hư không chư thiên thần

當雨珍妙華

Đương vụ trân diệu hoa.

佛告阿難：法藏比丘說此

Phật cáo A Nan: “Pháp Tạng Tỳ-kheo thuyết thử

頌已，應時普地六種震動。

tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục chủng chấn động,

天雨妙華，以散其上。自然音

thiên vụ diệu hoa, dĩ tán kỳ thượng. Tự nhiên âm

樂空中讚言，決定必成無

nhạc không trung tán ngôn: ‘Quyết định tất thành Vô

上 正 覺。

Thượng Chánh Giác”’.

積 功 累 德 第 八

Tích Công Lũy Đức, Đệ Bát

阿難，法 藏 比 丘 於 世 自 在 王

A Nan! Pháp Tạng Tỳ-kheo ư Thế Tự Tại Vương

如 來 前，及 諸 天 人 大 眾 之 中，

Như Lai tiền, cập chư thiên nhân đại chúng chi trung,

發 斯 弘 誓 願 已。住 真 實 慧，

phát tư hoằng thệ nguyện dĩ. Trụ Chân-thật-huệ,

勇 猛 精 進。一 向 專 志 莊

dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang

嚴 妙 土 。 所 修 佛 國 ， 開 廓

nghiêm diệu độ. Sở tu Phật quốc, khai khuếch

廣 大 ， 超 勝 獨 妙 ， 建 立 常

quảng đại, siêu thắng độc diệu, kiến lập thường

然 ， 無 衰 無 變 。

nhiên, vô suy vô biến.

於 無 量 劫 ， 積 植 德 行 。 不 起

U vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh. Bất khởi

貪 瞋 痴 欲 諸 想 ， 不 著 色 聲 香

tham sân si dục chư tưởng, bất trước sắc thanh hương

味 觸 法 。 但 樂 憶 念 ， 過 去 諸 佛 ，

vị xúc pháp. Đãn nhạo ức niệm, quá khứ chư Phật,

所 修 善 根 。 行 寂 靜 行 ， 遠 離 虛 妄 。

sở tu thiện căn. Hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng.

依真諦門，植眾德本。不計眾

Y Chân-đế môn, thực chúng đức bản. Bất kế chúng

苦，少欲知足。專求白法，惠利

khổ, thiểu dục tri túc. Chuyên cầu bạch pháp, huệ lợi

羣生。志願無倦，忍力成就。

quần sanh. Chí nguyện vô quyện, nhẫn lực thành tựu.

於諸有情，常懷慈忍。和顏愛

Ư chư hữu tình, thường hoài từ nhẫn. Hòa nhan ái

語，勸諭策進。恭敬三寶，奉

ngữ, khuyến dụ sách tấn. Cung kính Tam Bảo, phụng

事師長。無有虛偽諂曲之心。

sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm.

莊嚴眾行，軌範具足。觀

Trang nghiêm chúng hạnh, quỹ phạm cụ túc. Quán

法化，三昧常寂。善護口

pháp hóa, tam-muội thường tịch. Thiện hộ khẩu

業，如不譏他過。善護身業，不

nghiệp, như bất cơ tha quá. Thiện hộ thân nghiệp, bất

失律儀。善護意業，清淨無染。

thất luật nghi. Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.

所有國城，聚落，眷屬，珍

Sở hữu quốc thành, tụ lạc, quyến thuộc, trân

寶，都無所著。恆以布施，持戒，

bảo, đô vô sở trước. Hằng dĩ bố-thí, trì-giới,

忍辱，精進，禪定，智慧，六度之

nhẫn-nhục, tinh-tấn, thiền-định, trí-huệ, Lục-độ chi

行，教化安立眾生，住於無上

hạnh, giáo hóa an lập chúng sanh, trụ ở Vô thượng

真正之道。

chân chánh chi đạo.

由成如是諸善根故，所生之

Do thành như thị chư thiện căn cố. Sở sanh chi

處，無量寶藏，自然發應。或

xứ, vô lượng bảo tạng, tự nhiên phát ứng. Hoặc

為長者居士，豪姓尊貴。或為

vi Trưởng giả Cư sĩ, hào tánh tôn quý. Hoặc vi

剎利國王，轉輪聖帝。或為

sát-lợi quốc vương, Chuyển-luân-thánh-đế. Hoặc vi

六欲天主，乃至梵王。於諸

Lục Dục thiên chủ, nãi chí Phạm vương. Ư chư

佛所，尊重供養，未曾間斷。

Phật sở, tôn trọng cúng dường, vị tăng gián đoạn.

如是功德，說不能盡。身口

Như thị công đức, thuyết bất năng tận. Thân khẩu

常出無量妙香。猶如栴檀，

thường xuất vô lượng diệu hương. Do như Chiên Đàn,

優鉢羅華，其香普熏無量世界。

Ưu Bát La hoa. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới.

隨所生處，色相端嚴。三十

Tùy sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm. Tam thập

二相，八十種好，悉皆具足。手

nhị tướng, bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc. Thủ

中常出無盡之寶，莊嚴之

trung thường xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi

具。一切所須，最上之物，利樂

cụ. Nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật, lợi lạc

有情。

hữu tình.

由是因緣，能令無量眾生，

Do thị nhân duyên, năng linh vô lượng chúng sanh,

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

giai phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

圓滿成就第九

Viên Mãn Thành Tựu, Đệ Cửu

佛告阿難：法藏比丘，修菩薩

Phật cáo A Nan: “Pháp Tạng Tỳ-kheo, tu Bồ-tát

行，積功累德，無量無邊。於一

hạnh, tích công lũy đức, vô lượng vô biên. Ư nhất

切法，而得自在。非是語言分別

thiết pháp, nhi đắc tự tại. Phi thị ngữ ngôn phân biệt

之所能知。所發誓願，圓滿成

chi sở năng tri. Sở phát thệ nguyện, viên mãn thành

就，如實安住，具足莊嚴、威德

tự. Như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, uy đức

廣大、清淨佛土。

quảng đại, thanh tịnh Phật độ”.

阿難聞佛所說，白世尊言：

A Nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn:

法藏菩薩成菩提者，為是過去

“Pháp tạng Bồ-tát thành Bồ-đề giả. Vi thị quá khứ

佛耶？未來佛耶？為今現在他方

Phật da? Vị lai Phật da? Vi kim hiện tại tha phương

世界耶?

thế giới da?”

世尊告言：彼佛如來，來無所

Thế Tôn cáo ngôn: “Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở

來，去無所去，無生無滅，非過現

lai, khứ vô sở khứ, vô sanh vô diệt, phi quá hiện

未來。但以酬願度生，現在西

vị lai. Đãn dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại tây

方，去閻浮提百千俱胝那由他

phương, khứ Diêm Phù Đề bá thiên câu-chi na-do-tha

佛剎，有世界名曰極樂。法藏

Phật sát, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Pháp Tạng

成佛，號阿彌陀，成佛以來，於今

thành Phật, hiệu A Mi Đà, thành Phật dĩ lai, ư kim

十劫，今現在說法，有無量無
 thập kiếp. Kim hiện tại thuyết pháp. Hữu vô lượng vô
 數菩薩 聲聞之眾，恭敬圍繞。
 số Bồ-tát Thanh-văn chi chúng, cung kính vi nhiễu”.

皆願作佛第十

Giai Nguyện Tác Phật, Đệ Thập

佛說阿彌陀佛為菩薩求得是
 Phật thuyết A Mi Đà Phật vi Bồ-tát cầu đắc thị
 願時，阿闍王子，與五百大長
 nguyện thời, A Xà vương tử, dữ ngũ bá đại Trưởng
 者，聞之皆大歡喜。各持一金華
 giả, văn chi giai đại hoan hỷ. Các trì nhất kim hoa

蓋，俱到佛前作禮，以華蓋上

cái, câu đao Phật tiền tác lễ, dĩ hoa cái thượng

佛已，卻坐一面聽經，心中

Phật dĩ, khước tọa nhất diện thính kinh, tâm trung

願言，令我等作佛時，皆如

nguyện ngôn: “Linh ngã đẳng tác Phật thời, giai như

阿彌陀佛。

A Mi Đà Phật”.

佛即知之，告諸比丘，是王子

Phật tức tri chi, cáo chư Tỷ-kheo: “Thị vương tử

等，後當作佛。彼於前世住菩薩

đẳng, hậu đương tác Phật. Bĩ ư tiền thế trụ Bồ-tát

道，無數劫來，供養四百億佛。迦

đạo, vô số kiếp lai, cúng dường tứ bá ức Phật. Ca

葉佛時，彼等為我弟子。今供

Diếp Phật thời, bỉ đẳng vi ngã đệ tử. Kim cúng

養我，復相值也。時諸比丘聞

dường ngã, phục tương trị dã”. Thời chư Tỷ-kheo văn

佛言者，莫不代之歡喜。

Phật ngôn giả, mạc bất đại chi hoan hỷ.

國界嚴淨第十一

Quốc Giới Nghiêm Tịnh, Đệ Thập Nhất

佛語阿難，彼極樂界，無量功

Phật ngữ A Nan: “Bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công

德，具足莊嚴。永無眾苦、諸

đức, cụ túc trang nghiêm. Vĩnh vô chúng khổ, chư

難、惡趣、魔惱之名。亦無四時、寒
nạn, ác thú, ma nảo chi danh. Diệc vô tứ thời, hàn
暑、雨冥之異。復無大小江海、
thử, vũ minh chi dị. Phục vô đại tiểu giang hải,
丘陵坑坎、荊棘沙礫、鐵圍、須
khâu lǎng khanh khảm, kinh kỷ sa lịch, Thiết Vi, Tu
彌、土石等山。唯以自然七寶。
Di, thổ thạch đẳng sơn. Duy dĩ tự nhiên thất bảo.
黃金為地，寬廣平正，不可
Huỳnh kim vi địa, khoan quảng bình chánh, bất khả
限極，微妙奇麗，清淨莊嚴，超
hạn cực, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, siêu
踰十方一切世界。
du thập phương nhất thiết thế giới”.

阿難聞已，白世尊言，若彼

A Nan văn dĩ, bạch Thế Tôn ngôn: “Nhược bỉ

國土無須彌山，其四天王天及

quốc độ vô Tu Di sơn, kỳ Tứ Thiên Vương thiên cập

忉利天，依何而住。

Đao Lợi thiên, y hà nhi trụ?”.

佛告阿難，夜摩，兜率，乃至色

Phật cáo A Nan: “Đạ Ma, Đâu Suất, nãi chí Sắc,

無色界，一切諸天，依何而住。

Vô-sắc giới, nhất thiết chư thiên, y hà nhi trụ?”

阿難白言，不可思議業力

A Nan bạch ngôn: “Bất khả tư nghì nghiệp lực

所致。

sở trí”.

佛 語阿難，不思議 業，汝可知

Phật ngữ A Nan: “Bất tư nghì nghiệp, nhữ khả tri

耶? 汝 身 果 報，不可思議。眾 生

da? Nhữ thân quả báo, bất khả tư nghì. Chúng sanh

業 報，亦不可思議。眾 生 善

ngiệp báo, diệc bất khả tư nghì. Chúng sanh thiện

根，不可思議。諸 佛 聖 力，諸 佛

căn, bất khả tư nghì. Chư Phật Thánh-lực, chư Phật

世界，亦不可思議。其 國 眾 生，

thế giới, diệc bất khả tư nghì. Kỳ quốc chúng sanh,

功 德 善 力，住 行 業 地，及 佛

công đức thiện lực, trú hạnh nghiệp địa, cập Phật

神 力，故 能 爾 耳。

thần lực, cố năng nhĩ nhĩ”.

阿難白言：業因果報，不

A Nan bạch ngôn: “Nghệp nhân quả báo, bất

可思議，我於此法，實無所惑，但

khả tư nghi. Ngã ư thử pháp, thật vô sở hoặc. Đãn

為將來眾生，破除疑網，故發

vị tương lai chúng sanh, phá trừ nghi võng, cố phát

斯問。

tư vấn”.

光明徧照第十二

Quang Minh Biến Chiếu, Đệ Thập Nhị

佛告阿難，阿彌陀佛威神光

Phật cáo A Nan: “A Mi Đà Phật uy thần quang

明，最尊第一，十方諸佛，所

minh, tối tôn đệ nhất. Thập phương chư Phật, sở

不能及，徧照東方恆沙佛

bất năng cập, biến chiếu đông phương Hằng sa Phật

剎，南西北方，四維上下，亦

sát, nam tây bắc phương, tứ duy thượng hạ, diệc

復如是。

phục như thị.

若化頂上圓光，或一二

Nhược hóa đỉnh thượng viên quang, hoặc nhất nhị

三四由旬，或百千萬億由旬。諸佛

tam tứ do-tuần, hoặc bách thiên vạn ức do-tuần. Chư Phật

光明，或照一二佛剎，或照

quang minh, hoặc chiếu nhất nhị Phật sát, hoặc chiếu

百千佛刹。惟阿彌陀佛，光明

bá thiên Phật sát. Duy A Mi Đà Phật, quang minh

普照無量無邊無數佛刹。

phổ chiếu vô lượng vô biên vô số Phật sát.

諸佛光明所照遠近，本其

Chư Phật quang minh sở chiếu viễn cận, bản kỳ

前世求道，所願功德大小不

tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất

同。至作佛時，各自得之，自在所

đồng. Chí tác Phật thời, các tự đắc chi, tự tại sở

作，不為預計。

tác, bất vi dự kế.

阿彌陀佛，光明善好，勝於日

A Mi Đà Phật, quang minh thiện hảo, thắng ư nhật

月之明，千億萬倍，光中極

nguyệt chi minh, thiên ức vạn bội, quang trung cực

尊，佛中之王。是故無量壽

tôn, Phật trung chi vương. Thị cố Vô Lượng Thọ

佛，亦號無量光佛，亦號無

Phật, diệc hiệu Vô Lượng Quang Phật, diệc hiệu Vô

邊光佛，無礙光佛，無等

Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng

光佛，亦號智慧光，常照

Quang Phật, diệc hiệu Trí Huệ Quang, Thường Chiếu

光，清淨光，歡喜光，解

Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải

脫光，安隱光，超日月

Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt

光，不思議 光。

Quang, Bất Tư Nghì Quang.

如是光明，普照十方一

Như thị quang minh, phổ chiếu thập phương nhất

切世界。其有眾生，遇斯光者，

thiết thế giới. Kỳ hữu chúng sanh, ngộ tư quang giả,

垢滅善生，身意柔軟。若在三

câu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn. Nhược tại tam

塗極苦之處，見此光明，皆得

đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc

休息，命終皆得解脫。若有

hưu tức, mạng chung giai đắc giải thoát. Nhược hữu

眾生，聞其光明、威神、功德，

chúng sanh, văn kỳ quang minh, uy thần, công đức,

日 夜 稱 說，至 心 不 斷，隨 意 所

nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn, tùy ý sở

得，願 生 其 國。

đắc, nguyện sanh kỳ quốc”.

壽 眾 無 量 第 十 三

Thọ Chúng Vô Lượng, Đệ Thập Tam

佛 語 阿 難，無 量 壽 佛，壽 命

Phật ngữ A Nan: “Vô Lượng Thọ Phật, thọ mạng

長 久，不 可 稱 計。又 有 無 數

trường cửu, bất khả xưng kê. Hựu hữu vô số

聲 聞 之 眾。神 智 洞 達，威 力 自

Thanh-văn chi chúng, thần trí đồng đạt, uy lực tự

在，能於掌中持一切世界。我

tại, năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới. Ngã

弟子中大目犍連，神通第一，

đệ tử trung Đại Mục Kiền Liên: thần thông đệ nhất.

三千大千世界，所有的一切星

Tam thiên Đại thiên thế giới, sở hữu nhất thiết tinh

宿眾生，於一晝夜，悉知其數。

tú chúng sanh, ư nhất trú dạ, tất tri kỳ số.

假使十方眾生，悉成

Giả sử thập phương chúng sanh, tất thành

緣覺。一一緣覺，壽萬億歲。

Duyên-giác. Nhất nhất Duyên-giác, thọ vạn ức tuế,

神通皆如大目犍連。盡其壽

thần thông giai như Đại Mục Kiền Liên, tận kỳ thọ

命，竭其智力，悉共推算，彼佛會

mạng, kiệt kỳ trí lực, tất cộng suy toán, bỉ Phật hội

中，聲聞之數，千萬分中不

trung Thanh-văn chi số, thiên vạn phần trung bất

及一分。

cập nhất phần.

譬如大海，深廣無邊，設取

Thí như đại hải, thâm quảng vô biên, thiết thủ

一毛，析為百分，碎如微塵，以一

nhất mao, tích vi bá phần, toái như vi trần. Dĩ nhất

毛塵，沾海一滴，此毛塵水，比

mao trần, triêm hải nhất trích, thử mao trần thủy, tỷ

海孰多？阿難，彼目犍連等所知

hải thực đa? A Nan! Bỉ Mục Kiền Liên đẳng sở tri

數者，如毛 塵 水，所未知者，如大

số giả, như mao trần thủy; Sở vị tri giả, như đại

海 水。

hải thủy.

彼佛 壽 量，及 諸菩薩、聲 聞、

Bỉ Phật thọ lượng, cập chư Bồ-tát, Thanh-văn,

天 人，壽 量 亦 爾，非 以 算 計 譬

thiên nhân thọ lượng diệc nhĩ, phi dĩ toán kế thí

喻 之 所 能 知。

dụ chi sở năng tri.

寶 樹 徧 國 第 十 四

Bảo Thụ Biến Quốc, Đệ Thập Tứ

彼如來國，多諸寶樹，或純
Bỉ Như Lai quốc, đa chư bảo thụ: Hoặc thuần
金樹，純白銀樹，琉璃樹，水
kim thụ, thuần bạch ngân thụ, lưu ly thụ, thủy
晶樹，琥珀樹，美玉樹，瑪瑙
 tinh thụ, hổ phách thụ, mỹ ngọc thụ, mã não
樹，唯一寶成，不雜餘寶。
thụ, duy nhất bảo thành, bất tạp dư bảo.
或有二寶三寶，乃至七寶，
Hoặc hữu nhị bảo tam bảo, nãi chí thất bảo,
轉共合成，根莖枝幹，此寶
chuyển cộng hiệp thành. Căn hành chi cán, thử bảo
所成，華葉果實，他寶化作。
sở thành; Hoa diệp quả thực, tha bảo hóa tác.

或有寶樹。黃金為根，白銀

Hoặc hữu bảo thụ: huỳnh kim vi căn, bạch ngân

為身，琉璃為枝，水晶為梢，琥珀

vi thân, lưu ly vi chi, thủy tinh vi sao, hổ phách

為葉，美玉為華，瑪瑙為果。其餘

vi diệp, mỹ ngọc vi hoa, mã não vi quả. Kỳ dư

諸樹，復有七寶，互為根幹枝葉

chư thụ, phục hữu thất bảo: hổ vi căn cán chi diệp

華果，種種共成。

hoa quả, chủng chủng cộng thành.

各自異行，行行相值，莖莖

Các tự dị hàng, hàng hàng tương trị, hành hành

相望，枝葉相向，華實相

tương vọng, chi diệp tương hướng, hoa thực tương

當，榮色光曜，不可勝視。

đương, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị.

清風時發，出五音聲，微

Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh, vi

妙宮商，自然相和。是諸寶

diệu cung thương, tự nhiên tương hòa. Thị chư bảo

樹，周徧其國。

thụ, chu biến kỳ quốc.

菩提道場第十五

Bồ Đề Đạo Tràng, Đệ Thập Ngũ

又其道場，有菩提樹，高四百萬

Hựu kỳ Đạo tràng, hữu Bồ Đề thụ, cao tứ bá vạn

里。其本周圍五千由旬，枝葉四

lý. Kỳ bốn chu vi ngũ thiên do-tuần, chi diệp tứ

布二十萬里。

bố nhị thập vạn lý.

一切眾寶，自然合成，華

Nhất thiết chúng bảo, tự nhiên hiệp thành. Hoa

果敷榮，光暉徧照。復有紅

quả phu vinh, quang huy bién chiếu. Phục hữu hồng

綠青白，諸摩尼寶，眾寶之王，

lục thanh bạch, chư ma-ni bảo, chúng bảo chi vương,

以為瓔珞。雲聚寶鑠，飾諸寶柱；

dĩ vi anh lạc. Vân-tụ-bảo tủa, sức chư bảo trụ.

金珠鈴鐸，周匝條間。珍妙寶

Kim châu linh đạc, chu táp điều gian. Trân diệu bảo

網，羅覆其上。百千萬色，互相

võng, la phú kỳ thượng. Bá thiên vạn sắc, hữ tương

映飾，無量光炎，照耀無極。

ánh sức. Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực.

一切莊嚴，隨應而現。

Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện.

微風徐動，吹諸枝葉，演出無

Vi phong từ động, xuy chư chi diệp, diễn xuất vô

量妙法音聲。其聲流布，徧諸

lượng diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biền chư

佛國。清暢哀亮，微妙和雅。十

Phật quốc. Thanh sướng ai lượng, vi diệu hòa nhã. Thập

方世界音聲之中，最為第一。

phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất.

若有眾生，覩菩提樹，聞聲，

Nhược hữu chúng sanh, đở Bồ Đề thụ, văn thanh,

鼻香，嘗其果味，觸其光影，

khứu hương, thường kỳ quả vị, xúc kỳ quang ảnh,

念樹功德，皆得六根清徹，無諸

niệm thụ công đức, giai đắc lục căn thanh triệt, vô chư

惱患。住不退轉，至成佛道。

não hoạn, trụ bất thoái chuyển, chí thành Phật đạo.

復由見彼樹故，獲三種忍：

Phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam chủng Nhẫn:

一音響忍，二柔順忍，三者

nhất Âm-hưởng-nhẫn, nhị Nhu-thuận-nhẫn, tam giả

無生法忍。

Vô-sanh-pháp-nhẫn.

佛告阿難：如是佛剎，華果樹

Phật cáo A Nan: “Nhu thị Phật sát, hoa quả thụ

木，與諸眾生，而作佛事。此皆

mộc, dữ chư chúng sanh, nhi tác Phật sự. Thử giai

無量壽佛，威神力故，本願

Vô Lượng Thọ Phật: uy thần lực cố, bản nguyện

力故，滿足願故，明了，堅固，

lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu, kiên cố,

究竟願故。

cứu cánh nguyện cố”.

堂舍樓觀第十六

Đường Xá Lô Quán, Đệ Thập Lục

又無量壽佛講堂、精舍、

Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường, tinh xá,

樓觀欄楯，亦皆七寶自然化

lâu quán lan thuẫn, diệc giai thất bảo tự nhiên hóa

成。復有白珠摩尼以為交絡，明

thành. Phục hữu bạch-châu ma-ni dĩ vi giao lạc, minh

妙無比。諸菩薩眾，所居宮殿，亦

diệu vô tỷ. Chư Bồ-tát chúng, sở cư cung điện, diệc

復如是。

phục như thị.

中有在地講經、誦經者；有

Trung hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả; Hữu

在地受經、聽經者；有在地經行

tại địa thọ kinh, thính kinh giả; Hữu tại địa kinh hành

者；思道，及坐禪者。有在虛空

giả; tư đạo, cập tọa thiên giả. Hữu tại hư không

講誦受聽者；經行、思道及坐

giảng tụng thọ thính giả; Kinh hành, tư đạo cập tọa

禪者。

Thiên giả.

或得須陀洹，或得斯陀含，或

Hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tư-đà-hàm, hoặc

得阿那含，阿羅漢。未得阿惟越致

đắc A-na-hàm, A-la-hán. Vị đắc A-duy-việt-trí

者，則得阿惟越致。各自念道、說

giả, tắc đắc A-duy-việt-trí. Các tự niệm đạo, thuyết

道、行道，莫不歡喜。

đạo, hành đạo, mạc bất hoan hỷ.

泉池功德第十七

Tuyên Trì Công Đức, Đệ Thập Thất

又其講 堂左右，泉池交流。

Hựu kỳ giảng đường tả hữu, tuyên trì giao lưu.

縱 廣 深 淺，皆各 一 等，或 十

Tung quảng thâm thiển, giai các nhất đẳng, hoặc thập

由旬、二十由旬、乃至百千由旬。

do-tuần, nhị thập do-tuần, nãi chí bách thiên do-tuần.

湛 然 香 潔，具 八 功 德。

Trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức.

岸 邊 無 數 栴 檀 香 樹，吉 祥

Ngạn biên vô số Chiên Đàn Hương thụ, Kiết Tường

果 樹，華 果 恆 芳，光 明 照

Quả thụ, hoa quả hằng phương, quang minh chiếu

耀。修條密葉，交覆於池。出種

diệu. Tu điều mật diệp, giao phú u trì. Xuất chủng

種香，世無能喻。隨風散馥，

chủng hương, thế vô năng dụ. Tùy phong tán phúc,

沿水流芬。

duyên thủy lưu phân.

又復池飾七寶，地布金沙。優鉢

Hựu phục trì sức thất bảo, địa bố kim sa. Ưu Bát

羅華，鉢曇摩華，拘牟頭華，芬陀

La hoa, Bát Đàm Ma hoa, Câu Mâu Đầu hoa, Phần Đà

利華，雜色光茂，彌覆水上。

Lợi hoa, tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng.

若彼眾生，過浴此水。欲至

Nhược bỉ chúng sanh, quá dục thử thủy, dục chí

足者，欲至膝者，欲至腰腋，欲至頸

túc giả, dục chí tất giả, dục chí yêu dịch, dục chí cảnh

者，或欲灌身。或欲冷者，溫

giả, hoặc dục quán thân. Hoặc dục lãnh giả, ôn

者，急流者，緩流者，其水一一

giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả, kỳ thủy nhất nhất

隨眾生意。開神悅體，淨若

tùy chúng sanh ý. Khai thần duyệt thể, tịnh nhược

無形。寶沙映澈，無深不照。

vô hình. Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu.

微瀾徐迴，轉相灌注。波揚

Vi lan từ hồi, chuyển tương quán chú. Ba dương

無量微妙音聲。或聞佛法僧

vô lượng vi diệu âm thanh: hoặc văn Phật Pháp Tăng

聲，波羅密 聲，止息寂靜 聲，

thanh, Ba-la-mật thanh, chỉ-tức tịch-tĩnh thanh,

無生無滅 聲，十力無畏 聲，或聞

vô-sanh vô-diệt thanh, thập-lực vô-úy thanh, hoặc văn

無性無作無我 聲，大慈大悲喜捨

vô-tánh vô-tác vô-ngã thanh, đại từ đại bi hỷ xả

聲，甘露灌頂受位 聲。

thanh, cam lồ quán đảnh thọ vị thanh.

得聞如是種種 聲已，其心

Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm

清淨。無諸分別，正直平等，

thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng,

成熟善根。隨其所聞，與法相

thành thực thiện căn. Tùy kỳ sở văn, dĩ pháp tương

應。其願聞者，輒獨聞之。所不

ung. Kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi. Sở bất

欲聞，了無所聞。永不退於

dục văn, liễu vô sở văn. Vĩnh bất thoái ư

阿耨多羅三藐三菩提心。

A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

十方世界諸往生者，皆於

Thập phương thế giới chư vãng sanh giả, giai ư

七寶池蓮華中，自然化生。悉受

thất bảo trì liên hoa trung, tự nhiên hóa sanh. Tất thọ

清虛之身，無極之體。不聞三塗惡

thanh hư chi thân, vô cực chi thể. Bất văn tam đồ ác

惱苦難之名，尚無假設，何況

não khổ nạn chi danh, thượng vô giả thiết, hà huống

苦實。但有自然快樂之音，是

thật khổ. Dẫn hữu tự nhiên khoái lạc chi âm. Thị

故彼國名為極樂。

cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.

超世希有第十八

Siêu Thế Hy Hữu, Đệ Thập Bát

彼極樂國，所有眾生，容色

Bỉ Cực Lạc quốc, sở hữu chúng sanh, dung sắc

微妙，超世希有，咸同一類，無

vi diệu, siêu thế hy hữu. Hàm đồng nhất loại, vô

差別相。但因順餘方俗，故

sai biệt tướng. Dẫn nhân thuận dư phương tục, cố

有 天 人 之 名 。

hữu thiên nhân chi danh.

佛 告 阿 難 ， 譬 如 世 間 貧 苦 乞 人 ，

Phật cáo A Nan: “Thí như thế gian bần khổ khát nhân,

在 帝 王 邊 ， 面 貌 形 狀 ， 寧 可 類

tại Đế vương biên, diện mạo hình trạng, ninh khả loại

乎 ？ 帝 王 若 比 轉 輪 聖 王 ，

hò? Đế vương nhược tử Chuyển-luân-thánh-vương,

則 為 鄙 陋 ， 猶 彼 乞 人 ， 在 帝 王 邊

tắc vi bỉ lậu, do bỉ khát nhân, tại Đế vương biên

也 。 轉 輪 聖 王 ， 威 相 第 一 ， 比

dã. Chuyển-luân-thánh-vương, uy tướng đệ nhất, tử

之 忉 利 天 王 ， 又 復 醜 劣 。 假 令 帝

chi Đạo Lợi thiên vương, hựu phục xú liệt. Giả linh Đế

釋，比第六天，雖百千倍，不相

Thích, tỷ Đệ Lục Thiên, tuy bá thiên bội, bất tương

類也。第六天王，若比極樂國

loại dã. Đệ Lục thiên vương, nhược tỷ Cực Lạc quốc

中，菩薩聲聞，光顏容色，雖

trung, Bồ-tát Thanh-văn, quang nhan dung sắc, tuy

萬億倍，不相及逮。

vạn ức bội, bất tương cập đãi.

所處宮殿，衣服、飲食，猶如他

Sở xử cung điện, y phục, ẩm thực, do như Tha

化自在天王。至於威德、階位，

Hóa Tự Tại thiên vương. Chí ư uy đức, giai vị,

神通變化，一切天人，不可

thần thông biến hóa, nhất thiết thiên nhân, bất khả

為比，百千萬億，不可計倍。

vi tỷ, bá thiên vạn ức, bất khả kê bội.

阿難應知，無量壽佛極樂國

A Nan ung tri: Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc quốc

土，如是功德莊嚴，不可思議。

độ, như thị công đức trang nghiêm, bất khả tư nghì.

受用具足第十九

Thọ Dụng Cụ Túc, Đệ Thập Cửu

復次極樂世界，所有眾生，

Phục thứ Cực Lạc thế giới, sở hữu chúng sanh,

或已生，或現生，或當生。

hoặc dĩ sanh; hoặc hiện sanh; hoặc đương sanh,

皆得如是諸妙色身，形貌端

giai đặc như thị chư diệu sắc thân. Hình mạo đoan

嚴，福德無量，智慧明了，神

nghiêm, phước đức vô lượng, trí huệ minh liễu, thần

通自在。

thông tự tại.

受用種種，一切豐足。宮

Thọ dụng chủng chủng, nhất thiết phong túc. Cung

殿、服飾、香花、幡蓋、莊嚴之

điện, phục sức, hương hoa, phan cái, trang nghiêm chi

具，隨意所須，悉皆如念。

cụ, tùy ý sở tu, tất giai như niệm.

若欲食時，七寶鉢器，自然

Nhược dục thực thời, thất bảo bát khí, tự nhiên

在前。百味飲食，自然盈滿。雖

tại tiền; Bá vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn. Tuy

有此食，實無食者，但見色聞

hữu thử thực, thật vô thực giả, đãn kiến sắc văn

香，以意為食。色力增長，而無

hương, dĩ ý vi thực. Sắc lực tăng trưởng, nhi vô

便穢。身心柔軟，無所味著。事

tiện uế. Thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước. Sự

已化去，時至復現。

dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện.

復有眾寶妙衣、冠帶、瓔珞，

Phục hữu chúng bảo diệu y, quan đới, anh lạc,

無量光明，百千妙色，悉皆

vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai

具足，自然在身。

cụ túc, tự nhiên tại thân.

所居舍宅，稱其形色，寶網彌覆，

Sở cư xá trạch, xưng kỳ hình sắc. Bảo võng di phú,

懸諸寶鈴，奇妙珍異，周徧校

huyền chư bảo linh, kỳ diệu trân dị, chu biến hiệu

飾。光色晃曜，盡極嚴麗。樓

sức. Quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ. Lâu

觀欄楯，堂宇房閣，廣狹方

quán lan thuấn, đường vũ phòng các, quảng hiệp phương

圓，或大或小。或在虛空，或在

viên, hoặc đại hoặc tiểu, hoặc tại hư không, hoặc tại

平地，清淨安隱，微妙快樂，應

bình địa, thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, ứng

念現前，無不具足。

niệm hiện tiền, vô bất cụ túc.

德風華雨第二十

Đức Phong Hoa Vũ, Đệ Nhị Thập

其佛國土，每於食時，自然德

Kỳ Phật quốc độ, mỗi ư thực thời, tự nhiên đức

風徐起，吹諸羅網，及眾寶樹，

phong từ khởi, xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ,

出微妙音。演說苦、空、無常、

xuất vi diệu âm, diễn thuyết: Khổ, Không, Vô-thường,

無我，諸波羅密。流布萬種溫雅

Vô-ngã, chư Ba-la-mật. Lưu bố vạn chủng ôn nhã

德 香。其有聞者，塵勞垢習，自

đức hương. Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự

然不起。風觸其身，安和調適，

nhien bất khởi. Phong xúc kỳ thân, an hòa điều thích,

猶如比丘得滅盡定。

do như Tỳ-kheo đắc Diệt-tận-định.

復吹七寶林樹，飄華成聚，

Phục xuy thất bảo lâm thụ, phiêu hoa thành tụ,

種種色光，徧滿佛土。隨色

chủng chủng sắc quang, biến mãn Phật độ. Tùy sắc

次第，而不雜亂。柔軟光潔，

thứ đệ, nhi bất tạp loạn. Nhu nhuyễn quang khiết,

如兜羅綿。足履其上，沒深四

như Đâu La Miên. Túc lý kỳ thượng, một thâm tứ

指，隨足舉已，還復如初。過食

chỉ, tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ. Quá thực

時後，其華自沒，大地清淨，更雨

thời hậu, kỳ hoa tự mất, đại địa thanh tịnh, cánh vụ

新華。隨其時節，還復周徧，與

tân hoa. Tùy kỳ thời tiết, hoàn phục châu biền, dữ

前無異，如是六反。

tiền vô dị, như thị lục phản.

寶蓮佛光第二十一

Bảo Liên Phật Quang, Đệ Nhị Thập Nhất

又眾寶蓮華周滿世界。一一

Hựu chúng bảo liên hoa chu mãn thế giới. Nhất nhất

寶華百千億葉。其華光明，無

bảo hoa bá thiên ức diệp. Kỳ hoa quang minh, vô

量種色。青色青光，白色白

lượng chủng sắc. Thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch

光，玄黃朱紫，光色亦然。

quang, huyền hoàng châu tử, quang sắc diệc nhiên.

復有無量妙寶百千摩尼，映

Phục hữu vô lượng diệu bảo bá thiên Ma Ni, ánh

飾珍奇，明曜日月。彼蓮華量，

sức trân kỳ, minh diệu nhật nguyệt. Bỉ liên hoa lượng,

或半由旬，或一二三四，乃至百

hoặc bán do-tuần, hoặc nhất nhị tam tứ, nãi chí bá

千由旬。一一華中，出三十六

thiên do-tuần. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục

百千億光。

bá thiên ức quang.

一一光中，出三十六百千

Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bá thiên

億佛。身色紫金，相好殊特。一

ức Phật. Thân sắc tử kim, tướng hảo thù đặc. Nhất

一諸佛，又放百千光明。普為

nhất chư Phật, hựu phóng bá thiên quang minh, phổ vị

十方說微妙法。如是諸佛，各

thập phương thuyết vi diệu pháp. Như thị chư Phật, các

各安立無量眾生於佛正道。

các an lập vô lượng chúng sanh ư Phật chánh đạo.

決證極果第二十二

Quyết Chứng Cực Quả, Đệ Nhị Thập Nhị

復次，阿難，彼佛國土，無有昏

Phục thứ A Nan! Bỉ Phật quốc độ, vô hữu hôn

闇火光、日月星曜、晝夜之象。

ám hỏa quang, nhật nguyệt tinh diệu, trú dạ chi tượng,

亦無歲月劫數之名。復無住著

diệc vô: tuế nguyệt kiếp số chi danh. Phục vô trụ trước

家室，於一切處，既無標式名

gia thất. Ư nhất thiết xứ, ký vô tiêu thức danh

號，亦無取舍分別，唯受清淨

hiệu, diệc vô thủ xả phân biệt, duy thọ thanh tịnh

最上快樂。

tôi thượng khoái lạc.

若有善男子、善女人，若已

Nhược hữu Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhân, nhược dĩ

生、若 當 生，皆悉住於正 定 之
sinh, nhược đương sanh, giai tất trụ ư chánh-định chi
聚，決 定 證 於阿耨多羅 三 藐
tụ, quyết định chứng ư A-nậu-đa-la Tam-miệu
三 菩提。何以故，若 邪 定 聚，及
Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Nhược tà-định-tụ, cập
不 定 聚，不 能 了 知 建 立 彼 因 故。
bất-định-tụ, bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố!

十 方 佛 讚 第 二 十 三

Thập Phương Phật Tán, Đệ Nhị Thập Tam

復 次 阿 難，東 方 恆 河 沙 數 世

Phục thứ A Nan! Đông phương Hằng hà sa số thế

界，一一界中如恆沙佛，各出

giới, nhất nhất giới trung như Hằng sa Phật, các xuất

廣長舌相，放無量光，說

quảng trường thiết tướng, phóng vô lượng quang, thuyết

誠實言，稱讚無量壽佛，不可

thành thật ngôn, xưng tán Vô Lượng Thọ Phật, bất khả

思議功德。

tư nghì công đức.

南西北方，恆沙世界，諸佛

Nam tây bắc phương, Hằng sa thế giới, chư Phật

稱讚，亦復如是，四維上下，恆

xưng tán, diệc phục như thị. Tứ duy thượng hạ, Hằng

沙世界，諸佛稱讚，亦復如是。

sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệc phục như thị.

何以故，欲令他方所有眾

Hà dĩ cố? Dục linh tha phương sở hữu chúng

生，聞彼佛名，發清淨心，憶念

sinh, văn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm

受持，歸依供養，乃至能發一

thọ trì, quy y cúng dường, nãi chí năng phát nhất

念淨信，所有善根，至心迴向，

niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng,

願生彼國。隨願皆生，得不

nguyện sanh bỉ quốc. Tùy nguyện giai sanh, đắc bất

退轉，乃至無上正等菩提。

thoái chuyển, nãi chí Vô-thượng Chánh-đẳng Bồ-đề.

三輩往生第二十四

Tam Bối Vãng Sanh, Đệ Nhị Thập Tứ

佛告阿難，十方世界諸天

Phật cáo A Nan: “Thập phương thế giới chư thiên

人民，其有至心願生彼國，凡

nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm

有三輩。

hữu tam bói.

其上輩者，捨家棄欲，而作沙門。

Kỳ thượng bói giả, xả gia khí dục, nhi tác Sa-môn;

發菩提心，一向專念，阿彌陀

Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm: A Mi Đà

佛。修諸功德，願生彼國。

Phật; Tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc.

此等眾生，臨壽終時，阿彌

Thử đẳng chúng sanh, lâm thọ chung thời, A Mi

陀佛，與諸 聖 眾，現在其前。經

Đà Phật, dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Kinh

須臾間，即隨彼佛 往 生 其 國，便

tu-du gian, tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện

於七 寶 華 中 自 然 化 生。智慧 勇

ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sanh. Trí huệ dũng

猛，神 通 自 在。

mãnh, thần thông tự tại.

是故阿難，其有 眾 生 欲於今世

Thị cố A Nan! Kỳ hữu chúng sanh dục ư kim thế

見阿彌陀佛者。應發無 上 菩提之

kiến A Mi Đà Phật giả, ưng phát Vô-thượng Bồ-đề chi

心，復 當 專 念 極 樂 國 土。積

tâm; Phục đương chuyên niệm Cực Lạc quốc độ. Tích

集善根，應持迴向。由此見佛，

tập thiện căn, ứng trì hồi hướng. Do thử kiến Phật,

生彼國中，得不退轉，乃至無

sinh bỉ quốc trung, đắc bất thoái chuyển, nãi chí Vô

上菩提。

thượng Bồ-đề.

其中輩者，雖不能行作沙門，

Kỳ trung bối giả, tuy bất năng hành tác Sa-môn,

大修功德，當發無上菩提之心，

đại tu công đức, đương phát Vô-thượng Bồ-đề chí tâm;

一向專念，阿彌陀佛。隨已修

Nhất hướng chuyên niệm: A Mi Đà Phật; Tùy kỹ tu

行，諸善功德，奉持齋戒，起立

hành, chư thiện công đức, phụng trì trai giới, khởi lập

塔 像。飯 食沙 門，懸 繒 然 燈，

tháp tượng; Phạn tự Sa-môn, huyền tăng nhiên đăng,

散 華 燒 香。以此迴 向，願 生

tán hoa thiêu hương. Dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh

彼 國。

bỉ quốc.

其 人 臨 終，阿 彌 陀 佛 化 現 其

Kỳ nhân lâm chung, A Mi Đà Phật hóa hiện kỳ

身，光 明 相 好，具 如 真 佛，與

thân, quang minh tướng hảo, cụ như chân Phật, dữ

諸 大 眾 前 後 圍 繞，現 其 人 前，

chư đại chúng tiền hậu vi nhiễu, hiện kỳ nhân tiền,

攝 受 導 引，即 隨 化 佛 往 生 其

niếp thọ đạo dẫn; Tức tùy hóa Phật vãng sanh kỳ

國。住不 退 轉，無 上 菩提。功

quốc; Trụ bất thoái chuyển, Vô-thượng Bồ-đề; Công

德 智慧，次如 上 輩 者也。

đức trí huệ, thứ như thượng bối giả dã.

其下輩者，假使不 能 作 諸 功 德，

Kỳ hạ bối giả, giả sử bất năng tác chư công đức,

當 發 無 上 菩提之心，一 向

đương phát Vô-thượng Bồ-đề chí tâm, nhất hướng

專 念，阿彌陀佛。歡 喜 信 樂，

chuyên niệm: A Mi Đà Phật. Hoan hỷ tín nhạo,

不 生 疑 惑。以 至 誠 心，願 生

bất sanh nghi hoặc. Dĩ chí thành tâm, nguyện sanh

其 國。

kỳ quốc.

此人臨終，夢見彼佛，亦得

Thử nhân lâm chung, mộng kiến bử Phật, diệc đắc

往生。功德智慧，次如中輩者

vãng sanh; Công đức trí huệ, thứ như trung bối giả

也。

dã.

若有眾生住大乘者，以清

Nhược hữu chúng sanh trụ Đại-thừa giả, dĩ thanh

淨心，向無量壽，乃至十念，

tịnh tâm, hướng Vô Lượng Thọ, nãi chí thập niệm,

願生其國。聞甚深法，即生

nguyện sanh kỳ quốc; Văn thậm thâm pháp, tức sanh

信解，乃至獲得一念淨心，發

tín giải, nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm, phát

一 念 心 ， 念 於 彼 佛 。

nhất niệm tâm, niệm ư bỉ Phật.

此 人 臨 命 終 時 ， 如 在 夢

Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng

中 ， 見 阿 彌 陀 佛 ， 定 生 彼 國 ， 得

trung, kiến A Mi Đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc

不 退 轉 ， 無 上 菩 提 。

bất thoái chuyển, Vô-thượng Bồ-đề”.

往 生 正 因 第 二 十 五

Vãng Sanh Chánh Nhân, Đệ Nhị Thập Ngũ

復 次 阿 難 ， 若 有 善 男 子 、

Phục thứ A Nan! Nhược hữu Thiện-nam-tử,

善女人，聞此經典，受持讀誦，

Thiện-nữ-nhân, văn thử kinh điển, thọ trì đọc tụng,

書寫供養。晝夜相續，求生彼剎。

thư tả cúng dường; Trú dạ tương tục, cầu sanh bỉ sát;

發菩提心。持諸禁戒，堅守不

Phát Bồ-đề tâm; Trì chư cấm giới, kiên thủ bất

犯。饒益有情，所作善根，悉施

phạm; Nhiều ích hữu tình, sở tác thiện căn, tất thí

與之，令得安樂。憶念西方阿彌

dữ chi, linh đặc an lạc; Úc niệm Tây Phương A Mi

陀佛，及彼國土。是人命終，如

Đà Phật, cập bỉ quốc độ. Thị nhân mạng chung, như

佛色相種種莊嚴，生寶剎

Phật sắc tướng chủng chủng trang nghiêm, sanh bảo sát

中。速得聞法，永不退轉。

trung; Tốc đắc văn pháp, vĩnh bất thoái chuyển.

復次阿難，若有眾生，欲生

Phục thứ A Nan! Nhược hữu chúng sanh dục sanh

彼國。雖不能大精進禪定，盡持

bỉ quốc. Tuy bất năng đại tinh tấn thiền-định, tận trì

經戒，要當作善。所謂一不殺

kinh giới, yếu đương tác thiện. Sở vị: Nhất bất sát

生，二不偷盜，三不婬欲，四不

sanh; Nhị bất thâu đạo; Tam bất dâm dục; Tứ bất

妄言，五不綺語，六不惡口，七不

vọng ngôn; Ngũ bất ỷ ngữ; Lục bất ác khẩu; Thất bất

兩舌，八不貪，九不瞋，十不痴。

lưỡng thiệt; Bát bất tham; Cửu bất sân; Thập bất si.

如是晝夜思惟，極樂世界阿彌陀

Như thị trú dạ tư duy: Cực Lạc thế giới A Mi Đà

佛，種種功德，種種莊嚴，

Phật, chủng chủng công đức, chủng chủng trang nghiêm;

志心歸依，頂禮供養。是人臨

Chí tâm quy y, đảnh lễ cúng dường. Thị nhân lâm

終，不驚不怖，心不顛倒，即得

chung, bất kinh bất bố, tâm bất điên đảo, tức đắc

往生彼佛國土。

vãng sanh bỉ Phật quốc độ.

若多事物，不能離家，不暇大修

Nhược đa sự vật, bất năng ly gia, bất hạ đại tu

齋戒，一心清淨。有空閑時，

trai giới, nhất tâm thanh tịnh. Hữu không nhàn thời,

端正身心。絕欲去憂，慈心精

đoan chánh thân tâm, tuyệt dục khử ưu, từ tâm tinh

進。不當瞋怒、嫉妒，不得貪饕

tán. Bất đương sân nộ, tật đố, bất đắc tham thiết

慳惜，不得中悔，不得狐疑。要

xan tích, bất đắc trung hối, bất đắc hồ nghi. Yếu

當孝順，至誠忠信。當信佛

đương hiếu thuận, chí thành trung tín. Đương tín Phật

經語深，當信作善得福，奉

kinh ngữ thâm, đương tín tác thiện đắc phước. Phụng

持如是等法，不得虧失。

trì như thị đẳng pháp, bất đắc khuy thất.

思惟熟計，欲得度脫。晝夜常

Tư duy thực kế, dục đắc độ thoát. Trú dạ thường

念，願 欲 往 生 阿 彌 陀 佛 清 淨

niệm, nguyện dục vãng sanh A Mi Đà Phật thanh tịnh

佛 國。十 日 十 夜，乃 至 一 日 一

Phật quốc. Thập nhật thập dạ, nãi chí nhất nhật nhất

夜，不 斷 絕 者，壽 終 皆 得 往 生

dạ, bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc vãng sanh

其 國。

kỳ quốc.

行 菩 薩 道，諸 往 生 者，皆 得

Hành Bồ-tát đạo, chư vãng sanh giả, giai đắc

阿 惟 越 致。皆 具 金 色 三 十 二 相。

A-duy-việt-trí; Giai cụ kim sắc tam thập nhị tướng;

皆 當 作 佛。欲 於 何 方 佛 國 作

Giai đương tác Phật. Dục ư hà phương Phật quốc tác

佛，從心所願。隨其精進早晚，

Phật, tùng tâm sở nguyện; Tùy kỳ tinh tấn tảo vãn,

求道不休，會當得之，不失其

cầu đạo bất hưu, hội đương đắc chi, bất thất kỳ

所願也。

sở nguyện dã.

阿難，以此義利故，無量無數不

A Nan! Dĩ thử nghĩa lợi cố, vô lượng vô số bất

可思議無有等等無邊世界，諸

khả tư nghi vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới, chư

佛如來，皆共稱讚無量壽佛

Phật Như Lai, giai cộng xưng tán Vô Lượng Thọ Phật

所有功德。

sở hữu công đức.

禮 供 聽 法 第 二 十 六

Lễ Cúng Thỉnh Pháp, Đệ Nhị Thập Lục

復 次 阿 難，十 方 世 界 諸 菩 薩

Phục thứ A Nan! Thập phương thế giới chư Bồ-tát

眾。為 欲 瞻 禮，極 樂 世 界 無 量

chúng, vị dục chiêm lễ: Cực Lạc thế giới Vô Lượng

壽 佛。各 以 香 華 幢 幡 寶 蓋，往

Thọ Phật. Các dĩ hương hoa, tràng phan bảo cái, vãng

詣 佛 所，恭 敬 供 養。聽 受 經

ngộ Phật sở, cung kính cúng dường. Thỉnh thọ kinh

法，宣 布 道 化，稱 讚 佛 土 功 德

pháp, tuyên bố đạo hóa, xưng tán Phật độ công đức

莊 嚴。

trang nghiêm.

爾時世尊即說頌曰。

Nhĩ thời Thê Tôn tức thuyết tụng viết:

東方諸佛剎

Đông phương chư Phật sát

數如恆河沙

Số như Hằng hà sa

恆沙菩薩眾

Hằng sa Bồ-tát chúng

往禮無量壽

Vãng lễ Vô Lượng Thọ

南西北四維

Nam, tây, bắc, tứ duy

上下亦復然。

Thượng, hạ diệc phục nhiên.

咸以尊重心

Hàm dĩ tôn trọng tâm

奉諸珍妙供。

Phụng chư trân diệu cúng.

暢發和雅音

Sương phát hòa nhã âm

歌嘆最勝尊

Ca tán Tối Thắng Tôn

究達神通慧

Cứu đạt thần thông huệ

遊入深法門。

Du nhập thâm Pháp môn.

聞佛聖德名

Văn Phật Thánh-đức danh

安隱得大利

An ôn đắc đại lợi

種種供養中

Chủng chủng cúng dường trung

勤修無懈倦。

Cần tu vô giải quyện.

觀彼殊勝刹

Quán bỉ thù thắng sát

微妙難思議

Vi diệu nan tư nghị

功德普莊嚴

Công đức phổ trang nghiêm

諸佛國難比。

Chư Phật quốc nan tỷ.

因 發 無 上 心

Nhân phát Vô thượng tâm

願 速 成 菩 提 。

Nguyện tốc thành Bồ-đề.

應 時 無 量 尊

Ứng thời Vô Lượng Tôn

微 笑 現 金 容

Vi tiếu hiện kim dung

光 明 從 口 出

Quang minh từng khẩu xuất

徧 照 十 方 國 。

Biên chiếu thập phương quốc.

迴 光 還 繞 佛

Hồi quang hoàn nhiễu Phật

三 匝 從 頂 入 。

Tam táp tùng đảnh nhập.

菩 薩 見 此 光

Bồ-tát kiến thử quang

即 證 不 退 位 。

Tức chứng bất thoái vị.

時 會 一 切 眾

Thời hội nhất thiết chúng

互 慶 生 歡 喜 。

Hỗ khánh sanh hoan hỷ.

佛 語 梵 雷 震

Phật ngữ phạm lôi chấn

八 音 暢 妙 聲 。

Bát âm sướng diệu thanh.

十方來正士

Thập phương lai Chánh-sĩ

吾悉知彼願

Ngô tất tri bỉ nguyện

志求嚴淨土

Chí cầu nghiêm Tịnh-độ

受記當作佛。

Thọ ký đương tác Phật.

覺了一切法

Giác liễu nhất thiết pháp

猶如夢幻響。

Do như mộng, huyền, hưởng.

滿足諸妙願

Mãn túc chư diệu nguyện

必 成 如 是 剎 。

Tất thành như thị sát.

知 土 如 影 像

Tri độ như ảnh tượng

恆 發 弘 誓 心

Hằng phát hoằng thệ tâm

究 竟 菩 薩 道

Cứu cánh Bồ-tát đạo

具 諸 功 德 本 。

Cụ chư công đức bản.

修 勝 菩 提 行

Tu thắng Bồ-đề hạnh

受 記 當 作 佛 。

Thọ ký đương tác Phật.

通 達 諸 法 性

Thông đạt chư Pháp-tánh

一 切 空 無 我 。

Nhất thiết không, vô ngã.

專 求 淨 佛 土

Chuyên cầu tịnh Phật độ

必 成 如 是 剎 。

Tất thành như thị sát.

聞 法 樂 受 行

Văn pháp nhạo thọ hành

得 至 清 淨 處

Đắc chí thanh tịnh xứ

必 於 無 量 尊

Tất ư Vô Lượng Tôn

受記成等覺。

Thọ ký thành Đẳng Giác.

無邊殊勝刹

Vô biên thù thắng sát

其佛本願力。

Kỳ Phật bản nguyện lực.

聞名欲往生

Văn danh dục vãng sanh

自致不退轉。

Tự trí bất thoái chuyển.

菩薩興至願

Bồ-tát hưng chí nguyện

願己國無異

Nguyện kỷ quốc vô dị

普 念 度 一 切

Phổ niệm độ nhất thiết

各 發 菩 提 心

Các phát Bồ-đề tâm

捨 彼 輪 迴 身

Xả bỉ luân hồi thân

俱 令 登 彼 岸 。

Câu linh đặng bỉ ngạn.

奉 事 萬 億 佛

Phụng sự vạn ức Phật

飛 化 徧 諸 剎

Phi hóa biến chư sát

恭 敬 歡 喜 去

Cung kính hoan hỷ khứ

還到安養國。

Hoàn đáo An Dưỡng quốc.

歌嘆佛德第二十七

Ca Thán Phật Đức, Đệ Nhị Thập Thất

佛語阿難，彼國菩薩，承佛威

Phật ngữ A Nan: “Bỉ quốc Bồ-tát, thừa Phật uy

神，於一食頃，復往十方無

thần, ư nhất thực khoảnh, phục vãng thập phương vô

邊淨刹，供養諸佛。華香幢

biên tịnh sát, cúng dường chư Phật. Hoa hương tràng

幡，供養之具，應念即至，皆現

phan, cúng dường chi cụ, ứng niệm tức chí, giai hiện

手中。珍妙殊特，非世所有。以

thủ trung; Trân diệu thù đặc, phi thế sở hữu. Dĩ

奉諸佛，及菩薩眾。

phụng chư Phật, cập Bồ-tát chúng.

其所散華，即於空中，合為一

Kỳ sở tán hoa, tức ư không trung, hiệp vi nhất

華。華皆向下，端圓周匝。化

hoa. Hoa giai hướng hạ, đoan viên chu táp; Hóa

成華蓋。百千光色。色色異香，

thành hoa cái; Bá thiên quang sắc; Sắc sắc dị hương,

香氣普薰。蓋之小者，滿十

hương khí phổ huân. Cái chi tiểu giả, mãn thập

由旬。如是轉倍，乃至徧覆三

do-tuần. Như thị chuyển bội, nãi chí biến phủ Tam

千大千世界。隨其前後，以次化

thiên Đại thiên thế giới. Tùy kỳ tiền hậu, dĩ thứ hóa

沒。若不更以新華重散，前所散

một. Nhược bất cánh dĩ tân hoa trùng tán, tiền sở tán

華終不復落。於虛空中共奏

hoa chung bất phục lạc. Ư hư không trung cộng tấu

天樂，以微妙音歌嘆佛德。

thiên nhạc, dĩ vi diệu âm ca tán Phật đức.

經須臾間，還其本國。都悉集會

Kinh tu-du gian, hoàn kỳ bản quốc, đô tất tập hội

七寶講堂。無量壽佛，則為

thất bảo giảng đường. Vô Lượng Thọ Phật, tắc vị

廣宣大教。演暢妙法。莫不

quảng tuyên đại giáo, diễn sướng diệu pháp. Mạc bất

歡喜。心解得道。

hoan hỷ, tâm giải đắc đạo.

即時香風吹七寶樹，出五

Tức thời hương phong xuy thất bảo thụ, xuất ngũ

音聲。無量妙華，隨風四散。自

âm thanh. Vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán. Tự

然供養，如是不絕。一切諸

nhiên cúng dường, như thị bất tuyệt. Nhất thiết chư

天，皆齎百千華香，萬種伎樂，

thiên, giai tê bá thiên hoa hương, vạn chủng kỹ nhạc,

供養彼佛，及諸菩薩聲聞之

cúng dường bỉ Phật, cập chư Bồ-tát Thanh-văn chi

眾。前後往來，熙怡快樂。

chúng. Tiền hậu vãng lai, hỷ di khoái lạc.

此皆無量壽佛本願加威。

Thử giai Vô Lượng Thọ Phật bản nguyện gia uy;

及曾供養如來，善根相續。

Cập tăng cúng dường Như Lai, thiện căn tương tục;

無缺減故。善修習故。善攝取

Vô khuyết giảm cố; Thiện tu tập cố; Thiện nhiếp thủ

故。善成就故。

cố; Thiện thành tựu cố”.

大士神光第二十八

Đại Sĩ Thần Quang, Đệ Nhị Thập Bát

佛告阿難，彼佛國中，諸菩薩

Phật cáo A Nan: “Bỉ Phật quốc trung, chư Bồ-tát

眾，悉皆洞視、徹聽，八方、

chúng, tất giai đồng thị, triệt thính, bát phương,

上下、去來、現在之事。諸天人

thượng hạ, khứ lai, hiện tại chi sự. Chư thiên nhân

民，以及蜎飛蠕動之類，心意

dân, dĩ cập quyên phi nhuyễn động chi loại, tâm ý

善惡，口所欲言，何時度脫，得道

thiện ác, khẩu sở dục ngôn, hà thời độ thoát, đắc đạo

往生，皆豫知之。又彼佛剎諸

vãng sanh, giai dự tri chi. Hựu bỉ Phật sát chư

聲聞眾，身光一尋，菩薩

Thanh-văn chúng, thân quang nhất tầm, Bồ-tát

光明，照百由旬。

quang minh, chiếu bá do-tuần.

有二菩薩，最尊第一。威神光

Hữu nhị Bồ-tát, tối tôn đệ nhất. Uy thần quang

明，普照三千大千世界。

minh, phổ chiếu Tam thiên Đại thiên thế giới”.

阿難白佛，彼二菩薩，其號云何。

A Nan bạch Phật: “Bỉ nhị Bồ-tát, kỳ hiệu vân hà?”

佛言，一名觀世音，一名

Phật ngôn: “Nhất danh Quán Thế Âm, nhất danh

大勢至。此二菩薩，於娑婆界，修

Đại Thế Chí. Thử nhị Bồ-tát, ư Ta Bà giới, tu

菩薩行，往生彼國，常在阿彌陀

Bồ-tát hạnh, vãng sanh bỉ quốc. Thường tại A Mi Đà

佛左右。欲至十方無量佛所，

Phật tả hữu. Dục chí thập phương vô lượng Phật sở,

隨心則到。現居此界，作大利樂。

tùy tâm tác đáo. Hiện cư thử giới, tác đại lợi lạc.

世間善男子、善女人，若

Thế gian Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhân, nhược

有急難恐怖，但自歸命觀世

hữu cấp nạn khủng bố, đản tự quy mạng Quán Thế

音菩薩，無不得解脫者。

Âm Bồ-tát, vô bất đắc giải thoát giả”.

願力宏深第二十九

Nguyện Lực Hoằng Thâm, Đệ Nhị Thập Cửu

復次阿難，彼佛剎中，所有現

Phục thứ A Nan! Bỉ Phật sát trung, sở hữu hiện

在、未來、一切菩薩，皆當究竟

tại, vị lai, nhất thiết Bồ-tát, giai đương cứu cánh

一生補處。

nhất sanh Bồ-xú.

唯除大願，入生死界，為度群

Duy trừ đại nguyện, nhập sanh tử giới, vị độ quần

生，作師子吼。擐大甲冑，以宏

sanh, tác sư tử hống. Hoàn đại giáp trụ, dĩ hoàng

誓功德而自莊嚴。雖生五濁

thê công đức nhi tự trang nghiêm. Tuy sanh Ngũ trược

惡世，示現同彼，直至成佛，不

Ác thế, thị hiện đồng bỉ, trược chí thành Phật, bất

受惡趣。生生之處，常識宿命。

thọ ác thú. Sanh sanh chi xứ, thường thức túc mạng.

無 量 壽 佛 意 欲 度 脫 十 方 世

Vô Lượng Thọ Phật ý dục độ thoát thập phương thế

界 諸 眾 生 類，皆 使 往 生 其 國。

giới chư chúng sanh loại, giai sử vãng sanh kỳ quốc;

悉 令 得 泥 洹 道。作 菩 薩 者，令 悉 作

Tất linh đắc Nê Hoàn đạo. Tác Bồ-tát giả, linh tất tác

佛。既 作 佛 已，轉 相 教 授。轉

Phật. Kỳ tác Phật dĩ, chuyển tương giáo thọ, chuyển

相 度 脫。如 是 輾 轉，不 可 復 計。

tương độ thoát. Như thị triển chuyển, bất khả phục kê.

十 方 世 界，聲 聞 菩 薩，諸

Thập phương thế giới, Thanh-văn Bồ-tát, chư

眾 生 類，生 彼 佛 國，得 泥 洹 道。

chúng sanh loại, sanh bỉ Phật quốc, đắc Nê Hoàn đạo;

當作佛者，不可勝數。彼佛國

Đương tác Phật giả, bất khả thắng số. Bỉ Phật quốc

中，常如一法，不為增多。所以

trung, thường như nhất pháp, bất vi tăng đa. Sở dĩ

者何。猶如大海，為水中王。諸

giả hà? Do như đại hải, vi thủy trung vương. Chư

水流行，都入海中。是大海水，

thủy lưu hành, đô nhập hải trung. Thị đại hải thủy,

寧為增減。

ninh vi tăng giảm.

八方上下，佛國無數。阿彌

Bát phương thượng hạ, Phật quốc vô số. A Mi

陀國，長久廣大，明好快樂，

Đà quốc, trường cửu quảng đại, minh hảo khoái lạc,

最為獨 勝。本 其為菩薩 時，求道所

tối vi độc thắng. Bản kỳ vi Bồ-tát thời, cầu đạo sở

願，累德所致。無 量 壽 佛，恩德

nguyện, lũy đức sở trí. Vô Lượng Thọ Phật, ân đức

布施，八 方 上 下，無窮無極，

bố thí, bát phương thượng hạ, vô cùng vô cực,

深大無 量，不可 勝 言。

thâm đại vô lượng, bất khả thắng ngôn.

菩 薩 修 持 第 三 十

Bồ Tát Tu Trì, Đệ Tam Thập

復 次阿難，彼佛剎 中，一 切

Phục thứ A Nan! Bỉ Phật sát trung, nhất thiết

菩薩，禪 定 智慧，神 通 威德，無不

Bồ-tát, thiền định trí huệ, thần thông uy đức, vô bất

圓 滿。諸 佛 密 藏，究 竟 明 了。

viên mãn. Chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu.

調 伏 諸 根，身 心 柔 軟。深 入

Điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyễn. Thâm nhập

正 慧，無 復 餘 習。依 佛 所 行，

chánh huệ, vô phục dư tập. Y Phật sở hành,

七 覺 聖 道。修 行 五 眼，照 真

Thất-giác Thánh-đạo. Tu hành Ngũ nhãn, chiếu Chân

達 俗。肉 眼 簡 擇，天 眼 通 達，

đạt tục. Nhục-nhãn giản trạch, Thiên-nhãn thông đạt,

法 眼 清 淨，慧 眼 見 真，佛 眼

Pháp-nhãn thanh tịnh, Huệ-nhãn kiến chân, Phật-nhãn

具足，覺了法性。

cụ túc, giác liễu Pháp-tánh.

辯才總持，自在無礙。善解世

Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại. Thiện giải thế

間無邊方便。所言誠諦，深

gian vô biên phương tiện. Sở ngôn thành đế, thâm

入義味。度諸有情，演說正

nhập nghĩa vị. Độ chư hữu tình, diễn thuyết chánh

法。無相無為，無縛無脫。無諸

pháp: vô tướng vô vi, vô phược vô thoát, vô chư

分別，遠離顛倒。

phân biệt, viễn ly điên đảo.

於所受用，皆無攝取。徧遊佛

U sở thọ dụng, giai vô nhiếp thủ. Biền du Phật

剎，無愛無厭。亦無希求不希求

sát, vô ái vô yếm. Diệc vô hy cầu bất hy cầu

想，亦無彼我違怨之想。

tưởng, diệc vô bỉ ngã vi oán chi tưởng.

何以故？彼諸菩薩，於一切眾

Hà dĩ cố? Bỉ chư Bồ-tát, ư nhất thiết chúng

生，有大慈悲利益心故。捨離一切

sinh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố. Xả ly nhất thiết

執著，成就無量功德。以無礙

chấp trước, thành tựu vô lượng công đức. Dĩ vô ngại

慧，解法如如。善知集滅音聲

huệ, giải pháp như như. Thiện tri Tập Diệt âm thanh

方便。不欣世語，樂在正論。

phương tiện. Bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận.

知一切法，悉皆空寂。生身

Tri nhất thiết pháp, tất giai không tịch. Sinh thân

煩惱，二餘俱盡。於三界中，平

phiền não, nhị dư câu tận. Ư tam giới trung, bình

等勤修，究竟一乘，至於彼岸。

đẳng cần tu, cứu cánh Nhất-thừa, chí ư bỉ ngạn.

決斷疑網，證無所得。以

Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc. Dĩ

方便智，增長了知。從本以

Phương-tiện-trí, tăng trưởng liễu tri. Tòng bản dĩ

來，安住神通。得一乘道，不由

lai, an trụ thần thông, đắc Nhất-thừa đạo, bất do

他悟。

tha ngộ.

真 實 功 德 第 三 十 一

Chân Thật Công Đức, Đệ Tam Thập Nhất

其智宏深，譬如巨海；菩提高

Kỳ trí hoǎng thâm, thí như cự hải; Bồ-đề cao

廣，喻若須彌；自身威光，超於

quǎng, dụ nhưc Tu Di; Tự thân uy quang, siêu ư

日 月；其心潔白，猶如雪山；

nhật nguyệt; Kỳ tâm khiết bạch, do như Tuyết sơn;

忍辱如地，一切平等；清

Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng; Thanh

淨如水，洗諸塵垢；熾盛如火，

tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu; Sí thịnh như hỏa,

燒煩惱薪；不著如風，無諸

thiêu phiền não tân; Bất trước như phong, vô chư

障 礙；

chương ngại;

法 音 雷 震，覺 未 覺 故；雨 甘 露

Pháp âm lôi chấn, giác vị giác cố; Vụ cam lồ

法，潤 眾 生 故；曠 若 虛 空，

pháp, nhuận chúng sanh cố; Khoáng nhược hư không,

大 慈 等 故；如 淨 蓮 華，離 染 污 故；

đại từ đẳng cố; Như tịnh liên hoa, ly nhiễm ô cố;

如 尼 拘 樹，覆 蔭 大 故；如 金 剛

Như Ni Câu thụ, phú âm đại cố; Như Kim Cang

杵，破 邪 執 故；如 鐵 圍 山，眾 魔

xử, phá tà chấp cố; Như Thiết Vi sơn, chúng ma

外 道 不 能 動 故；

ngoại đạo bất năng động cố.

其心正直，善巧決定；論

Kỳ tâm chánh trực, thiện xảo quyết định; Luận

法無厭，求法不倦；戒若琉

pháp vô yếm, cầu pháp bất quyện; Giới nhược lưu

璃，內外明潔；其所言說，令

ly, nội ngoại minh khiết; Kỳ sở ngôn thuyết, linh

眾悅服。擊法鼓，建法幢，

chúng duyệt phục; Kích pháp cổ, kiến pháp tràng,

曜慧日，破痴闇，淳淨溫和，寂

diệu huệ nhật, phá si ám. Thuận tịnh ôn hòa, tịch

定明察。為大導師，調伏自他。

định minh sát. Vi đại đạo sư, điều phục tự tha.

引導羣生，捨諸愛著。永離三

Dẫn đạo quần sanh, xả chư ái trước. Vĩnh ly tam

垢，遊戲神通。因緣願力，出

câu, du hí thần thông. Nhân duyên nguyện lực, xuất

生善根。摧伏一切魔軍，尊重

sinh thiện căn. Tồi phục nhất thiết ma quân, tôn trọng

奉事諸佛。為世明燈，最勝福

phụng sự chư Phật. Vi thế minh đăng, tối thắng phước

田，殊勝吉祥，堪受供養。

điền, thù thắng kiết tường, kham thọ cúng dường.

赫奕歡喜，雄猛無畏。身色

Hách diệc hoan hỷ, hùng mãnh vô úy. Thân sắc

相好，功德辯才，具足莊嚴，

tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm,

無與等者。

vô dũ đẳng giả.

常為諸佛所共稱讚，究竟

Thường vi chư Phật sở cộng xưng tán, cứu cánh

菩薩諸波羅密，而常安住不生不

Bồ-tát chư Ba-la-mật, nhi thường an trụ bất sanh bất

滅諸三摩地。行徧道場，遠二

diệt chư tam-ma-địa. Hạnh biền Đạo tràng, viễn nhị

乘境。

thừa cảnh.

阿難，我今略說彼極樂界，所

A Nan! Ngã kim lược thuyết bỉ Cực Lạc giới, sở

生菩薩，真實功德，悉皆如是。

sanh Bồ-tát, chân thật công đức, tất giai như thị.

若廣說者，百千萬劫不能

Nhược quảng thuyết giả, bá thiên vạn kiếp bất năng

窮盡。

cùng tận.

壽樂無極 第三十二

Thọ Lạc Vô Cực, Đệ Tam Thập Nhị

佛告彌勒菩薩，諸天人等：

Phật cáo Di Lạc Bồ-tát, chư thiên nhân đẳng:

無量壽國，聲聞菩薩，功德智

“Vô Lượng Thọ quốc, Thanh-văn Bồ-tát, công đức trí

慧，不可稱說。又其國土微妙安

huệ, bất khả xưng thuyết. Hựu kỳ quốc độ vi diệu an

樂，清淨若此。何不力為善，念

lạc, thanh tịnh nhược thử. Hà bất lực vi thiện, niệm

道之自然。

đạo chi tự nhiên.

出入供養，觀經行道。喜

Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo. Hỷ

樂久習，才猛智慧。心中迴，意

lạc cửu tập, tài mãnh trí huệ. Tâm bất trung hồi, ý

無懈時。外若遲緩，內獨駛急。

vô giải thời. Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp.

容容虛空，適得其中。中表

Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung. Trung biểu

相應，自然嚴整。

tương ứng, tự nhiên nghiêm chỉnh.

檢斂端直，身心潔淨。無有

Kiểm liễm đoan trực, thân tâm khiết tịnh. Vô hữu

愛貪，志願安定。無增缺減，

ái tham, chí nguyện an định. Vô tăng khuyết giảm,

求道和正。不誤傾邪，隨經約

cầu đạo hòa chánh. Bất ngộ khuynh tà, tùy kinh ước

令。不敢蹉跌，若於繩墨。咸為

lệnh. Bất cảm sa trật, nhược ư thẳng mực. Hàm vi

道慕。

đạo mộ.

曠無他念。無有憂思，自然無

Khoáng vô tha niệm. Vô hữu ưu tư. Tự nhiên vô

為。虛空無立，淡安無欲。作得

vi, hư không vô lập. Đạm an vô dục, tác đắc

善願，盡心求索。含哀慈愍，禮

thiện nguyện, tận tâm cầu sách. Hàm ai từ mẫn, lễ

義都合。芭羅表裏，過度解脫。

nghĩa đô hiệp. Bao la biểu lý, quá độ giải thoát.

自然保守，真真潔白。志

Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch. Chí

願無上，淨定安樂。一旦開達

nguyện Vô thượng, tịnh định an lạc. Nhất đán khai đạt

明徹，自然中自然相，自然

minh triệt, tự nhiên trung tự nhiên tướng, tự nhiên

之有根本，自然光色參迴，

chi hữu căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi,

轉變最勝。

chuyển biến tối thắng.

鬱單成七寶，橫攬成萬

Uất Đơn thành thất bảo, hoành lãm thành vạn

物。光 精 明 俱 出，善 好 殊 無 比。

vật. Quang tinh minh câu xuất, thiện hảo thù vô tỷ.

著 於 無 上 下，洞 達 無 邊 際。

Trú ư vô thượng hạ, đồng đạt vô biên tế.

宜 各 勤 精 進，努 力 自 求 之。必 得

Nghi các cần tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi. Tất đắc

超 絕 去，往 生 無 量 清 淨 阿 彌 陀

siêu tuyệt khứ, vãng sanh vô lượng thanh tịnh A Mi Đà

佛 國。橫 截 於 五 趣，惡 道 自 閉 塞。

Phật quốc. Hoàn tiệt ư ngũ thú, ác đạo tự bế tắc.

無 極 之 勝 道，易 往 而 無 人。其 國

Vô cực chi thắng đạo, dị vãng nhi vô nhân. Kỳ quốc

不 逆 違，自 然 所 牽 隨。

bất nghịch vi, tự nhiên sở khiên tùy.

捐 志 若 虛 空，勤 行 求 道

Quyên chí nhược hư không, cần hành cầu đạo

德。可得極 長 生，壽樂無有極。

đức, khả đắc cực trường sanh, thọ lạc vô hữu cực.

何為著 世事，撓撓憂無 常。

Hà vi trước thế sự, nao nao ưu vô thường?”

勸 諭 策 進 第 三 十 三

Khuyến Dụ Sách Tấn, Đệ Tam Thập Tam

世 人 共 爭 不 急 之 務，於 此 劇

Thế nhân cộng tranh bất cấp chi vụ, ư thử kịch

惡 極 苦 之 中，勤 身 營 務，以 自 給

ác cực khổ chi trung, cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp

濟。尊卑，貧富，少長，男女，累

té. Tôn ty, bần phú, thiếu trưởng, nam nữ, lũy

念積慮，為心走使。

niệm tích lự, vi tâm tẩu sử.

無田憂田，無宅憂宅，眷屬

Vô điền ưu điền, vô trạch ưu trạch, quyến thuộc

財物，有無同憂。有一少一，思欲

tài vật, hữu vô đồng ưu. Hữu nhất thiếu nhất, tư dục

齊等，適小具有，又憂非常。水

tê đẳng, thích tiểu cụ hữu, hựu ưu phi thường, thủy

火盜賊，怨家債主，焚漂劫奪，

hỏa đạo tặc, oán gia trách chủ, phân phiêu kiếp đoạt,

消散磨滅。

tiêu tán ma diệt.

心慳意固，無能縱捨。命終

Tâm xan ý cố, vô năng túng xả. Mạng chung

棄捐，莫誰隨者。貧富同然，憂

khí quyên, mạc thùỳ tùy giả, bần phú đồng nhiên, ưu

苦萬端。

khổ vạn đoan.

世間人民，父子兄弟夫婦親

Thế gian nhân dân, phụ tử huynh đệ phu phụ thân

屬，當相敬愛，無相憎嫉。有

thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật. Hữu

無相通，無得貪惜。言色常

vô tương thông, vô đắc tham tích. Ngôn sắc thường

和，莫相違戾。或時心諍，有所

hòa, mạc tương vi lệ. Hoặc thời tâm tránh, hữu sở

恚怒。後世轉劇，至成大怨。

khuể nộ. Hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán.

世間之事，更相患害，雖不臨

Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại, tuy bất lâm

時，應急想破。

thời, ưng cấp tưởng phá.

人在愛欲之中，獨生獨死，獨

Nhân tại ái dục chi trung, độc sanh độc tử, độc

去獨來，苦樂自當，無有代者。善

khứ độc lai, khổ lạc tự đương, vô hữu đại giả. Thiện

惡變化，追逐所生，道路不同，會

ác biến hóa, truy trục sở sanh, đạo lộ bất đồng, hội

見無期。何不於強健時，努力修

kiến vô kỳ. Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu

善，欲何待乎？

thiện, dục hà đãi hồ?

世人善惡自不能見，吉凶禍

Thế nhân thiện ác tự bất năng kiến, kiết hung họa

福，競各作之。身愚神闇，轉

phước, cạnh các tác chi. Thân ngu thần ám, chuyển

受餘教。顛倒相續，無常根本。

thọ dư giáo. Diên đảo tương tục, vô thường căn bản.

蒙冥抵突，不信經法。心無遠

Mông minh đễ đột, bất tín kinh pháp. Tâm vô viễn

慮，各欲快意。迷於瞋恚，貪於財

lự, các dục khoái ý. Mê ư sân khuể, tham ư tài

色。終不休止，哀哉可傷！

sắc. Chung bất hưu chỉ, ai tai khả thương!

先人不善，不識道德，無有

Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu

語者，殊無怪也。死生之趣，善惡

ngữ giả, thù vô quái dã. Tử sanh chi thú, thiện ác

之道，都不之信，謂無有是。更相

chi đạo, đô bất chi tín, vị vô hữu thị. Cánh tương

瞻視，且自見之。或父哭子，或

chiêm thị, thả tự kiến chi. Hoặc phụ khóc tử, hoặc

子哭父，兄弟夫婦，更相哭

tử khóc phụ, huynh đệ phu phụ, cánh tương khóc

泣。一死一生，迭相顧戀。

kháp. Nhất tử nhất sanh, điệt tương cô luyến.

憂愛結縛，無有解時。思想恩

Ưu ái kết phục, vô hữu giải thời. Tư tưởng ân

好，不離情欲。不能深思熟計，

hảo, bất ly tình dục. Bất năng thâm tư thực kế,

專精行道。年壽旋盡，無可奈

chuyên tinh hành đạo. Niên thọ toàn tận, vô khả nại

何。惑道者眾，悟道者少。各懷

hà? Hoặc đạo giả chúng, ngộ đạo giả thiểu. Các hoài

殺毒，惡氣冥冥。為妄興事，違

sát độc, ác khí minh minh. Vi vọng hưng sự, vi

逆天地。恣意罪極，頓奪其壽。

ngịch thiên địa. Túc ý tội cực, đôn đoạt kỳ thọ.

下入惡道，無有出期。

Hạ nhập ác đạo, vô hữu xuất kỳ.

若曹當熟思計，遠離眾惡。

Nhược tào đương thực tư kế, viễn ly chúng ác.

擇其善者，勤而行之。愛欲榮

Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi. Ái dục vinh

華，不可常保，皆當別離，無

hoa, bất khả thường bảo, giai đương biệt ly, vô

可樂者。當勤精進，生安樂國。

khả lạc giả. Đương cần tinh tấn, sanh An Lạc quốc.

智慧明達，功德殊勝。勿得隨

Trí huệ minh đạt, công đức thù thắng. Vật đắc tùy

心所欲，虧負經戒，在人後也。

tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã.

心得開明 第三十四

Tâm Đắc Khai Minh, Đệ Tam Thập Tứ

彌勒白言：佛語教戒，甚深

Di Lạc bạch ngôn: “Phật ngữ giáo giới, thậm thâm

甚善。皆蒙慈恩，解脫憂苦。佛

thậm thiện. Giai môn từ ân, giải thoát ưu khổ. Phật

為法王，尊超羣聖，光明徹

vi pháp vương, tôn siêu quần Thánh, quang minh triệt

照，洞達無極，普為一切天人

chiếu, đồng đạt vô cực, phổ vi nhất thiết thiên nhân

之師。今得值佛，復聞無量壽

chi sư. Kim đắc trị Phật, phục văn Vô Lượng Thọ

聲，靡不歡喜，心得開明。

thanh, my bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh”.

佛告彌勒，敬於佛者，是為大善。

Phật cáo Di Lạc: “Kính ư Phật giả, thị vi đại thiện.

實 當 念 佛，截 斷 狐 疑。拔 諸

Thật đương niệm Phật, tiết đoạn hồ nghi. Bạt chư

ái dục, trừ 眾 惡 源。遊步三 界，無所

ái dục, trừ chúng ác nguyên. Du bộ tam giới, vô sở

罣碍。開 示 正 道，度 未 度 者。

quái ngại. Khai thị chánh đạo, độ vị độ giả.

若 曹 當 知 十 方 人 民，永

Nhược tào đương tri thập phương nhân dân, vĩnh

劫 以 來，輾 轉 五 道，憂 苦 不 絕。

kiếp dĩ lai, triển chuyển ngũ đạo, ưu khổ bất tuyệt.

生 時 苦 痛，老 亦 苦 痛，病 極

Sanh thời khổ thống, lão diệc khổ thống, bệnh cực

苦 痛，死 極 苦 痛。惡 臭 不 淨，無

khổ thống, tử cực khổ thống. Ác xú bất tịnh, vô

可樂者。

khả lạc giả?

宜自決斷，洗除心垢。言行

Nghi tự quyết đoạn, tẩy trừ tâm cấu. Ngôn hành

忠信，表裏相應。人能自度，

trung tín, biểu lý tương ứng. Nhân năng tự độ,

轉相拯濟。至心求願，積累

chuyển tương chấn tế. Chí tâm cầu nguyện, tích lũy

善本。雖一世精進勤苦，須臾間

thiện bản. Tuy nhất thế tinh tấn cần khổ, tu-du gian

耳。後生無量壽國，快樂無

nhĩ. Hậu sanh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô

極。永拔生死之本，無復苦惱之

cực, vĩnh bạt sanh tử chi bản, vô phục khổ não chi

患。壽千萬劫，自在隨意。

hoạn. Thọ thiên vạn kiếp, tự tại tùy ý.

宜各精進，求心所願。無得疑

Nghi các tinh tấn, cầu tâm sở nguyện. Vô đắc nghi

悔，自為過咎，生彼邊地七寶城

hối, tự vi quá cữu, sanh bỉ biên địa thất bảo thành

中，於五百歲受諸厄也。

trung, ư ngũ bách tuế thọ chư ách dã”.

彌勒白言：受佛明誨，專精

Di Lạc bạch ngôn: “Thọ Phật minh hối, chuyên tinh

修學。如教奉行，不敢有疑。

tu học. Như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi”.

濁世惡苦第三十五

Trược Thế Ác Khổ, Đệ Tam Thập Ngũ

佛告彌勒：汝等能於此世，端

Phật cáo Di Lạc: Nhữ đẳng năng ư thử thế, đoan

心正意，不為眾惡，甚為大德。所

tâm chánh ý, bất vi chúng ác, thậm vi đại đức. Sở

以者何？十方世界，善多惡少，

dĩ giả hà? Thập phương thế giới, thiện đa ác thiểu,

易可開化。唯此五惡世間，最為劇

dị khả khai hóa. Duy thử ngũ ác thế gian, tối vi kịch

苦。我今於此作佛，教化羣生，

khô. Ngã kim ư thử tác Phật, giáo hóa quần sanh,

令捨五惡，去五痛，離五燒，降化

linh xả ngũ ác, khử ngũ thông, ly ngũ thiêu, hàng hóa

其意，令持五善，獲其福德。

kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức.

何等為五？

Hà đẳng vi ngũ?

其一者，世間諸眾生類，欲

Kỳ nhất giả, thế gian chư chúng sanh loại, dục

為眾惡。強者伏弱，轉相尅

vi chúng ác. Cường giả phục nhược, chuyển tương khắc

賊，殘害殺傷，迭相吞噉，不知

tặc, tàn hại sát thương, diệt tương thôn đạm, bất tri

為善，後受殃罰。故有窮乞，孤

vi thiện, hậu thọ ương phạt. Cố hữu cùng khát, cô

獨，聾盲，瘖瘂，痴惡，尅狂，皆

độc, lung manh, ám á, si ác, uông cuồng; Giai

因前世不信道德，不肯為善。

nhân tiền thế bất tín đạo đức, bất khǎng vi thiện.

其有尊貴，豪富，賢明，長

Kỳ hữu tôn quý, hào phú, hiền minh, Trưởng

者，智勇，才達，皆由宿世慈孝，修

giả, trí dũng, tài đạt, giai do túc thế từ hiếu, tu

善積德所致。

thiện tích đức sở trí.

世間有此目前現事，壽終之

Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự, thọ chung chi

後，入其幽冥。轉生受身，改形

hậu, nhập kỳ u minh. Chuyển sanh thọ thân, cải hình

易道。故有泥犁，禽獸，蜎飛蠕

dịch đạo. Cố hữu Nê-lê, cầm thú, quyen phi nhuyển

動之屬。譬如世法牢獄，劇苦

động chi thuộc. Thí như thế pháp lao ngục, kịch khổ

極刑，魂神命精，隨罪趣向。所

cực hình, hồn thần mạng tinh, tùy tội thú hướng. Sở

受壽命，或長或短，相從共

thọ thọ mạng, hoặc trường hoặc đoản, tương tùng cộng

生，更相報償。殃惡未盡，終

sinh, cánh tương báo thường. Ương ác vị tận, chung

不得離。輾轉其中，累劫難出。

bất đắc ly. Triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất.

難得解脫，痛不可言。

Nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn.

天地之間，自然有是。雖不即

Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị. Tuy bất tức

時暴應，善惡會當歸之。

thời bạo ứng, thiện ác hội đương quy chi.

其二者，世間人民不順法

Kỳ nhị giả, thế gian nhân dân bất thuận pháp

度。奢婬驕縱，任心自恣。居上

độ. Xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ. Cư thượng

不明，在位不正。陷人冤枉，損

bất minh, tại vị bất chánh. Hãm nhân oan uổng, tổn

害忠良。心口各異，機偽多端。

hại trung lương. Tâm khẩu các dị, cơ ngụy đa đoan.

尊卑中外，更相欺誑。瞋恚

Tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuồng. Sân khuyển

愚痴，欲自厚己，欲貪多有。利

ngu si, dục tự hậu kỷ, dục tham đa hữu. Lợi

害勝負，結忿成讐。破家亡

hại thắng phụ, kết phẫn thành thù. Phá gia vong

身，不顧前後。

thân, bất cố tiền hậu.

富有慳惜，不肯施與。愛保

Phú hữu xan tích, bất khǎng thí dũ. Ái bảo

貪重，心勞身苦。如是至竟，無

tham trọng, tâm lao thân khổ. Như thị chí cánh, vô

一隨者。善惡禍福，追命所生。

nhất tùy giả. Thiện ác họa phúc, truy mạng sở sanh.

或在樂處，或入苦毒。又或見

Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc. Hựu hoặc kiến

善憎謗，不思慕及。常懷盜心，

thiện tăng báng, bất tư mộ cập. Thường hoài đạo tâm,

悽望他利。用自供給，消散復取。

hy vọng tha lợi. Dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ.

神明尅識，終入惡道。自有

Thần minh khắc chí, chung nhập ác đạo. Tự hữu

三途無量苦惱，輾轉其中，累

tam đồ vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lũy

劫難出，痛不可言。

kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn.

其三者，世間人民相因寄

Kỳ tam giả, thế gian nhân dân tương nhân ký

生，壽命幾何。不良之人，身心

sinh, thọ mạng kỷ hà? Bất lương chi nhân, thân tâm

不正。常懷邪惡，常念姪姪。

bất chánh. Thường hoài tà ác, thường niệm thâm dật.

煩滿胸中，邪態外逸。費損家

Phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật. Phí tổn gia

財，事為非法。所當求者，而不

tài, sự vi phi pháp. Sở đương cầu giả, nhi bất

肯為。

khả vi.

又或交結聚會，興兵相伐。

Hựu hoặc giao kết tụ hội, hưng binh tương phạt.

攻劫殺戮，強奪迫脅。歸給妻

Công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bách hiếp. Quy cấp thê

子，極身作樂。眾共憎厭，患

tử, cực thân tác lạc. Chúng cộng tăng yếm, hoạn

而苦之。

nhi khổ chi.

如是之惡，著於人鬼。神明記

Như thị chi ác, trú ư nhân quỷ. Thần minh ký

識，自入三途。無量苦惱，輾

chí, tự nhập tam đồ. Vô lượng khổ não, triển

轉其中。累劫難出，痛不可言。

chuyển kỳ trung. Lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn.

其四者，世間人民不念修善，

Kỳ tứ giả, thế gian nhân dân bất niệm tu thiện.

兩舌，惡口，妄言，綺語。憎嫉

Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Tăng tật

善人，敗壞賢明。不孝父母，

thiện nhân, bại hoại hiền minh. Bất hiếu phụ mẫu,

輕慢師長。朋友無信，難得

khinh mạn sư trưởng. Bằng hữu vô tín, nan đắc

誠實。

thành thật.

尊貴自大，謂己有道。橫行威

Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo. Hoành hành uy

勢，侵易於人。欲人畏敬，不自慚

thế, xâm dịch ư nhân. Dục nhân úy kính, bất tự tàm

懼。難可降化，常懷驕慢。

cụ. Nan khả hàng hóa, thường hoài kiêu mạn.

賴其前世，福德營護。今世為

Lại kỳ tiền thế, phước đức doanh hộ. Kim thế vi

惡，福德盡滅。壽命終盡，諸

ác, phước đức tận diệt. Thọ mạng chung tận, chư

惡繞歸。

ác nhiều quy.

又其名籍，記在神明。殃咎

Hựu kỳ danh tịch, ký tại thần minh. Ương cữu

牽引，無從捨離。但得前行，入

khien dẫn, vô tòng xả ly. Dẫn dắt tiền hành, nhập

于火鑊。身心摧碎，神形苦極。

ư hỏa hoạch. Thân tâm tòi toái, thần hình khổ cực.

當斯之時，悔復何及。

Đương tư chi thời, hối phục hà cập.

其五者，世間人民徙倚懈怠。不

Kỳ ngũ giả, thế gian nhân dân tử ỷ giải đãi. Bất

肯作善，治身修業。父母教誨，

khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Phụ mẫu giáo hối,

違戾反逆。譬如怨家，不如無子。

vi lệ phản nghịch. Thí như oán gia, bất như vô tử.

負恩違義，無有報償。

Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường.

放恣遊散，耽酒嗜美。魯扈抵

Phóng tứ du tán, đān tửu thị mỹ. Lỗ hữ đễ

突，不識人情。無義無禮，不可

đột, bất thức nhân tình. Vô nghĩa vô lễ, bất khả

諫曉。六親眷屬，資用有無，

gián hiểu. Lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô,

不能憂念。不惟父母之恩，不存

bất năng ưu niệm. Bất duy phụ mẫu chi ân, bất tồn

師友之義。

sư hữu chi nghĩa.

意念身口，曾無一善。不信諸

Ý niệm thân khẩu, tăng vô nhất thiện. Bất tín chư

佛經法，不信生死善惡。欲害真

Phật kinh pháp, bất tín sanh tử thiện ác. Dục hại chân

人，鬪亂僧眾。愚痴蒙昧，自為

nhân, đẩu loạn tăng chúng. Ngu si mông muội, tự vi

智慧。不知生所從來，死所趣向。

trí huệ. Bất tri sanh sở tùng lai, tử sở thú hướng.

不仁不順，希望長生。

Bất nhân bất thuận, hy vọng trường sanh.

慈心教誨，而不肯信。苦口與

Từ tâm giáo hối, nhi bất khảng tín. Khổ khẩu dĩ

語，無益其人。心中閉塞，意不開

ngữ, vô ích kỳ nhân. Tâm trung bế tắc, ý bất khai

解。大命將終，悔懼交至。不豫

giải. Đại mạng tương chung, hối cụ giao chí. Bất dự

修善，臨時乃悔。悔之於後，將何

tu thiện, lâm thời nãi hối. Hối chi ư hậu, tương hà

及乎！

cập hô!

天 地 之 間 ， 五 道 分 明 。 善 惡

Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh. Thiện ác

報 應 ， 禍 福 相 承 。 身 自 當 之 ，

báo ứng, họa phúc tương thừa. Thân tự đương chi,

無 誰 代 者 。 善 人 行 善 ， 從 樂 入

vô thù đại giả. Thiện nhân hành thiện, tùng lạc nhập

樂 ， 從 明 入 明 。 惡 人 行 惡 ， 從

lạc, tùng minh nhập minh. Ác nhân hành ác, tùng

苦 入 苦 ， 從 冥 入 冥 。 誰 能 知

khổ nhập khổ, tùng minh nhập minh. Thù năng tri

者 ， 獨 佛 知 耳 。

giả, độc Phật tri nhĩ.

教語開示，信行者少。生死不

Giáo ngữ khai thị, tín hành giả thiểu. Sanh tử bất

休，惡道不絕。如是世人，難可具

hưu, ác đạo bất tuyệt. Như thị thế nhân, nan khả cụ

盡。故有自然三途，無量苦惱，

tận. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não,

輾轉其中。世世累劫，無有出

triển chuyển kỳ trung. Thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất

期。難得解脫，痛不可言。

kỳ. Nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn.

如是五惡，五痛，五燒，譬如大

Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, thí như đại

火，焚燒人身。若能自於其中

hỏa, phân thiêu nhân thân. Nhược năng tự ư kỳ trung

一心制意，端身正念，言行

nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh

相副，所作至誠，獨作諸善，不

tương phó, sở tác chí thành, độc tác chư thiện, bất

為眾惡。身獨度脫，獲其福

vi chúng ác. Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước

德，可得長壽泥洹之道。是為

đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Thị vi

五大善也。

ngũ đại thiện dã.

重重誨勉第三十六

Trùng Trùng Hối Miễn, Đệ Tam Thập Lục

佛告彌勒：吾語汝等，如是五

Phật cáo Di Lặc: “Ngô ngữ nhữ đẳng, như thị ngũ

惡，五痛，五燒，輾轉相生。

ác, ngũ thống, ngũ thiêu, triển chuyển tương sanh.

敢有犯此，當歷惡趣。

Cảm hữu phạm thử, đương lịch ác thú.

或其今世，先被病殃，死生不

Hoặc kỳ kim thế, tiên bị bệnh ương, tử sanh bất

得，示眾見之。或於壽終，入

đắc, thị chúng kiến chi. Hoặc ư thọ chung, nhập

三惡道。愁痛酷毒，自相焦然。

tam ác đạo. Sầu thống khốc độc, tự tương tiêu nhiên.

共其怨家，更相殺傷。從小

Cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương. Tòng tiểu

微起，成大困劇。皆由貪著財

vi khởi, thành đại khốn kịch. Giai do tham trước tài

色，不肯施惠。各欲自快，無復

sắc, bất khǎng thí huệ. Các dục tự khoái, vô phục

曲直。痴欲所迫，厚己爭利。富貴

khúc trực. Si dục sở bách, hậu kỷ tranh lợi. Phú quý

榮華，當時快意。不能忍辱，

vinh hoa, đương thời khoái ý. Bất năng nhẫn nhục,

不務修善。威勢無幾，隨以磨滅。

bất vụ tu thiện. Uy thế vô kỷ, tùy dĩ ma diệt.

天道施張，自然糺舉，榮

Thiên đạo thi trương, tự nhiên củ cử, quỳnh

榮 忪 忪，當入其中。古今

quỳnh chung chung, đương nhập kỳ trung. Cổ kim

有是，痛哉可傷！

hữu thị, thống tai khả thương!

汝等得佛經語，熟思惟之。

Nhữ đẳng đắc Phật kinh ngữ, thực tư duy chi.

各自端守，終身不怠。尊聖敬

Các tự đoan thủ, chung thân bất đãi. Tôn Thánh kính

善，仁慈博愛。當求度世，拔斷

thiện, nhân từ bác ái. Đương cầu độ thế, bạt đoạn

生死眾惡之本。當離三塗，憂怖

sinh tử chúng ác chi bản. Đương ly tam đồ, ưu bố

苦痛之道。

khổ thống chi đạo.

若曹作善，云何第一？當自

Nhược tào tác thiện, vân hà đệ nhất? Đương tự

端 心，當 自 端 身。耳 目 口 鼻，皆

đoan tâm, đương tự doan thân. Nhĩ mục khẩu ty, giai

當 自 端。身 心 淨 潔，與 善 相

đương tự doan. Thân tâm tịnh khiết, dĩ thiện tương

應。勿 隨 嗜 欲，不 犯 諸 惡。言 色

ưng. Vật tùy thị dục, bất phạm chư ác. Ngôn sắc

當 和，身 行 當 專。動 作 瞻

đương hòa, thân hạnh đương chuyên. Động tác chiêm

視，安 定 徐 為。

thị, an định từ vi.

作 事 倉 卒，敗 悔 在 後。為 之 不

Tác sự thảng thốt, bại hối tại hậu. Vi chi bất

諦，亡 其 功 夫。

đế, vong kỳ công phu.

如貧得寶第三十七

Như Bần Đắc Bảo, Đệ Tam Thập Thất

汝等廣植德本，勿犯道

Nhữ đẳng quảng thực đức bản, vật phạm đạo

禁。忍辱精進，慈心專一。齋

câm, nhẫn nhục tinh tấn, từ tâm chuyên nhất. Trai

戒清淨，一日一夜，勝在無量

giới thanh tịnh, nhất nhật nhất dạ, thắng tại Vô Lượng

壽國為善百歲。所以者何？彼佛國

Thọ quốc vi thiện bá tuế. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc

土，皆積德眾善，無毫髮之惡。

độ, giai tích đức chúng thiện, vô hào phát chi ác.

於此修善，十日十夜，勝於他

Ư thử tu thiện, thập nhật thập dạ, thắng ư tha

方 諸 佛 國 中，為 善 千 歲。所

phương chư Phật quốc trung: vi thiện thiên tuế. Sở

以者何? 他 方 佛 國，福 德 自

dĩ giả hà? Tha phương Phật quốc, phước đức tự

然，無 造 惡 之 地。

nhiên, vô tạo ác chi địa.

唯 此 世 間，善 少 惡 多，飲 苦 食

Duy thử thế gian, thiện thiếu ác đa, ẩm khổ thực

毒，未 嘗 寧 息。吾 哀 汝 等，苦 心

độc, vị thường ninh tức. Ngộ ai nhữ đẳng, khổ tâm

誨 喻，授 與 經 法。悉 持 思 之，悉 奉

hồi dụ, thọ dữ kinh pháp, tất trì tư chi, tất phụng

行 之。尊 卑，男 女，眷 屬，朋 友，

hành chi. Tôn ty, nam nữ, quyến thuộc, bằng hữu,

轉 相 教 語，自 相 約 檢。和 順

chuyên tương giáo ngữ, tự tương ước kiểm. Hòa thuận

義 理，歡 樂 慈 孝。

nghĩa lý, hoan lạc từ hiếu.

所 作 如 犯，則 自 悔 過。去 惡 就

Sở tác như phạm, tắc tự hối quá. Khử ác tựu

善，朝 聞 夕 改。奉 持 經 戒，如 貧

thiện, triều văn tịch cải. Phụng trì kinh giới, như bần

得 寶。改 往 修 來，洒 心 易 行。自 然

đắc bảo. Cải vãng tu lai, sai tâm dịch hạnh. Tự nhiên

感 降，所 願 輒 得。

cảm giáng, sở nguyện triếp đắc.

佛 所 行 處，國 邑 丘 聚，靡 不 蒙

Phật sở hành xứ, quốc ấp khâu tụ, mỹ bất môn

化。天下和順，日月清明。風

hóa. Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh. Phong

雨以時，災厲不起。國豐民安，兵

vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi. Quốc phong dân an, binh

戈無用。崇德興仁，務修禮讓。

qua vô dụng. Sùng đức hưng nhân, vụ tu lễ nhượng.

國無盜賊，無有怨枉。強不凌

Quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng. Cường bất lãng

弱，各得其所。

nhược, các đắc kỳ sở.

我哀汝等，甚於父母念子。我

Ngã ai nhữ đẳng, thậm ư phụ mẫu niệm tử. Ngã

於此世作佛，以善攻惡，拔生死之

ư thử thế tác Phật, dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi

苦。令 獲 五 德，升 無 為 之 安。

khô. Linh hoạch ngũ đức, thăng vô vi chi an.

吾 般 泥 洹，經 道 漸 滅。人 民

Ngô Bát Nê Hoàn, kinh đạo tiệm diệt. Nhân dân

諂 偽，復 為 眾 惡。五 燒 五 痛，久

siểm ngụy, phục vi chúng ác. Ngũ thiêu ngũ thống, cửu

後 轉 劇。汝 等 轉 相 教 誡，

hậu chuyển kịch. Nhữ đẳng chuyển tương giáo giới,

如 佛 經 法，無 得 犯 也。

nư Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã.

彌 勒 菩 薩，合 掌 白 言：世 人

Di Lạc Bồ-tát, hiệp chưởng bạch ngôn: “Thế nhân

惡 苦，如 是 如 是。佛 皆 慈 哀，悉 度

ác khổ, như thị như thị. Phật giai từ ai, tất độ

脫之。受佛重誨，不敢違失。

thoát chi. Thọ Phật trùng hối, bất cảm vi thất”.

禮佛現光第三十八

Lễ Phật Hiện Quang, Đệ Tam Thập Bát

佛告阿難，若曹欲見無量

Phật cáo A Nan: “Nhược tào dục kiến Vô Lượng

清淨平等覺，及諸菩薩阿羅漢

Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cập chư Bồ-tát A-la-hán

等所居國土。應起西向，當日

đẳng sở cư quốc độ, ưng khởi tây hướng, đương nhật

沒處，恭敬頂禮。稱念南無阿

một xứ, cung kính đảnh lễ, xưng niệm Nam Mô A

彌陀佛。

Mi Đà Phật”.

阿難 即從座起，面西合掌，

A Nan tức từng tòa khởi, diện tây hiệp chưởng,

頂禮白言。我今願見極樂世

đảnh lễ bạch ngôn: “Ngã kim nguyện kiến Cực Lạc thế

界阿彌陀佛。供養奉事，種諸

giới A Mi Đà Phật, cúng dường phụng sự, chủng chư

善根。頂禮之間，忽見阿彌陀佛，

thiện căn”. Đảnh lễ chi gian, hốt kiến A Mi Đà Phật,

容顏廣大，色相端嚴。如

dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm. Như

黃金山，高出一切諸世界

huỳnh kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới

上。又聞十方世界諸佛如

thượng. Hựu văn thập phương thế giới chư Phật Như

來，稱揚讚歎，阿彌陀佛種

Lai, xưng dương tán thán, A Mi Đà Phật chủng

種功德，無礙無斷。

chủng công đức, vô ngại vô đoạn.

阿難白言，彼佛淨刹得未曾

A Nan bạch ngôn: “Bỉ Phật tịnh sát đắc vị tăng

有，我亦願樂生於彼土。

hữu, ngã diệc nguyện nhạo sanh ư bỉ độ”.

世尊告言，其中生者，已曾

Thế Tôn cáo ngôn: “Kỳ trung sanh giả, dĩ tăng

親近無量諸佛，植眾德本。汝

thân cận vô lượng chư Phật, thực chủng đức bản. Như

欲生彼，應當一心歸依瞻仰。

dục sanh bỉ, ưng đương nhất tâm quy y chiêm ngưỡng”.

作是語時，阿彌陀佛即於掌

Tác thị ngữ thời, A Mi Đà Phật tức ư chưởng

中放無量光，普照一切諸

trung phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết chư

佛世界。時諸佛國，皆悉明現，

Phật thế giới. Thời chư Phật quốc, giai tất minh hiện,

如處一尋。以阿彌陀佛殊勝光

như xử nhất tầm. Dĩ A Mi Đà Phật thù thắng quang

明，極清淨故，於此世界所有黑

minh, cực thanh tịnh cố, ư thử thế giới sở hữu Hắc

山、雪山、金剛、鐵圍、大小諸

sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết Vi, đại tiểu chư

山、江河、叢林、天人宮殿，一

son, giang hà, tùng lâm, thiên nhân cung điện, nhất

切境界，無不照見。

thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến.

譬如日出，明照世間。乃至

Thí như nhật xuất, minh chiếu thế gian. Nãi chí

泥犁、谿谷、幽冥之處，悉大開闢，

Nê-lê, Khê cốc, u minh chi xứ, tất đại khai tịch,

皆同一色。猶如劫水彌滿世界。

giai đồng nhất sắc. Do như kiếp thủy di mãn thế giới,

其中萬物，沉沒不現，滉養浩

kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện, hoảng dạng hạo

汗，唯見大水。彼佛光明，亦

hãn, duy kiến đại thủy. Bỉ Phật quang minh, diệc

復如是。聲聞菩薩，一切光

phục như thị. Thanh-văn Bồ-tát, nhất thiết quang

明，悉皆隱蔽。唯見佛光，明

minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh

耀顯赫。

diệu hiển hách.

此會四眾，天龍八部，人非

Thử hội tứ chúng, thiên long bát bộ, nhân phi

人等，皆見極樂世界，種種

nhân đẳng, giai kiến Cực Lạc thế giới, chủng chủng

莊嚴。阿彌陀佛，於彼高座，威德

trang nghiêm. A Mi Đà Phật, ư bử cao tòa, uy đức

巍巍，相好光明。聲聞菩薩，

nguy nguy, tướng hảo quang minh, Thanh-văn Bồ-tát,

圍繞恭敬。譬如須彌山王，出於

vi nhiều cung kính. Thí như Tu Di sơn vương, xuất ư

海面，明現照耀。清淨平正，

hải diện, minh hiện chiếu diệu, thanh tịnh bình chánh,

無有雜穢，及異形類。唯是眾寶

vô hữu tạp uế, cập dị hình loại. Duy thị chúng bảo

莊嚴，聖賢共住。

trang nghiêm, Thánh Hiền cộng trụ.

阿難及諸菩薩眾等，皆大歡

A Nan cập chư Bồ-tát chúng đặng, giai đại hoan

喜。踊躍作禮，以頭著地。稱念

hỷ, dũng dục tác lễ, dĩ đầu trước địa, xưng niệm

南無阿彌陀三藐三佛陀。

Nam Mô A Mi Đà Tam-Miệu Tam-Phật-Đà.

諸 天 人 民，以 至 蝸 飛 蠕

Chư thiên nhân dân, dĩ chí quyên phi nhuyễn

動，覩 斯 光 者，所 有 疾 苦，莫 不

động, đở tư quang giả, sở hữu tật khổ, mạc bất

休 止。一 切 憂 惱，莫 不 解 脫。悉

hưu chỉ, nhất thiết ưu não, mạc bất giải thoát. Tất

皆 慈 心 作 善，歡 喜 快 樂。

giai từ tâm tác thiện, hoan hỷ khoái lạc.

鐘 磬 琴 瑟，箏 篪 樂 器，不

Chung khánh cầm sắt, không hầu nhạc khí, bất

鼓 自 然 皆 作 五 音。諸 佛 國 中，諸

cổ tự nhiên giai tác ngũ âm. Chư Phật quốc trung, chư

天 人 民，各 持 花 香，來 於 虛 空，

thiên nhân dân, các trì hoa hương, lai ư hư không,

散作供養。

tán tác cúng dường.

爾時極樂世界，過於西方百

Nhĩ thời Cực Lạc thế giới, quá ư tây phương bá

千俱胝那由他國，以佛威力，如對

thiên câu-chi na-do-tha quốc, dĩ Phật uy lực, như đối

目前。如淨天眼，觀一尋地。彼

mục tiền, như tịnh thiên-nhãn, quán nhất tầm địa. Bỉ

見此土，亦復如是。悉觀娑婆世

kiến thử độ, diệc phục như thị. Tất đở Ta Bà thế

界，釋迦如來，及比丘眾，圍繞

giới, Thích Ca Như Lai, cập Tỳ-kheo chúng, vì nhiều

說法。

thuyết pháp.

慈氏述見第三十九

Từ Thị Thuật Kiến, Đệ Tam Thập Cửu

爾時佛告阿難，及慈氏菩薩，

Nhĩ thời Phật cáo A Nan, cập Từ Thị Bồ-tát:

汝見極樂世界，宮殿、樓閣、

“Nhữ kiến Cực Lạc thế giới, cung điện, lâu các,

泉池、林樹，具足微妙，清淨莊

tuyền trì, lâm thụ, cụ túc vi diệu, thanh tịnh trang

嚴不。汝見欲界諸天，上至

nghiêm phủ? Nhữ kiến Dục-giới chư thiên, thượng chí

色究竟天，雨諸香華，徧佛

Sắc Cứu Cảnh thiên, vũ chư hương hoa, biến Phật

剎不。

sát phủ?”

阿難對曰，唯 然 已 見。

A Nan đối viết: “Duy nhiên dĩ kiến”.

汝 聞 阿 彌 陀 佛 大 音 宣 布 一 切

“Nhữ văn A Mi Đà Phật đại âm tuyên bố nhất thiết

世界，化 眾 生 不。

thế giới, hóa chúng sanh phủ?”

阿難對曰，唯 然 已 聞。

A Nan đối viết: “Duy nhiên dĩ văn”.

佛 言 汝 見 彼 國 淨 行 之 眾，

Phật ngôn: “Nhữ kiến bỉ quốc tịnh hạnh chi chúng,

遊處虛空，宮 殿 隨 身，無 所 障

du xử hư không, cung điện tùy thân, vô sở chướng

礙。徧 至 十 方 供 養 諸 佛

ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật

不。及見彼等念佛相續不。復

phủ? Cập kiến bỉ đẳng niệm Phật tương tục phủ? Phục

有眾鳥，住虛空界，出種種

hữu chúng điều, trụ hư không giới, xuất chủng chủng

音，皆是化作，汝悉見不。

âm, giai thị hóa tác, như tất kiến phủ?"

慈氏白言，如佛所說，一一皆

Từ Thị bạch ngôn: "Nhu Phật sở thuyết, nhất nhất giai

見。

kiến".

佛告彌勒，彼國人民有胎生

Phật cáo Di Lặc: "Bỉ quốc nhân dân hữu thai sanh

者，汝復見不。

giả, như phục kiến phủ?"

彌勒白言，世尊，我見極樂世

Di Lạc bạch ngôn: “Thế Tôn! Ngã kiến Cực Lạc thế

界人住胎者，如夜摩天，處於宮

giới nhân trụ thai giả, như Dạ Ma thiên, xử ư cung

殿。

điện.

又見眾生，於蓮華內結跏趺

Hựu kiến chúng sanh, ư liên hoa nội kết già-phu

坐，自然化生。何因緣故，彼國

tọa, tự nhiên hóa sanh. Hà nhân duyên cố, bỉ quốc

人民，有胎生者，有化生者。

nhân dân, hữu thai sanh giả, hữu hóa sanh giả?”

邊地疑城 第四十

Biên Địa Nghi Thành, Đệ Tứ Thập

佛告慈氏，若有眾生，以疑

Phật cáo Từ Thị: “Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi

惑心修諸功德，願生彼國。不

hoặc tâm tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc. Bất

了佛智，不思議智，不可稱智，

liễu Phật trí, Bất-tư-nghi-trí, Bất-khả-xưng-trí,

大乘廣智，無等無倫，最上

Đại-thừa-quảng-trí, Vô-đẳng Vô-luân tối-thượng

勝智，於此諸智，疑惑不信。猶信

thắng-trí, ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín. Do tín

罪福，修習善本，願生其國。

tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc.

復有眾生，積集善根，希求

Phục hữu chúng sanh, tích tập thiện căn, hy cầu

佛智，普遍智，無等智，威德 廣

Phật trí, Phổ-biến-trí, Vô-đẳng-trí, Uy-đức-quảng

大不思議智。於自善根，不能生

đại Bất-tư-nghì-trí. U' tự thiện căn, bất năng sanh

信。故於往生清淨佛國，意志

tín. Cố ư vãng sanh Thanh Tịnh Phật quốc, ý chí

猶豫，無所專據。然猶續念不

do dự, vô sở chuyên cứ. Nhiên do tục niệm bất

絕，結其善願為本，續得往生。

tuyệt, kết kỳ thiện nguyện vi bản, tục đắc vãng sanh.

是諸人等，以此因緣，雖生

Thị chư nhân đặng, dĩ thử nhân duyên, tuy sanh

彼國，不能前至無量壽所，道止

bỉ quốc, bất năng tiền chí Vô Lượng Thọ sở, đạo chỉ

佛 國 界 邊，七 寶 城 中。佛 不 使

Phật quốc giới biên, thất bảo thành trung. Phật bất sử

爾，身 行 所 作，心 自 趣 向。亦 有

nhĩ, thân hạnh sở tác, tâm tự thú hướng. Diệc hữu

寶 池 蓮 華，自 然 受 身。飲 食 快

bảo trì liên hoa, tự nhiên thọ thân. Âm thực khoái

樂，如 忉 利 天。

lạc, như Đao Lợi thiên.

於 其 城 中，不 能 得 出。所 居 舍

Ư kỳ thành trung, bất năng đắc xuất. Sở cư xá

宅 在 地，不 能 隨 意 高 大。於 五 百

trạch tại địa, bất năng tùy ý cao đại. Ư ngũ bá

歲，常 不 見 佛，不 聞 經 法，不 見

tuế, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến

菩薩 聲 聞 聖 眾。其 人 智 慧 不

Bồ-tát Thanh-văn Thánh chúng. Kỳ nhân trí huệ bất

明，知 經 復 少。心 不 開 解，意 不

minh, tri kinh phục thiểu; Tâm bất khai giải, ý bất

歡 樂。是 故 於 彼，謂 之 胎 生。

hoan lạc. Thị cố ư bỉ, vị chi thai sanh.

若 有 眾 生，明 信 佛 智，乃 至

Nhược hữu chúng sanh, minh tín Phật trí, nãi chí

勝 智，斷 除 疑 惑。信 已 善 根。作

thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc; Tín kỷ thiện căn; Tác

諸 功 德，至 心 迴 向。皆 於 七 寶 華

chư công đức, chí tâm hồi hướng. Giai ư thất bảo hoa

中，自 然 化 生，跏 趺 而 坐。須 臾

trung, tự nhiên hóa sanh, già-phu nhi tọa. Tu-du

之 頃， 身 相， 光 明， 智 慧， 功

chi khoảnh, thân tướng, quang minh, trí huệ, công

德， 如 諸 菩 薩， 具 足 成 就。 彌 勒

đức, như chư Bồ-tát, cụ túc thành tựu. Di Lạc

當 知， 彼 化 生 者， 智 慧 勝 故。

đương tri, bỉ hóa sanh giả, trí huệ thắng cố.

其 胎 生 者， 五 百 歲 中， 不 見 三

Kỳ thai sanh giả, ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam

寶， 不 知 菩 薩 法 式， 不 得 修 習 功

Bảo, bất tri Bồ-tát pháp thức, bất đắc tu tập công

德。 無 因 奉 事 無 量 壽 佛。 當

đức; Vô nhân phụng sự Vô Lượng Thọ Phật. Đương

知 此 人， 宿 世 之 時， 無 有 智 慧， 疑

tri thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí huệ, nghi

惑所致。

hoặc sở trí”.

惑盡見佛第四十一

Hoặc Tận Kiến Phật, Đệ Tứ Thập Nhất

譬如轉輪聖王，有七寶

Thí như Chuyển-luân-thánh-vương, hữu thất bảo

獄。王子得罪，禁閉其中。層樓綺

ngục. Vương tử đắc tội, cấm bế kỳ trung. Tầng lầu ỷ

殿，寶帳金床，欄窗榻座，妙

điện, bảo trướng, kim sàng, lan, song, tháp, tọa, diệu

飾奇珍。飲食衣服，如轉輪王。

sức kỳ trân. Âm thực y phục, như Chuyển-luân-vương.

而以金鎖，繫其兩足。諸小王

Nhi dĩ kim tỏa, hệ kỳ lưỡng túc. Chư tiểu vương

子，寧樂此不。

tử, ninh lạc thử phủ?

慈氏白言，不也世尊。彼幽繫

Từ Thị bạch ngôn: “Bất dã Thế Tôn! Bỉ u trập

時，心不自在。但以種種方

thời, tâm bất tự tại. Dĩ dĩ chủng chủng phương

便，欲求出離，求諸近臣，終不

tiện, dục cầu xuất ly; Cầu chư cận thần, chung bất

從心。輪王歡喜方得解脫。

túng tâm. Luân-vương hoan hỷ, phương đắc giải thoát”.

佛告彌勒，此諸眾生，亦復

Phật cáo Di Lạc: “Thử chư chúng sanh, diệc phục

如是。若有墮於疑悔，希求佛智，

như thị. Nhược hữu đọa ư nghi hối, hy cầu Phật trí,

至廣大智。於自善根，不能生

chí Quảng-dại-trí. Ư tự thiện căn, bất năng sanh

信。由聞佛名，起信心故。雖生彼

tín. Do văn Phật danh, khởi tín tâm cố, tuy sanh bỉ

國，於蓮華中，不得出現。彼處

quốc, ư liên hoa trung, bất đắc xuất hiện. Bỉ xứ

華胎，猶如園苑宮殿之想。

hoa thai, do như viên uyển cung điện chi tưởng.

何以故，彼中清淨，無諸穢惡。

Hà dĩ cố? Bỉ trung thanh tịnh, vô chư uế ác.

然於五百歲中，不見三寶。不得

Nhiên ư ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo; Bất đắc

供 養 奉 事 諸 佛，遠 離 一 切 殊

cúng dường phụng sự chư Phật, viễn ly nhất thiết thù

勝 善 根。以 此 為 苦，不 生 欣 樂。

thắng thiện căn. Dĩ thử vi khổ, bất sanh hân lạc.

若 此 眾 生，識 其 罪 本，深 自

Nhược thử chúng sanh, thức kỳ tội bản, thâm tự

悔 責，求 離 彼 處。往 昔 世 中，過 失

hối trách, cầu ly bỉ xứ. Vãng tích thế trung, quá thất

盡 已，然 後 乃 出。即 得 往 詣 無

tận dĩ, nhiên hậu nãi xuất. Tức đắc vãng nghê Vô

量 壽 所，聽 聞 經 法，久 久 亦

Lượng Thọ sở, thính văn kinh pháp. Cửu cửu diệt

當 開 解 歡 喜，亦 得 徧 供 無 數 無

đương khai giải hoan hỷ, diệt đặc biến cúng vô số vô

量 諸 佛，修 諸 功 德。

lượng chư Phật, tu chư công đức.

汝 阿 逸 多，當 知 疑 惑，於 諸

Nhữ A Dật Đa! Đương tri nghi hoặc, ư chư

菩 薩 為 大 損 害，為 失 大 利。是 故 應

Bồ-tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng

當 明 信 諸 佛 無 上 智 慧。

đương minh tín chư Phật vô thượng trí huệ”.

慈 氏 白 言，云 何 此 界 一 類 眾

Từ Thị bạch ngôn: “Vân hà thử giới nhất loại chúng

生，雖 亦 修 善，而 不 求 生。

sinh, tuy diệc tu thiện, nhi bất cầu sanh?”

佛 告 慈 氏，此 等 眾 生，智 慧

Phật cáo Từ Thị: “Thử đẳng chúng sanh, trí huệ

微淺。分別西方，不及天界。

vi thiển; Phân biệt Tây Phương, bất cập thiên giới;

是以非樂，不求生彼。

Thị dĩ phi lạc, bất cầu sanh bỉ”.

慈氏白言，此等眾生，虛

Từ Thị bạch ngôn: “Thử đẳng chúng sanh, hư

妄分別。不求佛剎，何免輪迴。

vọng phân biệt. Bất cầu Phật sát, hà miễn luân hồi?”

佛言彼等所種善根，不能

Phật ngôn: “Bỉ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng

離相，不求佛慧。深著世樂，人

ly tướng, bất cầu Phật huệ, thâm trước thế lạc, nhân

間福報。雖復修福，求人天

gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên

果。得報之時，一切豐足。而未

quả. Đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc, nhi vị

能出三界獄中。假使父母妻子

năng xuất tam giới ngục trung. Giả sử phụ mẫu thê tử

男女眷屬，欲相救免。邪見

nam nữ quyến thuộc: dục tương cứu miễn. Tà kiến

業王，未能捨離。常處輪迴而

ngiệp vương, vị năng xả ly, thường xử luân hồi nhi

不自在。

bất tự tại.

汝見愚痴之人，不種善根，

Nhữ kiến ngu si chi nhân, bất chủng thiện căn,

但以世智聰辯，增益邪心。云何

đãn dĩ thế trí thông biện, tăng ích tà tâm. Vân hà

出離生死大難。

xuất ly sanh tử đại nạn?

復有眾生，雖種善根，作

Phục hữu chúng sanh, tuy chủng thiện căn, tác

大福田。取相分別，情執深

đại phước điền; Thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm

重。求出輪迴，終不能得。

trọng. Cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc.

若以無相智慧，植眾德本。

Nhược dĩ vô tướng trí huệ, thực chúng đức bản;

身心清淨，遠離分別。求生淨

Thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt; Cầu sanh Tịnh

刹，趣佛菩提。當生佛刹，永得

sát, thú Phật Bồ-đề, đương sanh Phật sát, vĩnh đắc

解脫。

giải thoát”.

菩薩往生第四十二

Bồ Tát Vãng Sanh, Đệ Tứ Thập Nhị

彌勒菩薩白佛言，今此娑婆世

Di Lạc Bồ-tát bạch Phật ngôn: “Kim thử Ta Bà thế

界，及諸佛刹，不退菩薩，當生

giới, cập chư Phật sát, bất thoái Bồ-tát, đương sanh

極樂國者，其數幾何。

Cực Lạc quốc giả, kỳ số kỷ hà?”

佛告彌勒，於此世界，有七百二

Phật cáo Di Lạc: “U thử thế giới, hữu thất bá nhị

十億菩薩，已曾供養無數諸佛。

thập ức Bồ-tát, dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật,

植眾德本，當生彼國。諸小

thực chúng đức bản, đương sanh bỉ quốc. Chư tiểu

行菩薩，修習功德，當往生者，

hạnh Bồ-tát, tu tập công đức, đương vãng sanh giả,

不可稱計。

bất khả xưng kế.

不但我剎諸菩薩等，往生彼

Bất đản Ngã sát chư Bồ-tát đẳng, vãng sanh bỉ

國。他方佛土，亦復如是。從

quốc. Tha phương Phật độ, diệc phục như thị. Tùng

遠照佛剎，有十八俱胝那由他

Viễn Chiếu Phật sát, hữu thập bát câu-chi na-do-tha

菩薩摩訶薩，生彼國土。東北方

Bồ-tát Ma-ha-tát, sanh bĩ quốc độ. Đông Bắc phương

寶藏佛剎，有九十億不退菩薩，

Bảo Tạng Phật sát, hữu cửu thập ức bất thoái Bồ-tát,

當生彼國。從無量音佛剎，

đương sanh bĩ quốc. Tùng Vô Lượng Âm Phật sát,

光明佛剎，龍天佛剎，勝力

Quang Minh Phật sát, Long Thiên Phật sát, Thắng Lực

佛剎，師子佛剎，離塵佛剎，德首

Phật sát, Sư Tử Phật sát, Ly Trần Phật sát, Đức Thủ

佛剎，仁王佛剎，華幢佛剎，

Phật sát, Nhân Vương Phật sát, Hoa Tràng Phật sát,

不退菩薩當往生者，或數十百

bất thoái Bồ-tát đương vãng sanh giả, hoặc số thập bá

億，或數百千億，乃至萬億。

úc, hoặc số bá thiên ức, nãi chí vạn ức.

其第十二佛名無上華，彼有

Kỳ đệ thập nhị Phật danh Vô Thượng Hoa, bỉ hữu

無數諸菩薩眾，皆不退轉。智慧

vô số chư Bồ-tát chúng, giai bất thoái chuyển. Trí huệ

勇猛，已曾供養無量諸佛。

dũng mãnh, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật;

具大精進，發趣一乘。於七日中，

Cụ đại tinh tấn, phát thú Nhất-thừa; Ư thất nhật trung,

即能攝取百千億劫，大士所修堅

tức năng nhiếp thủ bá thiên ức kiếp, Đại-sĩ sở tu kiên

固之法。斯等菩薩，皆當往生。

cố chi pháp. Tư đẳng Bồ-tát, giai đương vãng sanh.

其第十三佛名曰無畏。彼有七

Kỳ đệ thập tam Phật danh viết Vô Úy, bỉ hữu thất

百九十億大菩薩眾，諸小菩薩及

bá cửu thập ức đại Bồ-tát chúng, chư tiểu Bồ-tát cập

比丘等，不可稱計，皆當往生。

Tỳ-kheo đấng, bất khả xưng kế, giai đương vãng sanh.

十方世界諸佛名號，及

Thập phương thế giới chư Phật danh hiệu, cập

菩薩眾當往生者，但說其

Bồ-tát chúng đương vãng sanh giả, đãn thuyết kỳ

名，窮劫不盡。

danh, cùng kiếp bất tận”.

非是小乘第四十三

Phi Thị Tiểu Thừa, Đệ Tứ Thập Tam

佛告慈氏，汝觀彼諸菩薩

Phật cáo Từ Thị: “Nhữ quán bỉ chư Bồ-tát

摩訶薩，善獲利益。

Ma-ha-tát, thiện hoạch lợi ích.

若有善男子，善女人，得聞

Nhược hữu Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhân, đắc văn

阿彌陀佛名號，能生一念喜愛

A Mi Đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỷ ái

之心，歸依瞻禮，如說修行，當

chi tâm, quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành. Đương

知此人為得大利，當獲如上所

tri thử nhân vi đắc đại lợi, đương hoạch như thượng sở

說功德。心無下劣，亦不貢高。

thuyết công đức. Tâm vô hạ liệt, diệc bất công cao.

成就善根，悉皆增上。當知

Thành tựu thiện căn, tất giai tăng thượng. Đương tri

此人非是小乘，於我法中，得

thử nhân phi thị Tiểu-thừa, ư Ngã pháp trung, đắc

名第一弟子。

đanh đệ nhất đệ tử.

是故告汝天人世間阿修羅等，

Thị cố cáo nhữ thiên nhân thế gian A-tu-la đấng,

應當愛樂修習，生希有心。於此

ưng đương ái nhạo tu tập, sanh hy hữu tâm. Ư thử

經中，生導師想。欲令無量眾

kinh trung, sanh Đạo sư tưởng. Dục linh vô lượng chúng

生，速疾安住得不退轉。及欲見

sanh, tốc tật an trụ đắc bất thoái chuyển; Cập dục kiến

彼廣大莊嚴，攝受殊勝佛

bỉ quảng đại trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng Phật

刹，圓滿功德者。當起精進，

sát, viên mãn công đức giả, đương khởi tinh tấn,

聽此法門。為求法故，不生

thính thử Pháp môn. Vì cầu pháp cố, bất sanh

退屈諂偽之心。

thoái khuất siểm ngụy chi tâm.

設入大火，不應疑悔。何以

Thiết nhập đại hỏa, bất ưng nghi hối. Hà dĩ

故，彼無量億諸菩薩等，皆悉求此

cô? Bỉ vô lượng ức chư Bồ-tát đẳng, giai tất cầu thử

微妙法門，尊重聽聞，不生違

vi diệu Pháp môn, tôn trọng thính văn, bất sanh vi

背。多有菩薩，欲聞此經而不能

bội. Đa hữu Bồ-tát, dục văn thử kinh nhi bất năng

得。是故汝等，應求此法。

đắc. Thị cố như đẳng, ưng cầu thử pháp”.

受菩提記第四十四

Thọ Bồ Đề Ký, Đệ Tứ Thập Tứ

若於來世，乃至正法滅時，

Nhược ư lai thế, nãi chí chánh pháp diệt thời,

當有眾生，植諸善本，已曾

đương hữu chúng sanh, thực chư thiện bản, dĩ tăng

供養無量諸佛。由彼如來加威

cúng dường vô lượng chư Phật. Do bỉ Như Lai gia uy

力故，能得如是廣大法門。攝

lực cố, năng đắc như thị quảng đại Pháp môn. Nhiếp

取受持，當獲廣大一切智智。

thủ thọ trì, đương hoạch quảng đại Nhất-thiết-trí-trí.

於彼法中，廣大勝解，獲大歡

Ư bỉ pháp trung, quảng đại thắng giải, hoạch đại hoan

喜。廣為他說，常樂修行。

hỷ. Quảng vị tha thuyết, thường nhạo tu hành.

諸善男子，及善女人，能於

Chư Thiện-nam-tử, cập Thiện-nữ-nhân, năng ư

是法，若已求、現求、當求者，皆

thị pháp, nhược dĩ cầu, hiện cầu, đương cầu giả, giai

獲善利。汝等應當安住無疑。

hoạch thiện lợi. Nhữ đẳng ưng đương an trụ vô nghi;

種 諸 善 本，應 常 修 習，使 無 疑

Chủng chư thiện bản, ứng thường tu tập, sử vô nghi

滯。不 入 一 切 種 類 珍 寶 成 就

trệ, bất nhập nhất thiết chủng loại trân bảo thành tựu

牢 獄。

lao ngục.

阿 逸 多，如 是 等 類 大 威 德 者，能

A Dật Đa! Như thị đẳng loại đại uy đức giả, năng

生 佛 法 廣 大 異 門。由 於 此 法 不

sinh Phật pháp quảng đại dị môn. Do ư thử pháp bất

聽 聞 故，有 一 億 菩 薩，退 轉

thính văn cố, hữu nhất ức Bồ-tát, thoái chuyển

阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩 提。

A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

若 有 眾 生，於 此 經 典，書

Nhược hữu chúng sanh, ư thử kinh điển, thư

寫、供 養、受 持、讀 誦，於 須 臾 頃

tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, ư tu-du khoảnh

為 他 演 說，勸 令 聽 聞，不 生 憂

vị tha diễn thuyết, khuyên linh thỉnh văn, bất sanh ưu

惱，乃 至 晝 夜 思 惟 彼 剎，及 佛 功 德。

não, nãi chí trú dạ tư duy bỉ sát, cập Phật công đức.

於 無 上 道，終 不 退 轉。

Ư Vô thượng đạo, chung bất thoái chuyển.

彼 人 臨 終，假 使 三 千 大 千 世

Bỉ nhân lâm chung, giả sử Tam thiên Đại thiên thế

界 滿 中 大 火，亦 能 超 過，生 彼

giới mãn trung đại hỏa, diệc năng siêu quá, sanh bỉ

國土。是人已曾值過去佛，受

quốc độ. Thị nhân dĩ tăng trị quá khứ Phật, thọ

菩提記。一切如來，同所稱讚。

Bồ-đề ký. Nhất thiết Như Lai, đồng sở xưng tán.

是故應當專心信受、持誦、

Thị cố ưng đương chuyên tâm tín thọ, trì tụng,

說行。

thuyết hành.

獨留此經第四十五

Độc Lưu Thử Kinh, Đệ Tứ Thập Ngũ

吾今為諸眾生說此經法，

Ngô kim vị chư chúng sanh thuyết thử kinh pháp,

令見無量壽佛，及其國土一

linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất

切所有。所當為者，皆可求之。無

thiết sở hữu. Sở đương vi giả, giai khả cầu chi. Vô

得以我滅度之後，復生疑惑。

đắc dĩ Ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc.

當來之世，經道滅盡。我以慈

Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận. Ngã dĩ từ

悲哀愍，特留此經止住百歲。其有

bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu

眾生，值斯經者，隨意所願，皆

chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai

可得度。

khả đắc độ.

如來興世，難值難見。諸佛

Như Lai hưng thế, nan trị nan kiến. Chư Phật

經道，難得難聞。遇善知識，聞

kinh đạo, nan đắc nan văn. Ngô Thiện-tri-thức, văn

法能行，此亦為難。若聞斯經，

pháp năng hành, thử diệc vi nan. Nhược văn tư kinh,

信樂受持，難中之難，無過此難。

tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan.

若有眾生得聞佛聲，慈

Nhược hữu chúng sanh đắc văn Phật thanh, từ

心清淨，踴躍歡喜，衣毛為起

tâm thanh tịnh, dũng dục hoan hỷ, y mao vi khởi

或淚出者，皆由前世曾作佛道，

hoặc lệ xuất giả, giai do tiền thế tăng tác Phật đạo,

故非 凡人。

cố phi phàm nhân.

若 聞 佛 號，心 中 狐 疑。於 佛

Nhược văn Phật hiệu, tâm trung hồ nghi; Ư Phật

經 語，都 無 所 信。皆 從 惡 道 中 來，

kinh ngữ, đô vô sở tín, giai tùng ác đạo trung lai,

宿 殃 未 盡，未 當 度 脫，故 心 狐 疑，

túc ương vị tận, vị đương độ thoát. Cố tâm hồ nghi,

不 信 向 耳。

bất tín hướng nhĩ.

勤 修 堅 持 第 四 十 六

Cần Tu Kiên Trì, Đệ Tứ Thập Lục

佛告彌勒，諸佛如來無上之

Phật cáo Di Lạc: “Chư Phật Như Lai vô thượng chi

法，十力無畏，無礙無著，甚深

pháp, Thập lực Vô úy, Vô ngại Vô trước, thậm thâm

之法，及波羅密等菩薩之法，非易

chi pháp, cập Ba-la-mật đẳng Bồ-tát chi pháp, phi dị

可遇。能說法人，亦難開示。

khả ngộ. Năng thuyết pháp nhân, diệc nan khai thị.

堅固深信，時亦難遭。我今如理

Kiên cố thâm tín, thời diệc nan tao. Ngã kim như lý

宣說如是廣大微妙法門。一

tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu Pháp môn, nhất

切諸佛之所稱讚，付囑汝等，

thiết chư Phật chi sở xưng tán. Phó chúc nhữ đẳng,

作大守護。

tác đại thủ hộ.

為諸有情長夜利益，莫令

Vì chư hữu tình trường dạ lợi ích, mạc linh

眾生淪墮五趣，備受危苦。應

chúng sanh luân đọa ngũ thú, bị thọ nguy khổ. Ứng

勤修行，隨順我教。當孝於佛，

cần tu hành, tùy thuận Ngã giáo. Đương hiếu ư Phật,

常念師恩。當令是法，久住不

thường niệm sư ân. Đương linh thị pháp, cửu trụ bất

滅。當堅持之，無得毀失。無得為

diệt. Đương kiên trì chi, vô đắc hủy thất. Vô đắc vi

妄，增減經法。

vọng, tăng giảm kinh pháp.

常 念 不 絕，則 得 道 捷。我

Thường niệm bất tuyệt, tác đắc đạo tiệp. Ngã

法 如 是，作 如 是 說。如 來 所 行，

pháp như thị, tác như thị thuyết. Như Lai sở hành,

亦 應 隨 行。種 修 福 善，求 生

diệc ưng tùy hành. Chủng tu phước thiện, cầu sanh

淨 刹。

Tịnh-sát”.

福 慧 始 聞 第 四 十 七

Phước Huệ Thỉ Văn, Đệ Tứ Thập Thất

爾 時 世 尊 而 說 頌 曰：

Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết:

若不往昔修福慧

Nhược bất vãng tích tu phước huệ

於此正法不能聞

Ư thử chánh pháp bất năng văn

已曾供養諸如來

Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai

則能歡喜信此事。

Tắc năng hoan hỷ tín thử sự.

惡驕懈怠及邪見

Ác kiêu giải đãi cập tà kiến

難信如來微妙法

Nan tín Như Lai vi diệu pháp

譬如盲人恆處闇

Thí như manh nhân hằng xử ám

不能開導於他路。

Bất năng khai đạo u tha lộ.

唯曾於佛植眾善

Duy tăng u Phật thực chúng thiện

救世之行方能修

Cứu thế chi hạnh phương năng tu

聞已受持及書寫

Văn dĩ thọ trì cập thư tả

讀誦讚演并供養。

Độc tụng tán diễn tịnh cúng dường.

如是一心求淨方

Như thị nhất tâm cầu tịnh phương

決定往生極樂國。

Quyết định vãng sanh Cực Lạc quốc.

假使大火 滿 三千

Giả sử đại hỏa mãn Tam thiên

乘 佛 威德 悉 能 超。

Thừa Phật uy đức tất năng siêu.

如 來 深 廣 智 慧 海

Như Lai thâm quảng trí huệ hải

唯 佛 與 佛 乃 能 知

Duy Phật dữ Phật nãi năng tri

聲 聞 億 劫 思 佛 智

Thanh-văn ức kiếp tư Phật trí

盡 其 神 力 莫 能 測。

Tận kỳ thần lực mạc năng trắc.

如 來 功 德 佛 自 知

Như Lai công đức Phật tự tri

唯有世尊能開示。

Duy hữu Thế Tôn năng khai thị.

人身難得佛難值

Nhân thân nan đắc, Phật nan trị

信慧聞法難中難。

Tín huệ văn pháp nan trung nan.

若諸有情當作佛

Nhược chư hữu tình đương tác Phật

行超普賢登彼岸。

Hạnh siêu Phổ Hiền đăng bỉ ngạn.

是故博聞諸智士

Thị cố bác văn chư trí sĩ

應信我教如實言。

Ứng tín Ngã giáo như thật ngôn.

如是妙法幸聽聞

Như thị diệu pháp hạnh thính văn

應常念佛而生喜。

Ứng thường niệm Phật nhi sanh hỷ.

受持廣度生死流

Thọ trì quảng độ sanh tử lưu

佛說此人真善友。

Phật thuyết thử nhân chân thiện hữu.

聞經獲益第四十八

Văn Kinh Hoạch Ích, Đệ Tứ Thập Bát

爾時世尊說此經法，天人

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kinh pháp, thiên nhân

世間有萬二千那由他億眾生，

thế gian hữu vạn nhị thiên na-do-tha ức chúng sanh,

遠離塵垢，得法眼淨。二十億

viễn ly trần cấu, đắc pháp-nhãn-tịnh. Nhị thập ức

眾生，得阿那含果。六千八百

chúng sanh đắc A-na-hàm quả. Lục thiên bát bá

比丘，諸漏已盡，心得解脫。

Tỳ-kheo, chư lậu dĩ tận, tâm đắc giải thoát.

四十億菩薩，於無上菩提住不

Tứ thập ức Bồ-tát, ư Vô-thượng Bồ-đề trụ bất

退轉，以弘誓功德而自莊嚴。

thoái chuyển, dĩ hoằng thệ công đức nhi tự trang nghiêm.

二十五億眾生，得不退忍。

Nhị thập ngũ ức chúng sanh, đắc bất thoái nhẫn.

四萬億那由他百千眾生，於

Tứ vạn ức na-do-tha bá thiên chúng sanh, ư

無上菩提未曾發意，今始初發。

Vô-thượng Bồ-đề vị tăng phát ý, kim thử sơ phát;

種諸善根願生極樂，見阿

Chủng chư thiện căn nguyện sanh Cực Lạc, kiến A

彌陀佛，皆當往生彼如來土。

Mi Đà Phật, giai đương vãng sanh bỉ Như Lai độ;

各於異方次第成佛，同名妙

Các ư dị phương thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu

音如來。

Âm Như Lai.

復有十方佛剎若現在

Phục hữu thập phương Phật sát nhược hiện tại

生，及未來生，見阿彌陀佛者，各有
 sanh, cập vị lai sanh, kiến A Mi Đà Phật giả, các hữu
 八萬俱胝那由他人，得授記法忍，
 bát vạn câu-chi na-do-tha nhân, đắc thọ ký pháp-nhẫn,
 成無上菩提。彼諸有情，皆是阿
 thành Vô-thượng Bồ-đề. Bỉ chư hữu tình, giai thị A
 彌陀佛宿願因緣，俱得往生
 Mi Đà Phật túc nguyện nhân duyên, câu đắc vãng sanh
 極樂世界。

Cực Lạc thế giới.

爾時三千大千世界六種

Nhĩ thời Tam thiên Đại thiên thế giới lục chủng

震動。并現種種希有神變。

chấn động, tịnh hiện chủng chủng hy hữu thần biến;

放大光明，普照十方。復

Phóng đại quang minh, phổ chiếu thập phương. Phục

有諸天，於虛空中，作妙音樂，

hữu chư thiên, ư hư không trung, tác diệu âm nhạc,

出隨喜聲。乃至色界諸天，悉皆

xuất tùy hỷ thanh. Nãi chí Sắc-giới chư thiên, tất giai

得聞，歎未曾有。無量妙花紛

đắc văn, thán vị tăng hữu. Vô lượng diệu hoa phân

紛而降。

phân nhi giáng.

尊者阿難，彌勒菩薩，及諸菩薩

Tôn giả A Nan, Di Lạc Bồ-tát, cập chư Bồ-tát

聲聞，天龍八部，一切大眾，

Thanh-văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng,

聞佛所說，皆大歡喜，信受奉

văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng

行。

hành.

佛說大乘無量壽莊嚴

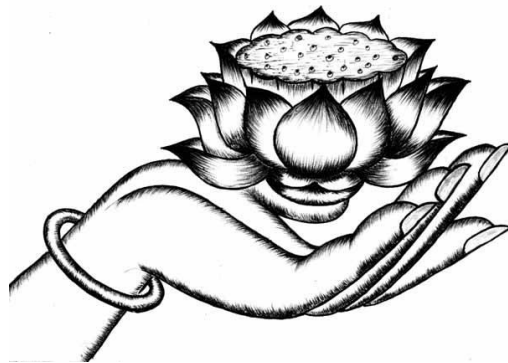
Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm

清淨平等覺經。

Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

“Phải hiểu với Phật, thường niệm ân thầy!”

Tâm HIẾU - Tâm KÍNH



NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

讚 佛 偈

TÁN PHẬT KỆ

阿彌陀佛身金色

A Mi Đà Phật thân kim sắc

相好光明無等倫

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân

白毫宛轉五須彌

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di

紺目澄清四大海

Hám mục trừng thanh tứ đại hải

光中化佛無數億

Quang trung hóa Phật vô số ức

化菩薩眾亦無邊

Hóa Bồ-tát chúng diệc vô biên

四 十 八 願 度 眾 生

Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh

九 品 咸 令 登 彼 岸 。

Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn.

南 無 西 方 極 樂 世 界 大 慈 大 悲

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đại từ đại bi

阿 彌 陀 佛

A Mi Đà Phật

迴 向 偈

HỒI HƯỚNG KỆ

諷 經 功 德 殊 勝 行

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh

無邊勝福皆迴向

Vô biên thắng phước giai hồi hướng

普願法界諸眾生

Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh

速往無量光佛刹。

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

願消三障除煩惱

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não

願得智慧真明了

Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu

普願罪障悉消除

Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ

世世常行菩薩道。

Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

願 生 西 方 淨 土 中

Nguyện sanh Tây Phương Tịnh-độ trung

九 品 蓮 華 為 父 母

Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu

花 開 見 佛 悟 無 生

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh

不 退 菩 薩 為 伴 侶 。

Bất thoái Bồ-tát vi bạn lữ.

願 以 此 功 德

Nguyện dĩ thử công đức

莊 嚴 佛 淨 土

Trang nghiêm Phật Tịnh-độ

上 報 四 重 恩

Thượng báo tứ trọng ân

下濟三途苦

Hạ tế tam đồ khổ

若有見聞者

Nhược hữu kiến văn giả

悉發菩提心

Tất phát Bồ-đề tâm

盡此一報身

Tận thử nhất báo thân

同生極樂國。

Đồng sanh Cực Lạc quốc.



四 弘 誓 願

TỨ HOẢNG THỆ NGUYỆN

眾 生 無 量 誓 願 渡 。

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

煩 惱 無 盡 誓 願 斷 。

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

法 門 無 量 誓 願 學 。

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

佛 道 無 上 誓 願 成 。

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

普 賢 菩 薩 十 大 願 王

PHỔ HIỀN BỒ-TÁT THẬP ĐẠI NGUYỆN VƯƠNG

一 者 禮 敬 諸 佛 。

Nhất giả, Lễ kính chư Phật.

二者稱讚如來。

Nhị giả, Xưng tán Như Lai.

三者廣修供養。

Tam giả, Quảng tu cúng dường.

四者懺悔業障。

Tứ giả, Sám hối nghiệp chướng.

五者隨喜功德。

Ngũ giả, Tùy hỷ công đức.

六者請轉法輪。

Lục giả, thỉnh chuyển Pháp luân.

七者請佛住世。

Thất giả, thỉnh Phật trụ thế.

八者常隨佛學。

Bát giả, Thường tùy Phật học.

九者 恆 順 眾 生。

Cửu giả, Hằng thuận chúng sanh.

十者 普 皆 回 向。

Thập giả, Phổ giai hồi hướng.



持 名 念 佛

TRÌ DANH NIỆM PHẬT

南 無 阿 彌 陀 佛.....阿 彌 陀 佛

Nam mô A Mi Đà Phật.....A Mi Đà Phật

(10 niệm x 10 lần, nên Trì Danh Niệm Phật theo Pháp Thập Niệm Ký Số)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!



Chú thích: Thế giới hiện tại rộng lớn vô lượng vô biên không có giới hạn, trong thế giới hiện tại này có vô lượng vô biên cõi nước chư Phật và vô lượng vô biên đức Phật đang chuyển Pháp luân phổ độ chúng sanh. Các nhà khoa học Vật lý lượng tử nói rằng vũ trụ hiện tại đang không ngừng giãn nở ra. Trong bộ Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói trong hạt vi trần (cực vi chi vi hay lân hư trần) có chứa thế giới lớn như thế giới hiện tại. Thế giới trong hạt vi trần cũng có vô lượng vô biên cõi nước chư Phật và vô lượng vô biên đức Phật đang chuyển Pháp luân để phổ độ vô lượng vô biên chúng sanh thành Phật. Thế giới trong hạt vi trần ấy lại cũng có vô lượng vô biên các hạt vi trần, trong mỗi hạt vi trần lại cũng có thế giới lớn như thế giới hiện tại. Thế giới không thu nhỏ lại và hạt vi trần cũng không phình to ra, đây là cảnh giới Sự - Sự vô ngại mà Chân Tâm lưu lộ ra. Cảnh giới này cứ trùng trùng vô tận. Phật nói rằng Phổ Hiền Bồ-tát có thể đi vào các thế giới trong hạt vi trần. Thế giới Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát. Trong cõi Nhất Chân Pháp Giới của Tự Tánh hiện ra như cõi Cực Lạc, cõi Hoa Tạng,... không có lớn và nhỏ, cũng không có thời gian, cũng không có không gian. Hiện nay, các nhà Vật lý lượng tử đã chứng minh được là trong một điều kiện nào đó thì thời gian và không gian đều không tồn tại, đều bằng 0, thời gian và không gian đều là giả chứ không phải là thật.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

TỊNH ĐỘ TÔNG TU HỌC GIỚI LUẬT THEO 5 KHOA MỤC



I. Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật

Trước khi giảng về pháp môn niệm Phật A Mi Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc cho phu nhân Vy-Đề-Hy, Phật dạy bà: **“Tịnh Nghiệp Tam Phước là Chánh nhân Tịnh nghiệp của ba đời mười phương tất cả chư Phật!”**.

Câu nói này của Phật đã nói rõ Tịnh Nghiệp Tam Phước hết sức quan trọng, không được lơ là lướt qua. **Tịnh Nghiệp Tam Phước là nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất của người tu Tịnh Độ**. Ba đời chư Phật là chư Phật quá khứ - chư Phật hiện tại - chư Phật vị lai đều nương vào Tịnh Nghiệp Tam Phước làm điều kiện cơ bản nhất, điều kiện đầu tiên nhất và điều kiện quan trọng nhất để chứng nhập vào Tự Tánh Phật viên mãn. Cho đến, toàn thể Phật pháp đều là lấy Tịnh Nghiệp Tam Phước làm gốc rễ, làm tổng nguyên tắc cao nhất để tu thành Phật. Nếu không thật sự dốc sức hành trì Tịnh Nghiệp Tam Phước thì tu học bất kỳ pháp môn nào trong nhà Phật cũng đều chắc chắn không có thành tựu, dù niệm A Mi Đà Phật cả một đời cũng không thể vãng sanh Cực Lạc!

Một là, Hiếu dưỡng phụ mẫu (dưỡng cái thân và dưỡng cái chí hướng thành Phật của cha mẹ), phụng sự sư trưởng (trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy phải làm như thế nào thì thật thà nghe lời thật sự làm, không được trái phạm lời Phật dạy), từ tâm bất sát (có tâm từ bi không giết hại thân mạng và Pháp Thân Huệ Mạng của chúng sanh), tu Thập Thiện Nghiệp.

Hai là, Thọ trì Tam Quy (Quy y Tự Tánh Giác: Giác ngộ chứ không còn mê hoặc điên đảo; Quy y Tự Tánh Chánh: Chánh chứ không tà, Quy y Tự Tánh Thanh Tịnh: Thanh Tịnh chứ không ô nhiễm. A Mi Đà Phật còn có biệt hiệu là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cũng chính là Tự Tánh Tam Bảo của mỗi chúng sanh, trì danh hiệu A Mi Đà Phật là chân thật nương tựa Tự Tánh Tam Bảo), cụ túc (đầy đủ) chúng Giới (tất cả những điều Phật dạy trong Kinh Vô Lượng Thọ và những thiện pháp trong thế gian đều gọi chung là Giới), bất phạm oai nghi (4 oai nghi đi - đứng - nằm - ngồi đều phải ở trong Chánh niệm và tuân theo quy định mà Phật dạy trong Giới Luật).

Ba là, Phát tâm Bồ-đề (Bồ-đề tâm là tâm chân thành - thanh tịnh - bình đẳng - chánh giác - từ bi), tin sâu nhân quả (niệm Phật là nhân - thành Phật là quả), đọc tụng Đại-thừa (đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ,...), khuyến tấn hành giả (khuyến người phát tâm Bồ-đề niệm A Mi Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc).

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

II. Lục Hòa Kính

Một là: Kiến hòa đồng giải

Hai là: Giới hòa đồng tu

Ba là: Thân hòa đồng trụ

Bốn là: Khẩu hòa vô tranh

Năm là: Ý hòa đồng duyệt

Sáu là: Lợi hòa đồng đều

Lục Hòa Kính quan trọng nhất là Kiến hòa đồng giải: Kiến giải (thấy và lý giải) phải hòa hợp. Ở chung với đại chúng phải hòa, phải kính; muốn tu học được Lục Hòa Kính thì phải dùng tâm lễ kính và tâm nhẫn nhục để tu.

III. Tam Vô Lậu Học

Giới học - Định học - Huệ học

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật dạy: “**Nhiếp tâm là Giới, từ Giới sanh Định, từ Định phát Huệ!**”. 4 trọng Giới căn bản là: Không giết, Không trộm, Không dâm, Không đại vọng ngữ (chưa chứng Thánh mà nói đã chứng Thánh). Giới là ngăn ngừa ác, Định là trong tâm có chủ tể (không bị dao động), Huệ là tâm rõ ràng minh bạch không mê hoặc điên đảo.

IV. Lục Độ Ba-la-mật

Bố-thí, Trì-giới, Nhẫn-nhục, Tinh-tấn, Thiên-định, Trí-huệ

6 Ba-la-mật thì quan trọng nhất là Bố-thí Ba-la-mật và Nhẫn-nại Ba-la-mật. Bố-thí đoạn tâm tham. Trì-giới khiến ác không sanh khởi, tâm được thuần thiện, tâm thuần thiện thì sẽ thuần thanh tịnh. Nhẫn-nhục đoạn tâm sân hận ngạo mạn, tăng trưởng tâm từ bi.

Ba-la-mật trước làm nền tảng để tu hành tiến lên Ba-la-mật sau và trong mỗi Ba-la-mật đều có đầy đủ 5 Ba-la-mật còn lại.

Nhẫn-nại được thì mới có thể Tinh-tấn. Tinh-tấn là tiền đề của Thiên-định, Thiên-định là trong tâm có chủ tể, không bị ngoại cảnh làm dao động, đây là trạng thái Nhất Tâm. Thiên-định là tiền đề để phát Trí-huệ Ba-la-mật, Trí-huệ là tâm hiểu biết rõ ràng mọi thứ, đây là trạng thái Bất Loạn. Cho nên, Nhất Tâm Bất Loạn chính là Định - Huệ đẳng trì, tâm trong lặng sáng tỏ quán chiếu sáng tỏ vạn pháp.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

V. Phổ Hiền Bồ-Tát Thập Đại Nguyên Vương

Một là: Lễ kính các đức Phật

Hai là: Khen ngợi đức Như Lai

Ba là: Rộng tu sự cúng dường

Bốn là: Sám hối tội nghiệp chướng

Năm là: Tùy hỷ các công đức

Sáu là: Thỉnh đức Phật thuyết pháp

Bảy là: Thỉnh đức Phật ở lại thế gian

Tám là: Thường học tập theo Phật

Chín là: Hằng thuận lợi chúng sanh

Mười là: Hồi hướng khắp tất cả

Ân sư Thích Tịnh Không thường giảng, nếu đem Tam-bối Cửu-phẩm ở cõi Cực Lạc dựa theo % của bộ Kinh Vô Lượng Thọ để phân chia thì chia ra như sau: Thượng phẩm Thượng sanh làm được 100%, Thượng phẩm Trung sanh làm được 90%, Thượng phẩm Hạ sanh làm được 80%. **Thượng phẩm là làm được trọn vẹn 3 điều trong Tịnh Nghiệp Tam Phước**, đây là bậc Pháp Thân Bồ-tát. Sơ Trụ Bồ-tát trong Viên giáo gọi là Phát-tâm-trụ, chính là đã thật sự phát ra và an trụ trong tâm Bồ-đề. Trung phẩm Thượng sanh làm được 70%, Trung phẩm Trung sanh làm được 60%, Trung phẩm Hạ sanh làm được 50%. **Trung phẩm là làm được trọn vẹn 2 điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước**. Hạ phẩm Thượng sanh làm được 40%, Hạ phẩm Trung sanh làm được 30%, Hạ phẩm Hạ sanh làm được 20%. **Hạ phẩm là làm được trọn vẹn điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước (20%)**.

Cho nên, nếu điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước mà quý vị cũng không thể làm được thì dù mỗi ngày quý vị có niệm Phật đến 20 vạn câu Phật hiệu cũng không thể vãng sanh Cực Lạc. Lời tôi nói đây là sự thật! Tổ sư nói: “Miệng niệm Mi Đà tâm tán loạn, đầu mồm rất hòng cũng chỉ uống công!”. Thế giới Cực Lạc là “chư Thượng-thiện-nhân câu hội nhất xứ”. Quý vị phải đem bản thân mình tu dưỡng thành người Thượng-thiện thì mới có cơ hội đến được thế giới Cực Lạc, thấp nhất là phải làm được điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ân sư Thích Tịnh Không cũng thường giảng, điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước thực tiễn ở mấy khoa mục sau:

Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng là tu Hiếu thân - Tôn sư, thực tiễn trong quyển sách Đệ Tử Quy của Nho giáo.

Từ tâm bất sát là tu tâm từ bi, thực tiễn trong quyển sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo.

Tu thập thiện nghiệp thực tiễn trong quyển Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật giáo.

3 nền tảng này là đại căn đại bản của hết thảy phạm phu thiện trong thế gian và Thánh nhân xuất thế gian. Đệ Tử Quy của Nho giáo và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo để bổ khuyết cho nền tảng Tiểu-thừa. Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh thông cảm Tiểu-thừa lẫn Đại-thừa, thông đến tận Phật quả viên mãn.

Nếu gốc rễ đã kiên cố vững chắc rồi thì cành lá hoa quả sẽ tự nhiên sanh ra sum suê tươi tốt.

Nếu không có 3 gốc rễ này thì việc tu hành trong Phật pháp cũng chỉ như hoa cắm vào trong bình, vừa nhìn thì thấy đẹp nhưng nó không có gốc rễ, nó trải qua được vài ngày liền bị khô héo thối nát.

Ân sư Thích Tịnh Không giảng, Tịnh Nghiệp Tam Phước nếu quy kết lại sau cùng thì thực tiễn ở 3 khoa mục sau:

Phước thứ nhất là phước cõi người và cõi trời, thực tiễn ở Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Phước thứ hai là phước của Tiểu-thừa Thánh nhân, khoa mục thực tiễn rất rộng lớn, nhưng có thể tổng kết lại ở Sa-di luật-nghi. Sa-di luật-nghi thì hàng xuất gia và hàng tại gia đều có thể học được; chỉ trừ Tỳ-kheo giới và Tỳ-kheo-ni giới là hàng tại gia không được xem.

Phước thứ ba là phước của Đại-thừa Thánh nhân, khoa mục thực tiễn chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ.

Chú thích: Sơ Tín Vị Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề, nhưng thường hay quên mất, đến khi Minh Tâm Kiến Tánh (Sơ Trụ Bồ-tát) mới thật sự là phát tâm Bồ-đề. ❀

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

ĐỆ TỬ QUY	弟子規
--------------------------	-----

(ĐẠO LÀM NGƯỜI)

Tác giả: Tiên sinh Lý Dục Tú

Cải biên: Tiên sinh Giả Tồn Nhân

Viết dịch: Cư sĩ Vọng Tây

(Sử dụng một số câu dịch của các dịch giả khác để nghĩa lý thêm sáng tỏ)

---o0o---

Đạo làm người, Thánh nhân dạy:

Trước “hiếu”, “kính”; đến “cần”, “tín”.

Yêu (thương) bình đẳng, gần nhân (“仁”) đức.

Có dư sức, thì học văn.

(“仁 nhân”: nhân từ, từ bi)



Chương 1

Ở NHÀ PHẢI HIẾU

(Nhập tác hiếu: Ở nhà hiếu thuận với cha mẹ)

Cha mẹ gọi, trả lời ngay.

Cha mẹ bảo, chớ làm biếng.

Cha mẹ dạy, phải kính nghe.

Cha mẹ trách, phải thừa nhận.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Đông phải âm, hạ phải mát.

Sáng phải thăm, tối phải viêng.

Đi phải thưa, về phải trình.

Ở ổn định, nghề không đổi.

Việc tuy nhỏ, chớ tự làm.

Nếu đã làm, thiếu đạo con.

Vật tuy nhỏ, chớ cất riêng.

Nếu cất riêng, cha mẹ buồn.

Cha mẹ thích, dóc lòng làm.

Cha mẹ ghét, cẩn thận bỏ.

Thân bị thương, cha mẹ lo.

Đức tổn thương, cha mẹ tủi.

Cha mẹ thương, hiếu đâu khó.

Cha mẹ ghét, hiếu mới tốt.

Cha mẹ lỗi, khuyên thay đổi.

Mặt ta vui, lời ta dịu.

Khuyên không nghe, vui khuyên tiếp.

Khóc mà khuyên, đánh không trách.

Cha mẹ bệnh, nếm thuốc trước.

Ngày đêm hầu, không rời giường.

Tang ba năm, thường thương nhớ.

Sống tiết độ, bỏ rượu thịt.

Tang đủ lễ, cúng thành kính.

Thờ khi mất, như còn sống.

Chương 2

KÍNH TRỌNG MỌI NGƯỜI

(Xuất tác để: Ra ngoài phải tôn kính bậc trên và nhường nhịn bậc dưới)

Anh thương em, em kính anh.

Anh em thuận, hiếu trong đó.

Tiền của nhẹ, oán nào sanh.

Lời nhường nhịn, tức giận mất.

Hoặc ăn - uống, hoặc ngồi - đi.

Người lớn trước, người nhỏ sau.

Lớn gọi người, liền gọi giúp.

Người không có, mình làm thay.

Gọi bề trên, chớ gọi tên.

Với bề trên, chớ khoe tài.

Gặp trên đường, nhanh đến chào.

Người không dặn, kính lui tiến.

Phải xuống ngựa, phải xuống xe.

Tiến người đi, hơn trăm bước.

Người lớn đứng, ta khoan ngồi.

Đợi người ngồi, bảo ngồi theo.

Trước người lớn, phải nhỏ nhẹ.

Nói nhỏ quá, không đúng phép.

Nhanh nhẹn tới, chậm chậm lui.

Khi hỏi đáp, mắt nhìn thẳng.

Kính chú bác, như kính cha.

Kính anh họ, như anh ruột.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chương 3

SÓNG CẦN THẬN

Sáng dậy sớm, tối ngủ trễ.

Già chóng đến, (phải) quý thời gian.

Sáng rửa mặt, phải đánh răng.

Đại tiểu tiện, rửa tay sạch.

Mũ đội ngay, nút gài kỹ.

Vớ và giày, mang chỉnh tề.

Mũ - quần - áo, để đúng chỗ.

Chớ để bừa, tránh dơ bẩn.

Áo quý sạch, không quý đắt.

Hợp thân phận, hợp gia đình.

Việc ăn uống, chớ kén chọn.

Ăn vừa đủ, chớ quá no.

Tuổi còn trẻ, chớ uống rượu.

Uống say rồi, rất không tốt.

Đi thông thả, đứng ngay thẳng.

Chào cúi sâu, lạy cung kính.

Chớ đập cửa, chớ nghiêng dựa.

Chớ ngồi dạn, chớ rung đùi.

Vén rèm cửa, chớ ra tiếng.

Rẽ quẹo (nếu đổi hướng đi qua chỗ quanh co thì đi vòng) **rộng** (ra), **chớ** (đề) **đụng** (vào) **góc** (cạnh).

Cầm vật rộng, như vật đầy.

Vào phòng trống, như có người.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chớ làm vội, vội sai nhiều.

Không sợ khó, chớ (làm) qua loa.

Nơi ồn náo (tranh giành, đấu đá, cãi nhau), tuyệt (đổi) chớ (đến) gần

Việc (xấu) tà ác, tuyệt (đổi) không hỏi qua.

Sắp vào cửa (nhà ai), phải gọi cửa.

Sắp vào nhà, cất tiếng lớn.

Người hỏi ai (đó)? Nên nói tên.

Nói “ta – tôi”, không rõ ràng.

Dùng đồ người, phải mượn rõ.

Nếu không hỏi, khác gì trộm.

Mượn đồ người, trả đúng hẹn.

Sau có cần, mượn không khó.



Chương 4

SÓNG UY TÍN

Hễ nói ra, tín (thành thật) trước tiên.

Lời dối trá, sao nói được.

Nói nhiều lời, không bằng ít.

Nói sự thật, không nịnh hót.

Lời gian xảo, từ bản thủ.

Thói côn đồ, phải trừ bỏ.

Thấy chưa thật, chớ nói bừa.

Biết chưa đúng, chớ tuyên truyền.

Việc không (thích) hợp, chớ dễ nhận.

Nếu (tùy tiện) nhận bừa, tiến - lui (đều) lỗi (lầm).

Hễ nói chuyện, (giọng) mạnh - chậm rãi (nói trọng điêm).

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chớ gấp gáp, chớ mơ hồ.

Kia nói đúng, đây nói sai.

Chẳng liên quan, đừng can dự.

Thấy người thiện, học theo người.

Dù kém xa, dần theo kịp.

Thấy người ác, nhìn lại mình.

Có thì sửa, không thì tránh (lặp lại tội lỗi của người ác).

Chỉ (đạo) đức học (vấn), chỉ tài (năng) (tay) nghề.

Không bằng người, phải tự (cố) gắng (học và rèn luyện).

Nếu quần - áo, hoặc ăn - uống.

Dù kém người, không nên buồn.

Nghe lỗi giận, nghe khen vui.

Bạn ác đến, bạn thiện lui.

Nghe khen sợ, nghe lỗi vui.

Người hiền thiện, dần gần gũi.

Vô ý phạm, gọi là sai (lâm).

Cố ý phạm, gọi là tội (ác).

Biết sửa lỗi, không còn lỗi.

Nếu che giấu, lỗi thêm lỗi.



Chương 5

BÌNH ĐẲNG YÊU THƯƠNG TẤT CẢ

Cùng loài người, phải thương nhau.

Chung bầu trời, chung mặt đất.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Người (đức) hạnh cao, danh (tiếng) tự cao.
Mọi người (kính) trọng, chẳng do tướng (mạo).
Người tài (năng) lớn, (danh) tiếng tự lớn.
Được người (kính) phục, chẳng do khoe (tài).

Ta có tài, đừng ích kỷ.

Người có tài, đừng đố kỵ (ganh ghét).

Đừng nịnh giàu, đừng khinh nghèo.

Đừng ghét cũ, đừng tham mới.

Người không rảnh, chớ làm phiền.

Người bất an, chớ quấy nhiễu.

Người có lỗi, chớ vạch trần.

Chuyện riêng tư (của người), không được nói.

Khen người thiện, chính là thiện.

Người biết được, sẽ (có) gắng (thiện) hơn.

Rao (truyền) điều ác, chính là ác.

Ác khổ (càng) nhiều, tai họa (sẽ ập) đến.

Cùng khuyên thiện, cùng lập (đạo) đức.

Lỗi không ngăn, đạo đức (đôi bên) kém (giảm).

Hễ nhận - cho, phân biệt (hiểu) rõ.

Cho đi (nên) nhiều, nhận về (nên) ít.

Làm cho người, trước (tiên phải) hỏi mình.

Mình không muốn, phải dừng (lại) ngay.

Ơn mong trả, oán nên quên.

Đừng báo oán, mãi báo ơn.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Đối (xử với) **người làm** (nhân viên), **thân** (phận cao) **quý đoan** (nghiêm).

Tuy (cao) **quý đoan** (nghiêm), **lòng nhân từ** (độ lượng).

Dùng quyền thế, **người không phục**.

Dùng đạo đức, **người tâm phục**.



Chương 6

GẦN NGƯỜI NHÂN TỪ ĐỨC ĐỘ

Cùng là người, (nhưng) **tính khác nhau**.

Thô tục nhiều, **nhân** (từ hiền) **đức ít**.

Đúng người nhân (đức), **người kính sợ**.

Nói lời thật, **không nịnh hót**.

Gần người hiền (đức), **tốt vô hạn**.

(Đạo) **đức** (tăng) **tiến dần**, **lỗi** (càng) **ngày** (càng) **giảm**.

Không gần (người) **hiền** (đức), **hại vô cùng**.

Tiểu nhân (người ác) **đến**, **trăm việc hư**.



Chương 7

CÓ THỪA SỨC, THÌ HỌC VĂN

Không gắng (sức thực) **hành**, **chỉ học văn** (lý thuyết).

Chỉ (bề ngoài) **phù hoa** (hào nhoáng), (làm) **sao thành người?**

Chỉ gắng (sức thực) **hành**, **không học văn**.

Theo ý mình, **mù lẽ phải!**

(Phương) **pháp đọc sách**, **có ba điểm:**

Tâm - mắt - miệng, (lòng) **tin đều** (quan) **trọng**.

Đang đọc (sách) **đây**, **chớ nghĩ** (đến sách) **kia**.

(Sách) **đây chưa** (đọc) **xong**, (sách) **kia chớ đọc** (đến).

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

(Dành) **thời gian** (quy định cho) **học** (tập), **cần chăm chỉ**.

Công phu đủ (thời gian nỗ lực học tập đủ), (chỗ bé) **tắc liền thông**.

Tâm có nghi, thì chép lại.

Gặp người (đề) hỏi, cầu (nghĩa lý) **chính xác**.

Gian phòng sạch, vách tường sạch.

Bàn (ghế) học sạch, bút nghiên ngay.

Mài mực nghiêng, tâm bất chánh.

Chữ viết ẩu, tâm không ngay.

Xếp sách vỡ, chỗ cố định.

Đọc xem xong, trả chỗ cũ.

Dù có (việc) gấp, (cũng) xếp ngay ngắn.

(Sách) có sai (sót) hư (hỏng), liền tu bổ.

Không (phải) sách Thánh (Hiền), (thì vứt bỏ đi) không được xem.

(Vì nó) **che** (lấp) **thông minh** (sáng suốt), (làm hư) **hỏng tâm** (và) **chí** (hướng).

Đừng nóng vội, (đừng lùi bước,) đừng (nản lòng, đừng) **từ bỏ**.

Thánh và Hiền, dần làm được!

---o0o---

Chú thích:

* **Đọc kinh là tâm - mắt - miệng thật tin tưởng chăm chú đọc theo kinh văn**. Mỗi ngày đọc Kinh Vô Lượng Thọ thì lâu dần sẽ thuộc được kinh văn, hoặc có thể chủ động học thuộc lòng Kinh Vô Lượng Thọ thì càng tốt. **Nếu đã thuộc lòng bộ Kinh Vô Lượng Thọ, khi đọc kinh không cần nhìn vào kinh văn thì gọi là tụng kinh.**✽

* Mở đầu Tam Tỳ Kinh viết: “**Nhân chi sơ, Tánh (Tự Tánh) bản thiện (hoàn thiện viên mãn)**! Tánh (tập tánh, tập khí) tương cận, tập tương viên! Cầu bất giáo, tánh nãi thiên! **Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên!**”. Cho nên, việc học quý ở chuyên, có chuyên ắt có thành tựu. Ân sư Thích Tịnh Không cũng nhấn mạnh việc tu học Phật pháp trước khai đạt đến khai ngộ (chứng Căn Bản Trí) phải “chuyên”; cư sĩ Lưu Tố Vân và cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đều nhờ chữ “chuyên” này mà khai ngộ chứng quả. Phạm phu nếu “chuyên tu” thì có thể khai ngộ chứng quả, còn nếu phạm phu mà lại tu hành tạp loạn thì không có thành tựu.✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN

“Nhà làm thiện tất dư niềm vui!

Nhà làm ác tất dư tai ương!”

Dịch giả: Lê Anh Minh

(Sử dụng một số câu theo bản dịch của cư sĩ Vô Tri dịch vào năm 1994)

KHAI KINH

Thái Cực Chân Nhân dạy rằng: “Thái Thượng rủ lòng thương mà dạy thiên Cảm Ứng này. Mỗi ngày đọc thuộc một lần thì dứt tuyệt mọi tội lỗi. Thọ trì một tháng thì phúc lộc càng bền. Tụng một năm thì thất tổ siêu thăng. Trì tụng không bê trễ thì tên sẽ được ghi vào sổ bộ chư tiên.”

I. MINH NGHĨA

Thái Thượng nói: “Họa và phúc không có cửa ngõ mà do con người triệu vời đến cho mình. Sự báo ứng của điều thiện và điều ác như cái bóng đi theo thân hình.”

II. GIÁM SÁT

Cho nên, trời đất có các vị thần trông coi tội lỗi của người đời. Căn cứ vào tội nặng hay nhẹ mà giảm bớt tuổi thọ của họ.

Giảm thọ ắt phải nghèo khổ, hao tổn, thường gặp hoạn nạn, sầu khổ. Rồi mọi người đều ghét bỏ kẻ ác. Hình phạt và tai họa đeo bám theo kẻ ác. Những sự hạnh phúc vui vẻ đều không xảy đến cho họ. Ác tình gieo tai họa cho họ. Tuổi thọ hết ắt phải chết.

Lại có thần Tam Thai và thần Bắc Đẩu ở trên đầu con người ghi chép tội ác của người đời để trừ bớt tuổi thọ của họ. Lại có thần Tam Thi ở trong thân thể con người, mỗi khi đến ngày Canh Thân thì lập tức lên thẳng đến Thiên Tào báo cáo tội lỗi người đời. Đến ngày cuối tháng âm lịch, Táo Quân cũng có phận sự giống như vậy. Người đời tội lớn thì bị giảm thọ 12 năm, lỗi nhỏ thì bị giảm thọ 100 ngày. Tội lỗi lớn nhỏ của con người tính ra có đến hàng mấy trăm. Cho nên muốn sống lâu thì trước tiên phải tránh xa tội lỗi.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

III. TÍCH THIỆN

1. Phàm sự việc nếu hợp với lẽ phải thì nên tiến tới mà nhanh chóng thực hành; trái lại, nếu nghịch với đạo lý thì hãy lui tránh.
2. Đường đường chính chính, không tự dối mình, không dối người, hành động quang minh lỗi lạc.
3. Phải tích lũy công đức.
4. Phải có lòng từ bi lân mẫn đối với muôn loài.
5. Trung thành với tổ quốc. Hiếu thảo với cha mẹ. Hòa mục với anh em.
6. Tu thân sửa mình để cảm hóa người.
7. Thương xót cứu giúp cô nhi và quả phụ.
8. Kính trọng người già và an ủi vỗ về trẻ nhỏ.
9. Không tổn hại côn trùng và cây cỏ.
10. Phải thương hại kẻ ác.
11. Phải vui mừng chia sẻ với người hành thiện.
12. Giúp người trong lúc cấp bách.
13. Cứu người trong lúc nguy nan.
14. Thấy người có được cũng giống như mình có được.
15. Thấy người bị mất mát cũng giống như mình bị mất mát.
16. Không phô bày sự kém cỏi của người.
17. Không khoe khoang cái hay của mình.
18. Che giấu điều xấu của người. Biểu dương điều thiện của người.
19. Khi phải chia chác đồ vật, thì nhường cho người phần nhiều hơn và giữ cho mình phần ít hơn.
20. Gặp nhục không oán.
21. Được sung ái phải sợ.
22. Giúp người chớ mong báo đáp.
23. Cho ai vật gì rồi thì đừng nghĩ lại mà hối tiếc.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

IV. THIỆN BÁO

1. Người thiện lương thì ai ai cũng kính trọng.
2. Trời giúp đỡ họ.
3. Phúc lộc đi theo bên họ.
4. Mọi tà quái tránh xa họ. Thần linh hộ vệ họ.
5. Mọi việc họ làm đều thành công.
6. Họ có thể hy vọng trở thành thần tiên:

Muốn trở thành Thiên Tiên thì phải làm 1300 chủng loại điều thiện.

Muốn trở thành Địa Tiên thì phải làm 300 chủng loại điều thiện.

V. CHƯ ÁC (THƯỢNG)

1. Nếu như suy tính đến chuyện phi nghĩa.
2. Làm chuyện trái với đạo lý.
3. Làm việc ác không biết hối cải, lại còn cho đó là tài năng của mình.
4. Nhẫn tâm làm điều tàn ác độc hại.
5. Lén hại người lương thiện.
6. Thảm khinh cha mẹ.
7. Khinh khi thầy dạy.
8. Phản bội nơi mình phục vụ, làm việc.
9. Lừa bịp người không hiểu biết.
10. Chê bai bạn học.
11. Dối trá lật lọng, công kích họ hàng thân tộc.
12. Hung bạo không thương người.
13. Tự có những thủ đoạn độc ác.
14. Chẳng cần biết đúng sai phải quấy.
15. Tráo trở ngược xuôi.
16. Bạo ngược đối với kẻ dưới để lập công.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

17. Nịnh bợ cấp trên, đón ý để trục lợi.
18. Nhận ơn ai, chẳng biết cảm động.
19. Luân ôm lòng oán hận không dứt.
20. Khinh bỉ trời và dân chúng.
21. Gây rối loạn chính trị trong nước.
22. Khen thưởng kẻ phi nghĩa.
23. Trùng phạt người vô tội.
24. Giết người cướp của.
25. Lật đổ người khác để chiếm địa vị của họ.
26. Giết kẻ đầu hàng.
27. Giáng chức người ngay, bài trừ người hiền.
28. Lãng nhục cô nhi, bức hại góa phụ.
29. Bỏ qua pháp luật để ăn hối lộ.
30. Lấy thẳng làm cong, lấy cong làm thẳng.
31. Tội người nhẹ mà làm cho nặng thêm.
32. Thấy người khác bị tội chết mà còn oán giận.
33. Biết lỗi mà không sửa.
34. Biết điều thiện mà không làm.
35. Mình có tội, làm liên lụy đến kẻ khác.
36. Cản trở tài năng của người khác.
37. Chê bai, phỉ báng Thánh Hiền,
38. Phá hỏng đạo đức.
39. Săn bắt chim thú.
40. Phá lỗ hang loài vật, làm kinh động chỗ chim đậu.
41. Lấp lỗ hang và lật úp tổ chim.
42. Phá thai hại trứng.

43. Mong cho người khác thất bại.
44. Hủy bỏ sự thành công của người khác.
45. Làm người khác lâm nguy để cho mình yên ổn.
46. Làm người khác hao tổn để cho mình ích lợi.
47. Xem điều ác là điều tốt.
48. Vì việc riêng tư mà phế bỏ việc công.
49. Trộm cắp tài năng của người khác.
50. Che lấp việc tốt của người khác.
51. Phô bày tướng xấu và điều xấu của người khác.
52. Soi mói chuyện riêng của người khác.
53. Làm cho người khác hao tổn tài vật.
54. Chia rẽ tình cốt nhục của người khác.
55. Xâm phạm tình yêu của người khác.
56. Giúp người khác làm điều xấu ác.
57. Khi được thời thế thì làm uy, làm mưa, làm gió.
58. Lãng nhục người khác để giành phần thắng.
59. Làm thất bại việc cày cấy của người khác.
60. Phá hoại hôn nhân của người khác.
61. Mới giàu có chút đỉnh đã kiêu căng.
62. Chạy tội không biết xấu hổ.
63. Mạo nhận ân huệ, chối biến tội lỗi.
64. Gieo họa cho người khác.
65. Mua bán danh hão.
66. Chết chứa lòng dạ sâu hiểm,
67. Ếm tài năng và cản trở tài năng người khác.
68. Bảo vệ chỗ non kém của mình.

69. Cây quyền thế bức hiếp người khác.
70. Dung túng kẻ bạo ngược để giết hoặc gây thương tích cho người khác.
71. Không có lý do chính đáng mà cắt xén tĩa bỏ vật gì.
72. Không có lẽ lạc mà giết mổ súc vật.
73. Vung vãi bỏ đi ngũ cốc.
74. Làm chúng sanh lao nhọc, phiền não.
75. Phá hoại gia cang người khác.
76. Giữ lấy tài vật quý báu của người khác.
77. Phá đê điều và đốt nhà làm hại dân cư.
78. Làm loạn phép tắc để công của người khác bị thất bại.
79. Phá hư dụng cụ, đồ nghề của người khác khiến họ không còn gì để dùng.
80. Thấy người vinh hiển phú quý thì mong cho họ bị giáng chức và lưu đày.
81. Thấy người giàu có thì mong cho họ hao tổn của cải.
82. Thấy vợ hay con gái người ta xinh đẹp thì nảy lòng muốn tư thông.
83. Thiếu nợ người tiền bạc của cải thì mong cho họ chết đi.
84. Mong cầu địa vị bổng lộc mà không toại nguyện thì sanh tâm oán hận chửi rủa.
85. Thấy người thất lợi thì rêu rao lỗi lầm của họ.
86. Thấy người khác hình hài tướng tá không toàn vẹn thì chê cười.
87. Thấy người tài giỏi, bề ngoài thì tán dương nhưng trong tâm thì tìm cách chèn ép họ.

VI. CHƯ ÁC (HẠ)

1. Chôn bùa ếm hại người.
2. Dùng thuốc để hại cây cối.
3. Oán giận thầy dạy chữ và dạy nghề.
4. Xung đột với cha và anh.
5. Dùng vũ lực hay mưu kế chiếm đoạt, cố cầu cho kỳ được.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

6. Thích xâm lấn chiếm đoạt của cải,
7. Cướp bóc để trở nên giàu có.
8. Xảo trá cầu thăng quan tiến chức.
9. Thương phạt không công bằng.
10. Dâm dật hưởng lạc không kiềm chế.
11. Hà khắc ngược đãi thuộc hạ.
12. Đe dọa ai làm cho kẻ khác phải sợ.
13. Oán trời hận người.
14. Mắng gió chửi mưa.
15. Tranh đấu kiện tụng.
16. Kéo bè kết đảng để làm điều xấu ác.
17. Nghe lời vợ mà không nghe lời dạy của cha mẹ.
18. Có mới nói cũ.
19. Miệng nói phải, lòng nói trái.
20. Tham lam mạo nhận tiền của.
21. Khinh thường, khua láp đối với bề trên.
22. Nói lời ác độc.
23. Gièm siểm người khác.
24. Hại người, tự cho mình ngay thẳng.
25. Chửi rửa thần Thánh, tự xưng mình ngay thẳng.
26. Bỏ thuận theo nghịch.
27. Phán bội thân thuộc, đi theo người ngoài.
28. Chỉ trời chỉ đất để làm chứng cho lòng dạ xấu xa.
29. Gọi thần minh chứng giám cho việc xấu ác.
30. Trước tặng cho người, sau hối tiếc.
31. Mượn vay không trả.

32. Cầu mong quá phận mình.
33. Cố hết sức mưu cầu phú quý.
34. Dâm dục quá mức.
35. Lòng dạ sâu hiểm nhưng bề ngoài ra vẻ hiền lành.
36. Đưa thức ăn dơ cho người ăn.
37. Dùng bàng môn tà đạo để lừa bịp đời.
38. Dùng thước non thước thiếu để đo đạc cho người,
39. Cân nhẹ, thăng non.
40. Lấy sự gian trá làm hỗn loạn chân lý.
41. Tuyển chọn gian lợi.
42. Đè nén người lương thiện để họ nghèo mạt.
43. Khinh khi gạt gẫm kẻ khờ khạo.
44. Tham lam không biết chán.
45. Trước thần linh thề láo cho mình là ngay thẳng.
46. Ham nhậu nhẹt quậy phá.
47. Anh em ruột thịt giận nhau, tranh giành nhau.
48. Trai không trung lương.
49. Gái không nhu thuận.
50. Chồng bỏ bê nhà cửa.
51. Vợ không biết tôn trọng chồng.
52. Thích kiêu căng khoác lác.
53. Thường ganh ghét đố kỵ.
54. Chồng không đức hạnh đôi với vợ con.
55. Vợ không lễ phép với cha mẹ chồng.
56. Khinh thường tổ tiên đã khuất.
57. Vi phạm mệnh lệnh của bề trên.

58. Làm chuyện tâm phào vô ích.
59. Âm thầm sanh lòng khác (hai lòng).
60. Rửa mình, rửa người.
61. Ghét - thương thiên vị.
62. Bước qua giếng và bếp lò.
63. Nhảy qua thức ăn, nhảy qua thân thể người khác.
64. Tổn hại con cái, phá thai.
65. Hành vi ám muội.
66. Ngày cuối tháng, cuối năm ca múa.
67. Ngày đầu tháng đầu năm khóc la giận hờn.
68. Day về hướng Bắc khóc, hỉ mũi, khạc nhổ, tiểu tiện.
69. Trước ông Táo ngâm vịnh, khóc lóc, hoặc đốt nhang trong bếp lò.
70. Củi dơ nấu ăn.
71. Đêm tối lỏa lồ.
72. Ngày Bát-tiết thi hành hình phạt.
73. Khạc nhổ về phía sao băng.
74. Tay chỉ cầu vòng.
75. Thường chỉ trở mặt trời - mặt trăng - các vì sao.
76. Nhìn lâu mặt trời mặt trăng.
77. Mùa xuân đốt rừng săn bắn.
78. Day về hướng Bắc chửi rửa độc địa.
79. Không có lý do mà đánh giết rắn rùa.

VII. ÁC BÁO

Như những tội ấy, thần Tư Mệnh tùy theo nặng - nhẹ mà bớt tuổi thọ của kẻ gây tội. Tuổi thọ hết thì chết. Nhưng nếu chết mà chưa hết tội thì con cháu sẽ gánh chịu tai ương.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Lại như có kẻ cướp giật ngang ngược tiền tài của người khác thì vợ con và toàn gia đình hẳn cũng gánh chịu, dần dần cho đến chết. Nếu không chết thì cũng bị tai họa nước lửa hoặc trộm cướp, mất mát đồ vật, tật bệnh, mắc lời ăn tiếng nói, v.v. coi như là cái giá phải trả cho thói cướp giật ngang ngược.

Lại có kẻ giết oan người khác rồi đây cũng bị giết trở lại giống như đổi gươm giáo mà giết nhau.

Còn kẻ ôm giữ tiền của phi nghĩa, giống như dùng thịt độc và rượu độc để khỏi đói khát, chẳng no lòng tí nào mà cái chết thì cận kề vậy.

VIII. CHỈ VI

Hễ tâm dấy khởi một điều thiện (thiện niệm) thì tuy điều thiện chưa làm nhưng thiện thần đã đi theo mình rồi.

Hoặc tâm dấy khởi một điều ác (ác niệm) thì tuy điều ác chưa làm nhưng ác thần đã đi theo mình rồi.

IX. HỐI QUÁ

Đã từng làm ác mà sau đó tự hối cải, không làm mọi điều ác nữa, làm mọi điều thiện. Được thế, lâu ngày ắt có sự tốt lành. Đó gọi là chuyển họa thành phúc vậy.

X. LUẬT ĐỊNH

Vậy cho nên, người hiền thiện nói điều thiện, xem điều thiện và làm điều thiện. Mỗi ngày làm ba điều thiện thì ba năm trời ban phúc cho.

Còn người ác nói điều ác, xem điều ác và làm điều ác. Mỗi ngày làm ba điều ác thì ba năm trời giáng họa cho.

Tại sao lại không cố gắng mà làm điều thiện đi?

Chú thích:

Cảm Ứng Thiên là một kinh sách khuyên thiện rất cổ xưa trong vô số các kinh sách khuyên thiện của Trung Quốc. Nguyên tựa kinh này là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Tựa kinh đã cho biết tác giả là đức Thái Thượng Lão Quân, tức là Thái Thượng Đạo Tổ. Tuy nhiên cho đến nay, vẫn chưa có ai biết về tác giả của Cảm Ứng Thiên.

Quyển Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Linh Dị Ký (Ghi chép về những linh nghiệm kỳ lạ do trì tụng Cảm Ứng Thiên) của ngài Vô Tích Vạn Quân Thúc Hào ghi rằng:

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

“Kinh này xuất hiện từ đời Tấn (265-420) đến nay, người noi theo đó tu thân thành tiên (chân nhân) thì rất nhiều, người trở nên phú quý thì vô số kể. Kinh này phổ biến khắp nơi!”.

Kinh này nằm trong Đạo tạng [kinh điển Đạo giáo]. Trong kinh này, các điều thiện được liệt kê thành 26 loại, các điều ác được liệt kê thành 170 loại.

Cảm Ứng Thiên có sức ảnh hưởng giáo dục rất lớn đối với người hậu thế.

Bố cục Cảm Ứng Thiên như sau:

Mở đầu là phần Khai Kinh do đức Thái Cực Chân Nhân giảng.

Sau đó là phần kinh tụng chia làm 10 điều:

Điều 1 - Minh Nghĩa: Thuyết minh tổng quát về họa phúc, thiện ác và nhân quả báo ứng. Đây là tông chỉ của Cảm Ứng Thiên, bao gồm 16 chữ: “Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình!”.

Chín điều còn lại là khai triển của điều một.

Điều 2 - Giám Sát: Thuyết minh sự giám sát nghiêm ngặt của thần minh đối với từng hành vi, ngôn ngữ và tâm ý của mỗi người. Từ đó nhấn mạnh rằng con người cần tránh xa tội lỗi.

Điều 3 - Tích Thiện: Thuyết minh rằng con người cần tích lũy điều thiện. Điều thiện cần xem xét và thi hành bao quát 3 mặt thân, khẩu, ý.

Điều 4 - Thiện Báo: Thuyết minh sự báo ứng tốt đẹp xuất phát từ sự tích thiện.

Điều 5 và 6 - Chư Ác: Liệt kê những điều ác mà con người thường gây ra. Đây là cái nhân xấu dẫn đến cái quả xấu (ác báo) được giải thích ở điều 7.

Điều 7 - Ác Báo: Giải thích những quả báo xấu do những điều ác mà con người gây ra (nói ở điều 5 và 6).

Điều 8 - Chỉ Vi: Chỉ ra cho thấy sự tể vi, nhấn mạnh sự linh ứng cấp thời: Ngay khi con người khởi tâm (thiện hoặc ác) thì cát thần hoặc hung thần đã chực sẵn để ra tay.

Điều 9 - Hối Quá: Nhấn mạnh sự ăn năn sám hối tội lỗi đã qua và phòng ngừa cho khỏi làm ác về sau. “Không làm mọi điều ác, phải phụng hành mọi điều thiện”, được vậy thì lâu ngày sẽ trở nên tốt đẹp (cát khánh), đó là phép chuyển đổi họa thành phúc.

Điều 10 - Luật Định: Những luật định ra về việc hành thiện và hành ác.

Thái Thượng dạy rằng nếu chúng ta đã biết luật định như vậy rồi thì phải cố gắng làm thiện và tránh ác.*

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

PHẬT NÓI KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Đời Đại Đường, Tam-tạng Thật-Xoa-Nan-Đà, người nước Vu
Điền dịch từ Phạn văn ra Hán văn

Hòa thượng Thích Tâm Châu dịch từ Hán văn ra Việt văn

(Chánh Tân Tu Đại Tạng, Tập 15, Kinh Tập bộ, Tr. 157, Số hiệu 0600, 1, Thập
Thiện Nghiệp Đạo Kinh, Đường Thật Xoa Nan Đà dịch.⁽¹⁾)

---00o---

Chính tôi được nghe⁽²⁾: Một thời kia đức Phật ở chốn long cung Sa-Kiệt-La⁽³⁾, cùng với tám nghìn chúng Đại Tỳ-kheo và ba vạn hai nghìn vị Đại Bồ-tát.⁽⁴⁾

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Long Vương rằng: “Tâm tưởng của hết thảy chúng sanh khác nhau, sự tạo nghiệp của họ cũng khác, nên mới có sự luân chuyển trong mọi thứ.

Này Long Vương! Ông có thấy những vị đương trong hội này cũng như những hình sắc của mọi loài trong đại hải này đều khác nhau không?

Như thế, hết thảy không phải do tâm tạo ra thiện và bất thiện của nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý mà có những hình sắc ấy là gì?

Song, TÂM không có SẮC, không thể nào nhận thấy được. Và, đó chỉ là sự giả dối của mọi pháp hợp tập gây nên, rốt ráo [hoàn toàn] không có chủ [tể], không có ta [ngã], cũng không có cái gì của ta [ngã sở]. Tuy đều tùy nghiệp hiện ra không đồng [không giống nhau], mà trong ấy thực không có tác giả [chủ thể tạo tác], nên hết thảy pháp đều không thể nghĩ bàn được về Tự Tánh như huyễn của nó.

Bậc trí giả biết thế rồi, nên tu thiện nghiệp và do đó sẽ sanh ra năm UẨN⁽⁵⁾, mười hai XÚ⁽⁶⁾, mười tám GIỚI⁽⁷⁾... đều được đoạn chánh, ai trông thấy cũng đều vui vẻ không chán.

Này Long Vương! Ông xem thân của Phật, từ trăm nghìn ức phước đức sanh ra, mọi tướng trang nghiêm, ánh sáng rực rỡ, tỏa khắp đại chúng; dù có đến vô lượng ức vị [trời] Tự Tại [và trời] Phạm Vương cũng không thể hiển hiện như thế được. Ai được chiêm ngưỡng thân của Như Lai lại không lóa mắt!

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ông lại xem thân của các vị Đại Bồ-tát đây, diệu sắc nghiêm tịnh, hết thấy đều do tu tập phước đức thiện nghiệp sanh ra.

Lại, các hàng thiên long bát bộ⁽⁸⁾... có uy thế lớn cũng bởi phước đức thiện nghiệp sanh ra. Và, ngay như trong đại hải [biển lớn] này có những chúng sanh hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ cũng đều do những tưởng niệm nơi tự tâm tạo ra những nghiệp bất thiện của thân - miệng - ý nên tùy [theo] nghiệp [mà] họ tự chịu lấy báo thân như thế.

Nay ông thường nên tu, học như thế và cũng nên làm sao cho chúng sanh hiểu thấu nhân quả, tu tập thiện nghiệp như thế. Được thế, nhân chỗ Chánh kiến bất động ấy ông sẽ không rơi vào đoạn kiến, thường kiến⁽⁹⁾. Đối với những ruộng phước⁽¹⁰⁾ các ông hoan hỷ, cung kính, cúng dường, nên các ông cũng được nhân [người], thiên [trời] tôn kính, cúng dường.

Long Vương nên biết! Bồ-tát có một pháp dứt được hết thấy khổ não trong mọi đường ác.

Một pháp ấy là gì?

Nghĩa là ngày đêm thường nhớ [thường niệm thiện pháp là tâm thiện], nghĩ [tư duy thiện pháp là ý niệm thiện], quán sát thiện pháp [là hành vi khẩu - thân - ý thiện] làm cho những thiện pháp ấy niệm niệm tăng trưởng và không dung hào phân bất thiện nào [không để cho một chút xíu ác nào] xen vào. Thế tức là hay khiến [cho] mọi ác dứt hẳn, thiện pháp viên mãn, thường được thân cận chư Phật, Bồ-tát và Thánh chúng.

Thiện pháp ấy là gì?

Nghĩa là, thân của nhân [người], thiên [trời], đạo Bồ-đề của hàng Thanh-văn, đạo Bồ-đề của hàng Độc-giác và đạo quả Vô Thượng Bồ-đề, đều y vào pháp ấy làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là thiện pháp. Và, thiện pháp ấy tức là mười thiện nghiệp đạo.

Những gì là mười?

Nghĩa là, xa hẳn những nghiệp: sát sanh, trộm cắp, tà hạnh; nói dối, hai lưỡi [thị phi đâm thọc hai bên gây bất hòa], ác khẩu [lời thô lỗ độc ác], nói khéo [nói thêu dệt làm mê hoặc chúng sanh]; tham dục, giận dữ và tà kiến.

Này Long Vương! Nếu tránh nghiệp sát sanh, liền thành tựu được mười pháp lìa xa phiền não. Những gì là mười?

Một là phổ thí đức vô úy đối với mọi chúng sanh.

Hai là thường khởi tâm đại từ đối với chúng sanh.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ba là dứt hẳn hết thấy tập khí⁽¹¹⁾ giận dữ.

Bốn là, thân thường không có tật bệnh.

Năm là, thọ mệnh lâu dài.

Sáu là, thường được hàng phi-nhân⁽¹²⁾ thủ hộ.

Bảy là, thường không ác mộng, thức - ngủ vui vẻ.

Tám là, diệt trừ oán kết, mọi oán tự giải.

Chín là, không sợ sa vào đường ác.

Mười là, sau khi mệnh mất [mạng chung] được sanh lên cõi trời.

Ấy là mười pháp! Nếu đem mười pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-dăng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, được quả vị Phật, thọ mệnh sẽ tùy tâm tự tại.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp trộm cắp, liền được mười pháp có thể bảo đảm, tin tưởng. Những gì là mười?

Một là của cải đầy đầy. Vua, giặc, nước, lửa và con hư không không thể làm tan mất được.

Hai là nhiều người yêu mến.

Ba là người không lừa gạt.

Bốn là mười phương khen ngợi.

Năm là không lo tổn hại.

Sáu là tiếng lành đồn xa.

Bảy là ở chốn đông người không sợ.

Tám là của cải, thọ mệnh, hình sắc, sức lực, yên vui, biện tài đầy đủ không thiếu.

Chín là thường sẵn lòng bố thí.

Mười là, sau khi mệnh mất được sanh lên cõi trời.

Ấy là mười pháp! Nếu đem mười pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-dăng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, chứng được Trí-thanh-tịnh Đại Bồ-đề.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp tà hạnh, liền được bốn pháp mà bậc trí giả khen ngợi. Những gì là bốn?

Một là mọi căn điều hòa, thuận lợi.

Hai là xa hẳn sự xôn xao.

Ba là được đời khen ngợi.

Bốn là vợ không bị ai xâm phạm.

Ấy là bốn pháp! Nếu đem bốn pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, được cái tâng tướng ẩn mật của Phật, Đại Trọng Phu.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp nói dối, liền được tám pháp mà chư thiên khen ngợi. Những gì là tám?

Một là miệng thường thơm sạch như hoa sen.

Hai là được mọi người đời tín phục.

Ba là nói lời thành chứng; nhân, thiên kính ái.

Bốn là, thường đem lời dịu dàng an ủi chúng sanh.

Năm là được ý vui thù thắng⁽¹³⁾ ba nghiệp thanh tịnh.

Sáu là nói không lầm lẫn, tâm thường hoan hỷ.

Bảy là nói lời tôn trọng; nhân, thiên vâng làm.

Tám là trí huệ thù thắng, không ai có thể chế phục được.

Ấy là tám pháp! Nếu đem tám pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, liền được Chân-thực-ngữ của Như Lai.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp hai lưỡi, liền được năm pháp không thể phá hoại. Những gì là năm?

Một là được thân bất hoại, không gì có thể hoại được.

Hai là được quyền thuộc bất hoại, không gì có thể phá được.

Ba là được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp.

Bốn là, được pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố.

Năm là được thiện tri thức bất hoại, không bị lừa dối.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ấy là năm pháp! Nếu đem năm pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, được quyền thuộc chân chính, các ma ngoại đạo không thể làm tan hoại được.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp ác khẩu, liền thành tựu được tám thứ tịnh nghiệp. Những gì là tám?

Một là lời nói không trái pháp độ.

Hai là lời nói ra đều lợi ích.

Ba là lời nói quyết định hợp lý.

Bốn là lời nói đẹp đẽ.

Năm là lời nói ra người ta thừa lĩnh [tiếp thu] được.

Sáu là lời nói ra người ta tin dùng.

Bảy là lời nói không thể chê trách được.

Tám là lời nói ra người ta đều ưa thích.

Ấy là tám pháp! Nếu đem tám pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, đầy đủ Phạm-âm-thanh-tướng của Như Lai.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp nói khéo, liền thành tựu được ba thứ quyết định. Những gì là ba?

Một là quyết định được bậc trí nhân yêu mến.

Hai là quyết định thường dùng trí huệ như thực [để] vấn đáp.

Ba là quyết định đối với nhân, thiên uy đức tối thắng, không có đối trá.

Ấy là ba pháp! Nếu đem ba pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, được Như Lai thọ ký, đều không luống dối.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa tham dục, liền thành tựu được năm thứ tự tại. Những gì là năm?

Một là ba nghiệp tự tại, mọi căn đầy đủ.

Hai là của cải tự tại, hết thấy oán tặc không hề cướp đoạt.

Ba là phúc đức tự tại, tùy tâm muốn gì, vật dụng đều đủ.

Bốn là vương vị tự tại, đồ vật quý lạ đều đem phụng hiến.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Năm là những vật được dùng, thù thắng gấp trăm lần bản tâm mong cầu, vì thời trước không bền xẻn, ghen ghét.

Ấy là năm pháp! Nếu đem năm pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, ba cõi⁽¹⁴⁾ đặc biệt tôn trọng và đều cung kính, cúng dường.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa giận dữ, liền được tám thứ tâm pháp hỷ duyệt. Những gì là tám?

Một là không có tâm làm tổn não ai.

Hai là không có tâm giận dữ.

Ba là, không có tâm gây sự kiện cáo.

Bốn là có tâm nhu hòa, ngay thực.

Năm là được từ tâm của bậc Thánh giả.

Sáu là tâm thường làm việc lợi ích, an vui cho chúng sanh.

Bảy là thân tướng đoan nghiêm, chúng đều tôn kính.

Tám là vì sự hòa nhẫn, chóng sanh lên thế giới Phạm thiên.

Ấy là tám pháp! Nếu đem tám pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, được Tâm-vô-ngại của Phật, người trông không chán.

Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa tà kiến, liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười?

Một là được ý vui chân thiện và bạn bè chân thiện.

Hai là thâm tín nhân quả, thà bỏ thân mệnh trọn không làm ác.

Ba là chỉ quy y Phật, không quy y các thiên thần.

Bốn là lòng ngay, thấy chánh, lìa hẳn hết thấy lưới [nghi] ngờ: tốt - xấu.

Năm là thường sanh trong cõi nhân, thiên, không sa [vào] đường ác.

Sáu là vô lượng phước huệ, dần dần thêm hơn.

Bảy là lìa hẳn tà đạo, tu hành Thánh đạo.

Tám là, không khởi thân kiến⁽¹⁵⁾ bỏ mọi nghiệp ác.

Chín là trụ vào kiến giải vô ngại.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Mười là không sa vào những nạn xứ.

Ấy là mười pháp! Nếu đem mười pháp ấy hồi hướng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác [thì] sau khi thành Phật, mau chứng hết thảy pháp của Phật, thành tựu thân thông tự tại.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Long Vương rằng: “Nếu có vị Bồ-tát nào y vào thiện nghiệp ấy, trong khi tu đạo:

Xa lìa nghiệp sát hại, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, được sống lâu không chết non và không bị hết thảy oán tặc làm tổn hại.

Xa lìa nghiệp không cho mà lấy, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, được sự tối thắng, không ai sánh kịp và đều hay tập hợp đầy đủ những pháp tạng của chư Phật.

Xa lìa nghiệp không đúng Phạm-hạnh [hạnh thanh tịnh], chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, mà mình trinh thuận, mẹ và vợ, con, không ai thường đem lòng dục mà nhìn ngó ngoài.

Xa lìa lời nói dối trá, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, tránh mọi hủy báng, thu giữ Chánh pháp, như lời thệ nguyện của mình, việc làm quyết định kết quả.

Xa lìa lời ly gián, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, quyến thuộc hòa mục, đồng vui một chí, thường không có sự tranh đấu ngang trái.

Xa lìa lời thô ác, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, hết thảy chúng hội, hoan hỷ quy y và lời nói ra ai cũng đều tín thọ, không chút trái nghịch.

Xa lìa lời nói vô nghĩa, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, lời nói không hư thiết, người đều kính thọ, hay dùng thiện phương tiện, dứt mọi ngờ vực.

Xa lìa tâm tham cầu, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, hết thảy vật sở hữu, đều đem ban cấp, tín giải kiên cố, đủ uy lực lớn.

Xa lìa tâm bực tức, chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, chóng tự thành tựu tâm trí vô ngại, mọi căn nghiêm trang, tốt đẹp, ai thấy cũng đều kính ái.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Xa lìa tâm tà đảo [tà kiến điên đảo], chăm làm Bồ-thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, thường sanh vào nhà kính tín Chánh kiến, thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng và thường không quên mất tâm Đại Bồ-đề.

Ấy là bậc Đại-sĩ trong khi tu đạo Bồ-tát, làm mười nghiệp thiện, dùng Bồ-thí trang nghiêm, được lợi ích lớn!

Như thế, Long Vương! Thiết yếu mà nói, thực hành mười thiện đạo:

Dùng Trì-giới trang nghiêm, hay sanh [ra] hết thấy nghĩa lợi của Phật pháp và đầy đủ đại nguyện.

Dùng Nhẫn-nhục trang nghiêm, được Viên-âm của Phật, đủ mọi tướng tốt.

Dùng Tinh-tấn trang nghiêm hay phá ma oán, nhập Pháp-tạng của Phật.

Dùng Thiên-định trang nghiêm, hay sinh niệm, tuệ, tầm quý, khinh an⁽¹⁶⁾.

Dùng Trí-huệ trang nghiêm, hay dứt hết thấy phân biệt vọng kiến. Lòng từ trang nghiêm, đối với chúng sinh không khởi não hại. Lòng bi trang nghiêm, thương mọi chúng sinh thường không chán bỏ. Lòng hỷ trang nghiêm, thấy người tu thiện, tâm không hiềm ghét. Lòng xả trang nghiêm, đối cảnh thuận - nghịch, tâm không thương - giận.

Bôn-nhiếp-pháp⁽¹⁷⁾ trang nghiêm, thường siêng nhiếp hóa hết thấy chúng sanh.

Niệm-xứ trang nghiêm, khéo hay tu tập bốn quán niệm xứ⁽¹⁸⁾.

Chánh-cần⁽¹⁹⁾ trang nghiêm, đều hay dứt trừ hết thấy bất thiện pháp, thành hết thấy thiện pháp.

Thần-túc⁽²⁰⁾ trang nghiêm, thường khiến thân tâm vui vẻ, nhẹ nhàng.

Năm-căn⁽²¹⁾ trang nghiêm, thâm tín kiên cố, tinh cần không biếng, thường không mê vọng, vắng lặng điều thuận, dứt mọi phiền não.

Năm-lực⁽²²⁾ trang nghiêm, mọi oán diệt hết, không gì hoại được.

Giác-chi⁽²³⁾ trang nghiêm, thường khéo giác ngộ hết thấy mọi pháp.

Chánh-đạo⁽²⁴⁾ trang nghiêm, được Chính-trí-huệ, thường hiện ở trước.

CHỈ trang nghiêm nên gột bỏ được hết thấy kết sử.

QUÁN trang nghiêm nên hay như thực biết được tự tánh của mọi pháp.

PHƯƠNG TIỆN trang nghiêm, chóng thành đầy đủ sự vui vô vi.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

Long Vương nên biết! Mười nghiệp thiện ấy hay khiến mười LỰC⁽²⁵⁾, bốn pháp VÔ ỦY⁽²⁶⁾, mười tám pháp BÁT CỘNG⁽²⁷⁾ cùng hết thấy Phật pháp đều được viên mãn. Vì thế, các ông nên siêng tu học!

Này Long Vương! Ví như hết thấy thành, ấp, làng, xóm,... đều y [nương tựa] vào đại địa mà được an trụ, hết thấy được thảo, cỏ cây, rừng rú cũng y vào đại địa mà được sinh trưởng; mười thiện đạo ấy cũng lại như thế: Hết thấy nhân, thiên [đều] y vào đó mà an lập; hết thấy Thanh-văn [Bồ-đề], Độc-giác Bồ-đề, mọi hạnh Bồ-tát và hết thấy Phật pháp cùng y vào đại địa của mười thiện mà được thành tựu!”.

Đức Phật nói kinh này rồi, Sa-Kiệt-La Long Vương cùng toàn thể đại chúng hết thấy thế gian thiên, nhân, A-tu-la,... đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

---o0o---

Chú thích Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo của Hòa thượng Thích Tâm Châu:

Phần trong dấu “[...]” là phần diễn giải ý nghĩa, không có trong nguyên văn bản dịch của Hòa thượng Thích Tâm Châu.

1) **Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo** là cuốn kinh số 600 trong Đại Tạng Kinh do Ngài Thập-Xoa-Nan-Đà (Sikṣānanda: Trung Hoa dịch là Học Hỷ) dịch từ Phạn văn ra Hán văn.

2) **Chính tôi được nghe:** Là lời Tôn giả A Nan tự xưng. Ít lâu sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, chư vị Thánh Tăng nhóm họp lại để kết tập những lời Phật dạy. Tôn giả A Nan được đề cử tụng Kinh Tạng, do đó, đầu mỗi kinh đều có ghi câu “Chính tôi được nghe”, để chứng tín.

3) **Sa-Kiệt-La (Sàgara):** Tàu dịch là Hàm Hải (bể nước mặn) [biên khổ sanh tử].

4) **Tỳ-kheo (Bhikṣu):** Trung Hoa dịch là “Khất sĩ”. Nghĩa là người tu hành, trên cầu đạo của chư Phật để tu tỉnh, dưới đi xin ăn nơi quần chúng để tiện hóa độ. Tỳ-kheo có hai phái: Phái nam gọi là Tỳ-kheo giữ 250 giới. Phái nữ gọi là Tỳ-kheo-ni (Bhikṣuni) giữ 348 giới. **Bồ-tát (Bodhisattva):** Gọi đủ là Bồ-đề-tát-đoà. Trung Hoa dịch nghĩa là “Giác hữu tình”. Nghĩa là những vị phát đại tâm, vì chúng sanh mà cầu Đạo Vô Thượng và luôn luôn giác ngộ chúng sanh thành Đạo Vô Thượng.

5) **Năm uẩn:** Có chỗ gọi năm ấm. Là năm thứ ngăn che mắt Chân Tánh. Năm thứ ấy là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

6) **Mười hai xứ:** Có chỗ gọi là mười hai nhập. Tức là sáu căn: nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý và sáu trần (cảnh): sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

7) **Mười tám giới:** Là sáu căn, sáu trần như trên và thêm sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, ty thức, thiệt thức, thân thức và ý thức thành 18 giới.

8) **Thiên long bát bộ:** Là nói bao quát tám bộ chúng thường tới nghe Phật thuyết pháp và hộ trì chính pháp mà mắt người không thể trông thấy được. Tám bộ ấy là:

1. **Thiên** (Deva: các vị trong cõi trời).

2. **Long** (Nàga: rồng là loài vua dưới nước).

3. **Đạ-xoa** (Yaksa: quỷ thần bay trên không; cũng có chỗ gọi là Dược-xoa).

4. **Càn-thát-bà** (Gandharva: dịch là Hương Âm, là Nhạc Thần trong cung vua Đế-thích).

5. **A-tu-la** (Asura: dịch là phi thiên, tức là một loại quỷ thần có phúc báo gần như trời).

6. **Ca-lâu-la** (Garuda: dịch là Kim Sí Điều, tức đại bàng cánh vàng).

7. **Khẩn-na-la** (Kinnara: dịch là Ca Thần cũng là vị Nhạc thần trong cung vua Đế-thích).

8. **Ma-hầu-la-già** (Mahoraga: dịch là Đại Mãng Thần, tức là loài địa long).

9) **Đoạn kiến, thường kiến:** Đây là hai thứ kiến giải của những con người thiên chấp. Đoạn kiến là không tin nghiệp quả, cố chấp thân tâm con người chết đi là hết không tục sinh nữa, phóng tâm làm ác, không sợ hậu báo. Thường kiến là cố chấp thân tâm con người thường trụ không gián đoạn mặc dầu trải qua thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai, do đó tạo những nghiệp thiện, ác cho là không quan hệ gì đến sự sống, khổ của thân này.

10) **Những ruộng phước [phước điền]:** Là nơi gieo trồng mầm phước đức. Ruộng phước phân tích có 8, nhưng bao quát lại thời có 3 thứ:

1. **Cung kính chư Phật, Thánh nhân, chư Tăng** gọi là Kính điền.

2. **Hiếu thuận với những người có ân như: cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê,...** gọi là Ân điền.

3. **Thương xót, cứu giúp chúng sanh cùng những người yếu đau** gọi là Bi điền.

11) **Tập khí:** Là một vọng hoặc trong 3 vọng hoặc của Đại-thừa giáo. Tập khí thông thường gọi là thói quen. Là cái khí tập do sự huân tập mà thành. Ngài Xá Lợi Phất đã dứt được chủng tử của sân hoặc, nhưng khi hoàn cảnh xúc động tới, khí sân [hận] còn thôi thúc thân tâm.

12) **Phi nhân:** Là chỉ vào các hàng quỷ thần.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

- 13) **Thù thắng:** Là chỉ cho những sự siêu tuyệt, mà đòi khó có.
- 14) **Ba cõi:** cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.
- 15) **Thân kiến (Satkāyadrsti):** Tà kiến đối với thân chấp là thực ngã.
- 16) **Niệm, Huệ, Tâm, Quý, Khinh-an:** Đây là nói về những tâm sở thiện phát hiện trong khi nhập định. Xem về Duy thức học sẽ rõ.
- 17) **Bốn-nhiếp-pháp:** Nghĩa là 4 phương pháp nhiếp phục, hóa độ chúng sinh. Bốn phương pháp ấy là: **bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.**
- 18) **Bốn-niệm-xứ:** Tức là 4 pháp quán niệm: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.
- 19) **Chánh-cần:** 4 pháp cố gắng hành trì một cách chân chính:
1. Điều ác đã sinh, làm cho dứt hẳn.
 2. Điều ác chưa sinh, làm cho không thể sinh được.
 3. Điều thiện chưa sinh làm cho chóng sinh.
 4. Điều thiện đã sinh làm cho tăng trưởng.
- 20) **Thần-túc còn gọi là 4 như ý túc:** Tức là 4 pháp thực hành làm cho sự tu thiền được đầy đủ như ý bằng sự linh diệu: Dục, Niệm, Tấn và Huệ.
- 21) **Năm-căn [Ngũ-căn]:** Tín, Tinh-tấn, Niệm, Định và Huệ.
- 22) **Năm-lực [Ngũ-lực]:** Tín-lực, Tinh-tấn lực, Niệm lực, Định lực và Huệ lực.
- 23) **Giác-chi** tức là 7 ngành giác ngộ [**Thất-giác-chi hay Thất-Bồ-đề-phần**]: Trạch-pháp, Tinh-tấn, Hỷ, Khinh-an, Niệm, Định và Hành-xả.
- 24) **Chánh-đạo** tức là **8 Chính-đạo:** Chánh kiến, Chính tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mệnh, Chánh Tinh-tấn, Chánh niệm và Chánh định.
- 25) **Mười lực [Thập lực] là 10 lực của Như Lai:**
1. Trí lực biết chỗ giác ngộ, hay chẳng phải chỗ giác ngộ.
 2. Trí lực biết nhân quả nghiệp báo 3 đời của chúng sanh.
 3. Trí lực biết mọi phép Thiền giải thoát Tam-muội.
 4. Trí lực biết mọi pháp Thiền-định và 8 giải thoát Tam-muội.
 5. Trí lực biết mọi tri giải.

6. Trí lực biết mọi cảnh giới.
7. Trí lực biết được chỗ sẽ đến của mọi đường (đạo hay thú).
8. Trí lực biết dùng Thiên-nhãn không chướng ngại.
9. Trí lực biết Túc-mạng vô lậu.
10. Trí lực biết dứt hẳn tập khí.

26) **Bốn pháp vô úy:** Là bốn pháp nói về tâm hóa độ tha nhân không khiếp sợ. Vô úy có hai: Vô úy của Bồ-tát và Vô úy của Phật:

A. Vô úy của Phật:

1. Nhất thiết trí vô úy.
2. Lậu tận vô úy.
3. Chương đạo vô úy.
4. Tận khổ đạo vô úy.

B. Vô úy của Bồ-tát:

1. Ghi nhớ không quên nên thuyết pháp không sợ.
2. Biết pháp được và biết căn tính chúng sinh nên thuyết pháp không sợ.
3. Khéo hay vấn đáp nên thuyết pháp không sợ.
4. Hay ngắt dứt nổi [nghi] ngờ của chúng sinh nên thuyết pháp không sợ.

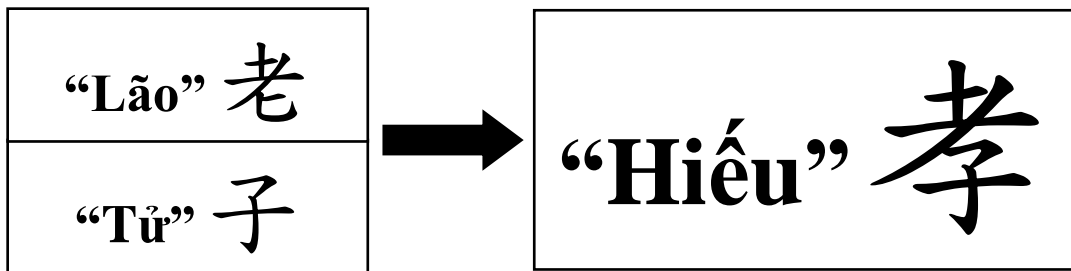
27) **Mười tám pháp bất cộng:** Vì không cộng đồng với các hàng Nhị-thừa và Bồ-tát nên 18 công đức này chỉ có ở nơi Phật nên gọi là “bất cộng”:

1. Thân không lầm.
2. Miệng không lầm.
3. Niệm không lầm.
4. Không có tướng khác.
5. Không có cái gì là không định tâm.
6. Không có cái gì là không biết xả.
7. Lòng mong muốn độ sanh không diệt.
8. Tinh-tấn không diệt.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

9. Niệm không diệt.
10. Huệ không diệt.
11. Giải thoát không diệt.
12. Giải thoát tri kiến không diệt.
13. Hết thầy nghiệp thân làm theo Trí-huệ.
14. Hết thầy nghiệp khẩu làm theo Trí-huệ.
- 15) Hết thầy nghiệp ý làm theo Trí-huệ.
- 16) Trí-huệ biết được đời quá khứ không bị chướng ngại.
- 17) Trí-huệ biết được đời vị lai không bị chướng ngại.
- 18) Trí-huệ biết được đời hiện tại không bị chướng ngại.✽

Chú thích: Hiếu là Tánh-đức vốn có của Tự Tánh Phật



Ân sư Thích Tịnh Không giảng chữ “Hiếu” là chữ hội ý: phía trên là chữ “Lão” chỉ cho thế hệ trước, phía dưới là chữ “Tử” chỉ cho thế hệ sau; ý nghĩa là thế hệ trước và thế hệ sau không có khoảng cách, không tồn tại không gian và cũng không tồn tại thời gian, thế hệ trước và thế hệ sau là Nhất Thể, **Nhất Thể này trong nhà Phật gọi là Tự Tánh**. Cho nên, **“Hiếu” chính là gốc rễ của Tự Tánh, là nơi khởi nguồn của tất cả thiện pháp thế gian và thiện pháp xuất thế gian!** Trong phần lễ Tam Bảo, lễ Phật - Pháp - Tăng ở thế giới Cực Lạc có câu **“Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát”, bộ Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện dạy về Đại Hiếu, chính là dạy người tu Tịnh Độ phải biết bắt đầu hành trì từ “Hiếu dưỡng phụ mẫu”**. Việc học Phật bắt đầu làm từ “Hiếu” và cũng viên mãn ở “Hiếu”, chỉ có quả địa Phật cứu cánh viên mãn mới làm tròn Hiếu-đạo; Bồ-tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm Sanh-tướng-vô-minh-cuối-cùng chưa phá được nên “Hiếu” của các Ngài vẫn chưa viên mãn. Ngay trong Giới Kinh, Phật dạy: **“Tất cả người nam là cha ta! Tất cả người nữ là mẹ ta!”**; và **“Tất cả chúng sanh đều là cha mẹ của ta trong quá khứ và đều là chư Phật ở vị lai!”**. Do đó, chữ “Hiếu” trong Phật pháp sâu rộng vô biên.✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

SA-DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC

(Bản Yếu Lược Về Giới Luật Và Uy Nghi Của Sa-Di)

Bồ-tát-giới đệ tử, Vân Thê tự, Sa-môn Châu Hoảng tập

(Châu hoảng, vị Sa-môn ở chùa Vân Thê, đệ tử thọ Bồ-tát
giới, biên tập)

[Vị tổ sư thứ 8 của Tịnh Độ tông còn gọi là Đại sư Vân Thê - Châu
Hoảng. Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược do chính Đại sư Liên Trì biên tập]

Hoà thượng Thích Tâm Châu dịch từ Hán văn ra Việt văn



DẪN NHẬP

Nay bộ sách yếu-lược này, do Vân Thê Đại sư [tức Liên Trì Đại sư] rút ra từ trong kinh Sa-Di Thập Giới và các kinh khác. Bộ này, nghĩa rất thiết yếu mà văn giản lược, rất tiện cho Sa-Di sơ cơ tập học và dễ như xem quả trong bàn tay.

Xét thấy Sa-di có ba bậc:

1. Từ 7 tuổi đến 13 tuổi gọi là Khu Ô Sa-di (Sa-Di đuôi quạ). Nghĩa là tuổi còn nhỏ chưa biết làm việc gì khác, chỉ sai Sa-di này vì chúng-tăng giữ gìn thóc lúa và làm việc nơi nhà nấu ăn, nơi ngồi thiền,... cũng như xua đuổi chim quạ; thay thế chút nhọc mệt cho chúng-tăng, sinh thêm phước lành và không để ngồi không, tiêu dùng của tín-thí và uống phí thời gian vậy.

2. Từ 13 tuổi đến 19 tuổi gọi là Ứng Pháp Sa-di. Nghĩa là tuổi này thích ứng được với hai pháp:

- Một là, có thể làm được việc thờ Thầy và có thể làm các việc khó nhọc.
- Hai là hay tu-tập ngồi thiền, tụng kinh.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

3. Từ 20 tuổi đến 70 tuổi gọi là Danh Tự Sa-Di. Nghĩa là, tuổi đủ 20 đáng lẽ được thọ giới Cụ-Túc, nhưng vì căn tánh ám độn [ngu si], hoặc lớn tuổi mới xuất gia không thể gìn giữ nổi các giới, tuy rằng, tuổi đáng được lên giới Tỳ-Kheo, nhưng, địa vị chỉ là Sa-di, cho nên gọi là Danh Tự Sa-di.

Phẩm số của Sa-di tuy có ba bậc, nhưng bậc nào cũng vâng giữ mười giới, nên gọi chung là Sa-di Nhất Pháp Đồng (cùng một pháp Sa-di). Nếu ai cạo bỏ râu tóc mà chưa thọ mười giới thì gọi là Hình Đồng Sa-di. Nghĩa là, hình tướng tuy đồng, nhưng không giữ giới, cho nên không được dự vào số năm chúng xuất gia. Nay không kể vị Hình Đồng Sa-di mà chỉ kể đến vị Sa-di Pháp Đồng thôi.

Tiếng Phạn gọi là Sa-di (Sràmanera), Trung Hoa dịch nghĩa là “Túc-Từ”; nghĩa là dứt ác làm lành, dứt sự nhiễm trược [ô nhiễm] của đời, đem lòng lành mà cứu giúp chúng sanh. Có chỗ dịch là “Cần-Sách” (siêng năng răn giục) và, cũng có chỗ dịch là “Cầu-Tịch” (tìm cầu sự vắng-lặng).

Luật-Nghi là mười giới-luật và các uy-nghi.

---o0o---

THIÊN TRÊN: CỬA GIỚI-LUẬT

Phật dạy người xuất gia, năm Hạ trở về trước chuyên tinh về giới-luật; năm Hạ trở về sau mới cho nghe giảng về giáo lý và tham thiền.

Thế nên, vị Sa-di cạo tóc rồi, trước phải thọ mười giới, sau mới đến giới-đàn thọ giới Cụ-Túc. Nay được tên Sa-di, chính do ở chỗ thọ giới. Thế mà, người ngu mờ vậy không biết, người đại [thì] khinh [thường] mà chẳng học, lại toan vượt bậc, ý muốn cao xa, cũng đáng thương xót!

Nhân [đây] đem mười giới lược giải vài lời để cho người mới học biết phương hướng [tiến] tới. Người hảo tâm xuất gia, dốc chí vâng làm, cẩn thận chớ có trái phạm!

Như thế, sau này, gần thì làm thêm bậc cho giới Tỳ-kheo, mà xa thì làm cội gốc cho giới Bồ-tát.

Nhân Giới sinh Định, nhân Định phát Huệ; ngỗ hầu thành tựu Thánh-đạo, chẳng uổng chí người xuất gia vậy!

Nếu ai muốn xem rộng hơn, tự mình nên xem trọn bộ Luật-tạng.

Mười giới sau đây, rút trong Kinh Sa-Di Thập Giới. Đức Phật sai Tôn giả Xá Lợi Phất truyền trao cho ông La Hầu La.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

GIỚI THỨ NHẤT: KHÔNG SÁT SINH

Trên từ chư Phật, Thánh nhân, sư, tăng, cha mẹ và dưới cho đến các loài: bò, bay, cựa quậy, côn trùng nhỏ nhất [rất nhỏ],... phạm các loài có tính mạng không nên cố ý giết. Hoặc mình giết, hoặc xúi người giết, hoặc thấy người khác giết tùy hỷ [vui theo]; trong kinh nói rằng: “Ai phạm giới này chẳng phải là Sa-di vậy.” (Trong kinh, luật nói rộng rãi vì văn nhiều, nên không chép ra đây).

Trong kinh chép: “Tháng mùa Đông hay sinh ra loài rắn, nếu áo có rắn, bắt bỏ vào ống và lấy bông gòn cho vào cho nó ấm, rồi cạo những cấu nhơ trong mình, bỏ vào cho nó ăn. Với tâm từ, còn sợ chúng đói, lạnh mà chết, huống là còn dám giết chúng!

Cho đến, những việc như lọc nước [trong nước có trùng nhỏ], che đèn [thời xưa dùng đèn dầu, thấp lên phải che lại vì sợ thiêu thân hoặc côn trùng bay vào bị chết], không nuôi các loài mèo, chồn [các loài này bản tính hung ác, thường giết ăn các con vật nhỏ] v.v.. đều là đạo từ-bi của đức Phật. Loài nhỏ còn không nuôi, loài lớn chúng ta hẳn biết rõ ý vậy!

Hạnh từ-bi như thế, mà người đời nay không làm được, còn thêm sự giết hại, nên chẳng?

Trong kinh Sa-Di Thập Giới có nói: “Thi ân tế phạp, sử kỳ đắc an” nghĩa là: “Ra ân [đức] cứu giúp lúc người bị thiếu ngặt, khiến cho họ được yên [ổn] vậy”; nếu thấy kẻ khác giết hại, nên khởi tâm từ.

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ HAI: KHÔNG TRỘM CẮP

Giải rằng: Những vật quý trọng như vàng, bạc cho đến vật nhỏ như cây kim, ngọn cỏ, người ta không cho thì không được lấy.

Hoặc của thường-trụ, hoặc của tín-thí, hoặc của chúng-tăng, hoặc của nhà nước, hoặc của dân, hoặc của tất cả; hoặc cướp ngang mà lấy, hoặc ăn cắp, hoặc dúi gạt mà lấy,... cho đến việc trốn thuế, dúi đồ [gian lận để đi trên các phương tiện giao thông có thu phí mà không trả tiền], v.v.. đều là thái độ gian-trộm!

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trong kinh chép: “Một Sa-di trộm của thường-trụ bảy trái cây, một Sa-di thứ hai trộm của chúng-tăng vài cái bánh, một Sa-di thứ ba trộm của chúng-tăng một chút đường phèn, cả ba Sa-di này, khi chết phải đọa vào địa-ngục.”

Vì vậy, trong kinh có nói: “Thà chịu chặt tay chứ không lấy của phi-tài! [tài sản phi pháp]”

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ BA: KHÔNG DÂM DỤC

Giải rằng: người tại gia giữ năm giới, chỉ cấm tà dâm. Người xuất gia thọ mười giới, đoạn hẳn dâm dục.

Hễ can phạm tất cả nam, nữ trong thế gian, đều là phá giới.

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương, riêng làm việc dâm dục và tự nói rằng: ‘dâm dục không phải như sát sinh, như ăn trộm; không có tội báo!’; liền cảm thấy trong thân sức nóng phát ra mãnh liệt và sinh thân ấy [thân đang còn sống] phải đọa vào địa-ngục.”

Người đời vì dâm dục [mà] thân mất, nhà tan. Người xuất gia, ra khỏi nhà thế tục làm vị Tăng, há lại vi phạm!

“Căn bản sanh-tử, dâm dục là thứ nhất!”

Trong kinh nói: “Dâm dật mà sống, chẳng bằng trinh khiết mà chết!”

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ TƯ: KHÔNG NÓI DỐI

Giải rằng: Nói dối có bốn loại:

Một là, Vọng-Ngôn: Nghĩa là, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải; thấy nói là chẳng thấy, chẳng thấy nói là thấy, nói những lời dối trá chẳng thực v.v ...

Hai là, Ý-Ngữ: Nghĩa là, những lời nói thêu dệt trau chuốt, khúc hát hay, lời tình tứ, khơi lòng dục, thêm sự bi cảm, làm xiêu tâm chí người ta v.v...

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

Ba là, **Ác-Khẩu**: Nghĩa là lời nói thô ác, mắng nhiếc người ta v.v..

Bốn là, **Lưỡng-Thiệt**: Nghĩa là nói lười dối chiều, hướng người này nói người kia, tới người kia nói người này, ly-gián ân-nghĩa, xúi giục đấu-tranh v.v... Cho đến, trước khen, sau chê; trước mặt phải, sau lưng trái. Chúng [minh để] ghép tội cho người và vạch bày cái xấu của người.

Như trên, đều thuộc loại vọng-ngữ.

Nếu kẻ phạm phụ tự nói mình đã chứng được quả Thánh, như nói: “Mình được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm v.v... gọi là đại-vọng-ngữ, tội ấy rất nặng!”.

Còn vọng-ngữ vì cứu người cấp-nạn, phương-tiện quyền biến khéo léo, từ-bi giúp ích cho người, thì không phạm.

Cổ nhân nói: “Điều cốt yếu để lập công hạnh cho mình, trước tiên là không được vọng-ngữ!”. Người đời còn thế, huống là người học đạo xuất thế!

Trong kinh chép: “Một Sa-di khinh cười một vị Tỳ-kheo già đọc kinh tiếng như chó sủa mà vị Tỳ-kheo già ấy đã là bực A-la-hán. Nhân ấy, vị Tỳ-kheo già dạy cho vị Sa-Di kia biết nên gấp sám-hối, hầu khỏi đọa vào địa-ngục, nhưng vẫn phải làm thân chó!”. Một lời nói ác bị hại đến thế! Vì vậy trong kinh nói: “Ôi, người ta ở đời, búa ở trong miệng. Sở dĩ, thân mình bị chém, là do lời nói ác!” .

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ NĂM: KHÔNG UỐNG RƯỢU

Giải rằng: Uống rượu là uống những thứ gì có chất rượu, có thể làm say người ta. Nước Tây Vực (Ấn Độ) xưa có nhiều loại rượu, có những loại lấy cây mía, trái nho, các thứ hoa,... mà làm ra rượu; và Trung Hoa lấy gạo làm ra rượu; cũng đều không nên uống.

Trừ khi có bệnh nặng, nếu không có rượu [thì] không sao chữa khỏi được, nên bạch cho [đại] chúng biết, rồi sau mới uống. [Nếu] vô cơ [thì] một giọt cũng không được thấm vào môi!

Cho đến, không được ngủi rượu, không được dùng ở nhà làm rượu và không được lấy rượu cho người uống.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ông Nghi Địch làm rượu rất ngon, vua Vũ Đế nhà Hạ uống biết, nhưng nhân đó liền cấm dứt.

Vua Trụ nhà Ân, làm ao đổ rượu, nước phải diệt vong!

Làm vị Tăng mà uống rượu, đáng hổ thẹn lắm!

Xưa kia có một ông Ưu-bà-tắc giới [nam cư sĩ], nhân vì phá giới rượu mà các giới liền bị phá. Trong 36 lỗi, chỉ một lần uống rượu liền phạm hết. Như vậy, lỗi chẳng phải nhỏ!

Những người ham uống rượu, chết phải đọa vào trong địa-ngục Phí-Thỉ (phân sô), đời đời ngu si, mắt giống Trí-huệ.

Rượu là thứ thuốc đại mê hồn, tệ hơn vị tỳ-chậm. Cho nên trong Kinh Thập Giới nói rằng: “Thà uống nước đồng sôi, đừng nên phạm vào rượu!”.

Than ôi, có thể nào mà chẳng rã được ư!

GIỚI THỨ SÁU:

KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA HƯƠNG

KHÔNG THOA HƯƠNG VÀO MÌNH

Giải rằng: Tràng hoa là một vật phẩm, người Tây Vực (Ấn Độ) lấy hoa xâu làm tràng, để trang sức trên đầu. Như người Trung Hoa, lấy các loại nhung, lụa, vàng, ngọc, châu báu,... chế làm khăn, mũ, v.v... vậy.

Thoa hương vào mình, như những người sang bên Tây Vực lấy các thứ danh hương nghiền làm bột và bảo kê thanh-y thoa vào mình. Tại Trung Hoa có những thứ như đeo hương, xông hương và các thứ son phấn v.v...

Người xuất gia há nên dùng những thứ ấy!

Đức Phật chế ra ba y, toàn dùng bằng vải gai to, thưa. Những thứ [làm bằng] bằng lông thú, miệng con tằm [nhả ra],... [là] hại [sinh] vật, tổn lòng từ [bi], chẳng phải các thứ người xuất gia nên dùng.

Trừ khi người nào tuổi đến 70, già yếu quá, không có vải lụa thì không ấm, nên có thể mặc được. Những người khác thì không được.

Vua Vũ nhà Hạ mặc áo xấu, ông Công Tôn nhà Hán đắp mền vải. Vua, quan là hàng sang trọng, đáng sắm mà còn không sắm, há là người tu mong đắc đạo lại trở lại tham đồ mặc hoa mỹ ư? Y phục hoại sắc, áo phấn-tảo [lấy ở thùng

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

rác, trên đường đi,...đem giặt sạch rồi chấp vá lại thành y phẩn-tảo] che thân hình mới hợp với người xuất gia vậy.

Xưa kia có vị Cao Tăng (tức là Huệ Hưu Pháp sư, đời Đường) 30 năm mang một đôi giày, há là kẻ phàm vậy ư?

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ BẢY:

KHÔNG CA, VŨ, XƯỚNG KỸ KHÔNG ĐI XEM, NGHE

Giải rằng: “Ca” là miệng hát ra những bài hát. “Vũ” là thân làm trò múa giỡn. “Xướng kỹ” là những loại đàn cầm, đàn sắt, ống tiêu, ống quản, v.v...

Không được tự mình làm, không được khi người khác làm, cố ý đến xem, nghe.

Xưa kia có ông tiên, nhân nghe các cô gái hát giọng tiếng vi diệu, liền mất Thần-túc-thông. Xem, nghe còn hại như thế; huống là mình tự làm ư?

Người ngu-mê đời nay nghe trong Kinh Pháp Hoa có câu: “Tỳ-bà nao bạt!” liền tha hồ đi học âm-nhạc. Song, trong Kinh Pháp Hoa nói về âm-nhạc là để cúng dường chư Phật, không phải là để vui cho mình!

Những tự viện ứng-hợp với việc làm Đạo tràng Pháp sư cho nhân gian [thì] còn có thể làm được. Nay vì đường sinh-tử, bỏ tục, xuất gia; há lại không tu việc chính mà lại đi cầu học nghề âm-nhạc cho giỏi sao?

Cho đến đánh cờ vây (vi-cơ), cờ lục-bác, ném xúc-xắc (đầu-trịch), đánh bạc (su-bồ),... các việc [này] đều [làm] loạn Đạo-tâm, tăng thêm lỗi xấu.

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ TÁM:

KHÔNG NGỒI GIƯỜNG CAO, RỘNG, LỚN

Giải rằng: Đức Phật chế giường cây, cao không quá tám ngón tay đức Như Lai. Quá kích thước đó thời phạm [giới].

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

Cho đến các thứ giường sơn vẽ, chạm trổ và các thứ màn nệm bằng tơ lụa cũng không nên dùng.

Người xưa dùng cỏ làm tòa ngồi, đêm thì nằm ngủ dưới gốc cây. Nay ta có giường chông cũng đã hơn [người] xưa rồi, sao [lại] còn muốn giường cao-rộng? Chỉ làm buồn-lung cho tấm thân giả-dối!

Ngài Hiếp Tôn giả suốt đời lưng chẳng đặt xuống chiếu.

Ngài Cao Phong Diệu Thiên-sur lập nguyện đứng 3 năm không bèn [mãng] tới giường chông.

Ngài Ngô Đạt Quốc-sur đời Đường nhân ngồi lên tòa trầm-hương giảng pháp còn bị tổn phước mà mắc quả báo.

Than ôi, có thể mà chẳng răn được ư!

GIỚI THỨ CHÍN: KHÔNG ĂN PHI THỜI

Giải rằng: Phi thời là quá giờ Ngọ [giờ Ngọ là từ 11h đến 13h], không phải thời-phận của chư Tăng ăn. Chư thiên ăn sớm mai. Chư Phật ăn giờ Ngọ. Loài quỷ ăn tối. Chúng-Tăng nên học Phật, không ăn quá giờ Ngọ.

Loài nạ-quỷ nghe tiếng chén bát thời trong cổ họng bốc lửa. Vì vậy, ăn đúng giờ Ngọ còn nên im lặng [mà ăn] hướng [chi] là ăn quá giờ Ngọ ư?

Xưa kia có vị Cao Tăng (tức Pháp Huệ Thiên-sur) nghe vị Tăng ở căn phòng bên, sau giờ Ngọ [còn] nổi lửa nấu ăn [mà] bắt giác Ngài sa nước mắt khóc thương Phật pháp suy tàn vậy!

Người đời nay, thân thể suy yếu nhiều bệnh [cứ] muốn ăn hoài hoài, hoặc không thể giữ được giới này, nên người xưa có nói [đến] bữa ăn chiều vì muốn chữa bệnh, cũng ví như “Được-Thạch” [ăn uống giống như thuốc chữa bệnh].

Tuy thế, phải biết, đó là trái lời Phật dạy, [phải] sanh tâm rất hổ thẹn và phải nghĩ đến nỗi khổ của loài nạ-quỷ, thường làm việc thương xót cứu giúp, không ăn nhiều, không ăn ngon, ăn mà tâm-ý không yên [thì] họa may mới có thể được! Và, nếu chẳng được như thế [thì] mắc tội rất nặng!

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

GIỚI THỨ MƯỜI:

KHÔNG CẦM GIỮ ĐỒ SINH, TƯỢNG, VÀNG, BẠC, CỦA BÁU

Giải rằng: “Sinh” là vàng thực. “Tượng” là tương-tự (gần giống như); tương tự [như] vàng là bạc. Nghĩa là: vàng [thì] bản chất của nó [vốn có sắc] vàng, nay đem bạc nhuộm màu vàng, màu nó giống như vàng!

Của báu là chỉ cho bảy thứ châu báu vậy.

Vì các thứ vàng, bạc, của báu trên đều thêm lớn lòng tham, hư hại Đạo-nghiệp, nên đức Phật khi còn tại thế, chur Tăng đều đi khát thực, không lập lò bếp; y phục, phòng thất, đều nhờ thí-chủ ủng hộ. Đã nhờ ngoại duyên ủng hộ [thì] dù có cầm giữ vàng bạc cũng thành vô dụng. Cầm giữ [vàng, bạc, châu báu mà] còn cầm thì biết được sự thanh bạch như thế nào!

Ông Quán Ninh và ông Hoa Hâm đời nhà Hán cuộc đất được vàng, chẳng thềm lấy. Người thế Nho [người học Nho giáo của thế gian] còn thế, người Thích-Tử [con của Thích Ca Mâu Ni Phật] xưng là nghèo, còn chứa của làm chi?

Người đời nay, đều chẳng hay làm hạnh khát thực. Hoặc vào chôn tùng lâm, hoặc ở nơi am viện, hoặc đi phương xa, cũng không khỏi phải chi phí đến tiền bạc. Tất nhiên vậy, nhưng nên biết đó là trái lời Phật dạy, sinh tâm rất hồ thẹn và nên nghĩ đến sự nghèo thiếu của kẻ khác mà thường làm việc Bố-thí, Không lo tìm, không cất chứa, không buôn bán và không dùng bảy báu trang nghiêm y phục, khí cụ, các vật,... [thì] họa may còn có thể được!

Như hoặc chẳng được như vậy, mắc tội rất nặng!

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

Chú thích của Hòa thượng Thích Tâm Châu:

1. **Cụ-Túc giới** tức là giới Tỳ-kheo.
2. **Năm chúng xuất gia** là Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
3. **Hạ:** Người xuất gia không lấy năm của đời làm tuổi. Mỗi năm có 3 tháng an cư kết Hạ, các vị Tỳ-kheo Tinh-tân tu hành được viên mãn cho tới ngày tự-tứ, được tính thêm một tuổi, gọi là tuổi Hạ (Hạ-lạp).
4. **Nhân uống rượu mà phạm 36 lỗi.** Kinh Thiện Ác Sở Khởi nói:

1/ Của cải hao mất.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

- 2/ Hiện tại nhiều tật bệnh.
- 3/ Khi say đánh lộn với người.
- 4/ Thêm nhiều sự sát hại.
- 5/ Tăng thêm lòng giận dữ.
- 6/ Nhiều việc không toại ý.
- 7/ Trí-huệ dần kém.
- 8/ Phước đức không thêm.
- 9/ Phước đức càng giảm.
- 10/ Tiết lộ chuyện kín.
- 11/ Sự nghiệp không thành.
- 12/ Thêm việc ưu khổ.
- 13/ Các căn mê muội.
- 14/ Nhớ nhục cho cha mẹ.
- 15/ Không kính bậc Sa-môn
- 16/ Không tin người tu Phạm-hạnh.
- 17/ Không kính Phật.
- 18/ Không kính Pháp và Tăng.
- 19/ Gân bạn ác.
- 20/ Xa bạn lành.
- 21/ Bỏ việc ăn uống.
- 22/ Thân thể trần truồng.
- 23/ Việc dâm dục lấy lòng.
- 24/ Nhiều người không ưa.
- 25/ Nói cười là lướt.
- 26/ Cha mẹ không mừng.
- 27/ Bà con ghét bỏ.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

28/ Hay làm việc phi pháp.

29/ Xa lìa Chánh pháp.

30/ Không kính bậc hiền-thiện.

31/ Trái phạm nhiều tội lỗi.

32/ Xa lìa đạo Niết-Bàn.

33/ Điên cuồng khất khưởng.

34/ Tán loạn thân tâm.

35/ Buông lung tâm ác.

36/ Thân hoại, mệnh mất đọa vào địa-ngục lớn, chịu khổ khôn cùng.

5. **Bảy thứ châu báu** tức là vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê, xà-cừ, san-hô, hổ-phách.



THIÊN DƯỚI: NÓI VỀ MÔN UY-NGHI

Uy-Nghi có nghĩa là vị xuất gia có Uy khiến cho người ta đáng sợ và có Nghi làm cho người ta đáng kính. Bởi vì, vị ấy giữ giới-luật thanh tịnh, Phạm-hạnh đầy đủ, đường đường Tăng-tướng, mọi đức uy nghiêm làm cho người ta nể sợ. Vị ấy, khi hoạt động, khi an tĩnh đều hợp với pháp-tắc, hình tướng nghiêm chỉnh, dung nghi đoan chánh đáng quan-chiêm [quan sát-chiêm ngưỡng] làm cho người ta cung kính. Những tư cách ấy thành Đạo-phẩm của người xuấtgia và là bậc sư-phạm [vị thầy mô phạm] của cõi người và cõi trời. Do đó, trong kinh-luật có chỗ nói: “Tịnh-hạnh thành ra Đạo-Nghi, trong sạch trọn nên Giới-phẩm. Chí khí cao như các vòm sao trên bầu trời, uy nghiêm như gió như mây. Trong tâm ôm ấp đức tính [của] con sư tử và ngoài tướng biểu hiện cái uy [của] con tượng vương [voi chúa]. Cõi người, cõi trời khen ngợi vang theo và các bộ long-thần đều khâm phục.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giữ gìn đầy đủ uy-nghi, giáo-pháp khiến cho ngôi Tam Bảo không bị đoạn diệt.”

Nay thiên dưới này gồm có 24 chương, cùng ra một môn uy-nghi, nó là dấu xe của Sa-di và [là] cửa ngõ ra khỏi thế gian vậy.

Đức Phật chế ra luật Sa-di, vị Sa-di đủ 20 tuổi, khi muốn thọ giới Cụ-Túc, cần phải hỏi vị ấy về những công việc của Sa-di, và nếu hỏi mà không trả lời được đầy đủ thì không cho thọ giới Cụ-Túc. Khi ấy nên nói rằng: “Ông làm Sa-di mà không biết chỗ cần thi hành của Sa-di thì công việc của bậc Sa-môn lớn

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

lao, khó làm, ông hành trì sao được. Ông hãy đi học cho kỹ, khi nào nghe, biết hết tất cả rồi, lúc ấy hãy nên thọ giới Cụ-Túc. Nếu nay trao giới Cụ-Túc cho ông, người đời họ sẽ cho rằng: ‘Phật pháp dễ làm và làm vị Sa-môn cùng không khó!’, không tốt cho danh nghĩa Phật giáo. Vì vậy nên cần phải hỏi trước khi cho thọ giới Cụ-Túc.”

Những điều-tắc được biên tập sau đây đều rút tĩa trong các kinh-luật: Sa-Di Uy Nghi, Cổ Thanh Quy, Sa-Di Thành Phạm. Và bộ Hành-Hộ Luật-Nghi của ngài Tuyên Luật-sur [Luật-sur Đạo Tuyên là vị Sơ tổ của Luật tông], tuy bộ này hướng về dạy các vị Tỳ-kheo tân học nhưng trong bộ ấy cũng có những chỗ khá thông dụng; nên nơi đây cũng rút tĩa ra.

Vì nhân tình đời Mạt pháp hay lười biếng, nghe nhiều sinh chán; nên [tôi] cắt bỏ những chỗ rườm rà và lấy những chỗ quan-yếu [quan trọng-thiết yếu] mà thôi. Song, nơi đây, chia ra từng loại, để tiện cho người đọc và học. Thẳng hoặc [tự trung lại], trong đó có những chỗ chưa đủ, [tôi] liền theo nghĩa thêm vào một, hai ý cho đầy đủ. Còn vị nào muốn xem rộng thì nên tự mình nghiên cứu trong Luật-tạng toàn thư.

1. KÍNH BẬC ĐẠI SA-MÔN

Không được gọi tên tự của bậc Đại Sa-Môn.

Không nghe trộm bậc Đại Sa-Môn thuyết giới.

Không được chuyển lời, nói dối bậc Đại Sa-Môn.

Không được đang ngồi, thấy bậc Đại Sa-Môn đi qua

Không đứng dậy. Trừ khi đọc kinh, khi bị bệnh,

Khi cạo tóc, khi ăn cơm, khi làm việc chúng.

Bộ Hành-Hộ nói rằng: “5 Hạ trở lên là ngôi vị Xà-lê, 10 Hạ trở lên là ngôi vị Hòa thượng. Tuy việc này là việc của các vị Tỳ-kheo, nhưng Sa-di cũng nên dự biết!”.

2. THỜ THẦY

Nên dậy sớm.

Khi muốn vào trong cửa phòng Thầy; trước tiên, nên khảy ngón tay ba tiếng.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Nếu có lỗi, Hòa thượng [hay] A-xà-lê dạy răn [thì] không được nói nghịch lại. Nên coi vị Hòa thượng [hay] A-xà-lê như Phật.

Nếu Thầy có sai đồ những đồ bất tịnh [phân, nước tiểu] [thì] không được khạc nhổ, không được giận bực.

Nếu đánh lễ Thầy [lạy thầy đầu cúi chạm sát đất], Thầy tọa-thiền [thì] không nên làm lễ, Thầy đi kinh hành [thì] không nên làm lễ, Thầy dùng cơm, Thầy thuyết kinh, Thầy xĩa răng, Thầy tắm giặt, Thầy ngủ-nghỉ, v.v.. đều không nên làm lễ. Khi Thầy đóng cửa phòng [thì] không nên làm lễ ngoài cửa. Khi muốn vào trong cửa phòng làm lễ [thì] nên khảy ngón tay ba lượt, Thầy không ưng thì nên lui.

Dâng đồ ăn uống cho Thầy [thì] nên bưng hai tay. Khi Thầy dùng xong [thì] nên từ từ thu dọn đồ vật.

Hầu Thầy, không được đứng đối diện, không được đứng chỗ cao, không được đứng quá xa; đứng làm sao để khi Thầy nói nhỏ có thể nghe được, không làm tổn sức lực Thầy.

Nếu thỉnh-vấn Thầy về nhân-duyên Phật pháp [thì] nên đáp y tề chỉnh, lễ bái, chấp tay, quỳ thẳng, tác bạch. Thầy nói điều gì nên lắng lòng, nghe kỹ, suy nghĩ và in sâu vào tạng-thức.

Nếu khi thỉnh-vấn các việc thông thường trong nhà [thì] không cần phải đánh lễ, hồ-quỳ [quỳ dài dưới đất] mà chỉ đứng ngay bên Thầy, cứ thực mà trình bạch.

Nếu khi Thầy thân-tâm mỗi mệt, dạy lui [thì] nên lui, không được tâm tình sinh ra sự không vui, hiện ra sắc mặt.

Nếu có phạm giới v.v... không được che dấu và nên cấp tốc đến nơi Thầy, cầu xin sám-hối. Thầy cho phép sám-hối thì nên tận tình bày tỏ, tình thành hối cải [sẽ] lại được thanh tịnh.

Thầy nói chưa xong [thì] chưa được nói.

Không được dựa ngòai trên tòa ngòai của Thầy, nằm trên giường nằm của Thầy, đội mũ mặc áo của Thầy v.v...

Thầy sai cầm thư của Thầy đem đi đâu [thì] không được tự bóc coi, cũng không được cho ai coi. Đến nơi đưa thư, họ có hỏi điều gì; [nếu] nên đáp thì cứ thực mà trả lời; hoặc không nên trả lời thì nên từ khước một cách khéo léo. Họ lưu lại [thì] không nên ở lại và nên nhất tâm nhớ Thầy mong về.

Thầy tiếp khách, hoặc đứng chỗ thường, hoặc đứng bên Thầy, hoặc đứng sau Thầy; nhưng phải làm sao [để] tai-mắt của Thầy [và] trò giao tiếp được với nhau, để khi Thầy cần dạy bảo việc gì [thì sẵn sàng hầu thầy].

Thầy đau yếu, mỗi việc mỗi việc phải dụng tâm điều trị, xếp đặt như phòng-thất, mền-nệm, thuốc-men, cơm-cháo v.v...

Còn các việc: cầm y, trao giày, giặt tẩy, hong phơi v.v..., các việc ấy có đầy đủ trong Luật, nơi đây không ghi chép nhiều.

PHU:

Khi hầu Thầy, Thầy không bảo ngồi thì không nên ngồi. Thầy không hỏi thì không đáp, trừ khi tự mình có việc muốn hỏi.

Khi đứng hầu, không được dựa vách, dựa ghế, nên đứng bên Thầy với tư thế thân thể đoan chánh, đôi chân tề chỉnh.

Muốn lễ Thầy, Thầy bảo thôi [thì] nên thuận theo mệnh lệnh của Thầy.

Khi Thầy cùng tân khách đàm-luận, nếu chuyện nào hợp với chuyện Đạo, có ích cho thân-tâm, đều nên ghi lấy.

Khi Thầy sai bảo làm việc gì [thì] nên kịp thời làm xong, không được trái nghịch và khinh thường.

Ngủ nghỉ [thì] không nên đi ngủ nghỉ trước Thầy.

Ai có hỏi tên húy của Thầy thì nên nói: trên chữ ấy...[Thuợng...], dưới chữ ấy...[Hạ...].

Là đệ tử nên chọn bậc Minh Sư. Chọn được rồi phải thân cận [Minh Sư] lâu dài, không được xa Thầy quá sớm. Như Thầy thực bất minh [thì] nên tìm bậc lương đạo.

Trong trường hợp phải xa Thầy [thì] nên nhớ những lời Thầy dạy răn, không được mặc tình tự ý theo những người thế tục, làm những việc bất chính. Cũng không được ở những chỗ huyền ảo như chỗ chợ, giếng nước. Không được ở nơi miếu thờ thần. Không được ở trong phòng nhà dân chúng. Không được ở gần chùa Ni. Không được ở chung nơi Thầy mà làm các việc ác trong thế gian.

3. THEO THẦY XUẤT-HÀNH

Đi cùng Thầy, không được đi qua nhà người khác.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Không được ngưng lại bên đường nói chuyện cùng người khác. Không được ngoái trông bên tả [bên trái] bên hữu [bên phải], nên cúi đầu theo sau Thầy.

Tới nhà đàn-việt [thí chủ cúng dường] [thì] nên đứng một bên Thầy, Thầy dạy ngồi mới ngồi.

Tới tự viện [của] người ta, Thầy lễ Phật, hoặc mình lễ [Phật thì] không được tự tiện đánh chuông khánh.

Nếu Thầy đi lên núi [thì] nên mang tọa-cụ theo.

Nếu đi xa [thì] không được cách Thầy quá xa.

Nếu lội nước [thì] nên cầm gậy dò thử xem nông hay sâu.

Còn các việc mang bình-bát, cầm gậy tích-trượng, v.v... [có] đầy đủ trong Luật-tạng; nơi đây, vẫn nhiều không chép.

PHU:

Nếu tình cờ chia ra [thầy trò] mỗi người đi mỗi ngã, nhưng hẹn gặp ở chỗ nào thì không được tới sau [thầy].

Thầy thọ-trai nên đứng hầu xuất-sinh. Thọ-trai xong nên đứng hầu thu cất các đồ cúng dường.

4. NHẬP CHỨNG

Không được tranh chỗ ngồi, không được ở trên tòa xa xa gọi nhau nói chuyện, cười đùa.

Trong chúng, ai có điều gì trái với uy-nghi [thì] nên giấu điều xấu [và] bày điều tốt.

Không nên khoe sự nhọc mệt [của bản thân] để tỏ bày công lao của mình.

Phàm ở đâu, ngủ không nên ngủ trước người và dậy không nên dậy sau người. Rửa mặt, không nên dùng nhiều nước. Xỉa răng, nhổ nước,... [thì] nên cúi đầu đưa nước xuống, không nên phun nước bắn vào người.

Không được hỷ mũi và khạc nhổ lớn tiếng.

Không được ở trong điện, tháp, tịnh-thất, nơi đất sạch, nước sạch [để] hỷ mũi, khạc nhổ, mà nên tìm những chỗ khuất vắng.

Không được xỉa răng trước tháp, trước các vị Hòa thượng, A-xà-lê, v.v...

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Phàm nghe tiếng chuông nên chấp tay mặc niệm rằng:

“Nghe tiếng chuông.

Phiên não nhẹ.

Trí-huệ lớn.

Bồ-đề sanh.

Lìa hầm lửa.

Mong thành Phật.

Độ chúng sanh.

Úm, già ra để da sa-bà-ha.”

Không được cười nhiều. Nếu cười lớn hay ợ ngáp [thì] nên lấy tay áo che miệng.

Không được đi vội. Không được đem đèn thờ Phật để dùng riêng cho mình. Nếu thắp đèn [thì] nên lấy lồng đèn che kín, đừng để cho loài trùng bay sa vào.

Hoa cúng Phật nên lựa bông nở tròn đủ. Không được ngửi trước. Bỏ hoa héo, cúng hoa tươi. Hoa héo không nên bỏ dưới đất giậm lên, mà phải để chỗ vắng vẻ.

Không được nghe Thầy gọi mà không đáp. Nghe gọi, nên lấy câu niệm Phật mà đáp.

Khi nhật được của rơi, nên bạch vị Tri-Sự ngay.

PHU:

Không được kết bạn với Sa-di tuổi trẻ.

Không được dùng ba tấm y của các vị Tỳ-kheo một cách lẫn lộn. Không được may nhiều y phục. Nếu thừa [có dư y phục] nên xả [đem cho tặng]. Không được sắm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi v.v..., trang điểm giang hồ, làm trò cười cho người thức giả. Không được mặc đồ có màu sắc và giống y phục trang sức của người thế tục v.v... Không được tay chẳng sạch mà đắp y.

Khi lên chánh điện nên mặc khố-miệt (quần lót) cho chắc, không được buông ý tự tiện.

Không được rong chơi. Không được nói nhiều. Không được ngồi ngó đại-chúng làm việc nhọc mệt, lười biếng trốn tránh cho yên [thân]. Không nên lấy

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

của Chiêu-Đề (Caturdesa, tức là của Tứ-phương-tăng, hay là của tự-viện) như: tre, gỗ, hoa, quả, rau... cùng hết thầy đồ ăn uống, đồ-đặc v.v...

Không được bàn bạc về những việc chính trị được-mất trong triều đình [việc nhà nước], công phủ,... cùng những việc hay-dở, tốt-xấu của nhà bạch-y (nhà thế tục).

Phàm tự xưng [thì] nên xưng hai chữ Pháp-danh, không được xưng là “Ta” hay là “Tiểu-Tăng”.

Không được nhân việc nhỏ [mà] sanh ra sự tranh chấp. Nếu việc lớn lao, khó nhằn [thì] cũng nên giữ tâm bình khí hòa, dùng lý luận biện giải; và, nếu không được [thì] cáo từ rút lui. Nổi giận, thốt ra lời thô tục, tức không phải là vị hảo Tăng [vị Tăng tốt] vậy.

5. THEO CHÚNG DÙNG CƠM

Nghe tiếng kiền-trùy (Ghantà: gọi chung những thứ đánh ra tiếng như: chuông, khánh, gõ v.v...), nên chỉnh y phục ngay.

Tới khi ăn, chú nguyện đều phải cung kính.

Xuất-sinh cơm không quá 7 hạt, miến không quá 1 tấc, bánh bột man-đầu [báo bao] độ chừng móng tay. Không nên nhiều cũng không nên ít. Nhiều là tham. Ít là [bỏ] sển. Còn các món khác như rau, đậu hủ [thì] không nên xuất-sinh.

Khi xuất-sinh, để trong lòng bàn tay trái, tưởng niệm bài kệ:

“Nhữ đẳng quỷ thần chúng.

Ngã kim thí nhữ cúng.

Thử thực biên thập phương.

Nhất thiết quỷ thần cộng”

[Dịch:]

“Quỷ thần chúng các vị!

Nay tôi cho đồ cúng.

Cơm này khắp mười phương.

Cho chung mọi quỷ thần!”

Trước khi muốn ăn, phải niệm 5 phép quán tưởng:

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

“Nhất, kế công đa thiếu, lượng bỉ lai xứ.

Nhị, thốn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng-cúng.

Tam, phòng tâm ly quá, tham đảng vi tông.

Tứ, chính sự lương-được, vị liệu hình khô.

Ngũ, vị thành đạo cố, phương thụ thử thực”

[Dịch:]

“Một là, tính xem công-phu của các món ăn ấy nhiều hay ít và suy lường xem chúng từ nơi nào đem lại.

Hai là, suy nghĩ xem đức-hạnh mình được trọn vẹn hay còn thiếu [để] mà nhận đồ cúng này.

Ba là, ngăn ngừa tâm khởi lỗi lầm, vì tham [sân, si] v.v... [vẫn] là cội gốc.

Bốn là, món ăn chính là vị thuốc hay, vì nó chữa được bệnh khô héo.

Năm là, vì thành Đạo-nghiệp nên nhận món ăn này.

Không chê đồ ăn ngon-dở. Không được lấy đồ ăn chung cho riêng, hoặc ném cho chó ăn. Đưa thêm đồ ăn [thì] không nên nói là không dùng. Nếu ăn no rồi [thì] nên lấy tay khiêm nhường mà khước từ. Không được gãi đầu làm bay bụi vào trong bát người bên cạnh. Không được ngậm cơm [trong miệng mà] nói chuyện. Không được cười nói chuyện tạp. Không được nhai cơm có tiếng. Như muốn xỉa răng [thì] nên lấy tay áo che miệng. Trong cơm, hoặc có sâu, kiến [thì] nên che giấu kín, đừng để người ngồi gần trông thấy [khiến họ] sinh tâm nghi sợ.

Nên ngồi ăn một chỗ, không được ăn xong lại rời đến chỗ khác ăn nữa. Không được ăn xong [rồi] lấy ngón tay vét chén bát mà ăn. Khi ăn, không được nhanh quá và cũng không được chậm quá. Đưa đồ ăn chưa tới [thì] không được sanh phiền não. Hoặc cần dùng gì [thì] yên lặng chỉ trao [dùng ngón tay để truyền ý], không được cao tiếng gọi lớn. Không được khua chén bát thành tiếng. Không được ăn xong, [ngồi] dậy trước.

Nếu trái với Tăng-chế, nghe tiếng bạch-trùy không được kinh chống không chịu [kháng cự bất phục].

Trong cơm có thóc [thì] bóc vỏ mà ăn.

Không được thấy đồ ăn ngon [mà] sinh tâm tham, mặc [phóng túng] cho miệng ăn. Không được ăn món ăn khác với [đại] chúng.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

6. LỄ BÁI

Lễ bái, không được chiêm giữa chánh-điện, vì nơi ấy dành riêng cho ngôi vị Trụ-trì.

Có người đang lễ Phật [thì] không được đứng gần và đi ngang qua đầu người ấy.

Chấp tay, không được mười ngón so-le. Không được rộng giữa. Không được nhét ngón tay vào trong mũi. Phải để ngay trước ngực, cao-thấp đúng chỗ. Không được lễ bái không đúng thời. Như muốn lễ phi-thời [thì] phải đợi khi người ta an-tĩnh.

Khi Thầy lễ Phật [thì] không được cùng Thầy cùng lễ [lạy ngang nhau]. Nên theo sau, xa Thầy mà lạy.

Thầy xá người ta [thì] không được cùng Thầy mà xá.

Ở trước Thầy [thì] không được cùng bạn đồng bực [ngang hàng] lạy nhau. Ở trước Thầy [thì] không được nhận sự lễ lạy của người.

Tay mình đánh cảm kính, tượng [thì] không được làm lễ người ta.

PHU:

Phàm lễ bái, phải tinh thành quán tưởng. Trong kinh liệt kê 7 phép lễ, cần phải biết:

Một là, ngã mạn lễ,

Hai là, cầu danh lễ,

Ba là, thân tâm cung-kính lễ,

Bốn là, phát trí thanh-tĩnh lễ,

Năm là, thông-nhập pháp-giới lễ,

Sáu là, chánh-quán tu thành lễ,

Bảy là, thực-tướng bình-đẳng lễ.

7. NGHE PHÁP

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Khi có bảng treo trên giảng-đường [thì] nên sớm lên giảng-đường, đừng đợi khi trống pháp đánh lớn mới tới. Sửa sang y phục rồi nên trông ngay tiền thẳng.

Ngồi phải đoan nghiêm. Không được nói chuyện loạn lên. Không được ho khạc lớn tiếng.

PHU:

Khi nghe pháp phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu.

Không được chuyên ghi những danh ngôn để giúp thêm vào việc bàn cãi. Không được chưa hiểu nói là đã hiểu, đó chỉ là vào tai ra miệng.

Sa-di tuổi trẻ, giới-lực chưa bền chắc [thì] cần phải học luật, không nên tới trường giảng kinh, luận sớm.

8. TẬP HỌC KINH-ĐIỂN

Nên học luật trước, sau mới học kinh, không nên vượt bậc.

Phàm học một bộ kinh nào, trước tiên phải bạch Thầy. Khi học kinh ấy xong, lại bạch xin học kinh khác.

Không được lấy miệng thổi bụi trên kinh. Trên án kinh, không được cất những thứ trà, bột và tạp-vật.

Người xem kinh, không được đi ngang qua gần án kinh của người ấy.

Khi kinh sách hư rách [thì] nên tu bổ sớm.

Bổn nghiệp của Sa-di chưa thành [thì] không nên tập học các sách bên ngoài, các sách sử của nhiều nhà và những sách vở về việc cai trị của thế gian.

PHU:

Không được lựa chọn học tập những kinh ứng phó Đạo-tràng. Không được tập học những kinh-điển ngụy tạo.

Không được tập học các sách coi số mạng.

Không được tập học các sách coi tướng.

Không được tập học các sách làm thuốc.

Không được tập học các sách binh trận.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Không được tập học các sách coi bói, coi quẻ.

Không được tập học các sách thiên-văn, địa-lý, sấm-ký.

Cho đến không được tập học những sách nói về phép thần-tiên, luyện linh-đơn, luyện đơn-sa thành bạc thành vàng, mà đời trước (Trung Hoa) thường gọi là “lô-hỏa, hoàng-bạch”.

Không được tập học những sách thần-kỳ, quỷ-quái, phù-thủy v.v..

Không được tập học theo lối một người đọc, mấy người rập theo; gọi là “tuyên quyền đả kệ”.

Không được tập học các sách vở ngoại-đạo, trừ những vị trí-lục có thừa muốn biết giáo-điển cao thấp của nội-ngoại giáo nên mới trải qua cho biết; song, cũng không nên sanh ra tâm tưởng tập học.

Không được tập học thơ và từ.

Không được để tâm học viết chữ cho tốt. Song, chỉ cần viết nét ngay thẳng là đủ. Không được tay như [tay dơ bẩn] cầm giữ kinh.

Đối với kinh sách như đối với Phật, không được giỡn cười.

Không được trên án để kinh sách lộn xộn.

Không được đọc lớn tiếng động chúng.

Không được mượn kinh sách của người coi rồi không trả và không để tâm ưa thích, quý trọng [kinh sách] để đến nỗi hư rách.

9. NHẬP TỰ-VIỆN

Khi vào cửa chùa không được đi chính giữa. Phải theo hai bên mà đi. Đi bên trái [thì] chân trái bước trước. Đi bên phải [đi bên phải thì] chân phải [chân phải] bước trước.

Không được vô cớ lên đại-diện giỡn chơi.

Không được vô cớ lên tháp.

Vào điện, tháp nên quanh bên hữu [đi vòng bên phải] không được quanh bên tả.

Không được hỷ-nhổ trong điện tháp.

Nhiều tháp hoặc ba vòng, bảy vòng, cho đến trăm vòng. Nên biết tượng-trung của các số này.

Không được để nón, gậy và các đồ vật khác dựa vào vách chánh-điện.

10. VÀO THIÊN-ĐƯỜNG, TÙY CHÚNG

Trên đôn, không được giữ áo, mền thành tiếng và [làm] bay bụi, làm cho người ở đôn bên bị động niệm.

Khi từ giường bước xuống [thì] niệm bài kệ rằng: “Từ sớm, giờ Dần thẳng đến chiều, hết thấy chúng sanh quanh quẩn cần giữ mình. Không may, dưới chân thân mệnh mất, nguyện người tức thời sanh cõi Tịnh.”

Không được cao tiếng, nói to.

Nhẹ tay cuốn bức màn màn, phải đỡ tay sau.

Không được kéo giày ra tiếng.

Không được ho khạc có tiếng lớn.

Không được cùng với người ở đôn bên chụm đầu-kê tai nói chuyện đời.

Hoặc có bạn Đạo thân tình thăm nhau, [ở] trong nhà Thiên [thì] không được nói chuyện lâu, nên đem nhau tới dưới rừng, bên suối,... mới có thể dốc hết tâm-can đàm-luận.

Nếu coi kinh, thân cần ngồi ngay thẳng, lắng lòng xem một cách thâm lặng, không nên đọc ra tiếng.

Mộc-bản đánh đến hồi thứ hai [thì] liền phải lên giảng-đường sớm.

Về tới vị trí của mình [thì] thâm niệm bài kệ rằng:

“Thân thẳng ngồi ngay.

Nguyện cho chúng sanh.

Ngồi tòa Bồ-đề.

Tâm không chấp trước.”

PHU:

Không được đi xuyên qua Thiên-đường.

Lên đơn, xuống đơn, đều nên giữ tế-hạnh; đừng để động niệm tới vị ở đơn bên. Không được ngồi trên đơn mà viết chép văn-tự, trừ khi đại-chúng xem kinh-giáo.

Không được ở trên đơn xúm nhau bày tiệc trà hay đêm ngồi nói chuyện tạp.

Không được ngồi trên đơn may vá quần áo.

Không được nằm ngủ, cùng người gán đơn nói chuyện động chúng.

11. CHẤP-TÁC

Nên tiếc của chúng-Tăng. Nên theo sự dạy bảo của vị Tri-Sự, không nên ngang trái.

Khi rửa rau phải thay nước 3 lần. Phàm mức nước trước tiên phải rửa tay cho sạch. Khi dùng nước phải xem kỹ, có trùng hay không có trùng. Nếu có trùng nên lấy lụa dày lọc qua mới dùng. Nếu thuộc mùa nghiêm-Đông, trời lạnh, đừng nên lọc nước sớm và phải đợi mặt trời mọc hãy lọc.

Phàm nhúm bếp, không được đốt củi mục [trong củi mục có côn trùng nhỏ].

Phàm làm đồ ăn, đừng nên để móng tay nhọn.

Phàm đổ nước nhọn không được đổ giữa đường. Cũng không được giơ cao tay hất đổ. Phải cách mặt đất chừng bốn, năm tấc, từ từ mà đổ.

Phàm quét đất, không được quét ngược gió. Không được gom bụi đất để sau cánh cửa.

Giặt áo trong, nên lượm bỏ các con rận rồi sau mới giặt.

Tháng mùa Hạ, [khi] dùng nước, dùng rồi phải úp chậu xuống, nếu để ngửa, tức thì loài trùng sẽ sinh ra.

Nước nóng không được đổ trên đất.

Hết thầy gạo, miến, rau, trái v.v... không được vứt bỏ lang-tạ [bừa bãi], phải sinh lòng mền tiếc.

12. VÀO NHÀ TẮM

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Trước tiên lấy nước nóng rửa mặt, và từ từ rửa từ trên xuống dưới. Không được thô-tháo [vụng về tinh nghịch] dùng nước nóng làm bắn vào người bên cạnh.

Không được tiểu trong nhà tắm.

Không được cùng người nói, cười.

Bộ Nhân Thiên Bảo Giám nói: “Một Sa-di vào nhà tắm cười đùa liền bị quả báo địa-ngục Nước Sôi!”.

Không nên tắm chỗ vắng.

Khi có bệnh ghẻ-lác [thì] nên lựa [thời điểm để đi] tắm sau. Hoặc có những mụn nhọt đáng sợ [thì] càng nên quanh tránh [để] khỏi lọt vào mắt người ta.

Không được mặc ý tắm lâu làm phương-ngại cho người tắm sau.

PHU:

Khi cởi áo-mặc áo phải thông thả, bình tĩnh.

Trước khi tắm phải tẩy tịnh, phải giữ những hạnh vi-tế. Không được đem nước tẩy tịnh đổ chung vào bồn tắm.

Nước lạnh hay nóng, y theo lệ đánh tiếng “keng” [đánh mõ dài], chứ không được kêu to.

13. VÀO NHÀ XÍ

Muốn đi đại tiện, tiểu tiện [thì] nên đi ngay, đừng để trong bụng [khiến] cho thô-thức vội-vàng.

Trên sào tre, vắt áo trực-thuyết [thì] phải xếp cho tề-chỉnh, lấy khăn tay hoặc dây lưng buộc chặt lại. Buộc như vậy, một là để ghi nhận và hai là sợ rớt xuống đất.

Nên thay đổi giày dép, không nên đi giày sạch vào nhà xí. Đến nơi, nên khảy ngón tay ba lần để cho người bên trong biết. Không được hỏi-thức người bên trong phải ra mau. Khi ngồi trên cầu xí rồi [thì] lại phải khảy ngón tay ba lần, thâm niệm bài kệ rằng:

“Khi đại-tiểu-tiện.

Nguyện cho chúng sanh.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Bỏ tham-sân-si.

Trừ sạch tội pháp.”

Khi ngồi trên cầu, không được cúi đầu ngó xuống.

Không được cầm cỏ vẽ đất.

Không được rặn hơi thành tiếng.

Không được cách vách cùng người nói chuyện.

Không được nhổ nước bọt vào vách.

Gặp người không nên làm lễ [mà] nên nghiêng mình tránh đi.

Không được đi dọc đường buộc đai áo.

Đại-tiện xong phải rửa tay cho sạch. Nếu tay chưa sạch [thì] không được cầm vật gì.

Rửa tay, thàm niệm bài kệ rằng:

“Lấy nước rửa tay.

Nguyện cho chúng sanh.

Được tay trong sạch.

Thọ trì Phật pháp.

Úm chủ ca ra gia sa-ha.”

PHU:

Nếu khi đi tiểu [thì] cũng cần phải xắn tay áo lên và không nên mặc áo thiên-sam (áo lễ) [để] đi tiểu.

14. NẪM NGỦ

Nằm phải nằm nghiêng hông bên hữu [nằm nghiêng bên phải], gọi là ngủ Cát-Tường.

Không được nằm ngửa, nằm sấp, cùng nằm nghiêng hông bên tả.

Không được cùng Thầy đồng thất, đồng giường; hoặc được đồng thất nhưng không được cùng giường.

Cũng không được cùng với Sa-di đồng-sự nằm chung một giường.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Đề dày giếp, treo tiểu-y, v.v., không được quá đầu mặt người.

PHU:

Không được cởi áo trong mà nằm.

Không được [khi] ngủ trên giường [mà] cười, nói lớn tiếng.

Không được trước Thánh-tượng và chôn pháp-đường [mà] mang các đồ như đi qua.

15. QUANH LÒ SỬI

Không được chụm đầu kê tai nói chuyện.

Không được khảy mồ hôi như [vào] trong lửa.

Không được hong phơi giày, áo miệt [đồ lót].

Không được hơ lửa lâu quá, sợ trở ngại cho người tới sau.

[Cảm thấy] hơi ám [thì] nên trở về vị trí của mình.

16. Ở TRONG PHÒNG

Khi hỏi thăm nhau điều gì, phải biết Giới-phẩm lớn, nhỏ.

Muốn đem đèn vào trong phòng, phải thưa trước cho các vị đồng phòng cùng biết rằng sẽ đem đèn vào.

Khi muốn tắt đèn, trước tiên phải hỏi những vị cùng ở trong phòng còn dùng đèn nữa không, rồi sau mới tắt.

Tắt đèn, không nên lấy miệng thổi.

Niệm tụng không nên cao tiếng.

Nếu có người đau yếu [thì] phải sinh lòng thương, săn sóc thủy chung.

Có người ngủ, không được khua đồ-vật vang động và lớn tiếng nói, cười.

Không được vô cớ, xông vào phòng viện của người khác.

17. ĐẾN CHÙA NI

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Có chỗ ngồi riêng mới [được] ngồi, không có chỗ ngồi riêng [thì] không được ngồi.

Không được vì Ni thuyết pháp phi thời.

Khi trở về chùa, không được nói sự tốt, xấu của chùa ấy.

Không được thư-từ qua lại và cậy mượn [các vị Ni] cắt may giặt nhuộm quần áo v.v...

Không được cạo tóc [cho các vị Ni].

Không được cùng ngồi ở chỗ vắng nói chuyện [với các vị Ni].

PHU:

Không có hai người [thì] một mình [mình] không nên tới [chùa Ni]; cũng không nên đưa tặng-vật qua lại.

Không được mượn các vị Ni đi hóa-duyên nơi các nhà hào-quý và cầu-niệm kinh-sám v.v...

Không được cùng các vị Ni kết-nguyện làm cha mẹ, chị em, đạo-hữu.

18. ĐẾN NHÀ NGƯỜI

Có tòa riêng hãy nên ngồi, không nên ngồi bừa.

Người hỏi về kinh [thì] phải biết thời mà nói, cẩn-thận đừng nên nói phi-thời.

Không được cười nhiều.

Chủ-nhân đãi cơm, tuy không phải là nơi pháp-hội, nhưng cũng đừng trái phép tắc.

Không nên đi đêm.

Không được ở trong nhà trống, hoặc chỗ khuất cùng nữ-nhân ngồi chung nói chuyện.

Không được thư-từ qua lại v.v... như chương trước đã nói.

Nếu về nhà thăm cha mẹ, trước tiên phải vào trong nhà lễ Phật, hoặc Thánh-tượng trong gia-đường, đoan-trang lễ-nguyện. Thứ đến hỏi thăm cha mẹ, quyến-thuộc v.v...

Không được nói với cha mẹ về việc phép-tắc nơi Thầy nghiêm-nghị, việc xuất gia khó khăn, ở chùa đạm bạc, quanh hiu, gian-tân khổ-cực v.v.. Và, chỉ nên vì tất cả thuyết pháp, làm cho sanh tín-tâm, thêm phước-đức.

Không được cùng thân-quyên thế tục cũng như các trẻ em ngồi lâu, đứng lâu, cười đùa, chuyện tạp. Cũng không được hỏi những sự phải, trái, tốt, xấu trong họ.

Nếu trời tối, [nếu] ngủ lại [thì] nên ở riêng một giường và nên ngồi nhiều, nằm ít, nhất tâm niệm Phật. Việc xong [thì] nên về ngay, không được giằng giai việc này qua việc khác.

PHU:

Không được liếc ngó bên tả bên hữu.

Không được nói chuyện tạp.

Nếu nói chuyện cùng nữ-nhân [thì] không được nói thì-thâm và không được nói nhiều.

Không được dối hiện uy-nghi, giả mạo tướng thiên [để] cầu người cung-kính.

Không được nói bừa về Phật pháp, đáp loạn những câu hỏi của người, tự khoe là nghe nhiều [để] cầu người cung-kính.

Không được đưa tặng hộp lễ vật qua lại, bắt chước người thế tục bạch-y.

Không được cai-quản việc nhà người.

Không được ngồi lẫn trong tiệc rượu.

Không được kết-duyên với người thế tục bạch-y làm cha mẹ, chị em.

Không được nói những lời lầm trong Tăng-chúng.

19. KHẮT-THỰC

Nên cùng đi khát-thực với bậc lão-thành. Nếu không có người cùng đi, nên biết những chỗ đáng đi.

Đến cửa nhà người ta, phải xét kỹ những cử-chỉ, xếp đặt, không được mất uy-nghi.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Nhà không có con trai [thì] không được vào cửa.

Nếu muốn ngồi [thì] trước tiên phải coi xem chỗ ngồi: [nếu] có đồ đao-binh [thì] không nên ngồi; [nếu] có vật báu [thì] không nên ngồi; [nếu] có áo, mền, đồ trang-nghiêm của đàn bà [thì] không nên ngồi.

Khi muốn nói về kinh [thì] nên biết thời đáng nói và thời không đáng nói.

Không được nói: “Cho ta đồ ăn khiến người được phước!”.

PHỤ:

Phàm khát-thực, không được năn-nỉ và xin hoài.

Không được bàn rộng về lý nhân-quả [để] mong người ta cúng nhiều.

Được nhiều đừng sinh tham-đắm, được ít đừng sinh tâm lo buồn.

Không được chuyên tới những thí-chủ có tình quen, cũng như những am-viện có tình quen [để] xin ăn.

20. VÀO NƠI TỰ-LẠC

Không có duyên-sự cần thiết [thì] không được vào nơi tự-lạc (làng xóm, đồng người ở).

Không được đi mau [đi nhanh].

Không được đi [mà] tay đưa vắt vẻo.

Không được thường thường liếc ngó những nhân-vật đi đường.

Không được vừa đi vừa nói cười với Sa-di và em nhỏ.

Không được đi theo trước-sau nữ nhân, cũng không được đi theo trước-sau các vị Ni.

Không được đi theo trước hay sau người say, người điên. Nên đi tránh.

Không được ngoái về đằng sau nhìn nữ nhân.

Không được ngược mắt nhìn nữ nhân đi bên.

Khi gặp bậc tôn-túc hay người thân quen biết, đều phải dừng lại một bên đường, trước tiên tỏ ý hỏi thăm.

Hoặc gặp những trò kỳ-quái hý-huyễn v.v.. đều không nên xem, cứ ngay mình thẳng theo đường chính mà đi.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Phàm gặp chỗ có hầm nước sâu, bờ nước lở [thì] không được nhảy qua; [nếu] có đường [thì] nên đi quanh; không có đường mà người ta đều nhảy qua, ta cũng nhảy qua, thì được.

Không có bệnh và việc gấp, không được cưỡi ngựa cho đến không được khởi tâm đùa cợt, cầm roi quất ngựa chạy nhanh hoặc chạy chậm.

PHU:

Phàm gặp quan-phủ (cơ-quan công-quyền), không cứ lớn, nhỏ, đều nên quanh tránh.

Gặp người đánh lộn cũng nên tránh xa, không nên đứng coi.

Về chùa, không được khoe khoang thấy những việc hoa-mỹ trong thành.

21. ĐI CHỢ MUA ĐỒ

Không nên tranh cãi mắc với rẻ.

Không nên ngồi nơi hàng nữ nhân.

Nếu bị người ta mua tranh [thì] nên dùng phương-tiện lánh đi, đừng nên cố theo trả giá.

Đã hứa mua vật của người trước, vật của người sau tuy rẻ hơn, cũng không nên bỏ vật của người kia mà lấy vật của người này, làm cho người chủ cũ có sự buồn hận.

Cẩn-thận, không nên đứng bảo-lãnh, đến nỗi mắc nợ người ta.

22. LÀM VIỆC, KHÔNG ĐƯỢC TỰ-DỤNG

Khi ra-vào, đi-lại; trước tiên phải bạch Thầy.

May pháp-y mới, trước phải bạch Thầy.

Thế đầu [cạo tóc], trước phải bạch Thầy.

Yếu đau uống thuốc, trước phải bạch Thầy.

Làm việc chùng-Tăng, trước phải bạch Thầy.

Muốn có các đồ riêng như bút, giấy v.v., trước phải bạch Thầy.

Nếu muốn tụng kinh sách, trước phải bạch Thầy.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Nếu ai muốn đem cho [mình] đồ vật gì, trước phải bạch Thầy, Thầy ưng-thuận rồi sau mới nhận.

Muốn đem vật kỷ-niệm cho người khác, trước phải bạch Thầy, Thầy thuận rồi mới được cho.

Người ta đến mình cậy mượn vật chi, trước phải bạch Thầy, Thầy chấp-thuận rồi sau mới cho.

Mình muốn tới chỗ người nào đó mượn vật gì, trước phải bạch Thầy, Thầy thuận thì được đi.

[Khi] bạch [Thầy], Thầy thuận hay không thuận đều phải làm lễ. Thầy không chấp thuận cũng không được có ý buồn hận.

PHU:

Cho đến những việc lớn, hoặc đi du-phương, hoặc đi nghe giảng, hoặc đi nhập-chúng, hoặc đi quản-thu chôn sơn-môn, hoặc có những sự-duyên xây dựng chùa-cảnh v.v., đều phải bạch Thầy, không được tự-dụng [tự ý tùy tiện làm].

23. THAM HỌC PHƯƠNG XA

Đi xa, cần nung vào bạn lành.

Bạc cổ-nhân, tâm-địa chưa thông, không ngại đường xa nghìn dặm để cầu Thầy học Đạo.

PHU:

Tuổi nhỏ, giới-luật còn ít ỏi [còn kém], Thầy chưa cho đi xa. Như có việc phải đi [thì] không được cùng đi với bọn bất-lương.

Phải tìm Thầy hỏi Đạo để quyết trọn trong việc sinh-tử, thì không nên đi xem non, ngắm biển chỉ với mục đích du lịch xa-rộng để khoe khoang với người.

Đến chỗ nào, để hành-lý bên ngoài, không được mang ngay vào trong chùa. Một người đứng coi hành-lý một người vào trước thăm hỏi, nắm vững phép-tắc lui tới của thường-trụ [rồi] mới có thể đem hành-lý xếp đặt vào trong.

24. DANH-TƯỚNG Y VÀ BÁT

○ Y 5 điều, tiếng Phạn gọi là An-Đà-Hội (Antarvāsaka), Trung Hoa dịch nghĩa là “Trung-Túc-Y”, cũng có chỗ gọi là “Hạ-Y”, cũng có chỗ gọi là “Tập-Tác-Y”.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Phàm làm việc vất vả trong chùa, đi đường, ra vào, lui tới, nên đắp y này. Khi đắp y này, đọc bài kệ rằng:

“Thiện-tai giải-thoát phục,
Vô-thượng phước-điền-y.
Ngã kim đánh đái thụ,
Thế thế bất xả ly.”

[Dịch:]

“Lành thay áo giải-thoát,
Áo, ruộng phước vô-thượng.
Nay con cúi đầu nhận,
Đời đời không lìa bỏ.”
Úm tất đà da sa-bà-ha. (3 lần)

○ Y 7 điều, tiếng Phạn gọi là “Uất-Đa-La-Tăng” (Uttarāṅga), Trung Hoa dịch nghĩa là “Thượng-Trước-Y”, cũng gọi là “Nhập-Chúng-Y”. Phàm lễ Phật, sám-hối, tụng kinh, tọa thiền, phó trai, nghe giảng, Bồ-Tát, tỳ-tứ, nên đắp y này. Khi đắp y này đọc bài kệ rằng:

“Thiện-tai giải-thoát phục,
Vô-thượng phước-điền-y.
Ngã kim đánh đái thụ,
Thế thế thường đắc phi.”

[Dịch:]

“Lành thay áo giải-thoát,
Áo, ruộng phước vô-thượng.
Nay con cúi đầu nhận,
Đời đời thường được mặc.”
Úm độ ba độ ba sa-bà-ha. (3 lần)

○ Y 25 điều, tiếng Phạn gọi là “Tăng-Già-Lê” (Sanghāti), Trung Hoa dịch nghĩa là “Hiệp-Y”, cũng dịch là “Trùng-Y”, cũng dịch là “Tập-Toái-Y”. Vì điều-số của

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

nó nhiều vậy. Phàm khi vào cung nhà vua, lên tòa thuyết pháp, đi vào nơi tụ-lạc, đi khát-thực, nên đắp y này.

Y này có 9 phẩm:

Hạ-phẩm có 3: 9 điều, 11 điều và 13 điều. Trong mỗi một điều có 2 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Trung-phẩm có 3: 15 điều, 17 điều và 19 điều. Trong mỗi một điều có 3 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Thượng-phẩm có 3: 21 điều, 23 điều và 25 điều. Trong mỗi một điều có 4 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Khi đắp y này, đọc bài kệ rằng:

“Thiện-tai giải-thoát-phục,
Vô-thượng phước-điền-y.
Ngã kim đành đái thụ,
Quảng-độ chư quần mê.”

[Dịch:]

“Lành thay áo giải-thoát,
Áo, ruộng phước vô-thượng.
Nay con cúi đầu nhận,
Rộng độ các loài mê.”

Úm, ma ha ca bà ba, tra tất đế, sa-bà-ha. (3 lần)

○ BÁT, tiếng Phạn gọi là Bát-đa-la (Pàtra), Trung Hoa dịch nghĩa là “Ứng-lượng-khí”, nghĩa là Thể - Sắc - Lượng, ba thứ ấy đều đúng như pháp.

Thể của nó làm bằng hai vật sành và sắt.

Sắc của nó [thì] lấy các thứ thuốc, đốt lửa, có khói, xông vào thành hoại-sắc [màu cafe đậm]. Bát sắt, dùng hạt hạnh-nhân, hạt mè với cám nếp v.v..., đốt lửa có khói, xông thành sắc đen xám, sắc chim bồ-câu, hoặc như sắc lông cổ con chim sẻ.

Lượng của bát thì chia làm thượng, trung, hạ: Bát bạc thượng đựng khoảng một đấu. Bát bạc hạ đựng khoảng năm thăng. Khoảng giữa của hai bạc trên gọi là bát bạc trung.

NẾU MUỐN PHÁT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

○ TỌA-CỤ, tiếng Phạn gọi là “Ni-Su-Đàn” (Nisidana), Trung Hoa dịch nghĩa là “Tọa-Cụ”, cũng gọi là “Tùy-Túc-Y”. Khi trải tọa-cụ, đọc bài kệ rằng:

“Tọa-Cụ Ni-Su-Đàn,
Trưởng-dưỡng tâm-miêu-tính.
Triển-khai đấng Thánh-địa,
Phụng-trì Như-Lai mệnh.”

[Dịch:]

“Đồ ngồi: Ni-Su-Đàn,
Nuôi lớn mầm Tâm-Tánh.
Khơi mở lên cõi Thánh,
Vâng giữ mệnh Như-Lai.”
Úm, đàn ba, đàn ba, sa-bà-ha (3 lần)

Chú thích:

* Ân sư Thích Tịnh Không từng khai thị cho các đồng tu chuyên tu Tịnh Độ rằng có thể thay các bài chú hoặc bài kệ trong nghi thức hàng ngày bằng câu Phật hiệu A Mi Đà Phật khiến Phật hiệu không bị gián đoạn, không bị xen tạp để công phu nhanh thành tựu. Ví dụ: trước khi ăn cơm có xuất sanh và niệm kệ cúng dường thì có thể thay bằng 10 câu niệm Phật “A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật” là được.**

* Kinh Địa Tạng Bồ-Tát Bổn Nguyện là nền tảng xây dựng Phật Pháp (Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là giảng rõ về 10 thiện của Kinh Địa Tạng). Pháp hội giảng Kinh Địa Tạng trên cung trời Đao-Lợi là pháp hội thù thắng vô song mà tất cả pháp hội giảng kinh khác đều không thể sánh bằng; kể cả Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa và Kinh Vô Lượng Thọ cũng không thể sánh bằng. Ở pháp hội giảng Kinh Địa Tạng, đại chúng tham dự là tất cả chư Phật dùng thân phận Diệu Giác Phật ở khắp hư không pháp giới mang theo học trò Bồ-tát của mình đến tham dự không sót một vị nào, Tỳ Lô Giá Na Phật và A Mi Đà Phật cũng đến trang nghiêm cho pháp hội giảng Kinh Địa Tạng Bồ-Tát Bổn Nguyện. Vì sao? Vì kinh này dạy về Hiếu Đạo và Sư Đạo: Hiếu thân – Tôn sư. Nếu không có tâm Hiếu – Kính thì tu bất kỳ pháp môn nào cho đến niệm Phật cả đời cũng không thể vãng sanh Cực Lạc. **Pháp môn Địa Tạng là nền tảng của pháp môn Tịnh Độ, chính là Tịnh Nghiệp Tam Phước.****

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

BÀI KỆ CẢNH CHÚNG CỦA PHỔ HIỀN BỒ TÁT

“Một ngày đã qua, mạng cũng giảm dần,

Như cá cạn nước, có gì vui đâu?

Đại chúng!

Chuyên cần Tinh Tấn, như cứu lửa cháy đầu,

Hãy nhớ vô thường, chớ lười buông lung!”

TẤM GƯƠNG NIỆM PHẬT VĨNG SANH CỰC LẠC

1/ Hòa thượng Lão Đức

Ân sư Thích Tịnh Không giảng rằng trong nhà Phật xưa nay có câu: **“Chỉ có thượng trí và hạ ngu là không thay đổi!”**, đây là hai hạng người có khả năng lập tức thành Phật.

Người thượng trí là bậc Thượng thượng căn, ngộ Tánh của họ vô cùng mạnh, giống như Lục tổ Thiên tông Huệ Năng, Ngài nghe Ngũ tổ Thiên tông Hoằng Nhẫn giảng đại ý Kinh Kim Cang đến nửa bộ kinh ngay câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Đại Triệt Đại Ngộ thành Phật. **Người hạ ngu là người thật sự rất là ngu si, cái gì họ cũng không hiểu không biết; người hạ ngu căn cơ thành Phật là người hạ ngu viên mãn hai chữ “Hiếu - Kính”, nếu hai chữ “Hiếu - Kính” này có kém khuyết thì không phải căn cơ thành Phật. Người hạ ngu căn cơ thành Phật hết lòng hiếu thuận với Phật, hết lòng thành kính với Phật; người này gặp được Pháp môn Tịnh Độ, dạy họ niệm câu Nam Mô A Mi Đà Phật thì họ thật sự làm, không bao lâu thì họ vãng sanh Cực Lạc thành Phật. Công đức mà bậc Hạ hạ căn viên mãn “Hiếu - Kính” đạt được là giống như bậc Thượng thượng căn không khác.**

Đại lão Hòa thượng Hải Hiền thường kể câu chuyện về Hòa thượng Lão Đức, đây là một người Hạ hạ căn viên mãn “Hiếu - Kính”: Hòa thượng Lão Đức và Hòa thượng Hải Hiền là người đồng liêu, từ nhỏ mất cha, theo mẹ ăn xin qua ngày. Vào ngày đông vô cùng lạnh giá, hai mẹ con Lão Đức vừa đói vừa rét đi đến chùa Kim Sơn ở huyện Chí Đồng trấn Bình Thị van nài Pháp sư trụ trì Hải Tham từ bi giúp đỡ và hy vọng Pháp sư Hải Tham có thể thu nhận Lão Đức làm đệ tử. Pháp sư Hải Tham không nhận lời cho Lão Đức thế độ mà đưa đến trước tượng Vi Đà Bồ Tát để Ngài bái Vi Đà Bồ Tát làm thầy. Bởi vì Lão Đức đàn độn cho nên mẹ của Ngài gọi Ngài là “Lão Ngai”, ngôn ngữ của vùng Nam Dương “Ngai” và “Đức” đồng âm, cho nên truyền lâu thì “Lão Ngai” đã biến thành “Lão Đức”. Lão Đức đã xuất gia như vậy,

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ngài không có sư phụ thế độ, cũng không có Pháp danh, càng không được thọ Giới. Từ đó, người dân trấn Bình Thị xa mấy chục dặm đều biết Hòa thượng Ngài một người mỗi ngày vác túi vải trên vai ra ngoài hóa duyên. Pháp sư Hải Tham dạy Ngài khi đi đường niệm “A Mi Đà Phật”, quả nhiên Ngài thành thật vừa đi vừa niệm Phật. Những người phụ nữ và đứa bé nghịch ngợm trong thôn thấy Ngài dần dần nên thường đem Ngài làm trò cười. Hòa thượng Lão Đức cũng không giận, Ngài chỉ chấp tay xá lễ với người, trong miệng vẫn không ngừng mà niệm “A Mi Đà Phật, A Mi Đà Phật,...”; có người trêu chọc Ngài nói: “Lão Đức, ông cúi lạy một lạy, tôi cho ông lương thực”. Lão Đức nói: “Không có Phật, tôi không cúi lạy!”. Người ta chỉ vào một tảng đá nói: “Bên trong đó có Phật!”. Hòa thượng Lão Đức buông túi vải xuống, quỳ xuống đất dập đầu lạy tảng đá. Mọi người cảm thấy trò này vui nên thường xuyên trêu chọc Ngài; thời gian lâu rồi, trấn của Hòa thượng Lão Đức bị dập sụng thành cục lớn như quả trứng gà. Có một số người càng quá đáng hơn, chỉ vào phân trâu nói với Hòa thượng Lão Đức nói: “Bên trong này có Phật!”. Hòa thượng Lão Đức nói: “Có Phật, tôi lạy Phật!”, nói xong thì dập đầu xuống đất lạy phân trâu. Có một lần, có người để sợi dây lên tai của Ngài rồi nói: “Lão Đức, tôi cột ông ở đây rồi, ông không động đậy được đâu!”. Hòa thượng Lão Đức liền đứng ở vị trí đó khóc, Ngài cứ đứng như vậy dưới nắng mặt trời rất lâu không động đậy; có người đi qua nơi này thấy được, hỏi Ngài vì sao khóc, Ngài nói: “Bị người khác cột lại rồi!”. Người ta hỏi Ngài: “Dùng cái gì cột lại?”. Ngài nói: “Dùng dây!”. Người đó nói: “Cột ở đâu?”. Ngài nói: “Cột cái lỗ tai rồi!”. Người qua đường này lấy sợi dây từ trên tai Ngài xuống, nói với Ngài: “Tôi cởi ra cho Ngài rồi, Ngài có thể đi!”. Lão Đức lập tức ngưng khóc mà cười, rồi chấp tay niệm Phật thi lễ với người đó. Mỗi lần Hòa thượng Lão Đức hóa duyên trở về tự viện, nhất định đến quỳ lạy Vi Đà Bồ Tát trước tiên, nói với Bồ Tát: “Sư phụ! Con về rồi!”. Sau đó, Ngài đem những đồ vật hóa duyên được đến chánh điện dâng cúng Phật. Ban ngày, Ngài ra ngoài hóa duyên, ban đêm lạy Vi Đà Bồ Tát; quanh năm suốt tháng ngày nào cũng vậy. Tháng Chạp năm 1954, Hòa thượng Lão Đức bị bệnh nhưng từ chối uống thuốc, Ngài liền hỏi: “Ngày nào là mừng 8 tháng Chạp?”, mỗi ngày đều hỏi mấy lần. Pháp sư Hải Tham hỏi riêng Ngài: “Thầy cứ hỏi mừng 8 tháng Chạp làm gì vậy?”. Hòa thượng Lão Đức trả lời rằng: “Sư phụ tôi nói với tôi ngày mừng 8 tháng Chạp, A Mi Đà Phật đến đón tôi đi!”. Pháp sư Hải Tham thâm nhớ trong tâm, âm thầm tán thán Ngài. Chẳng mấy chốc đã tới mừng 8 tháng Chạp, Hòa thượng Lão Đức không hỏi nữa, có người nói với Ngài: “Hôm nay chính là mừng 8 tháng Chạp, rốt cuộc thầy muốn làm gì vậy?”. Lão Đức nghe xong câu này, hình như rất ngạc nhiên mà nói: “Vậy sao? Vậy tôi đi đây!”. Ngài nhờ người đem đến một bồn nước tắm, tắm rửa sạch sẽ, thay y phục, ngồi ngay ngắn niệm Phật mà tịch. Sau khi Hòa thượng Lão Đức vãng sanh được 2 năm, có vài thương gia đến Vũ Hán làm ăn, họ ở đầu thành phố Vũ Hán gặp được Hòa thượng Ngài đang vác túi vải trên vai đi hóa duyên, mọi người nói giống Lão Đức nên đã tiến tới chào hỏi nói: “Lão Đức, sao Ngài lại đi đến Vũ Hán vậy?”. Hòa thượng Ngài nhìn họ, cười mà nói: “Hóa

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

duyên mà!”. Mọi người nói: “Cùng chúng con đi về thôi!”. Hòa thượng Ngai nói: “Mấy ngày nữa tôi mới về!”. Khi mấy thương gia này từ Vũ Hán trở về, họ nói với người dân trấn Bình Thị ở đầu thành phố Vũ Hán gặp được Lão Đức thì mới biết rằng Lão Đức đã vãng sanh Cực Lạc 2 năm rồi; nhưng mà họ một mực khẳng định nói rằng người họ gặp được là Hòa thượng Lão Đức. Câu chuyện của Hòa thượng Lão Đức, chúng xuất gia ở Nam Dương không có ai mà không biết. Trong “Đông Bách huyện chí” cũng có ghi chép lại vị Hòa thượng Lão Đức này: “Hòa thượng Lão Đức, tự Truyền Thực, ở chùa Kim Sơn trấn Bình Thị, bản tính ngây ngô, đi vệ sinh không biết tránh né người khác, không biết đói khát, đi thẳng về phía trước, không quay đầu lại, không dừng lại nhìn, hành tích kỳ lạ khiến người ta khó đoán. Hằng ngày đi hóa duyên trong thôn, làm trò cười cho phụ nữ và trẻ con, buổi tối lễ bái Vi Đà Bồ Tát, cả đêm không ngủ, mỗi lần lạy Phật đầu đập xuống đất phát ra tiếng đến nỗi sùng trán, quanh năm suốt tháng đều như thế, cứ như vậy mười mấy năm. Vào mùa đông năm 1954, bị bệnh nằm trên giường, từ chối thuốc thang, mỗi ngày đều hỏi ngày nào là mừng 8 tháng Chạp, mọi người thành thật trả lời, đến ngày mừng 8 tháng Chạp, Lão Đức tắm rửa thay y phục, ngồi ngay ngắn niệm Phật viên tịch!”.

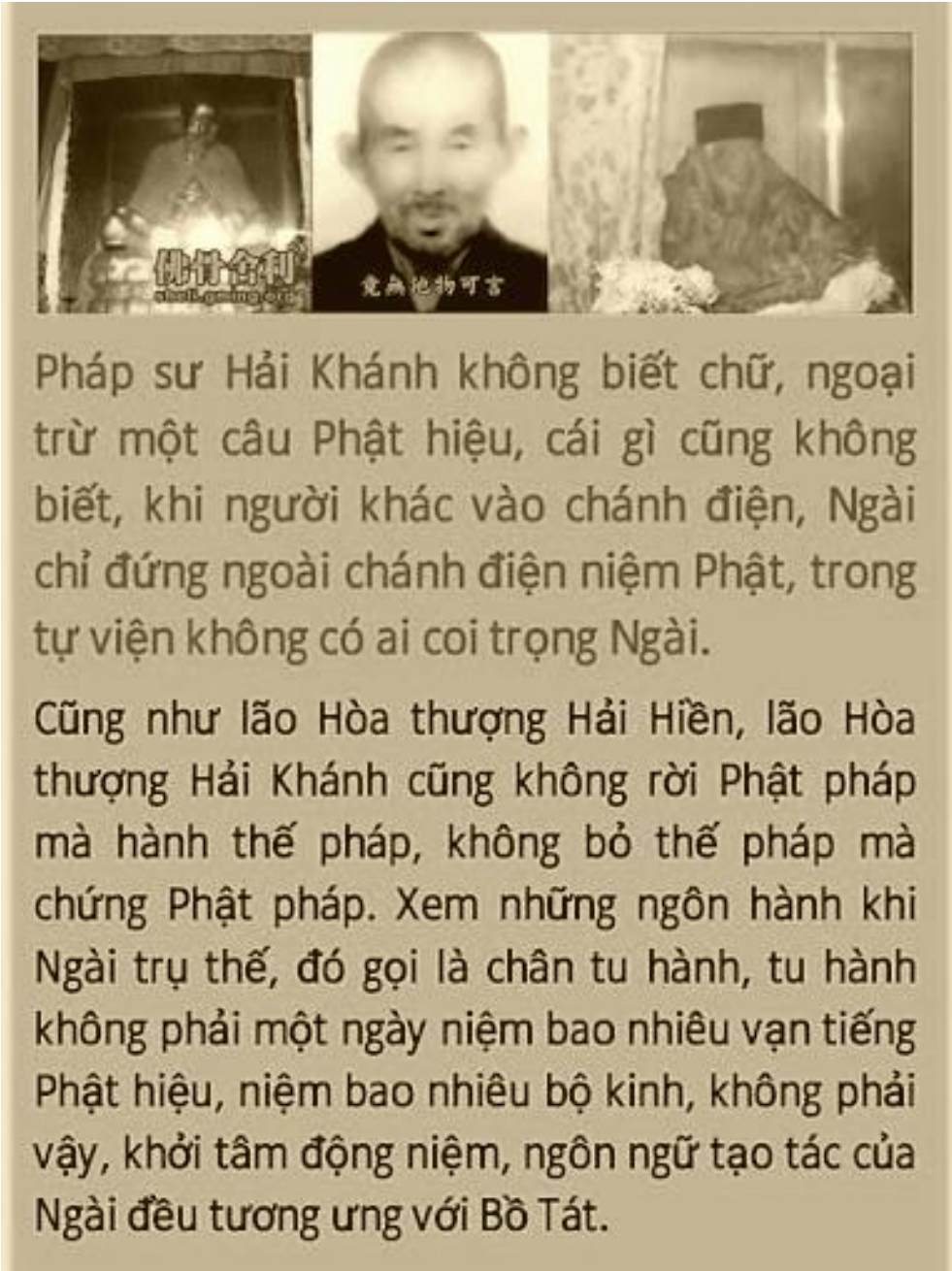
Đại lão Hòa thượng Tịnh Không giảng: **“Pháp môn Tịnh Độ nếu người nào thật sự mê tín thì có thể vãng sanh Cực Lạc, nếu giả mê tín thì không có cách gì vãng sanh!”**; thật sự mê tín chính là khi dạy họ niệm câu Nam Mô A Mi Đà Phật sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc thành Phật thì họ thật sự tin chắc không nghi ngờ, thật sự muốn vãng sanh Cực Lạc, thật sự muốn thành Phật, thật thà niệm Phật. Chúng ta không phải Thượng thượng căn mà cũng không phải Hạ hạ căn đầy đủ hai chữ “Hiếu - Kính”, nhà Phật gọi hạng người như chúng ta là loại lơ mơ ở giữa, loại này rất khó độ vì nghi hoặc quá nhiều.

2/ Nhấn nhục Bồ-tát, tấm gương niệm Phật vãng sanh Cực Lạc: Đại lão hòa thượng Thích Hải Khánh (Sư đệ của Đại lão hòa thượng Thích Hải Hiền)

Pháp sư Hải Khánh, họ Lý, húy Phú Quý. Tổ tiên ngụ tại huyện Tất Dương của Đông Nam tỉnh Hà Nam. Sinh vào năm Tuyên Thống cuối triều Thanh (năm 1909). Vì sinh ra trong gia đình nghèo khó nên chưa từng được đi học, nhưng thiên tánh nhân hậu, sống hiền hiếu biết lễ nghĩa. 11 tuổi Pháp sư Truyền Đông thế độ xuất gia ở chùa Thanh Lương - núi La Hán - Nam Dương, 42 tuổi vào thường trụ ở chùa Lai Phật, chuyên tu Tịnh độ, lão thật niệm Phật. Năm 1989 thọ cụ túc giới tại chùa Bạch Mã. Ngày 11 tháng Chạp năm 1991 âm lịch, tự tại sanh Tây. Hưởng thọ 82 tuổi, tăng lạp 71 năm. Y theo quy tắc của nhà Phật, sau khi vãng sanh để Ngài vào chum lớn. Đa số là sau 3 năm mở chum, nếu như thân thể không hoại thì lưu toàn thân, thân thể hoại rồi thì sau khi hỏa táng an táng lần nữa. Sau 6 năm 9 tháng Pháp sư Hải Khánh ngồi trong chum, sư huynh của Ngài là lão Hòa thượng Hải Hiền phát tâm mở

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

chum. Không ngờ mở chum thọ ra, diện mạo Hòa thượng Hải Khánh như lúc còn sống, ngay cả y phục trên thân cũng không hư hoại chút nào. Mọi người vô cùng kinh ngạc, cũng tán thán không ngớt, thế là đem nhục thân của Ngài vào thờ trong chùa Lai Phật. Năm 2005, có cư sĩ phát tâm cúng dường thiếp vàng nhục thân của Ngài.



NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Vóc dáng của Pháp sư Hải Khánh thấp bé, vô cùng hiền từ. Các vị cư sĩ đều nói: “Nếu như luận về cần kiệm, Khánh Công cũng không thua kém gì lão Hòa thượng Hải Hiền.” Lúc đó điều kiện của tự viện không tốt, thanh khổ cùng cực, mùa đông, Pháp sư Hải Khánh toàn thân bông vải (áo bông này hiện được cất trong Kim Cang quán chùa Lai Phật), mùa hè ăn mặc đơn sơ, nhưng cả ngày Ngài đều vui tươi hơn hờ, thường nở nụ cười. Ngài không thích nói chuyện, một vị cư sĩ hỏi tưởng lại nói: “Tính tình Khánh Công rất tốt, chưa bao giờ làm người khác sanh phiền não. Bởi vì Ngài có chút nói lấp, nói gì cũng nói không lưu loát, cho nên cũng không thích nói chuyện phiếm. Nhưng mà có một điểm, khi Ngài niệm “A Mi Đà Phật” không bị lấp, vì vậy nên tôi chỉ nhớ rằng Ngài thích niệm Phật.”

Pháp sư Hải Khánh nói lấp nghiêm trọng, nhưng mà câu “A Mi Đà Phật” này Ngài niệm rất rõ ràng, khi Ngài niệm Phật tiếng như chuông lớn, từng chữ tròn rõ, Ngài cũng chỉ biết một câu “A Mi Đà Phật” này.

Trước thời kỳ “Văn Cách”, Pháp sư Hải Khánh bị điều đến Trương thôn trang bên cạnh chùa Lai Phật tham gia lao động. Ban ngày không thể niệm Phật, thì Ngài niệm Phật trong đêm sau khi mọi người đều ngủ. Một vị cư sĩ hỏi tưởng lại nói: Lúc đó ông còn rất nhỏ, thích chơi cùng với Pháp sư Hải Khánh, buổi tối cũng phải đẩy giường sát nhau ngủ chung. Có lần nửa đêm, ông mơ mơ hồ hồ thức dậy đi vệ sinh, nhìn thấy Pháp sư Hải Khánh đang ngồi xếp bằng trên giường, giật cả mình, mau chóng đi tới đánh Pháp sư Hải Khánh, hỏi Ngài đang làm gì. Khánh Công nói, ban ngày không cho niệm Phật, tôi nhân lúc ban đêm niệm Phật một chút.

Cả đời Pháp sư Hải Khánh trì giới niệm Phật. Bình thường Ngài đều chuyên niệm “A Mi Đà Phật”, nhưng mà nếu như có người chào hỏi Ngài, Ngài trả lời người khác lại là “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát”, mấy chục năm vẫn luôn như vậy.

Pháp sư Hải Khánh vô cùng hiền hậu, bá tánh ở Phương Viên đều rất tôn kính Ngài, nhưng mà không hiểu vì sao trong tự viện lại có người bắt nạt sĩ nhục Ngài. Pháp sư Hải Khánh không biết chữ, ngoại trừ một câu Phật hiệu, cái gì cũng không biết, khi người khác vào chánh điện, Ngài chỉ đứng ngoài chánh điện niệm Phật, trong tự viện không có ai coi trọng Ngài. Những công việc dơ bẩn nhất nặng nhọc nhất trong tự viện đều là do Ngài làm, bởi vì tự viện còn có vài mẫu đất cần, vì vậy mọi người thường thấy Pháp sư Hải Khánh vác theo cái sọt, vai vác cái xẻng đi khắp nơi dọn phân. Có lần, một vị cư sĩ đến chùa Lai Phật, lúc đó tự viện vẫn còn trâu cày, có người chỉ vào Pháp sư Hải Khánh ở đằng xa nói với bà: “Chính là người đang đứng dựa vào chân tường, Hòa thượng hướng mặt về phía đông, người khác đều xem thường ông ấy, ông ấy chỉ biết dọn phân, thường trở về tự viện không kịp giờ cơm, có cơm thì ăn một ít, hết cơm thì không ăn.” Pháp sư Hải Khánh thường đem theo dụng cụ ra ngoài dọn phân, nhặt củi, nhặt đá vụn rải đường. Khi trở về cơm nguội rồi thì ăn một ít, hết cơm thì đói một bữa, Ngài không bao giờ oán than, cũng không nổi

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

giận. Những thực phẩm như trái cây, bánh khô, đường viên dăng cúng ở tự viện, vì thời gian cúng lâu, có số thực phẩm biến hư hỏng nổi mốc. Người khác lựa hết những đồ ngon, còn lại những gì hư hỏng cho hết Pháp sư Hải Khánh, Ngài cũng không có chút gì giận dữ. Có người nói: “Những thức ăn này không thể ăn thì cho trâu ăn đi!”. Pháp sư Hải Khánh nói: “Trâu già kéo cày kéo bừa, ăn cỏ khô, cũng đủ cực khổ rồi, không thể để nó ăn những thức ăn này, tôi không thể thọ dụng là tôi có tội nghiệp, không thể tiếp tục đi hãm hại trâu.” Thế là Ngài đem những thức ăn đó đều chôn xuống bên cạnh rễ cây hoặc rải trong đồng ruộng.

Một vị cư sĩ nói: “Lão Hòa thượng sống rất cần kiệm!”. Pháp sư Hải Khánh nói: “Phật Tổ đang nhìn đó, ngẩng đầu ba thước có thần linh, vạn vật đều có Phật Tánh, nên thọ dụng thế nào thì thọ dụng thế ấy.”

Mùa đông năm 1987, Pháp sư Hải Khánh gặp trận bệnh nặng, có vị thầy y vân du tứ phương đến qua đêm ở tự viện tự xưng biết đoán mệnh, nói đã tính được dương thọ của Pháp sư Hải Khánh đã tận, thầy ấy nói với người làm cơm ở trai đường, tốt nhất đừng cho Pháp sư Hải Khánh ăn cơm nữa, cũng đừng uống thuốc, tắm rửa sạch sẽ đợi chết đi. Bốn ngày sau, cư sĩ hộ pháp Vương Xuân Sanh đến tự viện, nhìn thấy Pháp sư Hải Khánh đang nằm trên giường hơi thở yếu ớt, thì hỏi Ngài có ăn cơm hay không, Ngài nói: “Ăn.” Cư sĩ Vương lập tức tìm lão Hòa thượng Hải Hiền, hai người một người nhóm lửa, một người cán bột làm mì, làm một nồi mì nước. Lão Hòa thượng Hải Hiền ngồi trên giường của Pháp sư Hải Khánh, dùng cái vai của mình đỡ Ngài, cư sĩ Vương từ tốn đút Ngài từng muỗng từng muỗng một. Pháp sư Hải Khánh ăn một lần hết 4 tô mì, dần dần tỉnh lại. Cư sĩ Vương hỏi Ngài: “Uống nữa không?” Pháp sư Hải Khánh nói: “Nếu trong nồi còn, uống thêm chút cũng được.” Hòa thượng Hải Hiền và cư sĩ Vương đều thấy đau lòng mà ghen ngào khóc. Hai người lo lắng Pháp sư Hải Khánh cố uống, nên không cho Ngài tiếp tục uống nữa. Cư sĩ Vương muốn đi tìm vị thầy đoán mệnh ấy nói lý lẽ, nhưng bị Pháp sư Hải Khánh ngăn cản, Ngài nói: “Đây đều là nghiệp chướng của tôi, không thể trách người khác.”

Trong tự viện có vị Hòa thượng xuất thân làm lính, bình thường thích la mắng người khác, Ngài thấy Pháp sư Hải Khánh không vừa mắt, thường xuyên nói kháy Ngài. Các vị cư sĩ có lúc không bỏ qua được, liền đi nói lý lẽ với vị Hòa thượng đó, nhưng Pháp sư Hải Khánh chỉ cười khẽ, nhẹ nhàng với vị Hòa thượng mắng Ngài “Thầy tiêu nghiệp chướng cho tôi, tôi lên Cực Lạc quốc.”

Nhìn vào Nhẫn Nhục Ba-la-mật của Pháp sư Hải Khánh! Người khác bắt nạt Ngài, hủy báng Ngài, trêu chọc Ngài, Ngài cảm ơn người khác giúp Ngài tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng của Ngài thật sự tiêu trừ, vì vậy mới đi tự tại như vậy, để lại nhục thân xá lợi, không những thân thể không bị thối rữa, cả y phục cũng không hư hỏng.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Có đứa trẻ 16 tuổi họ Đào dắt theo đứa trẻ khác đến tự viện chơi, nó thấy Pháp sư Hải Khánh lão thật, liền dùng lời nói ô tục chửi mắng Ngài, còn dùng cây gậy nhỏ đánh đầu của Ngài. Pháp sư Hải Khánh nghiêng đầu, cười mà nói: “Con muốn kết duyên với thầy sao? Nói với ba mẹ, thầy nhận con làm đệ tử, dạy con niệm ‘A Mi Đà Phật’. Đi học giỏi làm việc tốt, lớn lên rồi nhà con đòi đòi đều phú quý.”

Niên đại 80 của thế kỷ 20, chùa Lai Phật vẫn chưa sử dụng nước máy, Tăng chúng uống nước đều nhờ vào cái giếng nước cạn tự đào. Mỗi khi trời hạn, trong giếng không có nước, chỉ có thể đến thôn gánh nước uống. Có lần khi Pháp sư Hải Khánh đến thôn gánh nước, bị một con chó cắn đến thương tích đầy mình, chủ nhân con chó biết được chạy lại, vung roi da trong tay để đánh con chó này. Pháp sư Hải Khánh ngăn cản ông lại, nói: “Con chó này nhìn thấy thì cắn tôi, chứng tỏ kiếp trước khi tôi làm chó đã cắn qua nó, bây giờ nó cắn lại tôi, cái nợ này đúng lúc kết thúc, nếu như ông đánh nó, làm tâm nó oán hận, vậy thì cái oán này sẽ tiếp tục kết, thương tích tôi chịu cũng uống rồi.” Ngài xin thôn dân một ít bột mì đắp lên vết thương, lại mượn kim chỉ khâu lại y phục một cách đơn giản, sau đó cũng không quên lấy mỗi thùng nước một nửa rồi gánh về tự viện.

Còn có một lần, khi Pháp sư Hải Khánh nhật phân bên cạnh con lừa bị con lừa đá ngã nhào, chủ nhân con lừa lật đật đến dìu Ngài dậy, hỏi Ngài bị thương như thế nào. Pháp sư Hải Khánh nói: “Tôi không sao cả, ông mau tới xem chân con lừa có bị thương không?”. Ngài đối với người, việc, vật thật sự làm được chân thành, bình đẳng, cung kính.

Một hôm, Pháp sư Hải Khánh đang gánh phân đi, một người thanh niên đạp xe đạp chạy về hướng Ngài, bởi vì tốc độ xe quá nhanh, Pháp sư Hải Khánh không kịp tránh qua, thoáng chốc bị đụng té bên cạnh đường mương, phân văng ra đầy mình của Ngài. Người thanh niên này không những không xin lỗi, còn chửi Pháp sư Hải Khánh bị té bên đường mương, nói cản đường đi của anh ta. Lúc này có người vác cái xẻng đi ngang đường này, vừa thấy người thanh niên này ngang ngược vô lễ, tức muốn vung mạnh cái xẻng đánh anh ta. Pháp sư Hải Khánh nằm ở đường mương lập tức lên tiếng ngăn cản ông ta rằng: “Đừng đánh anh ta! Đừng đánh anh ta! Đừng trách anh ta, đều là lỗi của tôi!” Hòa thượng Hải Khánh chịu thiệt thòi, người khác bắt nạt Ngài, Ngài đều cam tâm tình nguyện mà tiếp nhận, thiệt thòi là phước, người chịu thiệt thòi có phước. Từ những việc này có thể thấy, thành tựu của Ngài là tu từ Nhẫn Nhục Ba-la-mật. Kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ở nhẫn”.

Bá tánh của tám thôn mười dặm đều biết Hòa thượng Hải Khánh trung hậu thành thật, tính tình hiền lành. Các thôn dân bất luận ai có chuyện, Ngài đều tận tâm tận lực giúp đến cùng. Đầu tháng chạp năm 1973, thời tiết lạnh lẽo, Trương thôn trang có một con nghé mới vừa ra đời mười mấy ngày bị té xuống giếng sâu hơn mười mét. Đây là giếng nước duy nhất trong thôn, có hơn 300 năm lịch sử, thành giếng toàn bộ

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

dùng gạch xanh xây thành, miệng giếng có bốn miếng gạch bao quanh. Trên thành giếng có rất nhiều chỗ đã bị ăn mòn thành động, nghe con trong quá trình vẩy vẩy đã có miếng gạch rớt xuống đáy giếng, cực kỳ nguy hiểm. Có người nói: “Vì một con nghe con, không cần phải mạo hiểm cứu đâu.” Nhưng nếu không đi cứu nghe con, nó bị kẹt trong giếng, mấy trăm người này uống nước là vấn đề khó khăn rồi. Một nhóm người đứng nhìn nhau, nhìn nghe con hơi thở yếu ớt, không vẩy được nữa, nhưng không có ai chịu xuống giếng. Lúc đó Hòa thượng Hải Khánh đang lao động ở thôn, hôm đó đúng lúc Ngài đi qua đường này, thấy tình cảnh như vậy, không do dự nói để ba người thanh niên gan dạ kéo sợi dây thừng, đưa cái thang xuống, bản thân Ngài đi xuống dưới giếng. Hòa thượng Hải Khánh trong giếng rất khó khăn để cởi áo bông để quấn vào thân nghe con, lại dùng dây thừng buộc nó lại, để người khác từ từ kéo nghe con lên trên. Nghe con được cứu rồi, nhưng trong khi kéo Pháp sư Hải Khánh lên, một miếng gạch rớt xuống, đúng lúc đập trúng đầu của Ngài, mặt của Ngài liền nhuộm đầy máu tươi. Sau khi lên, vài người tới quanh Ngài để băng bó, Hòa thượng Hải Khánh không bằng lòng cười và nói: “Máu tôi chảy là Phật Tô kêu tôi làm cái ký hiệu trên mặt.” Bên cạnh có một vị phụ nữ trung niên họ Trịnh, vốn không tin Phật, lúc đó không kiềm lòng được mà nói: “Người ăn chay niệm Phật thật tốt!” Sau này sau khi cô học Phật, vô cùng cung kính người già, thường làm việc tốt giúp đỡ mọi người. Có vị cư sĩ nói: “Khánh Công chính là một người thực thực tại tại như vậy, Ngài không có văn hóa, không nói được đạo lý lớn, nhưng trong cuộc đời tu hành mấy chục năm, Ngài vẫn luôn dùng hành động thực tế để thuyết minh Phật pháp, hoằng dương Phật pháp.”

Rất nhiều vị cư sĩ lớn tuổi khi tưởng nhớ về Hòa thượng Hải Khánh, đều đồng thanh mà nói: thường xuyên nhìn thấy Hòa thượng Hải Khánh khiêng vác dụng cụ làm ruộng, chẻ củi nhật phân, tu sửa cầu đường.

Tháng 8 năm 1975, mấy ngày liên tục mưa tầm tã làm cho mực nước con sông nhỏ phía tây thôn Trương dâng trào, làm sập cây cầu đá đã hơn trăm tuổi. Lúc đó Hòa thượng Hải Khánh vẫn còn trong đội sản xuất và một số thôn dân cùng nhau đem theo dây thừng, sợi thép đến cứu nguy. Nhưng mà mấy chục người tận lực làm cả buổi sáng, cũng không tu sửa được cây cầu đá, bởi vì có một cục đá nặng ngàn cân bị trôi vào trong bùn lầy cách cây cầu hơn năm mét. Mọi người đều nói nếu như cục đá này không dời lại đây, cây cầu này sẽ vĩnh viễn bị hủy. Trong lúc mọi người đang chán nản thất vọng, Hòa thượng Hải Khánh chậm rãi nói: “Sắp đến trưa rồi, để tôi thử xem! Sẽ không để người dân ở nơi này gặp khó khăn vì không có cầu để qua lại.” Hòa thượng Hải Khánh đựng chuyện không lúng túng, bình tĩnh ung dung, không sợ gian khó. Ngài im lặng quan sát tỉ mỉ cục đá bị rơi vào trong bùn lầy, nói thầm trong miệng một lát (thực ra mọi người biết Ngài đang niệm “A Mi Đà Phật”, nhưng chính sách lúc đó không cho phép, không thể niệm Phật lên tiếng), sau đó dùng một sợi thép và hai cây gậy gỗ lớn, quả thật là cạy cục đá trong bùn lầy ra ngoài. Chỉ thấy

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

cục đá đó lăn mấy vòng, tựa vào bên cạnh trụ cầu. Mọi người đều đặc biệt kinh ngạc! Có người hỏi Pháp sư Hải Khánh sao lại làm được như vậy, Ngài khiêm tốn cười và nói: “Đó toàn là A Mi Đà Phật gia trì!”

Lúc đó đường cái vẫn còn là đường đất, mỗi khi trời mưa thì mặt đường bị ngập hư, vì vậy thường xuyên có thể nhìn thấy Hòa thượng Hải Khánh mang theo cái xẻng đi sửa đường. Ngài không thích nói một câu chuyện phiếm, càng không khoe công lao của bản thân mình. Sau khi làm việc về trễ thì ăn chút cơm nguội, có lúc cả cơm nguội cũng không còn, thì ăn ít mản thầu nguội.

Khi đó chính phủ nông thôn đều được Ngài làm cảm động, khi họp kêu gọi cán bộ đảng viên đều phải học tập sư phụ Hải Khánh của chùa Lai Phật. Thời kỳ này cuộc sống vô cùng gian khổ, trong ba năm khó khăn của Hòa thượng Hải Khánh, thường xuyên cứu nguy giúp nghèo. Ngài ở bên đường lớn bố thí cháo và nước cho người qua đường. Bản thân Ngài thiếu ăn ít uống, nhưng lại thường xuyên chịu đói đem thức ăn nước uống tặng cho người khác. Những việc làm này người lớn tuổi bản địa ai ai cũng biết. Lúc đó Hòa thượng Hải Khánh ăn cơm là dùng cỏ tranh làm thành cái chén, bản thân Ngài khai khẩn một miếng đất hoang, đã trồng một ít khoai lang và cây cao lương. Rất nhiều người còn nhớ, Ngài thường xuyên tự mình hấp khoai lang hoặc là trộn rau dại món cháo cao lương, dùng chén cỏ tranh cho người qua đường ăn. Khi mới trùng kiến lại chùa Lai Phật, chỉ có 3 phòng cỏ tranh nhỏ, một cái chảo nhỏ, nấu cơm nhờ nhóm rễ cỏ tranh, cuộc sống rất khó duy trì. Nhưng Hòa thượng Hải Khánh vẫn kiên trì nấu nước sôi rồi ngâm lá cây liễu vào thau sành cho người qua đường uống. Lão hộ pháp cư sĩ Đảng vào nhiều năm sau từng hỏi Hòa thượng Hải Khánh: “Những ngày tháng khổ như vậy làm sao Ngài chịu đựng được vậy?” Lão Hòa thượng Hải Khánh nói: “Toàn là nhờ A Mi Đà Phật đó!”

Hậu đức thiện hành của Ngài đã vô hình ảnh hưởng sâu sắc tới bá tánh ở phương này. Mùng 1, 15 mỗi tháng, mọi người đều đi lễ bái nhục thân của Hòa thượng Hải Khánh, người ai gặp phải vấn đề nan giải, cũng sẽ đến cầu nhục thân vị Bồ-tát này. Cũng như lão Hòa thượng Hải Hiền, lão Hòa thượng Hải Khánh cũng không rời Phật pháp mà hành thế pháp, không bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp. Xem những ngôn hành khi Ngài trụ thế, đó gọi là chân tu hành, tu hành không phải một ngày niệm bao nhiêu vạn tiếng Phật hiệu, niệm bao nhiêu bộ kinh, không phải vậy, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của Ngài đều tương ứng với Bồ-tát. Hòa thượng Hải Khánh cũng không có đi học, không biết chữ, chính là một câu “A Mi Đà Phật” niệm đến cùng, ngoại trừ một câu Phật hiệu thì không có gì hết, Ngài là tiêu chuẩn của một môn thâm nhập, trường thời huân tu. Sau khi Ngài vãng sanh Cực Lạc lưu lại nhục thân bất hoại, toàn thân Xá Lợi, đây cũng là chứng minh cho chúng ta: Một câu Phật hiệu có thể làm đại sự, đại sự viên mãn, đại sự cứu cánh, không cần kinh điển, câu Phật hiệu này thì có thể làm xong hết!

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

NẾU BÂY GIỜ VẪN CÒN TÂM HOÀI NGHI, HÃY CỐ GẮNG HẠ THỦ CÔNG PHU NƠI MỘT BỘ KINH VÔ LƯỢNG THỌ THÌ TÍN VÀ NGUYỆN SẼ ĐẦY ĐỦ!

“Thế giới Cực Lạc là Pháp môn khó tin nhất” - câu nói này không phải là người bình thường nói, mà chư Phật Như Lai đều nói Pháp môn này là Pháp khó tin, nhưng lại rất dễ hành trì. Khó tin nhất, nhưng dễ tu nhất, dễ thành tựu nhất, dễ đạt thành tựu cao nhất. Người gặp được chân thật là đại thiện căn, đại phước đức; chỉ còn xem họ có thể tin hay không thôi. Nếu chịu tin, chúc mừng họ, đời này họ sẽ thành tựu (vượt thoát 6 nẻo luân hồi, vượt thoát 10 pháp giới, đi làm viên mãn Phật). Nếu không thể tin, vậy thì từ từ vậy. Thế mới biết, chân thật có thể tin thì chứng tỏ thiện căn, phước đức của người đó trong đời quá khứ vô cùng sâu dày; đời này vừa tiếp xúc, họ liền tin tưởng.

Thiện căn trong đời quá khứ mà không sâu dày, gặp rồi họ cũng sẽ hoài nghi; có hoài nghi nhưng nếu chịu đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ thì có thể giúp họ đoạn nghi sanh tín. Kinh Vô Lượng Thọ có khả năng sản sinh sức mạnh rất lớn.

Đối với Kinh Giáo thì nên học như thế nào? Là “một môn thâm nhập, huân tu lâu dài”!

Chân thật có cái thiện căn này, hãy đem Kinh Vô Lượng Thọ đọc trên 1000 lần. Kinh Vô Lượng Thọ không dài, 1000 lần không hề khó đọc, họ liền tin ngay. 1000 lần vẫn chưa thể tin thì 2000 lần, 3000 lần,... Thông thường, nếu đọc đến 3000 lần thì tín tâm nhất định khởi lên, trí huệ cũng hiện tiền, khẳng định là phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng. Họ đã có Tín, có Nguyện rồi; sau đó họ lão thật (thật thà) niệm Phật; không một ai là không được vãng sanh Cực Lạc!

Vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới đồng nghĩa đi làm Phật rồi. Vì vậy, Pháp môn này là pháp môn thành Phật ngay trong một đời, là Chánh Pháp vĩnh hằng của chư Phật, không có Tượng Pháp và Mạt Pháp.

Bốn điều kiện của thời kỳ Chánh Pháp, Pháp môn Tịnh Độ đều hội đủ, chúng ta phải trân quý.

Bây giờ vẫn còn hoài nghi, hãy cố hạ thủ công phu nơi Kinh Vô Lượng Thọ. Chỉ học Kinh Vô Lượng Thọ, đừng học thứ khác, đừng học nhiều thứ quá. Nếu học quá tạp, học quá loạn thì bạn càng học càng hồ đồ thêm thôi; càng học thì tâm nghi ngờ càng nặng thêm.

Nên học thế nào vậy? Chỉ một bộ Kinh Vô Lượng Thọ do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, chỉ một bộ Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ hội tập; chính ngay nơi đây mà hạ thủ công phu. Kinh niệm 3000 lần, Chú Giải đọc

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

từ đầu đến cuối qua 30 lần; đây là tiêu chuẩn của tôi, xem Chú Giải qua 30 lần, 30 lần nếu vẫn chưa Khai Ngộ thì xem 100 lần.

Tại sao? Vì như vậy tâm mới Định xuống được. Chỉ cần tâm có Định thì liền có khả năng Khai Ngộ, bạn sẽ tin. Đọc càng nhiều, đọc nhiều lần có lợi ích gì? Là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng xuất hiện. Hay nói cách khác, đây là cách tu Thiền Định dành cho phần tử tri thức. Đọc sách nhiều lần không gì khác nhằm để tu Thiền Định, bạn có thể ngoan ngoãn đọc tiếp tục, không đọc sai, không đọc sót. Mỗi một niệm đều là tâm cung kính, tâm chân thành, đây chính là tu Định.

(Trích lục ý từ “Tịnh Độ Đại Kinh khoa chú” giảng năm 2014 - Tập 63 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

---o0o---

BÍ QUYẾT NIỆM PHẬT

Bí quyết niệm Phật là có thể chế phục phiền não. Khi 6 căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới 6 trần bên ngoài, trong tâm đương nhiên sẽ khởi tâm động niệm: thuận với ý nghĩ của mình bèn dấy lòng hoan hỉ, khởi tâm tham ái; chẳng hợp ý mình bèn sanh tâm sân hận; khởi tâm chán ghét.

Khởi tâm động niệm đều gọi là phiền não. Không chỉ có sân hận là phiền não, tham ái cũng là phiền não. Nói chung, nếu tâm thanh tịnh mà chỉ cần có một ý niệm sanh khởi lên thì gọi là phiền não. Phiền não cũng là nghiệp chướng! Nó chướng ngại quý vị, chướng ngại quý vị Nhất Tâm Bất Loạn, chướng ngại quý vị Minh Tâm Kiến tánh.

Đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: “Đổi những ý niệm ấy thành A Mi Đà Phật”. Tổ sư Đại đức dạy: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm!”. Niệm vừa mới khởi lên, ý niệm khởi lên chẳng sợ, sợ là sợ quý vị chẳng giác ngộ nhanh chóng. Giác ngộ là gì? A Mi Đà Phật chính là giác ngộ! Ý niệm vừa mới khởi lên, ngay lập tức đổi nó thành A Mi Đà Phật. Quý vị cũng chẳng quan tâm ý niệm vừa mới khởi lên ấy là thiện niệm hay ác niệm, nhất loạt chẳng đoái hoài đến nó, chỉ cần ý niệm khởi lên thì ngay lập tức đổi nó thành A Mi Đà Phật. Phải đổi cho thật nhanh! Càng nhanh càng hay! Chớ để cho ý niệm ấy tiếp tục tăng trưởng, đó chính là bí quyết niệm Phật!

Quý vị có thể niệm Phật như thế, dụng công như thế, dụng công suốt 1 tháng sẽ tự nhận thấy quý vị khác hẳn: tâm thanh tịnh, phiền não bớt đi; dụng công 3 tháng sẽ cảm thấy mình đang đi vào khuôn khổ rất trọn vẹn, công phu đặc lực; có công phu ấy 2 năm, 3 năm dẫu chưa thể đắc Nhất Tâm, nhất định đạt được Công Phu Thành Phiến! Công Phu Thành Phiến là tương tự Nhất Tâm, chưa thật sự là Nhất Tâm; thật sự Nhất Tâm là phiền não dẹp tận gốc, không còn nữa. Khi đạt Công Phu Thành

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Phiền, tuy cội rễ phiền não vẫn còn, chưa dẹp trừ, nhưng chắc chắn phiền não chẳng khởi được tác dụng, chẳng khởi được hiện hành, có công phu như thế thì chắc chắn vắng sanh Cực Lạc.

Đối với 3 phẩm Thượng của Công Phu Thành Phiến sẽ sanh tử tự tại, thích về Cực Lạc thế giới lúc nào bèn có thể ra đi lúc ấy, thích ở lại mấy năm cũng chẳng trở ngại gì, quý vị đắc đại tự tại. Sanh tử tự tại chẳng phải là công phu rất cao, loại công phu này (chính là Công Phu Thành Phiến) chúng ta ai nấy đều có thể hành trì được!

CÔNG PHU THÀNH PHIẾN QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC SANH CỰC LẠC

Phương pháp tốt nhất để đoạn phiền não là niệm danh hiệu A Mi Đà Phật, duy chỉ có niệm Phật mới có thể rửa sạch phiền não; dù là Thập Địa Bồ Tát đã chứng đắc địa vị rất cao nhưng tập khí vô minh phiền não của các Ngài vẫn không dễ dàng rửa sạch; sau cùng các Ngài phải dùng phương pháp gì? Chính là niệm Phật! Niệm Phật có thể tẩy rửa tận gốc vô minh phiền não hướng chi là kiến tư phiền não và trần sa phiền não.

Niệm Phật phải niệm đến tâm thanh tịnh hiện tiền. Trong từng câu Phật hiệu nối tiếp không có tạp niệm thâm nhập vào thì tâm của chúng ta sẽ được thanh tịnh.

Phiền não chưa đoạn: vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa dứt; dùng một câu A Mi Đà Phật nén chúng lại; giống như lấy tảng đá đè ngọn cỏ, rễ tuy vẫn chưa thể nhổ được, nghĩa là hỉ, nộ, ái, lạc,... vẫn đang có; dùng câu Phật hiệu này nén chúng lại cho bằng phẳng, chúng không thể khởi lên tác dụng được. Công phu như thế gọi là “Công Phu Thành Phiến”, có công phu này quyết định được vắng sanh Cực Lạc.

Tất cả tinh thần, ý chí tập trung vào danh hiệu Phật; khi không tụng Kinh thì niệm Phật. Trên miệng không niệm vẫn không sao, nhớ ở trong tâm, quyết không để Phật hiệu gián đoạn. Vì khi Phật hiệu gián đoạn thì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tức thì khởi lên.

Nói như vậy thì dễ, thật sự làm thì rất khó! Nhưng khó vẫn phải làm! Nếu không làm thì không thể ra khỏi tam giới, không thể thoát khỏi biển khổ sanh tử. Chúng ta phải cảnh tỉnh, khó vẫn phải làm cho bằng được!

Khi niệm Phật vẫn còn sanh phiền não vọng tưởng thì đừng sợ, không sao cả; chỉ cố gắng siêng năng niệm Phật hiệu càng nhiều hơn thì vọng tưởng sẽ bị hàng phục xuống; trong tâm luôn nhớ Phật hiệu thì sẽ không nhớ đến cái khác.

Trong sinh hoạt hàng ngày phải cố gắng rèn luyện; luyện tập đến khi tạp niệm vọng tưởng không thể khởi lên tác dụng nữa tức là Công Phu Thành Phiến, năng lực này quyết định vắng sanh tây phương Cực Lạc!

(Trích lược ý từ “Niệm Phật thành Phật” – Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

CHẲNG THỂ LÃO THẬT NIỆM PHẬT THÌ CẦN PHẢI TRÌ GIỚI MÀ NIỆM PHẬT

Cổ đức thường dạy chúng ta niệm Phật thì cần phải lão thật (thật thà) niệm Phật. Vậy thế nào mới là lão thật? Câu Phật hiệu niệm ra đó không có danh văn lợi dưỡng, không có thị phi nhân ngã, không có được mất lợi hại trong đó. Từng câu từng câu niệm ra chỉ thuần là một mảng thanh tịnh mà thôi, ngoài ra cái gì cũng chẳng có, đây gọi là người lão thật niệm Phật.

Thành thật mà nói thì chúng ta ngày nay đều chẳng phải là người lão thật niệm Phật. Người chẳng lão thật niệm Phật thì phải làm sao đây? Thì cần phải trì Giới mà niệm Phật, phải nhận lấy sự ràng buộc của Giới Luật. Nhà Phật có câu: “Không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tâm ý thanh tịnh, là lời chư Phật dạy!”; đây có nghĩa là bỏ các điều ác và làm các điều thiện thì tâm ý dần trở nên thanh tịnh đóaan chánh. Chúng ta có thể giữ cho mình trong một ngày chỉ làm toàn điều thiện, tránh hoàn toàn các điều ác; nhưng để giữ cho mình cả một đời này hoàn toàn làm các điều thiện, tránh hoàn toàn các điều ác thì có thể nói là không hề dễ dàng. Do đó, việc tuân giữ nghiêm cần các Giới Luật nhà Phật là điều cực kỳ quan trọng. Chúng ta nếu có thể trì Giới mà niệm Phật thì mới có hy vọng đạt đến Niệm Phật Tam-Muội, mới có hy vọng vãng sanh đến Cực Lạc thế giới.

Chúng ta ngày nay tu hành niệm Phật tại sao tâm lại khó an định đến vậy? Đó là bởi vì những tập khí xấu ác mà chúng ta đã huân tập từ vô thủy kiếp đến nay đã quá sâu, quá dày; những tập khí xấu ác này đang ở đó không ngừng chi phối, không ngừng lôi kéo chúng ta tạo nghiệp. Nay chúng ta tuân giữ Giới Luật, chính là tạo ra sự ràng buộc đối với những tập khí xấu ác này, khiến cho chúng tuy vẫn còn đó nhưng không thể khởi lên tác dụng, không thể chi phối được chúng ta nữa, nhất là không thể chướng ngại sự an định của nội tâm. Từ chỗ an định này thì trí huệ của Tự Tánh dần được khai mở. Do đó, nhà Phật có câu: “Nhân trì Giới được Định, nhân Định khai Huệ”, đạo lý chính là như vậy.

Chúng ta nếu như chẳng lão thật niệm Phật lại chẳng trì Giới; dẫn đến một mặt niệm Phật, một mặt vẫn khởi dậy các ác niệm trong tâm, ngoài thân thì không ngừng tạo tác ác nghiệp. Vậy thì dù có cố gắng niệm Phật đến hết một đời cũng chẳng thu được kết quả gì!

Chúng ta thường thấy có những người lúc sanh tiền không lão thật niệm Phật mà cũng không trì Giới niệm Phật, nhưng đến khi họ chết thì có người lại phao tin rêu rao là họ niệm Phật được vãng sanh Cực Lạc, đây là điều hết sức phi lý! Từ xưa đến nay chẳng tìm ra cái lệ nào như thế cả, chẳng hề có cái lệ này! Chẳng hề có cái đạo lý này!

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chúng ta tu hành nhất định không thể đem cái tâm thái cầu may để mà niệm Phật! Vừa mới thử đem cái tâm thái cầu may để mà niệm Phật thì liền nhận lấy thất bại ngay! Tu hành có thể đi đến ngày thành tựu đều chẳng phải là do may mắn mà có được. Tu hành chính là chiến đấu với tự ngã của bản thân, chiến đấu với tập khí xấu ác của chính mình. Nếu ta có thể đánh bại được chúng thì liền có được thành tựu, nếu ta không thể đánh bại được chúng thì việc bị chúng chi phối lôi kéo đi vào ác đạo là việc không tránh miễn được!

Cho nên, rất mong các bạn đồng tu trăm ngàn lần chớ nên xem thường vấn đề này mà cho qua, kéo sau này có hối hận cũng chẳng kịp!

(Ân sư Thích Tịnh Không khai thị)

---o0o---

TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC ĐI VÀO ĐẠO TRÀNG CỦA MA VƯƠNG BA-TUẦN!

ĐẠO TRÀNG CỦA MA VƯƠNG BA-TUẦN LÀ TẤT CẢ NHỮNG TUYÊN TRUYỀN BẤT THIỆN: GIẾT, TRỘM, DÂM, DỐI, BẤT HIẾU, BẤT KÍNH, V.V...

Chư Phật Như Lai rất mong tất cả chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Nhanh chóng thành Phật chỉ có duy nhất một con đường chính là thân cận Phật A Mi Đà. Quý vị liền biết thân cận Phật A Mi Đà quan trọng đến mức nào. Pháp môn này là Pháp môn rốt ráo viên mãn chí cao vô thượng, không lời nào tán thán Pháp môn này được, đó là thật chứ không phải là giả. Nhưng vẫn có nhiều kẻ gây rắc rối, cản trở Pháp môn này. Đó là ai? Cũng có một kẻ cầm đầu, là ma vương Ba-tuần đang lãnh đạo, họ tìm đủ mọi cách để gây trở ngại! Nhưng chúng ta có tín tâm kiên định thì có thể đột phá sự trở ngại của họ. Ma vương Ba-tuần từng đến tìm tôi, tức giận, chỉ trích tôi là chưa được sự đồng ý của ông ta, không bàn bạc với ông ta, liền xâm nhập Đạo Tràng của ông ta. Tôi bảo: “Không có, tôi đâu làm chuyện như vậy!”. “Sao lại không có!”. Tôi liền nghĩ ra, xin ông ấy thông cảm cho tôi, xin ông ấy từ bi, tôi sẽ cúng bái vị cho ông ấy.

Đạo Tràng của ông ấy ở đâu? Truyền hình vệ tinh là Đạo Tràng của ông ấy, mạng Internet là Đạo Tràng của ông ấy, truyền thanh là Đạo Tràng của ông ấy, báo giấy là Đạo Tràng của ông ấy, tạp chí là Đạo Tràng của ông ấy,... tất cả những tuyên truyền bất thiện nói về giết, trộm, dâm, dối đều là Đạo Tràng của ông ấy! Ngày nay chúng ta cũng có vệ tinh, cũng dùng mạng Internet,... như thế là xâm phạm Đạo Tràng của ông ấy, nên ông ấy đến hỏi tội chúng tôi.

Tôi liền nói với ông ấy: “Ông vốn cũng là Phật, tất cả chúng sanh vốn là Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni không nói trừ ma vương Ba-tuần ra, Ngài không nói như vậy, không nói như vậy chứng tỏ ông cũng là Phật, ông vốn cũng là Phật, ông nên từ bi một chút, chúng sanh đáng thương lắm, khổ lắm. Ông nên cho họ một con đường

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

sống để họ đi, ông không nên chém hết giết sạch. Những người thích làm việc ác thì ông hãy tiếp dẫn họ đi!”.

Ma vương Ba-tuần tiếp dẫn những người thích làm việc ác này đi đâu vậy? Đều đi đến ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Tôi nói tiếp: “Nhưng vẫn còn một số người tốt, ông phải để cho họ thành Phật, ông đừng gây khó dễ với họ, đừng làm phiền họ!”.

Tôi thương lượng với ông ta như vậy. Tôi nói thêm: “Đây là số ít người thôi, không phải là số nhiều!”.

(Trích lục ý từ “Tịnh Độ Đại Kinh giải diễn nghĩa” giảng năm 2014 - Tập 445 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

---o0o---

MUỐN CÓ THÀNH TỰU PHẢI TU ĐƯỢC NHẪN BA-LA-MẬT

Chúng ta tích lũy công đức dựa vào điều gì? Bồ Thí và Trì Giới! Nhưng công đức này duy trì được là phải nhờ Nhẫn Nhục. Nếu không thể Nhẫn Nhục thì cho dù tích lũy bao nhiêu công đức cũng sẽ mất hết. Trong Kinh Điển thường nói: “Hỏa thiêu công đức lâm”. Hỏa là nổi giận, dù chưa phát tiết ra bên ngoài, chỉ là trong lòng khó chịu thì công đức liền giảm đi một nửa; hễ phát tiết ra bên ngoài thì đốt cháy tất cả công đức, công đức đã hoàn toàn không còn!

Công đức là gì? Công đức là Giới - Định - Huệ, điều này quý vị cần phải biết. Công đức không có gì khác ngoài nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ. Nổi giận thì Định liền mất đi nên công đức hoàn toàn không còn nữa. Nổi giận là sanh phiền não mà không sanh trí huệ. Tâm thanh tịnh mới sanh trí huệ mà không sanh phiền não.

Chúng ta không tu được Nhẫn Nhục thì tâm thanh tịnh từ đâu đến? Do đây mà biết, trong sự tu học thì Nhẫn Nhục là then chốt!

Do đó, Bồ Thí và Trì Giới để thành tựu công đức, còn Nhẫn Nhục để bảo trì công đức khiến không bị mất đi, cho nên không thể không tu Nhẫn Nhục. Nếu không tu Nhẫn Nhục, không thể Nhẫn được thì khi quý vị tu tích được không ít công đức, một khi quý vị nổi nóng thì xong rồi, toàn bộ công đức của quý vị sạch trơn!

MỘT NGỌN LỬA SÂN HẬN THIÊU SẠCH RỪNG CÔNG ĐỨC

Quý vị tu tích thì không dễ mà phá hủy thì vô cùng dễ dàng, dù chỉ là trong lòng không vui, không hề có biểu hiện ra ngoài nhưng cũng đã chịu tổn thương lớn rồi, vậy nên cần phải Nhẫn. Tốt nhất là có thể cùng ở chung với những người có khả năng Nhẫn Nhục, thấy tận mắt những người ấy gặp những hoàn cảnh ác, gặp người

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

bất thiện, ngang ngược, hung hãn, không thềm nói lý,... mà họ vẫn có thể khéo léo ở cùng với hạng người ấy. Chúng ta cần phải học được như vậy, không thể không học. Nếu quý vị không học; tai nạn thảm họa rất nhiều, hoàn cảnh nghịch duyên rất nhiều thì quý vị không có cách nào học Phật thành tựu được! Vì vậy, không thể không có công phu Nhẫn Nhục, bởi Nhẫn Nhục có thể thành tựu tất cả thiện pháp (thiện pháp thế gian và thiện pháp xuất thế gian) của quý vị, giúp quý vị xa rời hết thảy ác pháp, công đức Nhẫn Nhục không thể nghĩ bàn.

(Trích lục ý từ “Tịnh Độ Đại Kinh khoa chú” giảng lần thứ 5 năm 2018 - Tập 02 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

---000---

BỒ TÁT CHỈ CÓ MỘT THIỆN CĂN DUY NHẤT LÀ TINH TẤN BA-LA-MẬT

Nếu như bạn biết thì ở trong tất cả vạn pháp bạn tùy thời đều có thể ngộ nhập được Tự tánh; hay nói cách khác, tùy lúc tùy nơi đều có thể giúp cho bạn thành Vô Thượng Đạo, đây gọi là Pháp môn đệ nhất. Vì vậy, có pháp nào mà không phải là pháp đệ nhất! Pháp pháp đều là pháp đệ nhất! Phật ở trên Kinh Kim-cang nói: “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, vấn đề chính là bạn có biết hay không? Nếu như bạn biết thì mỗi Pháp môn đều là đi đến Vô Thượng Đạo, đều là giúp bạn chứng được vô thượng Phật quả. Thế nhưng, trong đây sợ nhất là xen tạp, cho nên Phật mới nói: “Chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát là hoài nghi! Bồ Tát chỉ có một thiện căn là Tinh Tấn!”. Chúng sanh như chúng ta có ba thiện căn là Không Tham, Không Sân, Không Si. Bạn tu Bồ Tát Đạo có được thiện căn Tinh Tấn của Bồ Tát thì ba thiện căn Không Tham, Không Sân, Không Si của chúng sanh liền được viên mãn. Tham, sân, si bạn đều đoạn hết rồi; sau khi đoạn hết tham, sân, si thì chỉ có một thiện căn vĩnh viễn phải giữ gìn lấy chính là Tinh Tấn.

...

Chú thích:

* Phật dạy: “**Chúng sanh có 3 thiện căn là KHÔNG THAM, KHÔNG SÂN, KHÔNG SI. Bồ Tát có 1 thiện căn là TINH TẤN. Chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát là hoài nghi!**”.*

* Ân sư Thích Tịnh Không dạy bí quyết học Phật thành tựu có ba điều:

“Thật thà - Nghe lời - Thật làm

Một môn thâm nhập - Huân tu lâu dài

Không hoài nghi - Không xen tạp - Không gián đoạn”.*

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TĂNG KHEN TẶNG!

Cho nên, Tinh Tấn vô cùng quan trọng, người tu hành chúng ta nếu như có thể nắm chắc được chữ Tinh Tấn này thì khẳng định ngay trong đời này thành Vô Thượng Bồ Đề!

Nếu như chúng ta hiểu được ý nghĩa của Tinh Tấn, cả đời không trái phạm điều này thì có thể nói người người tu hành ngay đời này đều có thể thành Vô Thượng Đạo, đặc biệt là tu hành trong Pháp môn Tịnh Độ!

Thời cận đại, ở thế kỷ này, rất nhiều người đã niệm Phật vãng sanh Cực Lạc làm ra tấm gương tốt cho chúng ta xem. Họ đã thành tựu, tại vì sao chúng ta không thể thành tựu? Bạn có thể thành tựu hay không thì không thể trách người khác, cũng không thể trách hoàn cảnh.

Bạn chân thật nghĩ cho thông, nghĩ cho thấu suốt rồi thì nguyên nhân chính ở nơi bản thân bạn, việc là của bạn mà chính bản thân bạn lại không chịu làm thật sự! Cho nên, chướng ngại của chúng ta không phải đến từ bên ngoài, bất luận chúng ta thấy chướng ngại ở nơi hoàn cảnh hay chướng ngại ở nơi nhân sự thì đều là không đúng; chướng ngại chân thật chính là ở nơi chính mình, người ngoài không thể chướng ngại mình được!

Bạn có công phu niệm Phật tâm tâm nối nhau, niệm niệm không gián đoạn; người khác chán ghét bạn thì bạn niệm thầm, công phu niệm Phật vẫn cứ là không gián đoạn. Nếu như người ta tán thán bạn mà bạn sanh tâm hoan hỷ, người ta huỷ báng bạn mà bạn sanh tâm oán hận thì liền phá hủy đi hết thầy công phu niệm Phật của bạn rồi.

Tán thán bạn, A Mi Đà Phật!

Huỷ báng bạn, A Mi Đà Phật!

Nhục mạ bạn, A Mi Đà Phật!

Tất cả đều là A Mi Đà Phật!

Hay nói cách khác, không luận là ở nơi hoàn cảnh hay ở nơi nhân sự, chính là đều đang giúp bạn, đang thành tựu cho bạn. Vì sao vậy? Sau khi bạn tiếp xúc được những hoàn cảnh và nhân sự này rồi thì bạn cũng chỉ thuần là một câu A Mi Đà Phật. Trong miệng A Mi Đà Phật, trong tâm A Mi Đà Phật thì bạn liền thành tựu!

Bạn niệm đến sau cùng thì đem tất cả mọi người đều xem thành A Mi Đà Phật, người ức hiếp bạn là A Mi Đà Phật, người đánh bạn cũng là A Mi Đà Phật; bạn đều nghĩ lại chính vì ta công phu chưa đủ, ta còn giải đãi, ta vẫn chưa có thành tựu nên Phật đến đánh ta, Phật đến mắng ta. Cái tâm đó là tâm Phật! Tâm của người này là tâm Phật, miệng là lời Phật, Phật khuyên tất cả chúng sanh niệm A Mi Đà Phật, hạnh

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

là hạnh Phật; thân - khẩu - ý đều tương ứng với A Mi Đà Phật thì bạn nói xem họ có thể thành Phật hay không? Đây gọi là Tinh Tấn Ba-La-Mật!

Ngày nay, chúng ta khởi tâm động niệm đều trách móc người khác, từ trước đến giờ chưa từng quay đầu nhìn lại bản thân mình, cho nên thời gian tu hành của chúng ta rất dài; so sánh với họ 3 năm tu hành đã thành tựu còn chúng ta tu đến 30 năm cũng không bằng họ, thời gian tu hành nhiều hơn họ 10 lần. Người ta 3 năm thành công, thời gian chúng ta gấp 10 lần người ta vẫn là rơi lại phía sau người, vẫn còn kém họ quá xa; cho đến tu hành cả đời này vẫn không thể thành tựu, vẫn cứ luân hồi sáu nẻo!

...

Pháp sư Oánh Kha triều nhà Tống, ông là một người xuất gia, Giới Luật không trong sạch, phá Giới Tỳ-Kheo, không giữ thanh quy. Ông chỉ có một ưu điểm: ông biết rõ ràng chính mình tập khí quá nặng, không cách gì tránh khỏi hoàn cảnh mê hoặc, ông biết được chính mình sau khi chết chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Vừa nghĩ đến địa ngục thì ông lo sợ, cho nên ông liền thỉnh giáo với các bạn đồng tu của ông: “Các bạn có cách nào giúp tôi không? Tôi phải làm thế nào để không đọa vào địa ngục?”. Các đồng tu cũng rất từ bi, đưa cho ông một quyển “Vãng sanh truyện”. Sau khi ông xem xong thì rất cảm động, ông biết chỉ có niệm Phật mới có thể cứu chính mình, các Pháp môn khác không dùng được, vì nghiệp chướng của ông quá nặng, Pháp môn này gom nhiếp cả ba căn, lợi độn gồm thân, đời nghiệp vãng sanh, cứ y theo phương pháp trên Kinh đã dạy; trên Kinh A Mi Đà nói: “...từ một ngày đến bảy ngày...”. Ông liền phát ra một sự quyết tâm, chỉ một câu “A Mi Đà Phật” niệm đến cùng. Ông niệm 3 ngày 3 đêm, không những không ăn cơm, không ngủ nghỉ, ngay đến nước ông cũng không uống. Ông chân thật có lòng chân thành, cảm động được A Mi Đà Phật, ông niệm Phật 3 ngày 3 đêm thì A Mi Đà Phật liền đến, nói với ông: “Con chân thật sám hối, nghiệp chướng được tiêu trừ, thọ mạng của con vẫn còn 10 năm, đợi 10 năm dương thọ của con hết rồi, ta sẽ đến tiếp dẫn con”. Sau khi ông nghe được câu nói này của Phật thì liền khẩn cầu với Phật, ông nói: “A Mi Đà Phật ơi! Con không cần 10 năm dương thọ, bây giờ con muốn đi theo Phật”. Phật hỏi ông: “Vì sao vậy?”. Ông nói: “Tập khí của con quá nặng, 10 năm nữa không biết con lại phải tạo ra bao nhiêu tội nghiệp. Chính con không có cách gì không chế chính mình, con nghĩ bây giờ con nên đi theo Phật”. A Mi Đà Phật rất từ bi, Phật liền đáp ứng, Phật nói: “Rất tốt! 3 ngày sau ta đến tiếp dẫn con”. Ông rất là vui mừng, ông liền mở cửa phòng ra nói với mọi người: “3 ngày sau tôi vãng sanh Cực Lạc!”. Trong chùa không có người nào tin cả, ông tạo ra nghiệp chướng nặng như vậy, ông là quỷ nghiệp chướng; ông đóng cửa 3 ngày 3 đêm không biết đã làm chuyện gì trong đó, bây giờ bỗng nhiên mở cửa ra nói với chúng tôi là 3 ngày sau sẽ vãng sanh Cực Lạc, làm sao mà tin được, nhưng mà đợi 3 ngày thì thời gian cũng không lâu, chúng tôi sẽ chờ xem, chờ xem 3 ngày sau ông có vãng sanh Cực Lạc thật hay không. Sau 3 ngày, chân thật đúng thời

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

gian đã hẹn với Phật A Mi Đà không sai chút nào, ông yêu cầu mọi người niệm Phật tiền ông đi trong thời khóa trì tụng hàng ngày. Mọi người cũng rất hoan hỉ đợi xem, ngay trong tiếng niệm Phật, niệm được đại khái 15 phút, ông nói với mọi người: “A Mi Đà Phật đến rồi, tôi đi theo Phật đây!”, nói xong liền đi. Việc này chứng minh trên Kinh A Mi Đà nói “Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật,...”, ông là niệm danh hiệu A Mi Đà Phật 3 ngày 3 đêm thì vãng sanh Cực Lạc!

Ngày nay, chúng ta niệm Phật, nói là nhập Phật thất tinh tấn niệm Phật, có phải là thật hay không? Không phải là thật! Quý vị niệm Phật cầu điều gì? Cầu thăng quan, cầu phát tài, cầu trường thọ, v.v... đều cầu những thứ này. Nếu như Phật thất ở đây bạn treo cái bảng: “7 ngày nhất định vãng sanh Cực Lạc”, bạn xem thử còn có người nào dám đến dự Phật thất hay không? Đều là khiến cho mọi người sợ chết khiếp! Người ta nói là đưa người sống đi đến chỗ chết, nơi đây là chỗ chết, còn có thể đến hay sao? Bạn liền biết được cái tâm niệm Phật này đều là giả, không phải là thật, làm gì được như Pháp sư Oánh Kha. Con người này thật làm, thật sự làm thì thật sự có thành tựu!

...

Vị đồ đệ của lão Hoà thượng Đế Nhân, người thợ vá nôi, ông nắm được chữ Tinh Tấn nên rất lợi hại. Ông niệm Phật 3 năm thì liền thành Phật, đứng mà vãng sanh Cực Lạc, biết trước giờ ra đi, không hề bị bệnh, còn đứng hết 3 ngày đợi sự phụ của ông là lão Hoà thượng Đế Nhân đến lo hậu sự. Lão Hoà thượng Đế Nhân thường hay tán thán ông đã làm ra tấm gương tốt cho mọi người. Ông không biết chữ, không có đi học, cả đời làm nghề vá nôi vá chén. Nghề nghiệp này hiện tại không còn, loại nghề nghiệp này lúc tôi còn nhỏ vào thời kỳ kháng chiến vẫn còn. Trong khoảng thời kỳ kháng chiến, ở làng quê nông thôn, nôi bị bể, chén bị bể, tách bị bể đều không nỡ bỏ đi; gặp người vá nôi vá chén vá nó lại, sau khi vá xong vẫn có thể dùng tiếp. Nghề này sống rất là gian khổ. Ông và Pháp sư Đế Nhân là bạn cùng chơi thời thơ ấu, sanh ra lớn lên ở cùng một thôn trang. Gia cảnh của lão Pháp sư Đế Nhân tương đối tốt, cho nên lúc nhỏ lão Hoà thượng Đế Nhân được đến trường đi học. Người bạn này của Pháp sư Đế Nhân gia cảnh khó khăn, phải làm việc đồng áng từ nhỏ nên không có đi học, khi lớn lên học lấy nghề vá nôi để duy trì cuộc sống, khổ nói không ra lời. Về sau, ông đã đi tìm Pháp sư Đế Nhân; sau tìm được, ông nói với Pháp sư Đế Nhân: “Tôi muốn xuất gia”. Pháp sư Đế Nhân bảo: “Ông không nên nói đùa, ông đã hơn 40 tuổi rồi còn xuất gia gì nữa! Ông cứ ở chơi vài ngày rồi tôi sẽ đưa ông trở về”. Ông năn nỉ lão Hoà thượng Đế Nhân cho ông xuất gia. Pháp sư Đế Nhân khó xử, vì sao vậy? Ông xuất gia, việc thứ nhất là ông phải học 5 thời khoá công phu (Ngũ đường công khóa), vì ông một chữ cũng không biết, tuổi tác ông lại lớn như vậy thì 5 thời khoá công phu làm sao mà học cho thuộc? 5 thời khoá công phu không thuộc thì ông không thể ở trong chùa được. Học giảng Kinh cũng không được. Ông vẫn tha thiết muốn xuất gia. Sau cùng, Pháp sư Đế Nhân nghĩ ra một cách, Ngài nói: “Tôi có một

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

điều kiện, ông có thể đáp ứng hay không? Nếu ông đồng ý thì tôi nhận cho ông xuất gia, nếu ông không đồng ý thì ông nên đi về”. Ông ấy nói: “Ngài nói đi, tôi đều đồng ý; Ngài dạy tôi làm như thế nào thì tôi làm như thế đó”. Con người này rất thành thật, ông là loại người thành thật. Hoà thượng Đế Nhân nói: “Tốt! Ông tuân thủ điều kiện của tôi, tôi cạo đầu cho ông. Ông không nên ở trong chùa, ở trong chùa người ta sẽ coi thường ông, chính ông sẽ cảm thấy khó chịu”. Vào lúc đó, họ ở Ninh Ba - Chiết Giang, ở dưới quê còn có rất nhiều chùa nhỏ và chùa nát không có người ở. Hoà thượng Đế Nhân nói: “Tôi tìm một cái chùa nhỏ nát cho ông ở, ông nên ở trong cái chùa nhỏ nát đó. Tôi sẽ tìm một hai tin đồ ở gần đó chăm lo cuộc sống hàng ngày cho ông, ông chỉ niệm một câu ‘Nam Mô A Mi Đà Phật’, chỉ niệm một câu Phật hiệu này; niệm mệt rồi thì ông nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi thì ông tiếp tục niệm”. Ngài chỉ có dạy cho ông ấy một phương pháp như vậy. Ngài nói: “Tuong lai, ông sẽ có được điều rất tốt”. Con người này quả là thành thật, ông cũng không cần hỏi Pháp sư Đế Nhân là được điều rất tốt gì, Ngài dạy tôi niệm một câu Nam Mô A Mi Đà Phật thì tôi niệm, tôi cảm thấy như vậy cũng là rất tốt rồi. Niệm Phật mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi thì tiếp tục niệm Phật, lão Hoà thượng Đế Nhân chỉ có dạy ông một Pháp môn như vậy. Ông thật sự nghe lời, ông niệm Phật 3 năm không ra khỏi cửa. Ông ở trong chùa nhỏ nát đó 3 năm không ra khỏi cửa, chỉ niệm một câu Nam Mô A Mi Đà Phật. Hoà thượng Đế Nhân tìm được một bà cụ ở dưới quê, cũng là một người học Phật, giặt quần áo cho ông, lo cho ông cơm nước buổi trưa và buổi tối, còn sáng sớm thì ông tự lo. Ông ở trong chùa nhỏ nát niệm Phật được 3 năm thì một hôm nọ ông nói với bà cụ: “Buổi trưa ngày mai, bà không cần phải nấu cơm cho tôi đâu, tôi đi vào thành để thăm mấy người bạn một chút”. Đến ngày hôm sau, ông thật có đi vào thành thăm một số bạn bè thân thích, buổi tối quay trở về. Sau khi trở về lại, ông nói với bà cụ: “Ngày mai, bà không cần phải nấu cơm cho tôi đâu”. Trong lòng bà cụ nghĩ: “Sự phụ 3 năm nay thành thật niệm Phật không ra khỏi cửa, hôm nay đi vào thành một vòng thì có thể ngày mai lại có người mời ông ấy ăn cơm”. Bà cụ nghĩ vậy rồi không để ý đến. Thế nhưng đến ngày mai, bà cụ thấy không an tâm, bà liền đi qua xem thử sự phụ có phải lại đi khỏi chùa rồi không. Kết quả khi bà vào chùa xem thì thấy sự phụ đang đứng ở trước tượng Phật, bà gọi sự phụ nhưng không thấy trả lời, bà đến gần sự phụ tỉ mỉ quan sát thì phát hiện chết rồi. Bà giật thót cả người, từ trước đến giờ bà chưa bao giờ nghe nói người đứng mà chết. Bà vội vàng đi thông báo cho vài vị hộ pháp nữa. Những người này vừa đến thì xem thấy sự phụ này thật là cừ khôi, đứng mà ra đi, không hề bị bệnh. Họ khẩn cấp phái người đi thông báo cho Pháp sư Đế Nhân biết. Vào lúc đó không có phương tiện giao thông, phải đi bộ, từ chùa nhỏ nát nơi ông ở đi vào thành đến chùa Quán Tông, vừa đi vừa về hết 3 ngày. Họ đem việc người thợ vá nồi đứng mà vãng sanh Cực Lạc nói với Pháp sư Đế Nhân. Pháp sư Đế Nhân lập tức lên đường, đi cũng hết 3 ngày. Khi đến nơi, lão Hoà thượng Đế Nhân xem thấy ông ấy thật đang đứng nơi đó, tay còn nắm lại rất chặt, có tro bếp dính trên tay. Ngài mở tay ông ấy ra thì thấy trong tay ông ấy có 8 đồng tiền

NEU MUON PHAT PHAP HUNG, DUY CHI CO TANG KHEN TANG!

Đại Dương nên nghĩ rằng đại khái lúc trước làm nghề vá nôi cũng kiếm được một ít tiền, bởi vì chùa nhỏ nát không có nơi cất giữ tiền nên ông cất nó trong đồng tro bếp. Số tiền ông nắm trong tay để làm gì? Pháp sư Đế Nhân nghĩ nhất định là giúp ông lo hậu sự sau khi vãng sanh Cực Lạc. Bạn xem, ông chính mình rất rõ ràng tường tận, ông không làm phiền sư phụ. Pháp sư Đế Nhân rất là tán thán, khen ngợi công phu tu hành của ông: “Ông giỏi lắm, ông xuất gia thật không uổng phí, đại Pháp sư giảng Kinh thuyết Pháp, trụ trì của danh sơn cô sát,... cũng chẳng bằng được ông. Ông đã làm ra tấm gương tốt cho người đời”. Đây gọi là thật sự Tinh Tấn Ba-La-Mật! Một câu Nam Mô A Mi Đà Phật, một Pháp môn Tịnh Độ thâm nhập, huân tu lâu dài.

(Trích lược ý từ “Tu Hoa Nghiêm áo chỉ vọng tận hoàn nguyên quán” giảng năm 2009 - Tập 25 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

---o0o---

**Lời phụ: “BIẾT ĐƯỢC NHIỀU CHUYỆN THÌ PHIỀN NÃO CÀNG NHIỀU
QUEN BIẾT NHIỀU NGƯỜI THÌ THỊ PHI CÀNG NHIỀU”**

Ân sư Thích Tịnh Không đã hơn 60 năm không xem tivi, không đọc báo chí, không nghe tin tức truyền thanh, v.v...

Trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ - Phẩm thứ 2 - Đức tuân Phổ Hiền: Hiền Hộ Bồ Tát làm thượng thủ trong hàng Bồ Tát tại gia tham dự Pháp hội, Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát có địa vị tương đương với Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, v.v... lấy danh hiệu Biểu Pháp của Ngài làm đề mục học tập quan trọng nhất cho chúng ta. Chúng ta tu Tịnh Độ muốn đi đến ngày thành tựu, nắm chắc phần vãng sanh Cực Lạc thì điều quan trọng nhất là phải biết bảo hộ Đạo Nghiệp của chính mình. Chính là ngoài việc niệm danh hiệu A Mi Đà Phật, đọc Kinh Vô Lượng Thọ, đọc Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ và nghe giảng bộ Kinh này thì không được bèn mảng vào đạo tràng của ma vương Ba-tuần! Chúng ta có bảo hộ được Đạo Nghiệp của chính mình khiến bản thân mình thành tựu thì mới có năng lực gánh vác gia nghiệp của Như Lai, hộ trì Chánh Pháp cứu trụ thế gian và phổ độ chúng sanh. Chúng ta không bảo hộ được bản thân mình thì không còn gì đáng để nói nữa.

Ân sư thường dạy rằng: “Đây là thời đại dân chủ, họ có quyền phát sóng, chúng ta có quyền không xem!”.

Chúng ta trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật được mấy tiếng đồng hồ, đọc Kinh Vô Lượng Thọ, nghe Ân sư giảng Kinh Vô Lượng Thọ, v.v... khá thanh tịnh, có chút công phu Định lực nhỏ nhất định; sau đó chúng ta lại đi xem một bộ phim bạo lực sắc tình hay xem một game show truyền hình hay đọc báo trên Internet, v.v... thì công phu Định lực nhỏ hoàn toàn bị những thứ ô nhiễm kia phá nát.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chúng tôi học tâm gương của Ân sư Tịnh Không, đã nhiều năm rồi chúng tôi không xem tivi, không nghe nhạc, không xem phim, không đọc báo, không chơi mạng xã hội như Facebook, Youtube,... Chúng tôi dùng mạng Internet, tivi,... để học Tịnh Độ, hoằng truyền Tịnh Độ và làm việc kiếm sống. Từ lúc không có những thứ này quá nhiều, cuộc sống của chúng tôi cảm thấy rất yên bình, rất an ổn, đích thực công phu niệm Phật ngày càng tiến bộ. Chúng tôi cảm nhận sâu sắc lời dạy của Ân sư là vô cùng chính xác: “Biết được nhiều chuyện thì phiền não càng nhiều. Quen biết nhiều người thì thị phi càng nhiều”. Phiền não, thị phi của chúng ta đầy dẫy thì làm sao tu được tâm thanh tịnh?

Hiện nay, các đạo tràng dù xây dựng trên núi cao cũng có tivi và mạng Internet; smartphone phổ biến khắp mọi nơi. Người học Phật nếu ngày ngày đi vào đạo tràng của Ba-tuần nghe họ rao giảng ma kinh giết, trộm, dâm, dối thì rất dễ dàng bị hủy sạch công phu tu hành; khẳng định nơi tái sinh sau khi mất thân người là 3 ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chúng ta học Phật phải có tâm hết sức cảnh giác, chuyện này không phải chuyện đùa giỡn.

---o0o---

KHOA HỌC KỸ THUẬT CÀNG PHÁT TRIỂN

Chúng tôi chỉ tính người niệm Phật của Tịnh Độ Tông, người niệm Phật rất nhiều nhưng đối với đạo lý Tịnh Tông, phương pháp Tịnh Tông chân thật tin tưởng mà không hề hoài nghi lại được bao nhiêu người? Nếu dùng điều kiện này để nói, có thể không đến 700.000 người; so với 1,3 tỷ người của Trung Quốc liền kém rất xa. Lại phải nói đến vãng sanh Cực Lạc, vãng sanh Cực Lạc mới được tính vào; không thể vãng sanh Cực Lạc thì không được tính. Trong 700.000 người này, được mấy người thật sự vãng sanh Cực Lạc?

Phật nói trong Kinh: “Thân người khó có được, Phật Pháp khó được nghe”; người gặp và tin được Phật Pháp chân thật không dễ dàng. Trong số người gặp và tin được Phật Pháp có bao nhiêu người gặp và tin được Đại Thừa Phật Pháp. Trong số người gặp và tin được Đại Thừa lại có bao nhiêu người gặp và tin được Tịnh Độ Tông; gặp và tin được Tịnh Tông giống như trúng độc đặc vậy. Tại vì sao? Vì phạm phu một phẩm phiền não cũng chưa đoạn mà ngay một đời này đi chứng quả Phật viên mãn! Họ thật sự đem giáo lý Tịnh Tông hiểu cho tường tận, thâm nhập Kinh Tạng; thâm nhập Kinh Tạng của Tịnh Độ là 5 Kinh và 1 Luận. Họ hiểu rất rõ ràng, hiểu rất minh bạch, không chút hoài nghi, nhất hướng chuyên niệm A Mi Đà Phật cầu sanh Cực Lạc; những người này đã không còn nhiều.

Trước đây, lão cư sĩ Lý Bình Nam - thầy tôi thường hay nhắc nhở chúng tôi: “Thế gian này, người niệm Phật như chúng ta, trong 10.000 người niệm Phật đại khái chân thật có thể vãng sanh Cực Lạc chỉ có 5 hay 3 người”.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Đó là lời nói của 60 năm trước! Ngày nay, sau 60 năm, nếu người ta hỏi tôi, tôi tính trong 10.000 người niệm Phật đại khái chân thật vãng sanh Cực Lạc chỉ có 1 hay 2 người. 60 năm trước có 3 đến 5 người, hiện nay chỉ có 1 đến 2 người. Tại vì sao? Càng về sau tu hành càng khó khăn, hoàn cảnh quấy nhiễu quá nghiêm trọng, bạn không vượt qua được, bạn không buông xả được. Sự quấy nhiễu của 60 năm trước so với hiện nay là nhẹ hơn rất nhiều! 60 năm trước, lúc đó Trung Quốc vẫn chưa phổ biến tivi, thậm chí đến điện thoại cũng không có, điện thoại di động còn chưa được phát minh ra, truyền đạt tin tức rất không thuận tiện.

Vì thế, chúng ta biết rằng khoa học kỹ thuật càng phát triển thì vãng sanh Cực Lạc càng khó khăn. Sức quấy nhiễu của nó quá lớn!

(Trích lục ý từ “Tịnh Độ Đại Kinh khoa chú” giảng năm 2014 - Tập 36 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

Phải học tùy duyên chứ không nên đi phan duyên. Tùy duyên diệu dụng!

THUẬN CẢNH KHÔNG THAM ÁI

NGHỊCH CẢNH KHÔNG OÁN HẬN

TRONG TÂM CHỈ CÓ MỘT CÂU “A MI ĐÀ PHẬT”

- Ân sư Thích Tịnh Không khai thị -

PHÀM PHU VÌ SAO LẠI KHỔ NHƯ THẾ?

Một hạt vi trần nhỏ bé nhất có thể hàm chứa dung nạp tất cả biến pháp giới hư không giới, đây là công đức của Chân Tâm, là cảnh giới Hoa Nghiêm Lý - Sự vô ngại, Sự - Sự vô ngại. Tự Tánh có thể hình dung bằng hai câu: “Kỳ đại vô ngoại. Kỳ tiểu vô nội”.

Hiện nay, chúng ta nơi nơi đều có chướng ngại. Chướng ngại này từ đâu đến? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tạo thành; thoát khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không còn chướng ngại. Chúng ta mỗi ngày đều nói phải buông xuống, buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng đến khi gặp hoàn cảnh thực tế thì lại không làm được; vừa đụng chuyện thì lập tức khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; không buông xuống được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đây chính là nguyên nhân khổ của chúng ta!

Khi giảng Kinh, lão Pháp sư Tịnh Không từng nói: “Đời người vì sao lại khổ như thế?”, chính vì câu nói ấy mà tôi đã nghiêm túc nghe giảng bộ Kinh này. Tôi đã tìm được đáp án. Vì sao lại khổ như vậy? Lão Pháp sư nói: “Bởi vì quý vị đem cái

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

giả cho rằng cái giả là có thật, sau đó quý vị lại khờ sờ truy cầu cái giả này. Truy cầu được rồi cũng khờ mà truy cầu không được cũng khờ!”. Đã là đồ giả thì làm sao quý vị truy cầu cho được chứ! Đồ giả này là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mang đến cho chúng ta. Đồ giả thì truy cầu được hay không truy cầu được cũng đều là giả!

(Trích lục ý từ bài giảng Kinh Vô Lượng Thọ - tập 10, giảng 18/3/2018, cư sĩ Lưu Tố Vân chủ giảng)

---o0o---

ĐẢM BẢO MỘT NIỆM SAU CÙNG LÚC LÂM CHUNG LÀ “A MI ĐÀ PHẬT”

Làm thế nào chúng ta có thể đảm bảo bản thân mình một niệm sau cùng là A Mi Đà Phật? Đây là vấn đề quan trọng nhất của chúng ta hiện nay. Chúng ta ở niệm Phật đường niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, tại sao vậy? Huấn luyện, luyện tập, hy vọng lúc sắp mạng chung có thể dùng được. Nhưng sự thật cho chúng ta thấy, rất nhiều người lúc sắp mạng chung bị bệnh ngặt, rơi vào hôn mê, không biết gì cả,... thì làm thế nào? Đây là ngưỡng cửa nguy hiểm nhất! Con người ở trong tình trạng này dù trợ giúp niệm Phật cũng không thể giúp được, cho nên không thể không có phước.

Phước là thường ngày chúng ta phải tu tích, tích lũy công đức, đây là tu phước. Tích đức chính là giữ tâm tốt, niệm niệm đều vì lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội. Tích công chính là làm việc tốt, nói lời hay. Mong điều gì vậy? Chẳng mong điều gì cả, chỉ mong lúc sắp mạng chung tinh thần thật tỉnh táo, thật sáng suốt, không điên đảo, không bị mê hoặc, đây là đại phước báo!

Lúc còn sống hưởng hết vinh hoa phú quý, phước báo đã hưởng hết rồi, khi sắp mất sẽ không có phước báo. Chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì chúng ta ở trong một đời phải học đại Thánh đại Hiền: đời sống phải tiết kiệm, phải giản dị. Phước báo chúng ta tích lũy được đến lúc sắp lâm chung hãy hưởng thụ.

Bình thường, người không biết tích lũy công đức, chỉ biết ham mê hưởng thụ, không cần nói đến lúc sắp mạng chung mà lúc về già khi phước báo đã hưởng hết rồi thì đời sống tuổi già vô cùng bần hàn, không có ai chăm sóc. Thậm chí, chúng ta cũng thường nghe nói có một số người già đã chết trong nhà mấy ngày rồi hàng xóm mới phát hiện ra. Bạn thấy điều này đáng thương biết bao! Lúc sắp mạng chung bản thân biết rõ, không đau bệnh, có đồng tu tốt tiền đưa, trợ niệm Phật giúp bạn, đây đích thực là đại phước báo. Sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, điều này trong Kinh đã nói rất rõ ràng, đây mới chân thật là phước báo đệ nhất!

(Trích lục ý từ bài giảng “Kinh Vô Lượng Thọ” năm 1998 - Tập 105 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Chú thích:

* Buông xuống là luận ở tâm, không luận ở tướng. Buông xuống nghĩa là buông xả sạch sẽ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ở trong tâm; không phải là nói chúng ta đem toàn bộ công việc, gia đình,... bỏ hết đi; việc cần phải làm thì chúng ta nhất định vẫn phải đi làm, phải tận tâm tận lực mà làm cho tốt nhưng không được để ở trong tâm; trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu “A Mi Đà Phật”. Phật Pháp không lìa thế gian pháp, không lìa thế gian pháp mà chứng Phật Pháp. Hoa sen báu của Phật là nở từ trong lửa, không nở từ trong nước. Lửa ngũ dục lục trần thiêu đốt thân tâm mỗi ngày, chúng ta ở trong lửa dục mà vẫn trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác, đây là bảo liên hoa Cực Lạc. Nếu chúng ta đem toàn bộ công việc, gia đình,... bỏ hết đi nhưng trong tâm vẫn cứ là tham, sân, si, mạn, nghi, tật đố, tài, sắc, danh, thực, thù, ... đủ thứ ô nhiễm thì đây là giả buông xuống, đây không phải công phu tu hành chân thật.*

---o0o---

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ tâm không giết hại (nên ăn chay trường hoặc ăn chay kỳ, nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu Thập Thiện Nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác độc; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si).

Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hoà, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết bổn phận của ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là “thiện nhân”.

Người lành (thiện nhân) niệm Phật cầu sanh Cực Lạc chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật nên cảm ứng được Phật từ (lực) tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật nhưng tâm chẳng nương theo Đạo; hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó có thể vãng sanh. Do tự tâm (kẻ ấy) phát sanh ra chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ bi tiếp dẫn cho được.

(Trích từ sách “**Ấn Quang Pháp sư Văn Sao tục biên**” - **Quyển thượng: Một lá thư gửi khắp**)

---o0o---

**Lời phụ: TU HÀNH BỊ XEN TẠP - BỊ GIÁN ĐOẠN LÀ DO CÓ TÂM HOÀI
NGHI. HOÀI NGHI - XEN TẠP - GIÁN ĐOẠN THÌ TU HÀNH KHÔNG THỂ NÀO
THÀNH TỰU!**

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Ân sư Thích Tịnh Không giảng vì hành giả có hoài nghi cho nên không tin Pháp môn mình đang tu học, không tin thầy của mình, cho đến nghi ngờ luôn Thích Ca Mâu Ni Phật và A Mi Đà Phật. Vấn đề rắc rối liền nảy sinh, họ sẽ hành trì rất tạp rất loạn, họ tu hành cả một đời đến sau cùng vẫn không có thành tựu gì đáng kể.

Vì có sự hoài nghi Pháp môn đang học nên họ tự cho rằng phải học thêm Pháp môn khác mới tốt: tu Tịnh Độ thấy chưa ổn thì học thêm Mật, vẫn thấy chưa ổn thì học thêm Thiền,... Họ đứng ở ngã hai đường, ngã ba đường,... không biết đi đường nào! Vì có sự hoài nghi thầy của mình nên họ tìm thêm nhiều vị thầy khác để nghe giảng, họ càng nghe giảng nhiều lại càng hoài nghi thêm.

Ba trọng yếu của việc tu hành là “Không hoài nghi - Không xen tạp - Không gián đoạn”. Nếu có hoài nghi thì chắc chắn sẽ tu xen tạp, tu tạp tu loạn rồi thì công phu liền bị gián đoạn, không có Tinh Tấn thì không thể đắc Thiền Định, không thể khai Trí Huệ. Bồ Tát tu hành Lục Độ Ba-La-Mật theo thứ lớp: Bồ Thí được mới Trì Giới được, Trì Giới được mới Nhẫn Nhục được, Nhẫn Nhục được mới Tinh Tấn được, Tinh Tấn được mới đắc Thiền Định, đắc Thiền Định mới khai Trí Huệ. Ba-La-Mật sau bao hàm Ba-La-Mật trước, Ba-La-Mật trước làm tiền đề tu hành cho Ba-La-Mật sau. “Tinh” trong Tinh Tấn nghĩa là chuyên nhất mà không tạp loạn.

Hành giả sau khi đã đắc Căn Bản Trí, tức là dụng công tu hành nơi một Pháp môn duy nhất đạt được Đại Triệt Đại Ngộ rồi thì họ có năng lực tham học tất cả Pháp môn khác; vừa học liền có thể thông đạt tất cả, đây gọi là Hậu Đắc Trí. Tổ sư Đại đức đời đời đều là dạy chúng ta phải: “Một môn thâm nhập, huân tu lâu dài”, đây là Tinh Tấn Ba-La-Mật. Bất luận dù hành giả tu Thiền Tông hoặc tu Mật Tông hoặc tu Tịnh Độ, v.v... đều phải tuân theo nguyên tắc này; trước khi Minh Tâm Kiến Tánh nhất định không được rời khỏi thầy của mình và không được chuyển hướng sang Pháp môn khác.

Nếu hành giả hôm nay niệm Phật, tháng sau tham Thiền, năm tới trì chú, v.v... thì đây không phải Tinh Tấn Ba-La-Mật mà là tạp tấn, loạn tấn. Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử sau khi đắc Căn Bản Trí nơi Pháp môn niệm Phật thì Ngài mới rời thầy Ngài là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đi khắp nơi tham học lần lượt 53 lần. Tổ sư Đại đức các Tông đi tham học đều giống như Thiện Tài.

---o0o---

TỊNH NGHIỆP TAM PHƯỚC

“Tịnh Nghiệp Tam Phước” chính là trì Giới, nhất là điều thứ nhất: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp”; chúng ta có làm được hay không?

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Nếu như điều thứ nhất này mà không làm được, một ngày bạn niệm đến mười vạn (100.000) danh hiệu Phật, một ngày lay đến ba ngàn (3.000) cái đập đầu đều không thể vãng sanh Cực Lạc! Tôi nói với quý vị lời này là nói lời chân thật!

Vì sao vậy? Thế Tôn nói với chúng ta rất rõ ràng, tây phương Cực Lạc thế giới là nơi “chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”; cho nên chính chúng ta phải đem chính mình dưỡng thành người thượng thiện thì mới có điều kiện làm bạn đồng tu với đại chúng thế giới tây phương Cực Lạc. Họ là thượng thiện còn chúng ta là thượng ác, vậy thì làm sao ở chung được!

A Mi Đà Phật có từ bi hơn, Phật kéo quý vị đến nơi đó, quý vị xem thấy những người thượng thiện đều không vừa mắt quý vị, vậy thì quý vị không thể nào vào được cõi Cực Lạc!

Không chỉ là vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, 3 điều 11 câu Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Thế Tôn nói rõ với chúng ta: “Đây là Chánh Nhân Tịnh Nghiệp của ba đời chư Phật!”; câu nói này quan trọng biết dường nào! Ba đời chư Phật là Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật tương lai.

Những người như chúng ta đây đều là Phật tương lai, không luận bạn tu học bất kỳ Pháp môn nào thì đây chính là nền tảng! Nếu không có cái nền tảng này, bạn tu học bất cứ Pháp môn gì cũng không thể thành tựu. Cho nên “Tịnh Nghiệp Tam Phước” chúng ta rất là xem trọng. Chúng ta đặc biệt đem Tịnh Nghiệp Tam Phước đề xướng, giới thiệu, giảng giải tỉ mỉ; chân thật hy vọng ngay trong một đời này đến thế giới Cực Lạc thân cận A Mi Đà Phật.

Do đó, không thể không nỗ lực làm.

(Trích lục từ bài giảng “Kinh Vô Lượng Thọ” năm 1998 - Tập 133 do Ân sư Thích Tịnh Không chủ giảng)

---o0o---

CỘNG TU HÀNH TRÌ BAN CHU TAM-MUỘI MỘT NGÀY MỘT ĐÊM TRONG NIỆM PHẬT ĐƯỜNG

Đức Phật từ bi đối với chúng ta bằng cách giải thích rõ chân tướng sự thật cho chúng ta biết. Ngài giúp chúng ta chỉ có thể giúp đến mức này, những việc sau đó phải do mình tự giải quyết lấy. Vì vậy, niệm Phật thì phải chắc thật mà niệm! Phương pháp của Kiết Tường Vân Tỳ-Kheo dùng trong Kinh Hoa Nghiêm chính là phương pháp có tên gọi Ban Chu Tam-Muội, là một phương thức tu hành niệm Phật rất tốt. Hiện nay, trong niệm Phật đường, chúng ta chia thành ba khu vực: chỉ tịnh, lay Phật và nhiễu Phật; nhiễu Phật niệm Phật tức là hành Ban Chu Tam-Muội.

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Hành Sách Đại sư có viết cuốn “Tịnh Độ tập”, phía sau có một đoạn dạy về phương pháp niệm Phật trong niệm Phật đường. Lúc chưa xem quyển sách này, tôi cũng đã nghĩ đến một phương pháp rất giống phương pháp của Ngài. Đạo tràng ngày xưa lớn, người ở đó nhiều, cho nên chia thành ba nhóm: một nhóm nhiều Phật và hai nhóm chỉ tịnh, mỗi nhóm có 4 vị Pháp sư dẫn đầu. Nhiều Phật phải niệm Phật ra tiếng, chỉ tịnh thì im lặng và trong tâm niệm Phật theo. Một nhóm nhiều Phật vài vòng xong rồi trở về chỗ cũ của mình. Nhóm thứ hai tiếp tục nhiều Phật. Phương pháp này là dành cho chúng sanh đời Mạt Pháp nghiệp chướng quá nặng, không có năng lực kinh hành trong thời gian dài; cho bạn ngồi xuống là để nghỉ mệt, cho bạn nghỉ mệt là tâm đại từ đại bi của Tổ sư.

Ban Chu Tam-Muội thực sự thì trong 90 ngày đều nhiều Phật niệm Phật, chẳng được ngồi, chẳng được nằm, ngày đêm chẳng gián đoạn. Quý vị nghĩ xem ngày nay ai có năng lực tu hành như vậy chứ! Ai có thể nhiều Phật niệm Phật được đến 90 ngày! Cô đức trong Chú Giải cũng lo cho người đời sau chẳng có thể lực, chẳng đủ tinh thần nên đã giảm xuống còn 7 ngày. Họ giảm xuống thành 7 ngày, tôi lại thu ngắn chỉ còn 1 ngày. Bạn có thể trong 1 ngày không ngủ, không ngồi, không nằm; suốt 24 giờ đồng hồ chỉ nhiều Phật niệm Phật; đây chính là phương pháp tu hành Ban Chu Tam-Muội. Dụng công cả ngày trong niệm Phật đường thực sự rất mệt, khi nào mệt thì có thể ngồi xuống nghỉ mệt, chỉ nghỉ mệt một lát thôi, cảm thấy có thể đi kinh hành trở lại thì liền đứng dậy nhiều Phật tiếp; ngồi xuống là vì thân thể mỗi mệt chịu không nổi nên xin phép Phật cho nghỉ mệt, là phương pháp như vậy.

Thế nên, trong niệm Phật đường dùng nhiều Phật niệm Phật làm phương pháp chính, khi nhiều Phật phải niệm Phật ra tiếng. Chúng ta ngày nay có máy niệm Phật rất tiện lợi, chúng ta có thể niệm theo tốc độ và âm điệu của máy niệm Phật. Pháp khí thì chỉ cần một người dẫn khánh và gõ khánh vào lúc niệm chữ “Đà” trong câu “A Mi Đà Phật”. Hiện nay, phần đông người ta gõ hai tiếng khánh vào hai chữ “A” và “Đà”; trên thực tế chỉ cần gõ khánh vào chữ “Đà”. Đích thật rất tiện lợi, như vậy mới dễ nhiếp tâm, mới thực sự làm được “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”. Chẳng có hoài nghi, chẳng có xen tạp thì niệm của bạn sẽ tịnh. Tiếp nối tức là niệm Phật chẳng bị đứt đoạn, miệng tạm ngừng không niệm ra tiếng nhưng trong tâm vẫn niệm Phật chẳng ngừng.

Nếu có thể huấn luyện trong một thời gian dài, lại được Tam Bảo gia trì, tôi tin tưởng thân thể bạn sẽ ngày càng khỏe mạnh, ngày càng cường tráng, tinh thần ngày càng sung mãn, mặt mày ngày càng trang nghiêm, đây là đạo lý nhất định. Hiệu quả học Phật phải từ đây mà nhìn, mới nắm chắc sự vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới.

(Trích lược ý từ bài khai thị của Ân sư Thích Tịnh Không)

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

Lời phụ: TỰ MINH HÀNH TRÌ BAN CHU TAM-MUỘI MỘT NGÀY MỘT ĐÊM

Phân khai thị tu Ban Chu Tam-Muội một ngày một đêm là Đại lão Hòa thượng Tịnh Không đang khai thị cho niệm Phật đường, nơi này có nhiều đồng tu ở cùng nhau để cộng tu, chia thành 3 nhóm. Vì vậy, Ngài mới dạy nhóm nhiều Phật niệm Phật bắt buộc phải niệm ra tiếng. Vì sao? Vì nhóm nhiều Phật có niệm Phật ra tiếng thì nhóm chỉ tịnh và nhóm lạy Phật mới nghe được âm thanh Phật hiệu mà niệm theo (2 nhóm này đều niệm Phật thầm trong tâm). Nếu chư vị đồng tu ở riêng một mình để hành trì Ban Chu Tam-Muội thì nhiều Phật niệm Phật không nhất thiết phải niệm ra tiếng; niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng hay niệm thầm đều được. Một số đồng tu xem được đoạn khai thị này nhưng không biết Ân sư đang khai thị cho niệm Phật đường, lại xem thấy đức Phật nói niệm Phật lớn tiếng có nhiều công đức thì cố sức lúc nào cũng niệm Phật ra tiếng lớn trong thất. Niệm Phật lớn tiếng liên tục nhiều ngày rất dễ bị tổn thương khí lực sanh bệnh. Chữ “niệm 念” trong tiếng Hán không có “bộ khẩu 口”, nghĩa là không liên quan đến miệng có phát ra tiếng hay không ra tiếng; mà gồm chữ “tâm 心” ở dưới và chữ “bây giờ 今” ở trên. Chữ “niệm Phật 念佛” nghĩa là: “Bây giờ, trong tâm, có Phật!”. Vì vậy, niệm Phật là dùng tâm niệm.

Chúng ta trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật là phải dùng tâm để trì niệm, không liên quan đến việc miệng chúng ta có phát ra âm thanh hay không phát ra âm thanh. Trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật là chúng ta phải dùng tâm phát khởi lên âm thanh câu Phật hiệu A Mi Đà Phật và phải dùng tâm để nghe (tiếng lòng, tiếng trong tâm) cho thật rõ ràng âm thanh của từng chữ trong câu Phật hiệu A Mi Đà Phật phát ra: âm thanh chữ A, âm thanh chữ Mi, âm thanh chữ Đà, âm thanh chữ Phật. Đại sư Ấn Quang dạy trong Pháp Thập Niệm Ký Số là khi chúng ta niệm Phật trong tâm dù bên ngoài miệng không có cử động nhưng trong tâm vẫn phải có tướng khẩu hình của miệng đang cử động: chữ A thì khẩu hình miệng là thế này, chữ Mi thì khẩu hình miệng là thế này, chữ Đà thì khẩu hình miệng là thế này, chữ Phật thì khẩu hình miệng là thế này. Khi niệm Phật, tâm chúng ta có tướng khẩu hình của miệng đang cử động là vẫn đang dùng tâm để niệm Phật chứ không phải dùng miệng. Tướng khẩu hình của miệng có liên quan đến thiết căn - một trong sáu căn của chúng ta.

Ân sư Tịnh Không dạy khi chúng ta niệm Phật ra tiếng thì chúng sanh hữu tình và vô tình xung quanh chúng ta sẽ nhận được lợi ích rất lớn; niệm Phật trong tâm thì chỉ những chúng sanh nào có khả năng thấy được hào quang của chúng ta phát ra khi niệm Phật mới được lợi ích; là tự lợi - lợi tha.

Chú thích:

* **Kinh Ban Chu Tam-Muội** do Bạt-Đà-Hòa Bồ Tát thừa hỏi đức Thế Tôn, Ngài chính là Hiền Hộ Bồ Tát được nói đến trong Kinh Vô Lượng Thọ.✽

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!

CHÚ THÍCH NGHĨA KINH VẤN:

BÀI GIẢNG KINH VÔ LƯỢNG THỌ CỦA CƯ SĨ LƯU TỔ VÂN

[Vì duyên làm công tác này đến đây là mãn phần, đây là duyên của chúng sanh hiện tại, nên Đạo tràng Chúng Cư Sĩ Diệu Âm chúng tôi xin hoàn tất công việc ở đây.

Chúng tôi thấy dù chú thích nhiều từ hơn nữa thì các đồng tu vẫn gặp khó khăn khi hiểu nghĩa kinh văn, chỉ bằng đem toàn bộ bài giảng kinh Vô Lượng Thọ của cô Lưu Tổ Vân để vào sẽ hay hơn, có lẽ chỉ khoảng trên dưới 500 trang nữa. Một quyển sách 1000 trang đầy đủ thông tin thiết yếu tu Tịnh Độ cũng không phải là nhiều. Hơn nữa, hiện tại có nhiều người vẫn thích đọc sách hơn xem video, đây là căn cơ của họ khế hợp vì xem video nhiều hại mắt nên họ muốn đọc sách.

Nay chúng tôi kính gửi đến thầy Thích Thiện Trang tôn kính cùng chư vị đồng tu file cuối cùng này, nếu quyển sách này thật sự đem lại thiết thực hữu ích cho chư vị đồng tu thì nhờ thầy và Ban Biên Dịch Hoa Tạng Huyền Môn vui lòng hoàn tất phần sau cùng này. Sau khi hoàn tất xin hoan hỷ gửi lại cho chúng tôi một bản để đem đi in ấn, thầy Thiện Trang đăng ký bản quyền như lần đầu đã trao đổi với thầy.

Chú thích của chúng tôi nhiều, công phu tu hành cùng cảnh giới tu hành của chúng tôi quá thấp kém nên chắc chắn không thể tránh khỏi sai sót, mong thầy và các đại đức hữu duyên góp ý chỉnh sửa cho hoàn thiện tận mỹ.

Quyển sách này nếu có thành tựu thì không phải công đức của chúng tôi, bọn hạ phạm như chúng tôi không làm được, đều nhờ chư Phật gia trì và công đức đều bình đẳng chia cho rất nhiều chư vị đồng tu và các bậc đại đức như thầy Thiện Trang, dịch giả Vọng Tây, dịch giả Diệu Âm,... và các bạn đồng tu khác. Công đức đều viên mãn.

Kính chúc thầy Thiện Trang cùng các bạn đồng tu thân tâm thường lạc, tinh tấn trên đường về Cực Lạc.]

NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, DUY CHỈ CÓ TẶNG KHEN TẶNG!